

Canon

EOS 5D **Mark IV**

EOS 5D Mark IV (WG)



Máy ảnh

Chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây) (Cơ bản)



**HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG**

Canon

EOS 5D Mark IV

EOS 5D Mark IV (WG)

Hướng dẫn sử dụng máy ảnh

Giới thiệu

EOS 5D Mark IV là loại máy ảnh kỹ thuật số phần xạ ống kính đơn được trang bị cảm biến CMOS full-frame (toàn khung hình) (khoảng 36,0 x 24,0 mm) với độ phân giải hình ảnh hiệu dụng khoảng 30,4 megapixel, chip xử lý DIGIC 6+, phạm vi tốc độ ISO bình thường là ISO 100 - ISO 32000, khung ngắm bao phủ khoảng 100% khuôn hình, hệ thống lấy nét tự động 61 điểm với độ chính xác và tốc độ cao (lên tới 41 điểm lấy nét chữ thập), tốc độ chụp liên tục tối đa khoảng 7,0 hình/giây, màn hình LCD 3,2 inch, chụp ảnh RAW pixel đôi, chụp Live View, quay phim 4K, quay phim HD tốc độ khung hình cao (119,9p/100,0p), lấy nét tự động CMOS pixel đôi, chức năng Wi-Fi/NFC (giao tiếp không dây) và chức năng GPS.

Trước khi bắt đầu chụp, đảm bảo đọc kỹ những điều sau

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.22-24) và phần “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.25-27). Ngoài ra, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này để bảo đảm sử dụng máy ảnh đúng cách.

Tham khảo Hướng dẫn sử dụng khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Việc này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh. Cất giữ hướng dẫn sử dụng cẩn thận để tham khảo lại khi cần.

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra xem ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh xuống máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Luật bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh chụp người hoặc chủ thể cụ thể cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh
(kèm nắp thân máy)



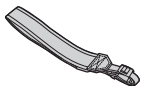
Vành đỡ mắt Eg



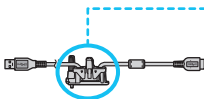
Pin
LP-E6N
(kèm nắp bảo vệ)



Sạc pin
LC-E6E*



Dây đeo to bản



Cáp nối
IFC-150U II



Đầu giữ cáp

* Sạc pin LC-E6E được đi kèm với máy ảnh. (Có kèm theo dây nguồn.)

- Lắp vành đỡ mắt Eg vào thị kính của khung ngắm.
- Nếu bạn mua bộ kèm ống kính, kiểm tra để đảm bảo có ống kính đi kèm.
- Tùy thuộc vào loại bộ kèm ống kính có thể kèm theo Hướng dẫn sử dụng ống kính.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.



Tài Hướng dẫn sử dụng ống kính từ trang web của Canon nếu cần (tr.4).
Hướng dẫn sử dụng ống kính (PDF) chỉ dành cho các ống kính bán riêng. Lưu ý rằng khi mua bộ kèm ống kính, một số phụ kiện đi kèm với ống kính có thể không khớp với danh sách được liệt kê trong Hướng dẫn sử dụng ống kính.

Kết nối với thiết bị ngoại vi

Khi kết nối máy ảnh với máy tính, v.v..., sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon khác. Khi kết nối với cáp nối, sử dụng cả đầu giữ cáp đi kèm (tr.38).

Hướng dẫn sử dụng



Hướng dẫn sử dụng cơ bản

Tải xuống Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF)

Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) về máy tính hoặc các thiết bị tương tự từ trang web của Canon.

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh (PDF này)
- Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)
▶ <https://vn.canon/vi/support/manual>

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ.
Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng (lúc ban đầu) trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn (tr.73).

- **Thẻ CF (CompactFlash)**
* Loại I, hỗ trợ UDMA Mode 7.
- **Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC***
* Có hỗ trợ thẻ UHS-I.

Những thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, sử dụng thẻ dung lượng lớn với hiệu năng đủ tốt (tốc độ đọc và ghi đủ nhanh) để xử lý chất lượng ghi phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 360.

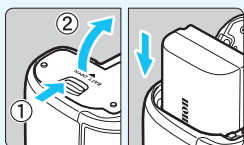


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ CF” dùng để chỉ thẻ nhớ CompactFlash và từ “thẻ SD” chỉ thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC. Tất cả thẻ nhớ dùng để quay phim và chụp ảnh được gọi chung là “thẻ”.

*** Máy ảnh không kèm theo thẻ để ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

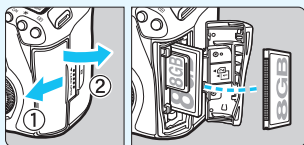
1



Lắp pin (tr.44).

- Để sạc pin, tham khảo trang 42.

2

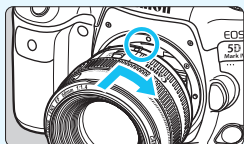


Lắp thẻ (tr.45).

- Khe cắm phía trước máy ảnh để cắm thẻ CF và khe phía sau để cắm thẻ SD.

* Bạn chỉ có thể chụp ảnh khi có thẻ CF hoặc SD lắp trong máy.

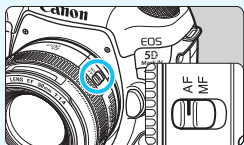
3



Lắp ống kính (tr.55).

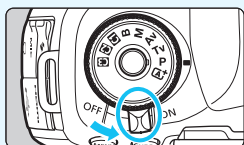
- Điều chỉnh cho vạch đỏ của ống kính trùng với vạch đỏ trên máy ảnh để lắp máy ảnh.

4



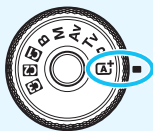
Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.55).

5



Đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.49).

6



Nhấn giữ nút trung tâm của nút xoay chế độ, đồng thời đặt nút xoay chế độ thành $\langle A^+ \rangle$ (Tự động nhận cảnh thông minh) (tr.35).

- Tất cả thiết lập cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động cài đặt.

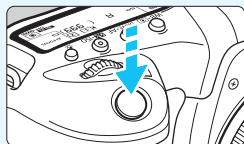
7



Lấy nét chủ thể (tr.58).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.

8



Chụp ảnh (tr.58).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9



Xem ảnh.

- Ảnh vừa chụp sẽ hiển thị trong khoảng 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút $\langle \text{play} \rangle$ (tr.398).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo phần “Chụp Live View” (tr.301).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo phần “Xem lại ảnh” (tr.398).
- Để xóa ảnh, tham khảo phần “Xóa ảnh” (tr.443).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

-  : Biểu thị nút xoay chính.
-  : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.
-  : Biểu thị nút chọn vùng AF.
-  : Biểu thị nút điều khiển đa năng.
-  : Biểu thị nút thiết lập.
-  4/6/8/10/16 : Biểu thị từng chức năng vẫn tiếp tục hoạt động trong khoảng 4 giây, 6 giây, 8 giây, 10 giây hoặc 16 giây sau khi nhấn nút chức năng.

* Ngoài ra, các biểu tượng và ký hiệu sử dụng trên nút máy ảnh và hiển thị trên màn hình LCD cũng được sử dụng trong hướng dẫn này khi đề cập đến các thao tác và chức năng liên quan.

-  : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút <MENU> để thay đổi thiết lập.
-  : Biểu tượng này ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chức năng chỉ có thể sử dụng trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc .

(tr.**): Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.

 : Cảnh báo để tránh vấn đề trục trặc khi chụp ảnh.

 : Thông tin bổ sung.

 : Gợi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.

 : Hướng dẫn giải quyết vấn đề trục trặc.

Giả định cơ bản

- Tất cả thao tác được giải thích trong hướng dẫn giả định rằng công tắc nguồn đã đặt thành <ON> và công tắc <LOCK▶> được gạt sang trái (Nhả khóa đa chức năng) (tr.49, 62).
- Giả định tất cả thiết lập menu và chức năng tùy chỉnh đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong hướng dẫn này lấy ví dụ máy ảnh lắp ống kính EF50mm f/1.4 USM.

Chương

	Giới thiệu	2
1	Hướng dẫn ban đầu và thao tác máy ảnh cơ bản	41
2	Chụp cơ bản	95
3	Thiết lập Kiểu chụp và AF	101
4	Thiết lập ảnh	167
5	Thiết lập GPS	231
6	Thao tác nâng cao cho hiệu ứng ảnh	247
7	Chụp ảnh với đèn flash	289
8	Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)	301
9	Quay phim	337
10	Xem lại ảnh	397
11	Xử lý hậu kỳ ảnh	449
12	Làm sạch cảm biến	461
13	Truyền ảnh vào máy tính và đặt lệnh in	469
14	Tùy chỉnh máy ảnh	483
15	Tham khảo	527
16	Tải ảnh về máy tính / Phần mềm	609

Nội dung

Giới thiệu 2

Danh sách vật dụng	3
Hướng dẫn sử dụng	4
Thẻ nhớ tương thích	5
Hướng dẫn bắt đầu nhanh	6
Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn.....	8
Chương	9
Danh mục các tính năng	18
Cảnh báo an toàn	22
Những điều cần chú ý khi thao tác	25
Tên bộ phận	28

1 Hướng dẫn ban đầu và thao tác máy ảnh cơ bản 41

Sạc pin	42
Lắp và tháo pin	44
Lắp và tháo thẻ.....	45
Bật nguồn	49
Thiết lập ngày, giờ và múi giờ	51
Chọn ngôn ngữ giao diện	54
Lắp và tháo ống kính	55
Thao tác chụp cơ bản	57
 Điều khiển nhanh chức năng chụp	64
 Thao tác với menu	67
 Sử dụng màn hình cảm ứng để điều khiển máy ảnh	70

Trước khi bắt đầu.....	73
Định dạng thẻ.....	73
Tắt tiếng bíp.....	76
Thiết lập thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn.....	76
Thiết lập thời gian xem lại ảnh.....	77
Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh.....	77
⌘ Hiển thị khung lưới trong khung ngắm.....	84
📷- Hiển thị cân bằng điện tử.....	85
Thiết lập hiển thị thông tin trong khung ngắm.....	87
Chức năng nút INFO	89
LOCK▶ Thiết lập khóa đa chức năng.....	93
❓ Trợ giúp.....	94

2 Chụp cơ bản 95

📷+ Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh).....	96
📷+ Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh).....	99

3 Thiết lập Kiểu chụp và AF 101

AF: Chọn thao tác AF.....	102
📷 Chosen vùng và điểm AF.....	106
Chế độ chọn vùng AF.....	111
Cảm biến AF.....	115
Ống kính và điểm AF khả dụng.....	117
Chọn đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.....	129
Tùy chỉnh chức năng AF.....	138
Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động.....	155

Khi Lấy nét tự động thất bại	161
MF: Lấy nét tay	162
 Chọn kiểu chụp	163
 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ	166

4 Thiết lập ảnh 167

Chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh	168
Thiết lập chất lượng ghi ảnh	171
Thiết lập chức năng ảnh RAW pixel đôi	177
ISO: Thiết lập tốc độ ISO khi chụp ảnh	179
 Chọn kiểu ảnh	185
 Tùy chỉnh kiểu ảnh	189
 Đăng ký kiểu ảnh.....	192
WB: Thiết lập cân bằng trắng	194
 Hiệu chỉnh cân bằng trắng	200
Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản	203
Thiết lập giảm nhiễu hạt	204
Ưu tiên tông màu sáng	208
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính do đặc tính quang học.....	209
Giảm nhấp nháy	217
Thiết lập không gian màu	219
Tạo và chọn thư mục	220
Đổi tên tập tin	222
Phương pháp đánh số thứ tự tập tin	225
Thiết lập thông tin bản quyền	228

5 Thiết lập GPS 231

Tính năng GPS	232
Những điều cần chú ý khi sử dụng GPS	234
Thu tín hiệu GPS	235
Thiết lập khoảng thời gian định vị	240
Thiết lập thời gian thu được từ GPS trên máy ảnh.....	241
Ghi chép lộ trình đã đi.....	242

6 Thao tác nâng cao cho hiệu ứng ảnh 247

P : Phơi sáng tự động P	248
Tv : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	250
Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	252
M : Phơi sáng chỉnh tay	255
 Chọn chế độ đo sáng	257
 Thiết lập bù trừ phơi sáng mong muốn.....	259
 Tự động phơi sáng hỗn hợp (AEB)	261
 Khóa phơi sáng để chụp (Khóa phơi sáng).....	263
B : Phơi sáng lâu (Bulb)	264
HDR : Chụp HDR (Dải tương phản động cao)	267
 Ảnh ghép phơi sáng.....	272
 Khóa gương lật	280
Sử dụng nắp thị kính.....	282
Sử dụng công tắc điều khiển từ xa	283
 Chụp điều khiển từ xa	283
TIMER Chụp hẹn giờ ngắt quãng	285

7 Chụp ảnh với đèn flash 289

 Chụp ảnh với đèn flash	290
Thiết lập chức năng flash	293

8 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 301

 Chụp với màn hình LCD	302
Thiết lập chức năng chụp	311
Thiết lập chức năng menu	313
Chọn thao tác AF	318
Lấy nét với Lấy nét tự động (Phương pháp AF)	320
 Chụp với Chạm để chụp	331
MF: Lấy nét tay	333

9 Quay phim 337

 Quay phim	338
Quay phim phơi sáng tự động	338
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	339
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	340
Quay phim phơi sáng chỉnh tay	344
Thiết lập chức năng quay phim	353
Thiết lập chất lượng ghi phim	355
Thiết lập ghi âm	366
Thiết lập mã thời gian	369
Quay phim HDR	373
 Quay phim time-lapse	375
Thiết lập chức năng menu	383

10 Xem lại ảnh

397

 Xem lại ảnh.....	398
INFO.: Hiển thị thông tin chụp	401
 Tìm kiếm ảnh nhanh chóng	407
 Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bằng kê).....	407
 Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh).....	408
 Phóng to ảnh	410
 So sánh ảnh (Hiển thị hai ảnh)	412
 Xem lại bằng màn hình cảm ứng.....	413
 Xoay ảnh.....	415
 Bảo vệ ảnh	416
Thiết lập xếp hạng	419
 Điều khiển nhanh trong khi xem lại	422
 Thưởng thức phim	424
 Phát lại phim	426
 Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim	429
 Chụp khung hình của phim 4K.....	431
Trình chiếu (Tự động phát)	433
Xem ảnh trên TV	436
 Sao chép ảnh	439
 Xóa ảnh.....	443
Thay đổi thiết lập xem ảnh.....	446
Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD	446
Thiết lập tông màu của màn hình LCD	447
Tự động xoay ảnh dọc	448

11 Xử lý hậu kỳ ảnh 449

 RAW Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh	450
 Thay đổi cỡ ảnh JPEG	456
 Cắt ảnh JPEG	458

12 Làm sạch cảm biến 461

 Làm sạch cảm biến tự động	462
Thêm dữ liệu xóa bụi.....	464
Làm sạch cảm biến bằng tay.....	467

13 Truyền ảnh vào máy tính và đặt lệnh in 469

 Truyền ảnh vào máy tính	470
 Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF).....	475
 Chỉ định ảnh cho sách ảnh	480

14 Tùy chỉnh máy ảnh 483

Chức năng tùy chỉnh	484
Thiết lập chức năng tùy chỉnh	486
C.Fn1: Phơi sáng.....	486
C.Fn2: Phơi sáng.....	492
C.Fn3: Hiển thị / Thao tác.....	493
C.Fn4: Khác.....	495
 Điều khiển tùy chỉnh	499
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	514
Đăng ký Danh mục riêng.....	519
 Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh	524

15 Tham khảo 527

Sơ đồ hệ thống	528
Kiểm tra thông tin pin	530
Sử dụng ổ điện gia đình.....	534
📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi	536
Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp	540
Thiết lập menu	545
Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực.....	572
Mã lỗi	591
Thông số kỹ thuật	592

16 Tải ảnh về máy tính / Phần mềm 609

Tải ảnh về máy tính	610
Giới thiệu về phần mềm.....	612
Cài đặt phần mềm.....	613
Chỉ mục.....	615

Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Sạc pin → tr.42
- Mức pin → tr.50
- Kiểm tra thông tin pin → tr.530
- Ổ điện gia đình → tr.534
- Tự động tắt nguồn → tr.76

Thẻ

- Định dạng → tr.73
- Chức năng ghi → tr.168
- Chọn thẻ → tr.170
- Nhà màn trập khi không lắp thẻ → tr.46

Ống kính

- Lắp → tr.55
- Tháo → tr.56

Thiết lập cơ bản

- Ngôn ngữ → tr.54
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.51
- Tiếng bíp → tr.76
- Thông tin bản quyền → tr.228
- Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh → tr.77

Khung ngắm

- Điều chỉnh độ khúc xạ → tr.57
- Nấp thị kính → tr.282
- Cân bằng điện tử → tr.86
- Hiển thị khung lưới → tr.84
- Hiển thị thông tin trong khung ngắm → tr.87

Màn hình LCD

- Điều khiển cảm ứng → tr.70
- Độ sáng → tr.446
- Tông màu → tr.447
- Cân bằng điện tử → tr.85
- Trợ giúp → tr.94

AF (Lấy nét tự động)

- Thao tác AF → tr.102
- Chế độ chọn vùng AF → tr.106
- Chọn điểm AF → tr.109
- Đăng ký điểm AF → tr.504
- Nhóm ống kính → tr.117
- Đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục → tr.129
- EOS iTR AF → tr.149
- Tùy chỉnh chức năng AF → tr.138
- Phát sáng hiển thị trong khung ngắm → tr.153
- Vi chỉnh AF → tr.155
- Lấy nét tay → tr.162

Đo sáng

- Chế độ đo sáng → tr.257

Kiểu chụp

- Kiểu chụp → tr.163
- Chụp hẹn giờ → tr.166
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.176

Ghi ảnh

- Chức năng ghi → tr.168
- Chọn thẻ → tr.170
- Tạo/chọn thư mục → tr.220
- Tên tập tin → tr.222
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.225

Chất lượng ảnh

- Chất lượng ghi ảnh → tr.171
- Chụp ảnh RAW pixel đôi → tr.177
- Tốc độ ISO (ảnh) → tr.179
- Kiểu ảnh → tr.185
- Cân bằng trắng → tr.194
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng → tr.203
- Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao → tr.204
- Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu → tr.206
- Ưu tiên tông màu sáng → tr.208
- Hiệu chỉnh quang sai của ống kính → p.209
- Giảm nhấp nháy → tr.217
- Không gian màu → tr.219

Chụp

- Chế độ chụp → tr.35
- Chế độ HDR → tr.267
- Ảnh ghép phơi sáng → tr.272
- Khóa gương lật → tr.280
- Hẹn giờ bulb → tr.265
- Hẹn giờ ngắt quãng → tr.285
- Xem trước độ sâu trường ảnh → tr.254
- Công tắc điều khiển từ xa → tr.283
- Điều khiển từ xa → tr.283
- Điều khiển nhanh → tr.64
- Khóa đa chức năng → tr.93

Phơi sáng

- Bù trừ phơi sáng → tr.259
- Bù trừ phơi sáng với ISO tự động trong chế độ M → tr.256
- AEB → tr.261
- Khóa phơi sáng → tr.263
- Chuyển an toàn → tr.489

GPS

- GPS → tr.231
- Ghi chép → tr.242

Flash

- Đèn flash ngoài → tr.290
- Bù trừ phơi sáng flash → tr.290
- Khóa phơi sáng flash → tr.290
- Thiết lập chức năng flash → tr.293
- Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash → tr.298

Chụp Live View

- Chụp Live View → tr.301
- Thao tác AF → tr.318
- Phương pháp AF → tr.320
- Chạm để chụp → tr.331
- Tỷ lệ khung ảnh → tr.314
- Xem phóng to → tr.329
- Lấy nét tay → tr.333
- Mô phỏng phơi sáng → tr.315
- Chụp Live View ngắt tiếng → tr.316

Quay phim

- Quay phim → tr.337
- Tốc độ ISO (phim) → tr.383
- Phương pháp AF → tr.320
- Lấy nét Servo phim → tr.384
- Tốc độ lấy nét Servo phim → tr.387
- Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim → tr.388
- Chất lượng ghi phim → tr.355
- 24,00p → tr.361
- Phim tốc độ khung hình cao → tr.362
- Quay phim HDR → tr.373
- Phim time-lapse → tr.375
- Ghi âm → tr.366
- Micro → tr.367
- Tai nghe → tr.367
- Lọc gió → tr.367
- Bộ tiêu âm → tr.367
- Mã thời gian → tr.369
- Đầu ra HDMI → tr.391
- Chụp điều khiển từ xa → tr.393

Xem lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.77
- Hiển thị từng ảnh → tr.398
- Hiển thị thông tin chụp → tr.401
- Hiển thị bảng kê → tr.407
- Duyệt ảnh (Hiển thị nhảy ảnh) → tr.408
- Xem phóng to → tr.410
- Hiển thị hai ảnh → tr.412
- Xoay ảnh → tr.415
- Bảo vệ ảnh → tr.416
- Xếp hạng → tr.419
- Phát lại phim → tr.426
- Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim → tr.429
- Chụp khung hình (4K) → tr.431
- Trình chiếu → tr.433
- Xem ảnh trên TV → tr.436
- Sao chép → tr.439
- Xóa → tr.443
- Điều khiển nhanh → tr.422

Chỉnh sửa ảnh

- Xử lý ảnh RAW → tr.450
- Thay đổi cỡ ảnh JPEG → tr.456
- Cắt ảnh JPEG → tr.458

Truyền ảnh / Đặt lệnh in

- Truyền ảnh (về máy tính) → tr.470
- Lệnh in (DPOF) → tr.475
- Lập sách ảnh → tr.480

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.484
- Điều khiển tùy chỉnh → tr.499
- Điều khiển nhanh tùy chỉnh → tr.514
- Danh mục riêng → tr.519
- Chế độ chụp tùy chỉnh → tr.524

Làm sạch cảm biến và giảm bụi

- Làm sạch cảm biến → tr.462
- Thêm dữ liệu xóa bụi → tr.464
- Làm sạch cảm biến bằng tay → tr.467

Cáp nối

- Đầu giữ cáp → tr.38

Lỗi

- Mã lỗi → tr.591

Phần mềm

- Tổng quan → tr.612
- Cài đặt → tr.613
- Hướng dẫn sử dụng → tr.614

Chức năng Wi-Fi/NFC

- Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)

Cảnh báo an toàn

Chú ý những điều sau để tránh gây hại, chấn thương cho bạn và người khác. Bảo đảm hiểu kỹ và thực hiện theo hướng dẫn trước khi sử dụng sản phẩm.

Nếu có vấn đề trục trặc hoặc hư hỏng sản phẩm, liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc đại lý bán hàng nơi bạn mua sản phẩm.



Cảnh báo: Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất, nổ hoặc điện giật, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện và phụ kiện không được quy định trong hướng dẫn này. Không sử dụng pin tự chế tạo, pin hỏng hoặc đã qua chỉnh sửa.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin. Không đốt nóng hoặc hàn pin. Không để pin tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin chịu va chạm mạnh.
 - Không lắp các cực pin ngược chiều.
 - Không sạc pin trong môi trường có nhiệt độ ngoài phạm vi nhiệt độ cho phép sạc (vận hành). Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian chỉ định trong hướng dẫn sử dụng.
 - Không cầm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Khi vứt bỏ pin, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính. Tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác có thể gây cháy hoặc nổ.
- Trong khi sạc pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Ngay lập tức rút phích cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc nhằm chống cháy nổ. Nếu không, có thể gây cháy, nổ hoặc điện giật.
- Nếu pin bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận trọng để bị bỏng trong quá trình xử lý. Có thể gây cháy, điện giật hoặc bỏng nếu tiếp tục sử dụng.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái ô tô hay các phương tiện khác. Việc này có thể gây tai nạn.

- Khi không sử dụng máy ảnh hoặc phụ kiện, bảo đảm đã tháo pin và rút dây nguồn khỏi thiết bị trước khi cất giữ, để tránh điện giật, sinh nhiệt, cháy và ăn mòn.
- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vô bị vỡ để lộ ra các bộ phận bên trong máy, không chạm vào các bộ phận đó do có khả năng bị điện giật.
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
- Cất giữ thiết bị ngoài tầm với của trẻ em và trẻ sơ sinh, ngay cả khi đang sử dụng thiết bị. Dây đeo hoặc dây điện có thể vô tình gây nghẹt thở, điện giật hoặc chấn thương. Nghẹt thở hoặc chấn thương cũng có thể phát sinh do trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện của máy ảnh. Nếu trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức.
- Không bảo quản hay sử dụng thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt. Ngoài ra, giữ pin tránh xa các vật bằng kim loại và bảo quản pin ở trạng thái có gắn nắp bảo vệ để tránh đoản mạch. Làm vậy sẽ tránh gây cháy, sinh nhiệt, điện giật và bỏng.
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cắm hoàn toàn phích cắm điện vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vặn hoặc tháo nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện bị đứt hoặc hỏng lớp cách điện.
- Rút phích cắm điện định kỳ và dùng khăn khô lau sạch bụi bám quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể bị ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.
- Không kết nối trực tiếp pin với nguồn điện hoặc với lỗ châm thuốc trên ô tô. Pin có thể rò rỉ, sinh nhiệt hoặc cháy nổ, gây cháy, bỏng hoặc gây chấn thương.
- Người lớn cần hướng dẫn cẩn thận khi cho trẻ em sử dụng sản phẩm. Luôn giám sát khi trẻ dùng máy. Sử dụng không đúng cách có thể gây điện giật hoặc chấn thương.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không lắp nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Cẩn thận không để ướt máy ảnh. Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin. Làm vậy sẽ tránh được cháy, điện giật và bỏng.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch sản phẩm. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.



Thận trọng:

Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể xảy ra hư hỏng hoặc chấn thương.

- Không sử dụng hoặc cất giữ sản phẩm trong môi trường nhiệt độ cao, chẳng hạn như ô tô dưới trời nắng nóng. Sản phẩm có thể trở nên nóng và gây bỏng. Làm vậy cũng có thể gây rò rỉ hoặc nổ pin, làm cho hiệu suất kém đi hoặc tuổi đời sản phẩm bị rút ngắn.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương hoặc tai nạn. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để sản phẩm trong môi trường nhiệt độ thấp trong thời gian dài. Sản phẩm sẽ trở nên lạnh và có thể gây chấn thương khi tiếp xúc.
- Không đánh sáng flash gần mắt người. Có thể gây hại cho mắt.
- Trong khi nghe bằng tai nghe, không thay đổi thiết lập ghi âm. Làm vậy có thể gây ra một luồng âm lớn khiến tổn thương tai.

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước.
- Để tối đa hóa chức năng chống bụi và giọt nước của máy ảnh, hãy đóng thật chặt nắp cổng kết nối, nắp ngăn chứa pin, nắp khe cắm thẻ và các nắp khác.
- Máy ảnh này được thiết kế với chức năng chống bụi và giọt nước để ngăn cát, bụi, vết bẩn hoặc nước vô tình rơi vào bên trong máy ảnh, tuy nhiên, cũng không thể ngăn hết tất cả các bụi, vết bẩn, nước và muối rơi vào. Vì vậy, bạn hãy cố gắng tốt nhất có thể để không cho bụi, vết bẩn, nước và muối bám vào máy ảnh.
- Nếu nước rơi vào máy ảnh, hãy dùng vải khô sạch để lau máy ảnh. Nếu bụi, vết bẩn hoặc muối rơi vào máy ảnh, cần lau sạch máy ảnh bằng vải ẩm sạch, vắt kỹ.
- Sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiều bụi và vết bẩn có thể gây trục trặc cho máy.
- Bạn nên lau sạch máy ảnh sau khi sử dụng. Máy ảnh có thể bị trục trặc nếu có các vết bẩn, bụi, nước và muối vẫn còn trên máy.
- Nếu vô tình làm rơi máy ảnh xuống nước hoặc bạn sợ các hơi nước, vết bẩn, bụi và muối có thể đã rơi vào bên trong máy, cần nhanh chóng liên lạc với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt độ cao có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.

- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Chỉ sử dụng bóng thổi có sẵn trên thị trường để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương lật, màn hình lấy nét, v.v... Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh. Điều này bảo vệ điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ấm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.
- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh. Điều này giúp tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ như chuyển đi nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu bạn chụp liên tục nhiều lần hoặc chụp Live View hay quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trục trặc.
- Nếu có nguồn sáng trong hoặc ngoài phạm vi chụp, hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóa sáng) có thể xảy ra.

Bảng điều khiển LCD và màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng vẫn còn ít hơn 0,01% số điểm ảnh có thể bị chết và xuất hiện chấm đen, chấm đỏ hoặc chấm các màu khác. Điểm ảnh chết không phải vấn đề trực trặc và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị hơi chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

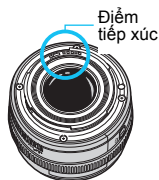
Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

- Không làm rơi, bẻ cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp.
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

Ống kính

Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và đặt nắp sau ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.



Tên bộ phận

<DRIVE•AF>

Nút lựa chọn kiểu chụp/chọn thao tác AF (tr.163, 166/102)

<ISO> Nút bù trừ phơi sáng/Thiết lập tốc độ ISO (tr.290/179)

<Q> Nút phát sáng bảng điều khiển LCD (tr.63)

<DISP> Nút xoay chính (tr.59)

Nút chụp (tr.58)

Đèn chụp hện giờ (tr.166)

Cảm biến điều khiển từ xa (tr.283)

Bảng cảm (Ngăn chứa pin)

Hốc dây của bộ nối nguồn DC (tr.534)

Nút xem trước độ sâu trường ảnh (tr.254)



Nắp thân máy (tr.55)

<WB> Nút lựa chọn cân bằng trắng/ chọn chế độ đo sáng (tr.194/257)

<M-Fn> Nút đa chức năng (tr.62, 108, 290, 499)

Ăng-ten GPS

Vạch lắp ống kính (tr.55)

Tiếp điểm kết nối đèn flash ngoài

Ngàm gắn (tr.290)

Nút nhả khóa nút xoay chế độ (tr.59)

Nút xoay chế độ (tr.35, 59)

Micro tích hợp (tr.367)

Khe gắn dây đeo (tr.37)

Nút tháo ống kính (tr.56)

Nắp cổng kết nối

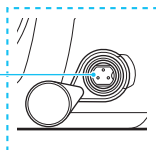
Chốt khóa ống kính

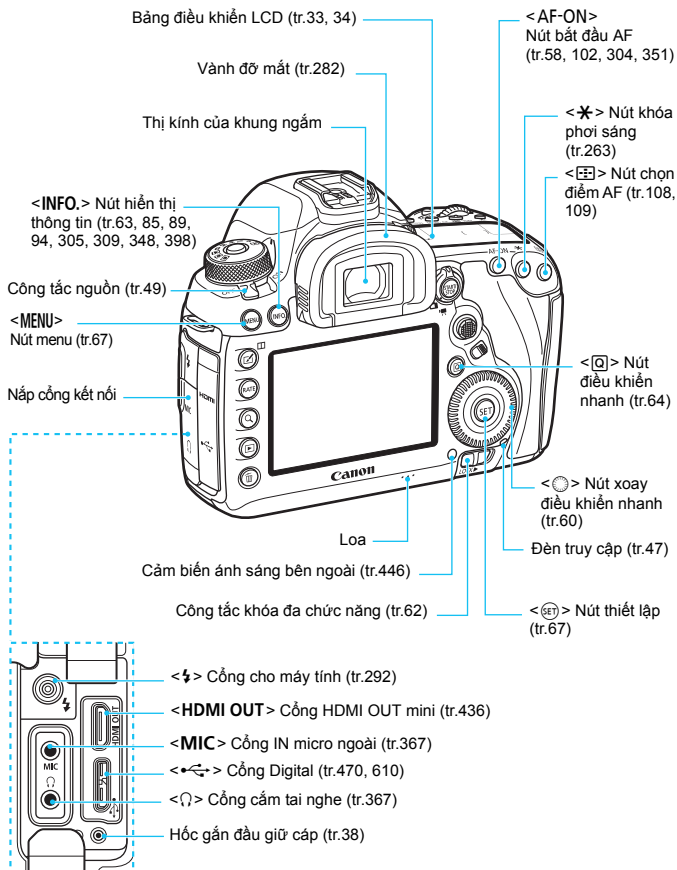
Ngàm ống kính

Điểm tiếp xúc (tr.27)

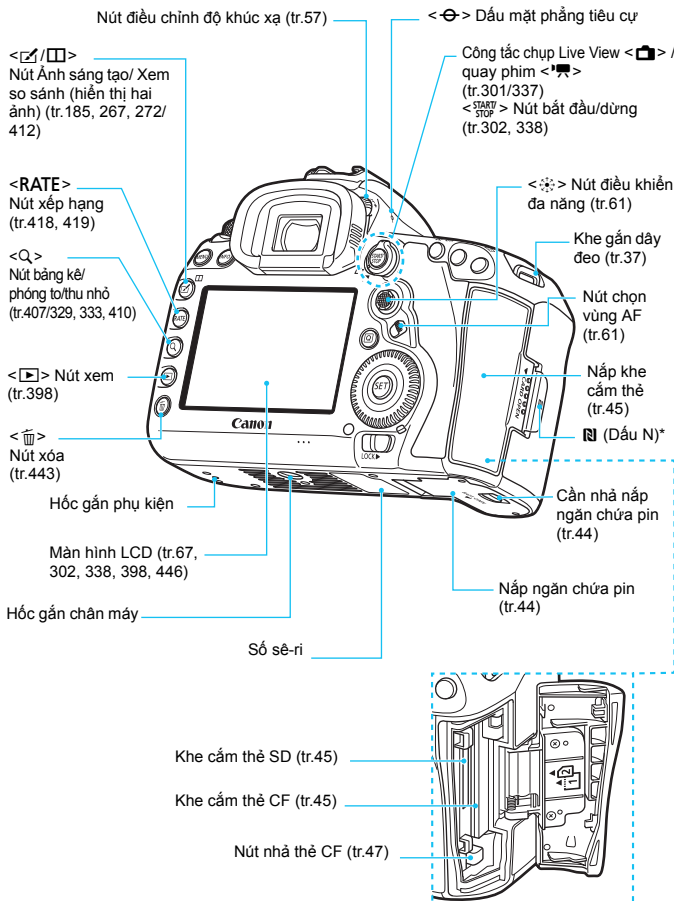
Gương lật (tr.280, 467)

Cổng kết nối điều khiển từ xa (Loại N3) (tr.283)



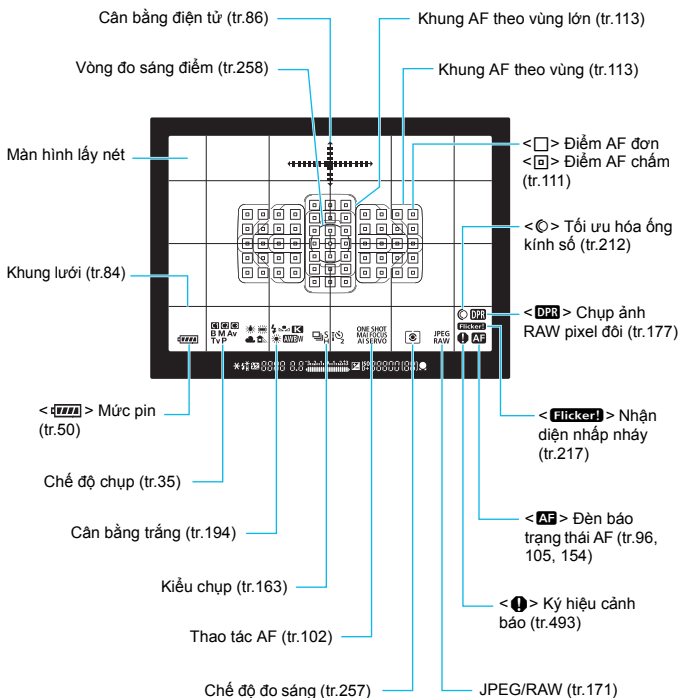


 Khi cắm cáp nối với cổng digital, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.38).

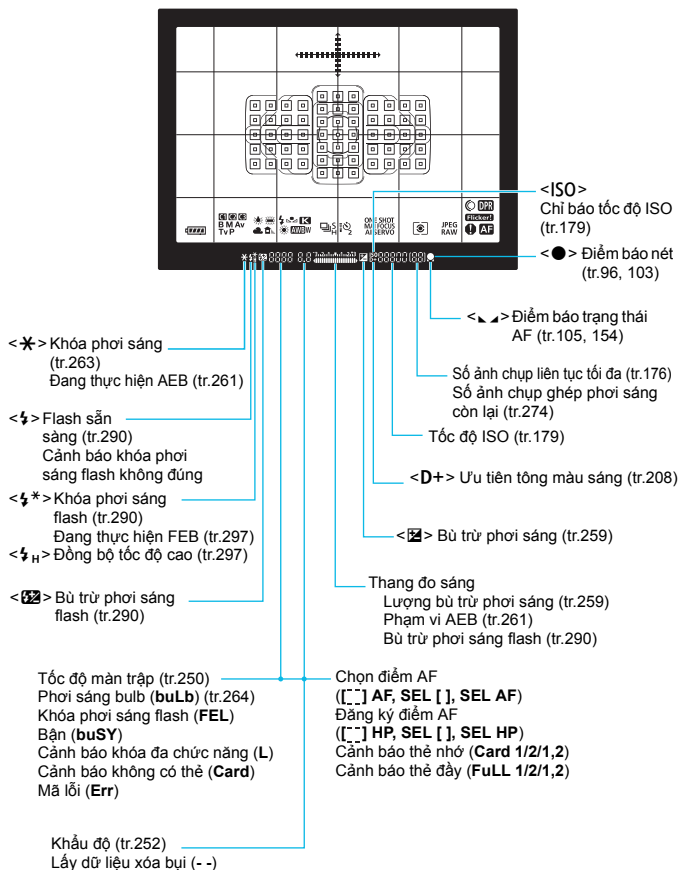


* Được sử dụng để kết nối không dây bằng chức năng NFC.

Thông tin khung ngắm



* Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.



Bảng điều khiển LCD

Tốc độ màn trập
Phơi sáng bulb (**buLb**)
Khóa phơi sáng flash (**FEL**)
Số lượng ảnh còn lại của phim
time-lapse
Bật (**buSY**)
Cảnh báo khóa đa chức năng (L)
Làm sạch cảm biến hình ảnh
(**CLn**)
Cảnh báo không có thẻ (**Card**)
Mã lỗi (**Err**)

Cân bằng trắng
(tr.194)
AWB Tự động: Ưu tiên
môi trường
AWB w Tự động: Ưu tiên
màu trắng
Ban ngày
Bóng râm
Nhiều mây
Đèn dây tóc
Đèn huỳnh
quang trắng
Flash
Tùy chỉnh
K Nhiệt độ màu

<ISO> Chỉ báo
tốc độ ISO (tr.179)

<D+> Ưu tiên tông màu
sáng (tr.208)

Tốc độ ISO (tr.179)

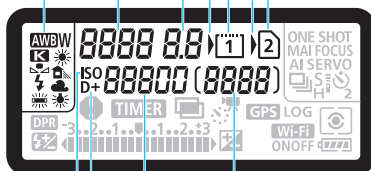
Khẩu độ
Lấy dữ liệu xóa bụi (--)
Chọn điểm AF
([] AF, SEL [], SEL AF)
Đăng ký điểm AF
([] HP, SEL [], SEL HP)
Cảnh báo thẻ nhớ (**Card 1/2/1,2**)
Cảnh báo thẻ đầy (**FuLL 1/2/1,2**)

<▶> Biểu tượng lựa chọn thẻ CF

<1> Chỉ thị thẻ CF

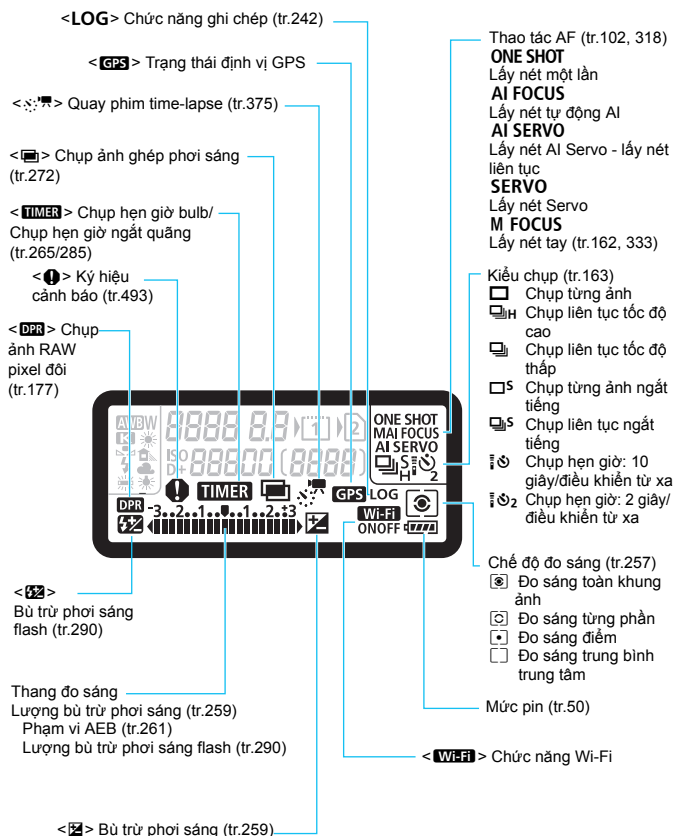
<▶> Biểu tượng lựa chọn
thẻ SD

<2> Chỉ thị thẻ SD



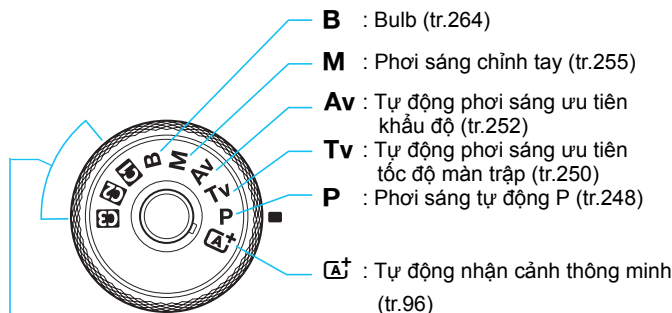
Số ảnh có thể chụp
Thời gian đếm ngược của
chụp hẹn giờ
Thời gian phơi sáng bulb
Cảnh báo lỗi thẻ nhớ (**Err**)
Mã lỗi
Số ảnh còn có thể ghi

* Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.



Nút xoay chế độ

Bạn có thể đặt chế độ chụp. Xoay nút xoay chế độ khi nhấn giữ vị trí trung tâm nút xoay chế độ (nút nhả khóa nút xoay chế độ).

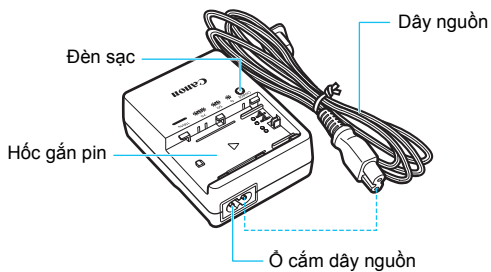


Chế độ chụp tùy chỉnh

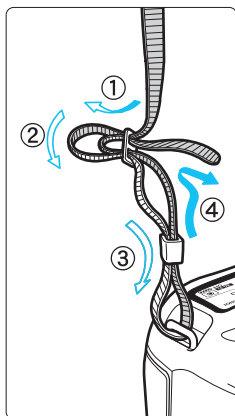
Bạn có thể đăng ký chế độ chụp (<**P**>, <**Tv**>, <**Av**>, <**M**> hoặc <**B**>), thao tác AF, thiết lập menu, v.v... đến các vị trí nút xoay chế độ <**1**>, <**2**> và <**3**> (tr.524).

Sạc pin LC-E6E

Sạc cho pin LP-E6N/LP-E6 (tr.42).

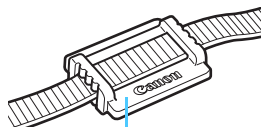


Gắn dây đeo



Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị rơi lỏng.

- Nắp thị kính cũng được gắn vào dây đeo (tr.282).



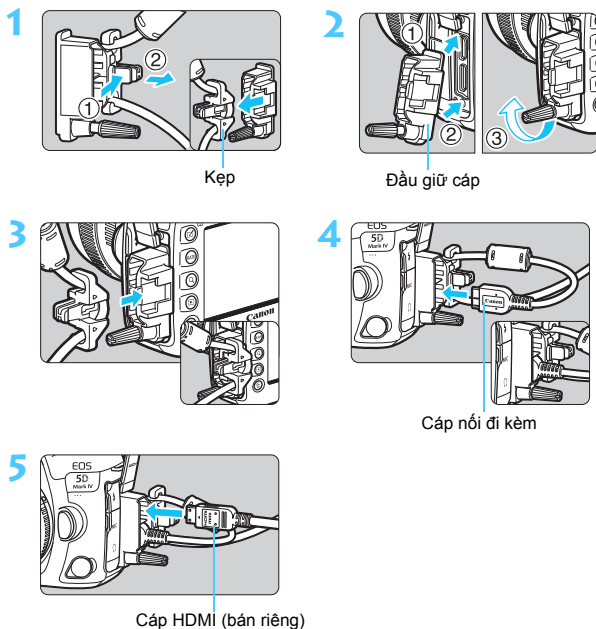
Nắp thị kính

Sử dụng đầu giữ cáp

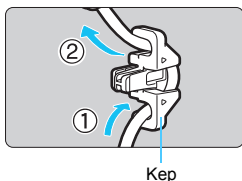
Khi kết nối máy ảnh với máy tính hoặc Connect Station, sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon khác (xem sơ đồ hệ thống trang 529).

Khi kết nối với cáp nối, luôn **sử dụng đầu giữ cáp đi kèm**. Sử dụng đầu giữ cáp sẽ tránh được việc ngắt kết nối bất ngờ đồng thời bảo vệ cổng kết nối không bị hỏng.

Sử dụng cáp nối đi kèm và cáp HDMI chính hãng (bán riêng)



Sử dụng cáp nối chính hãng (bán riêng)



Khi sử dụng cáp nối chính hãng (bán riêng, tr.529), luôn cáp qua kẹp trước khi gắn kẹp vào đầu giữ cáp.



- Việc không sử dụng đầu giữ cáp khi kết nối cáp có thể gây hư hại cổng digital.
- Không sử dụng cáp USB 2.0 đầu Micro-B. Có thể gây hư hại cổng digital của máy ảnh.
- Đảm bảo cáp nối được gắn chắc vào cổng digital như hình minh họa phía dưới bên phải ở bước 4.



Để kết nối máy ảnh với TV, nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng). Ngoài ra, luôn sử dụng đầu giữ cáp khi gắn cáp HDMI.

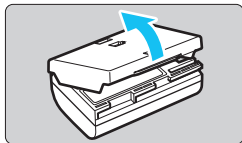
[illegible]

1

Hướng dẫn ban đầu và thao tác máy ảnh cơ bản

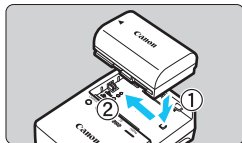
Chương này giải thích các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác máy ảnh cơ bản.

Sạc pin



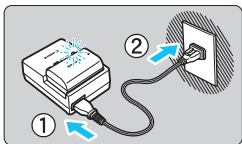
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.



3 Sạc pin.

- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- Quá trình sạc sẽ tự động bắt đầu và đèn sạc nhấp sáng màu cam.

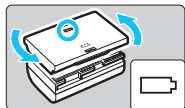
Mức sạc	Đèn sạc	
	Màu	Hiển thị
0-49%	Màu cam	Nhấp sáng một lần/giây
50-74%		Nhấp sáng hai lần/giây
75% trở lên		Nhấp sáng ba lần/giây
Sạc đầy pin	Màu xanh lá	Phát sáng

- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ 30 phút.** Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (5°C - 10°C / 41°F - 50°F), thời gian sạc sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).



Gợi ý sử dụng pin và sạc

- Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
 Sạc pin trước khi sử dụng.
- Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
 Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- Sau khi sạc pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- Bạn có thể lắp nắp bảo vệ theo hướng khác để biết pin đã được sạc chưa.**
 Nếu pin đã được sạc, lắp nắp bảo vệ sao cho hốc hình pin <  > thẳng hàng với miếng dán màu xanh trên pin. Nếu pin đã hết, lắp nắp bảo vệ theo hướng ngược lại.
- Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
 Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ liên tục giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ. Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
 Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- Nếu pin nhanh hết ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**
 Kiểm tra hiệu suất sạc của pin (tr.530) và mua pin mới.

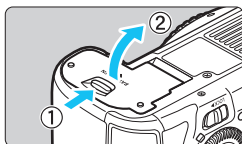


- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 10 giây.
- Nếu dung lượng còn lại của pin (tr.530) đạt 94% trở lên, không cần sạc lại pin.
- Không sử dụng sạc pin kèm theo với các loại pin khác ngoài Pin LP-E6N/LP-E6.

Lắp và tháo pin

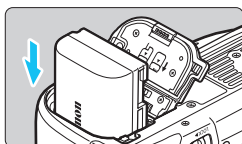
Lắp Pin LP-E6N (hoặc LP-E6) đã sạc đầy vào máy ảnh. **Khung ngắm của máy ảnh sẽ phát sáng khi lắp pin và trở nên tối dần khi tháo pin. Nếu chưa lắp pin, ảnh trong khung ngắm sẽ trở nên mờ và không thể lấy được nét.**

Lắp pin



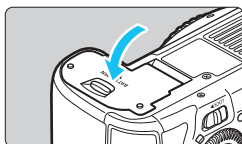
1 Mở nắp.

- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc điện vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.

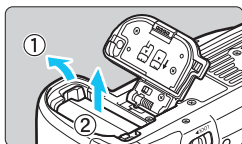


3 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.

 Không thể sử dụng pin khác ngoài Pin LP-E6N hoặc LP-E6.

Tháo pin



Mở nắp và tháo pin.

- Nhấn nút gạt khóa pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch, đảm bảo gắn nắp bảo vệ kèm theo (tr.42) vào pin.

Lắp và tháo thẻ

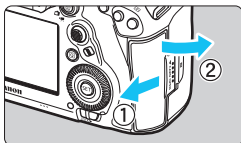
Bạn có thể sử dụng thẻ CF và thẻ SD với máy ảnh. **Ảnh chỉ được ghi khi có ít nhất một thẻ nhớ lắp trong máy ảnh.**

Nếu lắp thẻ vào cả hai khe, bạn có thể chọn thẻ để ghi ảnh hoặc ghi đồng thời cùng một ảnh trên cả hai thẻ (tr.168-170).



Nếu sử dụng thẻ SD, đảm bảo mẫu chống ghi của thẻ được đẩy lên để đặt thành ghi/xóa.

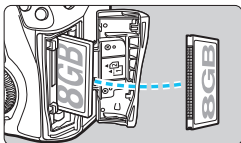
Lắp thẻ



1 Mở nắp.

- Đẩy nắp theo hướng mũi tên để mở.

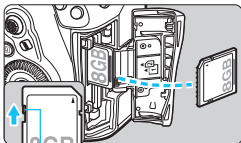
Thẻ CF (Thẻ 1)



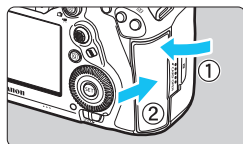
2 Lắp thẻ.

- Khe cắm phía trước máy ảnh để cắm thẻ CF và khe phía sau để cắm thẻ SD.
- Thẻ CF là [1] (Thẻ 1) và thẻ SD là [2] (Thẻ 2).
- **Hướng nhãn thẻ CF quay về phía bạn và lắp đầu thẻ có những lỗ nhỏ vào trong máy ảnh. Nếu lắp thẻ sai hướng, có thể làm hỏng máy ảnh.**
- ▶ Nút nhả thẻ CF (màu xám) sẽ trôi ra.
- Xoay nhãn thẻ SD về phía bạn, rồi cắm thẻ cho đến khi phát ra tiếng tách vào vị trí.

Thẻ SD (Thẻ 2)



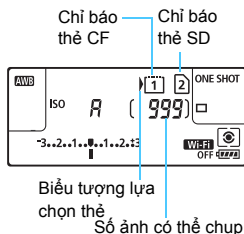
Mẫu chống ghi



3 Đóng nắp.

- Đóng nắp và trượt nắp theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.
- ▶ Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.49), số lượng ảnh có thể chụp và thẻ đã lắp sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

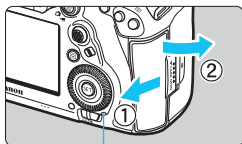
Ảnh sẽ được ghi vào thẻ đang được chỉ ra bởi biểu tượng mũi tên <▶>.



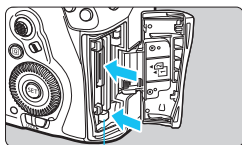
- ⚠ **Không thể sử dụng thẻ CF loại II, thẻ nhớ loại đĩa cứng hoặc thẻ CFast.**
- Không thể sử dụng thẻ đa phương tiện (MMC) (thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị).

- 📄 **Thẻ CF Ultra DMA (UDMA) cũng có thể sử dụng với máy ảnh. Thẻ UDMA có thể ghi dữ liệu nhanh hơn.**
- Hỗ trợ thẻ nhớ SD, SDHC và SDXC. Thẻ UHS-I SDHC hoặc SDXC cũng có thể được sử dụng.
- Số lượng ảnh có thể chụp sẽ khác nhau tùy thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, thiết lập chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- Đặt [📷 1: Release shutter without card (Nhà màn trập khi không lắp thẻ)] thành [Disable (Tắt)] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ (tr.545).

Tháo thẻ



Đèn truy cập



Nút nhả thẻ CF

1 Mờ nắp.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Kiểm tra để đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mờ nắp.
- Nếu [Recording... (Đang ghi...)] hiển thị trên màn hình LCD, hãy đóng nắp lại.

2 Tháo thẻ.

- Để tháo thẻ CF, đẩy nút nhả thẻ vào trong.
- Để tháo thẻ SD, đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi thả tay để thẻ tự đẩy ra. Sau đó kéo thẻ ra.
- Kéo thẳng thẻ ra, rồi đóng nắp lại.

Thận trọng

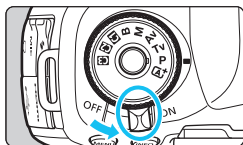
Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, nếu biểu tượng  màu đỏ xuất hiện, không tháo thẻ ngay. Thẻ có thể bị nóng do nhiệt độ bên trong của máy ảnh cao. Đặt công tắc nguồn thành <OFF> và ngừng chụp một lúc, rồi tháo thẻ. Nếu lấy thẻ ra trong khi thẻ vẫn còn nóng sau khi chụp, bạn có thể làm rơi và làm hỏng thẻ. Cần thận khi lấy thẻ ra.



- Đèn truy cập phát sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Trong trường hợp này, không mở nắp khe cắm thẻ. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.
 - Tháo thẻ.
 - Tháo pin.
 - Lắc hoặc đập máy ảnh.
 - Cắm hoặc rút dây nguồn (khi sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.534)).
- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.225).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.73). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ SD. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.

Bật nguồn

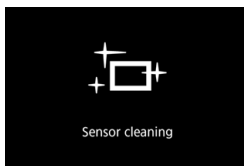
Khi bật công tắc nguồn và màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 51 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.



<ON> : Máy ảnh bật.

<OFF>: Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc nguồn về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

Làm sạch cảm biến tự động



- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, quá trình làm sạch cảm biến sẽ tự động thực hiện. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Trong khi làm sạch cảm biến, màn hình LCD sẽ hiển thị <+>.

- Bạn vẫn có thể chụp trong khi làm sạch cảm biến bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp (tr.58) để dừng quá trình làm sạch và chụp ảnh.
- Nếu liên tục xoay công tắc nguồn <ON>/<OFF> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng <+> có thể không hiển thị. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trục trặc.

MENU Tự động tắt nguồn

- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 1 phút không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh (tr.58).
- Bạn có thể thay đổi thời gian tự động tắt nguồn với [**F2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.76).



Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [Recording... (Đang ghi...)] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Thang đo mức pin

Khi công tắc nguồn đặt thành <ON>, mức pin sẽ hiển thị ở một trong sáu mức. Biểu tượng pin nhấp nháy < > cho biết sắp hết pin.



Hiển thị			
Mức (%)	100 - 70	69 - 50	49 - 20
Hiển thị			
Mức (%)	19 - 10	9 - 1	0

Số ảnh có thể chụp khi chụp qua khung ngắm

(Số lượng ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Số ảnh có thể chụp	900	850

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy, không chụp Live View và theo tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Bảng pin BG-E20 (bán riêng) có lắp 2 Pin LP-E6N, số ảnh ước chừng có thể chụp sẽ gấp đôi.

- ❗ Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt lấy nét tự động mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho ống kính hoạt động. Một số ống kính nhất định có thể tiêu thụ pin nhanh hơn các loại khác.
- Trong nhiệt độ môi trường thấp, máy ảnh có thể không chụp được ảnh ngay cả khi mức pin đủ.

-  Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 303.
- Tham khảo [**3: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra điều kiện pin (tr.530).

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị mất, màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau để thiết lập múi giờ trước. Nếu thiết lập đúng múi giờ địa phương hiện tại cho máy ảnh, khi bạn di chuyển, chỉ cần thay đổi thiết lập múi giờ cho điểm đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày/giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo thiết lập ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác.



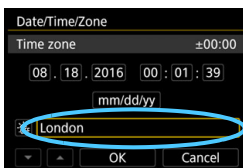
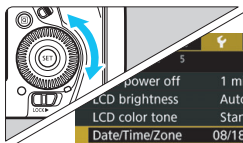
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



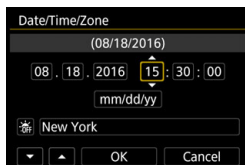
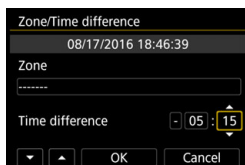
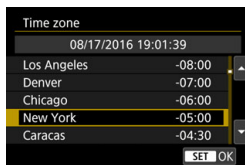
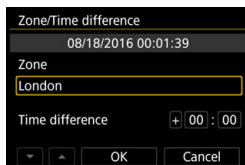
2 Trong tab [Q2], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

- Nhấn nút <Q> và chọn tab [Q2].
- Xoay nút xoay <☀> để chọn tab [Q2].
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.



3 Thiết lập múi giờ.

- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [Time zone (Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.



- Xoay nút xoay để chọn khung dưới **[Zone (Múi giờ)]**, rồi nhấn .

- Xoay nút xoay để chọn múi giờ, rồi nhấn .

- Nếu múi giờ của bạn không có trong danh sách, nhấn nút **<MENU>**, rồi tiến hành bước tiếp theo để đặt múi giờ (với giờ chênh lệch so với Giờ quốc tế phối hợp, UTC).

- Để đặt giờ chênh lệch so với giờ UTC, xoay nút xoay và chọn (+/-/giờ/phút) cho **[Time difference (Giờ chênh lệch)]**.

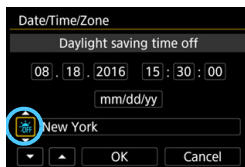
- Nhấn để hiển thị .

- Xoay nút xoay để thiết lập, rồi nhấn (Quay lại).

- Sau khi nhập múi giờ và giờ chênh lệch, xoay nút xoay để chọn **[OK]**, rồi nhấn .

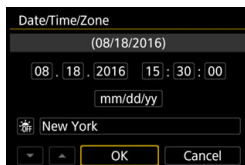
4 Thiết lập ngày và giờ.

- Xoay nút xoay để chọn album.
- Nhấn để hiển thị .
- Xoay nút xoay để thiết lập, rồi nhấn (Quay lại .



5 Thiết lập giờ mùa hè.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [☀].
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [☀], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀], thời gian cài đặt ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☁], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát thiết lập.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày/giờ/múi giờ và giờ mùa hè được thiết lập và menu sẽ xuất hiện lại.

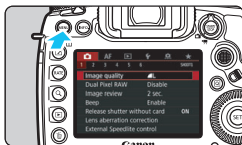


- Thiết lập ngày/giờ/múi giờ có thể bị mất khi cất giữ máy ảnh không lắp pin, khi pin hết hoặc khi máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.
- Sau khi thay đổi [Zone/Time difference (Múi giờ/Giờ chênh lệch)], kiểm tra để đảm bảo ngày/giờ đã được thiết lập chính xác.



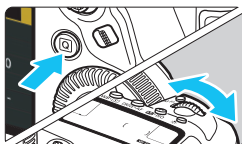
- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực sau khi bạn nhấn [OK] ở bước 6.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị trong [Time zone (Múi giờ)] là thời gian chênh lệch so với Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time - UTC).
- Ngay cả khi đặt [⚡2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [1 min. (1 phút)], [2 min. (2 phút)] hoặc [4 min. (4 phút)], thời gian tự động tắt nguồn sẽ là khoảng 6 phút khi màn hình thiết lập [⚡2: Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)] hiển thị.
- Có thể cập nhật thời gian tự động với chức năng GPS (tr.241).

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



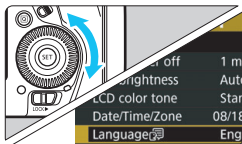
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language] (Ngôn ngữ).

- Nhấn nút <Q> và chọn tab [F2].
- Xoay nút xoay <Q> để chọn tab [F2].
- Xoay nút xoay <Q> để chọn [Language] (Ngôn ngữ), rồi nhấn <SET>.



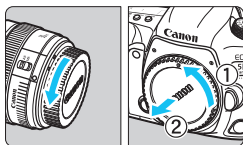
3 Thiết lập ngôn ngữ mong muốn.

- Xoay nút xoay <Q> để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn <SET>.
- Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

Lắp và tháo ống kính

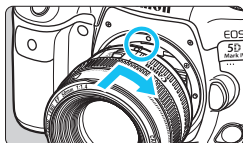
Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-S hay EF-M.**

Lắp ống kính



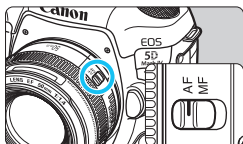
1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.



2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh cho vạch đỏ của ống kính trùng với vạch đỏ trên máy ảnh rồi xoay ống kính theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.

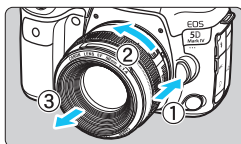


3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay). Lấy nét tự động sẽ không hoạt động.

4 Tháo nắp trước của ống kính.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.

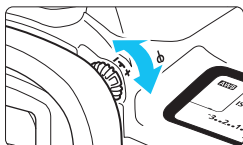
- ⚠ Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<OFF>**.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.

Giảm thiểu bụi

- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã lắp nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

Thao tác chụp cơ bản

Điều chỉnh độ nét khung ngắm



Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

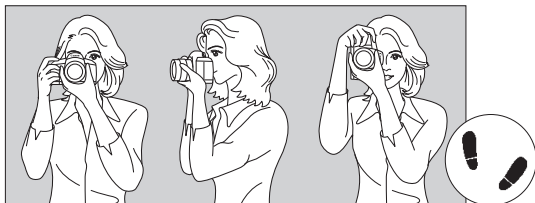
- Xoay nút sang trái hoặc sang phải cho đến khi nhìn rõ nét điểm AF trong khung ngắm.
- Tháo vành đỡ mắt nếu khó xoay nút (tr.282).



Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ Eg (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.



Chụp ngang

Chụp dọc

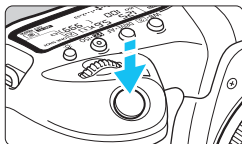
1. Tay phải nắm chắc báng cầm.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.



Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 301.

Nút chụp

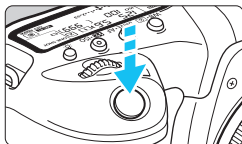
Nút chụp có hai mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.



Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

Thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD trong khoảng 4 giây (hẹn giờ đo sáng/☉4).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

● Chống rung máy

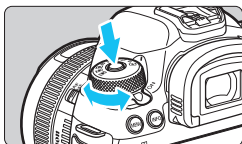
Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Trong các chế độ chụp <P> <Tv> <Av> <M> , nhấn nút <AF-ON> sẽ thực hiện thao tác tương tự như nhấn nửa chừng nút chụp.
- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu hoặc xem lại ảnh, bạn cũng có thể trở lại trạng thái chụp ảnh ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

Nút xoay chế độ

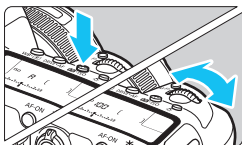


Xoay nút xoay khi nhấn giữ nút nhả khóa ở chính giữa nút xoay.

Sử dụng để cài đặt chế độ chụp.



Nút xoay chính

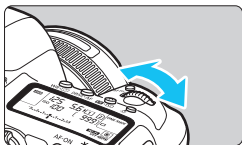


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay < >.

Khi bạn nhấn một nút như <WB•>, <DRIVE•AF>, hoặc <•ISO>, chức năng tương ứng vẫn có thể được chọn trong khoảng 6 giây (0.6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

Khi hẹn giờ kết thúc hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ trở về trạng thái sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay để chọn chế độ đo sáng, thao tác AF, tốc độ ISO, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay < >.

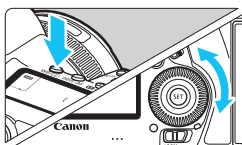
Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

- Xoay nút xoay để thiết lập tốc độ màn trập, khẩu độ, v.v...



Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải (Khóa đa chức năng, tr.62).

Nút xoay điều khiển nhanh

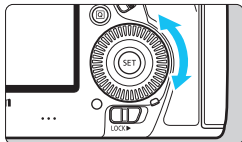


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay <>.

Khi bạn nhấn một nút như <WB•>, <DRIVE•AF>, hoặc <•ISO>, chức năng tương ứng vẫn có thể được chọn trong khoảng 6 giây (6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <> để thay đổi thiết lập.

Khi hẹn giờ kết thúc hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ trở về trạng thái sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay này để chọn cân bằng trắng, kiểu chụp, bù trừ phơi sáng flash, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay <>.

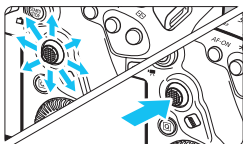
Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <> để thay đổi thiết lập.

- Xoay nút xoay để đặt lượng bù trừ phơi sáng, thiết lập thông số khẩu độ cho phơi sáng chỉnh tay, v.v...

 Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải (Khóa đa chức năng, tr.62).

Điều khiển đa năng

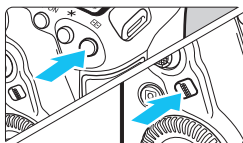
Nút < > bao gồm một phím tám hướng và một nút ở giữa. Sử dụng ngón tay cái để nghiêng nút < > theo hướng mong muốn.



- Sử dụng để chọn điểm AF, hiệu chỉnh cân bằng trắng, di chuyển điểm AF hoặc phóng to khung trong khi chụp Live View hoặc quay phim, lướt quanh ảnh phóng to trong khi xem lại, cài đặt điều khiển nhanh, v.v...
- Bạn cũng có thể sử dụng nút này để chọn và thiết lập các mục menu.

Nút chọn vùng AF

Để chọn vùng AF (tr.108).



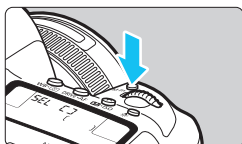
Nhấn nút < >, rồi nhấn nút < >.

- Nhấn nút < > để có thể chọn chế độ chọn vùng AF và điểm AF trong khoảng 6 giây (6). Bạn có thể thay đổi chế độ chọn vùng AF khi nhấn nút < > (Chọn vùng AF) trong khoảng thời gian đó.



Bạn cũng có thể nhấn nút < > rồi nhấn nút <M-Fn> để chọn chế độ chọn vùng AF.

M-Fn Nút đa chức năng

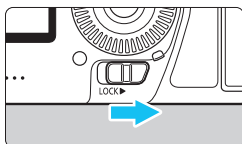


Sử dụng nút <M-Fn> để thực hiện chọn vùng AF (tr.108), khóa phơi sáng flash (tr.290) và các chức năng khác. Để chọn chế độ chọn vùng AF, nhấn nút <AF-ON> (ⓘ6), rồi nhấn nút <M-Fn>.

LOCK▶ Khóa đa chức năng

Khi đặt [**5: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] đồng thời gạt công tắc <LOCK▶> sang phải, bạn có thể tránh vô tình thay đổi thiết lập như sau: vô tình thao tác với nút xoay chính, nút xoay điều khiển nhanh hoặc nút điều khiển đa năng, nhấn nút chọn vùng AF hoặc chạm vào màn hình cảm ứng.

Để tìm hiểu chi tiết về [**5: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**], tham khảo trang 93.



Công tắc <LOCK▶> gạt sang trái:

Nhả khóa

Công tắc <LOCK▶> gạt sang phải:

Khoá



Khi khóa, nút xoay <ⓘ> sẽ được khóa mặc định.

Phát sáng bảng điều khiển LCD



Bạn có thể phát sáng bảng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <⚡>. Bật (🔆) hoặc tắt tính năng phát sáng bảng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <⚡>.



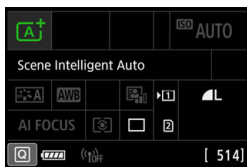
Trong phơi sáng bulb, nhấn hoàn toàn nút chụp để tắt tính năng phát sáng bảng điều khiển LCD.

Hiển thị màn hình điều khiển nhanh

Sau khi nhấn nút <INFO.> vài lần (tr.89), màn hình điều khiển nhanh (tr.91) hoặc màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.514) sẽ xuất hiện. Bạn có thể kiểm tra thiết lập chức năng chụp hiện tại.

Nhấn nút <Q> sẽ khởi động tính năng điều khiển nhanh của thiết lập chức năng chụp (tr.64).

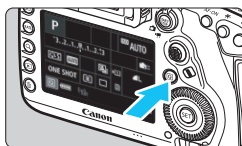
Sau đó có thể nhấn nút <INFO.> để tắt màn hình (tr.89).



Điều khiển nhanh chức năng chụp

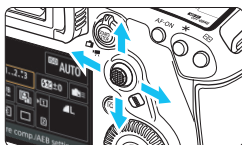
Bạn có thể sử dụng thao tác trực quan để chọn và thiết lập trực tiếp các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này được gọi là điều khiển nhanh.

Quy trình thao tác cơ bản tương tự cho màn hình điều khiển nhanh (tr.91) và màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.514).



1 Nhấn nút <Q> (10).

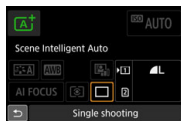
- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



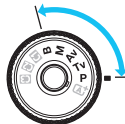
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Sử dụng nút <⌂> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <⌂> hoặc <⌂> để thay đổi thiết lập.

● Chế độ <A+>



● Chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M>,

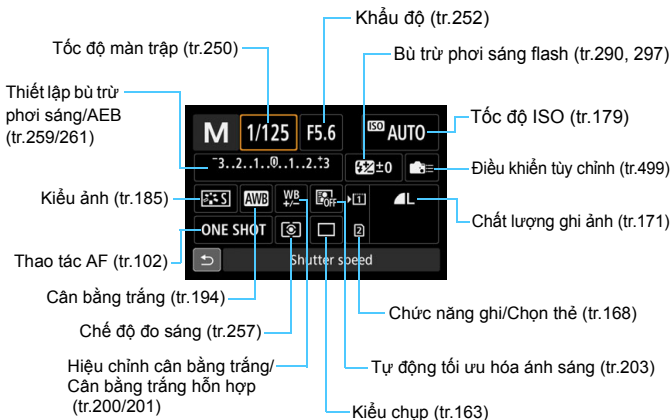


3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.

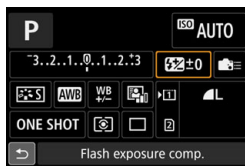
- Trong chế độ <A+> có hiển thị màn hình điều khiển nhanh, bạn chỉ có thể đặt [Rec function/card selection (Lựa chọn thẻ/chức năng ghi)], [Image quality (Chất lượng ảnh)] và [Drive mode (Kiểu chụp)].
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình để thiết lập điều khiển nhanh (tr.70).

Chức năng có thể thiết lập với Điều khiển nhanh



Để tìm hiểu về màn hình điều khiển nhanh, tham khảo trang 91.

Điều khiển nhanh



↓ <SET>



- Chọn chức năng mong muốn và nhấn <SET>. Màn hình thiết lập chức năng sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <☀> hoặc <🕒> để thay đổi thiết lập. Một số chức năng có thể thiết lập bằng cách nhấn nút.
- Nhấn <SET> để hoàn tất thiết lập và quay lại màn hình trước đó.
- Khi chọn <📷> (tr.499) và nhấn nút <MENU>, màn hình trước đó sẽ xuất hiện lại.

Điều khiển nhanh tùy chỉnh

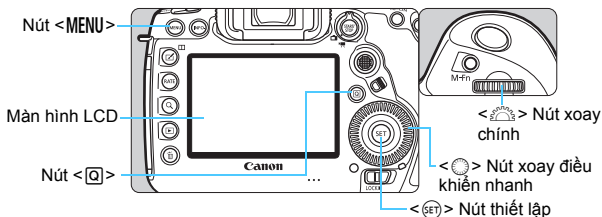
Bạn có thể tùy chỉnh bố cục của màn hình điều khiển nhanh. Tính năng này giúp bạn hiển thị và sắp xếp các chức năng chụp trên màn hình điều khiển nhanh theo ý muốn. Tính năng này gọi là “Điều khiển nhanh tùy chỉnh (màn hình)”. Để tìm hiểu về Điều khiển nhanh tùy chỉnh, tham khảo trang 514.



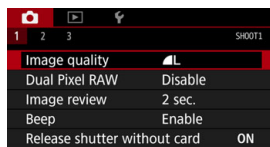
Trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh, nếu không có chức năng nào có thể đặt với Điều khiển nhanh khi bạn nhấn nút <Q>, biểu tượng điều khiển nhanh ở phía dưới bên trái sẽ hiển thị màu cam.

MENU Thao tác với menu

Bạn có thể đặt nhiều thiết lập với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày/giờ, v.v...

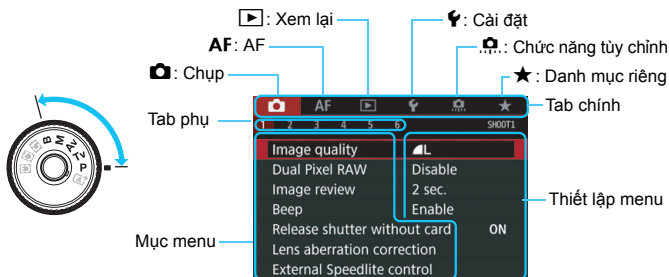


<A+> Màn hình menu chế độ

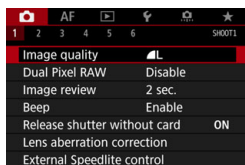


* Một số tab menu và mục menu sẽ không hiển thị trong chế độ <A+>.

Màn hình menu của chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M>,



Quy trình thiết lập menu

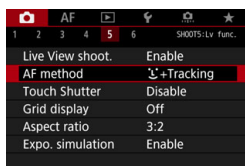


1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.

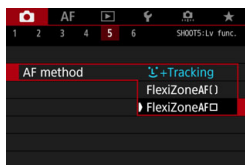
2 Chọn tab.

- Mỗi lần nhấn nút <Q>, tab chính (nhóm chức năng) sẽ thay đổi.
- Xoay nút xoay <W> để chọn tab phụ.
- Ví dụ, tab [5] chỉ màn hình sẽ hiển thị khi chọn ô thứ năm "5" từ bên trái sang của tab [5] (Chụp ảnh).



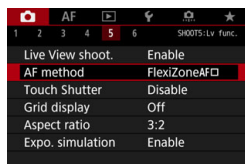
3 Chọn mục mong muốn.

- Xoay nút xoay <D> để chọn mục, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn thiết lập.

- Xoay nút xoay <D> để chọn thiết lập mong muốn.
- Thiết lập hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Đặt thiết lập.

- Nhấn <SET> để thiết lập.

6 Thoát thiết lập.

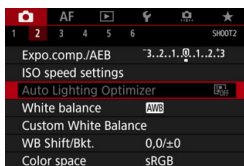
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình chụp.



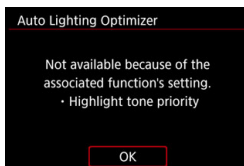
- Phân giải thích các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.
- Bạn cũng có thể sử dụng <F1> để chọn và thiết lập các chức năng menu. (Ngoại trừ [F1: Erase images (Xóa ảnh)] và [F1: Format card (Định dạng thẻ)].)
- Để hủy thao tác, nhấn nút <MENU>.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 545.

Các mục menu bị mờ

Ví dụ: Ưu tiên tông màu sáng



Những mục menu bị mờ sẽ không thể thiết lập. Những mục menu không chọn được do đang áp dụng thiết lập của một chức năng khác sẽ bị làm mờ.



Bạn có thể nhìn thấy chức năng hiện đang thiết lập đó bằng cách chọn mục bị mờ và nhấn <SET>.

Nếu hủy thiết lập chức năng trên, mục menu bị mờ sẽ khả dụng trở lại.



Một vài mục menu mờ có thể không hiển thị chức năng đang thiết lập.



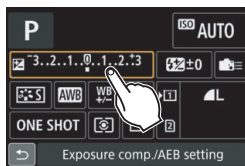
Với [F5: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)], bạn có thể đặt lại các chức năng menu về thiết lập mặc định (tr.77).

Thao tác máy ảnh bằng màn hình cảm ứng

Bạn có thể chạm ngón tay vào màn hình LCD (bảng điều khiển cảm ứng) để thao tác với máy ảnh.

Chạm

Hiện thị mẫu (Điều khiển nhanh)



- Dùng ngón tay để chạm (chạm nhẹ rồi nhả ra) trên màn hình LCD.
- Thao tác chạm cho phép bạn chọn menu, biểu tượng, v.v... hiển thị trên màn hình LCD.
- Khi chức năng có thể thao tác bằng màn hình cảm ứng, khung bao quanh biểu tượng chức năng sẽ xuất hiện (ngoại trừ trên màn hình menu). Ví dụ: khi chạm vào [**Q**], màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Chạm vào [**↶**] để quay lại màn hình trước đó.

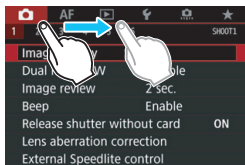
Các thao tác có thể thực hiện bằng cách chạm vào màn hình

- Thiết lập chức năng menu sau khi nhấn nút <MENU>.
- Điều khiển nhanh
- Thiết lập chức năng sau khi nhấn nút <WB•>, <DRIVE•AF>, <•ISO> hoặc <•WB>
- Chạm để lấy nét tự động khi chụp Live View và quay phim
- Chạm để chụp khi chụp Live View
- Thiết lập chức năng khi chụp Live View và quay phim
- Thao tác xem

 Nếu [**🔊1: Beep (Bíp)**] được đặt thành [**Touch to 🔊 (Chạm để 🔊)**], máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp khi thực hiện thao tác chạm (tr.76).

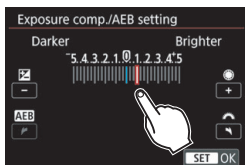
Kéo

Hiển thị mẫu (Màn hình menu)



- Trượt ngón tay khi chạm vào màn hình LCD.

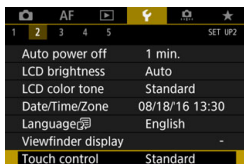
Hiển thị mẫu (Hiển thị tỷ lệ)



Thao tác có thể thực hiện bằng cách kéo ngón tay trên màn hình

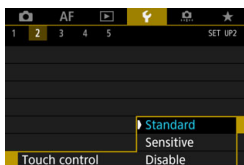
- Chọn tab menu hoặc mục sau khi nhấn nút <MENU>
- Thiết lập hiển thị tỷ lệ
- Điều khiển nhanh
- Chọn điểm AF
- Thao tác xem

MENU Thiết lập điều khiển cảm ứng



1 Chọn [Touch control (Điều khiển cảm ứng)].

- Trong tab [4], chọn [Touch control (Điều khiển cảm ứng)], rồi nhấn <SET>.



2 Cài đặt thiết lập độ nhạy điều khiển cảm ứng.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- [Standard (Tiêu chuẩn)] là thiết lập thông thường.
- [Sensitive (Nhạy)] cho phản ứng chạm tốt hơn [Standard (Tiêu chuẩn)]. Thử cả hai thiết lập để chọn được thiết lập phù hợp.
- Để hủy thao tác với màn hình cảm ứng, chọn [Disable (Tắt)].

Thận trọng khi thực hiện các thao tác điều khiển cảm ứng

- Do màn hình LCD không nhạy với áp lực nên không được sử dụng bất kỳ vật sắc nhọn như móng tay, bút bi, v.v... để thực hiện thao tác chạm.
- Không dùng ngón tay ướt để thao tác với màn hình cảm ứng.
- Nếu màn hình LCD bị ẩm hoặc nếu ngón tay ướt, màn hình cảm ứng có thể không phản ứng hoặc gặp trục trặc. Trong trường hợp này, tắt nguồn và lau khô bằng vải.
- Gắn tấm hoặc miếng dán bảo vệ bán sẵn trên thị trường vào màn hình LCD có thể làm chậm phản hồi của thao tác chạm.
- Khi đặt [Sensitive (Nhạy)], thao tác chạm có thể phản ứng chậm hơn nếu thực hiện nhanh.

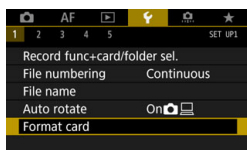
Trước khi bắt đầu

MENU Định dạng thẻ

Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.



Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.



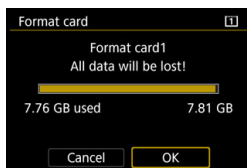
1 Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].

- Trong tab [1], chọn [Format card (Định dạng thẻ)], rồi nhấn <SET>.



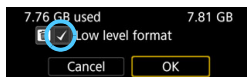
2 Chọn thẻ.

- [1] là thẻ CF, và [2] là thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn <SET>.



3 Định dạng thẻ nhớ.

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thẻ sẽ được định dạng.



- Khi chọn [2], có thể sử dụng định dạng mức thấp (tr.74). Để định dạng mức thấp, nhấn nút <[checkmark]> để đánh dấu chọn [✓] vào [Low level format (Định dạng mức thấp)], rồi chọn [OK].



Định dạng thẻ trong các trường hợp sau:

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.591).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ SD chậm hoặc nếu bạn muốn xóa hết dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ SD, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường. bạn có thể sử dụng thẻ SD như bình thường.

● **Định dạng tập tin của thẻ**

Thẻ CF có dung lượng tối đa 128 GB và thẻ SD/SDHC sẽ được định dạng FAT32. Thẻ CF vượt quá 128 GB và thẻ SDXC sẽ được định dạng exFAT.

Khi quay phim với thẻ đã định dạng exFAT, phim sẽ được ghi thành một tập tin (thay vì được chia thành nhiều tập tin) ngay cả khi vượt quá 4 GB. (Tập tin phim sẽ vượt quá 4 GB.)



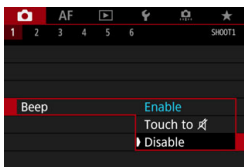
- Nếu bạn định dạng thẻ có dung lượng vượt quá 128 GB hoặc thẻ SDXC bằng máy ảnh này rồi lắp thẻ vào máy ảnh khác, máy có thể hiển thị lỗi và không sử dụng được thẻ. Một số hệ điều hành máy tính hoặc đầu đọc thẻ nhất định có thể không nhận dạng được thẻ ở định dạng exFAT.
- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng mức thấp hoặc hủy thẻ bằng cách đập vỡ, bẻ gãy, v.v... để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.



- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng thẻ có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.

MENU Tắt tiếng bíp

Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét trong quá trình chụp hẹn giờ hoặc thao tác chạm.



1 Chọn [Beep (Bíp)].

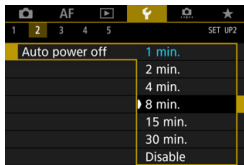
- Trong tab [1], chọn **[Beep (Bíp)]**, rồi nhấn **<SET>**.

2 Chọn [Disable (Tắt)].

- Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Máy sẽ không phát ra tiếng bíp.
- Nếu chọn **[Touch to (Chạm để)]**, tiếng bíp sẽ chỉ tắt đối với các thao tác chạm.

MENU Thiết lập thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Thiết lập mặc định là 1 phút, có thể thay đổi. Nếu bạn không muốn máy ảnh tự động tắt, đặt **[Disable (Tắt)]**. Sau khi tắt nguồn, nhấn nút chụp hoặc các nút khác để bật lại máy ảnh.



1 Chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)].

- Trong tab [2], chọn **[Auto power off (Tự động tắt nguồn)]**, rồi nhấn **<SET>**.

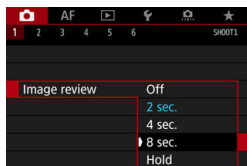
2 Thiết lập thời gian mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

Dù đặt **[Disable (Tắt)]**, màn hình LCD vẫn sẽ tự động tắt sau khoảng 30 phút để tiết kiệm pin. (Máy ảnh không tắt nguồn.)

MENU Thiết lập thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD ngay sau mỗi lần chụp. Đặt **[Hold (Giữ)]** để hiển thị ảnh chụp. Đặt **[Off (Tắt)]** để không hiển thị ảnh chụp.



1 Chọn [Image review (Xem lại ảnh)].

- Trong tab [**1**], chọn **[Image review (Xem lại ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.

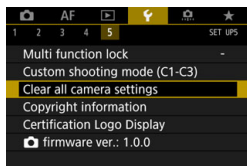
2 Thiết lập thời gian mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

 Nếu đặt **[Hold (Giữ)]**, ảnh sẽ hiển thị cho đến khi hết thời gian tự động tắt nguồn.

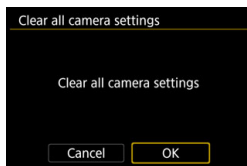
MENU Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh ☆

Thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu của máy ảnh có thể được khôi phục về thiết lập mặc định.



1 Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)].

- Trong tab [**5**], chọn **[Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn [OK].

- Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh sẽ đặt lại máy ảnh về thiết lập mặc định ở trang 78-82.

 Để tìm hiểu cách xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh, tham khảo trang 485.

Thiết lập chức năng chụp

EN		VI	
AF operation	One-Shot AF	Thao tác AF	Lấy nét một lần
AF area selection mode	Single-point AF (Manual selection)	Chế độ chọn vùng AF	AF một điểm (Chọn bằng tay)
AF point selection	Center	Chọn điểm AF	Trung tâm
Registered AF point	Canceled	Điểm AF đã đăng ký	Đã hủy
Metering mode	 (Evaluative metering)	Chế độ đo sáng	 (Đo sáng toàn khung ảnh)
ISO speed settings		Thiết lập tốc độ ISO	
ISO speed	Automatic setting (Auto)	Tốc độ ISO	Thiết lập tự động (Tự động)
Range for stills	Minimum: 100 Maximum: 32000	Phạm vi cho ảnh	Tối thiểu: 100 Tối đa: 32000
Auto range	Minimum: 100 Maximum: 12800	Phạm vi tự động	Tối thiểu: 100 Tối đa: 12800
Minimum shutter speed for auto	Auto	Tốc độ màn trập tối thiểu khi tự động	Tự động
Drive mode	 (Single shooting)	Kiểu chụp	 (Chụp từng ảnh)
Exposure compensation/AEB	Canceled	Bù trừ phơi sáng/AEB	Đã hủy
Flash exposure compensation	Canceled	Bù trừ phơi sáng flash	Đã hủy
Multiple exposure	Disable	Ảnh ghép phơi sáng	Tắt
HDR mode	Disable HDR	Chế độ HDR	Tắt HDR
Interval timer	Disable	Hẹn giờ ngắt quãng	Tắt
Bulb timer	Disable	Hẹn giờ bulb	Tắt
Anti-flicker shooting	Disable	Chụp chống nhấp nháy	Tắt
Mirror lockup	Disable	Khóa gương lật	Tắt
Viewfinder Information		Thông tin khung ngắm	
Electronic level	Hide	Cân bằng điện tử	Ẩn
Grid display	Hide	Hiển thị khung lưới	Ẩn
Show/hide in viewfinder	Only flicker detection selected	Ẩn/hiện trong khung ngắm	Chỉ chọn nhận diện nhấp nháy
Custom Functions	Unchanged	Chức năng tùy chỉnh	Không thay đổi
External Speedlite control		Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài	
Flash firing	Enable	Đánh sáng flash	Bật
E-TTL II flash metering	Evaluative flash metering	Đo sáng flash E-TTL II	Đo sáng flash toàn khung ảnh
Flash sync. speed in Av mode	Auto	Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av	Tự động

AF (Lấy nét tự động)

EN		VI	
Case 1 - 6	Case1/Parameter settings of all cases cleared	Tình huống 1 - 6	Tình huống 1/Đã xóa tất cả thiết lập thông số của các tình huống
AI Servo 1st image priority	Equal priority	Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên	Ưu tiên cân bằng
AI Servo 2nd image priority	Equal priority	Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai	Ưu tiên cân bằng
Lens electronic MF	Enable after One-Shot AF	Lấy nét tay điện tử của ống kính	Bật sau khi lấy nét một lần
AF-assist beam firing	Enable	Đánh sáng tia giúp lấy nét	Bật
One-Shot AF release priority	Focus priority	Lấy nét một lần ưu tiên nhà màn trập	Ưu tiên lấy nét
Lens drive when AF impossible	Continue focus search	Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động	Tiếp tục tìm kiếm lấy nét
Selectable AF point	All points	Điểm AF có thể chọn	Tất cả các điểm
Select AF area selection mode	All items selected	Chọn chỗ độ chọn vùng AF	Đã chọn tất cả mục
AF area selection method	M-Fn button	Phương pháp chọn vùng AF	Nút M-Fn
Orientation linked AF point	Same for both vertical/horizontal	Điểm AF theo hướng chụp	Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc
Initial AF Point, (○) AI Servo AF	Auto	Điểm AF ban đầu, (○) Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	Tự động
Auto AF pt sel.: EOS iTR AF	EOS iTR AF (Face priority)	Tự động chọn điểm AF: EOS iTR AF	EOS iTR AF (Ưu tiên khuôn mặt)
AF point selection movement	Stops at AF area edges	Chuyển động chọn điểm AF	Dừng ở rìa vùng AF
AF point display during focus	Selected (constant)	Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét	Đã chọn (không đổi)
VF display illumination	Auto	Phát sáng hiển thị trong khung ngắm	Tự động
AF point during AI Servo AF	Disable	Điểm AF trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	Tắt
AF operation display in viewfinder	Displayed in viewfinder	Thao tác AF hiển thị trong khung ngắm	Hiển thị trong khung ngắm
AF Microadjustment	Disable/Adjustment amount retained	Vi chỉnh AF	Tắt/Điều chỉnh lượng còn lại

Thiết lập ghi ảnh

EN	
Image quality	L
Dual Pixel RAW	Disable
Picture Style	Standard
Auto Lighting Optimizer	Standard
Lens aberration correction	
Peripheral illumination correction	Enable
Distortion correction	Disable
Digital Lens Optimizer	Disable
Chromatic aberration correction	Enable
Diffraction correction	Enable
White balance	(Ambience priority)
Custom White Balance	Canceled
White balance shift	Canceled
White balance bracketing	Canceled
Color space	sRGB
Long exposure noise reduction	Disable
High ISO speed noise reduction	Standard
Highlight tone priority	Disable
Record function+card/folder selection	
Record function	Standard
Record and playback	Unchanged
File numbering	Continuous
File name	Preset code
Dust Delete Data	Erased

VI	
Chất lượng ảnh	L
Ảnh RAW pixel đôi	Tắt
Kiểu ảnh	Tiêu chuẩn
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tiêu chuẩn
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	Bật
Hiệu chỉnh méo hình	Tắt
Tối ưu hóa ống kính số	Tắt
Hiệu chỉnh sắc sai	Bật
Hiệu chỉnh nhiễu xạ	Bật
Cân bằng trắng	(Ưu tiên môi trường)
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Đã hủy
Thay đổi cân bằng trắng	Đã hủy
Cân bằng trắng hỗn hợp	Đã hủy
Không gian màu	sRGB
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	Tắt
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	Tiêu chuẩn
Ưu tiên tông màu sáng	Tắt
Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục	
Chức năng ghi	Tiêu chuẩn
Ghi và phát lại	Không thay đổi
Đánh số thứ tự tập tin	Kế tiếp
Tên tập tin	Mã đặt trước
Dữ liệu xóa bụi	Đã xóa

Thiết lập máy ảnh

EN		VI	
Image review time	2 sec.	Thời gian xem lại ảnh	2 giây
Beep	Enable	Bíp	Bật
Release shutter without card	Enable	Nhả màn trập khi không lắp thẻ	Bật
Image jump w/ 	 (10 images)	Nhảy ảnh với 	 (10 ảnh)
Highlight alert	Disable	Cảnh báo vùng sáng	Tắt
AF point display	Disable	Hiện thị điểm AF	Tắt
Playback grid	Off	Khung lưới khi xem	Tắt
Histogram display	Brightness	Hiện thị biểu đồ	Độ sáng
Movie playback count	Unchanged	Thời lượng chiếu phim	Không thay đổi
Magnification (Approx.)	2x (magnify from center)	Hệ số phóng to (Ước chừng)	2x (phóng to từ trung tâm)
Control over HDMI	Disable	Điều khiển qua HDMI	Tắt
Auto rotate vertical images	On  	Tự động xoay ảnh dọc	Bật  
Auto power off	1 min.	Tự động tắt nguồn	1 phút
LCD brightness	Auto	Độ sáng LCD	Tự động
LCD color tone	2: Standard	Tông màu LCD	2: Tiêu chuẩn
Date/Time/Zone	Unchanged	Ngày/Giờ/Múi giờ	Không thay đổi
Language	Unchanged	Ngôn ngữ	Không thay đổi
Touch control	Standard	Điều khiển cảm ứng	Tiêu chuẩn
Video system	Unchanged	Hệ thống video	Không thay đổi
Auto cleaning	Enable	Tự động làm sạch	Bật
INFO button display options	All items selected	Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO	Đã chọn tất cả mục
Custom Quick Control	Unchanged	Điều khiển nhanh tùy chỉnh	Không thay đổi
INFO button LV display options	Unchanged	Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình LV	Không thay đổi
RATE button function	Rating	Chức năng nút RATE	Xếp hạng
GPS	Disable	GPS	Tắt
Built-in wireless setting		Thiết lập không dây tích hợp	
Wi-Fi/NFC	Disable	Wi-Fi/NFC	Tắt
FTP transfer setting		Thiết lập truyền qua FTP	
Automatic transfer	Disable	Truyền tự động	Tắt
Multi function lock	 (Quick Control Dial) only	Khóa đa chức năng	Chỉ  (Nút xoay điều khiển nhanh)
Custom shooting mode	Unchanged	Chế độ chụp tùy chỉnh	Không thay đổi
Copyright information	Unchanged	Thông tin bản quyền	Không thay đổi
Configure: MY MENU	Unchanged	Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG	Không thay đổi
Menu display	Normal display	Hiện thị menu	Hiện thị bình thường

Thiết lập chụp Live View

EN	
Live View shooting	Enable
AF method	⬆️+Tracking
Touch shutter	Disable
Grid display	Off
Aspect ratio	3:2
Exposure	Enable
Silent LV shooting	Mode 1
Metering timer	8 sec.

VI	
Chụp Live View	Bật
Phương pháp AF	⬆️+Theo dõi
Chạm để chụp	Tắt
Hiển thị khung lưới	Tắt
Tỷ lệ khung ảnh	3:2
Mô phỏng phơi sáng	Bật
Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1
Hẹn giờ đo sáng	8 giây

Thiết lập quay phim

EN	
ISO speed settings	
ISO speed	Automatic setting (Auto)
Range for movies	Minimum: 100 Maximum: 25600
Range for 4K	Minimum: 100 Maximum: 12800
Movie Servo AF	Enable
AF method	⬆️+Tracking
Grid display	Off
Movie recording quality	
MOV/MP4	MOV
Movie recording size	NTSC: FHD 29.97P [IPB] PAL: FHD 25.00P [IPB]
24.00P	Disable
High Frame Rate	Disable
Sound recording	Auto
Wind filter	Disable
Attenuator	Disable

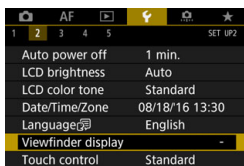
VI	
Thiết lập tốc độ ISO	
Tốc độ ISO	Thiết lập tự động (Tự động)
Phạm vi cho phim	Tối thiểu: 100 Tối đa: 25600
Phạm vi cho 4K	Tối thiểu: 100 Tối đa: 12800
Lấy nét Servo phim	Bật
Phương pháp AF	⬆️+Theo dõi
Hiển thị khung lưới	Tắt
Chất lượng ghi phim	
MOV/MP4	MOV
Kích thước ghi phim	NTSC: FHD 29.97P [IPB] PAL: FHD 25.00P [IPB]
24,00P	Tắt
Tốc độ khung hình cao	Tắt
Ghi âm	Tự động
Lọc gió	Tắt
Bộ tiêu âm	Tắt

EN	
Movie Servo AF Speed	
When active	Always on
AF speed	0 (Standard)
Movie Servo AF track sensitivity	0
Metering timer	8 sec.
Time code	
Count up	Unchanged
Start time setting	Unchanged
Movie recording count	Unchanged
Movie playback count	Unchanged
HDMI	Unchanged
Drop frame	Unchanged
 button function	 AF/-
Time-lapse movie	Disable
HDMI display	
HDMI frame rate	Auto
Remote control shooting	Disable

VI	
Tốc độ lấy nét Servo phim	
Khi bật	Luôn bật
Tốc độ AF	0 (Tiêu chuẩn)
Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim	0
Hẹn giờ đo sáng	8 giây
Mã thời gian	
Tổng số	Không thay đổi
Thiết lập thời gian bắt đầu	Không thay đổi
Thời lượng ghi phim	Không thay đổi
Thời lượng chiếu phim	Không thay đổi
HDMI	Không thay đổi
Chỉnh khung	Không thay đổi
Chức năng nút 	 AF/-
Phim time-lapse	Tắt
Hiển thị HDMI	
Tốc độ khung hình HDMI	Tự động
Chụp điều khiển từ xa	Tắt

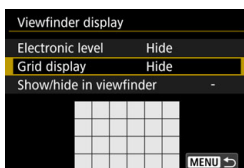
⌘ Hiển thị khung lưới trong khung ngắm

Hiển thị khung lưới trong khung ngắm sẽ hỗ trợ bạn trong việc căn chỉnh độ nghiêng máy và lấy bố cục ảnh chụp.

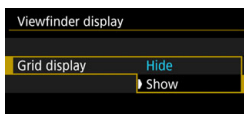


1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

- Trong tab [2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.

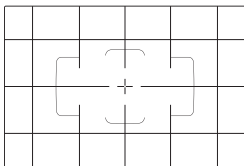


2 Chọn [Grid display (Hiển thị khung lưới)].



3 Chọn [Show (Hiện)].

- Khi thoát menu, khung lưới sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

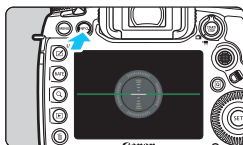


 Bạn có thể hiển thị khung lưới trên màn hình LCD trong khi chụp Live View và trước khi bắt đầu quay phim (tr.313, 386).

Hiện thị cân bằng điện tử

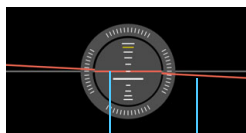
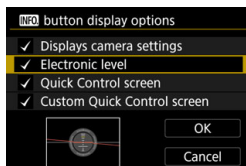
Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD hoặc trong khung ngắm để chỉnh nghiêng máy.

Hiện thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD

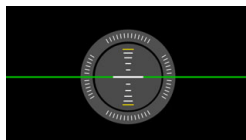


1 Nhấn nút <INFO.>.

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, màn hình hiển thị sẽ thay đổi.
- Hiện thị cân bằng điện tử.
- Nếu cân bằng điện tử không xuất hiện, thiết lập [**3: INFO button display options** (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút **INFO**)] để hiển thị cân bằng điện tử (tr.89).



Cân bằng theo hướng dọc Cân bằng theo hướng ngang



2 Kiểm tra nghiêng máy.

- Nghiêng máy theo hướng ngang và hướng dọc hiển thị ở mức tăng 1°.
- Đường màu đỏ chuyển sang màu xanh lá cây cho biết máy đã ở vị trí cân bằng.



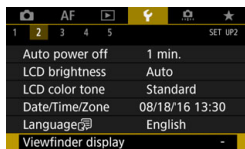
- Ngay cả khi máy đã ở vị trí cân bằng, vẫn có thể có sai số khoảng $\pm 1^\circ$.
- Nếu độ nghiêng của máy ảnh quá lớn, sai số của cân bằng điện tử sẽ lớn hơn.



Trong khi chụp Live View và trước khi quay phim (ngoại trừ với **+** Theo dõi), bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử như được trình bày phía trên.

MENU Hiển thị cân bằng điện tử trong khung ngắm

Cân bằng điện tử có thể hiển thị ở phía trên khung ngắm. Do biểu tượng này hiển thị trong quá trình chụp, bạn có thể kiểm tra nghiêng máy khi chụp.



1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

- Trong tab [2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.



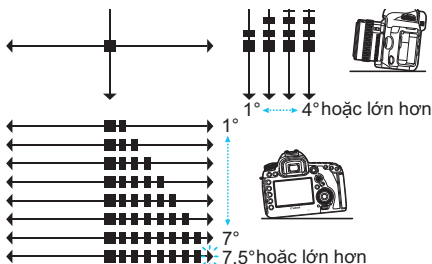
2 Chọn [Electronic level (Cân bằng điện tử)].



3 Chọn [Show (Hiện)].

4 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Cân bằng điện tử sẽ hiển thị ở phía trên khung ngắm.
- Cũng có thể sử dụng cân bằng này cả khi chụp ảnh dọc.

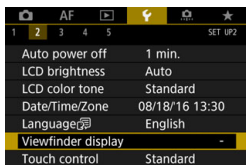


⚠ Ngay cả khi máy đã ở vị trí cân bằng, vẫn có thể có sai số khoảng $\pm 1^\circ$.

MENU Thiết lập hiển thị thông tin trong khung ngắm ☆

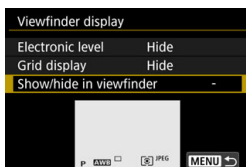
Các thiết lập chức năng chụp (Pin (dung lượng còn lại), Chế độ chụp, Cân bằng trắng, Kiểu chụp, Thao tác AF, Chế độ đo sáng, Chất lượng ảnh (loại ảnh), Tối ưu hóa ống kính số, Ảnh RAW pixel đôi (chụp), Nhận diện nhấp nháy) có thể hiển thị trong khung ngắm.

Mặc định chỉ có mục Nhận diện nhấp nháy được đánh dấu chọn [✓].

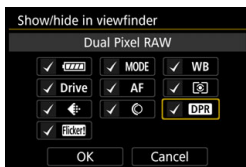


1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

- Trong tab [F2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)].



3 Đánh dấu chọn [✓] thông tin sẽ hiển thị.

- Chọn thông tin muốn hiển thị rồi nhấn <SET> để thêm dấu chọn [✓].
- Lặp lại bước này để thêm dấu chọn [✓] với tất cả thông tin muốn hiển thị. Rồi chọn [OK].
- Khi thoát menu, thông tin được đánh dấu chọn sẽ xuất hiện trong khung ngắm (tr.31).



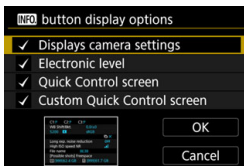
 Nếu máy ảnh không cắm thẻ, thông tin chất lượng ghi ảnh (loại ảnh: JPEG/RAW) sẽ không hiển thị.

- 
- Khi bạn nhấn nút <WB•> hoặc <DRIVE•AF>, điều khiển công tắc chế độ lấy nét của ống kính hoặc khi ống kính được trang bị chức năng lấy nét tay điện tử và công tắc chuyển giữa AF và MF khi xoay vòng lấy nét của ống kính (tr.140), thông tin tương ứng sẽ xuất hiện trong khung ngắm bất kể có được đánh dấu chọn hay không.
 - Mặc dù [**Battery (Pin)**] không được đánh dấu chọn, biểu tượng mức pin (/) vẫn hiển thị trong khung ngắm khi pin yếu.

Chức năng nút INFO.

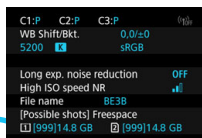
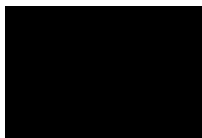


Nếu nhấn nút <INFO.> khi máy ảnh trong trạng thái sẵn sàng chụp, bạn có thể thay đổi hiển thị như sau: Hiển thị thiết lập máy ảnh (tr.90), Cân bằng điện tử (tr.85), Màn hình điều khiển nhanh (tr.91) và Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.514).



[INFO] button display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút [INFO]) trong tab [43] cho phép lựa chọn các tùy chọn hiển thị khi nhấn nút <INFO.>.

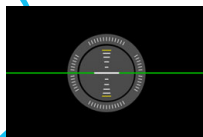
- Chọn tùy chọn hiển thị mong muốn và nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓].
- Sau đó chọn [OK] để đăng ký thiết lập.



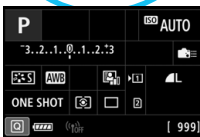
Thiết lập máy ảnh



Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh



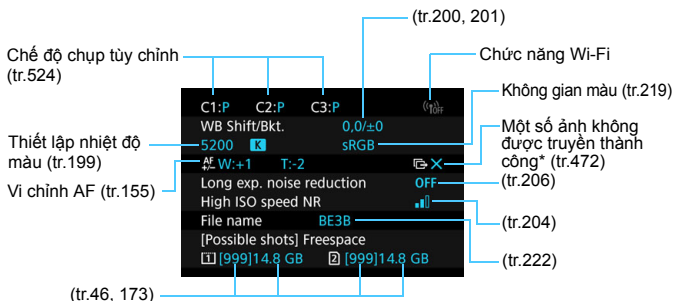
Cân bằng điện tử



Màn hình điều khiển nhanh

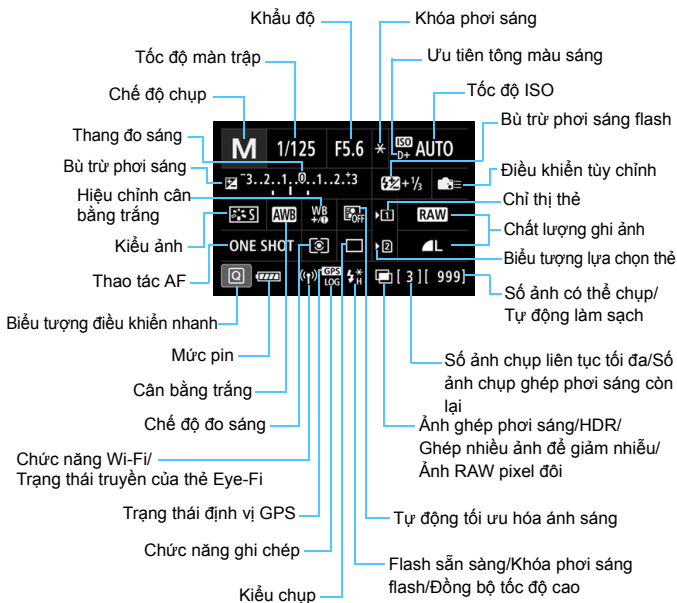
- Nếu tắt nguồn trong khi cân bằng điện tử, màn hình điều khiển nhanh hoặc điều khiển nhanh tùy chỉnh đang hiển thị, các màn hình này sẽ xuất hiện lại khi bật nguồn. Để hủy chức năng này, nhấn nút <**INFO**> một lúc cho đến khi màn hình trống, rồi tắt công tắc nguồn.
- Lưu ý rằng không thể bỏ dấu [✓] cho cả bốn tùy chọn hiển thị.
- Màn hình mẫu [**Displays camera settings (Hiển thị thiết lập máy ảnh)**] hiển thị bằng tiếng Anh cho tất cả ngôn ngữ.
- Ngay cả khi bạn thiết lập để không hiển thị, [**Electronic level (Cân bằng điện tử)**] vẫn sẽ xuất hiện trong quá trình chụp Live View và quay phim khi nhấn nút <**INFO**>.
- Khi màn hình điều khiển nhanh hoặc màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh hiển thị, nhấn nút <**Q**> để có thể thiết lập chức năng với Điều khiển nhanh (tr.64).

Thiết lập máy ảnh



* Biểu tượng này hiển thị khi có một số ảnh không được truyền thành công.

Màn hình điều khiển nhanh



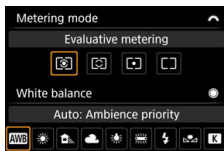
* Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh

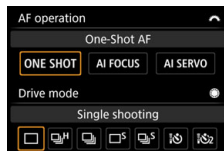
Để tìm hiểu về Điều khiển nhanh tùy chỉnh, tham khảo trang 514.

Thao tác nút cho màn hình điều khiển nhanh và điều khiển nhanh tùy chỉnh

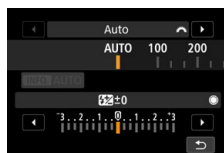
Khi nhấn nút <WB•>, <DRIVE•AF>, <•ISO> hoặc <>, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện và bạn có thể sử dụng <>, <>, <>, <> hoặc <M-Fn> để đặt chức năng.



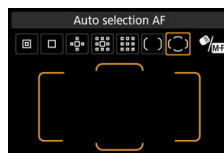
Chế độ đo sáng / Cân bằng trắng



Thao tác AF / Kiểu chụp



Tốc độ ISO /
Bù trừ phơi sáng flash

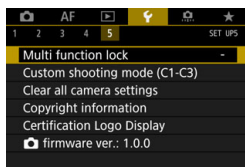


Vùng AF/ Chọn điểm AF

LOCK► Thiết lập khóa đa chức năng

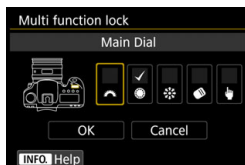
Khi gạt công tắc <LOCK►> sang phải, bạn có thể tránh vô tình thay đổi thiết lập như sau: vô tình thao tác với nút xoay chính, nút xoay điều khiển nhanh hoặc nút điều khiển đa năng, nhấn nút chọn vùng AF hoặc chạm vào màn hình cảm ứng.

Để tìm hiểu chi tiết về công tắc khóa đa chức năng, tham khảo trang 62.



1 Chọn [Multi function lock (Khóa đa chức năng)].

- Trong tab [5], chọn [Multi function lock (Khóa đa chức năng)], rồi nhấn <SET>.



2 Đánh dấu chọn [✓] vào tùy chọn điều khiển máy ảnh để khóa.

- Chọn tùy chọn điều khiển máy ảnh và nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓].
- Chọn [OK].
- Khi gạt công tắc <LOCK►> sang phải, điều khiển máy ảnh [✓] được đánh dấu chọn sẽ bị khóa.

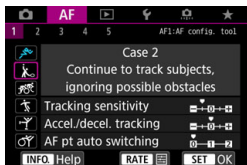


- Nếu gạt công tắc <LOCK►> lên trên và cố thay đổi điều khiển máy ảnh đã bị khóa (trừ khi đặt [Touch control (Điều khiển cảm ứng)]), biểu tượng <L> sẽ xuất hiện trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. Trên màn hình điều khiển nhanh (tr.64), [LOCK] sẽ hiển thị. Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, [LOCK] sẽ hiển thị trên màn hình chụp.
- Khi khóa, nút xoay <L> sẽ được khóa mặc định.
- Trong chế độ <A+>, bạn chỉ có thể đặt [Touch control (Điều khiển cảm ứng)].
- Điều khiển nhanh (tr.64) sẽ hoạt động với mọi thiết lập khóa đa chức năng.

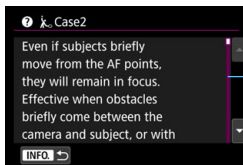
? Trợ giúp

Khi [INFO Help (Trợ giúp)] hiển thị ở phía dưới màn hình menu, mô tả tính năng (Trợ giúp) có thể hiển thị. Nhấn nút <INFO.> để hiển thị trợ giúp. Nhấn lại nút để tắt hiển thị trợ giúp. Nếu phần trợ giúp không hiển thị hết trong màn hình, thanh cuộn sẽ xuất hiện ở rìa bên phải. Xoay nút xoay <◀▶> để cuộn.

● Ví dụ: [AF1: Case 2 (Tinh hướng 2)]

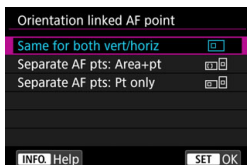


INFO.

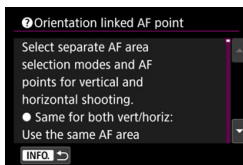


Thanh cuộn

● Ví dụ: [AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)]



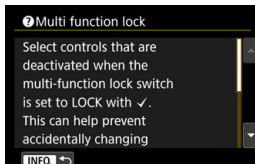
INFO.



● Ví dụ: [5: Multi function lock (Khóa đa chức năng)]



INFO.

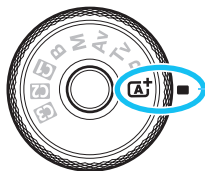


2

Chụp cơ bản

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ $\langle A^+ \rangle$ (Tự động nhận cảnh thông minh) trên nút xoay chế độ để chụp ảnh dễ dàng.

Trong chế độ $\langle A^+ \rangle$, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động thiết lập các cài đặt (tr.540). Ngoài ra, để tránh làm hỏng ảnh do thao tác sai, bạn không thể thay đổi các thiết lập chức năng chụp nâng cao.



Tự động nhận cảnh thông minh



Tự động tối ưu hóa ánh sáng

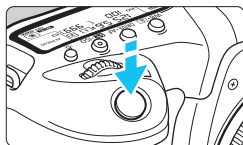
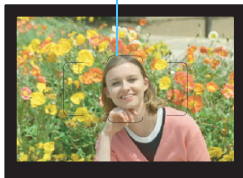
Trong chế độ $\langle A^+ \rangle$, chức năng tự động tối ưu hoá ánh sáng (tr.203) sẽ tự động điều chỉnh ảnh để đạt được độ sáng và độ tương phản tối ưu dựa trên kết quả chụp.

[A⁺] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

<[A⁺]> là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động đặt các thiết lập tối ưu. Chế độ này cũng tự động điều chỉnh lấy nét chủ thể tĩnh hay đang chuyển động bằng cách phát hiện chuyển động của chủ thể (tr.99).



Khung AF theo vùng



Đèn báo lấy nét

1 Đặt nút xoay chế độ thành <[A⁺]>.

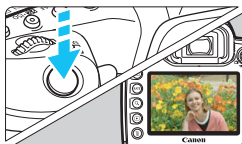
- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút nhả khóa ở giữa.

2 Hướng khung AF theo vùng vào chủ thể.

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng trung tâm của khung AF theo vùng vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp. Các tính năng của ống kính sẽ thay đổi để lấy nét.
- ▶ Trong khi thao tác lấy nét tự động, <[AF]> sẽ hiển thị.
- ▶ Điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị. Đồng thời, máy phát ra tiếng bíp và đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng.
- ▶ Trong điều kiện ánh sáng yếu, (các) điểm AF sẽ chớp sáng đỏ.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong khoảng 2 giây trên màn hình LCD.



Chế độ **[A⁺]** giúp màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn trở nên ấn tượng hơn. Nếu không đạt được tông màu mong muốn, chuyển sang chế độ **[P]**, **[Tv]**, **[Av]** hoặc **[M]**, đặt một kiểu ảnh khác với **[FvA]**, rồi chụp lại (tr.185).



Câu hỏi thường gặp

- **Đèn báo lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng khung AF theo vùng vào vùng có độ tương phản tốt, rồi nhấn nửa chừng nút chụp (tr.58). Di chuyển ra xa và chụp lại nếu bạn ở quá gần chủ thể.
- **Khi lấy được nét, (các) điểm AF không chớp sáng đỏ.**
Điểm AF chỉ chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc lấy nét chủ thể tối.
- **Nhiều điểm AF phát sáng đồng thời.**
Đã lấy được nét tại tất cả các điểm này. Bạn có thể chụp ảnh khi điểm AF bao quanh chủ thể vẫn phát sáng.
- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.)**
Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn báo trạng thái AF **[AF]** phát sáng, nhưng đèn báo lấy nét **<●>** không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.
Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.99) không hoạt động trong trường hợp này.

- **Nhấn nửa chừng nút chụp nhưng không lấy được nét.**
Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <MF> (lấy nét tay).
- **Hiện thị thông số tốc độ màn trập nhấp nháy.**
Chụp ảnh trong điều kiện trời quá tối có thể bị mờ chủ thể do rung máy. Nên sử dụng chân máy hoặc đèn Speedlite Canon sê-ri EX (bán riêng, tr.290).
- **Khi sử dụng flash gắn ngoài, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**
Loa che nắng gắn trên ống kính có thể cản trở ánh sáng đèn flash. Khi chụp đối tượng gần, tháo loa trước khi chụp với flash.



Giảm thiểu ảnh mờ

- Chụp từng ảnh ngắt tiếng (tr.164), Chụp từng ảnh trong chế độ chụp Live View, v.v... sẽ giúp giảm mờ. Khóa gương lật (tr.280) cũng hiệu quả trừ khi chế độ chụp được đặt thành < >.
- Khi chụp liên tục, sử dụng chế độ chụp liên tục ngắt tiếng (tr.164) hoặc chụp liên tục Live View sẽ giúp giảm mờ.
- Sử dụng chân máy vững chắc có thể chịu được trọng lượng của thiết bị chụp. Gắn máy ảnh chắc chắn trên chân máy.
- Nên sử dụng công tắc điều khiển từ xa hoặc bộ điều khiển từ xa (tr.283).

[A⁺] Kỹ thuật hoàn toàn tự động **(Tự động nhận cảnh thông minh)**

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để lấy hậu cảnh cân bằng sẽ tạo được ảnh có phối cảnh tốt hơn. Ở chế độ <[A⁺]>, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Bố cục lại ảnh trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, rồi nhấn xuống hoàn toàn để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”.

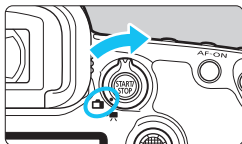
Chụp chủ thể chuyển động



Ở chế độ <[A⁺]>, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Chỉ cần bạn vẫn hướng khung AF theo vùng vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ tiếp tục. Tại thời điểm quyết định, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

Chụp Live View

Bạn có thể chụp trong khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 301.

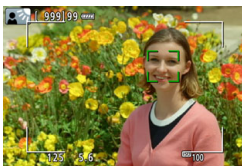


1 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành .



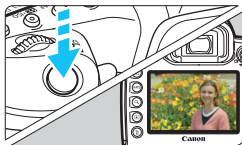
2 Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.

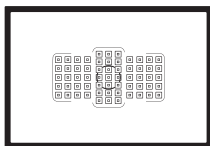


4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

3

Thiết lập Kiểu chụp và AF



Các điểm AF trong khung ngắm được sắp xếp để chụp AF phù hợp với đa dạng cảnh và chủ thể.

Bạn cũng có thể chọn thao tác AF và kiểu chụp phù hợp nhất với điều kiện chụp và chủ thể.

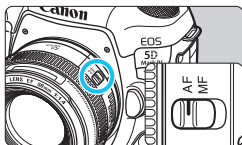
- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .
- Trong chế độ <A+>, thao tác AF và chế độ chọn vùng AF được thiết lập tự động.



<AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động). <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay).

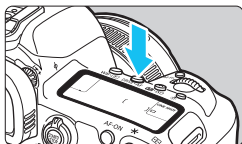
AF: Chọn thao tác AF ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF phù hợp với các điều kiện chụp hoặc chủ thể. Trong chế độ <A+>, “Lấy nét tự động AI” được đặt tự động.

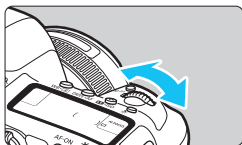


1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

2 Đặt chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc .



3 Nhấn nút <DRIVE·AF> (ⓘ6).



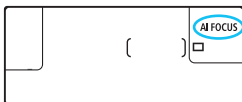
4 Chọn thao tác AF.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <MENU>.

ONE SHOT: Lấy nét một lần

AI FOCUS: Lấy nét tự động AI

AI SERVO: Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục



- Khi chế độ chọn vùng AF (tr.111) được đặt thành AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF chọn tự động, bạn có thể sử dụng thông tin màu của khuôn mặt và chủ thể để lấy nét tự động (tr.149).
- Trong các chế độ chụp <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc , bạn có thể nhấn nút <AF-ON> để lấy nét tự động.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh



Đèn báo lấy nét
Điểm AF

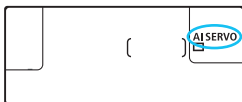
Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
- Đối với đo sáng toàn khung ảnh (tr.257), thiết lập phơi sáng được đặt cùng lúc lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và lấy nét lại hoặc tham khảo phần “Khi Lấy nét tự động thất bại” (tr.161).
- Nếu [**1: Beep (Bíp)**] được đặt thành [**Disable (Tắt)**], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.
- Sau khi lấy được nét với Lấy nét một lần, bạn có thể khóa lấy nét trên chủ thể và bố cục lại ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Thao tác này hữu ích khi bạn muốn lấy nét chủ thể không nằm trong khung AF theo vùng.
- Khi sử dụng ống kính có chức năng lấy nét tay điện tử, sau khi lấy được nét, bạn có thể thực hiện lấy nét tay bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính trong khi nhấn nửa chừng nút chụp (tr.162).

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục cho chủ thể chuyển động

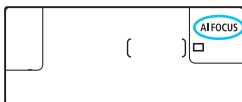


Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chế độ chọn vùng AF (tr.111) được đặt thành chọn AF tự động, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong khung AF theo vùng.

 Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI để tự động chuyển đổi thao tác AF



Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển thao tác AF từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, nếu chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thao tác AF thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và bắt đầu theo dõi chủ thể chuyển động.

 Khi lấy được nét bằng Lấy nét tự động AI với thao tác Servo được kích hoạt, tiếng bíp nhỏ sẽ liên tục phát ra. Tuy nhiên, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng lấy nét sẽ không khóa trong trường hợp này.

Chỉ báo thao tác AF



Khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và máy ảnh thực hiện tự động lấy nét, biểu tượng < **AF** > sẽ xuất hiện ở phía dưới bên phải của khung ngắm.

Trong chế độ lấy nét một lần, khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp, biểu tượng cũng xuất hiện sau khi lấy được nét.



Có thể di chuyển chỉ báo thao tác AF ra ngoài phạm vi trường nhìn của khung ngắm (tr.154).

Điểm AF chớp sáng đỏ

Theo mặc định, điểm AF chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc khi chụp chủ thể tối. Trong chế độ < **P** >, < **Tv** >, < **Av** >, < **M** > hoặc < **B** >, bạn có thể thiết lập để điểm AF chớp sáng đỏ khi lấy được nét (tr.153).

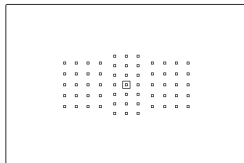
Chọn vùng và điểm AF ☆

Máy ảnh có 61 điểm AF để lấy nét tự động. Bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF và (các) điểm AF phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.

 Tùy thuộc vào ống kính được lắp, số lượng điểm AF khả dụng, mô hình điểm AF, hình dạng khung AF theo vùng, v.v... sẽ khác nhau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Ống kính và điểm AF khả dụng” ở trang 117.

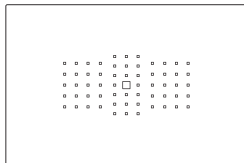
Chế độ chọn vùng AF

Bạn có thể chọn một trong bảy chế độ chọn vùng AF. Để tìm hiểu về quy trình chọn, tham khảo trang 108.



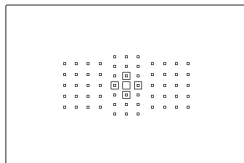
AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)

Để xác định chính xác lấy nét.



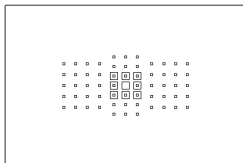
AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF để lấy nét.



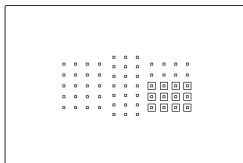
Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay)

Điểm AF đã chọn bằng tay < > và bốn điểm AF kề sát < > (trên, dưới, trái, phải) sẽ được sử dụng để lấy nét.



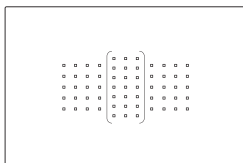
☐☐☐ Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay, các điểm bao quanh)

Điểm AF đã chọn bằng tay <☐> và các điểm AF bao quanh <☐> sẽ được sử dụng để lấy nét.



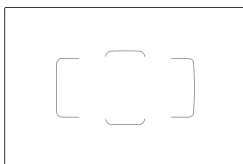
☐☐☐ AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Một trong chín vùng lấy nét sẽ được sử dụng để lấy nét.



() AF theo vùng lớn (Chọn vùng bằng tay)

Một trong ba vùng lấy nét (trái, trung tâm và phải) được dùng để lấy nét.



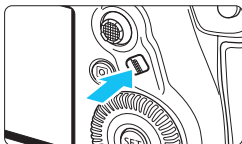
() AF chọn tự động

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét.

Chọn chế độ chọn vùng AF

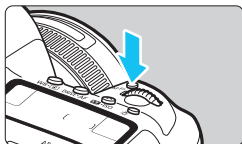


1 Nhấn nút  (<⬢> (⓪6)).



2 Nhấn nút  hoặc <M-Fn>.

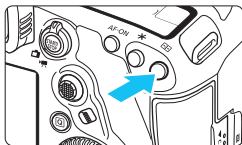
- Ngắm qua khung ngắm và nhấn nút  (chọn vùng AF) hoặc nút <M-Fn>.
- Mỗi lần nhấn nút  hoặc <M-Fn>, chế độ chọn vùng AF sẽ thay đổi.



- 
- Với [**AF4: Select AF area selec. mode (Chọn chế độ chọn vùng AF)**], bạn có thể giới hạn các chế độ chọn vùng AF có thể chọn cho riêng những chế độ muốn sử dụng (tr.145).
 - Nếu đặt [**AF4: AF area selection method (Phương pháp chọn vùng AF)**] thành [ → **Main Dial (Nút xoay chính)**], bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF bằng cách nhấn nút , rồi xoay nút xoay  (tr.146).

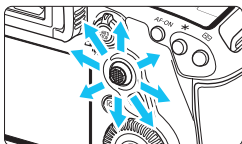
Chọn điểm AF bằng tay

Bạn có thể chọn điểm hoặc vùng AF bằng tay.



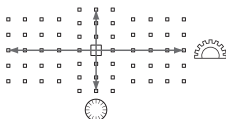
1 Nhấn nút <AF-ON> (⬤6).

- ▶ Các điểm AF sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Trong các chế độ mở rộng điểm AF, các điểm AF kề sát cũng sẽ hiển thị.
- Trong chế độ AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn, vùng đã chọn sẽ hiển thị.



2 Chọn điểm AF.

- Chọn điểm AF sẽ thay đổi theo hướng bạn nghiêng nút <AF-ON>. Khi nhấn thẳng nút <AF-ON> xuống, điểm/vùng AF trung tâm sẽ được chọn.
- Bạn cũng có thể xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF ngang và xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF dọc.
- Trong chế độ AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn, xoay nút xoay <AF-ON> hoặc <AF-ON> sẽ thay đổi vùng (theo thứ tự vòng cho AF theo vùng).



- Khi đặt [AF4: Initial AF pt, AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] thành [Initial AF pt selected (Đã chọn điểm AF ban đầu)] (tr.148), bạn có thể sử dụng phương pháp này để chọn bằng tay vị trí lấy nét AI Servo ban đầu.
- Khi nhấn nút <AF-ON>, bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị các mục sau:
 - AF theo vùng, AF theo vùng lớn, AF tự động chọn: [] AF
 - AF một chấm điểm, AF một điểm, Mở rộng điểm AF: SEL [] (Trung tâm), SEL AF (Ngoài trung tâm)

Chỉ báo hiển thị điểm AF

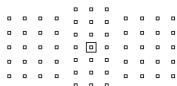
Nhấn nút <> sẽ phát sáng các điểm AF chữ thập để lấy nét tự động đạt độ chính xác cao. Các điểm AF nhấp nháy nhảy với đường ngang hoặc đường dọc. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo các trang 115-123.

Đăng ký điểm AF

Bạn có thể đăng ký điểm AF thường dùng với máy ảnh. Khi bạn sử dụng nút được đặt với màn hình thiết lập chi tiết của menu [ **3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] (tr.499) cho [**Metering and AF start (Bắt đầu đo sáng và AF)**], [**Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF đã đăng ký)**], [**Direct AF point selection (Lựa chọn trực tiếp điểm AF)**], [**Selected AFpt ↔ Cent/Reg AFpt (Điểm AF đã chọn ↔ Điểm AF trung tâm/đăng ký)**] hoặc [**Register/recall shooting func (Đăng ký/gọi ra chức năng chụp)**], bạn có thể ngay lập tức chuyển từ điểm AF hiện tại sang điểm AF được đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết về đăng ký điểm AF, tham khảo trang 504.

Chế độ chọn vùng AF ☆

▣ AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)



Chế độ này dùng để xác định lấy nét chính xác trên một vùng hẹp hơn so với AF một điểm. Chọn một điểm AF <▣> để lấy nét.

Hiệu quả khi cần lấy nét chính xác hoặc lấy nét các chủ thể chồng chéo nhau như động vật trong chuồng.

Do AF một chấm điểm bao trùm một vùng rất nhỏ, bạn có thể khó thực hiện lấy nét trong khi chụp cầm tay hoặc chụp chủ thể chuyển động.

□ AF một điểm (Chọn bằng tay)



Chọn một điểm AF <□> sẽ sử dụng để lấy nét.

▣▣ Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay ▣▣)

Điểm AF đã chọn bằng tay <▣> và các điểm AF kề sát <▣> (trên, dưới, trái, phải) sẽ được sử dụng để lấy nét. Hiệu quả khi khó theo dõi chủ thể chuyển động với chỉ một điểm AF.

Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, điểm AF được chọn bằng tay ban đầu <▣> phải theo dõi lấy nét chủ thể trước tiên. Tuy nhiên, Lấy nét AI Servo có ưu thế hơn so với AF theo vùng trong việc lấy nét trên chủ thể đích.

Với Lấy nét một lần, khi lấy được nét với các điểm AF mở rộng, các điểm AF mở rộng <▣> cũng sẽ hiển thị cùng với điểm AF được chọn bằng tay <▣>.



Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay, các điểm bao quanh)

Điểm AF được chọn bằng tay <□> và các điểm AF bao quanh <◻> sẽ được sử dụng để lấy nét. Lấy nét được thực hiện trên một khu vực rộng hơn với mở rộng điểm AF (chọn bằng tay ◻◻◻). Hiệu quả khi khó theo dõi chủ thể chuyển động với chỉ một điểm AF.

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và Lấy nét một lần hoạt động giống như trong chế độ mở rộng điểm AF (chọn bằng tay ◻◻◻) (tr.111).

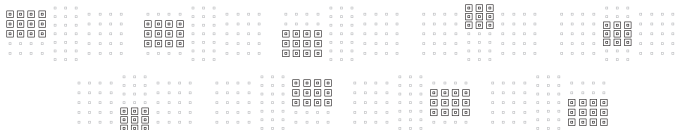


AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Toàn khung AF được chia thành chín vùng để lấy nét. Tất cả điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được sử dụng để tự động chọn điểm AF. Chức năng này có ưu thế hơn so với AF một điểm hoặc mở rộng điểm AF trong việc lấy nét và có hiệu quả đối với chủ thể chuyển động.

Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét vào chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét một mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị là <□>.



[] AF theo vùng lớn (Chọn vùng bằng tay)

Khu vực AF được chia thành ba vùng (bên trái, trung tâm và bên phải) để lấy nét. Chức năng này có vùng lấy nét rộng hơn AF theo vùng và tất cả các điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được dùng để chọn điểm AF tự động, do đó có ưu thế hơn so với AF một điểm và mở rộng điểm AF trong việc theo dõi chủ thể và hiệu quả đối với chủ thể chuyển động. Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét vào chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét một mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn. (Các) điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị là <□>.

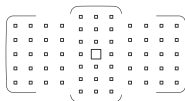


[○] AF tự động chọn

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét. (Các) điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị là <□>.



Với Lấy nét một lần, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ hiển thị (các) điểm AF <□> đã lấy được nét. Nếu nhiều điểm AF cùng hiển thị, điều đó có nghĩa là tất cả các điểm đó đều đã lấy được nét. Chế độ này ưu tiên lấy nét vào chủ thể gần nhất.



Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể đặt điểm bắt đầu lấy nét AI Servo bằng [AF4: Initial AF pt, [○] AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, [○] Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] (tr.148). Miễn là khung AF theo vùng có thể theo dõi chủ thể trong khi chụp, lấy nét sẽ tiếp tục.



- Khi chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục được đặt thành AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn, điểm AF kích hoạt <□> sẽ liên tục di chuyển để theo dõi chủ thể. Tuy nhiên, trong một số điều kiện chụp (ví dụ khi chủ thể quá nhỏ), có thể không theo dõi được chủ thể.
- Với AF một chấm điểm, lấy nét bằng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS có thể gặp khó khăn.
- Nếu sử dụng điểm AF vùng ngoại vi hoặc ống kính góc rộng hay ống kính chụp xa, lấy nét có thể khó khăn với tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS. Trong trường hợp này, sử dụng điểm AF trung tâm hoặc điểm AF gần trung tâm.
- Trong điều kiện nhiệt độ thấp, bạn có thể khó nhìn thấy điểm AF do đặc tính hiển thị điểm AF (sử dụng tinh thể lỏng).



- Với [**AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)**], bạn có thể thiết lập chế độ chọn vùng AF + điểm AF hoặc chỉ điểm AF riêng cho hướng ngang và hướng dọc (tr.146).
- Với [**AF4: Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)**], bạn có thể thay đổi số lượng điểm AF có thể chọn bằng tay (tr.144).

Cảm biến AF

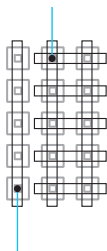
Cảm biến AF của máy ảnh có 61 điểm AF. Hình minh họa bên dưới thể hiện mô hình cảm biến AF tương ứng với mỗi điểm AF. Khi sử dụng ống kính có khẩu độ tối đa $f/2.8$ hoặc lớn hơn, có thể thực hiện lấy nét tự động đạt độ chính xác cao với điểm AF trung tâm trong khung ngắm.

Tùy thuộc vào ống kính được lắp, số lượng điểm AF khả dụng, mô hình điểm AF, hình dạng khung AF theo vùng, v.v... sẽ khác nhau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Ống kính và điểm AF khả dụng” ở trang 117.

Biểu đồ

Lấy nét chữ thập:

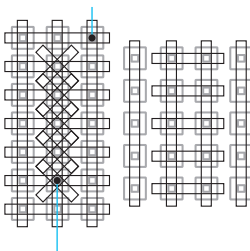
$f/4$ ngang + $f/5.6$ hoặc $f/8$ dọc



$f/5.6$ hoặc $f/8$ lấy nét dọc

Lấy nét chữ thập:

$f/5.6$ hoặc $f/8$ dọc + $f/5.6$ hoặc $f/8$ ngang



Lấy nét chữ thập đúp:

$f/2.8$ đường chéo phải + $f/2.8$ đường chéo trái

$f/5.6$ hoặc $f/8$ dọc + $f/5.6$ hoặc $f/8$ ngang

	Các cảm biến lấy nét này được thiết kế để lấy nét đạt độ chính xác cao hơn đối với các ống kính có khẩu độ tối đa $f/2.8$ hoặc lớn hơn. Mô hình đường chéo giao nhau giúp dễ dàng lấy nét những chủ thể khó lấy nét. Bao gồm năm điểm AF thẳng hàng dọc ở trung tâm.
	Các cảm biến lấy nét này được thiết kế để lấy nét đạt độ chính xác cao đối với các ống kính có khẩu độ tối đa $f/4$ hoặc lớn hơn. Với một mẫu đường ngang đã có, các đường dọc được nhận diện.
	Các cảm biến lấy nét này được trang bị cho ống kính có khẩu độ tối đa là $f/5.6$ hoặc lớn hơn (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$ khi có lắp ống nối). Với một mẫu đường ngang đã có, các đường dọc được nhận diện. Bao gồm các điểm AF nằm ở ba cột giữa trung tâm khung ngắm.
	Các cảm biến lấy nét này được trang bị cho ống kính có khẩu độ tối đa là $f/5.6$ hoặc lớn hơn (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$ khi có lắp ống nối). Với một mẫu đường dọc đã có, các đường ngang được nhận diện. Bao gồm tất cả 61 điểm AF.

Ống kính và điểm AF khả dụng



- Mặc dù máy ảnh có 61 điểm AF, số điểm AF khả dụng, các mô hình lấy nét và hình dạng khung AF theo vùng sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Các ống kính theo đó được xếp thành mười một nhóm từ A đến K.
- Khi sử dụng ống kính trong nhóm từ G đến K, số điểm AF khả dụng sẽ ít hơn.
- **Nhóm ống kính được liệt kê ở các trang 124-128. Kiểm tra xem ống kính của bạn thuộc nhóm nào.**



- Khi bạn nhấn nút <AF-ON>, các điểm AF được đánh dấu □ sẽ nhấp nháy. (Các điểm AF ■/■/□ sẽ sáng.) Để tìm hiểu thêm về tín hiệu bật sáng hoặc nhấp nháy của điểm AF, tham khảo trang 110.
- Với những ống kính được đưa ra thị trường sau EOS 5D Mark IV (trong nửa cuối năm 2016), tham khảo trang web của Canon để biết nhóm của ống kính.
- Một số ống kính có thể không có tại một vài quốc gia và khu vực.

Nhóm A

Có thể lấy nét tự động với 61 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập đúp. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.
- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm B

Có thể lấy nét tự động với 61 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.



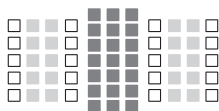
■: Điểm AF chữ thập kép. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.

■: Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□: Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm C

Có thể lấy nét tự động với 61 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.

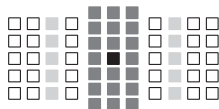


■: Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□: Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm D

Có thể lấy nét tự động với 61 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.



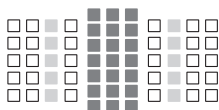
■: Điểm AF chữ thập kép. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.

■: Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□: Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm E

Có thể lấy nét tự động với 61 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.



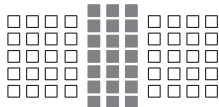
■ : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□ : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm F

Có thể lấy nét tự động với 61 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.

Nếu ống kính được gắn ống nối (chỉ đối với các ống kính tương thích ống nối) và khẩu độ tối đa là $f/8$ (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$), lấy nét tự động có thể sử dụng.



■ : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

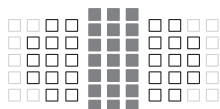
□ : Các điểm AF nhạy với đường ngang.



- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/5.6$ (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$), có thể không lấy được nét với lấy nét tự động khi chụp chủ thể có độ tương phản thấp hoặc dưới ánh sáng yếu.
- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/8$ (chỉ số khẩu độ vượt quá $f/8$), không thể thực hiện lấy nét tự động trong khi chụp bằng khung ngắm.

Nhóm G

Có thể lấy nét tự động với 47 điểm trình bày trong sơ đồ. (Không thể sử dụng với tất cả 61 điểm AF.) Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn. Trong khi chọn điểm AF tự động, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo vùng) sẽ khác so với AF 61 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm H

Có thể lấy nét tự động với 33 điểm trình bày trong sơ đồ. (Không thể sử dụng với tất cả 61 điểm AF.) Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn. Trong khi chọn điểm AF tự động, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo vùng) sẽ khác so với AF 61 điểm tự động chọn.

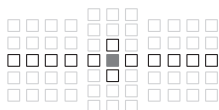


- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm I

Có thể lấy nét tự động với 13 điểm trình bày trong sơ đồ. Chỉ có thể chọn các chế độ chọn vùng AF sau: AF một chấm điểm, AF một điểm, mở rộng điểm AF (chọn bằng tay[⦿]), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) và AF 13 điểm tự động chọn.

Nếu ống kính được gắn ống nối (chỉ đối với các ống kính tương thích ống nối) và khẩu độ tối đa là $f/8$ (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$), lấy nét tự động có thể sử dụng.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang (các điểm AF nằm trên đường kéo dài sang trái và phải qua điểm AF trung tâm) hoặc đường dọc (các điểm AF kề sát nằm phía trên và dưới điểm AF trung tâm).
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).



- Ngay cả khi thiết lập mở rộng điểm AF (chọn bằng tay[⦿]), mở rộng điểm AF sẽ được áp dụng cho 13 điểm AF. Nếu điểm AF đã chọn bằng tay không có tất cả bốn điểm AF ở trên, dưới, bên trái hoặc bên phải, điểm AF sẽ chỉ mở rộng đến những điểm AF kích hoạt kề sát.
- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/5.6$ (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$), có thể không lấy được nét với lấy nét tự động khi chụp chủ thể có độ tương phản thấp hoặc dưới ánh sáng yếu.
- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/8$ (chỉ số khẩu độ vượt quá $f/8$), không thể thực hiện lấy nét tự động trong khi chụp bằng khung ngắm.

Nhóm J

Có thể lấy nét tự động với 9 điểm trình bày trong sơ đồ. Chỉ có thể chọn các chế độ chọn vùng AF sau: AF một chấm điểm, AF một điểm, Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$) và AF 9 điểm tự động chọn.

Nếu ống kính được gắn ống nối (chỉ đối với các ống kính tương thích ống nối) và khẩu độ tối đa là $f/8$ (chỉ số khẩu độ lớn hơn $f/5.6$ nhưng không vượt quá $f/8$), lấy nét tự động có thể sử dụng.



■ : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□ : Các điểm AF nhạy với đường ngang (các điểm AF nằm trên đường kéo dài sang trái và phải qua điểm AF trung tâm) hoặc đường dọc (các điểm AF kề sát nằm phía trên và dưới điểm AF trung tâm).

□ : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).



- Ngay cả khi thiết lập mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), mở rộng điểm AF sẽ được áp dụng cho 9 điểm AF. Nếu điểm AF đã chọn bằng tay không có tất cả bốn điểm AF ở trên, dưới, bên trái hoặc bên phải, điểm AF sẽ chỉ mở rộng đến những điểm AF kích hoạt kề sát.
- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/5.6$ (chỉ số khẩu độ lớn nhất trong khoảng $f/5.6$ đến $f/8$), có thể không lấy được nét với lấy nét tự động khi chụp chủ thể có độ tương phản thấp hoặc dưới ánh sáng yếu.
- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/8$ (chỉ số khẩu độ vượt quá $f/8$), không thể thực hiện lấy nét tự động trong khi chụp bằng khung ngắm.

Nhóm K

Có thể lấy nét tự động với điểm AF trung tâm và các điểm AF kề sát phía trên, dưới, trái và phải. Chỉ có thể chọn các chế độ chọn vùng AF sau: AF một chấm điểm, AF một điểm, mở rộng điểm AF (chọn bằng tay[Ⓜ]).



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang (các điểm AF kề sát nằm phía trái và phía phải điểm AF trung tâm) hoặc đường dọc (các điểm AF kề sát nằm phía trên và phía dưới điểm AF trung tâm). Những điểm này không thể chọn bằng tay. Chỉ hoạt động khi chọn mở rộng điểm AF (chọn bằng tay[Ⓜ]).
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Danh sách nhóm ống kính (Đến tháng 10 năm 2016)

EF14mm f/2.8L USM	B	EF180mm f/3.5L Macro USM	
EF14mm f/2.8L II USM	B	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	H
EF15mm f/2.8 Mắt cá	B	EF200mm f/1.8L USM	A
EF20mm f/2.8 USM	B	EF200mm f/1.8L USM	
EF24mm f/1.4L USM	A	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	A*
EF24mm f/1.4L II USM	A	EF200mm f/1.8L USM	
EF24mm f/2.8	B	+ Ống nối EF2x I/II/III	C*
EF24mm f/2.8 IS USM	B	EF200mm f/2L IS USM	A
EF28mm f/1.8 USM	A	EF200mm f/2L IS USM	
EF28mm f/2.8	D	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	A
EF28mm f/2.8 IS USM	B	EF200mm f/2L IS USM	
EF35mm f/1.4L USM	A	+ Ống nối EF2x I/II/III	C
EF35mm f/1.4L II USM	A	EF200mm f/2.8L USM	A
EF35mm f/2	A	EF200mm f/2.8L USM	
EF35mm f/2 IS USM	A	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	C
EF40mm f/2.8 STM	D	EF200mm f/2.8L USM	
EF50mm f/1.0L USM	A	+ Ống nối EF2x I/II/III	F
EF50mm f/1.2L USM	A	EF200mm f/2.8L II USM	A
EF50mm f/1.4 USM	A	EF200mm f/2.8L II USM	
EF50mm f/1.8	A	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	C
EF50mm f/1.8 II	A	EF200mm f/2.8L II USM	
EF50mm f/1.8 STM	A	+ Ống nối EF2x I/II/III	F
EF50mm f/2.5 Compact Macro	C	EF300mm f/2.8L USM	A
EF50mm f/2.5 Compact Macro		EF300mm f/2.8L USM	
+ Bộ chuyển đổi LIFE SIZE	F	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	C*
EF85mm f/1.2L USM	A	EF300mm f/2.8L USM	
EF85mm f/1.2L II USM	A	+ Ống nối EF2x I/II/III	F*
EF85mm f/1.8 USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM	A
EF100mm f/2 USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM	
EF100mm f/2.8 Macro	C	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	C
EF100mm f/2.8 Macro USM	F	EF300mm f/2.8L IS USM	
EF100mm f/2.8L Macro IS USM	C	+ Ống nối EF2x I/II/III	F
EF135mm f/2L USM	A	EF300mm f/2.8L IS II USM	A
EF135mm f/2L USM		EF300mm f/2.8L IS II USM	
+ Ống nối EF1.4x I/II/III	A	+ Ống nối EF1.4x I/II/III	C
EF135mm f/2L USM		EF300mm f/2.8L IS II USM	
+ Ống nối EF2x I/II/III	C	+ Ống nối EF2x I/II/III	F
EF135mm f/2.8 (Lấy nét mềm)	A	EF300mm f/4L USM	C
EF180mm f/3.5L Macro USM	H	EF300mm f/4L USM	
		+ Ống nối EF1.4x I/II/III	F
		EF300mm f/4L USM	
		+ Ống nối EF2x I/II	J (f/8)

EF300mm f/4L USM + Ống nối EF2x III	I (f/8)	EF400mm f/5.6L USM + Ống nối EF1.4x III	F (f/8)
EF300mm f/4L IS USM	C	EF500mm f/4L IS USM	C
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F	EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)	EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x III	I (f/8)	EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)
EF400mm f/2.8L USM	A	EF500mm f/4L IS II USM	C
EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C*	EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F
EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x I/II/III	F*	EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF400mm f/2.8L II USM	A	EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C*	EF500mm f/4.5L USM	F
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x I/II/III	F*	EF500mm f/4.5L USM + Ống nối EF1.4x I/II	J (f/8)
EF400mm f/2.8L IS USM	A	EF500mm f/4.5L USM + Ống nối EF1.4x III	F (f/8)*
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C	EF600mm f/4L USM	C
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	F	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F*
EF400mm f/2.8L IS II USM	A	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)*
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	F	EF600mm f/4L IS USM	C
EF400mm f/4 DO IS USM	C	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)	EF600mm f/4L IS II USM	C
EF400mm f/4 DO IS II USM	C	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF2x III	F (f/8)	EF800mm f/5.6L IS USM	G
EF400mm f/5.6L USM	F	EF800mm f/5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	J (f/8)
EF400mm f/5.6L USM + Ống nối EF1.4x I/II	J (f/8)	EF1200mm f/5.6L USM	H

EF1200mm f/5.6L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	J (f/8)*	EF28-200mm f/3.5-5.6 USM	F
EF8-15mm f/4L Mắt cá USM	C	EF28-300mm f/3.5-5.6L IS USM	F
EF11-24mm f/4L USM	E	EF35-70mm f/3.5-4.5	G
EF16-35mm f/2.8L USM	A	EF35-70mm f/3.5-4.5A	G
EF16-35mm f/2.8L II USM	A	EF35-80mm f/4-5.6	G
EF16-35mm f/2.8L III USM	A	EF35-80mm f/4-5.6 PZ	G
EF16-35mm f/4L IS USM	C	EF35-80mm f/4-5.6 USM	G
EF17-35mm f/2.8L USM	A	EF35-80mm f/4-5.6 II	G
EF17-40mm f/4L USM	C	EF35-80mm f/4-5.6 III	G
EF20-35mm f/2.8L	A	EF35-105mm f/3.5-4.5	F
EF20-35mm f/3.5-4.5 USM	F	EF35-105mm f/4.5-5.6	K
EF22-55mm f/4-5.6 USM	G	EF35-105mm f/4.5-5.6 USM	K
EF24-70mm f/2.8L USM	B	EF35-135mm f/3.5-4.5	F
EF24-70mm f/2.8L II USM	A	EF35-135mm f/4-5.6 USM	F
EF24-70mm f/4L IS USM	C	EF35-350mm f/3.5-5.6L USM	G
EF24-85mm f/3.5-4.5 USM	F	EF38-76mm f/4.5-5.6	F
EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM	F	EF50-200mm f/3.5-4.5	F
EF24-105mm f/4L IS USM	C	EF50-200mm f/3.5-4.5L	F
EF24-105mm f/4L IS II USM	C	EF55-200mm f/4.5-5.6 USM	F
EF28-70mm f/2.8L USM	A	EF55-200mm f/4.5-5.6 II USM	F
EF28-70mm f/3.5-4.5	G	EF70-200mm f/2.8L USM	A
EF28-70mm f/3.5-4.5 II	G	EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C**
EF28-80mm f/2.8-4L USM	C	EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x I/II/III	F**
EF28-80mm f/3.5-5.6	G	EF70-200mm f/2.8L IS USM	A
EF28-80mm f/3.5-5.6 USM	G	EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C
EF28-80mm f/3.5-5.6 II USM	G	EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	F
EF28-80mm f/3.5-5.6 III USM	G	EF70-200mm f/2.8L IS II USM	A
EF28-80mm f/3.5-5.6 IV USM	G	EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	C
EF28-80mm f/3.5-5.6 V USM	G	EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	F
EF28-90mm f/4-5.6	F	EF70-200mm f/4L USM	C
EF28-90mm f/4-5.6 USM	F	EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F
EF28-90mm f/4-5.6 II	F	EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF28-90mm f/4-5.6 II USM	F	EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF2x III	I (f/8)
EF28-90mm f/4-5.6 III	F	EF70-200mm f/4L IS USM	C
EF28-105mm f/3.5-4.5 USM	F		
EF28-105mm f/3.5-4.5 II USM	F		
EF28-105mm f/4-5.6	G		
EF28-105mm f/4-5.6 USM	G		
EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM	F		
EF28-200mm f/3.5-5.6	F		

EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II	J (f/8)
EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x III	F (f/8)
EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x III	I (f/8)	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM	F
EF70-210mm f/3.5-4.5 USM	F	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II	J (f/8)
EF70-210mm f/4	C	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM + Ống nối EF1.4x III	F (f/8)
EF70-300mm f/4-5.6 IS USM	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x	E
EF70-300mm f/4-5.6 IS II USM	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối 1,4x tích hợp	F
EF70-300mm f/4-5.6L IS USM	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x + Ống nối EF1,4x I/II/III	F
EF70-300mm f/4.5-5.6 DO IS USM	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối 1,4x tích hợp	J (f/8)
EF75-300mm f/4-5.6	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối 1,4x tích hợp	F (f/8)
EF75-300mm f/4-5.6 USM	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x + Ống nối EF2x I/II	J (f/8)
EF75-300mm f/4-5.6 II	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x + Ống nối EF2x III	F (f/8)
EF75-300mm f/4-5.6 II USM	F	EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1,4x + Ống nối EF2x III	F (f/8)
EF75-300mm f/4-5.6 III	F	TS-E17mm f/4L	C
EF75-300mm f/4-5.6 III USM	F	TS-E24mm f/3.5L	C
EF75-300mm f/4-5.6 IS USM	F	TS-E24mm f/3.5L II	C
EF80-200mm f/2.8L	A	TS-E45mm f/2.8	A
EF80-200mm f/4.5-5.6	F	TS-E90mm f/2.8	A
EF80-200mm f/4.5-5.6 USM	G		
EF80-200mm f/4.5-5.6 II	G		
EF90-300mm f/4.5-5.6	F		
EF90-300mm f/4.5-5.6 USM	F		
EF100-200mm f/4.5A	F		
EF100-300mm f/4.5-5.6 USM	F		
EF100-300mm f/5.6	F		
EF100-300mm f/5.6L	F		
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM	F		



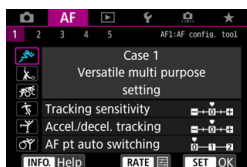
- Khi lắp Ống nối EF2x (I/II/III) vào ống kính EF180mm f/3.5L Macro USM, không thể thực hiện lấy nét tự động.
- Khi sử dụng kết hợp ống kính và Ống nối EF1.4x III/EF2x III được đánh dấu sao (*) hoặc hai sao (**), có thể không lấy được nét chính xác với Lấy nét tự động. Trong trường hợp này, tham khảo hướng dẫn sử dụng ống kính hoặc ống nối được sử dụng.



Nếu bạn sử dụng ống kính TS-E, cần sử dụng lấy nét tay. Thiết kế nhóm ống kính TS-E chỉ áp dụng khi bạn không sử dụng chức năng nghiêng hoặc dịch chuyển.

MENU Chọn đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục ☆

Bạn có thể dễ dàng tinh chỉnh Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục để thích hợp với chủ thể hoặc cảnh chụp cụ thể bằng cách chọn một tùy chọn từ tình huống 1 đến tình huống 6. Tính năng này được gọi là “Công cụ định cấu hình AF”.



1 Chọn tab [AF1].

2 Chọn một tình huống.

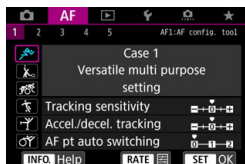
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn biểu tượng tình huống, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Tình huống đã chọn sẽ được đặt. Tình huống đã chọn biểu thị bằng màu xanh da trời.

Tình huống 1 đến 6

Như được giải thích trên các trang 134 đến 136, tình huống 1 đến 6 là sáu tổ hợp thiết lập của “Độ nhạy theo dõi”, “Tăng/giảm tốc độ theo dõi” và “Tự động chuyển đổi điểm AF”. Tham khảo bảng sau để chọn tình huống có thể áp dụng cho chủ thể hoặc cảnh.

Tình huống	Biểu tượng	Mô tả	Chủ thể có thể áp dụng	Trang
Tình huống 1		Thiết lập đa mục đích linh hoạt	Đối với chủ thể chuyển động bất kỳ.	130
Tình huống 2		Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chướng ngại vật có thể xuất hiện	Vận động viên quần vợt, bơi bướm, trượt tuyết tự do, v.v...	130
Tình huống 3		Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF	Vạch xuất phát trong đua xe đạp, trượt tuyết xuống dốc núi cao, v.v...	131
Tình huống 4		Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh	Bóng đá, mô tô thể thao, bóng rổ, v.v...	131
Tình huống 5		Đối với chủ thể di chuyển nhanh theo hướng bất kỳ	Người trượt băng nghệ thuật, v.v...	132
Tình huống 6		Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do	Thể dục nhịp điệu, v.v...	133

Tình huống 1: Thiết lập đa mục đích linh hoạt

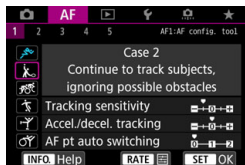


Thiết lập mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Thiết lập tiêu chuẩn thích hợp với chủ thể chuyển động. Có thể sử dụng cho nhiều chủ thể và cảnh khác nhau. Chọn [**Case 2 (Tình huống 2)**] đến [**Case 6 (Tình huống 6)**] trong các trường hợp sau: Khi chương ngại vật đi qua điểm AF hoặc chủ thể sắp chệch khỏi điểm AF, khi muốn lấy nét nhanh chủ thể xuất hiện đột ngột, khi tốc độ chuyển động của chủ thể thay đổi đột ngột hay khi chủ thể di chuyển đáng kể theo hướng dọc hoặc ngang.

Tình huống 2: Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chương ngại vật có thể xuất hiện



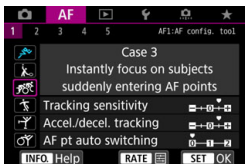
Thiết lập mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): Khóa tại: -1
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chương ngại vật vụt qua điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Có hiệu quả khi có chương ngại vật cản trở chủ thể hoặc khi bạn không muốn lấy nét hậu cảnh.

 Nếu chương ngại vật tiến vào hoặc chủ thể chệch khỏi điểm AF trong một khoảng thời gian dài dẫn đến thiết lập mặc định không theo dõi được chủ thể đích, đặt [**Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)**] thành [-2] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.134).

Tình huống 3: Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF



Khi sử dụng một điểm AF theo dõi chủ thể, thiết lập này cho phép máy ảnh lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau. Nếu chủ thể mới xuất hiện trước chủ thể đích, máy ảnh sẽ bắt đầu lấy nét trên chủ thể mới. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất.

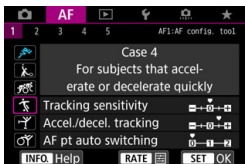
Thiết lập mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): Phản ứng: +1
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): 0



Nếu bạn muốn nhanh chóng lấy nét chủ thể xuất hiện đột ngột, đặt **[Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.134).

Tình huống 4: Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh



Thích hợp để theo dõi chủ thể di chuyển với tốc độ thay đổi đột ngột.

Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột.

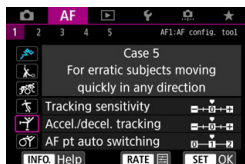
Thiết lập mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): 0



Nếu chủ thể đang chuyển động và dễ thay đổi tốc độ đột ngột, đặt **[Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.135).

Tình huống 5: Đối với chủ thể di chuyển nhanh theo hướng bất kỳ



Thiết lập mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): +1

Mặc dù chủ thể đích di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, điểm AF sẽ tự động chuyển sang theo dõi lấy nét chủ thể. Có hiệu quả khi chụp chủ thể di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

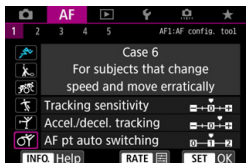
Bạn nên sử dụng thiết lập này trong các chế độ sau: Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square \square \square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng, AF theo vùng lớn và AF tự động chọn.

Với chế độ AF một chấm điểm hoặc AF một điểm, thao tác theo dõi sẽ tương tự như Tình huống 1.



Nếu chủ thể di chuyển đáng kể hơn lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, đặt **[AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.136).

Tình huống 6: Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do



Thiết lập mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): +1

Thích hợp để theo dõi chủ thể di chuyển với tốc độ thay đổi đột ngột. Ngoài ra, nếu chủ thể dịch chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và khó lấy nét, điểm AF sẽ tự động chuyển sang theo dõi chủ thể.

Bạn nên sử dụng thiết lập này trong các chế độ sau: Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square \square \square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng, AF theo vùng lớn và AF tự động chọn.

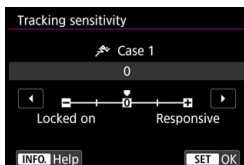
Với chế độ AF một chấm điểm hoặc AF một điểm, thao tác theo dõi sẽ tương tự như Tình huống 4.



- Nếu chủ thể đang chuyển động và dễ thay đổi tốc độ đột ngột, đặt **[Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.135).
- Nếu chủ thể di chuyển đáng kể hơn lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, đặt **[AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.136).

Thông số

● Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)



Bạn có thể thiết lập độ nhạy theo dõi chủ thể trong khi Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, khi chương ngại vật cắt ngang điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể.

0

Thiết lập mặc định. Thích hợp với chủ thể đang di chuyển bình thường.

Locked on: -2 (Khóa: -2) / Locked on: -1 (Khóa: -1)

Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chương ngại vật vụt qua điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Thiết lập -2 khiến máy ảnh theo dõi chủ thể đích lâu hơn so với thiết lập -1.

Tuy nhiên, nếu máy ảnh lấy nét sai chủ thể, sẽ tốn nhiều thời gian hơn để chuyển và lấy nét chủ thể đích.

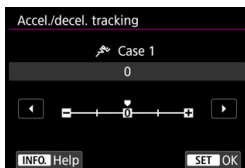
Responsive: +2 (Phản ứng: +2) / Responsive: +1 (Phản ứng: +1)

Máy ảnh có thể lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau được điểm AF bao trùm. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất. Thiết lập +2 nhạy hơn thiết lập +1 khi lấy nét chủ thể tiếp theo.

Tuy nhiên, máy ảnh sẽ dễ bị lấy nét nhầm chủ thể hơn.

 Tính năng [Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)] ở máy ảnh EOS-1D Mark III/IV, EOS-1Ds Mark III và EOS 7D có tên [AI Servo tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi AI Servo)].

● Acceleration/deceleration tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)



Chức năng này thiết lập độ nhạy theo dõi cho chủ thể thay đổi tốc độ ngay tức thì khi di chuyển hoặc dừng lại đột ngột, v.v...

0

Thích hợp với chủ thể di chuyển ở tốc độ ổn định (thay đổi nhỏ trong tốc độ di chuyển).

-2 / -1

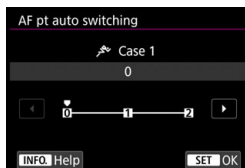
Thích hợp với chủ thể di chuyển ở tốc độ ổn định (thay đổi nhỏ trong tốc độ di chuyển). Hiệu quả khi thiết lập ở 0 nhưng lấy nét không ổn định do chủ thể hơi di chuyển hoặc chướng ngại vật nằm phía trước chủ thể.

+2 / +1

Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột. Ngay cả khi tốc độ di chuyển của chủ thể thay đổi đột ngột đáng kể, máy ảnh vẫn tiếp tục lấy nét chủ thể đích. Ví dụ, với chủ thể đang tiến lại gần, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía sau chủ thể để tránh làm mờ chủ thể. Với chủ thể dừng đột ngột, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía trước chủ thể. Thiết lập +2 theo dõi những thay đổi tốc độ đột ngột của chủ thể đang chuyển động nhanh hơn so với thiết lập +1.

Tuy nhiên, do máy ảnh nhạy với cả những chuyển động nhỏ của chủ thể nên đôi lúc việc lấy nét trở nên không ổn định.

● AF point auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)



Chức năng này cài đặt độ nhạy chuyển đổi của điểm AF khi theo dõi chủ thể đang di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

Thiết lập này hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn.

0

Thiết lập tiêu chuẩn cho chuyển đổi dần điểm AF.

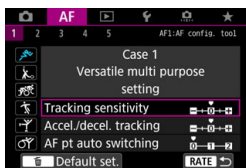
+2 / +1

Ngay cả khi chủ thể đích di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và ra xa khỏi điểm AF, máy ảnh chuyển lấy nét sang điểm AF lân cận để tiếp tục lấy nét chủ thể. Máy ảnh chuyển sang điểm AF được coi là để lấy nét chủ thể nhất dựa trên chuyển động liên tiếp, độ tương phản, v.v... của chủ thể. Thiết lập +2 sẽ giúp máy ảnh dễ chuyển đổi điểm AF hơn so với thiết lập +1.

Tuy nhiên, nếu sử dụng ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng hoặc nếu chủ thể quá nhỏ trong khung lấy nét, máy ảnh có thể chọn nhầm điểm AF để lấy nét.

Thay đổi thiết lập thông số của các tình huống

Bạn có thể điều chỉnh bằng tay ba thông số của từng tình huống: 1. Độ nhạy theo dõi, 2. Tăng/giảm tốc độ theo dõi, và 3. Tự động chuyển đổi điểm AF.

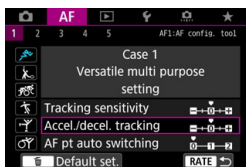


1 Chọn một tình huống.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn biểu tượng trường hợp bạn muốn điều chỉnh.

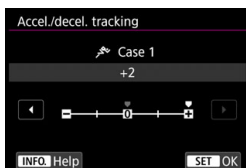
2 Nhấn nút <RATE>.

- Thông số đã chọn sẽ được tô sáng bằng khung màu tím.



3 Chọn thông số cần điều chỉnh.

- Chọn thông số cần điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.



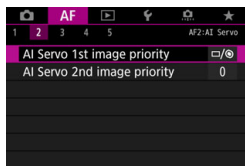
4 Thực hiện điều chỉnh.

- Điều chỉnh thiết lập, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Điều chỉnh đã được lưu.
- Thiết lập mặc định được biểu thị bằng dấu [■] màu xám nhạt.
- Để trở về màn hình ở bước 1, nhấn nút <RATE>.



- Ở bước 2, nếu nhấn nút <RATE>, rồi nhấn nút <⌚>, bạn có thể đưa thiết lập thông số 1, 2 và 3 trên cho từng tình huống về mặc định.
- Cũng có thể đăng ký thiết lập thông số 1, 2 và 3 vào Danh mục riêng (tr.519). Làm vậy sẽ thay đổi thiết lập của trường hợp đã chọn.
- Khi chụp với tình huống đã được điều chỉnh thông số, chọn tình huống đã điều chỉnh đó, rồi chụp ảnh.

MENU Tùy chỉnh chức năng AF ☆

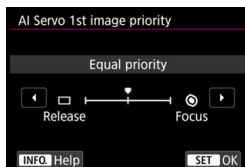


Với các tab menu [AF2] đến [AF5], bạn có thể đặt chức năng AF để phù hợp với kiểu chụp hoặc chủ thể.

AF2: AI Servo

AI Servo 1st image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên) AF2

Bạn có thể thiết lập các đặc tính của thao tác AF và thời điểm nhả màn trập cho ảnh chụp đầu tiên với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.



□/⊙: Equal priority (Ưu tiên cân bằng)

Lấy nét và nhả màn trập được ưu tiên ngang nhau.

□: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

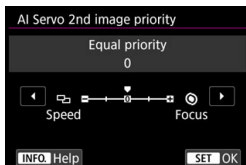
Ảnh sẽ được chụp ngay khi nhấn nút chụp ngay cả khi chưa lấy được nét. Có lợi thế khi bạn muốn ưu tiên chụp ảnh tại thời điểm quyết định hơn việc lấy nét.

⊙: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Mặc dù nhấn nút chụp, máy ảnh cũng sẽ không chụp ảnh cho đến khi lấy được nét. Có lợi thế khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp ảnh.

AI Servo 2nd image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai) AF2

Khi chụp liên tục với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể thiết lập sẵn các đặc tính thao tác AF và thời gian nhả màn trập cho ảnh chụp tiếp theo sau ảnh đầu tiên trong quá trình chụp liên tục.

**0: Equal priority (Ưu tiên cân bằng)**

Lấy nét và tốc độ chụp liên tục được ưu tiên ngang nhau. Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc chủ thể có độ tương phản thấp, tốc độ chụp liên tục có thể giảm.

-2/-1: Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp) □

Ưu tiên tốc độ chụp liên tục hơn việc lấy nét. Thiết lập -2 sẽ hiệu quả hơn thiết lập -1 trong việc ngăn giảm tốc độ chụp liên tục.

+2/+1: Focus priority (Ưu tiên lấy nét) ●

Ưu tiên lấy nét hơn tốc độ chụp liên tục. Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét. Mặc dù thiết lập +2 giúp lấy được nét dễ dàng hơn so với thiết lập +1 trong điều kiện ánh sáng yếu, nhưng tốc độ chụp liên tục có thể sẽ giảm.

! Trong các điều kiện chụp kích hoạt tính năng giảm nhấp nháy (tr.217), ngay cả khi đặt [**Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)**] thành [-1] hoặc [-2], tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn hoặc quãng chụp có thể không đều.

! Nếu không thể lấy được nét trong điều kiện ánh sáng yếu khi thiết lập [0: **Equal priority (Ưu tiên cân bằng)**], đặt [**Focus priority (Ưu tiên lấy nét)**] thành [+1] hoặc [+2] có thể mang lại kết quả tốt hơn.

AF3: Một lần

Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)

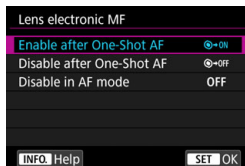
AF3

Với các ống kính USM và STM sau được trang bị chức năng lấy nét tay điện tử, bạn có thể đặt có hoặc không sử dụng lấy nét tay điện tử.

EF50mm f/1.0L USM	EF300mm f/2.8L USM	EF600mm f/4L USM
EF85mm f/1.2L USM	EF400mm f/2.8L USM	EF1200mm f/5.6L USM
EF85mm f/1.2L II USM	EF400mm f/2.8L II USM	EF28-80mm f/2.8-4L USM
EF200mm f/1.8L USM	EF500mm f/4.5L USM	EF70-300mm f/4-5.6 IS II USM

EF40mm f/2.8 STM	EF50mm f/1.8 STM	EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM
------------------	------------------	-----------------------------

* Đến tháng 10 năm 2016.



ON: Enable after One-Shot AF (Bật sau khi lấy nét một lần)

Sau thao tác AF, nếu tiếp tục nhấn giữ nửa chừng nút chụp, bạn có thể hiệu chỉnh lấy nét tay.

OFF: Disable after One-Shot AF (Tắt sau khi lấy nét một lần)

Sau thao tác AF, hiệu chỉnh lấy nét tay sẽ bị tắt.

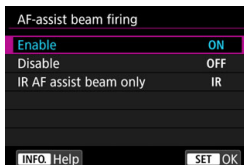
OFF: Disable in AF mode (Tắt trong chế độ AF)

Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>, lấy nét tay sẽ bị tắt.

AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)

AF3

Bật hoặc tắt tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.

**ON: Enable (Bật)**

Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần thiết.

OFF: Disable (Tắt)

Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không phát tia giúp lấy nét. Hữu ích khi tia giúp lấy nét có thể ảnh hưởng tới người xung quanh.

IR: IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)

Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, chỉ những đèn có tia giúp lấy nét hồng ngoại mới phát ra tia giúp lấy nét. Hữu ích khi bạn không muốn tia giúp lấy nét phát ra một loạt tia flash nhỏ (Phương pháp flash gián đoạn).

Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật để hỗ trợ lấy nét.

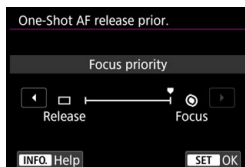


Nếu đặt chức năng tùy chỉnh **[AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)]** của đèn Speedlite gắn ngoài thành **[Disable (Tắt)]**, thiết lập của chức năng này sẽ được ghi đè và đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét.

One-Shot AF release priority (Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập)

AF3

Bạn có thể đặt đặc tính thao tác AF và thời điểm nhả nút chụp cho Lấy nét một lần.



: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét. Có lợi thế khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp ảnh.

: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

Ưu tiên tốc độ nhả màn trập hơn việc lấy nét. Cài đặt này ưu tiên chụp ảnh hơn lấy nét chính xác.

Lưu ý rằng ảnh sẽ được chụp ngay cả khi chưa lấy được nét.

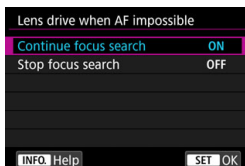
AF4

Lens drive when AF impossible

(Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động)

AF4

Khi không lấy được nét với lấy nét tự động, bạn có thể điều khiển ống kính tiếp tục hoặc dừng tìm kiếm lấy nét chính xác.

**ON: Continue focus search****(Tiếp tục tìm kiếm lấy nét)**

Nếu không lấy được nét bằng lấy nét tự động, máy ảnh sẽ điều khiển ống kính để tìm kiếm lấy nét chính xác.

OFF: Stop focus search**(Dừng tìm kiếm lấy nét)**

Nếu lấy nét tự động bắt đầu và không lấy được nét hoặc chủ thể ở ngoài vùng lấy nét, ống kính sẽ dừng thao tác. Điều này ngăn ống kính bị mất nét nghiêm trọng khi tìm kiếm lấy nét.

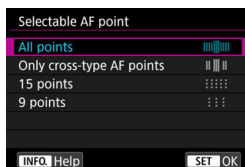


Khi sử dụng ống kính chụp siêu xa hoặc ống kính khác có phạm vi điều khiển lấy nét rộng để tìm kiếm lấy nét, ống kính có thể bị mất nét nghiêm trọng và lần lấy nét sau có thể tốn nhiều thời gian hơn. Nên đặt [**Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)**].

Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)

AF4

Bạn có thể thay đổi số điểm AF có thể chọn bằng tay. Khi đặt AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn, máy ảnh sẽ thực hiện lấy nét tự động với chế độ chọn vùng AF đã chọn (AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn) với mọi thiết lập của **[Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)]**.


 : **All points (Tất cả các điểm)**

Có thể chọn tất cả điểm AF bằng tay.

 : **Only cross-type AF points (Chỉ các điểm lấy nét chữ thập)**

Chỉ các điểm lấy nét chữ thập mới có thể chọn bằng tay. Số lượng điểm AF có thể chọn sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính sử dụng.

 : **15 points (15 điểm)**

Có thể chọn mười lăm điểm AF chính bằng tay.

 : **9 points (9 điểm)**

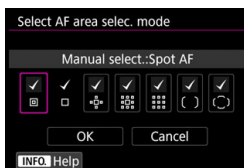
Có thể chọn chín điểm AF chính bằng tay.

 Khi sử dụng ống kính thuộc nhóm G đến K (tr.120-123), số điểm AF có thể chọn bằng tay sẽ ít hơn.

-  Ngay cả khi thiết lập khác với **[All points (Tất cả các điểm)]**, bạn vẫn có thể sử dụng Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay ) , Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng và AF theo vùng lớn.
- Khi nhấn nút , những điểm AF không thể chọn bằng tay sẽ không hiển thị trong khung ngắm.

Select AF area selection mode (Chọn chế độ chọn vùng AF) AF4

Bạn có thể hạn chế các chế độ chọn vùng AF có thể chọn cho phù hợp với sở thích chụp của mình. Chọn chế độ lựa chọn mong muốn rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Sau đó chọn [OK] để đăng ký thiết lập. Chế độ lựa chọn vùng AF được giải thích ở các trang 111-113.



-  : **Manual select.:Spot AF**
(Chọn bằng tay:AF chấm điểm)
-  : **Manual selection:1 pt AF**
(Chọn bằng tay:AF một điểm)
-  : **Expand AF area (Mở rộng vùng AF):** 
-  : **Expand AF area:Surround**
(Mở rộng vùng AF:Bao quanh)
-  : **Manual select.:Zone AF**
(Chọn bằng tay:AF theo vùng)
-  : **Manual select.:Large Zone AF**
(Chọn bằng tay:AF theo vùng lớn)
-  : **Auto selection AF (Tự động chọn AF)**

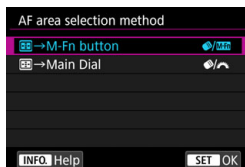


- Không thể xóa dấu chọn [✓] khỏi [Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay: AF một điểm)].
- Nếu lắp ống kính thuộc nhóm I, J hoặc K, bạn sẽ không thể sử dụng một số chế độ chọn vùng AF nhất định ngay cả khi đánh dấu [✓] vào tùy chọn [Select AF area selec. mode (Chọn chế độ chọn vùng AF)] (tr.121 - 123).

AF area selection method (Phương pháp chọn vùng AF)

AF4

Bạn có thể thiết lập phương pháp thay đổi chế độ chọn vùng AF.



/ : → **M-Fn button (Nút M-Fn)**

Sau khi nhấn nút , nhấn nút (chọn vùng AF) hoặc nút sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

/ : → **Main Dial (Nút xoay chính)**

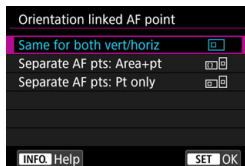
Sau khi nhấn nút , nhấn nút (chọn vùng AF) hoặc xoay nút xoay sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

Khi đặt [→ **Main Dial (Nút xoay chính)**], sử dụng để di chuyển điểm AF theo chiều ngang.

Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)

AF4

Bạn có thể thiết lập điểm AF hoặc chế độ chọn vùng AF + điểm AF riêng cho chụp dọc và chụp ngang.



: **Same for both vert/horiz (Giống nhau với chụp ngang/ chụp dọc)**

Một chế độ chọn vùng AF và chọn điểm (vùng) AF bằng tay được áp dụng cho cả chụp ngang và chụp dọc.

Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)

Có thể đặt chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng cầm ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng cầm ở bên dưới).

Khi chọn chế độ chọn vùng AF và điểm (vùng) AF bằng tay cho một trong ba hướng của máy ảnh, chúng sẽ được đăng ký cho từng hướng tương ứng. Khi bạn thay đổi hướng của máy ảnh trong khi chụp, máy ảnh sẽ chuyển về chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF được chọn bằng tay sẽ được đặt cho hướng đó.

Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)

Có thể đặt điểm AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng cầm ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng cầm ở bên dưới). Trong khi sử dụng cùng một chế độ chọn vùng AF, điểm AF sẽ tự động chuyển cho hướng tương ứng của máy ảnh.

Khi chọn điểm AF bằng tay cho mỗi hướng trong ba hướng của máy ảnh, điểm AF sẽ được đăng ký cho từng hướng tương ứng. Trong khi chụp, điểm AF sẽ chuyển thành điểm AF được chọn bằng tay theo hướng máy ảnh. Ngay cả khi bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành Chọn bằng tay: AF chấm điểm, Chọn bằng tay: AF một điểm, Mở rộng vùng AF:  hoặc Mở rộng vùng AF: Bao quanh, điểm AF được thiết lập cho hướng tương ứng vẫn giữ nguyên.

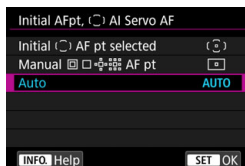
Nếu bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn, vùng sẽ chuyển sang vùng được chọn bằng tay cho hướng tương ứng của máy ảnh.



- Nếu bạn xóa thiết lập của máy ảnh về mặc định (tr.77), thiết lập này sẽ là **[Same for both vert/horiz (Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc)]**. Ngoài ra, thiết lập của bạn cho ba hướng của máy ảnh (1, 2 và 3) sẽ bị xóa và tất cả ba hướng sẽ chuyển thành AF một điểm với điểm AF trung tâm được chọn.
- Nếu bạn đặt thiết lập này và sau đó lắp ống kính từ nhóm AF khác (tr.117-123, đặc biệt là nhóm I, J hoặc K), thiết lập có thể bị xóa.

Initial AF Point, () AI Servo AF**(Điểm AF ban đầu, () Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục) AF4**

Bạn có thể đặt điểm AF bắt đầu của Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF tự động chọn.

**() : Initial () AF pt selected (Đã chọn điểm AF () ban đầu)**

Khi thao tác AF được đặt thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF chọn tự động, lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay.

[] : Manual [] [] AF pt (Điểm AF [] [] chỉnh tay)

Nếu bạn chuyển từ Chọn bằng tay: AF chấm điểm, Chọn bằng tay: AF một điểm, Mở rộng vùng AF: [] hoặc Mở rộng vùng AF: Bao quanh thành AF tự động chọn, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay trước khi chuyển. Việc này hữu ích nếu bạn muốn Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bắt đầu từ điểm AF đã chọn trước khi chế độ chọn vùng AF chuyển sang AF tự động chọn. Sau khi đặt chế độ chọn vùng AF thành AF tự động chọn với các chức năng của menu [**3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] là [**Metering and AF start (Bắt đầu đo sáng và AF)**] (tr.504), [**Switch to registered AF func. (Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký)**] (tr.506) hoặc [**Register/recall shooting func (Đăng ký/gọi ra chức năng chụp)**] (tr.512), trong khi chụp với Chọn bằng tay: AF chấm điểm, Chọn bằng tay: AF một điểm, Mở rộng vùng AF: [] hoặc Mở rộng vùng AF: Bao quanh, bạn có thể nhấn nút được gán để bắt đầu chụp với AF tự động chọn được đặt cho Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bằng cách sử dụng điểm AF dùng sau cùng làm điểm AF ban đầu.

AUTO: Auto (Tự động)

Điểm AF mà máy bắt đầu Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục được đặt tự động cho phù hợp với các điều kiện chụp.

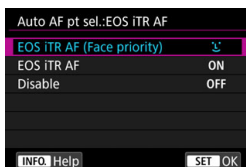
 Khi đặt [**Manual [] [] AF pt (Điểm AF [] [] chỉnh tay)**], Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu với vùng tương ứng với điểm AF được chọn bằng tay, ngay cả khi bạn chuyển chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn.

Auto AF point selection: EOS iTR AF (Tự động chọn điểm AF: EOS iTR AF)

AF4

EOS iTR* AF thực hiện lấy nét tự động bằng cách nhận diện khuôn mặt và màu của chủ thể. EOS iTR AF hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn.

* Theo dõi và nhận diện thông minh: chức năng nhận diện chủ thể bằng cảm biến đo sáng để các điểm AF theo dõi chủ thể.



☺: EOS iTR AF (Face priority) (EOS iTR AF (Ưu tiên khuôn mặt))

Điểm AF được chọn tự động không chỉ dựa trên thông tin AF, mà còn dựa trên khuôn mặt người và thông tin màu của chủ thể.

Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh sẽ theo dõi chủ thể trong khi ưu tiên sử dụng thông tin khuôn mặt hơn so với thiết lập [EOS iTR AF]. Điều này giúp dễ dàng theo dõi chủ thể hơn khi chỉ có thông tin AF.

Trong chế độ lấy nét một lần, EOS iTR AF giúp lấy nét khuôn mặt người dễ dàng hơn, do đó bạn có thể chụp trong khi tập trung vào bố cục ảnh.

ON: EOS iTR AF

Điểm AF được chọn tự động không chỉ dựa trên thông tin AF, mà còn dựa trên khuôn mặt người và thông tin màu của chủ thể. Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh sẽ theo dõi chủ thể không chỉ dựa trên thông tin khuôn mặt mà còn dựa trên vị trí (điểm AF) đã lấy được nét đầu tiên. Thao tác lấy nét một lần sẽ giống như thiết lập [EOS iTR AF (Face priority) (EOS iTR AF (Ưu tiên khuôn mặt))].

OFF: Disable (Tắt)

Các điểm AF được chọn tự động chỉ dựa trên thông tin AF. (Lấy nét tự động không sử dụng thông tin khuôn mặt hay thông tin màu của chủ thể.)

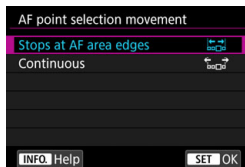


- Nếu đặt **[EOS iTR AF (Face priority) (EOS iTR AF (Ưu tiên khuôn mặt))]** hoặc **[EOS iTR AF]**, máy ảnh sẽ lấy nét chậm hơn khi đặt **[Disable (Tắt)]**.
- Ngay cả khi đặt **[EOS iTR AF (Face priority) (EOS iTR AF (Ưu tiên khuôn mặt))]** hoặc **[EOS iTR AF]**, ảnh chụp có thể không đạt được hiệu ứng mong muốn tùy thuộc vào điều kiện chụp và chủ thể.
- Khi ánh sáng quá yếu và đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS tự động phát ra tia giúp lấy nét, các điểm AF được chọn tự động chỉ dựa trên thông tin AF.
- Nhận diện khuôn mặt có thể không hoạt động nếu khuôn mặt nhỏ hoặc trong các điều kiện ánh sáng yếu.

AF5

AF point selection movement (Chuyển động chọn điểm AF) AF5

Khi chọn điểm AF bằng tay, việc lựa chọn có thể dừng ở rìa ngoài hoặc có thể xoay vòng sang điểm phía đối diện.



: Stops at AF area edges (Dừng ở rìa vùng AF)

Hữu ích khi bạn thường xuyên sử dụng điểm AF ở vùng ngoại vi.

: Continuous (Liên tục)

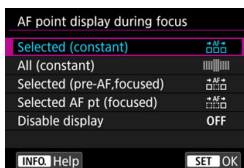
Thay vì dừng ở rìa ngoài, việc lựa chọn điểm AF tiếp tục ở phía đối diện.



Với **[AF4: Initial AF pt, AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)]** được đặt thành **[Initial AF pt selected (Đã chọn điểm AF ban đầu)]**, thiết lập trên cũng sẽ hoạt động khi bạn chọn điểm AF ban đầu cho Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

AF point display during focus**(Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)****AF5**

Bạn có thể thiết lập có hoặc không hiển thị (các) điểm AF khi bắt đầu AF, trong khi lấy nét tự động, khi lấy được nét và khi hẹn giờ đo sáng hoạt động sau khi lấy được nét.



 : **Selected (constant)**
(Đã chọn (không đổi))

 : **All (constant)**
(Tất cả (không đổi))

 : **Selected (pre-AF,focused)**
(Đã chọn (trước AF, lấy được nét))

 : **Selected AF pt (focused)**
(Điểm AF đã chọn (lấy được nét))

OFF: Disable display (Tắt hiển thị)

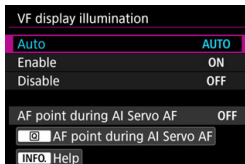
○: Hiển thị, ×: Không hiển thị

Hiển thị điểm AF trong khi lấy nét	Với điểm AF được chọn	Trước khi bắt đầu AF (Máy ảnh sẵn sàng chụp)	Khi bắt đầu AF
Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))	○	○	○
All (constant) (Tất cả (không đổi))	○	○	○
Selected (pre-AF,focused) (Đã chọn (trước AF, lấy được nét))	○	○	○
Selected AF pt (focused) (Điểm AF đã chọn (lấy được nét))	○	×	○
Disable display (Tắt hiển thị)	○	×	×

Hiển thị điểm AF trong khi lấy nét	Trong khi lấy nét	Lấy được nét	Đo sáng hoạt động sau khi lấy được nét
Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))	○	○	○
All (constant) (Tất cả (không đổi))	○	○	○
Selected (pre-AF,focused) (Đã chọn (trước AF, lấy được nét))	×	○	○
Selected AF pt (focused) (Điểm AF đã chọn (lấy được nét))	×	○	×
Disable display (Tắt hiển thị)	×	×	×

VF display illumination (Phát sáng hiển thị trong khung ngắm) AF5

Bạn có thể thiết lập để điểm AF trong khung ngắm có hoặc không chớp sáng đỏ khi lấy được nét.

**AUTO: Auto (Tự động)**

Các điểm AF đang lấy nét chủ thể tối hoặc trong điều kiện ánh sáng yếu sẽ tự động chớp sáng đỏ.

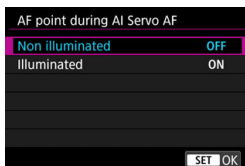
ON: Enable (Bật)

Điểm AF chớp sáng đỏ với mọi mức ánh sáng bao quanh.

OFF: Disable (Tắt)

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

Khi đặt **[Auto (Tự động)]** hoặc **[Enable (Bật)]**, bạn có thể thiết lập để điểm AF có hoặc không chớp sáng đỏ khi nhấn nút **<Q>** trong quá trình lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

**OFF: Non illuminated (Không phát sáng)**

Điểm AF sẽ không chớp sáng trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

ON: Illuminated (Phát sáng)

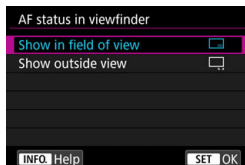
Các điểm AF được sử dụng để lấy nét chớp sáng đỏ trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục. Các điểm AF cũng chớp sáng trong quá trình lấy nét liên tục. Tính năng này sẽ không hoạt động nếu đặt **[VF display illumination (Phát sáng hiển thị trong khung ngắm)]** thành **[Disable (Tắt)]**.



- Khi bạn nhấn nút **<Q>**, các điểm AF sẽ chớp sáng đỏ với mọi thiết lập.
- Cân bằng điện tử, khung lưới trong khung ngắm và thông tin được đặt với **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** (tr.87) cũng sẽ chớp sáng đỏ.

AF status in viewfinder (Trạng thái AF trong khung ngắm) AF5

Bạn có thể làm hiển thị biểu tượng trạng thái AF để cho biết thao tác AF ở trong hoặc ngoài phạm vi trường nhìn của khung ngắm.



: **Show in field of view** (Hiển thị trong trường nhìn)

Biểu tượng trạng thái AF < **AF** > hiển thị ở phía dưới bên phải trong phạm vi trường nhìn của khung ngắm.

: **Show outside view** (Hiển thị ngoài trường nhìn)

Biểu tượng <  > hiển thị bên dưới đèn báo lấy nét <  > ngoài phạm vi trường nhìn của khung ngắm.



Tham khảo trang 105 để tìm hiểu về hiển thị thao tác AF.

AF Microadjustment (Vi chỉnh AF) AF5

Bạn có thể thực hiện tinh chỉnh điểm lấy nét tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động” ở trang sau.

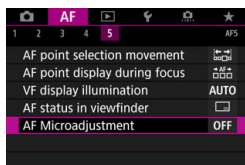
MENU Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động ☆

Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động có thể thực hiện cho chụp qua khung ngắm. Thao tác này gọi là “Vi chỉnh AF”. Trước khi điều chỉnh, tham khảo các phần “Thận trọng khi vi chỉnh AF” và “Lưu ý khi vi chỉnh AF” ở trang 160.

 Thông thường, không cần thiết phải vi chỉnh AF. Chỉ thực hiện điều chỉnh này khi thật sự cần. Lưu ý rằng thực hiện điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến việc lấy nét chính xác.

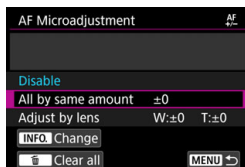
Điều chỉnh tất cả với cùng một lượng

Lập lại thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả để thiết lập lượng điều chỉnh bằng tay cho đến khi đạt được kết quả mong muốn. Khi lấy nét tự động, với mọi ống kính, điểm lấy nét sẽ luôn bị thay đổi tùy theo lượng điều chỉnh.



1 Chọn [AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)].

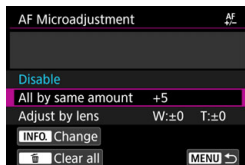
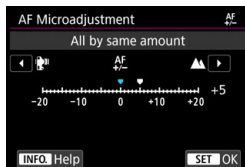
- Trong tab [AF5], chọn [AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)].

3 Nhấn nút <INFO.>.

- Màn hình [All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)] sẽ xuất hiện.



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Đặt lượng điều chỉnh. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Sau khi thực hiện điều chỉnh, nhấn nút < (SET) >.
- Chọn [**All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)**], rồi nhấn < (SET) >.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

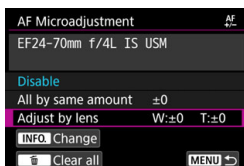
- Chụp và xem lại ảnh (tr.398) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: ”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: ”.
- Nếu cần, lặp lại điều chỉnh.

⚠ Nếu chọn [**All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)**], không thể thực hiện điều chỉnh AF cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.

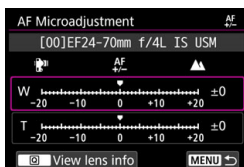
Điều chỉnh theo ống kính

Bạn có thể thực hiện điều chỉnh cho từng ống kính và đăng ký điều chỉnh với máy ảnh. Bạn có thể đăng ký điều chỉnh cho tối đa 40 ống kính. Khi thực hiện lấy nét tự động với ống kính đã đăng ký điều chỉnh, điểm lấy nét sẽ bị thay đổi theo lượng đã điều chỉnh.

Lặp lại thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả để thiết lập lượng điều chỉnh bằng tay cho đến khi đạt được kết quả mong muốn. Nếu sử dụng ống kính zoom, thực hiện điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).

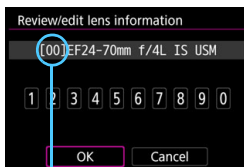


1 Chọn [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)].



2 Nhấn nút <INFO.>.

- ▶ Màn hình [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)] sẽ xuất hiện.

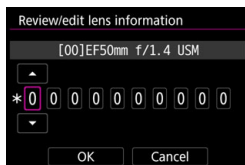


Số đăng ký

3 Kiểm tra và thay đổi thông tin ống kính.

Hiển thị thông tin ống kính

- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Màn hình sẽ hiển thị tên ống kính và số sê-ri có 10 chữ số. Khi số sê-ri hiển thị, chọn [OK] và thực hiện bước 4.
- Nếu không thể xác nhận số sê-ri ống kính, "0000000000" sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, thực hiện theo hướng dẫn ở trang sau để nhập số.
- Về dấu "*" hiển thị trước số sê-ri của một số loại ống kính, tham khảo trang sau.



Nhập số sê-ri

- Chọn chữ số cần nhập, rồi nhấn **<SET>** để hiển thị **<SET>**.
- Nhập số, rồi nhấn **<SET>**.
- Sau khi nhập tất cả chữ số, chọn **[OK]**.

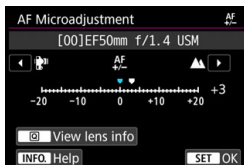
Số sê-ri của ống kính

- Ở bước 3, nếu dấu “*” xuất hiện trước 10 chữ số sê-ri của ống kính, bạn chỉ có thể đăng ký một ống kính cùng model. Ngay cả khi nhập số sê-ri, dấu “*” vẫn hiển thị.
- Số sê-ri trên ống kính có thể khác với số sê-ri hiển thị trên màn hình ở bước 3. Đây không phải vấn đề trực tiếp.
- Nếu số sê-ri của ống kính bao gồm chữ cái, chỉ nhập phần chữ số.
- Nếu số sê-ri ống kính dài từ mười một chữ số trở lên, chỉ nhập mười chữ số cuối cùng.
- Vị trí số sê-ri thay đổi tùy thuộc vào ống kính.
- Một số ống kính nhất định có thể không ghi số sê-ri. Để đăng ký ống kính không có số sê-ri, nhập số sê-ri bất kỳ.

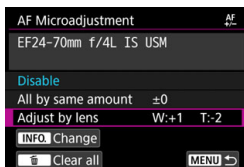
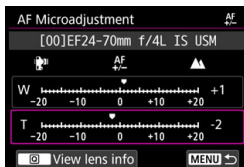


- Nếu chọn **[Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]** và sử dụng ống nối, điều chỉnh sẽ được đăng ký cho tổ hợp ống kính và ống nối.
- Thông báo sẽ xuất hiện trong trường hợp có 40 ống kính đã được đăng ký. Sau khi chọn ống kính để xóa (ghi đè) đăng ký, bạn có thể đăng ký ống kính khác.

Ống kính tiêu cự đơn



Ống kính zoom



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Với ống kính zoom, chọn tiêu cự góc rộng (W) hoặc tiêu cự chụp xa (T). Nhấn <SET> sẽ tắt khung màu tím và có thể thực hiện điều chỉnh.
- Đặt lượng điều chỉnh, rồi nhấn <SET>. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: 📷” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: 📷” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Đối với ống kính zoom, lặp lại quy trình này và điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).
- Sau khi hoàn tất chỉnh sửa, nhấn nút <MENU> để quay về màn hình ở bước 1.
- Chọn [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)], rồi nhấn <SET>.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

- Chụp và xem lại ảnh (tr.398) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.

- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: 📷”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: 📷”.
- Nếu cần, lặp lại điều chỉnh.

 Khi chụp với dải tiêu cự ở giữa của ống kính zoom, điểm lấy nét AF sẽ được chỉnh tự động tương ứng với điều chỉnh thiết lập cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa. Ngay cả khi chỉ tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa được chỉnh, điều chỉnh vẫn được thực hiện tự động cho dải tiêu cự ở giữa.

Xóa tất cả vi chỉnh AF

Khi thông báo  **Clear all (Xóa tất cả)** xuất hiện ở phía dưới màn hình, nhấn nút  sẽ xóa tất cả điều chỉnh của **[All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)]** và **[Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]**.

Thận trọng khi vi chỉnh AF

- Điểm lấy nét AF thay đổi tùy vào điều kiện của chủ thể, độ sáng, vị trí zoom và các điều kiện chụp khác. Do vậy ngay cả khi thực hiện vi chỉnh AF, máy có thể vẫn không lấy được nét tại vị trí thích hợp.
- Lượng điều chỉnh của mỗi bậc thay đổi tùy thuộc vào khẩu độ tối đa của ống kính. Tiếp tục điều chỉnh, chụp và liên tục kiểm tra tiêu cự để điều chỉnh điểm lấy nét AF.
- Điều chỉnh sẽ không được áp dụng cho lấy nét tự động khi chụp Live View hoặc quay phim.
- Điều chỉnh sẽ được lưu giữ ngay cả khi bạn xóa tất cả thiết lập của máy ảnh (tr.77). Tuy nhiên, thiết lập sẽ tự động **[Disable (Tắt)]**.

Lưu ý khi vi chỉnh AF

- Tốt nhất nên thực hiện điều chỉnh tại vị trí chụp thực tế để có được điều chỉnh chính xác hơn.
- Nên sử dụng chân máy khi thực hiện điều chỉnh.
- Để thực hiện điều chỉnh, bạn nên chụp ảnh ở chất lượng ghi ảnh  L.

Khi Lấy nét tự động thất bại

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy) đối với các chủ thể đặc biệt như sau:

Chủ thể khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: Bầu trời xanh, mặt phẳng đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh
(Ví dụ: Ô tô với thân xe có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa được đóng khung gần điểm AF
(Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...)
- Chủ thể như các điểm sáng được đóng khung gần với điểm AF
(Ví dụ: Cảnh đêm, v.v...)
- Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...)
- Chủ thể có dạng nhỏ hơn điểm AF
(Ví dụ: Khuôn mặt hay bông hoa bằng hoặc nhỏ hơn điểm AF, v.v...)

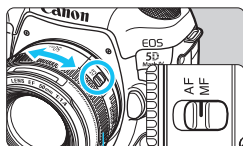
Trong những trường hợp như vậy, lấy nét bằng cách thực hiện một trong hai thao tác sau.

- (1) Đối với Lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét, rồi bố cục lại ảnh (tr.103).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay (tr.162).



- Tùy thuộc vào chủ thể, có thể lấy được nét bằng cách bố cục lại ảnh một chút và thực hiện lại thao tác AF.
- Để tìm hiểu về các điều kiện khiến máy khó lấy nét với AF trong khi chụp Live View hoặc quay phim, tham khảo trang 328.

MF: Lấy nét tay



Vòng lấy nét



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- ▶ Biểu tượng <M FOCUS> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

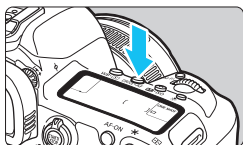
2 Lấy nét chủ thể.

- Lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.

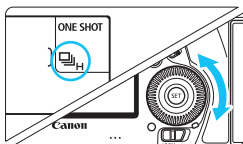
- Nếu bạn lấy nét tay trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, đèn báo lấy nét <●> sẽ sáng khi lấy được nét.
- Với AF tự động chọn, khi điểm AF trung tâm lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng.

Chọn kiểu chụp

Máy ảnh cung cấp chế độ chụp từng ảnh và chụp liên tục. Bạn có thể chọn kiểu chụp phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.



1 Nhấn nút <DRIVE•AF> (⦿6).



2 Chọn kiểu chụp.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <⦿>.

: Chụp từng ảnh

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy ảnh chỉ chụp một ảnh đơn.

(): Chụp liên tục tốc độ cao

Trong khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, bạn có thể chụp liên tục tối đa khoảng 7,0 ảnh/giây.

Tuy nhiên, tốc độ chụp liên tục tối đa có thể trở nên chậm đi trong các điều kiện sau:

- **Khi chụp chống nhấp nháy:**

Tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khoảng 6,6 ảnh/giây.

- **Khi chụp ảnh RAW pixel đôi:**

Tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khoảng 5,0 ảnh/giây.

- **Chụp Live View:**

Khi đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [One-Shot AF (Lấy nét một lần)] và đặt [Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng)] thành [Disable (Tắt)], tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khoảng 7,0 ảnh/giây. Nếu đặt [Mode 1 (Chế độ 1)], tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ giảm một chút.

Lưu ý rằng khi đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [Servo AF (Lấy nét Servo)], tốc độ chụp liên tục tối đa khoảng 4,3 ảnh/giây sẽ được ưu tiên.

● **Khi đặt Tối ưu hóa ống kính số:**

Khi đặt [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] thành [Enable (Bật)], tốc độ chụp liên tục sẽ bị giảm đáng kể.

Tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khác nhau tùy vào điều kiện chụp. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 165.

 : **Chụp liên tục tốc độ thấp**

Trong khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, bạn có thể chụp liên tục **tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây**.

Trong khi chụp Live View, nếu đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [Servo AF (Lấy nét Servo)], máy ảnh sẽ ưu tiên theo dõi lấy nét chủ thể (Ưu tiên theo dõi chủ thể) với tốc độ chụp liên tục tối đa **khoảng 3,0 ảnh/giây**.

 S : **Chụp từng ảnh ngắt tiếng**

Bạn có thể chụp từng ảnh đồng thời ngắt tiếng máy phát ra trong quá trình chụp qua khung ngắm. Không thể đặt chức năng này khi chụp Live View.

 S : **Chụp liên tục ngắt tiếng**

Bạn có thể chụp liên tục **tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây** đồng thời ngắt tiếng máy phát ra trong quá trình chụp qua khung ngắm (so sánh với thiết lập < >). Không thể đặt chức năng này khi chụp Live View.

 1 : **Chụp hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa**

 2 : **Chụp hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa**

Để tìm hiểu về chụp hẹn giờ, tham khảo trang 166. Để tìm hiểu về chụp điều khiển từ xa, tham khảo trang 283.



- Máy ảnh sẽ đạt được tốc độ chụp liên tục tốc độ cao < > (tr.163) tối đa khoảng 7,0 ảnh/giây trong các điều kiện sau: pin sạc đầy, tốc độ màn trập 1/500 giây hoặc nhanh hơn, khẩu độ tối đa (tùy thuộc vào ống kính)*, ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), tắt giảm nhấp nháy, tắt chụp ảnh RAW pixel đôi, tắt chụp Live View ngắt tiếng và chụp Live View với chế độ lấy nét một lần, tắt tối ưu hóa ống kính số.

* Với chế độ AF được đặt thành lấy nét một lần và tắt hệ thống ổn định hình ảnh khi sử dụng các ống kính sau: EF300mm f/4L IS USM, EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM, EF75-300mm f/4-5.6 IS USM, EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM.

- Tốc độ chụp liên tục trong khi chụp liên tục tốc độ cao < > có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào loại nguồn điện, mức pin, nhiệt độ, chức năng giảm nhấp nháy, chụp ảnh RAW pixel đôi, tối ưu hóa ống kính số, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện chủ thể, độ sáng, thao tác AF, ống kính, việc sử dụng flash, thiết lập chức năng chụp, v.v...
- Khi đặt [4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] (tr.217), chụp dưới ánh sáng nhấp nháy sẽ giảm tốc độ chụp liên tục tối đa. Ngoài ra, quãng chụp liên tục có thể trở nên không đều và thời gian trễ cho đến khi ảnh được chụp có thể dài hơn.
- Nếu đặt [1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] thành [Enable (Bật)] (tr.177) và đặt [1: Image-recording quality (Chất lượng ghi ảnh)] thành [RAW] hoặc [RAW+JPEG] (tr.171), tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Khi chụp Live View, nếu đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [Servo AF (Lấy nét Servo)] (tr.318), tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Nếu đặt [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] thành [Enable (Bật)] (tr.212), tốc độ chụp liên tục sẽ bị giảm đáng kể.
- Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục tối đa có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào điều kiện chủ thể và ống kính được sử dụng.
- Nếu nhiệt độ pin thấp do nhiệt độ môi trường thấp hoặc nếu mức pin thấp, tốc độ chụp liên tục tối đa có thể giảm tới khoảng 6,0 ảnh/giây khi sử dụng Pin LP-E6N hoặc khoảng 5,0 ảnh/giây khi sử dụng Pin LP-E6.
- Nếu đặt < S > hoặc < S >, thời gian trễ từ lúc nhấn hoàn toàn nút chụp đến khi nhả màn trập sẽ lâu hơn bình thường.
- Khi bộ nhớ trong đầy trong khi chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể giảm do tạm thời bị dừng chụp (tr.176).

🔍 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ

Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ khi bạn muốn có mặt trong hình như ảnh kỷ niệm.



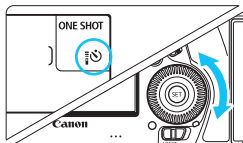
1 Nhấn nút <DRIVE>AF> (🔍6).

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <🔍>.

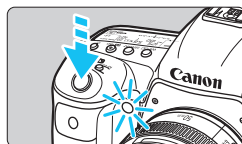
🔍🔍 : Chụp sau khoảng 10 giây

🔍2 : Chụp sau khoảng 2 giây



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên bảng điều khiển LCD.
- ▶ Khoảng 2 giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và máy sẽ phát ra tiếng bíp nhanh hơn.



⚠ Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đậy nắp thị kính lại (tr.282). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.



- Chế độ <🔍2> cho phép bạn chụp mà không cần chạm vào máy ảnh khi được gắn trên chân máy. Điều này giúp máy ảnh tránh bị rung khi chụp tĩnh vật hoặc phơi sáng lâu.
- Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.398) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.99) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Để hủy thao tác, nhấn nút <DRIVE>AF>.

4

Thiết lập ảnh

Phần này giải thích các thiết lập chức năng liên quan đến ảnh: Chất lượng ghi ảnh, chức năng ảnh RAW pixel đôi, Tốc độ ISO, Kiểu ảnh, cân bằng trắng, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, giảm nhiễu hạt, ưu tiên tông màu sáng, hiệu chỉnh quang sai của ống kính, chụp chống nhấp nháy và các chức năng khác.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .

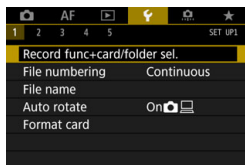
MENU Chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh

Nếu đã lắp thẻ CF hoặc thẻ SD vào máy ảnh, bạn có thể bắt đầu ghi ảnh chụp. Khi chỉ lắp một thẻ, bạn không bắt buộc phải thực hiện theo quy trình giới thiệu ở các trang 168-170.

Nếu lắp cả hai thẻ, bạn có thể chọn phương pháp ghi và chọn thẻ để sử dụng cho việc ghi và xem lại ảnh.

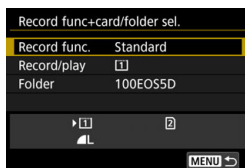
[1] là thẻ CF và [2] là thẻ SD.

Phương pháp ghi khi lắp hai thẻ

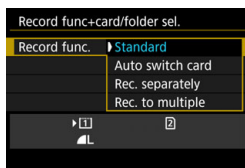


1 Chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

- Trong tab [1], chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Record func. (Chức năng ghi)].



3 Chọn phương pháp ghi.

- Chọn phương pháp ghi, rồi nhấn <SET>.

- **Standard (Tiêu chuẩn)**

Ảnh sẽ được ghi vào thẻ đã chọn với **[Record/play (Ghi/phát)]**.

- **Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**

Giống như thiết lập **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Nhưng nếu thẻ đầy, máy ảnh sẽ tự động chuyển sang thẻ khác để ghi ảnh. Khi tự động chuyển thẻ, máy ảnh sẽ tạo một thư mục mới.

- **Rec. separately (Ghi riêng)**

Bạn có thể đặt chất lượng ghi ảnh cho từng thẻ (tr.171). Mỗi ảnh được ghi vào cả thẻ CF và thẻ SD với chất lượng ghi ảnh đã đặt. Bạn có thể tùy ý đặt chất lượng ghi ảnh thành **L** và **RAW**, hoặc **S3** và **M RAW**, v.v...

- **Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**

Mỗi ảnh được ghi đồng thời vào cả thẻ CF và thẻ SD với chất lượng ghi ảnh giống nhau. Bạn cũng có thể chọn RAW+JPEG.



- Nếu đặt chức năng **[Rec. separately (Ghi riêng)]** và thiết lập nhiều chất lượng ghi khác nhau cho thẻ CF và thẻ SD, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm (tr.173).
- Không thể ghi phim đồng thời vào thẻ CF và thẻ SD. Phim sẽ được ghi vào thẻ được thiết lập cho **[Playback (Phát lại)]**.



[Rec. separately (Ghi riêng)] và [Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]

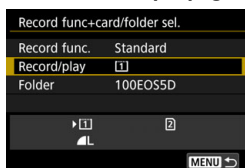
- Số tập tin giống nhau được sử dụng để ghi lên cả thẻ CF và thẻ SD.
- Bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị số ảnh có thể ghi được của thẻ có số lượng ít hơn.
- Nếu một trong hai thẻ đầy, cảnh báo **[Card* full (Thẻ nhớ* đầy)]** sẽ hiển thị và sẽ không thể chụp được ảnh. Nếu điều này xảy ra, hãy thay thẻ nhớ hoặc đặt **[Record func. (Chức năng ghi)]** thành **[Standard (Tiêu chuẩn)]** và chọn thẻ còn dung lượng để tiếp tục chụp ảnh.
- Để tìm hiểu về tùy chọn **[Folder (Thư mục)]** của menu **[1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)]**, tham khảo trang 220.

Chọn thẻ CF hoặc thẻ SD để ghi và xem

Nếu **[Record func. (Chức năng ghi)]** được đặt thành **[Standard (Tiêu chuẩn)]** hoặc **[Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)]**, chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh.

Nếu **[Record func. (Chức năng ghi)]** được đặt thành **[Rec. separately (Ghi riêng)]** hoặc **[Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]**, chọn thẻ để xem lại ảnh.

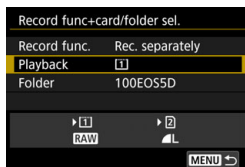
Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thẻ



Chọn **[Record/play (Ghi/phát)]**.

- Chọn **[Record/play (Ghi/phát)]**, rồi nhấn **<SET>**.
 - [1]** : Ghi ảnh vào và xem lại ảnh từ thẻ CF.
 - [2]** : Ghi ảnh vào và xem lại ảnh từ thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn **<SET>**.

Ghi riêng / Ghi vào nhiều phương tiện

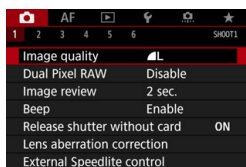


Chọn **[Playback (Phát lại)]**.

- Chọn **[Playback (Phát lại)]**, rồi nhấn **<SET>**.
 - [1]** : Xem lại ảnh trong thẻ CF.
 - [2]** : Xem lại ảnh trong thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn **<SET>**.

MENU Thiết lập chất lượng ghi ảnh

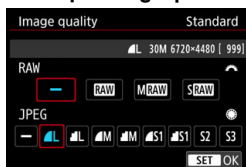
Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Có tám thiết lập chất lượng ghi ảnh JPEG là: **L**, **L**, **M**, **M**, **S1**, **S1**, **S2**, **S3**. Có ba thiết lập chất lượng ảnh RAW là: **RAW**, **M RAW**, **S RAW** (tr.175).



1 Chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)].

- Trong tab [**1**], chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)], rồi nhấn <SET>.

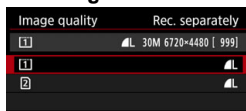
Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thể / Ghi vào nhiều phương tiện



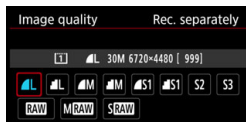
2 Chọn chất lượng ghi ảnh.

- Để chọn chất lượng RAW, xoay nút xoay <WHEEL>. Để chọn chất lượng JPEG, xoay nút xoay <DIAL>.
- Ở phía trên bên phải, số "***M" (megapixel) ****x**** biểu thị độ phân giải được ghi và [***] là số ảnh có thể chụp (hiển thị lên tới 9999).
- Nhấn <SET> để thiết lập.

Ghi riêng

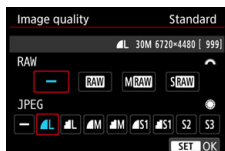


- Trong tab [**1**: Record func+card/ folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)], nếu [Record func. (Chức năng ghi)] được đặt thành [Rec. separately (Ghi riêng)], chọn thẻ CF [**1**] hoặc thẻ SD [**2**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn chất lượng ghi ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.



Ví dụ về thiết lập chất lượng ghi ảnh

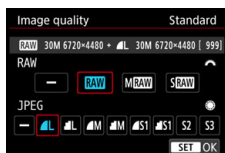
Chỉ **L**



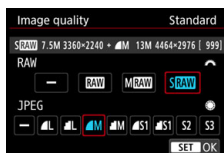
Chỉ **RAW**



RAW + **L**



S RAW + **M**



! Cỡ ảnh [****x****] và số ảnh có thể chụp [****] hiển thị trên màn hình thiết lập chất lượng ghi ảnh luôn áp dụng cho thiết lập [3:2] mà không phụ thuộc vào thiết lập [**5: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)**] (tr.314).

! Nếu đặt [-] cho cả ảnh RAW và ảnh JPEG, máy ảnh sẽ tự động đặt thành **L**.

Hướng dẫn thiết lập chất lượng ghi ảnh

(Ước chừng)

Chất lượng ảnh	Độ phân giải được ghi	Kích cỡ in	Kích thước tập tin (MB)	Số ảnh có thể chụp	Số ảnh chụp liên tục tối đa			
					Thẻ CF		Thẻ SD	
					Tiêu chuẩn	Tốc độ cao	Tiêu chuẩn	Tốc độ cao
JPEG								
L	30 M	A2	8,8	820	110	Đầy	130	Đầy
L			4,5	1590	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
M	13 M	A3	4,7	1530	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
M			2,4	2970	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
S1	7,5 M	A4	3,0	2350	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
S1			1,5	4560	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
S2	2,5 M	9x13 cm	1,3	5420	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
S3	0,3 M	—	0,3	20330	Đầy	Đầy	Đầy	Đầy
RAW								
RAW	30 M	A2	36,8	170	17	21	17	19
RAW : DPR	30 M		66,9	90	7	7	7	7
M RAW	17 M		27,7	220	23	32	23	26
S RAW	7,5 M	A4	18,9	310	35	74	36	48
RAW+JPEG								
RAW L	30 M 30 M	A2 A2	36,8 8,8	140	13	16	13	14
M RAW L	17 M 30 M	A2 A2	27,7 8,8	170	13	17	14	15
S RAW L	7,5 M 30 M	A4 A2	18,9 8,8	220	15	22	15	18



- S2 thích hợp để xem ảnh trên khung ảnh kỹ thuật số, v.v...
- S3 thích hợp để gửi ảnh qua email hoặc sử dụng ảnh trên trang web.
- S2 và S3 đều có chất lượng (Đẹp).

- Số lượng ảnh có thể chụp dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon và thẻ 8 GB.
- Số ảnh chụp liên tục tối đa áp dụng cho thẻ CF (Tiêu chuẩn: 8 GB, Tốc độ cao: UDMA Mode 7, 64 GB) và thẻ SD (Tiêu chuẩn: 8 GB, Tốc độ cao: UHS-I, 16 GB) thử nghiệm theo tiêu chuẩn của Canon và dựa trên các điều kiện được thiết lập theo tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon sau: <  H > Chụp liên tục tốc độ cao, tỷ lệ khung ảnh 3:2, ISO 100, tắt chụp ảnh RAW pixel đôi, kiểu ảnh tiêu chuẩn, không thêm thông tin IPTC.
- **Kích thước tập tin, số lượng ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể, thương hiệu thẻ, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các thiết lập khác.**
- “Đầy” biểu thị có thể chụp ảnh ở các điều kiện đã liệt kê cho đến khi thẻ đầy.



- Ngay cả khi bạn sử dụng thẻ UDMA CF hoặc thẻ SD tốc độ cao, đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, số ảnh chụp liên tục tối đa được trình bày trong bảng ở trang trước áp dụng cho chụp liên tục.
- Nếu bạn chọn cả RAW và JPEG, ảnh sẽ được ghi lại đồng thời trên thẻ ở cả hai định dạng RAW và JPEG với chất lượng ghi ảnh đã được thiết lập trước đó. Hai ảnh sẽ được ghi lại với cùng số thứ tự tập tin (đuôi tập tin: .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW).
- Biểu tượng chất lượng ghi ảnh hiển thị như sau: **RAW** (RAW), **M RAW** (Ảnh RAW trung bình), **S RAW** (Ảnh RAW cỡ nhỏ), JPEG (JPEG),  (Đẹp),  (Bình thường), **L** (Lớn), **M** (Vừa) và **S** (Nhỏ).

Ảnh RAW

Ảnh RAW là dữ liệu thô có được bằng cách chuyển đổi dữ liệu từ cảm biến ảnh sang dữ liệu số. Ảnh được ghi nguyên bản vào thẻ nhớ và bạn có thể chọn chất lượng ảnh như sau: **RAW**, **M RAW** hoặc **S RAW**.

Ảnh **RAW** có thể được xử lý với [ **1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**] (tr.450) và được lưu dưới dạng ảnh JPEG. (Ảnh **M RAW** và **S RAW** không thể xử lý được trên máy ảnh.) Do ảnh RAW không bị thay đổi, bạn có thể xử lý ảnh RAW để tạo nhiều ảnh JPEG theo các điều kiện xử lý khác nhau.

Bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612) để xử lý ảnh RAW. Bạn có thể thực hiện các điều chỉnh ảnh khác nhau tùy theo mục đích sử dụng và có thể tạo ảnh JPEG, TIFF hoặc các loại ảnh khác phản ánh hiệu quả của các thay đổi này.



Phần mềm xử lý ảnh RAW

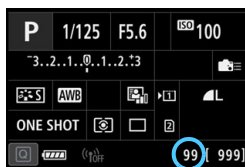
- Để hiển thị ảnh RAW trên máy tính, nên sử dụng Digital Photo Professional (DPP, phần mềm EOS).
- Phiên bản cũ DPP 4.x không thể xử lý ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Nếu máy tính có cài đặt phiên bản trước của DPP phiên bản 4.x, hãy cập nhật phần mềm bằng đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (tr.613). (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.) Chú ý rằng phiên bản DPP 3.x hoặc cũ hơn không thể xử lý ảnh RAW chụp từ máy ảnh này.
- Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm ☆

Với Điều khiển tùy chỉnh, bạn có thể gán chất lượng ghi ảnh cho nút <M-Fn> hoặc nút xem trước độ sâu trường ảnh để chuyển tức thời. Nếu gán [**One-touch image quality setting (Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm)**] hoặc [**One-touch image quality (Chất lượng ảnh với một lần chạm)**] cho nút <M-Fn> hoặc nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn có thể nhanh chóng chuyển đến chất lượng ghi ảnh mong muốn và chụp ảnh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Điều khiển tùy chỉnh” (tr.499).

❗ Trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], nếu đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] thành [**Rec. separately (Ghi riêng)**], bạn không thể chuyển qua Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm.

Số ảnh chụp liên tục tối đa



Số ảnh chụp liên tục tối đa ước chừng sẽ hiển thị trong khung ngắm và ở phía dưới bên phải của màn hình điều khiển nhanh và màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh. Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa đạt tới 99 hoặc cao hơn, “99” sẽ hiển thị.

❗ Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị kể cả khi thẻ nhớ không được lắp vào máy ảnh. Đảm bảo thẻ nhớ được lắp trước khi chụp.

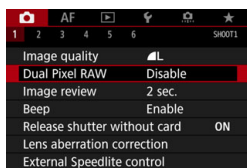
📷 Số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ hiển thị là “99”, biểu thị bạn có thể chụp liên tục 99 ảnh hoặc nhiều hơn. Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa giảm xuống còn 98 ảnh hoặc ít hơn và bộ nhớ đệm bên trong đầy, thông báo “buSY” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. Tạm thời bạn sẽ không chụp được ảnh. Nếu bạn dừng chụp liên tục, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ tăng. Sau khi tất cả ảnh chụp được ghi vào thẻ nhớ, bạn có thể tiếp tục chụp với số ảnh chụp liên tục tối đa được liệt kê trong bảng ở trang 173.

Thiết lập chức năng ảnh RAW pixel đôi

Nếu chụp ảnh **RAW** (không phải **M RAW** hay **S RAW**) khi đặt chức năng ảnh RAW pixel đôi, các ảnh sẽ được ghi thành “ảnh **RAW** đặc biệt (ảnh RAW pixel đôi)” có thêm dữ liệu pixel đôi từ cảm biến ảnh. Chức năng này gọi là chụp ảnh RAW pixel đôi.

Khi thực hiện xử lý ảnh RAW pixel đôi bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612), bạn có thể tận dụng dữ liệu pixel đôi được ghi bằng ảnh RAW pixel đôi để vi chỉnh vị trí của độ sắc nét và độ phân giải tối đa sử dụng thông tin chiều sâu có trong tập tin, xác định lại vị trí điểm ngắm hoặc bokeh tiền cảnh để có kết quả tốt hơn, và giảm hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóa sáng) trong ảnh.

Do hiệu ứng trong mỗi điều kiện chụp sẽ khác nhau, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional để biết thêm chi tiết về tính năng của chức năng ảnh RAW pixel đôi và xử lý ảnh RAW pixel đôi trước khi tiến hành chụp ảnh RAW pixel đôi.

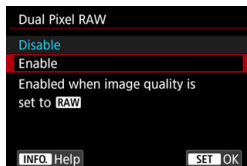


1 Chọn [Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)].

- Trong tab [**1**], chọn [**Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)**], rồi nhấn **<SET>**.

2 Chọn [Enable (Bật)].

- Nhấn nút **<INFO>** rồi đọc màn hình Trợ giúp (tr.94) trước khi tiếp tục.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn **<SET>**.



3 Đặt chất lượng ghi ảnh thành **RAW**.

- Tham khảo trang 171, rồi đặt chất lượng ghi ảnh thành **RAW** hoặc **RAW**+JPEG.
- Biểu tượng **<DPR>** sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

4 Chụp ảnh.

- Ảnh RAW đã thêm dữ liệu pixel đôi (Ảnh RAW pixel đôi) sẽ được ghi.



- Ngay cả khi đặt [1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] thành [Enable (Bật)], bạn cũng không thể ghi ảnh M RAW hoặc S RAW đã thêm dữ liệu pixel đôi (chỉ có thể ghi ảnh RAW).
- Nếu đặt [1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)] thành [Rec. separately (Ghi riêng)] và đặt chất lượng ghi ảnh cho một thẻ thành RAW và thẻ còn lại thành M RAW hoặc S RAW, bạn sẽ không thể thực hiện chụp ảnh RAW pixel đôi.
- Khi đặt [1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] thành [Enable (Bật)], bạn không thể sử dụng chức năng ảnh ghép phơi sáng, chụp HDR, thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm hoặc tối ưu hóa ống kính số. Ngoài ra, thời gian khởi động sẽ dài hơn khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc tiếp tục từ trạng thái tự động tắt nguồn.
- Khi chụp ảnh RAW pixel đôi, số ảnh có thể chụp sẽ giảm.
- Chụp với ảnh RAW pixel đôi qua khung ngắm sẽ giảm tốc độ chụp liên tục. Số ảnh chụp liên tục tối đa khi chụp liên tục cũng sẽ giảm.
- Nếu đặt [1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] thành [Enable (Bật)] khi chụp Live View, bạn sẽ không thể chọn các kiểu chụp < H> và < >. Nếu đặt < H> hoặc < >, kiểu chụp < > sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Khi chụp qua khung ngắm với [1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] được đặt thành [Enable (Bật)], nếu bạn chuyển sang chế độ chụp Live View đồng thời đặt kiểu chụp < H> hoặc < >, kiểu chụp < > sẽ được tự động áp dụng.
- Khi chụp ảnh RAW hay RAW+JPEG với [1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] được đặt thành [Enable (Bật)], nhiễu hạt sẽ trở nên rõ ràng hơn khi chụp thông thường.



Lượng điều chỉnh và hiệu ứng hiệu chỉnh của chức năng ảnh RAW pixel đôi

- Lượng điều chỉnh và hiệu ứng hiệu chỉnh sẽ tăng với khẩu độ lớn hơn.
- Có thể không đạt đủ lượng điều chỉnh và hiệu ứng hiệu chỉnh tùy thuộc vào ống kính và cảnh.
- Lượng điều chỉnh và hiệu ứng hiệu chỉnh sẽ thay đổi tùy thuộc vào hướng máy ảnh (dọc hoặc ngang).
- Có thể không đạt đủ lượng điều chỉnh và hiệu ứng hiệu chỉnh tùy thuộc vào điều kiện chụp.

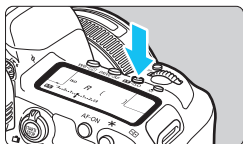


<DPR> có thể hiển thị trong khung ngắm khi chụp ảnh RAW pixel đôi (tr.87).

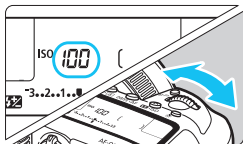
ISO: Thiết lập tốc độ ISO khi chụp ảnh ☆

Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Trong chế độ <A⁺>, tốc độ ISO được tự động thiết lập (tr.181).

Về tốc độ ISO khi quay phim, tham khảo các trang 341 và 345.



1 Nhấn nút <ISO> (06).



2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <ISO>.
- Có thể thiết lập tốc độ ISO trong khoảng ISO 100 - ISO 32000 với mức tăng 1/3 điểm dừng.
- “A” biểu thị ISO tự động. Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập (tr.181).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

Tốc độ ISO	Tình huống chụp (Không sử dụng flash)	Phạm vi flash
L (50), ISO 100 - ISO 400	Ngoài trời nắng	Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash hiệu dụng càng mở rộng.
ISO 400 - ISO 1600	Bầu trời u ám hoặc buổi tối	
ISO 1600 - ISO 32000, H1 (51200), H2 (102400)	Trong nhà tối hoặc ban đêm	

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.



Bạn cũng có thể thiết lập tốc độ ISO với menu [**2: ISO speed settings** (Thiết lập tốc độ ISO)] trên màn hình [ISO speed (Tốc độ ISO)].

- Do H1 (tương đương ISO 51200) và H2 (tương đương ISO 102400) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, nhiều (điểm sáng, dài, v.v...) và các màu không đồng đều trông sẽ rõ hơn và độ phân giải sẽ thấp hơn tiêu chuẩn.
- Do L (tương đương ISO 50) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, dài tương phản động sẽ hẹp hơn thiết lập tiêu chuẩn.
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.208), bạn không thể chọn L (tương đương ISO 50), ISO 100/125/160, H1 (tương đương ISO 51200) và H2 (tương đương ISO 102400).
- Khi chụp với tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao, phơi sáng lâu hoặc ghép phơi sáng, có thể thấy rõ nhiễu ảnh (hạt thô, điểm sáng, dài, v.v...) và màu không đều.
- Khi chụp ảnh trong điều kiện có thể gây ra nhiễu ảnh, chẳng hạn như chụp ở cả tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao và phơi sáng lâu, ảnh có thể không được ghi chính xác.
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.

 Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], bạn có thể sử dụng [**Range for stills (Phạm vi cho ảnh)**] để mở rộng phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập từ L (tương đương ISO 50) đến H1 (tương đương ISO 51200) và H2 (tương đương ISO 102400) (tr.182).

ISO tự động



Nếu đặt tốc độ ISO thành “A” (Tự động), tốc độ ISO thực tế được thiết lập sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp.

Như hướng dẫn dưới đây, tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập phù hợp với chế độ chụp.

Chế độ chụp	Thiết lập tốc độ ISO	
	Không sử dụng flash	Sử dụng flash
A ⁺	ISO 100 - ISO 12800	ISO 100 - ISO 1600
P/Tv/Av/M	ISO 100 - ISO 32000 ^{*1}	ISO 400 ^{*1*2*3}
B	ISO 400 ^{*1}	

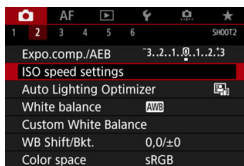
*1: Phạm vi tốc độ ISO thực tế tùy thuộc vào thiết lập [**Minimum (Tối thiểu)**] và [**Maximum (Tối đa)**] trong [**Auto range (Phạm vi tự động)**].

*2: Nếu đèn flash bổ sung khiến ảnh quá sáng, ISO 100 hoặc cao hơn sẽ được thiết lập. (Ngoại trừ ở các chế độ <**M**> và <**B**>.)

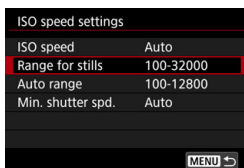
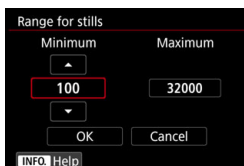
*3: Trong chế độ <**P**>, nếu bạn sử dụng flash phản xạ với đèn Speedlite gắn ngoài, ISO 400 - ISO 1600 sẽ được thiết lập tự động.

MENU Thiết lập phạm vi tốc độ ISO có thể chỉnh tay

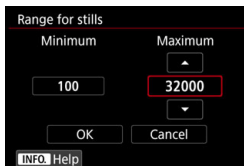
Bạn có thể thiết lập phạm vi tốc độ ISO bằng tay (mức thấp nhất và mức cao nhất). Bạn có thể đặt giới hạn thấp nhất trong khoảng L (tương đương ISO 50) đến H1 (tương đương ISO 51200) và giới hạn cao nhất trong khoảng ISO 100 đến H2 (tương đương ISO 102400).

**1 Chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)].**

- Trong tab [**2**], chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)], rồi nhấn <SET>.

**2 Chọn [Range for stills (Phạm vi cho ảnh)].****3 Đặt giới hạn thấp nhất.**

- Chọn ô mức thấp nhất, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

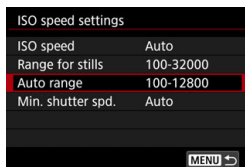
**4 Đặt giới hạn cao nhất.**

- Chọn ô mức cao nhất, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

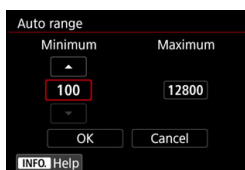
5 Chọn [OK].

MENU Thiết lập phạm vi tốc độ ISO cho ISO tự động

Bạn có thể thiết lập phạm vi cho ISO tự động trong khoảng ISO 100 - ISO 32000. Bạn có thể cài đặt mức thấp nhất trong khoảng ISO 100 - ISO 25600, và mức cao nhất trong khoảng ISO 200 - ISO 32000 ở mức tăng chẵn.

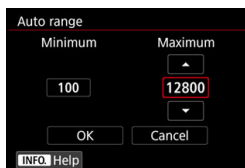


1 Chọn [Auto range (Phạm vi tự động)].



2 Đặt giới hạn thấp nhất.

- Chọn ô mức thấp nhất, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.



3 Đặt giới hạn cao nhất.

- Chọn ô mức cao nhất, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.

4 Chọn [OK].



Thiết lập [Minimum (Tối thiểu)] và [Maximum (Tối đa)] cũng sẽ áp dụng cho tốc độ ISO tối thiểu và tối đa của chuyển an toàn chụp ảnh hưởng của tốc độ ISO (tr.489).

MENU Thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu cho ISO tự động

Bạn có thể đặt tốc độ màn trập tối thiểu để khi thiết lập ISO tự động, tốc độ màn trập được thiết lập tự động sẽ không quá thấp.

Thiết lập này rất hiệu quả trong các chế độ <P> và <Av> khi bạn sử dụng ống kính góc rộng để chụp chủ thể đang chuyển động hoặc khi sử dụng ống kính tele. Điều này giúp giảm rung máy ảnh và mờ chủ thể.

ISO speed settings	
ISO speed	Auto
Range for stills	100-32000
Auto range	100-12800
Min. shutter spd.	Auto

1 Chọn [Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)].

Thiết lập tự động

Min. shutter spd.	
Auto(Standard)	
Auto	
Manual	
Slower	Faster
◀ [0] ▶	

2 Thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu mong muốn.

- Chọn **[Auto (Tự động)]** hoặc **[Manual (Chỉnh tay)]**.
- Nếu chọn **[Auto (Tự động)]**, xoay nút xoay <🔧> để thiết lập tốc độ mong muốn (chậm hơn hoặc nhanh hơn) so với tốc độ chuẩn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu chọn **[Manual (Chỉnh tay)]**, xoay nút xoay <🔧> để chọn tốc độ màn trập, rồi nhấn <SET>.

Thiết lập bằng tay

Min. shutter spd.				
Manual(1/125)				
Auto				
Manual				
1/8000	1/4000	1/2000	1/1000	1/500
1/250	1/125	1/60	1/30	1/15
1/8	1/4	0.5	1"	

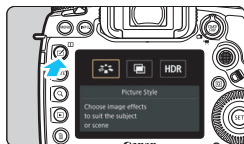
- Nếu không thể đạt độ phơi sáng chính xác với giới hạn tốc độ ISO tối đa được thiết lập với **[Auto range (Phạm vi tự động)]**, tốc độ màn trập chậm hơn **[Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)]** sẽ được thiết lập để đạt phơi sáng chuẩn.
- Chức năng này không áp dụng với đèn flash và chế độ quay phim.

⚠ Khi đặt **[Auto (Tự động): 0]**, tốc độ màn trập tối thiểu sẽ tỷ lệ nghịch với độ dài tiêu cự ống kính. Mỗi bước chuyển từ **[Slower (Chậm hơn)]** sang **[Faster (Nhanh hơn)]** tương đương với một điểm dừng của tốc độ màn trập.

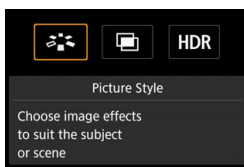
Chọn kiểu ảnh ☆

Chọn kiểu ảnh để đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp.

Trong chế độ <[A]>, kiểu ảnh được tự động đặt thành [A] (Tự động).

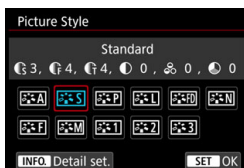


1 Nhấn nút <[A]>.



2 Chọn [A].

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



3 Chọn kiểu ảnh.

▶ Kiểu ảnh sẽ được thiết lập và máy ảnh sẵn sàng chụp.

 Bạn cũng có thể đặt kiểu ảnh với màn hình [3: Picture Style (Kiểu ảnh)].

Đặc tính của kiểu ảnh

Auto (Tự động)

Tông màu được điều chỉnh phù hợp với cảnh. Màu sắc trông rực rỡ đối với bầu trời xanh, cây cỏ và cảnh mặt trời lặn, đặc biệt là những cảnh tự nhiên, ngoài trời và lúc hoàng hôn.

 Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với [**Auto (Tự động)**].

Standard (Tiêu chuẩn)

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.

Portrait (Chân dung)

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mềm mại hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi [**Color tone (Tông màu)**] (tr.190) để điều chỉnh tông màu da.

Landscape (Phong cảnh)

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn. Hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.

Fine Detail (Chi tiết nhỏ)

Phù hợp khi mô tả chi tiết đường viền và kết cấu mảnh của chủ thể. Màu sẽ trông rực rỡ hơn.

Neutral (Trung tính)

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu tự nhiên, ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Faithful (Chân thực)

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Màu sắc của chủ thể được chụp trong ánh nắng mặt trời ở nhiệt độ màu 5200K sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thang màu của chủ thể. Cho ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Monochrome (Đơn sắc)

Tạo ảnh đen trắng.



Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở định dạng JPEG. Cần thận không bật thiết lập **[Monochrome (Đơn sắc)]** khi bạn muốn chụp màu lại.



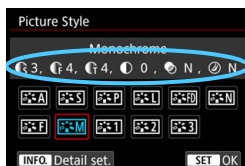
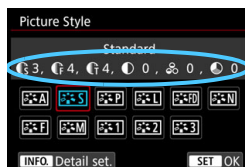
Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị <  > trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đặt **[Monochrome (Đơn sắc)]** (tr.493).

User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)

Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]**, **[Landscape (Phong cảnh)]**, tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.192). Bất kỳ kiểu ảnh nào không thiết lập chế độ người dùng xác định sẽ có thiết lập giống như thiết lập mặc định của kiểu ảnh **[Standard (Tiêu chuẩn)]**.

Ký hiệu

Màn hình lựa chọn kiểu ảnh gồm các biểu tượng cho **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** hoặc **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, **[Contrast (Độ tương phản)]** và các thông số khác. Các số biểu thị giá trị cho các thông số được đặt cho kiểu ảnh tương ứng.



Ký hiệu

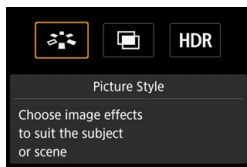
	Độ sắc nét
	Mạnh
	Độ mịn
	Ngưỡng
	Độ tương phản
	Bảo hòa màu
	Tông màu
	Hiệu ứng bộ lọc (Đơn sắc)
	Hiệu ứng tông màu (Đơn sắc)

Trong quá trình quay phim, “*” sẽ hiển thị cho **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**. **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** không áp dụng cho quay phim.

🔧 Tùy chỉnh kiểu ảnh ☆

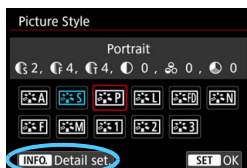
Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh. Có thể thay đổi hoặc điều chỉnh các thiết lập thông số của kiểu ảnh như **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** hoặc **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, **[Contrast (Độ tương phản)]** và các thông số khác từ thiết lập mặc định. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh **[Monochrome (Đơn sắc)]**, tham khảo trang 191.

1 Nhấn nút <🔧>.



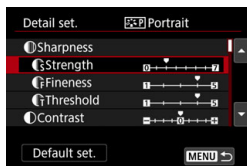
2 Chọn [🔧].

- ▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



3 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn nút <INFO.>.



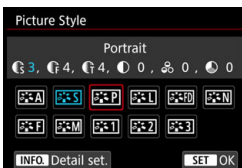
4 Chọn thông số.

- Chọn thông số (ví dụ như **[Strength (Mạnh)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**) cần đặt, rồi nhấn <SET>.
- Các thiết lập và hiệu ứng được giải thích ở trang tiếp theo.



5 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh mức hiệu ứng (thông số) như mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.
- Nhấn nút **<MENU>** để lưu các thiết lập thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Giá trị của các thiết lập thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.



Thiết lập thông số và hiệu ứng

●	Độ sắc nét		
	☞ Mạnh	0: Nhấn mạnh đường viền yếu	7: Nhấn mạnh đường viền mạnh
	☞ Độ mịn ^{*1}	1: Mịn	5: Nhiều hạt
☞	☞ Ngưỡng ^{*2}	1: Thấp	5: Cao
	☞ Độ tương phản	-4: Độ tương phản thấp	+4: Độ tương phản cao
☞	☞ Bảo hòa màu	-4: Bảo hòa màu thấp	+4: Bảo hòa màu cao
☞	☞ Tổng màu	-4: Tổng màu đỏ nhạt	+4: Tổng màu vàng nhạt

*1: Biểu thị độ mịn của đường viền được nhấn mạnh. Giá trị số càng nhỏ, đường viền được nhấn mạnh càng mịn.

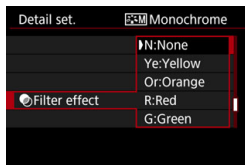
*2: Đặt số lượng đường viền được nhấn mạnh dựa trên chênh lệch tương phản giữa chủ thể và khu vực xung quanh. Số càng nhỏ, càng nhiều đường viền được nhấn mạnh khi chênh lệch tương phản thấp. Tuy nhiên, nhiều hạt sẽ có xu hướng rõ hơn khi đặt số thấp.

- Khi quay phim, không thể thiết lập **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** cho **[Sharpness (Độ sắc nét)]** (không hiển thị).
- Bằng cách chọn **[Default set. (Thiết lập mặc định)]** ở bước 4, bạn có thể chuyển các thiết lập thông số của kiểu ảnh tương ứng trở về thiết lập mặc định.
- Để chụp ảnh với kiểu ảnh đã điều chỉnh, đầu tiên chọn kiểu ảnh đã điều chỉnh, rồi chụp.

Điều chỉnh đơn sắc

Ngoài các hiệu ứng được mô tả ở trang trước như **[Contrast (Độ tương phản)]** hoặc **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, bạn cũng có thể thiết lập **[Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)]** và **[Toning effect (Hiệu ứng tông màu)]**.

Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)



Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

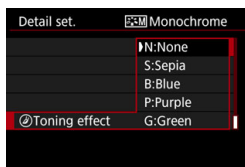
Bộ lọc	Hiệu ứng mẫu
N: None (Không)	Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc.
Ye: Yellow (Vàng)	Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và mây trắng trông sẽ sống động hơn.
Or: Orange (Cam)	Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ rực rỡ hơn.
R: Red (Đỏ)	Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn.
G: Green (Xanh lá cây)	Tông màu da và môi sẽ trầm hơn. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn.



Tăng **[Contrast (Độ tương phản)]** sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.



Toning effect (Hiệu ứng tông màu)



Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu quả khi muốn tạo ảnh ấn tượng hơn. Có thể chọn những thiết lập sau: **[N:None (Không)]**, **[S:Sepia (Nâu đỏ)]**, **[B:Blue (Xanh da trời)]**, **[P:Purple (Tím)]** hoặc **[G:Green (Xanh lá cây)]**.

Đăng ký kiểu ảnh ☆

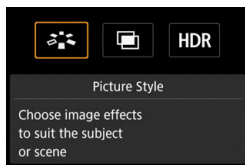
Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số như mong muốn và đăng ký với **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn đặt trước nhiều kiểu ảnh với các thiết lập khác nhau.

Bạn cũng có thể điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612).

1 Nhấn nút .

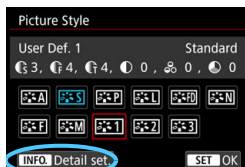
2 Chọn .

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



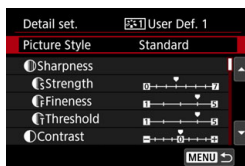
3 Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.

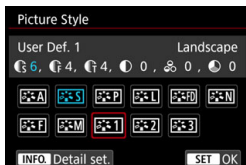
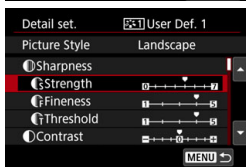
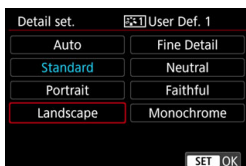
- Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn nút **<INFO.>**.



4 Nhấn **<SET>**.

- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.





5 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

- Chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn <SET>.
- Để điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh ở đây.

6 Chọn thông số.

- Chọn thông số (ví dụ như [Strength (Mạnh)] của [Sharpness (Độ sắc nét)]) cần đặt, rồi nhấn <SET>.

7 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh mức hiệu ứng (thông số) như mong muốn, rồi nhấn <SET>. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tùy chỉnh kiểu ảnh” (tr.189).
- Nhấn nút <MENU> để đăng ký các thiết lập thông số đã điều chỉnh. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị ở bên phải của [User Def. * (Người dùng xác định *)].



- Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong [User Def. * (Người dùng xác định *)], việc thay đổi kiểu ảnh cơ bản ở bước 5 sẽ xoá thiết lập thông số của kiểu ảnh người dùng xác định đã đăng ký trước đó.
- Nếu bạn thực hiện [5: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)] (tr.77), tất cả các kiểu và thiết lập trong [User Def. * (Người dùng xác định *)] sẽ trở về mặc định.

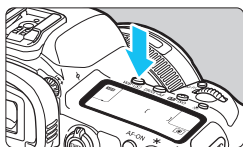


- Để chụp ảnh với kiểu ảnh vừa điều chỉnh, chọn [User Def. * (Người dùng xác định *)] đã đăng ký, rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.614).

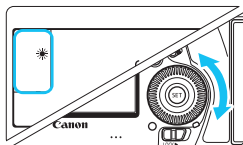
WB: Thiết lập cân bằng trắng ☆

Cân bằng trắng (WB) được dùng để làm trắng các vùng trắng trong ảnh. Thông thường thiết lập Tự động [AWB] (Ưu tiên môi trường) hoặc [AWB w] (Ưu tiên màu trắng) sẽ thu được cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu tự nhiên với Tự động, bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp một vật màu trắng.

Trong chế độ <A+>, [AWB] (Ưu tiên môi trường) được tự động thiết lập.



1 Nhấn nút <WB•☀> (ⓘ6).



2 Chọn thiết lập cân bằng trắng.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <☀>.

(Ước chừng)

Hiện thị	Chế độ	Nhiệt độ màu (K: Kelvin)
AWB	Tự động (Ưu tiên môi trường, tr.196)	3000 - 7000
AWB w	Tự động (Ưu tiên màu trắng, tr.196)	
☀	Ban ngày	5200
🏠	Bóng râm	7000
☁	Nhiều mây, chạng vạng, hoàng hôn	6000
💡	Đèn dây tóc	3200
💡	Đèn huỳnh quang trắng	4000
⚡	Sử dụng flash	Thiết lập tự động*
📷	Tùy chỉnh (tr.197)	2000 - 10000
K	Nhiệt độ màu (tr.199)	2500 - 10000

* Áp dụng với đèn Speedlite có chức năng truyền nhiệt độ màu. Nếu không, nhiệt độ màu được cố định ở khoảng 6000 K.



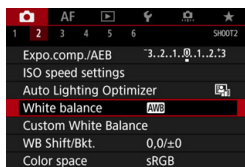
- Bạn cũng có thể thiết lập nhiệt độ màu với màn hình [**2: White balance (Cân bằng trắng)**].
- Để chuyển giữa Tự động [**AWB**] (Ưu tiên môi trường) và [**AWB w**] (Ưu tiên màu trắng), sử dụng màn hình [**2: White balance (Cân bằng trắng)**] (tr.196).

Cân bằng trắng

Đối với mắt người, vật màu trắng trông sẽ có màu trắng trong ảnh mà không phụ thuộc vào loại ánh sáng. Với máy ảnh kỹ thuật số, màu trắng cơ sở để điều chỉnh được quyết định tùy thuộc vào nhiệt độ màu của nguồn sáng, sau đó màu sẽ được điều chỉnh bằng phần mềm để làm trắng khu vực trắng. Với chức năng này, có thể chụp ảnh với màu sắc tự nhiên.

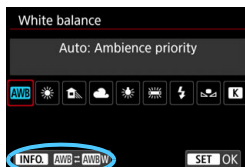
[AWB] Tự động cân bằng trắng

Với **[AWB]** (Ưu tiên môi trường), bạn có thể tăng cường độ của sắc thái màu ấm khi chụp ảnh dưới ánh đèn dây tóc. Nếu bạn chọn **[AWBw]** (Ưu tiên màu trắng), có thể giảm cường độ sắc thái màu ấm của ảnh. Nếu muốn tự động cân bằng trắng giống như các model máy ảnh EOS DIGITAL trước kia, chọn **[AWB]** (Ưu tiên môi trường).



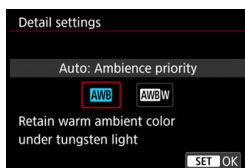
1 Chọn **[White balance (Cân bằng trắng)]**.

- Trong tab **[2]**, chọn **[White balance (Cân bằng trắng)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn **[AWB]**.

- Với **[AWB]** được chọn, nhấn nút **<INFO>**.



3 Chọn mục mong muốn.

- Chọn **[Auto: Ambience priority (Tự động: Ưu tiên môi trường)]** hoặc **[Auto: White priority (Tự động: Ưu tiên màu trắng)]**, rồi nhấn **<SET>**.

[AWB] : Tự động: Ưu tiên môi trường

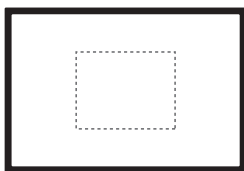
[AWBw] : Tự động: Ưu tiên màu trắng

Thận trọng khi thiết lập **[AWBw] (Ưu tiên màu trắng)**

- Sắc thái màu ấm của chủ thể có thể bị nhạt.
- Tông ấm của ảnh có thể sẽ không bị giảm khi có nhiều nguồn sáng trên màn hình.
- Khi sử dụng flash, tông màu sẽ tương tự như sử dụng **[AWB]** (Ưu tiên môi trường).

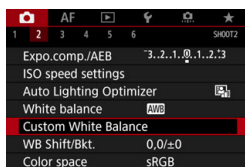
📷 Cân bằng trắng tùy chỉnh

Với cân bằng trắng tùy chỉnh, bạn có thể thiết lập cân bằng trắng bằng tay đối với nguồn sáng đặc biệt tại vị trí chụp ảnh. Đảm bảo thực hiện quy trình này dưới nguồn sáng của địa điểm chụp ảnh thực tế.



1 Chụp vật màu trắng.

- Ngắm qua khung ngắm và hướng toàn bộ ô đường chấm (hiển thị trong hình minh họa) vào vật trắng đơn giản.
- Lấy nét tay và chụp với mức phơi sáng chuẩn thiết lập cho chủ thể màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cân bằng trắng nào.



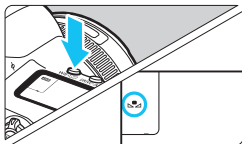
2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)].

- Trong tab [📷2], chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Xoay nút xoay <🌀> để chọn ảnh được chụp ở bước 1, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



4 Nhấn nút <WB•> (ⓘ6).

5 Chọn cân bằng trắng tùy chỉnh.

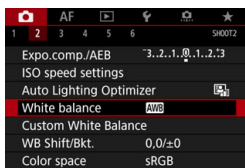
- Nhìn vào bảng điều khiển LCD và xoay nút xoay <> để chọn <>.

- 
- Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
 - Ở bước 3, không thể chọn những ảnh sau: Ảnh chụp với kiểu ảnh được đặt thành **[Monochrome (Đơn sắc)]**, ảnh ghép phơi sáng, ảnh chụp khung hình của phim 4K và ảnh chụp bằng máy ảnh khác.

- 
- Thay vì vật màu trắng, chụp biểu đồ màu xám hoặc thẻ phản chiếu màu xám 18% tiêu chuẩn (bán sẵn trên thị trường) có thể tạo cân bằng trắng chính xác hơn.
 - Cân bằng trắng cá nhân sẽ được đăng ký với phần mềm EOS thông qua <>. Nếu bạn thực hiện bước 3, dữ liệu cân bằng trắng cá nhân đã đăng ký sẽ bị xóa.

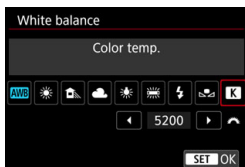
K Thiết lập nhiệt độ màu

Bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu của cân bằng trắng theo giá trị số. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp.



1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập nhiệt độ màu.

- Chọn [K].
- Xoay nút xoay <☀> để thiết lập nhiệt độ màu, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập nhiệt độ màu từ khoảng 2500 K đến 10000 K trong mức tăng 100 K.

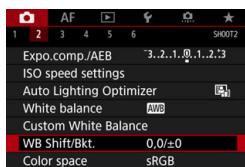


- Khi thiết lập nhiệt độ màu cho nguồn sáng nhân tạo, thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng (đỏ tía hoặc xanh lá cây) nếu cần thiết.
- Nếu bạn thiết lập [K] tới chỉ số đo bằng bộ đo nhiệt độ màu bán sẵn trên thị trường, hãy chụp thử vài ảnh và điều chỉnh thiết lập để bù trừ chênh lệch số đo nhiệt độ màu giữa bộ đo nhiệt độ màu và máy ảnh.

WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng ☆

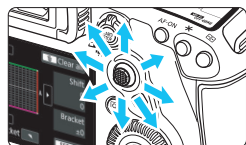
Bạn có thể sửa mức cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong chín mức. Chức năng này dành cho người dùng chuyên nghiệp, đặc biệt là người dùng hiểu rõ cách sử dụng bộ lọc bù màu và chuyển đổi nhiệt độ màu cũng như hiệu ứng của bộ lọc.

Hiệu chỉnh cân bằng trắng



1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

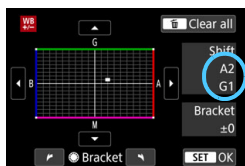
- Trong tab [2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng.

- Sử dụng nút <[WB]> để di chuyển dấu "■" đến vị trí thích hợp.
- B là màu xanh da trời, A là màu hồ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được điều chỉnh về phía màu đang di chuyển đến.
- Ở bên phải màn hình, biểu tượng "Shift" lần lượt biểu thị hướng và lượng chỉnh sửa.
- Nhấn nút <[WB]> sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát thiết lập.

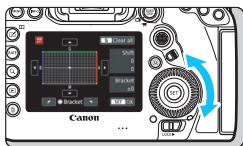
Thiết lập mẫu: A2, G1



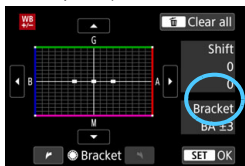
- Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị <[WB]> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đã đặt cân bằng trắng (tr.493).
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hồ phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường cho nhiệt độ màu được sử dụng biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của thiết lập cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ được ghép hỗn hợp với sắc xanh da trời/hồ phách và sắc đỏ tía/xanh lá cây. Chức năng này gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB-BKT). Có thể thực hiện cân bằng trắng hỗn hợp lên tới ± 3 mức trong tăng giảm mức đơn.



Mức độ thiên về B/A (Xanh da trời/Hồ phách) ± 3



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 trong phần “Hiệu chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay $\langle \odot \rangle$, dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■ ■ ■” (3 điểm).
Xoay nút xoay sang phải để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay sang trái để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).
- Ở bên phải, “**Bracket (Hỗn hợp)**” biểu thị hướng chỉnh hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút $\langle \text{Menu} \rangle$ sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát thiết lập.

● Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Thiên về sắc xanh da trời (B) và 3. Thiên về sắc hồ phách (A) hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Thiên về sắc đỏ tía (M) và 3. Thiên về sắc xanh lá cây (G).

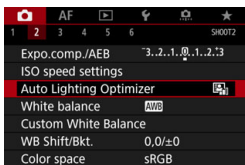
- Trong khi cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Vì có ba ảnh được ghi trong một lần chụp nên việc ghi ảnh vào thẻ sẽ mất thời gian lâu hơn.

- Bạn cũng có thể thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số chín ảnh.
- Khi đã thiết lập cân bằng trắng hỗn hợp, biểu tượng cân bằng trắng sẽ nhấp nháy.
- Bạn có thể thay đổi thứ tự (tr.487) và số lượng ảnh (tr.488) cho cân bằng trắng hỗn hợp.
- “**Bkt.**” là viết tắt của bracketing (thực hiện hỗn hợp với các giá trị bao quanh).

MENU Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

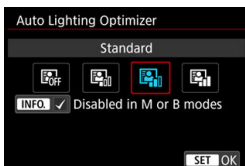
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Thiết lập mặc định là **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

Trong chế độ <[A+]>, **[Standard (Tiêu chuẩn)]** được tự động thiết lập.



1 Chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**.

- Trong tab [2], chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**, rồi nhấn <[SET]>.



2 Chọn thiết lập.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <[SET]>.

3 Chụp ảnh.

- Nếu cần, ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh.



- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiễu hạt hơn.
- Nếu hiệu ứng Tự động tối ưu hóa ánh sáng quá mạnh và ảnh quá sáng, hãy đặt **[Low (Thấp)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu đặt thiết lập khác với **[Disable (Tắt)]** và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.
- Khi bạn thiết lập ảnh ghép phơi sáng (tr.272), chế độ HDR (tr.267) hoặc ưu tiên tông màu sáng (tr.208), **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** sẽ được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]**.

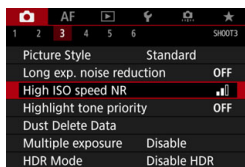


Ở bước 2, nếu nhấn nút <[INFO.]> và bỏ dấu chọn [✓] khỏi thiết lập **[Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)]**, bạn có thể đặt **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** ngay cả trong các chế độ <M> và .

MENU Thiết lập giảm nhiễu hạt ☆

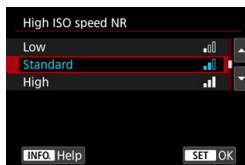
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao

Chức năng này làm giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Khi chụp ở tốc độ ISO thấp, nhiễu ảnh ở các phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiễu hơn.



1 Chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)].

- Trong tab [**3**], chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập mức độ.

- Chọn mức độ giảm nhiễu hạt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

- [NR]**: Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)
Cài đặt này áp dụng giảm nhiễu hạt với chất lượng ảnh cao hơn [High (Cao)]. Với mỗi tám ảnh, bốn ảnh sẽ được chụp liên tiếp và tự động ghép lại thành một ảnh JPEG.
Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG, bạn không thể thiết lập [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.

Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị <1> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đặt ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu (tr.493).

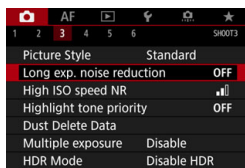


Thận trọng khi thiết lập ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu

- Nếu ảnh bị lệch đáng kể do rung máy, hiệu ứng giảm nhiễu hạt có thể bị giảm thiểu.
- Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Đối với các ảnh có hoạ tiết lặp đi lặp lại (lưới, vằn, v.v...) hay ảnh phẳng đơn sắc, tính năng chỉnh lệch ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi khi chụp bốn ảnh liên tiếp, có thể gây ra hiện tượng phơi sáng không đều trên ảnh.
- Sau khi chụp, máy ảnh cần một khoảng thời gian để ghi ảnh vào thẻ sau khi thực hiện giảm nhiễu hạt và hợp nhất ảnh. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Bạn không thể sử dụng AEB và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Nếu đặt [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], [**3: Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)**], [**3: HDR Mode (Chế độ HDR)**], chụp ảnh RAW pixel đôi, chụp AEB, Cân bằng trắng hỗn hợp hoặc chụp Live View với Lấy nét Servo, bạn không thể thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**].
- Không thể thiết lập chức năng này khi chụp bulb.
- Không thể chụp với đèn flash. Lưu ý rằng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy ảnh EOS sẽ phát sáng dựa vào thiết lập [**AF3: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**].
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ tự động chuyển thiết lập sang [**Standard (Tiêu chuẩn)**]: Gạt công tắc nguồn thành <**OFF**>, thay pin, thay thẻ nhớ, chọn chế độ chụp <**A+**> hoặc <**B**>, thiết lập hoặc chuyển chất lượng ghi ảnh thành RAW hay RAW+JPEG hoặc chuyển sang chế độ quay phim.

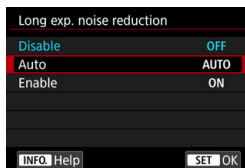
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu

Đối với ảnh được phơi sáng trong 1 giây hoặc lâu hơn, nhiễu hạt (điểm sáng và dải) đặc trưng của phơi sáng lâu có thể giảm.



1 Chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)].

- Trong tab [**3**], chọn [**Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], rồi nhấn **<SET>**.



2 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

● Auto (Tự động)

Với phơi sáng 1 giây hoặc lâu hơn, nếu máy ảnh phát hiện nhiễu hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Thiết lập [**Auto (Tự động)**] có hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

● Enable (Bật)

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Thiết lập [**Enable (Bật)**] có thể giảm nhiễu hạt mà thiết lập [**Auto (Tự động)**] không thể phát hiện được.

3 Chụp ảnh.

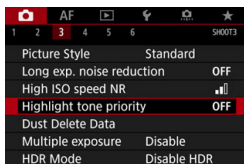
- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



- Khi đặt [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Enable (Bật)**], quá trình giảm nhiễu hạt sau khi chụp ảnh có thể mất thời gian tương tự như quá trình phơi sáng. Trong quá trình giảm nhiễu hạt, chế độ chụp vẫn được tiếp tục nếu đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa trong khung ngắm hiển thị “1” hoặc cao hơn.
- Thiết lập [**Enable (Bật)**] có thể làm ảnh chụp ở tốc độ ISO cao trông bị nhiễu hạt nhiều hơn so với thiết lập [**Disable (Tắt)**] hoặc [**Auto (Tự động)**].
- Khi đặt [**Enable (Bật)**], nếu chụp phơi sáng lâu và hiển thị ảnh Live View, thông báo “**BUSY**” sẽ hiển thị trong quá trình giảm nhiễu. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

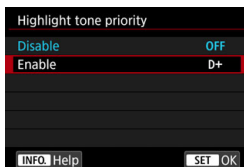
MENU Ưu tiên tông màu sáng ☆

Bạn có thể giảm thiểu các khu vực dư sáng.



1 Chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)].

- Trong tab [3], chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chi tiết vùng sáng được cải thiện. Dải tương phản động sẽ mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ chuyển màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng ưu tiên tông màu sáng.

- ⚠ Khi đặt [Enable (Bật)], hiện tượng nhiễu hạt có thể tăng nhẹ.
- Nếu đặt [Enable (Bật)], phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ bắt đầu từ ISO 200. Không thể đặt tốc độ ISO mở rộng.
- Khi bạn thiết lập ảnh ghép phơi sáng (tr.272) hoặc chế độ HDR (tr.267), [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] sẽ được tự động đặt thành [Disable (Tắt)].

Nếu đặt tông màu sáng, biểu tượng <D+> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.

MENU Hiệu chỉnh quang sai của ống kính do đặc tính quang học ☆

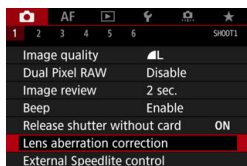
Do đặc tính quang học của ống kính, hiện tượng ánh sáng vùng ngoại vi giảm xuống làm cho các góc ảnh trông tối hơn. Hiện tượng méo hình do đặc tính quang học của ống kính được gọi là méo hình. Màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể được gọi là sắc sai. Độ sắc nét của ảnh giảm do khẩu độ được gọi là hiện tượng nhiễu xạ. Có thể hiệu chỉnh hiện tượng quang sai của ống kính. Tối ưu hóa ống kính số có thể hiệu chỉnh các quang sai khác nhau do đặc tính quang học của ống kính, hiện tượng nhiễu xạ cũng như việc độ phân giải bị giảm đi do ảnh hưởng của bộ lọc thông thấp.

Theo mặc định, [Peripheral illum corr (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)], [Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)] và [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] được đặt thành [Enable (Bật)], [Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)] và [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] được đặt thành [Disable (Tắt)].

Nếu dữ liệu sửa ống kính được đăng ký (lưu) trong máy ảnh, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh nhiễu xạ sẽ được thực hiện ngay cả trong chế độ <A⁺>.

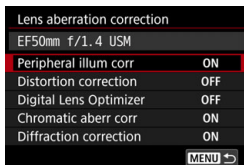
Nếu màn hình thiết lập hiển thị thông báo [Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)] hoặc biểu tượng [🚫], điều đó có nghĩa là dữ liệu chỉnh cho ống kính tương ứng không được đăng ký trong máy ảnh. Tham khảo phần “Dữ liệu chỉnh ống kính” ở trang 215.

Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi

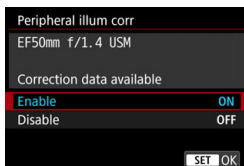


1 Chọn [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)].

- Trong tab [📷1], chọn [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Peripheral illum corr (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)].



3 Chọn [Enable (Bật)].

- Kiểm tra xem [Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

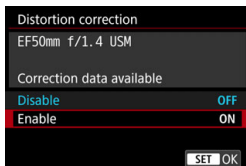
4 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.

- ! Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.

 Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn một chút so với lượng hiệu chỉnh tối đa có thể áp dụng với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612).

Hiệu chỉnh méo hình



1 Chọn **[Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)]**.

2 Chọn **[Enable (Bật)]**.

- Kiểm tra xem **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]** có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **<SET>**.

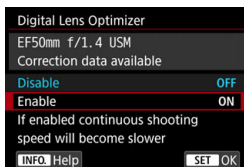
3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với méo hình đã hiệu chỉnh.



- Khi bật hiệu chỉnh méo hình, máy ảnh sẽ ghi lại ảnh có phạm vi hẹp hơn so với ảnh được nhìn qua khung ngắm. (Phần rìa ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống.)
- Trong khi quay phim, **[Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)]** sẽ không hiển thị (không thể hiệu chỉnh).
- Sử dụng hiệu chỉnh méo hình trong khi chụp Live View sẽ ảnh hưởng đôi chút đến góc ngắm.
- Nếu phóng to ảnh trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh méo hình sẽ không áp dụng cho ảnh hiển thị. Do đó, phóng to phần rìa ảnh có thể làm hiển thị phần ảnh sẽ không được ghi.
- Ảnh có áp dụng hiệu chỉnh méo hình sẽ không được thêm dữ liệu xóa bụi (tr.464). Ngoài ra, (các) điểm AF sẽ không hiển thị (tr.406) cho xem lại ảnh.

Tối ưu hóa ống kính số



1 Chọn [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)].

2 Chọn [Enable (Bật)].

- Kiểm tra xem [Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn < **SET** >.

3 Chụp ảnh.

- Máy ảnh sẽ ghi ảnh đã được hiệu chỉnh các vấn đề sau: quang sai của ống kính, hiện tượng nhiễu xạ và việc độ phân giải bị giảm do ảnh hưởng của bộ lọc thông thấp.

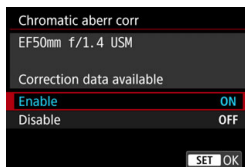


- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của việc hiệu chỉnh. Ngoài ra, hiệu ứng nhấn mạnh đường viền có thể rõ nét hơn. Trong trường hợp đó, bạn cần điều chỉnh độ sắc nét của kiểu ảnh.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.
- Nếu đặt chất lượng ghi ảnh thành **M RAW** hoặc **S RAW** và đặt [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] thành [Enable (Bật)], chất lượng ghi ảnh sẽ là **RAW**.
- Nếu đặt [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] thành [Enable (Bật)], tốc độ chụp liên tục sẽ bị giảm đáng kể. Ngoài ra, chất lượng ghi ảnh không thể đặt thành **M RAW** và **S RAW**. Nếu thực hiện hiệu chỉnh trong quá trình chụp Live View, [BUSY] sẽ hiển thị và ảnh Live View không hiển thị cho đến khi quá trình hiệu chỉnh hoàn tất. (Không thể thực hiện chụp Live View khác.)
- Nếu đặt [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] thành [Enable (Bật)] và đặt [Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] thành [Enable (Bật)], [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] sẽ không hoạt động. (Thiết lập sẽ chuyển thành [Disable (Tắt)].)
- Trong khi quay phim, [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] sẽ không hiển thị (không thể hiệu chỉnh).
- Nếu đặt [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] thành [Enable (Bật)], bạn sẽ không thể đặt ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu. Ngoài ra, ngay cả khi gán nút để chuyển chất lượng ghi ảnh thành **M RAW** hoặc **S RAW** bằng [One-touch image quality setting (Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm)] hoặc [One-touch image quality (hold) (Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ))]] trong điều khiển tùy chỉnh, chức năng điều khiển tùy chỉnh sẽ không hoạt động.



- Khi đặt **[Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)]** thành **[Enable (Bật)]**, **[Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)]** và **[Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)]** sẽ không hiển thị, nhưng cả hai đều sẽ được đặt thành **[Enable (Bật)]** để chụp ảnh.
- Biểu tượng <C> sẽ hiển thị trong khung ngắm (tr.87) khi đánh dấu chọn [✓] vào tùy chọn **[Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)]** trong **[Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)]**.
- Bạn có thể sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612) để thêm dữ liệu hiệu chỉnh của chức năng tối ưu hóa ống kính số cho các ống kính mới ra mắt.
- Nếu thông báo **[Invalid correction data for Digital Lens Optimizer. (Dữ liệu hiệu chỉnh không hợp lệ đối với Tối ưu hóa ống kính số.)]** hiển thị, sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để thêm dữ liệu hiệu chỉnh cho tính năng tối ưu hóa ống kính số vào máy ảnh.

Hiệu chỉnh sắc sai



1 Chọn [Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)].

2 Chọn [Enable (Bật)].

- Kiểm tra **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]** có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn <SET>.

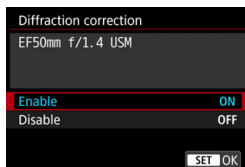
3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với sắc sai đã hiệu chỉnh.



Nếu đặt **[Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)]** thành **[Enable (Bật)]**, **[Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)]** sẽ không hiển thị.

Hiệu chỉnh nhiễu xạ



1 Chọn **[Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)]**.

2 Chọn **[Enable (Bật)]**.

- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **< (SET) >**.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với nhiễu xạ đã hiệu chỉnh.

- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của việc hiệu chỉnh.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.
- Khi quay phim, **[Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)]** sẽ không xuất hiện (không thể hiệu chỉnh).

- Với chức năng “Hiệu chỉnh nhiễu xạ”, hiện tượng nhiễu xạ và độ phân giải bị giảm do bộ lọc thông thấp sẽ được hiệu chỉnh. Do đó, hiệu chỉnh vẫn hoạt động ngay cả khi gần đạt khẩu độ tối đa.
- Nếu đặt **[Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)]** thành **[Enable (Bật)]**, **[Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)]** sẽ không hiển thị.

Dữ liệu chỉnh ống kính

Dữ liệu hiệu chỉnh ống kính cho hiệu chỉnh quang sai được đăng ký (lưu giữ) trong máy ảnh. Khi chọn **[Enable (Bật)]**, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh méo hình, tối ưu hóa ống kính số, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh nhiễu xạ sẽ được tự động áp dụng.

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612), bạn có thể kiểm tra xem ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.614).

Với những ống kính tích hợp dữ liệu chỉnh, không cần đăng ký dữ liệu chỉnh vào máy ảnh.



Thận trọng khi chỉnh ống kính

- Không thể áp dụng hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh méo hình, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh nhiễu xạ cho các ảnh JPEG đã chụp.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]** ngay cả khi hiển thị **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]**.
- Nếu bạn sử dụng xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và hiệu chỉnh méo hình sẽ không được phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình. Lưu ý rằng Tối ưu hóa ống kính số và hiệu chỉnh nhiễu xạ sẽ không được áp dụng cho ảnh chụp Live View.
- Lượng hiệu chỉnh sẽ ít hơn (ngoại trừ đối với hiệu chỉnh nhiễu xạ) nếu ống kính được sử dụng không có thông tin về khoảng cách.

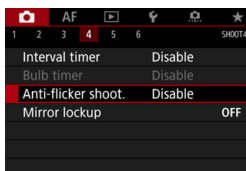


Lưu ý khi chỉnh ống kính

- Tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính có hiệu quả khác nhau tùy thuộc vào điều kiện chụp và ống kính sử dụng. Ngoài ra, hiệu ứng cũng có thể khó thấy rõ tùy thuộc vào ống kính sử dụng, điều kiện chụp, v.v...
- Nếu kết quả hiệu chỉnh khó thấy rõ, bạn nên phóng to ảnh để xem sau khi chụp.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.
- Nếu dữ liệu chỉnh cho ống kính đã lắp không được đăng ký vào máy ảnh, kết quả sẽ giống như khi đặt hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]** (ngoại trừ đối với hiệu chỉnh nhiễu xạ).

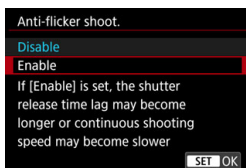
MENU Giảm nhấp nháy ☆

Khi chụp với tốc độ màn trập nhanh dưới nguồn sáng như đèn huỳnh quang, hiện tượng nhấp nháy của nguồn sáng gây ra những đường sọc và có thể xuất hiện trên ảnh chụp. Nếu chụp liên tục dưới điều kiện này, ảnh chụp có thể không chuẩn màu hoặc phơi sáng. Nếu sử dụng tính năng này trong khi chụp qua khung ngắm, máy ảnh sẽ nhận diện tần số nhấp nháy của nguồn sáng và chụp ảnh khi phơi sáng hoặc tông màu ít bị ảnh hưởng bởi hiện tượng nhấp nháy hơn.



1 Chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)].

- Trong tab [4], chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được chụp với phơi sáng và tông màu đã giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng nhấp nháy.



- Khi đặt [Enable (Bật)] và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, thời gian trễ nhả màn trập có thể dài hơn. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn và quãng chụp có thể không đều.
- Chức năng này không hoạt động với khóa gương lật, chế độ chụp Live View hoặc quay phim.
- Trong chế độ <P> hoặc <Av>, nếu tốc độ màn trập thay đổi khi chụp liên tục hoặc nếu bạn chụp nhiều ảnh của cùng một cảnh ở các tốc độ màn trập khác nhau, tông màu có thể không đồng đều. Để tránh hiện tượng này, hãy sử dụng chế độ <Tv> hoặc <M> ở tốc độ màn trập cố định.
- Tông màu của ảnh chụp khi đặt [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] có thể trông khác so với khi đặt thành [Disable (Tắt)].
- Máy không thể phát hiện ánh sáng nhấp nháy ở tần số khác với 100 Hz hoặc 120 Hz. Ngoài ra, không thể giảm được ảnh hưởng của hiện tượng nhấp nháy nếu tần số nhấp nháy của nguồn sáng thay đổi trong khi chụp liên tục.



- Nếu chủ thể ở trước hậu cảnh tối hoặc có nguồn sáng mạnh trong ảnh, máy có thể không phát hiện chính xác ánh sáng nhấp nháy.
- Dưới một số loại ánh sáng đặc biệt, máy ảnh có thể không giảm được ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy ngay cả khi biểu tượng < **Flicker!** > hiển thị.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng, có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy chính xác.
- Nếu bạn bố cục lại ảnh, biểu tượng < **Flicker!** > có thể xuất hiện và biến mất chập chờn.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng và điều kiện chụp ảnh, có thể không đạt được kết quả mong muốn ngay cả khi bạn sử dụng chức năng này.



- Nên chụp thử trước vài ảnh.
- Nếu biểu tượng < **Flicker!** > không hiển thị trong khung ngắm, hãy đánh dấu chọn vào tùy chọn **[Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)]** trong **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** (tr.87). Nếu chụp với chức năng giảm nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ phát sáng. Dưới nguồn sáng không nhấp nháy hoặc nếu không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Nếu thêm dấu chọn vào **[Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)]** và đặt chế độ < **[4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)]** thành **[Disable (Tắt)]**, đo sáng dưới nguồn sáng nhấp nháy sẽ khiến biểu tượng < **Flicker!** > nhấp nháy trong khung ngắm để cảnh báo. Bạn nên thiết lập chế độ này thành **[Enable (Bật)]** trước khi chụp ảnh.
- Trong chế độ < **[A⁺]** >, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị, nhưng ảnh sẽ được chụp với chức năng giảm nhấp nháy.
- Tính năng giảm nhấp nháy cũng hoạt động khi chụp với đèn flash. Tuy nhiên, máy ảnh có thể không đạt được kết quả mong muốn khi chụp với đèn flash không dây.

MENU Thiết lập không gian màu ☆

Phạm vi màu sắc có thể tái tạo được gọi là “không gian màu”. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp thông thường, nên sử dụng sRGB.

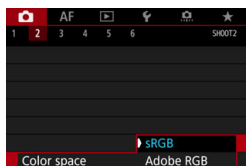
Trong chế độ <A+>, không gian màu được tự động đặt thành [sRGB].

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng thiết lập này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất trầm trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý hậu kỳ ảnh bằng phần mềm máy tính.

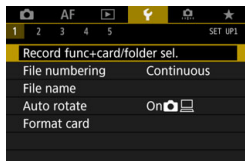


- Nếu ảnh được chụp ở không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu tiên trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Để tìm hiểu giải thích về cấu hình ICC, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.614).

MENU Tạo và chọn thư mục

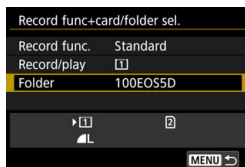
Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp.
Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục

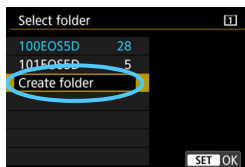


1 Chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

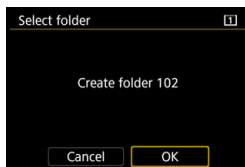
- Trong tab [**1**], chọn [**Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], rồi nhấn **< (SET) >**.



2 Chọn [Folder (Thư mục)].



3 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].



4 Chọn [OK].

- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Chọn một thư mục trên màn hình chọn thư mục, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Lấy **"100EOS5D"** làm ví dụ, tên thư mục bắt đầu bằng ba chữ số (số thư mục), theo sau là năm ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu đặt lại bằng tay (tr.227), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

Tạo thư mục bằng máy tính

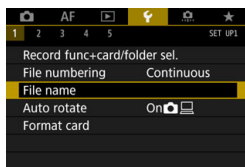
Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên **"DCIM"**. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng **"100ABC_D"**. Ba chữ số trước là số thư mục từ 100 đến 999. Năm ký tự cuối có thể là kết hợp từ bất kỳ chữ viết hoa và viết thường từ A đến Z, số và dấu gạch dưới **"_"** nào. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên hai thư mục không thể có ba chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: **"100ABC_D"** và **"100W_XYZ"**) kể cả khi năm ký tự còn lại trong mỗi tên khác nhau.

MENU Đổi tên tập tin

Tên tập tin có bốn ký tự chữ và số, tiếp theo là số ảnh có bốn chữ số (tr.225) và đuôi tập tin. Bốn ký tự chữ và số đầu được cài đặt dựa trên số vận chuyển của nhà máy và riêng cho từng máy ảnh. Tuy nhiên, bạn có thể thay đổi chúng.

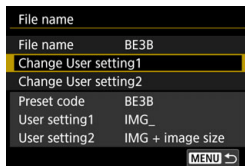
Với “Thiết lập người dùng 1”, bạn có thể thay đổi và đăng ký bốn ký tự như ý muốn. Với “Thiết lập người dùng 2”, nếu bạn đăng ký ba ký tự, ký tự thứ tư từ trái sang sẽ được tự động thêm vào để biểu thị kích cỡ ảnh (chất lượng ghi ảnh).

Đăng ký hoặc đổi tên tập tin

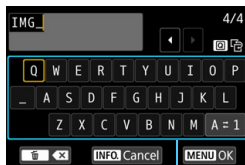


1 Chọn [File name (Tên tập tin)].

- Trong tab [1], chọn [File name (Tên tập tin)], rồi nhấn <SET>.



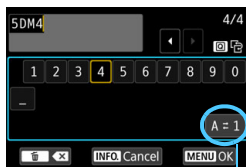
2 Chọn [Change User setting* (Thay đổi thiết lập người dùng*)].



3 Nhập ký tự chữ và số bất kỳ.

- Đối với Thiết lập người dùng 1, nhập bốn ký tự. Đối với Thiết lập người dùng 2, nhập ba ký tự.
- Nhấn nút <trash> để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.

Khung ký tự

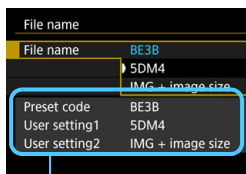


Chế độ nhập

- Thao tác nút <⊙>, <☀> hoặc <☼> để di chuyển khung và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.
- Bạn có thể chọn [A ⇌ 1] để thay đổi chế độ đầu vào.
- Để hủy chế độ nhập văn bản, nhấn nút <INFO.>, rồi chọn [OK].

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập đúng số ký tự, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- ▶ Tên tập tin đã đăng ký sẽ được lưu.



Thiết lập

5 Chọn tên tập tin đã đăng ký.

- Chọn [File name (Tên tập tin)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn tên tập tin đã đăng ký, rồi nhấn <SET>.
- Nếu đã đăng ký Thiết lập người dùng 2, chọn “***” (3 ký tự đã đăng ký) + kích cỡ ảnh”.



Ký tự đầu tiên không được là dấu gạch dưới “_”.



Thiết lập người dùng 2

Khi bạn chọn “*** + kích cỡ ảnh” đã đăng ký với Thiết lập người dùng 2 để chụp ảnh, ký tự chất lượng ghi ảnh sẽ được tự động thêm vào thành ký tự thứ tư trong tên tập tin tính từ bên trái. Ý nghĩa của ký tự chất lượng ghi ảnh như sau:

“***L” = L / L / RAW

“***M” = M / M / M RAW

“***S” = S1 / S1 / S RAW

“***T” = S2

“***U” = S3

Khi truyền ảnh vào máy tính, bạn có thể tham khảo ký tự thứ tư của tên tập tin ảnh để xác định cỡ ảnh (chất lượng ghi ảnh) mà không cần mở ảnh. Có thể phân biệt ảnh RAW hoặc JPEG nhờ đuôi tập tin.

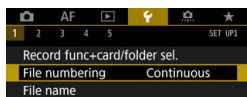


- Nếu không thể nhập văn bản ở bước 3, nhấn nút <[Q]> và sử dụng khung ký tự khi khung màu xanh da trời xuất hiện.
- Đuôi tập tin sẽ là “.JPG” cho ảnh JPEG, “.CR2” cho ảnh RAW và “.MOV” hoặc “.MP4” cho phim.
- Khi bạn quay phim với Thiết lập người dùng 2, ký tự thứ tư trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

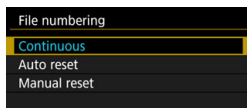
Các ảnh chụp được chỉ định số tập tin là số bốn chữ số liên tiếp từ 0001 đến 9999 (Ví dụ:) **BE3B0001.JPG** và được lưu vào một thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin.

Đánh số thứ tự tập tin



1 Chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)].

- Trong tab [1], chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn phương pháp đánh số thứ tự tập tin.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu chọn [Manual reset (Đặt lại bằng tay)] rồi chọn [OK], các ảnh sẽ được đánh số lại từ 0001.

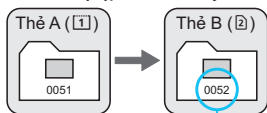
Kế tiếp

Tiếp tục đánh số thứ tự tập tin ngay cả sau khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ, tạo thư mục hoặc chuyển thẻ đích (ví dụ như [1] → [2]), việc đánh số thứ tự tập tin sẽ tiếp tục theo thứ tự đến 9999 cho những ảnh được lưu. Thiết lập này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số từ 0001 đến 9999 trên nhiều thẻ hoặc trong nhiều thư mục vào cùng một thư mục trên máy tính.

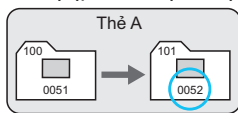
Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin kế tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Số tập tin kế tiếp

Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới



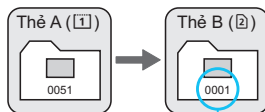
Tự động đặt lại

Bắt đầu đánh số thứ tự tập tin lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Khi bạn thay thẻ nhớ, tạo thư mục hoặc chuyển thẻ đích (ví dụ như ① → ②), việc đánh số thứ tự tập tin sẽ tiếp tục theo thứ tự từ 0001 cho những ảnh được lưu. Thiết lập này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

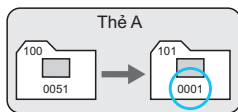
Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Đánh số thứ tự tập tin

Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới



Đặt lại bằng tay

Đặt lại đánh số thứ tự tập tin từ 0001 hoặc bắt đầu đánh số thứ tự từ 0001 trong thư mục mới.

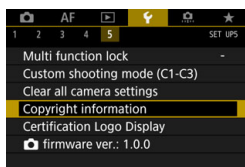
Khi đặt lại số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

Thiết lập này hữu ích trong nhiều trường hợp, chẳng hạn như nếu bạn muốn sử dụng thư mục khác nhau cho ảnh chụp ngày hôm qua và ảnh chụp ngày hôm nay. Sau khi đặt lại bằng tay, đánh số thứ tự tập tin sẽ trở lại thành kế tiếp hoặc tự động đặt lại.

 Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.

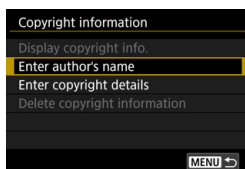
MENU Thiết lập thông tin bản quyền ☆

Sau khi thiết lập, thông tin bản quyền sẽ được ghi vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



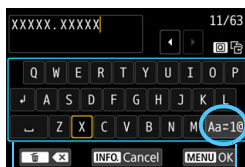
1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [5], chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn tùy chọn cần thiết lập.

- Chọn [Enter author's name (Nhập tên tác giả)] hoặc [Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



Khung ký tự

Chế độ nhập

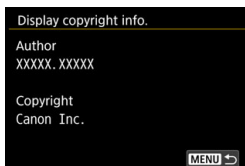
3 Nhập văn bản.

- Thao tác nút <☉>, <☼> hoặc <☼> để di chuyển khung □ và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.
- Bạn có thể nhập tối đa 63 ký tự.
- Để xóa ký tự, nhấn nút <☼>.
- Bạn có thể chọn [Aa↔1@] để thay đổi chế độ nhập.
- Để hủy chế độ nhập văn bản, nhấn nút <INFO.>, rồi chọn [OK].

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- Thông tin đã được lưu.

Kiểm tra thông tin bản quyền



Khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**] ở bước 2, bạn có thể kiểm tra thông tin đã nhập về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

Xóa thông tin bản quyền

Khi chọn [**Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)**] ở bước 2, bạn có thể xóa thông tin về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].



“Tác giả” hoặc “Bản quyền” sẽ không thể hiển thị đầy đủ khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**] nếu nhập quá dài.



- Nếu không thể nhập văn bản ở bước 3, nhấn nút <Q> và sử dụng khung ký tự khi khung màu xanh da trời xuất hiện.
- Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612).

[illegible]

5

Thiết lập GPS

Chương này giải thích thiết lập GPS tích hợp của máy ảnh. EOS 5D Mark IV (WG) có thể thu tín hiệu định vị vệ tinh từ vệ tinh GPS (Hoa Kỳ), vệ tinh GLONASS (Nga) và Hệ thống vệ tinh Quasi-Zenith (QZSS) “Michibiki” (Nhật Bản).

- Chức năng GPS được đặt thành **[Disable (Tắt)]** theo mặc định.
- Hướng dẫn này sử dụng thuật ngữ “GPS” để chỉ chức năng định vị vệ tinh.

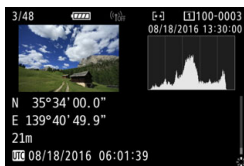
Khi đặt **[GPS]** thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** (tr.235), máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả sau khi đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**. Do đó, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm. Nếu không sử dụng GPS, bạn nên đặt **[GPS]** thành **[Disable (Tắt)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.



Khi sử dụng chức năng GPS, đảm bảo kiểm tra khu vực được phép sử dụng và sử dụng chức năng theo luật và quy định của quốc gia hoặc khu vực đó. Hãy đặc biệt thận trọng khi sử dụng GPS bên ngoài quốc gia sở tại.

Tính năng GPS

Định vị ảnh



- Có thể thêm thông tin định vị^{*1} (vĩ độ, kinh độ, độ cao) và giờ quốc tế phối hợp^{*2} vào ảnh.
- Có thể hiển thị các vị trí chụp của ảnh đã định vị trên bản đồ trong máy tính.

*1: Một số điều kiện di chuyển hoặc thiết lập GPS nhất định có thể khiến thông tin định vị không chính xác được thêm vào ảnh.

*2: Giờ quốc tế phối hợp, viết tắt là UTC, về bản chất giống như Giờ chuẩn Greenwich.

Ghi chép lộ trình đã đi

Bạn có thể sử dụng chức năng ghi chép bằng GPS để tự động ghi lại lộ trình di chuyển của máy ảnh bằng cách ghi chép thông tin vị trí vào các khoảng thời gian đã đặt. Bạn có thể xem thông tin vị trí cho lộ trình máy ảnh đã di chuyển trên bản đồ hiển thị trên máy tính.

* Một số điều kiện di chuyển, vị trí hoặc thiết lập GPS nhất định có thể khiến thông tin định vị không chính xác được thêm vào ảnh.

Thiết lập thời gian của máy ảnh

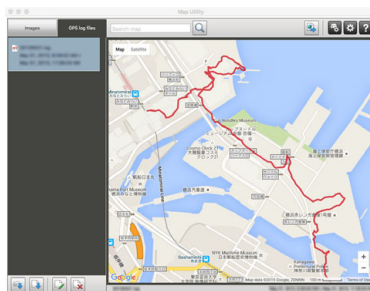
Bạn có thể thiết lập thông tin thời gian nhận được từ tín hiệu GPS trên máy ảnh.



Thông tin GPS ghi lại trên ảnh và phim có thể bao gồm thông tin nhận dạng cá nhân của bạn. Do đó, hãy thận trọng khi gửi cho người khác hoặc hiển thị trực tuyến ở chế độ công khai ảnh hoặc phim đã định vị.

Xem ảnh và thông tin trên bản đồ ảo

Với Map Utility (phần mềm EOS, tr.612), bạn có thể xem các vị trí chụp và lộ trình đã di chuyển trên bản đồ hiển thị trên máy tính.



Dữ liệu bản đồ ©2016 ZENRIN

Những điều cần chú ý khi sử dụng GPS

■ Quốc gia và khu vực cho phép sử dụng chức năng GPS

Một số quốc gia và khu vực hạn chế sử dụng chức năng GPS, việc sử dụng trái phép có thể sẽ bị phạt theo quy định của quốc gia và khu vực đó. Để tránh vi phạm các quy định về chức năng GPS, truy cập trang web của Canon để tìm hiểu về nơi được phép sử dụng.

Lưu ý rằng Canon không chịu trách nhiệm cho bất kỳ vấn đề phát sinh do sử dụng chức năng GPS ở các quốc gia và khu vực khác.

■ Số model

EOS 5D Mark IV (WG) : DS126601

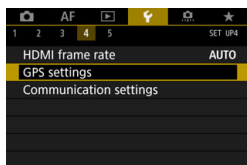
(bao gồm model mô-đun GPS: ES300)

- Ở một số quốc gia và khu vực nhất định, việc sử dụng chức năng GPS có thể bị hạn chế. Do đó, đảm bảo sử dụng chức năng GPS theo luật và quy định tại quốc gia hoặc khu vực của bạn. Hãy đặc biệt thận trọng khi sử dụng chức năng GPS bên ngoài quốc gia sở tại.
- Hãy thận trọng khi sử dụng chức năng GPS tại nơi hạn chế sử dụng thiết bị điện tử.
- Những người khác có thể xác định vị trí hoặc nhận diện bạn thông qua dữ liệu vị trí trong ảnh hoặc phim được định vị của bạn. Hãy thận trọng khi chia sẻ ảnh và phim được định vị hoặc tập tin hành trình GPS với người khác, ví dụ như khi đăng lên mạng nơi nhiều người có thể xem.
- Việc tiếp nhận tín hiệu GPS có thể mất nhiều thời gian hơn trong một số trường hợp.

Thu tín hiệu GPS

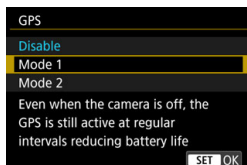
Để thu tín hiệu GPS, hãy đưa máy ảnh ra ngoài trời nơi không có vật cản. Hướng phần trên của máy ảnh lên trời và không bị chắn bởi tay của bạn hay các vật thể khác.

Trong điều kiện thu tín hiệu tốt, máy ảnh sẽ mất khoảng 30 đến 60 giây để thu tín hiệu vệ tinh GPS sau khi bạn đặt **[GPS]** thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**. Kiểm tra để đảm bảo biểu tượng **[GPS]** đã hiển thị trên màn hình LCD, rồi chụp.



1 Chọn **[GPS settings (Thiết lập GPS)]**.

- Trong tab **[4]**, chọn **[GPS settings (Thiết lập GPS)]**, rồi nhấn <0>.



2 Chọn chế độ.

- Chọn **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.
- Biểu tượng **[GPS]** sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

• **Mode 1 (Chế độ 1)**

Máy ảnh sẽ tiếp tục nhận tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <**ON**> hoặc <**OFF**>.

• **Mode 2 (Chế độ 2)**

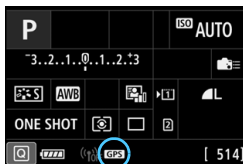
Khi đặt công tắc nguồn thành <**ON**>, máy ảnh sẽ nhận tín hiệu GPS. Khi đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>, chức năng GPS cũng sẽ tắt. Tuy nhiên, nếu chức năng tự động tắt nguồn đang bật, máy ảnh sẽ tiếp tục nhận tín hiệu GPS định kỳ.

Trạng thái định vị GPS



Trạng thái định vị GPS được biểu thị bằng biểu tượng [**GPS**] hiển thị trên bảng điều khiển LCD của máy ảnh.

GPS không đổi: Đã thu được tín hiệu
GPS nhấp nháy: Chưa thu được tín hiệu



Nếu bạn chụp khi biểu tượng [**GPS**] hiển thị liên tục, ảnh sẽ được định vị.

- Khi đặt [**Mode 1 (Chế độ 1)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>. Do đó, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ ít hơn. Nếu bạn không sử dụng máy ảnh trong một thời gian dài, hãy đặt thành [**Disable (Tắt)**].
- Khi đặt [**Mode 2 (Chế độ 2)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đang tự động tắt nguồn. Do đó, nếu thời gian tự động tắt nguồn kéo dài, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ ít hơn. Nếu bạn không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>.
- Khi nhìn từ phía sau máy ảnh, ăng-ten GPS tích hợp được đặt ở trước ngàm gắn bên phải (tr.28). Có thể thu tín hiệu GPS trong khi đèn Speedlite bên ngoài được gắn với ngàm gắn nhưng độ nhạy thu tín hiệu sẽ giảm một chút.
- Không thể sử dụng Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng).



Phạm vi phủ sóng tín hiệu GPS kém

Không thể thu được tín hiệu vệ tinh GPS như thông thường trong các điều kiện dưới đây. Do đó, máy sẽ không thể ghi lại thông tin định vị hoặc ghi thông tin không chính xác.

- Trong nhà, dưới mặt đất, trong hầm hoặc rừng, giữa các tòa nhà hoặc trong thung lũng.
- Gần các đường dây điện cao thế hoặc điện thoại di động hoạt động trên băng tần 1,5 GHz.
- Khi máy ảnh được để trong túi, v.v...
- Khi di chuyển một quãng đường dài.
- Khi di chuyển qua các môi trường khác nhau.
- Do vệ tinh GPS di chuyển theo thời gian nên chuyển động của vệ tinh có thể gây nhiễu định vị và khiến thông tin định vị bị thiếu hoặc không chính xác ngay cả trong các điều kiện khác với các điều kiện nêu trên. Ngoài ra, thông tin định vị cũng có thể bao gồm thông tin vị trí khác ngoài lộ trình đã đi, ngay cả khi máy ảnh chỉ được sử dụng tại một vị trí.

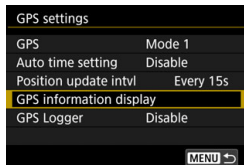


- Mức pin có thể thấp khi bạn bắt đầu sử dụng máy ảnh do ảnh hưởng của chức năng GPS. Sạc lại pin hoặc chuẩn bị pin dự phòng (bán riêng) đã sạc nếu cần.
- Máy ảnh có thể thu tín hiệu GPS ngay cả khi chụp dọc.

Xem thông tin GPS

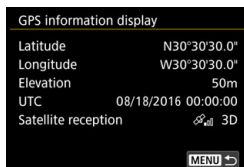
1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].



2 Chọn [GPS information display (Hiển thị thông tin GPS)].

- Thông tin GPS sẽ hiển thị.



3 Chụp ảnh.

- Nếu bạn chụp sau khi thu tín hiệu GPS, ảnh sẽ được định vị.

 Thông thường, độ cao không được chính xác như vĩ độ và kinh độ do bản chất của GPS.

-  Biểu tượng biểu thị trạng thái tín hiệu. Khi <3D> hiển thị, độ cao cũng được ghi lại. Lưu ý rằng không thể ghi lại độ cao khi <2D> hiển thị.
- UTC (Giờ quốc tế phối hợp) về bản chất giống như Giờ chuẩn Greenwich.

Thông tin định vị

Xem ảnh và nhấn nút <INFO.> để hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.402). Sau đó nghiêng <⇄> lên hoặc xuống để kiểm tra thông tin định vị.



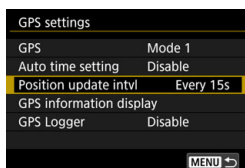
- Khi quay phim, máy sẽ ghi lại thông tin GPS thu được tại thời điểm bắt đầu quay. Lưu ý rằng các điều kiện tiếp nhận tín hiệu không được ghi lại.
- Có thể xem địa điểm chụp trên bản đồ hiển thị trên máy tính bằng cách sử dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.612).

Thiết lập khoảng thời gian định vị

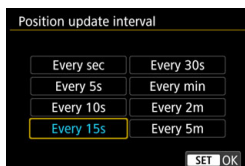
Có thể thiết lập khoảng thời gian định kỳ giữa các lần cập nhật thông tin định vị. Mặc dù việc cập nhật thông tin định vị vào các khoảng thời gian ngắn hơn sẽ ghi lại thông tin định vị chính xác hơn, tuy nhiên điều này sẽ làm giảm số lượng ảnh có thể chụp vì pin tiêu hao nhanh hơn.

1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].



2 Chọn [Position update intvl (Khoảng thời gian cập nhật vị trí)].



3 Thiết lập khoảng thời gian cập nhật mong muốn.

- Chọn khoảng thời gian cập nhật mong muốn, rồi nhấn <SET>.

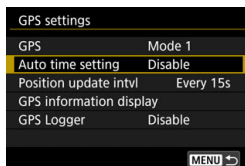
- Nếu bạn đang ở vị trí mà điều kiện thu tín hiệu GPS không tốt, số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm.
- Bản chất của GPS đôi lúc có thể dẫn đến khoảng thời gian cập nhật không đồng đều.

Thiết lập thời gian thu được từ GPS trên máy ảnh

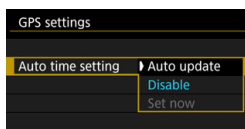
Bạn có thể thiết lập thông tin thời gian nhận được từ tín hiệu GPS trên máy ảnh. Độ chênh lệch khoảng ± 1 giây.

1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].



2 Chọn [Auto time setting (Tự động thiết lập thời gian)].



3 Chọn thiết lập mong muốn.

- Chọn [Auto update (Tự động cập nhật)] hoặc [Set now (Thiết lập ngay)], rồi nhấn < (SET) >.
- [Auto update (Tự động cập nhật)] sẽ cập nhật thời gian khi công tắc nguồn của máy ảnh đang bật và nhận tín hiệu GPS.



- Nếu không thu được tín hiệu từ ít nhất năm vệ tinh GPS, máy sẽ không thể tự động cập nhật thời gian. [Set now (Thiết lập ngay)] sẽ bị tô xám và không chọn được.
- Ngay cả khi có thể chọn [Set now (Thiết lập ngay)], cập nhật thời gian có thể không thực hiện được do thời gian thu tín hiệu GPS không phù hợp.
- Khi đặt [Auto time setting (Tự động thiết lập thời gian)] thành [Auto update (Tự động cập nhật)], không thể đặt ngày hoặc giờ bằng tay với [2: Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].
- Nếu bạn sử dụng Bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (Phiên bản 2/bản riêng) và không muốn thay đổi thời gian sau khi thực hiện [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)], hãy đặt [Auto time setting (Tự động thiết lập thời gian)] thành [Disable (Tắt)] ở bước 2.

Ghi chép lộ trình đã đi



Dữ liệu bản đồ ©2016 ZENRIN

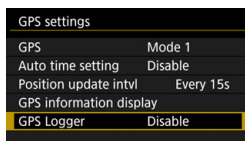
Khi sử dụng chức năng ghi chép GPS, thông tin định vị của lộ trình máy ảnh di chuyển sẽ tự động được ghi vào bộ nhớ trong của máy ảnh.

Với Map Utility (phần mềm EOS, tr.612), bạn có thể xem các vị trí chụp và lộ trình đã di chuyển trên bản đồ hiển thị trên máy tính.

1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].

2 Chọn [GPS Logger (Bộ ghi chép GPS)].



3 Đặt [Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)] thành [Enable (Bật)].

- Chọn [Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Biểu tượng [LOG] sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



- Khi đặt [GPS] thành [Mode 1 (Chế độ 1)], chức năng ghi chép GPS sẽ tiếp tục hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Khi [Mode 2 (Chế độ 2)] được thiết lập, đặt công tắc nguồn thành <OFF> cũng sẽ tắt chức năng ghi chép GPS. Tuy nhiên, chức năng ghi chép GPS sẽ tiếp tục hoạt động khi tự động tắt nguồn.

Ghi chép thông tin định vị

Thông tin định vị cho tuyến đường máy ảnh di chuyển được ghi lại vào các khoảng thời gian đã đặt trong [**Position update intvl (Khoảng thời gian cập nhật vị trí)**] (tr.240). Dữ liệu ghi chép được lưu vào bộ nhớ trong của máy ảnh theo ngày. Bảng bên dưới cho biết số ngày dữ liệu có thể được lưu.

Lượng dữ liệu ghi chép theo khoảng thời gian định vị (Ước chừng)

Khoảng thời gian cập nhật	Dữ liệu ghi chép	Khoảng thời gian cập nhật	Dữ liệu ghi chép
Mỗi 1 giây	4,1 ngày	Mỗi 30 giây	100 ngày
Mỗi 5 giây	20 ngày	Mỗi 1 phút	100 ngày
Mỗi 10 giây	41 ngày	Mỗi 2 phút	100 ngày
Mỗi 15 giây	61 ngày	Mỗi 5 phút	100 ngày

* Dựa trên 1 ngày tương đương với tám giờ của dữ liệu ghi chép.

- Có thể truyền dữ liệu ghi chép đã lưu vào bộ nhớ trong sang thẻ dưới dạng tập tin ghi chép (tr.244).
- Tên tập tin ghi chép bao gồm ngày và số (ví dụ: 16081800). Tập tin ghi chép được tạo cho từng ngày. Nếu múi giờ thay đổi (tr.51), tập tin ghi chép mới sẽ được tạo.
- Nếu bộ nhớ trong của máy ảnh đầy, dữ liệu ghi chép cũ nhất sẽ bị xóa và dữ liệu ghi chép mới nhất sẽ được lưu.

Tiêu hao pin trong khi ghi chép

Khi đặt [**GPS**] thành [**Mode 1 (Chế độ 1)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đã đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<OFF>**. Khi đặt [**Mode 2 (Chế độ 2)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đang tự động tắt nguồn. Do đó, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm. Ngoài ra, khi đặt [**Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)**] thành [**Enable (Bật)**], các khoảng thời gian cập nhật ngắn hơn sẽ làm pin tiêu hao nhanh hơn.

Khi bạn không di chuyển hoặc khi tín hiệu GPS yếu, nên đặt [**GPS**] thành [**Disable (Tắt)**].

Tải dữ liệu ghi chép xuống máy tính

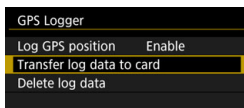
Có thể tải dữ liệu ghi chép từ bộ nhớ trong của máy ảnh xuống máy tính bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612) hoặc tải xuống từ thẻ sau khi truyền dữ liệu vào thẻ.

Khi sử dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.612) để mở tập tin ghi chép được lưu trên máy tính, lộ trình di chuyển của máy ảnh sẽ hiển thị trên bản đồ.

● Nhập dữ liệu ghi chép bằng phần mềm EOS

Khi máy ảnh được kết nối với máy tính qua cáp nối đi kèm, bạn có thể tải dữ liệu ghi chép xuống máy tính bằng EOS Utility (phần mềm EOS). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.614).

● Truyền dữ liệu ghi chép vào thẻ để tải xuống



- Khi chọn [**Transfer log data to card (Truyền dữ liệu ghi chép vào thẻ)**], bạn có thể truyền dữ liệu ghi chép từ bộ nhớ trong dưới dạng tập tin ghi chép sang thẻ CF [1] hoặc thẻ SD [2].

Lưu ý rằng khi tập tin ghi chép được truyền vào thẻ, dữ liệu ghi chép đó sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ trong của máy ảnh.

- Tập tin ghi chép đã nhập vào thẻ sẽ được lưu trong thư mục “GPS” thuộc thư mục “MISC”. Đuôi tập tin là “.LOG”.
- Chọn [**Delete log data (Xóa dữ liệu ghi chép)**] sẽ xóa dữ liệu ghi chép lưu trong bộ nhớ trong. Quá trình xóa dữ liệu có thể mất khoảng một phút.

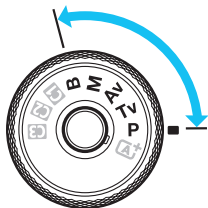


- Khi kết nối máy ảnh với máy tính, sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon khác (tr.529). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.38).
- Ăng-ten GPS nằm ở phía trên thân máy ảnh. Vì lý do này, ngay cả khi mang theo máy ảnh, chẳng hạn như để trong túi, hãy cố gắng giữ cho đầu máy ảnh hướng lên và không đặt bất kỳ vật gì lên trên.
- Đặt thời gian và ngày của máy ảnh càng chính xác càng tốt. Ngoài ra, đặt múi giờ và giờ mùa hè chính xác cho vị trí chụp.

[illegible]

6

Thao tác nâng cao cho hiệu ứng ảnh



Trong các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>**, **<M>** và ****, bạn có thể thay đổi các thiết lập khác nhau của máy ảnh như mong muốn để có được nhiều kết quả chụp bằng cách chọn tốc độ màn trập và/hoặc khẩu độ, điều chỉnh phơi sáng theo ý muốn, v.v...

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****.
- Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp và nhả ra, các thiết lập phơi sáng sẽ vẫn hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khoảng 4 giây (4) theo chức năng hẹn giờ đo sáng.
- Để tìm hiểu các chức năng có thể thiết lập trong mỗi chế độ chụp, tham khảo trang 540.



Gạt công tắc **<LOCK>** sang trái.

P: Phơi sáng tự động P

Máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động P).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Tự động phơi sáng).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



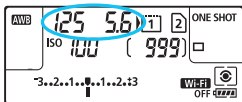
2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng (trong chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được tự động thiết lập và hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Tốc độ màn trập “30” và chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất cùng nhấp nháy biểu thị ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.
- Tốc độ màn trập hiển thị ở “8000” và chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO hoặc sử dụng bộ lọc ND (bán riêng) để giảm lượng ánh sáng đi vào ống kính.



Sự khác biệt giữa chế độ <P> và <A+>

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như thao tác AF và chế độ đo sáng được thiết lập tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị giới hạn. Ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập thao tác AF, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.540).

Thay đổi chương trình

- Ở chế độ phơi sáng tự động P, bạn có thể tùy ý thay đổi tổ hợp (Chương trình) tốc độ màn trập và khẩu độ do máy ảnh đặt tự động mà vẫn giữ nguyên độ phơi sáng. Chức năng này được gọi là Program shift (Thay đổi chương trình).
- Để thay đổi chương trình, nhấn nửa chừng nút chụp, rồi xoay nút xoay <  > cho tới khi hiển thị tốc độ màn trập hoặc khẩu độ mong muốn.
- Thay đổi chương trình sẽ tự động hủy khi hẹn giờ đo sáng (Đ4) kết thúc (hiển thị thiết lập phơi sáng tắt).
- Không thể sử dụng chức năng thay đổi chương trình với đèn flash.

Tv: Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Trong chế độ này, bạn đặt tốc độ màn trập và máy ảnh sẽ tự động thiết lập khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập. Tốc độ màn trập nhanh hơn có thể chụp rõ nét từng chuyển động của chủ thể đang di chuyển. Tốc độ màn trập chậm hơn có thể tạo hiệu ứng mờ và gây ấn tượng về chuyển động.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



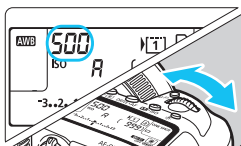
Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)



Chuyển động rõ nét
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  >.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khẩu độ được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Phơi sáng chuẩn sẽ đạt được khi thông số khẩu độ không nhấp nháy.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng.
Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập chậm hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.
Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập nhanh hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.



Hiển thị tốc độ màn trập

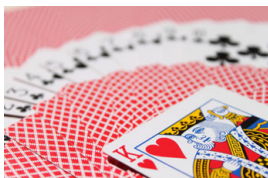
Tốc độ màn trập từ “8000” đến “4” biểu thị mẫu số của phân số tốc độ màn trập. Ví dụ: “125” biểu thị 1/125 giây, “0”5” biểu thị 0,5 giây và “15” là 15 giây.

Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Trong chế độ này, bạn đặt khẩu độ mong muốn và máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mở khẩu độ nhỏ hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

Ngược lại, chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mở khẩu độ lớn hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh ít rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

* <Av> là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ) (độ mở của khẩu độ).



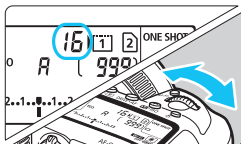
Hậu cảnh mờ
(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: f/5.6)



Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét
(Với chỉ số khẩu độ f lớn: f/32)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  >.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Tốc độ màn trập được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Phơi sáng chuẩn sẽ đạt được khi thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy.



- Tốc độ màn trập **"30"** nhấp nháy biểu thị ảnh bị thiếu sáng.

Xoay nút xoay <  > để thiết lập khẩu độ lớn hơn (chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn) cho đến khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.



- Tốc độ màn trập **"8000"** nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.

Xoay nút xoay <  > để thiết lập khẩu độ nhỏ hơn (Chỉ số khẩu độ f lớn hơn) cho đến khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.

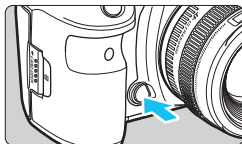


Hiển thị giá trị khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mờ của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Chỉ số khẩu độ f khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị **"00"**.

Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (lá khẩu) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp.



Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để thu hẹp khẩu độ về thiết lập khẩu độ hiện thời và kiểm tra độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).



- Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý. Tuy nhiên, khung ngắm sẽ tối hơn.
- Có thể thấy rõ hiệu quả của độ sâu trường ảnh trên ảnh Live View khi thay đổi khẩu độ và nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh (tr.302).
- Phơi sáng sẽ bị khóa (khóa phơi sáng) trong khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.

M: Phơi sáng chỉnh tay

Trong chế độ này, bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ theo mong muốn. Để xác định phơi sáng, có thể tham khảo thang đo sáng trong khung ngắm hoặc sử dụng thang đo độ phơi sáng bán sẵn trên thị trường. Phương pháp này được gọi là phơi sáng chỉnh tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Chỉnh tay).

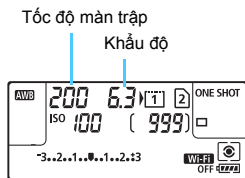


1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.179).

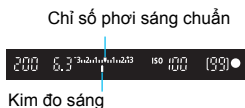
3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <  >. Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <  >.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <  > hoặc <  >.

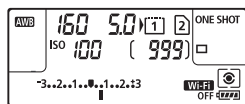


4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



- Kiểm tra kim đo sáng <  > để biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn.



5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Kiểm tra thang đo sáng và thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.

- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 3 điểm dừng, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.

Bù trừ phơi sáng với ISO tự động

Nếu tốc độ ISO được đặt thành **A** (AUTO) khi chụp phơi sáng chỉnh tay <**M**>, bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng (tr.259) như sau:

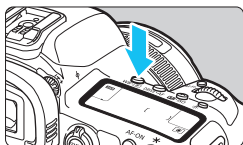
- [2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)]
- Trong [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], đặt thành [: Expo comp (hold btn, turn) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay))] hoặc [: Expo comp (hold btn, turn) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay))] (tr.510).
- Điều khiển nhanh (tr.64)

- Nếu đặt ISO tự động, thiết lập tốc độ ISO sẽ thay đổi để đạt phơi sáng chuẩn với tốc độ màn trập và khẩu độ đã thiết lập. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn. Trong trường hợp này, hãy thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nếu sử dụng flash khi đã thiết lập ISO tự động, bù trừ phơi sáng sẽ không được áp dụng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

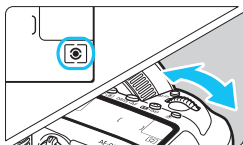
- Trong [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)], nếu bỏ dấu [] trong [Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)] thì vẫn có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng ngay cả trong chế độ <**M**> (tr.203).
- Khi đặt ISO tự động, bạn có thể nhấn nút < > để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút < > và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng so với khi nhấn nút < >.
- Nếu áp dụng bù trừ phơi sáng (tr.259) trong chế độ <**P**>, <**Tv**> hoặc <**Av**> rồi chuyển chế độ chụp thành <**M**> với ISO tự động được thiết lập, lượng bù trừ phơi sáng đã thiết lập sẽ vẫn giữ nguyên.
- Khi đặt ISO tự động và đặt [1: ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)] thành [1/2-stop (1/2 điểm dừng)], máy sẽ thực hiện bù trừ phơi sáng 1/2 điểm dừng bất kỳ cho tốc độ ISO (1/3 điểm dừng) và tốc độ màn trập. Tuy nhiên, tốc độ màn trập hiển thị sẽ không thay đổi.

Chọn chế độ đo sáng ☆

Bạn có thể chọn một trong bốn phương pháp để đo độ sáng của chủ thể. Ở chế độ <A+>, đo sáng toàn khung ảnh được tự động thiết lập.



1 Nhấn nút <WB•> (C6).



2 Chọn chế độ đo sáng.

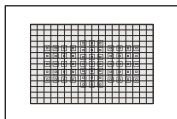
- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay </>.

: Đo sáng toàn khung ảnh

: Đo sáng từng phần

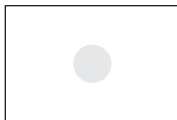
: Đo sáng điểm

: Đo sáng trung bình trung tâm



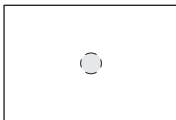
: Đo sáng toàn khung ảnh

Chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh phơi sáng để phù hợp với cảnh.



: Đo sáng từng phần

Đo sáng từng phần có tác dụng khi hậu cảnh sáng hơn nhiều so với chủ thể do ngược sáng, v.v... Đo sáng từng phần bao phủ khoảng 6,1% trung tâm khu vực khung ngắm.



: **Đo sáng điểm**

Hiệu quả khi đo sáng từng phần cụ thể của chủ thể hoặc cảnh. Đo sáng điểm bao trùm khoảng 1,3% khu vực trung tâm khung ngắm. Vòng đo sáng điểm sẽ hiển thị trong khung ngắm.



: **Đo sáng trung bình trung tâm**

Đo sáng lấy trung bình cho toàn cảnh với trung tâm khung ngắm được đo sáng nhiều hơn.

 Trong chế độ <> (Đo sáng toàn khung ảnh), thiết lập phơi sáng sẽ khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và lấy được nét (trong chế độ lấy nét một lần). Trong các chế độ <> (Đo sáng từng phần), <> (Đo sáng điểm) và <> (Đo sáng trung bình trung tâm), phơi sáng sẽ được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. (Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không khóa phơi sáng.)

🔧 Thiết lập bù trừ phơi sáng mong muốn ☆

Bù trừ phơi sáng có thể làm sáng hơn (tăng phơi sáng) hoặc làm tối (giảm phơi sáng) phơi sáng chuẩn thiết lập bằng máy ảnh.

Có thể thiết lập bù trừ phơi sáng trong các chế độ chụp <P>, <Tv> và <Av>. Mặc dù bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng khi chụp qua khung ngắm, nhưng thang đo lượng bù trừ phơi sáng trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD chỉ có thể hiển thị thiết lập tối đa ± 3 điểm dừng. Nếu bạn muốn đặt thiết lập bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, hãy sử dụng Điều khiển nhanh (tr.64) hoặc làm theo hướng dẫn dành cho [❏2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] ở trang 261.

Nếu đặt cả hai chế độ <M> và ISO tự động, tham khảo trang 256 để thiết lập bù trừ phơi sáng.

1 Kiểm tra phơi sáng.

- Nhấn nửa chừng nút chụp (📷) và kiểm tra thang đo sáng.

Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



2 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

- Nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <🔍>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <🔍>.

▶ Biểu tượng <🔍> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD để thiết lập bù trừ phơi sáng.

3 Chụp ảnh.

- Để hủy bù trừ phơi sáng, đặt thang đo sáng <1/1> ở chỉ số phơi sáng chuẩn (<0> / <1/1>).



- Trong khi chụp Live View và quay phim, bạn chỉ có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng.
- Nếu đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.203) thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [**Disable (Tắt)**], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng giảm cho hình ảnh tối hơn.

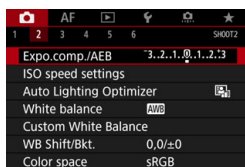


- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.
- Sau khi thiết lập lượng bù trừ phơi sáng, bạn có thể đặt công tắc **<LOCK▶>** sang phải để ngăn lượng bù trừ phơi sáng vô tình thay đổi.
- Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị **<◀>** hoặc **<▶>**.

Tự động phơi sáng hỗn hợp (AEB) ☆

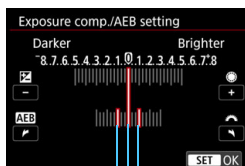
Bằng cách tự động thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ, máy ảnh sẽ sử dụng phơi sáng hỗn hợp lên tới ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng cho 3 lần chụp liên tiếp. Chức năng này được gọi là AEB.

* AEB là viết tắt của Auto Exposure Bracketing (Tự động phơi sáng hỗn hợp).



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

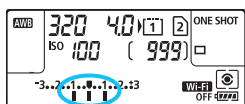
- Trong tab [2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay < > để thiết lập phạm vi AEB. Nếu xoay < >, bạn có thể thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <SET> để thiết lập.
- Khi bạn thoát khỏi menu, phạm vi AEB sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



3 Chụp ảnh.

- Ba ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp tương ứng với kiểu chụp thiết lập trong thứ tự này: Phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- Tự động phơi sáng hỗn hợp sẽ không tự động hủy. Để hủy tự động phơi sáng hỗn hợp, thực hiện theo bước 2 để tắt hiển thị phạm vi AEB.

Phơi sáng chuẩn



Giảm phơi sáng



Tăng phơi sáng





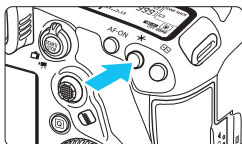
- Trong quá trình chụp AEB, biểu tượng <✱> sẽ nhấp nháy trong khung ngắm.
- Nếu kiểu chụp được đặt thành <□> hoặc <□S>, nhấn nút chụp ba lần cho mỗi lần chụp. Khi đặt <□H>, <□L> hoặc <□S> và nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, máy ảnh sẽ chụp liên tục ba ảnh bù trừ sáng rồi tự động dừng chụp. Khi đặt <□1> hoặc <□2>, máy ảnh sẽ chụp liên tục ba ảnh bù trừ sáng sau thời gian trì hoãn 10 giây hoặc 2 giây.
- Bạn có thể thiết lập tự động phơi sáng hỗn hợp kết hợp với bù trừ phơi sáng.
- Nếu phạm vi AEB vượt quá ± 3 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.
- AEB không dùng được với đèn flash, phơi sáng bulb hoặc khi đặt chế độ HDR hoặc ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- AEB sẽ tự động hủy khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF> hoặc khi đèn flash được sạc đầy.

✳ Khóa phơi sáng để chụp (Khóa phơi sáng) ☆

Bạn có thể khóa phơi sáng khi khu vực lấy nét khác với khu vực đo độ phơi sáng hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng. Nhấn nút <✳> để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là khóa phơi sáng. Chức năng này có hiệu quả khi chụp các chủ thể ngược sáng, v.v...

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút <✳> (☆).

- ▶ Biểu tượng <✳> phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa thiết lập phơi sáng (Khóa phơi sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút <✳>, thiết lập phơi sáng hiện tại sẽ khóa.



3 Bố cục lại và chụp ảnh.

- Nếu muốn chụp nhiều ảnh hơn trong khi giữ nguyên khóa phơi sáng, nhấn giữ nút <✳> và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa phơi sáng

Chế độ đo sáng (tr.257)	Phương pháp chọn điểm AF (tr.108, 109)	
	Chọn tự động	Chọn bằng tay
 *	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét.	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn.
  	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.	

* Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, khóa phơi sáng được thực hiện với phơi sáng được đo tập trung ở điểm AF trung tâm.



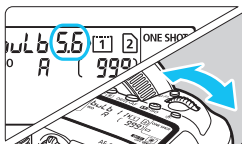
Không thể khóa phơi sáng với phơi sáng bulb.

B: Phơi sáng lâu (Bulb)

Trong chế độ này, màn trập vẫn mở khi bạn nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, và đóng lại khi bạn nhả nút chụp. Kỹ thuật chụp ảnh này được gọi là “phơi sáng bulb”. Sử dụng chế độ phơi sáng bulb để chụp cảnh ban đêm, pháo hoa, bầu trời và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu.



1 Đặt nút xoay chế độ thành .



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  > hoặc <  >.



Thời gian đã phơi sáng

3 Chụp ảnh.

- Phơi sáng sẽ tiếp tục trong khi bạn vẫn nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

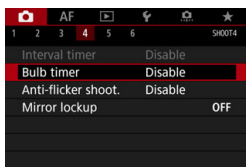
- ⚠ ● Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Phơi sáng lâu sẽ tạo ra nhiều nhiễu hạt hơn bình thường.
- Nếu đặt ISO tự động, tốc độ ISO sẽ là ISO 400 (tr.181).
- Để phơi sáng bulb, nếu bạn sử dụng cả chế độ hẹn giờ và khóa gương lật thay vì hẹn giờ bulb, nhấn giữ hoàn toàn nút chụp (thời gian trì hoãn của chụp hẹn giờ + thời gian phơi sáng bulb). Nếu nhả nút chụp trong thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ, máy ảnh sẽ phát ra âm thanh nhả màn trập nhưng không có ảnh nào được chụp. Nếu sử dụng hẹn giờ bulb trong các điều kiện chụp tương tự, không cần nhấn giữ hoàn toàn nút chụp.



- Với [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], bạn có thể giảm độ nhiễu tạo ra trong thời gian dài phơi sáng (tr.206).
- Để phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy ảnh và hẹn giờ bulb. Bạn cũng có thể sử dụng kết hợp cùng gương lật (tr.280).
- Bạn cũng có thể chụp phơi sáng bulb bằng cách sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng, tr.283).
- Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.283) để phơi sáng bulb. Khi nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa, phơi sáng bulb sẽ bắt đầu ngay lập tức hoặc 2 giây sau đó. Nhấn lại nút này để dừng phơi sáng bulb.

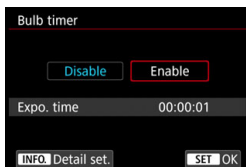
TIMER Hẹn giờ bulb ☆

Bạn có thể thiết lập sẵn thời gian phơi sáng của chế độ phơi sáng bulb. Với chức năng hẹn giờ bulb, bạn không cần nhấn giữ nút chụp trong quá trình phơi sáng bulb. Điều này giúp giảm rung máy ảnh. Chức năng hẹn giờ bulb chỉ có thể được thiết lập trong chế độ chụp (Bulb). Chức năng này không thể thiết lập được (hoặc sẽ không hoạt động) trong bất kỳ chế độ chụp nào khác.



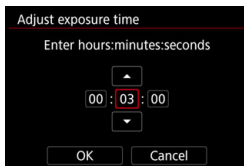
1 Chọn [Bulb timer (Hẹn giờ bulb)].

- Trong tab [**4**] chọn [**Bulb timer (Hẹn giờ bulb)**], rồi nhấn <SET>.



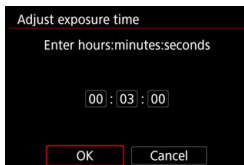
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn nút <INFO.>.



3 Thiết lập thời gian phơi sáng mong muốn.

- Chọn giờ, phút hoặc giây.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⏱>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <□>).



4 Chọn [OK].

- ▶ Thời gian đã thiết lập sẽ hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, biểu tượng <TIMER> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



5 Chụp ảnh.

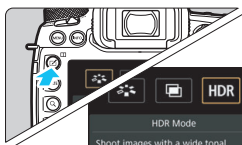
- ▶ Nhấn hoàn toàn nút chụp và quá trình phơi sáng bulb sẽ bắt đầu và tiếp tục cho đến khi hết thời gian thiết lập.
- Trong khi chụp hẹn giờ bulb, biểu tượng <TIMER> sẽ nhấp nháy.
- Để hủy thiết lập hẹn giờ, đặt [Disable (Tắt)] ở bước 2.

- ❗ Trong quá trình thao tác với hẹn giờ bulb, nếu nhấn hoàn toàn nút chụp rời nhả ra, phơi sáng bulb sẽ dừng.
- Nếu tiếp tục nhấn hoàn toàn nút chụp sau khi phơi sáng bắt đầu, phơi sáng bulb sẽ tiếp tục ngay cả khi hết thời gian phơi sáng đã đặt. (Phơi sáng bulb sẽ không tự động dừng khi hết thời gian phơi sáng đã đặt.)
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ hủy hẹn giờ bulb (chuyển thành [Disable (Tắt)]): Đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thay pin, thay thẻ nhớ, chuyển sang quay phim hoặc thay đổi chế độ chụp khỏi .

HDR: Chụp HDR (Dải tương phản động cao) ☆

Bạn có thể chụp ảnh có các khu vực dư sáng và thiếu sáng được giảm để tạo các dải tương phản động cao ngay cả với các cảnh có độ tương phản cao. Chụp HDR khá hiệu quả đối với ảnh phong cảnh và tĩnh vật. **Với chụp HDR, máy sẽ chụp liên tiếp ba ảnh có độ phơi sáng khác nhau (phơi sáng chuẩn, thiếu sáng và dư sáng) cho mỗi lần bấm rồi tự động ghép lại với nhau. Ảnh HDR được ghi lại dưới dạng ảnh JPEG.**

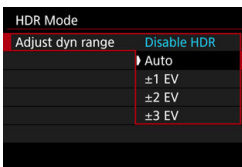
* HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



1 Nhấn nút < [SET] >.

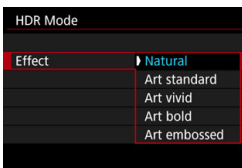
2 Chọn chế độ HDR.

- Chọn **[HDR]**, rồi nhấn < [SET] >.
- ▶ Màn hình chế độ HDR sẽ xuất hiện.



3 Đặt [Adjust dyn range (Điều chỉnh dải tương phản động)].

- Chọn thiết lập dải tương phản động mong muốn rồi nhấn < [SET] >.
- Chọn **[Auto (Tự động)]** sẽ thiết lập tự động dải tương phản động tùy thuộc vào phạm vi tông màu tổng thể của ảnh.
- Số càng cao thì dải tương phản động sẽ càng rộng.
- Để thoát chế độ chụp HDR, chọn **[Disable HDR (Tắt HDR)]**.



4 Đặt [Effect (Hiệu ứng)].

- Chọn hiệu ứng mong muốn, rồi nhấn < [SET] >.



● Bạn cũng có thể thiết lập chụp HDR với [**3: HDR Mode (Chế độ HDR)**].

Hiệu ứng

● Natural (Tự nhiên)

Giúp hình ảnh giữ được phạm vi tông màu rộng ở khu vực dễ gây mất chi tiết tại vùng dư sáng và vùng thiếu sáng. Khu vực dư sáng và thiếu sáng sẽ được giảm thiểu.

● Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)

Do khu vực dư sáng và thiếu sáng được giảm nhiều hơn so với [Natural (Tự nhiên)], độ tương phản sẽ thấp hơn và hiệu ứng chuyển màu sẽ làm cho bức ảnh trông giống tranh vẽ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

● Art vivid (Rực rỡ nghệ thuật)

Bảo hòa màu cao hơn so với [Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)], độ tương phản thấp và hiệu ứng chuyển màu giúp ảnh mang phong cách đồ họa nghệ thuật.

● Art bold (In đậm nghệ thuật)

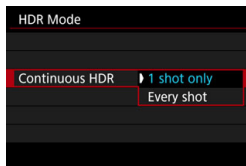
Màu sắc bảo hòa nhất, khiến cho chủ thể nổi bật lên và ảnh trông giống tranh sơn dầu.

● Art embossed (Chạm nổi nghệ thuật)

Độ bảo hòa màu sắc, độ sáng, độ tương phản và độ chuyển màu được giảm xuống để khiến bức ảnh trông phẳng. Bức ảnh trông mờ và cũ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

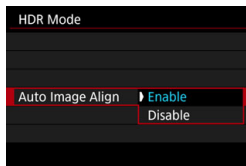
	Tiêu chuẩn nghệ thuật	Rực rỡ nghệ thuật	In đậm nghệ thuật	Chạm nổi nghệ thuật
Bảo hòa màu	Tiêu chuẩn	Cao	Cao hơn	Thấp
Nhấn mạnh đường viền	Tiêu chuẩn	Yếu	Mạnh	Mạnh hơn
Độ sáng	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tối
Tông màu	Phẳng	Phẳng	Phẳng	Phẳng hơn

 Mỗi hiệu ứng sẽ được áp dụng dựa trên đặc tính của kiểu ảnh đã được thiết lập (tr.185).



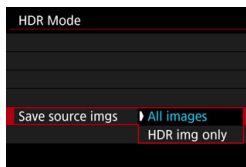
5 Đặt [Continuous HDR (HDR liên tục)].

- Chọn **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]** hoặc **[Every shot (Mọi ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Với chế độ **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]**, chụp HDR sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ **[Every shot (Mọi ảnh)]**, chụp HDR sẽ tiếp tục cho tới khi thiết lập ở bước 3 được đặt thành **[Disable HDR (Tắt HDR)]**.



6 Đặt [Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)].

- Để chụp cầm tay, chọn **[Enable (Bật)]**. Khi sử dụng chân máy, chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn **<SET>**.



7 Thiết lập các ảnh cần lưu.

- Để lưu cả ba ảnh và ảnh HDR đã ghép, chọn **[All images (Tất cả ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Để chỉ lưu ảnh HDR, chọn **[HDR img only (Chỉ ảnh HDR)]**, rồi nhấn **<SET>**.

8 Chụp ảnh.

- Có thể chụp HDR với chụp qua khung ngắm và chụp Live View.
- Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, ba ảnh liên tiếp sẽ được chụp và ảnh HDR sẽ được ghi vào thẻ nhớ.

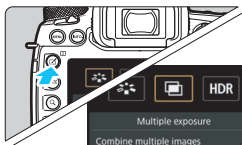
- ❗ ● Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW, ảnh HDR sẽ được ghi ở chất lượng **L**. Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW+JPEG, ảnh HDR sẽ ghi ở chất lượng JPEG đã thiết lập.
- Không thể chụp HDR với tốc độ ISO mở rộng (L, H1, H2). Có thể chụp HDR với ISO 100 - ISO 32000 (thay đổi theo thiết lập của **[Minimum (Tối thiểu)]** và **[Maximum (Tối đa)]** trong **[Range for stills (Phạm vi cho ảnh)]**).
- Đèn flash sẽ không nháy sáng trong khi chụp HDR.
- Chụp HDR sẽ tự động đặt các chức năng sau thành **[Disable (Tắt)]**: **[Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)]** trong **[📷1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)]**, **[📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** và **[📷3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]**.
- Không thể sử dụng AEB.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Trong chế độ chụp HDR, máy sẽ chụp 3 hình ảnh với tốc độ màn trập khác nhau được thiết lập tự động. Vì thế, ngay cả trong các chế độ chụp **<Tv>** và **<M>**, tốc độ màn trập sẽ thay đổi dựa trên tốc độ màn trập đã thiết lập.
- Để tránh rung máy, có thể đặt tốc độ ISO cao.
- Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị **<📷>** trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đặt chế độ HDR (tr.493).



- Khi chụp ảnh HDR với [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] đặt thành [**Enable (Bật)**], Thông tin hiển thị điểm AF (tr.406) và Dữ liệu xóa bụi (tr.464) sẽ không được thêm vào ảnh.
- Nếu thực hiện chụp HDR cầm tay trong khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Enable (Bật)**], phần rìa ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống. Ngoài ra, nếu không thể căn chỉnh ảnh chính xác do máy ảnh rung, v.v..., chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động. Lưu ý khi chụp với thiết lập phơi sáng quá sáng hoặc quá tối, chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu thực hiện chụp HDR cầm tay khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Disable (Tắt)**], ba ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác và hiệu ứng HDR có thể bị giảm. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Đối với các ảnh có họa tiết lặp đi lặp lại (lưới, vân, v.v...), ảnh phẳng hay ảnh đơn sắc, tính năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Độ chuyển màu của bầu trời hoặc tường trắng có thể không được tái hiện chính xác. Màu sắc bất thường, phơi sáng không đều hoặc nhiễu hạt có thể xuất hiện.
- Màu ảnh khu vực được chiếu sáng không tự nhiên khi chụp HDR dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Với chụp HDR, máy ảnh có thể mất một khoảng thời gian để kết hợp ảnh và lưu vào thẻ nhớ. Vì thế, thời gian ghi ảnh HDR vào thẻ nhớ sẽ lâu hơn so với chế độ chụp thông thường. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Nếu bạn đặt chế độ chụp HDR rồi chuyển sang chế độ quay phim, thiết lập chụp HDR có thể bị hủy (thiết lập [**Adjust dyn range (Điều chỉnh dải tương phản động)**] có thể sẽ chuyển thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**]).

Ảnh ghép phơi sáng ☆

Bạn có thể chụp hai đến chín ảnh để ghép lại thành một ảnh. Với chế độ chụp Live View (tr.301), bạn có thể trực tiếp xem cách phơi sáng được ghép khi chụp ảnh ghép phơi sáng.



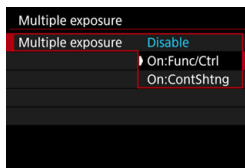
1 Nhấn nút <[Menu]>.

2 Chọn Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng).

- Chọn [On:Func/Ctrl], rồi nhấn <[SET]>.
- ▶ Màn hình thiết lập ảnh ghép phơi sáng sẽ xuất hiện.

3 Đặt [Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)].

- Chọn [On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)] hoặc [On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)], rồi nhấn <[SET]>.
- Để thoát chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng, chọn [Disable (Tắt)].



- **On: Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển) (Ưu tiên chức năng và kiểm soát)**

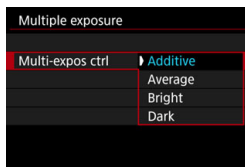
Có lợi thế khi bạn muốn chụp ảnh ghép phơi sáng mà có thể kiểm tra kết quả trong khi tiến hành. Trong quá trình chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục sẽ giảm đáng kể.

- **On: ContShtng (Bật: Chụp liên tục) (Ưu tiên chụp liên tục)**

Được thiết kế để liên tục chụp ảnh ghép phơi sáng chủ thể đang chuyển động. Có thể chụp liên tục, nhưng những chức năng sau bị tắt trong khi chụp: xem menu, xem lại ảnh sau khi chụp, xem ảnh và xóa ảnh cuối cùng (tr.278). Ngoài ra, trong khi Chụp Live View, ảnh hiển thị sẽ không phải là ảnh ghép cuối cùng.

Lưu ý rằng chỉ có ảnh ghép phơi sáng sẽ được lưu lại. (Các ảnh đơn được kết hợp vào ảnh ghép phơi sáng sẽ không được lưu.)

 Bạn cũng có thể thiết lập chụp ảnh ghép phơi sáng với [3: Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)].



4 Đặt [Multi-expos ctrl (Điều khiển cách ghép ảnh)].

- Chọn phương pháp điều khiển ghép ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● Additive (Thêm)

Độ phơi sáng của mỗi ảnh chụp được tích lũy dần. Dựa trên [No. of exposures (Số lượng ảnh)], thiết lập bù trừ phơi sáng âm. Thực hiện theo hướng dẫn cơ bản bên dưới để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

Hướng dẫn thiết lập bù trừ phơi sáng theo số ảnh

Hai ảnh: -1 điểm dừng, ba ảnh: -1,5 điểm dừng, bốn ảnh: -2 điểm dừng

● Average (Trung bình)

Dựa trên [No. of exposures (Số lượng ảnh)], bù trừ phơi sáng âm được tự động thiết lập khi bạn chụp ảnh ghép phơi sáng. Nếu bạn chụp nhiều ảnh ghép phơi sáng của cùng một cảnh, độ phơi sáng hậu cảnh của chủ thể sẽ tự động được điều chỉnh để đạt phơi sáng chuẩn.

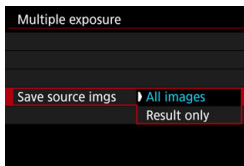
● Bright (Sáng)/Dark (Tối)

Độ sáng (hoặc tối) của ảnh cơ sở và các ảnh ghép vào được so sánh ở cùng vị trí, sau đó phần sáng (hoặc tối) sẽ được để lại trong ảnh. Tùy thuộc vào các màu chồng lấp, màu sắc sẽ được hòa trộn tùy theo tỷ lệ sáng (hoặc tối) trong các ảnh được so sánh.



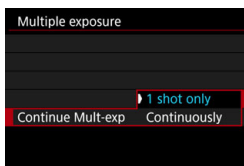
5 Đặt [No. of exposures (Số lượng ảnh)].

- Chọn số lượng ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập từ 2 đến 9 ảnh.



6 Thiết lập các ảnh cần lưu.

- Để lưu tất cả ảnh đơn và ảnh đã ghép, chọn **[All images (Tất cả ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chỉ lưu ảnh đã được ghép, chọn **[Result only (Chỉ kết quả)]**, rồi nhấn **<SET>**.



7 Đặt [Continue Mult-exp (Chụp ảnh ghép phơi sáng liên tục)].

- Chọn **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]** hoặc **[Continuously (Liên tục)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Với chế độ **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]**, chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ **[Continuously (Liên tục)]**, chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ tiếp tục đến khi thiết lập ở bước 3 được đặt thành **[Disable (Tắt)]**.



Số lượng ảnh còn lại

8 Chụp ảnh đầu tiên.

- ▶ Khi đặt **[On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)]**, ảnh chụp sẽ hiển thị.
- ▶ Biểu tượng **<[]>** sẽ nhấp nháy.
- Bạn có thể kiểm tra số ảnh còn lại ở dấu ngoặc vuông **[]** hiển thị trong khung ngắm hoặc trên màn hình.
- Nhấn nút **<[]>** để xem ảnh đã chụp (tr.278).

9 Chụp các ảnh tiếp theo.

- ▶ Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], ảnh đã ghép sẽ hiển thị.
- Chụp Live View khi đã đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], ảnh ghép phơi sáng đã chụp sẽ hiển thị. Nhấn nút <INFO.> để chỉ hiển thị ảnh Live View.
- Quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ dừng lại khi máy chụp hết số ảnh đã thiết lập. Với chế độ chụp liên tục, nếu bạn nhấn giữ nút chụp, máy sẽ ngừng (hoặc tạm dừng) chụp sau khi chụp hết số ảnh đã thiết lập.



- Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], bạn có thể nhấn nút <▶> để xem các ảnh ghép đã chụp hoặc xóa ảnh đơn cuối cùng (tr.278).
- Thông tin chụp cho ảnh cuối cùng sẽ được ghi lại và thêm vào ảnh ghép phơi sáng.

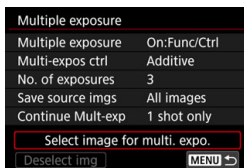


- Chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, Kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, không gian màu, v.v... được đặt cho ảnh ghép phơi sáng đầu tiên cũng sẽ áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng, các thiết lập của tất cả các mục [ **1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)**], [ **2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] và [ **3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] sẽ tự động chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Nếu [ **3: Picture Style (Kiểu ảnh)**] được đặt thành [**Auto (Tự động)**], [**Standard (Tiêu chuẩn)**] sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**] và [**Additive (Thêm)**], nhiễu hạt, màu sắc không đồng đều, dải, v.v... trên ảnh hiển thị trong khi chụp có thể sẽ khác với ảnh ghép phơi sáng cuối cùng được ghi.
- Đối với ảnh ghép phơi sáng, ảnh càng nhiều, nhiễu hạt, nhiễu sắc độ và dải sẽ càng hiện rõ.
- Nếu đặt [**Additive (Thêm)**], máy sẽ cần thời gian để xử lý ảnh ghép phơi sáng sau khi chụp. (Đèn truy cập sẽ sáng lâu hơn.)
- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi đặt [**Additive (Thêm)**], chức năng Live View sẽ tự động dừng sau khi quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng kết thúc.
- Ở bước 9, độ sáng và nhiễu hạt của ảnh ghép phơi sáng hiển thị trong quá trình chụp Live View sẽ khác với ảnh ghép phơi sáng cuối cùng được ghi.
- Nếu đặt [**On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)**], nhấn nút chụp sau khi chụp xong số lượng ảnh đã đặt.
- Thực hiện một trong các thao tác sau sẽ hủy chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng: Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, thay pin, thay thẻ nhớ hoặc chuyển sang quay phim.
- Trong khi chụp ảnh ghép phơi sáng, không thể chọn [**Clean now  (Làm sạch ngay **)] hoặc [**Clean manually (Làm sạch bằng tay)**] trong [ **3: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**].
- Nếu chuyển chế độ chụp sang **< >** hoặc **< >**, **< >** hoặc **< >** trong khi chụp, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc.
- Nếu kết nối máy ảnh với máy tính, bạn sẽ không thể chụp ảnh ghép phơi sáng. Nếu kết nối máy ảnh với máy tính trong khi chụp, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ dừng lại.

Ghép ảnh với ảnh đã ghi trên thẻ

Bạn có thể chọn một ảnh **RAW** được ghi trên thẻ làm ảnh đơn phơi sáng đầu tiên. Dữ liệu ảnh của ảnh **RAW** đã chọn sẽ không đổi.

Chỉ có thể chọn ảnh RAW. Không thể chọn ảnh **M RAW/S RAW** hoặc ảnh JPEG.



1 Chọn [Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để ghép phơi sáng)].

▶ Ảnh trên thẻ sẽ hiển thị.

2 Chọn ảnh đầu tiên.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh được sử dụng làm ảnh đơn phơi sáng đầu tiên, rồi nhấn <SET>.

- Chọn [OK].

▶ Số thứ tự tập tin ảnh được chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.

3 Chụp ảnh.

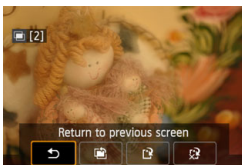
- Khi chọn ảnh đầu tiên, số lượng ảnh còn lại khi được đặt với [No. of exposures (Số lượng ảnh)] sẽ giảm đi 1 ảnh. Ví dụ, nếu [No. of exposures (Số lượng ảnh)] là 3, bạn chỉ có thể chụp được 2 ảnh.



- Không thể chọn những ảnh sau làm ảnh ghép phơi sáng đầu tiên: Ảnh chụp với [📷3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)], ảnh với [📷5: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)] được đặt khác với [3:2] (tr.314) hoặc ảnh có thông tin cắt ảnh (tr.495).
- [Disable (Tắt)] áp dụng cho [📷1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)] và [📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] không phụ thuộc vào thiết lập của ảnh **RAW** được chọn làm ảnh đơn phơi sáng đầu tiên.
- Tốc độ ISO, kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, không gian màu, v.v... được thiết lập cho ảnh **RAW** đầu tiên cũng sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Nếu kiểu ảnh của ảnh **RAW** chọn làm ảnh **RAW** đầu tiên được đặt thành [Auto (Tự động)], chế độ [Standard (Tiêu chuẩn)] sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Không thể chọn ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.

- Cũng có thể chọn một ảnh ghép phơi sáng **RAW** làm ảnh đơn đầu tiên.
- Nếu chọn [**Deselect img (Bỏ chọn ảnh)**], thao tác chọn ảnh sẽ bị hủy.

Kiểm tra và xóa ảnh trong quá trình chụp



Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**] đồng thời chưa chụp hết số ảnh đã thiết lập, bạn có thể nhấn nút <▶> để kiểm tra mức phơi sáng hiện tại, căn chỉnh chổng ảnh và hiệu ứng tổng thể của ảnh ghép phơi sáng.

(Không thực hiện được khi đặt [**On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)**].)

Nếu nhấn nút <⏮>, các thao tác có thể thực hiện trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ hiển thị.

Thao tác	Mô tả
Xóa ảnh cuối cùng	Xóa ảnh được chụp cuối cùng (chụp ảnh khác). Số lượng ảnh còn lại sẽ tăng thêm 1 ảnh.
Lưu và thoát	Nếu đặt [Save source imgs: All images (Lưu ảnh gốc: Tất cả ảnh)], tất cả ảnh đơn và ảnh đã ghép sẽ được lưu trước khi thoát. Nếu đặt [Save source imgs: Result only (Lưu ảnh gốc: Chỉ kết quả)], chỉ có ảnh đã ghép được lưu trước khi thoát.
Thoát không lưu	Chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc mà không lưu ảnh đã chụp.
Trở về màn hình trước đó	Màn hình trước khi bạn nhấn nút <⏮> sẽ xuất hiện lại.

⚠ Trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng, chỉ có thể xem lại các ảnh được chụp ở chế độ này.

❓ Câu hỏi thường gặp

• Có giới hạn nào cho chất lượng ghi ảnh không?

Tất cả thiết lập chất lượng ghi ảnh JPEG đều có thể được chọn. Nếu đặt **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh đã ghép sẽ được lưu thành ảnh **RAW**.

Thiết lập chất lượng ảnh	Ảnh đơn	Ảnh đã ghép phơi sáng
JPEG	JPEG	JPEG
RAW	RAW	RAW
M RAW / S RAW	M RAW / S RAW	RAW
RAW +JPEG	RAW +JPEG	RAW +JPEG
M RAW / S RAW +JPEG	M RAW / S RAW +JPEG	RAW +JPEG

• Có thể ghép các ảnh được ghi trên thẻ không?

Với chức năng **[Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để ghép phơi sáng)]**, bạn có thể chọn ảnh đơn phơi sáng đầu tiên từ các ảnh được ghi trên thẻ (tr.277). Lưu ý rằng bạn không thể ghép những ảnh đã được ghi trên thẻ.

• Có thể dùng Live View để chụp ảnh ghép phơi sáng không?

Bạn có thể chụp ảnh ghép phơi sáng với chế độ chụp Live View (tr.301). Tuy nhiên, nếu đặt **[On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)]**, ảnh đã chụp sẽ không hiển thị dưới dạng ảnh ghép phơi sáng.

• Số thứ tự tập tin nào được sử dụng để lưu ảnh đã ghép?

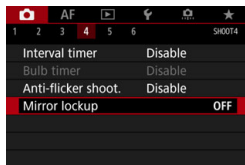
Nếu thiết lập lưu tất cả ảnh, số thứ tự tập tin của ảnh ghép phơi sáng sẽ lần lượt theo thứ tự tiếp sau số tập tin của ảnh đơn cuối cùng được sử dụng để tạo ảnh ghép.

• Chế độ tự động tắt nguồn có hiệu quả trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng không?

Khi **[⚡2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)]** được đặt thành thiết lập khác với **[Disable (Tắt)]**, máy ảnh sẽ tự động tắt nguồn sau khoảng 30 phút. Nếu tự động tắt nguồn có hiệu lực, chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc và thiết lập ảnh ghép phơi sáng sẽ bị hủy. Trước khi bắt đầu chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng, chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động vào thời gian được thiết lập trên máy ảnh, và thiết lập chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ bị hủy.

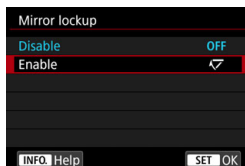
Khóa gương lật ☆

Máy ảnh rung do hoạt động của gương lật khi chụp ảnh được gọi là “rung gương”. Khóa gương lật giữ cho gương lật hướng lên trước và trong khi phơi sáng để giảm mờ ảnh do rung máy. Phù hợp với chụp cận cảnh (ảnh macro), sử dụng ống kính chụp siêu xa và chụp ảnh với tốc độ màn trập chậm, v.v...



1 Chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)].

- Trong tab [ 4], chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)], rồi nhấn <  >.



2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Lấy nét vào chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.

- ▶ Gương sẽ nâng lên.

4 Nhấn lại hoàn toàn nút chụp.

- Ảnh được chụp và gương hạ xuống.



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Khi chụp với chức năng khóa gương lật trong môi trường rất sáng như trên bãi biển hoặc dốc trượt tuyết vào ngày nắng, chụp ảnh ngay sau khi gương lật được khóa ổn định.
- Trong quá trình khóa gương lật, các thiết lập chức năng chụp và thao tác menu sẽ bị tắt.

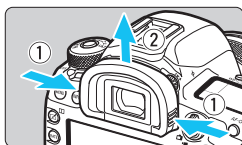


- Khi đặt **[Enable (Bật)]**, chụp từng ảnh sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi đã đặt kiểu chụp là chụp liên tục.
- Bạn cũng có thể hẹn giờ khóa gương lật.
- Sau khi được khóa khoảng 30 giây, gương lật sẽ tự động hạ xuống. Nhấn hoàn toàn nút chụp để khóa gương lật lần nữa.
- Khi chụp với chức năng khóa gương lật, bạn nên sử dụng chân máy và Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng) (tr.283).
- Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa (bán riêng, tr.283) với khóa gương lật. Nên hẹn giờ bộ điều khiển từ xa thành 2 giây.

Sử dụng nắp thị kính

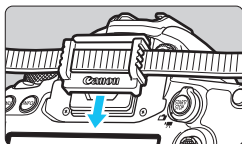
Khi chụp ảnh không nhìn qua khung ngắm, chẳng hạn như khi chụp hẹn giờ, phơi sáng bulb hoặc chụp với công tắc điều khiển từ xa, ánh sáng khuếch tán đi vào khung ngắm có thể làm cho ảnh bị tối (thiếu sáng). Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.37) được gắn vào dây đeo máy ảnh.

Lưu ý rằng không cần lắp nắp thị kính khi chụp Live View hoặc quay phim.



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Cầm vào hai bên rồi trượt lên trên để tháo vành đỡ mắt ra.



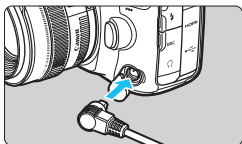
2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi chụp ảnh, tháo nắp thị kính và gắn vành đỡ mắt vào.

Sử dụng công tắc điều khiển từ xa

Bạn không thể kết nối bất kỳ phụ kiện EOS nào được trang bị cổng kết nối loại N3, chẳng hạn như Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng) để chụp ảnh với máy ảnh (tr.529).

Để sử dụng phụ kiện, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng.



1 Mở nắp cổng kết nối.

2 Kết nối đầu cắm với cổng kết nối điều khiển từ xa.

- Kết nối đầu cắm như hình minh họa.
- Để ngắt kết nối đầu cắm, nắm lấy phần bằng bạc và kéo ra.

Chụp điều khiển từ xa



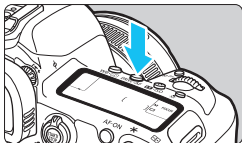
Với Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng), bạn có thể chụp từ xa với khoảng cách tối đa khoảng 5 m/16,4 ft. tính từ máy ảnh (khi bạn hướng về mặt trước của máy ảnh). Có thể chụp ngay hoặc chụp sau 2 giây.

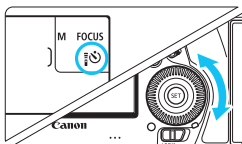
1 Lấy nét chủ thể.

2 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- Bạn cũng có thể chụp với <AF>.

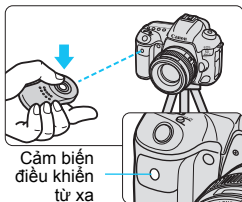
3 Nhấn nút <DRIVE•AF> (ⓘ6).





4 Chọn chụp hẹn giờ/điều khiển từ xa.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm và xoay nút xoay <  > để chọn <  > hoặc <  >.



5 Nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa.

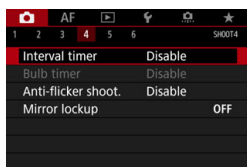
- Hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến điều khiển từ xa của máy ảnh, rồi nhấn nút truyền.
- ▶ Đèn hẹn giờ phát sáng và ảnh được chụp.

- ⚠ Đèn huỳnh quang hoặc đèn LED có thể gây ra trục trặc cho máy ảnh do vô tình kích hoạt màn trập. Cố gắng giữ máy ảnh xa những nguồn sáng này.
- Nếu bạn hướng bộ điều khiển từ xa của TV vào máy ảnh và thao tác, có thể khiến thao tác máy ảnh bị lỗi khi vô tình kích hoạt màn trập.
- Nếu có nguồn sáng đèn flash từ một máy ảnh khác gần đó phát sáng, thao tác máy ảnh có thể bị lỗi do màn trập vô tình bị kích hoạt. Không hướng cảm biến điều khiển từ xa vào nguồn sáng flash từ máy ảnh khác.

- 📄 Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-1 và RC-5.
- Cũng có thể chụp điều khiển từ xa với các thiết bị như đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị chức năng nhả màn trập từ xa (bán riêng).

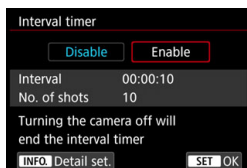
TIMER Chụp hẹn giờ ngắt quãng

Với chế độ hẹn giờ ngắt quãng, bạn có thể thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh. Máy ảnh sẽ tự động lặp lại việc chụp một ảnh với quãng thời gian đã đặt cho đến khi chụp hết số lượng ảnh đã thiết lập.



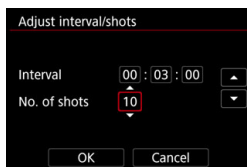
1 Chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)].

- Trong tab [4] (tab [2] trong chế độ <[A+]>), chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn nút <INFO.>.



3 Thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.

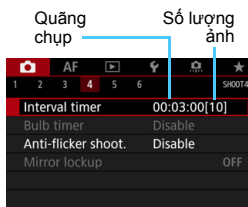
- Chọn số để cài đặt (giờ: phút: giây / số lượng ảnh).
- Nhấn <SET> để hiển thị <>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <>).

● Interval (Quãng chụp)

Có thể thiết lập từ [00:00:01] đến [99:59:59].

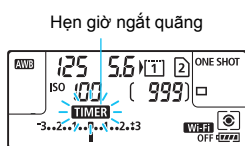
● No. of shots (Số lượng ảnh)

Có thể thiết lập từ [01] đến [99]. Nếu bạn đặt [00], máy ảnh sẽ tiếp tục chụp cho đến khi bạn dừng chế độ hẹn giờ ngắt quãng.



4 Chọn [OK].

- ▶ Thiết lập cho hẹn giờ ngắt quãng sẽ hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, biểu tượng < **TIMER** > sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



5 Chụp ảnh.

- ▶ Máy ảnh sẽ chụp tấm ảnh đầu tiên rồi tiếp tục chụp dựa trên thiết lập hẹn giờ ngắt quãng.
- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, biểu tượng < **TIMER** > sẽ nhấp nháy.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ dừng và tự động hủy.



- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nên chụp thử trước vài ảnh.
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn vẫn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh như bình thường. Tuy nhiên, khoảng 5 giây trước lần chụp hẹn giờ ngắt quãng tiếp theo, thiết lập chức năng chụp, thao tác menu, xem lại ảnh và các thao tác khác sẽ bị dừng và máy ảnh sẵn sàng chụp.
- Nếu bạn chụp ảnh hoặc xử lý ảnh trong lần chụp tiếp theo được đặt bằng hẹn giờ ngắt quãng, lần chụp đó sẽ bị bỏ qua. Vì thế máy ảnh sẽ chụp được ít ảnh hơn số lượng ảnh đã thiết lập cho chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng.
- Tự động tắt nguồn có hiệu lực với hẹn giờ ngắt quãng. Khoảng 1 phút trước khi chụp tấm tiếp theo, nguồn sẽ tự động bật.
- Bạn có thể kết hợp chụp hẹn giờ ngắt quãng với AEB, cân bằng trắng hỗn hợp, ảnh ghép phơi sáng và chế độ HDR.
- Bạn có thể chọn [**Disable (Tắt)**] hoặc chuyển công tắc nguồn về < **OFF** > để dừng chụp hẹn giờ ngắt quãng.



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu như công tắc chế độ lấy nét của ống kính đặt thành **<AF>**, máy ảnh sẽ không chụp khi chưa lấy được nét. Nên đặt công tắc thành **<MF>** và lấy nét tay.
- Không thể thực hiện chụp hẹn giờ ngắt quãng với chế độ chụp Live View, quay phim hoặc phơi sáng bulb.
- Khi chụp hẹn giờ ngắt quãng kéo dài, bạn nên sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.534).
- Nếu thiết lập tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp, chẳng hạn như chụp phơi sáng lâu, máy ảnh không thể chụp với quãng chụp đã đặt. Do đó, máy ảnh sẽ chụp được ít ảnh hơn số lượng ảnh đã thiết lập cho chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng. Ngoài ra, khi tốc độ màn trập và quãng chụp gần như bằng nhau, số lượng ảnh có thể giảm đi.
- Nếu thời gian ghi ảnh vào thẻ nhớ lâu hơn quãng chụp đã đặt do chức năng chụp đã thiết lập, hiệu suất thẻ nhớ, v.v... một số ảnh có thể không được chụp với quãng chụp đã đặt.
- Nếu bạn sử dụng đèn flash với chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng, hãy đặt quãng chụp lâu hơn thời gian hồi đèn flash. Đèn flash có thể không đánh sáng khi quãng chụp quá ngắn.
- Nếu quãng chụp quá ngắn, máy ảnh có thể không chụp ảnh hoặc có thể chụp ảnh mà không lấy nét tự động.
- Chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ bị hủy và đặt lại thành **[Disable (Tắt)]** nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây: Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, hiển thị màn hình chụp Live View hoặc quay phim, đặt chế độ chụp thành ****, **<CL>**, **<Q>** hoặc **<CS>**, hay sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612).
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn không thể sử dụng chế độ chụp điều khiển từ xa (tr.283) hoặc nhả chụp từ xa với đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.
- Nếu rời mắt khỏi thị kính của khung ngắm trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, đóng nắp thị kính lại (tr.282). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

7

Chụp ảnh với đèn flash

Chương này giới thiệu cách chụp ảnh với đèn Speedlite gắn ngoài sê-ri EX (bán riêng) và cách thiết lập đèn Speedlite trên màn hình menu của máy ảnh.

⚡ Chụp ảnh với đèn flash

Đèn Speedlite sê-ri EX dành riêng cho máy EOS

Sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có thể chụp ảnh dễ dàng.

Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh này là máy ảnh Kiểu A, có thể sử dụng tất cả các tính năng của đèn Speedlite sê-ri EX.

Để thiết lập chức năng flash và chức năng tùy chỉnh flash trên màn hình menu của máy ảnh, tham khảo các trang 293-299.



Đèn Speedlite có đế gắn



Đèn Macro

● Bù trừ phơi sáng flash

Có thể điều chỉnh công suất flash theo cách giống như bù trừ phơi sáng thông thường. Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng.

Nhấn nút **<ISO>** của máy ảnh, rồi xoay nút xoay **<◉>** trong khi nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm.

● Khóa phơi sáng flash

Điều này cho phép bạn có được phơi sáng flash thích hợp cho một phần cụ thể của chủ thể. Hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể, nhấn nút **<M-Fn>** trên máy ảnh, rồi bố cục ảnh và chụp.



Nếu đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.203) thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [**Disable (Tắt)**], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng flash giảm cho hình ảnh tối hơn.



Khi lấy nét bằng chức năng lấy nét tự động gặp khó khăn, đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS sẽ tự động phát ra tia giúp lấy nét khi cần.

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

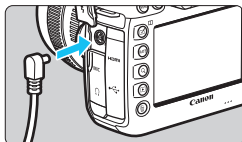
- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được thiết lập thành chế độ flash tự động A-TTL hoặc TTL, flash chỉ có thể đánh sáng với công suất tối đa.
Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành phơi sáng chỉnh tay <**M**> hoặc tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ <**Av**> và điều chỉnh thiết lập khẩu độ trước khi chụp.
- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash chỉnh tay, nên chụp ở chế độ flash chỉnh tay.

Thiết bị flash không phải của Canon

● Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash cỡ nhỏ không phải của Canon ở tốc độ 1/200 giây trở xuống. Với các thiết bị flash lớn dành cho phòng chụp, thời lượng phát flash dài hơn so với thiết bị flash cỡ nhỏ và khác nhau tùy thuộc vào model. Đảm bảo kiểm tra trước khi chụp xem đồng bộ flash có được thực hiện đúng cách không bằng cách chụp thử với tốc độ đồng bộ khoảng 1/60 giây đến 1/30 giây.

● Cổng cho máy tính



- Cổng cho máy tính có thể sử dụng với thiết bị flash có dây đồng bộ. Cổng có các ren khóa để ngăn không cho dây bị rơi ra.
- Cổng cho máy tính của máy ảnh không phân cực. Bạn có thể kết nối bất kỳ dây đồng bộ nào với cực.

● Thận trọng trong khi chụp Live View

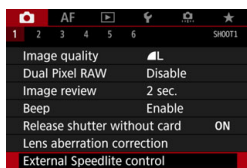
Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt [📷6: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)] thành [Disable (Tắt)] (tr.316). Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].

- ⚠ Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy ảnh này có thể không hoạt động chính xác và gặp trục trặc.
- Không kết nối cổng cho máy tính của máy ảnh với bất kỳ thiết bị flash nào có điện áp đầu ra từ 250 V trở lên.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn của máy ảnh. Flash có thể không đánh sáng.

📖 Có thể sử dụng đồng thời cả thiết bị flash gắn với ngàm gắn của máy ảnh và thiết bị flash kết nối với cổng cho máy tính.

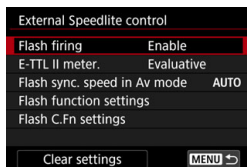
MENU Thiết lập chức năng flash ☆

Với đèn Speedlite sê-ri EX có thiết lập chức năng flash tương thích, bạn có thể sử dụng màn hình menu của máy ảnh để thiết lập các chức năng của đèn Speedlite và các chức năng tùy chỉnh. **Gắn đèn Speedlite vào máy ảnh và bật đèn Speedlite trước khi thiết lập chức năng flash.** Để biết chi tiết về chức năng của đèn Speedlite, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



1 Chọn [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)].

- Trong tab [1], chọn [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)], rồi nhấn **<SET>**.
- Màn hình điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài sẽ xuất hiện.



2 Chọn mục mong muốn.

- Chọn tùy chọn menu sẽ đặt, rồi nhấn **<SET>**.

Đánh sáng flash



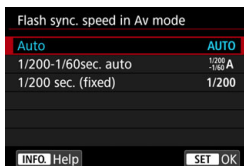
Để bật chụp ảnh với đèn flash, thiết lập [Enable (Bật)]. Để chỉ bật tia giúp lấy nét, thiết lập [Disable (Tắt)].

Đo sáng flash E-TTL II



Đối với phơi sáng thông thường, đặt thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)]. Nếu [Average (Trung bình)] được thiết lập, phơi sáng sẽ được lấy trung bình cho toàn cảnh được đo sáng. Tùy thuộc vào cảnh, có thể cần bù trừ phơi sáng flash. Thiết lập này dành cho người dùng chuyên nghiệp.

Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av



Bạn có thể thiết lập tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh với đèn flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ < **Av** >.

- **AUTO: Auto (Tự động)**

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/200 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Đồng bộ tốc độ cao cũng có thể thực hiện.

- **^{1/200}_{-1/60} A: 1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**

Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, mặc dù chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

- **1/200: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**

Tốc độ đồng bộ flash cố định ở 1/200 giây. Thiết lập này giúp tránh chủ thể mờ và rung máy hiệu quả hơn so với [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [**1/200-1/60sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)**].

ⓘ Nếu đặt thành [**1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**], đồng bộ tốc độ cao sẽ không thể thực hiện ở chế độ < **Av** >.

Thiết lập chức năng flash

Hiển thị màn hình và tùy chọn thiết lập sẽ khác nhau tùy vào model đèn Speedlite, chế độ flash hiện tại, thiết lập chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite, v.v...

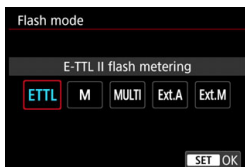
Để biết chi tiết về chức năng của đèn Speedlite, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

Hiển thị mẫu



Flash mode (Chế độ flash)

Bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



[E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)] là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp với flash tự động.

[Manual flash (Flash chỉnh tay)] dùng để tự thiết lập **[Flash output level (Mức công suất flash)]**.

Để tìm hiểu về các chế độ flash khác, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng.

● **Wireless functions (Chức năng không dây) / Flash ratio control (Điều khiển tỷ lệ flash)**



Có thể chụp flash không dây (đa điểm) với hệ thống truyền vô tuyến hoặc truyền quang.

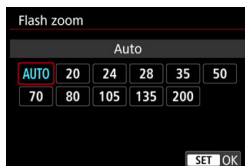
Để tìm hiểu chi tiết về flash không dây, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chế độ chụp flash không dây.



Với đèn flash cỡ lớn (MR-14EX II, v.v...) tương thích với các thiết lập chức năng flash, bạn có thể đặt tỷ lệ giữa các đèn flash hoặc giữa các nhóm flash A và B, hoặc sử dụng đèn flash không dây với thiết bị khách.

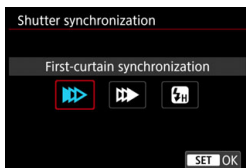
Để tìm hiểu chi tiết về điều khiển tỷ lệ flash, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn flash cỡ lớn.

● **Flash zoom (Zoom flash (Tầm tác dụng của flash))**



Với đèn Speedlite có đầu flash zoom, bạn có thể đặt tầm tác dụng của flash. Thông thường, đặt thiết lập này thành **[AUTO]** để máy ảnh tự động thiết lập tầm tác dụng của flash phù hợp với tiêu cự ống kính.

● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)

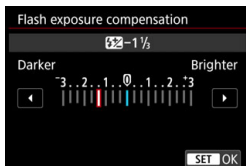


Thông thường, đặt thiết lập này thành **[First-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay sau khi phơi sáng bắt đầu.

Nếu đặt **[Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vết sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Khi thiết lập đồng thời đồng bộ màn trập 2 với **[ETTL II]**, flash sẽ đánh sáng hai lần liên tiếp: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phơi sáng kết thúc.

Nếu đặt **[High-speed synchronization (Đồng bộ tốc độ cao)]**, flash có thể được sử dụng ở tất cả các tốc độ của màn trập. Tính năng này có hiệu quả khi bạn muốn chụp với hậu cảnh mờ (mờ khẩu độ) trong tình huống ví dụ như ngoài trời vào ban ngày.

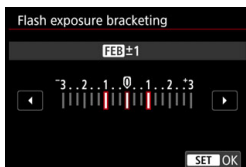
● Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)



Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Flash exposure bracketing (Phơi sáng hỗn hợp flash)



Ba ảnh sẽ được chụp với công suất flash thay đổi.

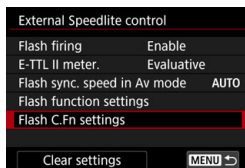
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite có trang bị phơi sáng hỗn hợp flash.

! Khi sử dụng đồng bộ màn trập 2, thiết lập tốc độ màn trập từ 1/25 giây hoặc chậm hơn. Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây hoặc nhanh hơn, đồng bộ màn trập 1 sẽ được áp dụng tự động ngay cả khi đặt **[Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 2)]**.

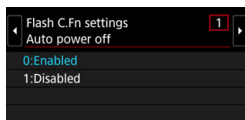
-  Với đèn Speedlite sê-ri EX không tương thích với thiết lập chức năng flash, bạn chỉ có thể đặt các thiết lập sau: **[Flash firing (Đánh sáng flash)]**, **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]** và **[Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)]** trong **[Flash function settings (Thiết lập chức năng flash)]**. (Chức năng **[Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)]** cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
- Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite, không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash trên máy ảnh. Nếu bù trừ phơi sáng được thiết lập cho cả máy ảnh và đèn Speedlite, thiết lập của đèn Speedlite sẽ vô hiệu hóa thiết lập của máy ảnh.

Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash

Để tìm hiểu chi tiết về chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite (bán riêng).



1 Chọn **[Flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash)]**.

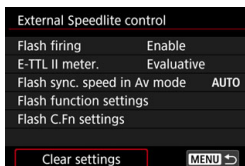


2 Thiết lập chức năng mong muốn.

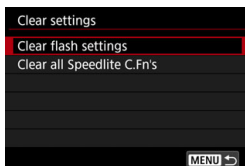
- Chọn số lượng, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn thiết lập, rồi nhấn **<SET>**.

! Với đèn Speedlite sê-ri EX, đèn Speedlite sẽ luôn đánh sáng ở công suất tối đa nếu đặt chức năng tùy chỉnh **[Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)]** thành **[TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)]** (flash tự động).

Xóa thiết lập chức năng flash / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash



1 Chọn [Clear settings (Xóa thiết lập)].



2 Chọn thiết lập cần xóa.

- Chọn [Clear flash settings (Xóa thiết lập flash)] hoặc [Clear all Speedlite C.Fn's (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh Speedlite)], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK]. Sau đó tất cả các thiết lập flash hay thiết lập chức năng tùy chỉnh sẽ bị xóa.



Không thể thiết lập hoặc hủy chức năng riêng của đèn Speedlite (P.Fn) trên màn hình [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)] của máy ảnh. Thiết lập trực tiếp chức năng trên đèn Speedlite.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

8

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)



Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”.

Bật chế độ chụp Live View bằng cách đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <📷>.

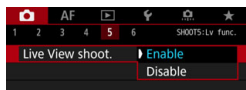
- Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy trong những trường hợp này.



Chụp Live View từ xa

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem trên màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.614).

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [**5**: Live View shoot. (Chụp Live View)] (tab [**3**] trong chế độ <[A+]>) thành [**Enable (Bật)**].

Số ảnh có thể chụp ở chế độ chụp Live View

(Số lượng ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Số ảnh có thể chụp	300	280

- Số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Bảng pin BG-E20 (bán riêng) có lắp 2 Pin LP-E6N, số ảnh có thể chụp sẽ gấp đôi.
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, tổng thời gian chụp Live View liên tục sẽ như sau: Ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F): Khoảng 2 giờ 40 phút, Ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F): Khoảng 2 giờ 30 phút.

Hiển thị chụp liên tục

Khi chụp liên tục tốc độ cao <[H]> trong quá trình chụp Live View và đặt chất lượng ghi ảnh thành JPEG hoặc **RAW** (ngoại trừ **M RAW** và **S RAW**), nhấn giữ nút chụp sẽ hiển thị (xem lại) ảnh chụp liên tiếp. Khi chụp liên tục kết thúc (nút chụp trở về vị trí nửa chừng), ảnh Live View sẽ hiển thị.



Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ví dụ như khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài hoặc chụp phơi sáng lâu, ảnh chụp có thể không hiển thị (xem lại) liên tiếp.



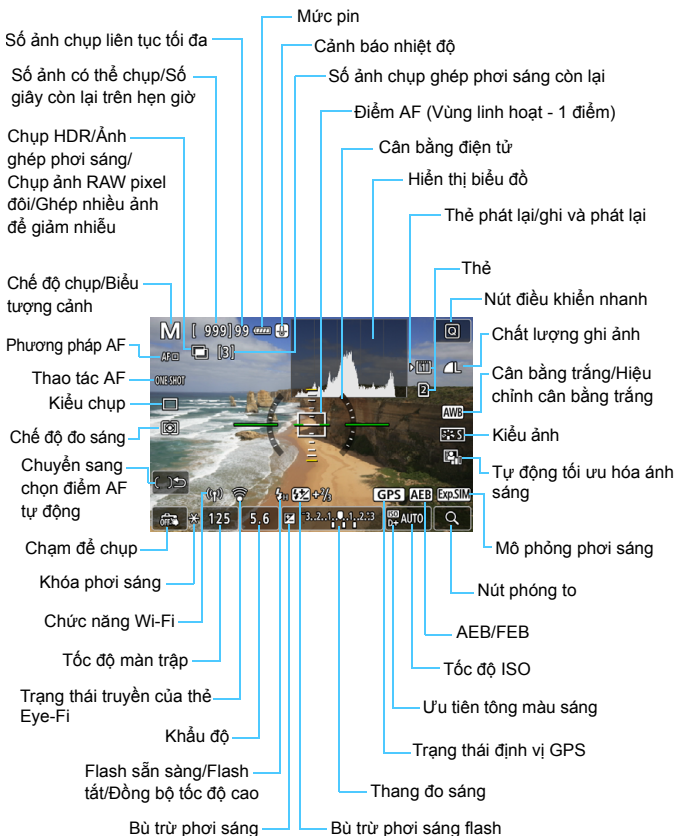
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Phần “Các lưu ý chung khi chụp Live View” nằm ở các trang 335-336.



- Màn hình Live View bao phủ khoảng 100% ảnh sẽ chụp (khi chất lượng ghi ảnh được đặt thành JPEG  và tỷ lệ khung ảnh được đặt thành 3:2).
- Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng bằng cách gạt công tắc <LOCK> sang trái và xoay nút xoay < > (ngoại trừ trong chế độ < >).
- Để kiểm tra độ sâu trường ảnh, nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.
- Nếu chụp ảnh khi chất lượng ghi được đặt thành M RAW hoặc S RAW, thông báo “BUSY” sẽ hiển thị và tạm thời không chụp được ảnh.
- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Khi sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt sau khi hết thời gian thiết lập trong [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.76). Nếu đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau khoảng 30 phút (nguồn máy ảnh vẫn bật).
- Sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên TV (tr.436). Lưu ý rằng không có âm thanh đầu ra. Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, kiểm tra xem [**3: Video system (Hệ thống video)**] có được đặt chính xác thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**] hoặc [**For PAL (Đối với PAL)**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).
- Bạn cũng có thể sử dụng điều khiển từ xa (bán riêng, tr.283) để chụp Live View.

Hiển thị thông tin

Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



- Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

Cảnh báo

Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.



- Biểu đồ có thể hiển thị khi đặt [ **5: Expo. simulation (Mô phỏng phơi sáng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.315).
- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút <INFO.> (tr.85). Lưu ý rằng nếu đặt phương pháp AF thành [ **+Tracking ( +Theo dõi)**] hoặc nếu máy ảnh được kết nối với TV qua cáp HDMI, không thể hiển thị cân bằng điện tử.
- Biểu tượng < > hiển thị màu trắng cho biết ảnh Live View hiển thị ở độ sáng gần khớp với độ sáng của ảnh thực tế cần chụp.
- Biểu tượng < > nhấp nháy cho biết ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh thiết lập phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp sẽ thấy rõ nhiều hạt hơn ảnh thực tế.
- Mô phỏng phơi sáng (tr.315) sẽ không hoạt động khi chụp với đèn flash hay phơi sáng bulb, ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu hoặc chế độ HDR. Biểu tượng < > và biểu đồ sẽ hiển thị màu xám. Ảnh sẽ hiển thị trên màn hình LCD ở độ sáng tiêu chuẩn. Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.

Biểu tượng cảnh

Trong chế độ chụp $\langle A^+ \rangle$, máy ảnh tự động phát hiện kiểu cảnh và thiết lập các cài đặt phù hợp với cảnh. Kiểu cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình.

Chủ thể		Chân dung ^{*1}		Không phải chân dung		Màu nền
Nền		Chuyển động	Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Chuyển động	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng						Màu xám
Ngược sáng						
Nền bao gồm bầu trời xanh						Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng						
Hoàng hôn	*3				*3	Màu cam
Đèn spotlight						Màu xanh da trời đậm
Nền tối						
Sử dụng chân máy	 *4*5	*3	 *4*5	*3		

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành $[\text{L} + \text{Tracking}]$ ($\text{L} + \text{Theo dõi}$). Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

 Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3: Biểu tượng của cảnh được chọn từ các cảnh có thể phát hiện sẽ hiển thị.

*4: Hiển thị khi phù hợp tất cả các điều kiện sau:

Cảnh chụp tối, cảnh ban đêm và máy ảnh được gắn lên chân máy.

*5: Hiển thị với tất cả loại ống kính sau:

EF300mm f/2.8L IS II USM

EF400mm f/2.8L IS II USM

EF500mm f/4L IS II USM

EF600mm f/4L IS II USM

Ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh được bán từ năm 2012.

*4+*5: Nếu phù hợp cả hai điều kiện *4 và *5, tốc độ màn trập sẽ trở nên chậm.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng là chức năng hiển thị ảnh Live View có áp dụng hiệu ứng của các thiết lập hiện tại về kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng chụp khác.

Ảnh Live View sẽ tự động phản ánh các thiết lập chức năng được liệt kê bên dưới. Tuy nhiên, ảnh hiển thị có thể hơi khác so với ảnh kết quả.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh

* Độ sắc nét (Mạnh), độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.

- Cân bằng trắng

- Hiệu chỉnh cân bằng trắng

- Chế độ đo sáng

- Phơi sáng (khi đặt [5: Expo. simulation: Enable (Mô phỏng phơi sáng: Bật)])

- Độ sâu trường ảnh (với nút xem trước độ sâu trường ảnh ở chế độ BẬT)

- Tự động tối ưu hóa ánh sáng

- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi

- Hiệu chỉnh méo hình

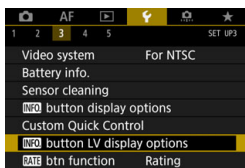
- Hiệu chỉnh sắc sai

- Ưu tiên tông màu sáng

- Tỷ lệ khung ảnh (xác nhận khu vực ảnh)

Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO.

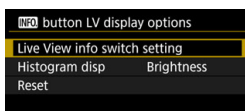
Bạn có thể thiết lập thông tin hiển thị trên ảnh khi nhấn nút <INFO.> trong quá trình chụp Live View hoặc quay phim.



Chọn [**INFO**] button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút **INFO** trong quá trình LV)].

- Trong tab [**3**], chọn [**INFO**] button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút **INFO** trong quá trình LV)], rồi nhấn <SET>.

- Live View info switch setting (Thiết lập chuyển thông tin Live View)



1 Chọn [Live View info switch setting (Thiết lập chuyển thông tin Live View)].

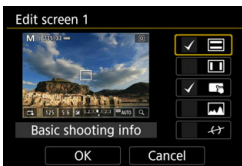


2 Chọn một số.

- Đây là số biểu thị số lần nhấn nút <INFO.>.
- Chọn số cho thông tin hiển thị cần thay đổi, rồi nhấn nút <INFO.>.
- Nhấn <SET> để bỏ dấu chọn [✓] cho số. Lưu ý rằng không thể bỏ dấu [✓] cho cả bốn tùy chọn hiển thị.

Thiết lập mặc định được trình bày dưới đây.

Thông tin / Số		1	2	3	4
	Thông tin chụp cơ bản	○	○	○	—
	Thông tin chụp chi tiết	—	○	○	—
	Nút trên màn hình	○	○	○	—
	Biểu đồ sắc độ	—	—	○	—
	Cân bằng điện tử	—	—	○	—



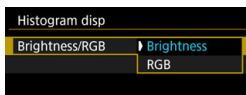
3 Chỉnh sửa tùy chọn.

- Chọn thông tin muốn hiển thị và nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓>.
- Đối với thông tin không muốn hiển thị, nhấn <SET> để xóa dấu chọn [✓].
- Chọn [OK] để đăng ký thiết lập.
- Lặp lại bước 2 và 3 nếu cần.

• Histogram display (Hiển thị biểu đồ)

• Brightness/RGB (Độ sáng/RGB)

Biểu đồ (tr.406) hiển thị khi nhấn nút <INFO.> có thể là biểu đồ [Brightness (Độ sáng)] hoặc [RGB].



Trong [Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)], chọn [Brightness/RGB (Độ sáng/RGB)] rồi chọn [Brightness (Độ sáng)] hoặc [RGB].

• Display size (Kích cỡ hiển thị)

Bạn có thể thay đổi kích cỡ hiển thị của biểu đồ.



Trong [Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)], chọn [Display size (Kích cỡ hiển thị)] rồi chọn [Large (Lớn)] hoặc [Small (Nhỏ)].

• Reset (Đặt lại)

Ở bước 1, nếu chọn [Reset (Đặt lại)], thiết lập [F3: INFO button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình LV)] sẽ bị xóa.

Thiết lập chức năng chụp

Các thiết lập WB//DRIVE/AF//ISO//HDR

Khi hiển thị ảnh Live View, nếu nhấn nút <WB•>, <DRIVE•AF>, <•ISO> hoặc <>, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <> hoặc <> để thiết lập chức năng chụp tương ứng.

- Bạn có thể nhấn nút <WB•> rồi nhấn nút <**INFO.**> để thiết lập thay đổi cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Sau khi nhấn nút <> và chọn <> hoặc <**HDR**>, màn hình menu của ảnh ghép phơi sáng hoặc chế độ HDR sẽ xuất hiện.

 Khi chụp Live View, không thể đặt các kiểu chụp <S> và <S>. Ngoài ra, chế độ chụp liên tục được đặt để chụp qua khung ngắm sẽ không được áp dụng khi chụp Live View.

 Khi thiết lập  (Đo sáng từng phần) hoặc  (Đo sáng điểm), vòng đo sáng sẽ hiển thị ở giữa màn hình.

Q Điều khiển nhanh

Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> và , bạn có thể thiết lập **Phương pháp AF**, Thao tác AF, **Kiểu chụp**, Chế độ đo sáng, **Thẻ ghi/xem lại và chất lượng ảnh**, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh và Tự động tối ưu hóa ánh sáng.

Trong chế độ <A+>, chỉ thiết lập được các chức năng in đậm nêu trên.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

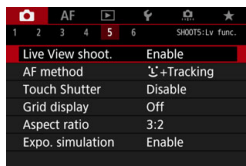
2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Sử dụng nút <1/2> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị trên màn hình.
- Xoay nút xoay <1/2> hoặc <1/2> để cài đặt.
- Để đặt chất lượng ghi ảnh RAW, nhấn <SET>.
- Nhấn nút <INFO> để thực hiện các thao tác sau: Chọn thẻ để ghi và xem lại, thiết lập chuyển cân bằng trắng hoặc cân bằng trắng hỗn hợp, hoặc thiết lập thông số kiểu ảnh.
- Để đặt cân bằng trắng tự động, chọn [AWB] rồi nhấn <SET>.
- Nhấn lại nút <SET> hoặc <Q> để trở về chế độ chụp Live View.
- Bạn cũng có thể chọn [1/2] để quay lại chụp Live View.

⚠ Khi [AF operation (Thao tác AF)] được đặt thành [Servo AF (Lấy nét Servo)], bạn không thể chọn **M RAW** hoặc **S RAW** khi thiết lập chất lượng RAW cho [Recording quality (Chất lượng ghi)].

MENU Thiết lập chức năng menu

05



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[05]>, các tùy chọn menu ngoại trừ chụp Live View sẽ xuất hiện dưới các tab [05] và [06] (tab [03] trong chế độ <[A+]>).

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này khi chụp qua khung ngắm (thiết lập sẽ bị tắt).

- **Live View shooting (Chụp Live View)**
Bạn có thể đặt chức năng chụp Live View thành **[Enable (Bật)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- **AF method (Phương pháp AF)**
Bạn có thể chọn **[Tracking (Theo dõi)]**, **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]** hoặc **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**. Để tìm hiểu về phương pháp AF, tham khảo các trang 320-326.
- **Touch Shutter (Chạm để chụp)**
Bạn có thể đặt chạm để chụp thành **[Enable (Bật)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**. Chỉ cần chạm vào màn hình LCD, bạn có thể lấy nét và chụp ảnh tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 331.
- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**
Khi đặt thành **[3x3]** hoặc **[6x4]**, đường lưới sẽ hiển thị giúp cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp. Ngoài ra, khi đặt thành **[3x3+diag]** hoặc **[3x3+chéo]**, khung lưới sẽ hiển thị với các đường chéo giúp bạn tạo cân bằng tốt hơn cho bố cục ảnh bằng cách căn chỉnh các đường giao nhau lên chủ thể.

● Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh) ☆

Bạn có thể đặt tỷ lệ khung ảnh thành **[3:2]**, **[4:3]**, **[16:9]** hoặc **[1:1]**. Khu vực xung quanh ảnh Live View được che bằng màu đen khi tỷ lệ khung ảnh là: **[4:3]** **[16:9]** **[1:1]**.

Ảnh JPEG sẽ được lưu lại với tỷ lệ khung ảnh đã đặt. Ảnh RAW luôn được lưu lại với tỷ lệ khung ảnh **[3:2]**. Do đã thêm thông tin tỷ lệ khung ảnh trên ảnh RAW, ảnh có thể được tạo với tỷ lệ khung ảnh tương ứng khi xử lý ảnh RAW bằng máy ảnh hoặc phần mềm Digital Photo Professional (tr.612). Nếu xem lại ảnh RAW bằng máy ảnh, máy ảnh sẽ hiển thị các đường khung biểu thị tỷ lệ khung ảnh (khu vực ảnh).

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ khung ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
L / RAW	6720x4480 (30,1 megapixel)	5952x4480* (26,7 megapixel)	6720x3776* (25,4 megapixel)	4480x4480 (20,1 megapixel)
M RAW	5040x3360 (16,9 megapixel)	4480x3360 (15,1 megapixel)	5040x2836* (14,3 megapixel)	3360x3360 (11,3 megapixel)
M	4464x2976 (13,3 megapixel)	3968x2976 (11,8 megapixel)	4464x2512* (11,2 megapixel)	2976x2976 (8,9 megapixel)
S1 / S RAW	3360x2240 (7,5 megapixel)	2976x2240* (6,7 megapixel)	3360x1888* (6,3 megapixel)	2240x2240 (5,0 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x408* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

- Thiết lập chất lượng ghi ảnh đánh dấu sao không khớp chính xác với tỷ lệ khung ảnh tương ứng.
- Đối với tỷ lệ khung ảnh đánh dấu sao, khu vực ảnh hiển thị sẽ khác đôi chút so với khu vực ảnh thực tế. Kiểm tra ảnh trên màn hình LCD khi chụp.
- Ảnh sẽ được chụp ở thiết lập tỷ lệ khung ảnh **[3:2]** đối với ảnh ghép phơi sáng.

- **Exposure simulation (Mô phỏng phơi sáng) ***

Mô phỏng phơi sáng sẽ mô phỏng và hiển thị độ sáng (phơi sáng) của ảnh thực tế.

- **Enable (Bật) (Exp.SIM)**

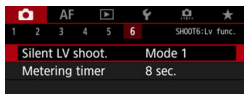
Độ sáng của ảnh hiển thị sẽ gần giống độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh kết quả. Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng, độ sáng của ảnh sẽ thay đổi tương ứng.

- **During (Trong khi)**

Thông thường, ảnh sẽ hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn (DISP). Ảnh hiển thị chỉ có độ sáng (phơi sáng) gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế khi nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh (Exp.SIM).

- **Disable (Tắt) (DISP)**

Ảnh sẽ hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn. Ngay cả khi đặt bù trừ phơi sáng, ảnh sẽ hiển thị ở độ sáng chuẩn.



● Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng) ☆

• Mode 1 (Chế độ 1)

Tiếng ồn máy ảnh phát ra sẽ nhỏ hơn so với chụp qua khung ngắm. Cũng có thể chụp liên tục.

• Mode 2 (Chế độ 2)

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn. Trong khi bạn nhấn và giữ nút chụp, hoạt động của máy ảnh sẽ bị dừng. Sau đó, khi quay lại vị trí nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ tiếp tục hoạt động. Do đó, tiếng nhả màn trập tại thời điểm chụp có thể được giảm đến mức tối thiểu. Ngay cả khi đặt chụp liên tục, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn.

• Disable (Tắt)

Khi đặt kiểu chụp thành <[]H> và đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [One-Shot AF (Lấy nét một lần)], bạn có thể chụp lên đến tốc độ chụp liên tục tối đa khoảng 7,0 ảnh/giây.

Đảm bảo đặt ở chế độ [Disable (Tắt)] nếu bạn sử dụng ống kính TS-E (trừ các loại được liệt kê trong phần ở trang tiếp theo) để di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc nếu bạn sử dụng ống nối. Nếu đặt [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)], phơi sáng có thể không đạt chuẩn hoặc không đồng đều.



- Khi đặt **[Mode 2 (Chế độ 2)]**, chức năng chụp liên tục sẽ không hoạt động ngay cả khi kiểu chụp được đặt thành <[H]> hoặc <[H]>.
- Nếu sử dụng flash với chế độ flash được đặt thành flash tự động E-TTL II/E-TTL, máy sẽ thực hiện nhả màn trập theo cơ chế hoạt động bên trong tương tự như khi chụp qua khung ngắm. Do đó, không thể chụp mà ngăn được tiếng ồn hoạt động của máy ảnh phát ra (không phụ thuộc vào thiết lập **[Silent LV shoot (Chụp Live View ngắt tiếng)]**).
- Khi sử dụng thiết bị flash không phải của Canon, đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]**. Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.
- Nếu đặt **[Mode 2 (Chế độ 2)]** và sử dụng bộ điều khiển từ xa (tr.283), thao tác sẽ giống như **[Mode 1 (Chế độ 1)]**.



Với ống kính TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II, bạn có thể sử dụng **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.

• Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) [☆]

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

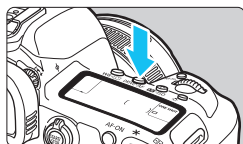


Chụp Live View sẽ dừng khi chọn bất kỳ các mục nào sau đây. Nhấn nút <START/STOP> để tiếp tục chụp Live View.

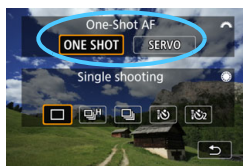
- **[03: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)]**, **[43: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)]**, **[45: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)]** hoặc **[45: 0 firmware ver. (Phiên bản firmware 0)]**.

Chọn thao tác AF ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF phù hợp với các điều kiện chụp hoặc chủ thể. Trong chế độ <A+>, [One Shot AF (Lấy nét một lần)] được tự động thiết lập.



1 Nhấn nút <DRIVE·AF>.



2 Chọn thao tác AF.

- Xoay nút xoay <DRIVE·AF> để chọn thao tác AF mong muốn, rồi nhấn <SET>.
ONE SHOT: Lấy nét một lần
SERVO: Lấy nét Servo

- Chỉ có thể thiết lập khi chụp Live View (không thể thiết lập khi quay phim).
- Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và thử lấy nét lại. Hoặc tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” (tr.328).

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh lá cây.
- Trong khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ tiếp tục khóa lấy nét để bạn có thể bố cục lại ảnh trước khi chụp ảnh.

- Nếu [🔊1: Beep (Bíp)] được đặt thành [Disable (Tắt)], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.

Lấy nét Servo cho chủ thể chuyển động

Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Khi đặt kiểu chụp thành  để chụp liên tục tốc độ cao, tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ là khoảng 4,3 ảnh/giây. Máy sẽ chụp ảnh với ưu tiên tốc độ chụp liên tục. Với thiết lập chụp liên tục tốc độ thấp , máy ảnh sẽ sử dụng “Ưu tiên theo dõi chủ thể” để chụp.
- Tốc độ chụp liên tục sẽ chậm hơn khi chụp ảnh có flash.
- Nếu lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh da trời.
- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi đặt [AF method (Phương pháp AF)] thành [+Tracking (+Theo dõi)] hoặc [Flexizone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)], máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét do khung theo vùng có thể theo dõi chủ thể.



- Tùy thuộc vào ống kính sử dụng, khoảng cách đến chủ thể và tốc độ của chủ thể, máy ảnh có thể không lấy được nét chính xác.
- Zoom trong khi chụp liên tục có thể làm mất nét. Zoom trước, rồi bố cục lại và chụp ảnh.
- Khi đặt [Servo AF (Lấy nét Servo)], bạn không thể đặt chất lượng ghi ảnh thành **M RAW** hoặc **S RAW**. Nếu đặt thành **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh sẽ được ghi ở chất lượng **RAW**.
- Khi đặt [Servo AF (Lấy nét Servo)] và đặt [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)] (tr.204), [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)] sẽ tự động chuyển thành [Standard (Tiêu chuẩn)].
- Khi đặt [Servo AF (Lấy nét Servo)], bạn sẽ không thể nhấn nút gán cho chức năng này nếu đặt chất lượng hình ảnh thành **M RAW** hay **S RAW** cho [One-touch image quality setting (Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm)] hoặc [One-touch image quality (hold) (Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ))] (tr.511) bằng [ 3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].



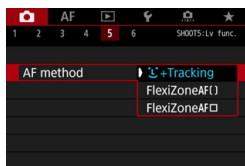
Với Lấy nét Servo, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét.

Lấy nét với Lấy nét tự động (Phương pháp AF)

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể đặt phương pháp AF thành [**Ⓜ**+Tracking (**Ⓜ**+Theo dõi)] (tr.321), [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] (tr.323), hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] (tr.325) để phù hợp với điều kiện chụp và chủ thể.

Để lấy nét chính xác, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét tay (tr.333).



Chọn phương pháp AF.

- Dưới tab [**Ⓜ5**] (tab [**Ⓜ3**] trong chế độ <[A⁺]>), chọn [**AF method (Phương pháp AF)**].
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn <[SET]>.
- Khi hiển thị ảnh Live View, bạn có thể nhấn nút <DRIVE•AF> để chọn thao tác AF (tr.318).



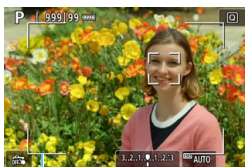
- Phần giải thích ở các trang 321-326 giả định rằng [**AF operation (Thao tác AF)**] được đặt thành [**One Shot AF (Lấy nét một lần)**] (tr.318). Khi đặt [**Servo AF (Lấy nét Servo)**] (tr.319), điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh da trời nếu lấy được nét.
- Để tìm hiểu thêm về chụp (chạm vào màn hình để lấy nét và nhà màn trập), tham khảo trang 331.

☺(khuôn mặt)+Theo dõi: AF☺

Máy ảnh phát hiện và lấy nét khuôn mặt của chủ thể người. Nếu chủ thể chuyển động, điểm AF <☺> cũng di chuyển để theo dõi lấy nét khuôn mặt.

1 Hiện thị ảnh Live View.

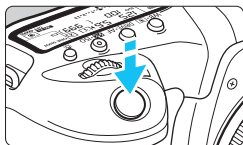
- Nhấn nút <START/STOP>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



Khung theo vùng

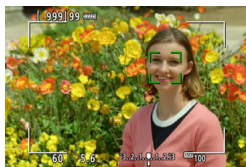
2 Chọn điểm AF.

- Khi khuôn mặt được phát hiện, khung theo vùng sẽ hiển thị và khung <☺> sẽ xuất hiện trên khuôn mặt cần lấy nét.
- Khung <☺> hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng nút <☺> để di chuyển khung <☺> đến khuôn mặt muốn lấy nét.
- Bạn có thể chạm vào màn hình LCD để chọn khuôn mặt hoặc chủ thể. Nếu chạm vào chủ thể không phải khuôn mặt người, điểm AF sẽ chuyển thành <☺>.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Nếu không có khuôn mặt nào được phát hiện hoặc nếu bạn không chạm vào bất kỳ mục nào trên màn hình, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ vùng linh hoạt - đa điểm (tr.323).
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.302).

● Lấy nét chủ thể không phải là khuôn mặt người

- Chạm vào chủ thể (hoặc điểm) nơi muốn lấy nét.
- Nhấn nút $\langle \text{AF-ON} \rangle$ hoặc $\langle \text{SET} \rangle$ và điểm AF $\langle \text{AF-ON} \rangle$ sẽ xuất hiện trên màn hình. Sau đó sử dụng nút $\langle \text{AF-ON} \rangle$ để di chuyển điểm AF vào chủ thể đích.
- Khi lấy được nét, điểm AF $\langle \text{AF-ON} \rangle$ sẽ theo dõi chủ thể ngay cả khi chủ thể di chuyển hoặc khi bạn muốn thay đổi bố cục ảnh.



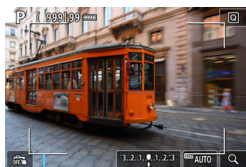
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể bị mất nét nghiêm trọng. Điều chỉnh lấy nét tay (tr.333) để khuôn mặt được nhận diện, rồi thực hiện lấy nét tự động.
- Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt quá nhỏ/quá lớn trong ảnh, quá sáng/quá tối hoặc bị che khuất một phần.
- Khung $\langle \text{AF-ON} \rangle$ có thể chỉ bao quanh một phần khuôn mặt.



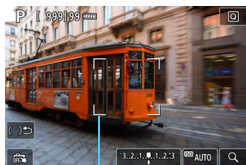
- Không thể lấy nét trên khuôn mặt hoặc chủ thể ở ngoài rìa. Hướng khung theo vùng vào chủ thể rồi lấy nét.
- Kích cỡ của điểm AF thay đổi tùy thuộc vào chủ thể.

Vùng linh hoạt - đa điểm: AF ()

Bạn có thể chọn tối đa 63 điểm AF cho vùng lấy nét rộng (chọn tự động). Vùng lấy nét rộng này cũng có thể được chia thành 9 vùng lấy nét (lựa chọn vùng).



Khung theo vùng



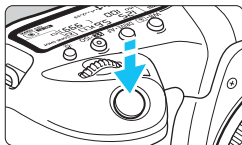
Khung theo vùng

1 Hiển thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

2 Chọn điểm AF. ☆

- Nhấn nút <  > hoặc < (SET) > để chuyển giữa chọn tự động và lựa chọn vùng. Ở chế độ < (A+) >, chọn tự động được tự động thiết lập.
- Sử dụng nút <  > để lựa chọn vùng. Nhấn lại nút <  > hoặc < (SET) > để quay lại vùng trung tâm.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình LCD để chọn vùng. Khi chọn vùng xong, chạm vào biểu tượng [] trên màn hình để chuyển sang chọn tự động.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, khung theo vùng sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.302).

- Nếu máy ảnh không lấy nét chủ thể đích mong muốn với chọn tự động, hãy chuyển phương pháp lấy nét thành lựa chọn vùng hoặc **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]** (tr.325) rồi lấy nét lại.
- Khi chụp Live View, số điểm AF sẽ khác nhau tùy thuộc vào thiết lập **[CAMERA 5: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)]**. Khi tỷ lệ khung ảnh là **[3:2]**, **[4:3]** hoặc **[16:9]** sẽ có 63 điểm AF và 9 vùng. Đối với **[1:1]**, có 49 điểm AF và 9 vùng.
- Khi quay phim, số lượng vùng và điểm AF sẽ khác nhau tùy thuộc vào thiết lập **[Movie recording size (Kích thước ghi phim)]**. Khi quay phim **[FHD]**, có 63 điểm AF và 9 vùng. Khi quay phim **[4K]**, có 15 điểm AF và 3 vùng.

Vùng linh hoạt - 1 điểm: AF □

Máy ảnh sử dụng một điểm AF để lấy nét. Tính năng này giúp lấy nét một chủ thể cụ thể.



Điểm AF

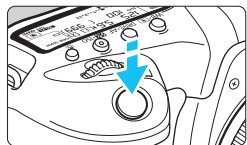
1 Hiển thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Điểm AF <  > xuất hiện.
- Nếu đặt [Movie servo AF (Lấy nét servo phim)] thành [Enable (Bật)], điểm AF sẽ hiển thị lớn hơn.



2 Di chuyển điểm AF.

- Sử dụng nút <  > để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển đến phần rìa của màn hình.)
- Sử dụng nút <  > hoặc <  > sẽ đưa điểm AF về trung tâm màn hình.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình LCD để di chuyển điểm AF.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.302).

Lưu ý khi Lấy nét tự động

Thao tác AF

- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác AF.
- Tùy thuộc vào chủ thể và điều kiện chụp, máy ảnh có thể tốn nhiều thời gian hơn để lấy nét hoặc tốc độ chụp liên tục có thể bị giảm.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét tự động dưới nguồn sáng thực mà bạn đang chụp.

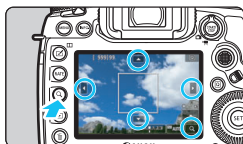


- Nếu không thể lấy được nét với AF, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> rồi lấy nét tay (tr.333).
- Nếu bạn chụp chủ thể ở ngoài rìa và hơi mất nét, bố cục lại ảnh để di chuyển chủ thể (và điểm AF hoặc vùng) về trung tâm màn hình, lấy nét lại, rồi chụp ảnh.
- Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không phát tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét khi cần.
- Đối với một số ống kính nhất định, máy có thể mất nhiều thời gian hơn để lấy nét bằng chức năng lấy nét tự động, hoặc có thể sẽ không lấy được nét chính xác.

Các điều kiện chụp khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất hoặc khi mất các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vân và các họa tiết chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có họa tiết lặp đi lặp lại (Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các đốm sáng.
- Ảnh nhấp nháy dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của bức ảnh.
- Các chủ thể ngược sáng mạnh hoặc phản chiếu (Ví dụ: Thân xe ô tô có độ phản chiếu cao, v.v...).
- Chủ thể ở gần và xa được bao trùm bởi điểm AF (Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Lấy nét tự động khi chủ thể nằm rất xa ngoài vùng lấy nét.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (điểm sáng, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong khi lấy nét tự động.

Xem phóng to



Trong các chế độ **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]** và **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào **[Q]** hiển thị ở phía dưới bên phải của màn hình. Bạn có thể phóng to hình ảnh lên khoảng 5x hoặc 10x và kiểm tra lấy nét.

Không thể xem phóng to với **[L+Tracking (L+Theo dõi)]**.

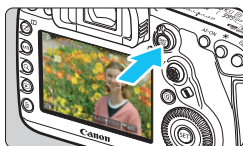
- Để di chuyển điểm AF hoặc chọn vùng, thao tác **<AF-ON>** hoặc chạm vào điểm bạn muốn phóng to.
- Nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào **[Q]** để phóng to hình ảnh. Mỗi lần nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào **[Q]**, tỷ lệ phóng to sẽ thay đổi.
- Khi đặt **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]**, ảnh sẽ được phóng to ở trung tâm khung theo vùng (hoặc trung tâm ảnh với chọn tự động). Khi đặt **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, ảnh sẽ được phóng to tại điểm AF.
- Ở mức phóng to 100% (khoảng 1x), thao tác nút **<AF-ON>** hoặc chạm vào màn hình để di chuyển khung phóng. Nhấn **<AF-ON>** hoặc **<SET>** sẽ đưa khung phóng to về trung tâm màn hình.
- Nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào **[Q]** để phóng to khu vực trong khung phóng.
- Khi hình ảnh được phóng to lên khoảng 5x hoặc 10x, có thể thay đổi khu vực phóng bằng cách thao tác nút **<AF-ON>** hoặc chạm vào tam giác ở phía trên, phía dưới, bên trái hoặc bên phải của màn hình.
- Trong chế độ **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]**, khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ trở về xem bình thường. Trong chế độ **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét tự động với xem phóng to.
- Khi lấy nét Servo và xem phóng to, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ trở về xem bình thường để lấy nét.



- Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về màn hình bình thường và thực hiện lấy nét tự động.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động ở chế độ xem bình thường và sau đó ở chế độ xem phóng to, có thể sẽ không lấy được nét chính xác.
- Tốc độ AF sẽ khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Khi đang ở chế độ xem phóng to, Lấy nét Servo phim (tr.384) sẽ không hoạt động.
- Khi xem phóng to, rất khó lấy được nét do máy ảnh rung. Bạn nên sử dụng chân máy.

Chụp với Chạm để chụp

Chỉ cần chạm vào màn hình LCD, bạn có thể lấy nét và chụp ảnh tự động.



1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút < START/STOP >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Bật chức năng chạm để chụp.

- Chạm vào biểu tượng [>] ở phía dưới bên trái màn hình. Mỗi lần chạm vào biểu tượng này, biểu tượng sẽ chuyển giữa [>] và [>].
- [>] (Chạm để chụp: Bật)
Máy ảnh sẽ lấy nét vào điểm bạn chạm, rồi chụp ảnh.
- [>] (Chạm để chụp: Tắt)
Bạn có thể chạm vào một điểm để thực hiện lấy nét trên điểm. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



3 Chạm vào màn hình để chụp.

- Chạm vào khuôn mặt hoặc chủ thể trên màn hình.
- ▶ Tại vị trí chạm, máy ảnh sẽ lấy nét (Chạm để lấy nét tự động) bằng phương pháp AF đã đặt (tr.320-326).
- ▶ Khi đặt [>], điểm AF chuyển thành màu xanh lá cây khi lấy được nét, rồi máy ảnh tự động chụp ảnh.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF chuyển thành màu cam và ảnh không được chụp. Chạm lại vào khuôn mặt hoặc chủ thể trên màn hình.



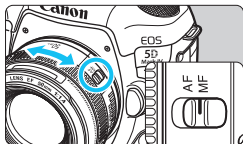
- Ngay cả khi đặt kiểu chụp thành <H> hoặc <>, máy ảnh sẽ vẫn chụp ở chế độ chụp từng ảnh.
- Ngay cả khi đặt **[AF operation (Thao tác AF)]** thành **[Servo AF (Lấy nét Servo)]**, chạm vào màn hình sẽ lấy nét trên ảnh với chế độ **[One-Shot AF (Lấy nét một lần)]**.
- Chạm vào màn hình khi xem phóng to sẽ không lấy nét hoặc chụp ảnh.
- Trong chế độ <+>, nếu đặt **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]** hoặc **[ Touch shutter: Disable ( Chạm để chụp: Tắt)]**, máy sẽ không thể lấy nét bằng cách chạm vào màn hình.
- Nếu chụp ảnh bằng cách chạm vào màn hình khi đặt **[1: Image review (Xem lại ảnh)]** thành **[Hold (Giữ)]**, bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp để chụp ảnh tiếp theo. Lưu ý rằng trong **[3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)]**, nếu đặt **[ Shutter butt. half-press (Nhấn nửa chừng nút chụp)]** thành **[Metering start (Bắt đầu đo sáng)]** hoặc **[AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))]**, máy ảnh sẽ chụp mà không cần lấy nét tự động.
- Nếu sử dụng **[3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)]** để gán **[ONE SHOT ↔ AI Servo/Servo (ONE SHOT ↔ AI Servo/Servo)]** hoặc chức năng kích hoạt hẹn giờ đo sáng (tr.499) cho một nút, khi bạn nhấn giữ nút đó, chức năng chạm để chụp sẽ không hoạt động.



- Bạn cũng có thể thiết lập chức năng chạm để chụp với **[5: Touch Shutter (Chạm để chụp)]** (tab [3] trong chế độ <+>).
- Để chụp với phơi sáng bulb, chạm vào màn hình hai lần. Chạm lần đầu tiên trên màn hình để bắt đầu phơi sáng bulb. Chạm lại để dừng phơi sáng bulb. Cần thận trọng làm rung máy khi chạm vào màn hình.

MF: Lấy nét tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với MF (lấy nét tay).



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

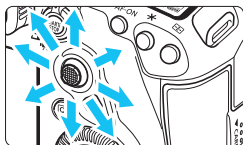
- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



Khung phóng to

2 Hiện thị khung phóng to.

- Nhấn nút <Q> hoặc chạm vào [] ở phía dưới bên phải của màn hình.
- ▶ Khung phóng to sẽ xuất hiện.



3 Di chuyển khung phóng to.

- Thao tác nút < > hoặc chạm vào điểm muốn phóng to để di chuyển khung phóng to tới nơi muốn lấy nét.
- Nhấn < > hoặc < > sẽ đưa khung phóng to về trung tâm màn hình.



Khóa phơi sáng

Vị trí khu vực phóng to

Hệ số phóng to (Ước chừng)

4 Phóng to ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <Q> hoặc chạm vào [] ở phía dưới bên phải của màn hình, chế độ hiển thị sẽ thay đổi theo thứ tự sau:

→ Xem bình thường → 1x → 5x → 10x

- Khi xem phóng to, bạn có thể thao tác nút < > hoặc chạm vào tam giác hiển thị ở phía trên, phía dưới, bên trái và bên phải của màn hình để di chuyển quanh ảnh phóng to.

5 Lấy nét tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <Q> để trở về chế độ xem bình thường.

6 Chụp ảnh.

- Kiểm tra phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.302).



- Trong chế độ xem phóng to, phơi sáng sẽ bị khóa. (Thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ.)
- Ngay cả khi lấy nét tay, bạn có thể sử dụng chạm để chụp để chụp ảnh.



Các lưu ý chung khi chụp Live View

Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dài).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh < > màu trắng và < > màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do chụp Live View trong thời gian dài hoặc trong điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <  > màu trắng hoặc <  > màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <  > màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng <  > màu đỏ cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <  > và <  > xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh chụp với tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng <  > màu trắng hiển thị.

Kết quả chụp

- Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trở về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp với khu vực ảnh ở chế độ xem bình thường.

Các lưu ý chung khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiều hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi lại sẽ ít nhiễu hơn. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh được ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp Live View dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**F2: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc màu không đều. Tuy nhiên, nhiều hạt hoặc màu không đều sẽ không bị ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.

Chức năng tùy chỉnh

- Trong khi chụp Live View, một số chức năng tùy chỉnh sẽ không hoạt động (một số thiết lập nhất định không có hiệu lực). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 484.

Ống kính và Flash

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành **<ON>**, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và giảm số lượng ảnh có thể chụp. Khi không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, chẳng hạn như khi chụp với chân máy, nên đặt công tắc IS thành **<OFF>**.
- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho chụp Live View chỉ có thể thực hiện nếu sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.
- Khóa phơi sáng flash và đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite gắn ngoài.

9

Quay phim



Chế độ quay phim được bật bằng cách đặt công tắc chụp Live View/quay phim sang <[icon]>.

- Trước khi quay phim, tham khảo trang 360 và đảm bảo thẻ có thể ghi phim ở thiết lập chất lượng ghi phim mong muốn.
- Nếu bạn cầm máy ảnh và quay phim, phim có thể bị mờ do rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy trong những trường hợp này.



Full HD 1080

Full HD 1080 chỉ khả năng tương thích với độ phân giải cao với 1080 điểm ảnh dọc (đường quét).

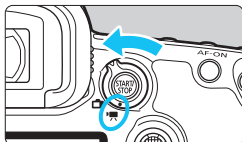


Quay phim

Quay phim phơi sáng tự động

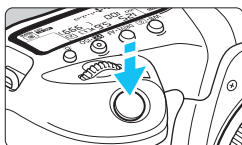
Khi đặt chế độ quay phim khác với chế độ $\langle \text{A}^+ \rangle$, $\langle \text{P} \rangle$ hoặc $\langle \text{B} \rangle$, điều khiển phơi sáng tự động sẽ hoạt động để phù hợp với độ sáng hiện tại của cảnh.

1 Đặt nút xoay chế độ thành $\langle \text{A}^+ \rangle$, $\langle \text{P} \rangle$ hoặc $\langle \text{B} \rangle$.



2 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành $\langle \text{V} \rangle$.

- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



3 Lấy nét chủ thể.

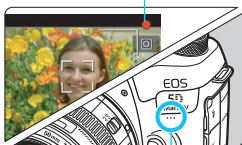
- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét tay (tr.320, 333).
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF hiện tại.

4 Quay phim.

- Nhấn nút $\langle \text{START/STOP} \rangle$ để bắt đầu quay phim.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu “●” sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
- ▶ Âm thanh sẽ được ghi qua micro tích hợp.
- Để dừng quay phim, nhấn lại nút $\langle \text{START/STOP} \rangle$.



Ghi phim



Micro tích hợp

Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Khi chế độ quay phim là **<Tv>**, bạn có thể đặt bằng tay tốc độ màn trập để quay phim. Tốc độ ISO và khẩu độ sẽ được đặt tự động để thích hợp với độ sáng và có được phơi sáng chuẩn.



1 Đặt nút xoay chế độ thành **<Tv>**.

2 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành **<[icon]>**.



Tốc độ màn trập

3 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Nhìn vào màn hình LCD, xoay nút xoay **<[icon]>**.
- Tốc độ màn trập có thể thiết lập tùy thuộc vào tốc độ khung hình. Tham khảo trang 347.

4 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.338).



- Không nên thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ bị ghi lại.
- Bạn nên sử dụng tốc độ màn trập khoảng 1/25 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
- Tốc độ màn trập tối thiểu để quay phim ở tốc độ khung hình cao sẽ là 1/125 giây đối với NTSC và 1/100 giây đối với PAL.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.

Av Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Khi chế độ quay phim là **<Av>**, bạn có thể đặt bằng tay khẩu độ cho quay phim. Tốc độ ISO và tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động để thích hợp với độ sáng và có được phơi sáng chuẩn.



1 Đặt nút xoay chế độ thành **<Av>**.

2 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành **<[icon]>**.



Khẩu độ

3 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào màn hình LCD, xoay nút xoay **<[icon]>**.



4 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.338).

! Không nên thay đổi khẩu độ khi đang quay phim vì những thay đổi về độ phơi sáng do tác động của khẩu độ ống kính sẽ bị ghi lại.

Tốc độ ISO trong chế độ <A⁺>

FHD: Quay phim Full HD/**FHD**: phim tốc độ khung hình cao

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600.

4K: Quay phim 4K

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 12800.

Tốc độ ISO trong chế độ <P>, <Tv>, <Av> và

FHD: Quay phim Full HD/**FHD**: phim tốc độ khung hình cao

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600.
- Trong [**Range for movies (Phạm vi cho phim)**] ở [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], nếu đặt [**Maximum (Tối đa)**] thành [**H2 (102400)**] (tr.383), giới hạn tối đa cho phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng ngay cả khi đặt [**Maximum (Tối đa)**] và [**Minimum (Tối thiểu)**] trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 25600), thiết lập đó cũng không có hiệu lực.
- Nếu [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.208), phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ là ISO 200 - ISO 25600.

4K: Quay phim 4K

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 12800.
- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], nếu đặt thiết lập [**Maximum (Tối đa)**] của [**Range for 4K (Phạm vi cho 4K)**] thành [**H2 (102400)**] (tr.383), giới hạn tối đa của phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng ngay cả khi đặt [**Maximum (Tối đa)**] và [**Minimum (Tối thiểu)**] trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 12800), thiết lập đó cũng không có hiệu lực.
- Nếu [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.208), phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ là ISO 200 - ISO 12800.



- Khi quay phim, không thể mở rộng tốc độ ISO đến L (tương đương ISO 50).
- Khi chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, kiểm tra lại thiết lập tốc độ ISO trước khi quay phim.



Lưu ý cho các chế độ <A⁺>, <P>, <Tv>, <Av> và

- Ở chế độ <A⁺>, biểu tượng của cảnh được máy ảnh phát hiện sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.343).
- Bạn có thể khóa phơi sáng (Khóa phơi sáng) bằng cách nhấn nút <✱> (ngoại trừ trong chế độ <A⁺>, tr.263). Nếu thực hiện khóa phơi sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút <⏏>. (Thiết lập khóa phơi sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút <⏏>.)
- Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ±3 điểm dừng bằng cách gạt công tắc <LOCK▶> sang trái và xoay nút xoay <⦿> (ngoại trừ trong chế độ <A⁺>).
- Trong các chế độ <A⁺>, <P> và , tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được ghi trong thông tin Exif của phim.
- Khi quay phim ở các chế độ <A⁺>, <P>, <Tv>, <Av> và , máy ảnh này hỗ trợ chức năng đèn Speedlite để tự động bật đèn LED trong điều kiện ánh sáng yếu. (Tuy nhiên, màn hình hiển thị thông tin minh họa ở trang 348 không hiển thị biểu tượng cho biết đèn LED đang BẬT.) Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED.

Biểu tượng cảnh

Khi quay phim ở chế độ <A⁺>, biểu tượng tượng trưng cho cảnh được máy ảnh phát hiện sẽ hiển thị và các thiết lập quay phim được điều chỉnh cho phù hợp với cảnh đó.

Chủ thể Nền	Chân dung ^{*1}	Không phải chân dung		Màu nền
		Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng				Màu xám
Ngược sáng				
Nền bao gồm bầu trời xanh				Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng				
Hoàng hôn	^{*3}		^{*3}	Màu cam
Đèn spotlight				Màu xanh da trời đậm
Nền tối				

^{*1}: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [+Tracking (+Theo dõi)]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

^{*2}: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

^{*3}: Biểu tượng của cảnh được chọn từ các cảnh có thể phát hiện sẽ hiển thị.



Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

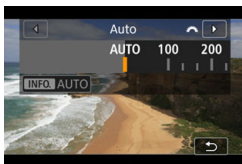
Quay phim phơi sáng chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập bằng tay tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim. Quay phim với phơi sáng chỉnh tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.



1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[icon]>.



3 Thiết lập tốc độ ISO.

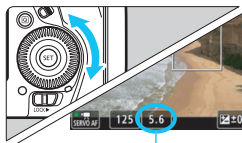
- Nhấn nút <[icon]>ISO>.
- ▶ Màn hình thiết lập tốc độ ISO sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Xoay nút xoay <[icon]> để thiết lập.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.



Tốc độ màn trập

4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Nhấn nửa chừng nút chụp và kiểm tra thang đo sáng.
- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <[icon]>. Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <[icon]>.
- Tốc độ màn trập có thể thiết lập tùy thuộc vào tốc độ khung hình. Tham khảo trang 347.



Khẩu độ

5 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.338).

Tốc độ ISO trong chế độ <M>

Quay phim Full HD / **phim tốc độ khung hình cao**

- Ở chế độ **[AUTO] (A)**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600. Trong **[Range for movies (Phạm vi cho phim)]** ở **[ 2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, nếu đặt **[Maximum (Tối đa)]** thành **[H2 (102400)]** (tr.383), giới hạn tối đa cho phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng ngay cả khi đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 25600), thiết lập đó cũng không có hiệu lực.
- Tốc độ ISO có thể thiết lập bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600 ở mức tăng 1/3 điểm dừng. Nếu thiết lập **[Maximum (Tối đa)]** trong **[Range for movies (Phạm vi cho phim)]** thành **[H2 (102400)]**, giới hạn tối đa cho phạm vi thiết lập tốc độ ISO bằng tay sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng bạn cũng có thể đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi mặc định (ISO 100 - ISO 25600).
- Nếu đặt **[ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** thành **[Enable (Bật)]** (tr.208), phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động và bằng tay sẽ là ISO 200 - ISO 25600.

Quay phim 4K

- Ở chế độ **[AUTO] (A)**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 12800. Trong **[ 2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]** ở **[Range for 4K (Phạm vi cho 4K)]**, nếu đặt **[Maximum (Tối đa)]** thành **[H2 (102400)]** (tr.383), giới hạn tối đa cho phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng ngay cả khi đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 12800), thiết lập đó cũng không có hiệu lực.

- Tốc độ ISO có thể thiết lập bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 12800 ở mức tăng 1/3 điểm dừng. Nếu thiết lập [**Maximum (Tối đa)**] trong [**Range for 4K (Phạm vi cho 4K)**] thành [**H2 (102400)**], giới hạn tối đa cho phạm vi thiết lập tốc độ ISO bằng tay sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng bạn cũng có thể đặt [**Maximum (Tối đa)**] và [**Minimum (Tối thiểu)**] trong phạm vi hẹp hơn phạm vi mặc định (ISO 100 - ISO 12800).
- Nếu [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.208), phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động và bằng tay sẽ là ISO 200 - ISO 12800.

- 
- Khi quay phim, không thể mở rộng tốc độ ISO đến L (tương đương ISO 50).
 - Khi chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, kiểm tra lại thiết lập tốc độ ISO trước khi quay phim.
 - Trong khi quay phim, tránh thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ. Làm như vậy có thể ghi lại thay đổi trong phơi sáng hoặc tạo thêm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao.
 - Bạn nên sử dụng tốc độ màn trập khoảng 1/25 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
 - Tốc độ màn trập tối thiểu để quay phim ở tốc độ khung hình cao sẽ là 1/125 giây đối với NTSC và 1/100 giây đối với PAL.
 - Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.

- 
- Ở bước 4, nếu bạn không thể thiết lập tốc độ màn trập hoặc khẩu độ, gạt công tắc <LOCK> sang trái và xoay nút xoay < > hoặc < >.
 - Trong [**3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**], nếu đặt [**Expo comp (hold btn, turn ) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay ))**] hoặc [**Expo comp (hold btn, turn ) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay ))**] (tr.510), bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng khi thiết lập ISO tự động.
 - Khi đặt ISO tự động, bạn có thể nhấn nút < > để khóa tốc độ ISO. Sau khi khóa tốc độ ISO khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút < >. (Khóa tốc độ ISO được giữ nguyên cho đến khi nhấn nút < >.)
 - Nếu nhấn nút < > và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng (tr.348) so với khi nhấn nút < >.
 - Khi máy ảnh đã sẵn sàng quay ở chế độ <**M**>, nhấn nút <**INFO.**> để hiển thị biểu đồ sắc độ phơi sáng.

Tốc độ màn trập có thể thiết lập

Tốc độ màn trập có thể thiết lập trong các chế độ chụp <Tv> tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập và <M> phơi sáng chỉnh tay khác nhau tùy vào tốc độ khung hình của chất lượng ghi phim.

(giây)

Tốc độ khung hình	Tốc độ màn trập		
	Quay phim thông thường	Quay phim HDR	
		Chế độ <P> <Av> <M>	Chế độ <Tv>
119.9P	1/4000 - 1/125	-	
100.0P	1/4000 - 1/100		
59.94P	1/4000 - 1/60		
50.00P	1/4000 - 1/50		
29.97P	1/4000 - 1/30	1/1000 - 1/60*	1/4000 - 1/60
25.00P	1/4000 - 1/25	1/1000 - 1/50	1/4000 - 1/50
24.00P		-	
23.98P			

* <P> <Av> : 1/1000 - 1/100

Chụp ảnh

Ảnh không chụp được trong khi quay phim. Để chụp ảnh, dừng quay phim và thực hiện chụp qua khung ngắm hoặc chụp Live View.



- Khi [**AF method (Phương pháp AF)**] là [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**], bạn có thể nhấn nút <INFO.> để hiển thị cân bằng điện tử (tr.85).
- Bạn có thể thiết lập thông tin hiển thị khi nhấn nút <INFO.> (tr.309).
- Nếu đặt [**AF method (Phương pháp AF)**] thành [**☺+Tracking (☺+Theo dõi)**] hoặc kết nối máy ảnh với TV qua cáp HDMI, cân bằng điện tử sẽ không hiển thị.
- Cân bằng điện tử, đường lưới hoặc biểu đồ không hiển thị khi đang quay phim. (Hiển thị sẽ biến mất khi bắt đầu quay phim.)
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.



Thận trọng khi quay phim

- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu bạn muốn chụp chủ thể có chi tiết nhỏ, có thể xảy ra hiệu ứng vân sọc hoặc sai lệch màu.
- Trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], ngay cả khi đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] thành [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**] (tr.169), cũng không thể ghi phim lên cả thẻ CF [**1**] và thẻ SD [**2**]. Lưu ý rằng nếu đặt [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], phim sẽ ghi vào thẻ được đặt cho chế độ [**Playback (Phát lại)**].
- Nếu đặt thành <**AWB**> hoặc <**AWB w**> và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hình ảnh trên phim có thể bị nhấp nháy.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động với ống kính USM khi quay phim trong điều kiện ánh sáng yếu, nhiễu theo dải ngang có thể bị ghi lại trong phim. Loại nhiễu tương tự có thể xảy ra nếu bạn lấy nét bằng tay với một số ống kính nhất định được trang bị vòng lấy nét điện tử.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim nếu muốn thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể dẫn tới thay đổi độ phơi sáng, tiếng ồn thao tác ống kính hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.
- Trong khi quay phim, nếu thực hiện lấy nét tự động, có thể xảy ra một số tình trạng như sau: Lấy nét tạm thời bị chệch, thay đổi trong độ sáng phim bị ghi lại, ghi phim dừng trong giây lát và âm thanh hoạt động của ống kính bị ghi vào phim.
- Trong khi quay phim, không thể phóng to ảnh ngay cả khi nhấn nút <**Q**>.
- Chú ý không để ngón tay, v.v... che lấp micro tích hợp (tr.338).
- Quá trình quay phim sẽ kết thúc nếu kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI trong khi quay phim.

Cảnh báo

Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.



- **Phần “Các lưu ý chung khi quay phim” nằm ở trang 395-396.**
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần “ Các lưu ý chung khi chụp Live View” ở các trang 335-336.**



Lưu ý khi quay phim

- Trong tab  4 và  5 (tab  2 và  3 ở chế độ <A+>), bạn có thể thực hiện thiết lập quay phim (tr.384).
- Tập phim mới sẽ được tạo trên thẻ mỗi lần quay phim.
- Độ bao phủ màn hình của phim 4K, Full HD hoặc HD là khoảng 100%.
- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Khi chọn /  hoặc /  trong  5:  **btn function (Chức năng nút )**], bạn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu hoặc dừng quay phim (tr.390).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh mô-nô bằng micro tích hợp của máy ảnh (tr.338).
- Bạn cũng có thể ghi âm thanh stereo (tr.367) bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với cổng IN micro ngoài của máy ảnh (tr.29) vì micro ngoài được ưu tiên.
- Bạn có thể sử dụng hầu hết các loại micro ngoài với chân cắm nhỏ đường kính 3,5 mm.
- Với Pin LP-E6N đã sạc đầy, thời gian có thể quay phim sẽ như sau:
Ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 1 giờ 30 phút, ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) khoảng 1 giờ 20 phút. (Khi  4: **Movie Servo AF: Disable (Lấy nét Servo phim: Tắt)**] và  **29.97P / 25.00P / 24.00P / 23.98P**  **IPB** được đặt.)
- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho quay phim chỉ có thể thực hiện nếu sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng là chức năng hiển thị phim có áp dụng các thiết lập hiện tại về kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng quay khác.

Trong khi quay phim, hình ảnh hiển thị sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các thiết lập liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh
 - * Độ sắc nét (Mạnh), độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh (ngoại trừ khi quay phim time-lapse)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng
- Phim HDR

Thiết lập chức năng quay phim

Thiết lập WB/ISO/

Nếu nhấn nút <WB•>, <•ISO> hoặc <> khi hình ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <> hoặc <> để thiết lập chức năng tương ứng.

- Trong khi chụp phơi sáng chỉnh tay (tr.344), bạn có thể nhấn nút <•ISO> để thiết lập tốc độ ISO.
- Bạn có thể nhấn nút <WB•> rồi nút <INFO.> để thiết lập thay đổi cân bằng trắng.
- Bạn không thể thiết lập thao tác AF, kiểu chụp, chế độ đo sáng, bù trừ phơi sáng flash, chế độ HDR hay ảnh ghép phơi sáng.

Q Điều khiển nhanh

Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> và , bạn có thể thiết lập **Phương pháp AF**, **Kích thước ghi phim**, **Mức ghi âm** (chỉ đặt bằng tay), **Âm lượng** (tai nghe), **Chọn thẻ**, **Cân bằng trắng**, **Kiểu ảnh**, **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** và **Quay phim HDR**.

Trong chế độ <A+>, chỉ thiết lập được các chức năng in đậm nêu trên.



1 Nhấn nút <Q> (10).

▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Sử dụng nút <F1> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị trên màn hình.
- Xoay nút xoay <1/2> hoặc <2/2> để cài đặt.
- Để thiết lập thay đổi cân bằng trắng hoặc thông số kiểu ảnh, nhấn nút <INFO>.
- Để đặt cân bằng trắng tự động, chọn [AWB] rồi nhấn <SET>.
- Nhấn lại nút <SET> hoặc <Q> để trở về quay phim.

- Khi đặt [High Frame Rate (Tốc độ khung hình cao)] thành [Enable (Bật)] trong [4: Movie rec quality (Chất lượng ghi phim)], tùy chọn mức ghi âm sẽ không hiển thị. Ngoài ra, không thể thiết lập kích thước ghi phim.
- Khi đặt [5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)] thành [Enable (Bật)], khi nhấn nút <Q> mức ghi sẽ không hiển thị.

Trong khi quay phim, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập mức ghi âm (chỉ đặt bằng tay) và âm lượng (tai nghe).

MENU Thiết lập chất lượng ghi phim



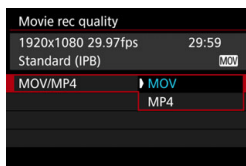
Với [**4: Movie rec quality (Chất lượng ghi phim)**] (tab [**2**] trong chế độ <A>), bạn có thể thiết lập định dạng ghi phim, kích thước ghi phim (kích thước, tốc độ khung hình, phương pháp định dạng video/nén) cùng các chức năng khác.

Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] sẽ chuyển tự động tùy thuộc vào thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**] (tr.565).

! Yêu cầu tốc độ đọc và ghi của thẻ cho ghi phim sẽ khác nhau tùy vào chất lượng ghi phim. Trước khi quay phim, tham khảo trang 360 để kiểm tra yêu cầu hiệu suất của thẻ.

MOV/MP4

Bạn có thể lựa chọn định dạng ghi phim.



MOV MOV

Phim sẽ được ghi ở định dạng MOV (đuôi tập tin: “.MOV”). Định dạng này thuận tiện khi chỉnh sửa bằng máy tính.

MP4 MP4

Phim sẽ được ghi ở định dạng MP4 (đuôi tập tin: “.MP4”). Định dạng này tương thích với nhiều hệ thống phát lại hơn so với định dạng MOV.

! Khi đặt [**MP4**], không thể thiết lập [**High Frame Rate (Tốc độ khung hình cao)**].

Kích thước ghi phim

Bạn có thể chọn kích thước của phim, tốc độ khung hình và phương pháp nén.



● Kích thước khung hình

4K 4096x2160

Phim sẽ được ghi ở chất lượng 4K. Tỷ lệ khung ảnh khoảng 17:9. Để quay phim **4K 29.97P 25.00P / 23.98P [MPEG]**, sử dụng thẻ CF tốc độ cao có hỗ trợ UDMA 7 (tr.360).

FHD 1920x1080

Phim sẽ được ghi ở chất lượng độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9.

FHD 1280x720

Phim tốc độ khung hình cao (tr.362) sẽ được quay ở chất lượng độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9.

● Tốc độ khung hình (fps: số khung hình trên giây)

119.9P 119,9fps / 59.94P 59,94fps / 29.97P 29,97fps

Dành cho khu vực có hệ thống TV là NTSC (Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mê-xi-cô, v.v...). Để tìm hiểu về tốc độ khung hình **119.9P**, tham khảo trang 362.

100.0P 100,0fps / 50.00P 50,00fps / 25.00P 25,00fps

Dành cho khu vực có hệ thống TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a, v.v...). Để tìm hiểu về tốc độ khung hình **100.0P**, tham khảo trang 362.

23.98P 23,98fps / 24.00P 24,00fps

Chủ yếu dành cho phim hoạt hình. Để tìm hiểu về tốc độ khung hình **24.00P**, tham khảo trang 361.

 Có thể chọn **23.98P** (23,98fps) khi đặt [**3: Video system (Hệ thống video)**] thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**].

● Quay phim 4K

- Quay phim 4K yêu cầu thẻ hiệu suất cao. Để tìm hiểu chi tiết về yêu cầu đối với thẻ để quay phim, tham khảo phần “Những thẻ có thể ghi phim” ở trang 360.
- Quay phim 4K hoặc phim tốc độ khung hình cao sẽ làm tăng đáng kể lượng tải xử lý. So với khi quay phim bình thường, nhiệt độ bên trong máy ảnh có thể tăng nhanh hơn hoặc có thể cao hơn. Nếu biểu tượng  màu đỏ xuất hiện trong khi quay phim, điều này biểu thị thẻ có thể bị nóng. Dừng quay phim và để nhiệt độ của máy ảnh giảm xuống trước khi tháo thẻ. (Không tháo thẻ ngay lập tức.)
- Trong phim 4K, bạn có thể chọn khung hình mong muốn bất kỳ để lưu dưới dạng ảnh JPEG có độ phân giải khoảng 8,8 megapixel (4096x2160) vào thẻ (tr.431).



Để có được hiệu suất thẻ tốt hơn, bạn nên định dạng thẻ với máy ảnh trước khi quay phim (tr.73).

● Tầm bao phủ của ghi phim

Khu vực tương ứng của cảm biến ảnh hiển thị bên dưới được sử dụng cho phim 4K và phim Full HD và HD.





- Khi quay phim 4K, [**3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**] sẽ không hoạt động. Do đó, nhiễu hạt có thể nghiêm trọng hơn tùy thuộc vào điều kiện chụp.
- Nếu bạn thay đổi thiết lập của [**3: Video system (Hệ thống video)**], hãy thiết lập lại kích thước ghi phim.
- Phim quay ở chất lượng **23.98P**, **CM**, **FHD 59.94P / 50.00P**, hoặc ở tốc độ khung hình cao có thể không được phát lại chính xác trên các thiết bị khác, do lượng tải xử lý dữ liệu lớn trong khi phát.



- Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình kích thước ghi phim thay đổi phụ thuộc vào [**3: Video system (Hệ thống video)**] được đặt thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**] hay [**For PAL (Đối với PAL)**].
- Bạn không thể quay phim độ phân giải thường (VGA).
- Nếu bạn thay đổi kích thước phim từ Full HD hoặc HD thành 4K, khu vực ảnh của phim quay sẽ chuyển sang tiêu cự chụp xa.
- Tầm bao phủ của phim 4K sẽ khác so với trên máy EOS-1D C và EOS-1D X Mark II.
- Mẫu màu được ghi sẽ như sau: 4K: YCbCr 4:2:2 (8-bit), Full HD/HD: YCbCr 4:2:0 (8-bit). Ma trận màu sẽ như sau: 4K: Ghi ITU-R BT.601, và Full HD/HD: Ghi ITU-R BT.709.

● Phương pháp ghi phim/Tỷ lệ nén

MJPEG

Có thể chọn khi định dạng ghi phim là **[MOV]**. Motion JPEG được sử dụng để nén phim để ghi. Máy ảnh không nén chung tất cả các khung hình mà nén từng hình và ghi. Do đó, tỷ lệ nén thấp. Ngoài ra, do cỡ ảnh lớn với chất lượng 4K, kích thước tập tin sẽ lớn.

ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)

Có thể chọn khi định dạng ghi phim là **[MOV]**. Nén từng khung để ghi. Mặc dù kích thước tập tin lớn hơn so với IPB (Tiêu chuẩn), phim sẽ thích hợp để chỉnh sửa hơn.

IPB (Tiêu chuẩn)

Nén nhiều khung hiệu quả trong một lần để ghi. Do kích thước tập tin nhỏ hơn ALL-I (Để chỉnh sửa), thời gian quay phim sẽ dài hơn (với thẻ có cùng dung lượng).

IPB (Nhẹ)

Có thể chọn khi định dạng ghi phim là **[MP4]**. Do phim được ghi ở tốc độ bit thấp hơn IPB (Tiêu chuẩn), kích thước tập tin sẽ nhỏ hơn IPB (Tiêu chuẩn) và độ tương thích phát lại sẽ cao hơn. Trong bốn phương pháp ghi phim, phương pháp này cho thời gian quay phim lâu nhất (với thẻ có cùng dung lượng).

Những thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, sử dụng thẻ nhớ có dung lượng lớn với tốc độ ghi/đọc (hiệu suất thẻ yêu cầu) như trình bày trong bảng hoặc cao hơn thông số tiêu chuẩn. Kiểm tra thẻ bằng cách quay vài phim ở chất lượng mong muốn (tr.355) và đảm bảo thẻ có thể ghi phim chính xác.

Chất lượng ghi phim			Thẻ CF	Thẻ SD
4K	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	MJPG	UDMA 7 100 MB/giây trở lên	UHS-I 90 MB/giây hoặc nhanh hơn
FHD	59.94P 50.00P	ALL-I	UDMA 7 60 MB/giây trở lên	UHS-I Speed Class 3 hoặc cao hơn
	59.94P 50.00P	IPB	30 MB/giây trở lên	SD Speed Class 10 hoặc cao hơn
	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	ALL-I	30 MB/giây trở lên	UHS-I Speed Class 3 hoặc cao hơn
	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P Phim HDR	IPB	10 MB/giây trở lên	SD Speed Class 6 hoặc cao hơn
	29.97P 25.00P	IPB	10 MB/giây trở lên	SD Speed Class 4 hoặc cao hơn
HD	119.9P 100.0P	ALL-I	UDMA 7 60 MB/giây trở lên	UHS-I Speed Class 3 hoặc cao hơn

- Trước khi quay phim 4K, định dạng thẻ (tr.73).
- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu phát lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Để tìm hiểu về tốc độ bit, tham khảo trang 598. Khi quay phim, hãy sử dụng thẻ hiệu suất cao với tốc độ ghi cao hơn tốc độ bit.
- Khi không thể ghi phim bình thường, hãy định dạng thẻ và thử lại. Nếu việc định dạng thẻ không giúp giải quyết được vấn đề, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.



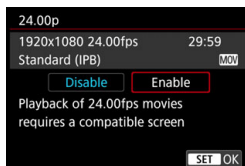
Máy ảnh không tương thích với các thẻ UHS-II SDHC/SDXC. (Tương thích với UHS-I.) Với thẻ UHS-II SDHC/SDXC, truyền tốc độ cao qua UHS-I có thể không thực hiện được, tùy theo thông số của thẻ.



- Để sử dụng thẻ tốt nhất, bạn nên định dạng thẻ bằng máy ảnh trước khi quay phim (tr.73).
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.

24,00p

Ghi phim ở tốc độ khung hình 24,00 fps.



Khi đặt **[Enable (Bật)]**, bạn có thể chọn chất lượng ghi phim như sau:

[4K 24.00P] **[MJPG]**, **[FHD 24.00P]** **[ALL-I]** hoặc **[FHD 24.00P]** **[IPB]**.

Nếu bạn đặt **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]** rồi đặt **[24.00p]** thành **[Enable (Bật)]**, thiết lập lại **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]**.

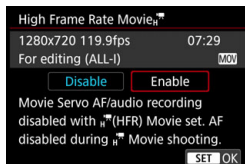


Thận trọng đối với [24.00p: Enable (24,00p: Bật)]

- Khi đặt **[MP4]**, không thể đặt **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]**. **[FHD 24.00P]** **[IPB]** sẽ được đặt.
- Không thể đặt **[High Frame Rate (Tốc độ khung hình cao)]** (tr.362).
- Không thể đặt **[Y3: Video system (Hệ thống video)]**.
- Không thể đặt **[Y4: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)]** (tr.394). Hình ảnh phim sẽ được xuất ra ở mức 1080/24,00p qua HDMI. Nếu bạn kết nối máy ảnh với TV, v.v... không tương thích với tín hiệu 1080/24,00p qua HDMI, hình ảnh phim có thể không hiển thị.
- Nếu đặt trở lại thành **[Disable (Tắt)]**, **[Y4: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)]** sẽ được đặt thành **[Auto (Tự động)]**.
- Ngay cả khi bạn đặt trở lại thành **[Disable (Tắt)]**, kích thước ghi phim sẽ không trở về thiết lập gốc. Đặt lại kích thước ghi phim.

Tốc độ khung hình cao

Ở chất lượng HD, bạn có thể quay phim ở tốc độ khung hình cao là 119,9 fps hoặc 100,0 fps. Tốc độ này thích hợp cho quay phim để phát lại ở chuyển động chậm. Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 7 phút 29 giây.



Phim sẽ được ghi dưới dạng **HD 119.9P** **ALL-I** **MOV** hoặc **HD 100.0P** **ALL-I** **MOV**.

Lấy nét Servo phim sẽ không hoạt động với quay phim tốc độ khung hình cao.

Ngoài ra, khi quay phim tốc độ khung hình cao, lấy nét tự động cũng sẽ không hoạt động.

Phim tốc độ khung hình cao không ghi âm thanh.

Nếu mã thời gian hiển thị trong khi quay phim, mã sẽ tính 4 giây cho mỗi giây trong thực tế.

Do phim tốc độ khung hình cao được ghi thành tập tin phim 29,97 fps/25,00 fps, phim sẽ phát ở chuyển động chậm với 1/4 tốc độ bình thường.

Thận trọng đối với [High Frame Rate: Enable (Tốc độ khung hình cao: Bật)]

- Khi **[Count up (Tổng số)]** được đặt thành **[Free run (Thời gian thực)]**, trong **[5: Time code (Mã thời gian)]** (tr.369), mã thời gian sẽ không được ghi.
- Không thể đặt **[MOV/MP4]**, **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]** và **[24.00p]**.
- Ngay cả khi bạn đặt trở lại thành **[Disable (Tắt)]**, kích thước ghi phim sẽ không trở về thiết lập gốc. Đặt lại kích thước ghi phim.
- Nếu quay phim tốc độ khung hình cao dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hình ảnh trên phim có thể bị nhấp nháy.
- Khi bạn bắt đầu hoặc dừng quay phim tốc độ khung hình cao, hình ảnh phim tạm thời sẽ không được cập nhật (khung hình tạm dừng). Chú ý điều này khi sử dụng thiết bị ghi ngoài để ghi phim từ đầu ra video HDMI.
- Trong khi quay phim tốc độ khung hình cao, tốc độ khung hình của hình ảnh phim hiển thị trên màn hình LCD sẽ khác với tốc độ khung hình của hình ảnh phim đang được ghi.
- Không thể sử dụng tai nghe. (Bạn sẽ không nghe thấy âm thanh.)

Tổng thời gian quay phim và kích thước tập tin trên phút

● Ở định dạng MOV

(Ước chừng)

Chất lượng ghi phim	Tổng thời gian có thể ghi phim trên thẻ			Kích thước tập tin	
	8 GB	32 GB	128 GB		
4K : 4K					
29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	[MPG]	2 phút	8 phút	34 phút	3587 MB/phút
FHD : Full HD					
59.94P 50.00P	[ALL-I]	5 phút	23 phút	94 phút	1298 MB/phút
59.94P 50.00P	[IPB]	17 phút	69 phút	277 phút	440 MB/phút
29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	[ALL-I]	11 phút	46 phút	186 phút	654 MB/phút
29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	[IPB]	33 phút	135 phút	541 phút	225 MB/phút
HDR movie shooting (Quay phim HDR)		33 phút	135 phút	541 phút	225 MB/phút
HD : HD					
119.9P 100.0P	[ALL-I]	6 phút	26 phút	105 phút	1155 MB/phút

● Ở định dạng MP4

(Ước chừng)

Chất lượng ghi phim	Tổng thời gian có thể ghi phim trên thẻ			Kích thước tập tin	
	8 GB	32 GB	128 GB		
FHD : Full HD					
59.94P 50.00P	IPB	17 phút	70 phút	283 phút	431 MB/phút
29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	IPB	35 phút	140 phút	563 phút	216 MB/phút
HDR movie shooting (Quay phim HDR)		35 phút	140 phút	563 phút	216 MB/phút
29.97P 25.00P	IPB	86 phút	347 phút	1391 phút	87 MB/phút



Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước tổng thời gian ghi tối đa được trình bày ở bảng trên (tr.395).

- **Tập tin phim vượt quá 4 GB**

Ngay cả khi tập tin phim vượt quá 4 GB, bạn vẫn có thể tiếp tục quay mà không bị gián đoạn.

- **Sử dụng thẻ CF dung lượng tối đa 128 GB và thẻ SD/SDHC được định dạng bằng máy ảnh**

Nếu sử dụng máy ảnh để định dạng thẻ CF có dung lượng 128 GB trở xuống hoặc thẻ SD/SDHC, máy ảnh sẽ định dạng thẻ ở FAT32. Với thẻ được định dạng FAT32, nếu bạn quay phim và kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin phim mới sẽ tự động được tạo. Khi phát lại phim, bạn sẽ phải phát riêng từng tập tin phim. Không thể tự động phát lại tập tin phim theo thứ tự liên tục. Sau khi kết thúc phát lại phim, chọn tập tin phim tiếp theo để tiếp tục phát.

- **Sử dụng thẻ CF vượt quá 128 GB và thẻ SDXC được định dạng bằng máy ảnh**

Nếu bạn sử dụng máy ảnh để định dạng thẻ CF có dung lượng 128 GB trở lên hoặc thẻ SDXC, máy ảnh sẽ định dạng thẻ ở exFAT. Khi sử dụng thẻ định dạng exFAT, ngay cả khi kích thước tập tin vượt quá 4 GB khi quay phim, phim sẽ được lưu thành một tập tin đơn (thay vì được chia thành nhiều tập tin).



- Sử dụng EOS Utility (tr.610) hoặc đầu đọc thẻ (tr.611) để tải tập tin phim vượt quá 4GB về máy tính. Không thể tải xuống tập tin phim vượt quá 4GB nếu bạn thực hiện tải ảnh bằng chức năng của máy tính (OS).
- Phần mềm EOS MOVIE Utility (tr.613) sẽ không thể phát lại các tập tin phim liên tiếp hay ghép và lưu các phim này dưới dạng một tập tin phim nếu bạn xóa bất kỳ tập tin phim nào được tạo trong một lần quay vượt quá 4GB.



Khi sử dụng EOS MOVIE Utility, bạn có thể tự động ghép nhiều tập tin phim ở định dạng MOV đã bị tách thành từng tập tin 4 GB và lưu tất cả thành một tập tin phim.

● Giới hạn thời gian quay phim

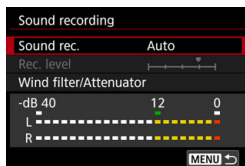
● Khi quay phim không phải phim tốc độ khung hình cao

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút $\langle \text{START/STOP} \rangle$ để tiếp tục quay phim. (Phim sẽ được ghi dưới dạng tập tin phim mới.)

● Khi quay phim tốc độ khung hình cao

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 7 phút 29 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 7 phút 29 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút $\langle \text{START/STOP} \rangle$ để tiếp tục quay phim tốc độ khung hình cao. (Phim sẽ được ghi dưới dạng tập tin phim mới.)

MENU Thiết lập ghi âm



Bạn có thể quay phim trong khi đang ghi âm bằng micro mô-nô tích hợp hoặc micro stereo ngoài. Bạn cũng có thể tùy ý điều chỉnh mức ghi âm.

Thiết lập ghi âm với [**4: Sound recording (Ghi âm)**] (tab [**2**] trong chế độ <[A+]>).

Ghi âm/Mức ghi âm

Auto (Tự động):

Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

Manual (Chỉnh tay):

Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức.

Chọn [**Rec. level (Mức ghi âm)**] và xoay nút xoay <[]> khi nhìn vào thước đo mức ghi âm để điều chỉnh mức ghi âm. Nhìn vào mức cao nhất trên thang đo và điều chỉnh sao cho mức đo nháy sáng ở bên phải dấu “12” (-12dB) để đạt âm thanh to nhất. Nếu vượt quá “0”, âm thanh sẽ bị méo.

Disable (Tắt):

Máy sẽ không ghi lại âm thanh. Ngoài ra, đầu ra HDMI sẽ không phát ra âm thanh (tr.391).

 Phim tốc độ khung hình cao không ghi âm thanh. Ngoài ra, không thể đặt [**4: Sound recording (Ghi âm)**].

Lọc gió/Bộ tiêu âm

Wind filter (Lọc gió):

Khi đặt **[Enable (Bật)]**, lọc gió sẽ giảm tiếng gió khi quay phim ngoài trời. Tính năng này chỉ hoạt động khi bạn sử dụng micro tích hợp để quay phim. Lưu ý rằng **[Enable (Bật)]** giảm những âm thanh trầm thấp, do vậy hãy đặt thành **[Disable (Tắt)]** khi không có gió. Âm thanh sẽ được ghi tự nhiên hơn so với **[Enable (Bật)]**.

Attenuator (Bộ tiêu âm):

Tự động giảm thiểu biến dạng âm thanh do tiếng ồn lớn. Ngay cả khi đặt **[Sound rec. (Ghi âm)]** thành **[Auto (Tự động)]** hay **[Manual (Chỉnh tay)]** cho quay phim, âm thanh quá to vẫn có thể dẫn đến méo tiếng. Trong trường hợp này, đặt tính năng này thành **[Enable (Bật)]**.

● Sử dụng micro

Thông thường, micro tích hợp ghi âm thanh mô-nô.

Bạn có thể ghi âm stereo bằng cách kết nối micro stereo ngoài có trang bị chân cắm stereo nhỏ (đường kính 3,5 mm) với cổng IN micro ngoài của máy ảnh (tr.29) vì micro ngoài được ưu tiên. Bạn nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng).

● Sử dụng tai nghe

Bằng cách kết nối tai nghe (bán sẵn trên thị trường) có trang bị chân cắm nhỏ đường kính 3,5 mm với cổng tai nghe của máy ảnh (tr.29), bạn có thể nghe âm thanh trong khi quay phim. Nếu sử dụng micro stereo ngoài, bạn có thể nghe âm thanh ở dạng stereo. Để điều chỉnh âm lượng tai nghe, nhấn nút **<Q>** và chọn **<Q>**. Sau đó, xoay nút **<◉>** để điều chỉnh âm lượng (tr.354).

Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe trong khi xem lại phim.

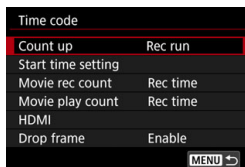


- Nếu bạn sử dụng chức năng Wi-Fi (giao tiếp không dây) với micro ngoài, tiếng ồn có thể bị ghi lại. Trong khi ghi âm, bạn không nên sử dụng chức năng giao tiếp không dây.
- Khi kết nối micro ngoài hoặc tai nghe với máy ảnh, đảm bảo đã cắm hết đầu cắm.
- Micro tích hợp của máy ảnh cũng sẽ ghi lại âm thanh thao tác và tiếng ồn thao tác của máy ảnh trong khi quay. Sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để làm giảm các âm thanh này trong phim.
- Chỉ được kết nối micro gắn ngoài vào cổng IN micro ngoài của máy ảnh.
- Khi sử dụng tai nghe để nghe, tính năng giảm tiếng ồn sẽ không được áp dụng cho âm thanh phát ra từ tai nghe. Vì lý do này, âm thanh bạn nghe thấy sẽ khác với âm thanh thực tế được ghi trên phim.
- Khi nghe âm thanh bằng tai nghe, không nên thay đổi thiết lập **[Sound recording (Ghi âm)]**. Làm như vậy có thể khiến mức âm thanh tăng đột ngột và gây đau tai.



- Trong chế độ **<A+>**, có thể đặt **[Sound recording (Ghi âm)]** thành **[On (Bật)]** hoặc **[Off (Tắt)]**. Nếu đặt **[On (Bật)]**, mức ghi âm sẽ được điều chỉnh tự động (giống như với **[Auto (Tự động)]**), nhưng chức năng lọc gió sẽ không hoạt động.
- Khi máy ảnh được kết nối với TV bằng cáp HDMI, âm thanh cũng sẽ được xuất ra (trừ khi đặt **[Sound rec.: Disable (Ghi âm: Tắt)]**).
- Không thể điều chỉnh cân bằng âm lượng giữa L (trái) và R (phải).
- Âm thanh ghi ở tỷ lệ mẫu 48 kHz/16 bit.

MENU Thiết lập mã thời gian



Mã thời gian là tham chiếu thời gian được ghi tự động để đồng bộ phim trong khi quay phim. Mã luôn được ghi bằng các đơn vị sau: giờ, phút, giây và khung. Chủ yếu dùng trong khi chỉnh sửa phim. Sử dụng [**5: Time code (Mã thời gian)**] (tab [**3**] trong chế độ <[**A**+]>) để thiết lập mã thời gian.

Tổng thời gian

Rec run (Thời gian ghi):

Chỉ cộng thêm mã thời gian khi đang quay phim. Mã thời gian sẽ tiếp tục theo tuần tự số tập tin phim được ghi.

Free run (Thời gian thực):

Mã thời gian chạy cho dù có quay phim hay không.

Thiết lập thời gian bắt đầu

Bạn có thể đặt điểm ban đầu của mã thời gian (thời gian bắt đầu).

Manual input setting (Thiết lập đầu vào bằng tay):

Bạn có thể tùy ý đặt giờ, phút, giây và khung.

Reset (Đặt lại):

Thời gian được đặt với [**Manual input setting (Thiết lập đầu vào bằng tay)**] và [**Set to camera time (Đặt thành thời gian máy ảnh)**] được đặt lại thành “00:00:00.” hoặc “00:00:00.” (tr.372).

Set to camera time (Đặt thành thời gian máy ảnh):

Đặt giờ, phút và giây khớp với đồng hồ trong máy ảnh. “Khung” sẽ được đặt về “00”.



- Nếu bạn quay phim tốc độ khung hình cao với [**Free run (Thời gian thực)**] được đặt, mã thời gian sẽ không được thêm vào.
- Nếu đặt [**Free run (Thời gian thực)**] và thay đổi giờ, múi giờ hoặc giờ mùa hè (tr.51), mã thời gian sẽ bị ảnh hưởng.
- Nếu bạn phát lại phim MP4 bằng thiết bị không phải máy ảnh, mã thời gian có thể không hiển thị chính xác.

Thời lượng ghi phim

Bạn có thể chọn nội dung hiển thị trên màn hình quay phim.

Rec time (Thời lượng ghi):

Hiển thị thời gian kể từ khi bắt đầu quay phim.

Time code (Mã thời gian):

Hiển thị mã thời gian trong khi quay phim.

Thời lượng chiếu phim

Bạn có thể chọn nội dung hiển thị trên màn hình phát lại phim.

Rec time (Thời lượng ghi):

Hiển thị thời gian ghi và thời lượng xem lại trong khi phát lại phim.

Time code (Mã thời gian):

Hiển thị mã thời gian trong khi phát lại phim.

Đặt [Time code (Mã thời gian)] :



Trong khi quay phim



Trong khi phát lại phim

- Mã thời gian luôn được ghi vào tập tin phim với mọi thiết lập [**Movie rec count (Thời lượng ghi phim)**] (ngoại trừ phim tốc độ khung hình cao được đặt [**Free run (Thời gian thực)**]).
- Thiết lập [**Movie play count (Thời lượng chiếu phim)**] trong [**5: Time code (Mã thời gian)**] chuyển tương ứng với thiết lập [**3: Movie play count (Thời lượng chiếu phim)**]. Thay đổi một trong hai thiết lập sẽ tự động thay đổi thiết lập còn lại.
- “Khung” không hiển thị khi quay phim hoặc khi phát lại phim.

HDMI

- **Time code (Mã thời gian)**

Mã thời gian có thể được thêm vào phim được xuất ra qua HDMI.

Enable (Bật):

Thêm mã thời gian vào đầu ra video HDMI. Khi đặt **[Enable (Bật)]**, **[Rec Command (Lệnh ghi)]** sẽ hiển thị.

Disable (Tắt):

Mã thời gian không được thêm vào đầu ra video HDMI.

- **Record command (Lệnh ghi)**

Khi đầu ra video qua HDMI được ghi bằng thiết bị ghi ngoài, tính năng bắt đầu và dừng quay phim của máy ảnh có thể đồng bộ với bản ghi bằng thiết bị ghi ngoài.

Enable (Bật):

Tính năng bắt đầu và dừng quay phim đồng bộ với bản ghi bằng thiết bị ghi ngoài.

Disable (Tắt):

Tính năng bắt đầu và dừng ghi được điều khiển bằng thiết bị ghi ngoài.



- Trong khi quay phim tốc độ khung hình cao, nếu xuất phim qua HDMI với **[Count up (Tổng số)]** trong **[Time code (Mã thời gian)]** được đặt thành **[Free run (Thời gian thực)]**, mã thời gian sẽ không được thêm vào đầu ra video HDMI.
- Để kiểm tra xem thiết bị ghi ngoài của bạn có tương thích với **[Time code (Mã thời gian)]** hoặc **[Rec Command (Lệnh ghi)]** không, vui lòng tham vấn nhà sản xuất thiết bị ghi ngoài đó.
- Ngay cả khi đặt **[Time code (Mã thời gian)]** thành **[Disable (Tắt)]**, mã thời gian có thể được thêm vào phim tùy thuộc vào thông số của thiết bị ghi ngoài. Để tìm hiểu về thông số mã thời gian cho đầu vào HDMI, vui lòng tham vấn nhà sản xuất thiết bị ghi ngoài.

Chỉnh khung

Nếu đặt tốc độ khung hình là **119.9P** (119,9 fps), **59.94P** (59,94 fps) hoặc **29.97P** (29,97 fps), số lượng khung theo mã thời gian có thể gây ra sai lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian. Khi đặt **[Enable (Bật)]**, sai lệch này được hiệu chỉnh tự động. Chức năng hiệu chỉnh này gọi là “chỉnh khung”. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp chỉnh sửa phim.

Enable (Bật):

Hiệu chỉnh sai lệch tự động bằng cách bỏ qua một số mã thời gian (DF: Chỉnh khung).

Disable (Tắt):

Không hiệu chỉnh sai lệch (NDF: Không chỉnh khung).

Mã thời gian sẽ hiển thị như sau:

Bật (DF)	: 00:00:00. (Thời lượng xem lại: 00:00:00.00)
Tắt (NDF)	: 00:00:00. (Thời lượng phát lại: 00:00:00.00)

 Nếu tốc độ khung hình là **100.0P** (100,0 fps), **50.00P** (50,00 fps), **25.00P** (25,00 fps), **24.00P** (24,00 fps) hoặc **23.98P** (23,98 fps), chỉnh khung sẽ không hoạt động. (Nếu đặt **100.0P / 50.00P / 25.00P / 24.00P / 23.98P** hoặc nếu đặt **[3: Video system (Hệ thống video)]** thành **[For PAL (Đối với PAL)]**, **[Drop frame (Chỉnh khung)]** sẽ không hiển thị.)

Quay phim HDR

Bạn có thể quay phim với khu vực dư sáng được giảm thiểu để có các dải tương phản động cao ngay cả với các cảnh có độ tương phản lớn.

Bạn có thể thiết lập phim HDR với màn hình điều khiển nhanh nếu

[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)] được đặt thành **[FHD 29.97P] [IPB]**

(NTSC) hoặc **[FHD 25.00P] [IPB]** (PAL) trong **[CAMERA 4: Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)]**.

Có thể quay phim HDR khi định dạng ghi phim được đặt thành MOV hoặc MP4.

1 Kiểm tra [Movie rec. size (Kích thước ghi phim)].

- Kiểm tra để đảm bảo **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]** trong **[CAMERA 4: Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)]** đã được đặt thành **[FHD 29.97P] [IPB]** hoặc **[FHD 25.00P] [IPB]**.



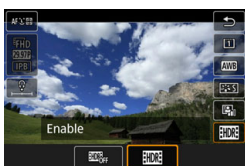
2 Nhấn nút <Q> (10).

- Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



3 Chọn [HDR OFF].

- Nghiêng <+> lên hoặc xuống để chọn **[HDR OFF]** (Quay phim HDR) ở phía dưới bên phải của màn hình.



4 Chọn [HDR] (Bật).

- Xoay nút xoay <+> để chọn **[HDR]** (Bật).
- Để tìm hiểu thời gian ghi và kích thước tập tin, tham khảo bảng ở trang 363.

5 Quay phim HDR.

- Quay phim theo cách giống như quay phim thông thường.



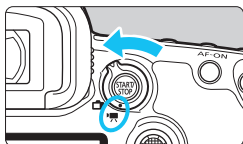
- Đối với quay phim HDR, phạm vi thiết lập tự động và bằng tay của tốc độ ISO là ISO 100 - ISO 25600. Không thể đặt tốc độ ISO mở rộng.
- Để tìm hiểu về tốc độ màn trập, tham khảo trang 347.
- Trong chế độ < **Tv** >, tốc độ ISO tối thiểu sẽ là ISO 400.
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**], bạn sẽ không thể quay phim HDR.
- Đối với quay phim HDR, hình ảnh có thể vẫn bị nhấp nháy kể cả khi đã đặt tốc độ màn trập phù hợp.
- Do nhiều khung hình được ghép lại để tạo phim HDR, một số phần của phim có thể trông bị méo. Trong khi quay phim cầm tay, máy bị rung có thể khiến méo hình trông rõ hơn. Bạn nên sử dụng chân máy. Lưu ý rằng, kể cả khi quay phim sử dụng chân máy, bóng mờ và nhiễu hạt vẫn có thể trở nên rõ hơn so với phát lại thông thường nếu phát lại phim theo từng khung hình hoặc chuyển động chậm.
- Nếu [**5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**], bạn sẽ không thể quay phim HDR.
- Nếu bạn thay đổi thiết lập quay phim HDR, màu sắc và độ sáng của hình ảnh có thể có thay đổi cực lớn trong chốc lát. Ngoài ra, hình ảnh của phim tạm thời sẽ không được cập nhật (khung hình tạm dừng). Chú ý điều này khi sử dụng thiết bị ghi ngoài để ghi đầu ra video HDMI.

📷 Quay phim time-lapse

Ảnh chụp ở quãng chụp đã đặt có thể tự động ghép lại với nhau để tạo thành phim time-lapse. Phim time-lapse cho thấy chủ thể đã chụp thay đổi như thế nào trong khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với thời gian thực. Loại phim này hiệu quả khi ghi lại sự thay đổi của cảnh vật, sự trưởng thành của cây cối, sự chuyển động của bầu trời, v.v... tại một điểm quan sát cố định.

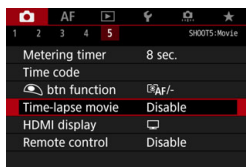
Phim time-lapse được ghi lại ở định dạng MOV, **FHD 29.97P ALL-I** (NTSC) hoặc **FHD 25.00P ALL-I** (PAL). Tốc độ khung hình sẽ tự động thay đổi tùy thuộc vào thiết lập [**📷3: Video system (Hệ thống video)**] (tr.565).

1 Chọn chế độ chụp.



2 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <📷>.

- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



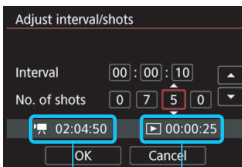
3 Chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)].

- Trong tab [**📷5**] (tab [**📷3**] trong chế độ <A+>), chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)], rồi nhấn <SET>.
- Nếu thông báo [Only available when movie shooting is activated (Chỉ có thể chọn khi đã bật chế độ quay phim)] xuất hiện, nhấn nút <START/STOP>, sau đó lặp lại bước 3.



4 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn nút <INFO.>.



Thời gian yêu cầu

Thời lượng xem lại

5 Thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.

- Kiểm tra [**⏱**: Time required (Thời gian yêu cầu)] và [**▶**: Playback time (Thời lượng xem lại)] hiển thị ở phía dưới màn hình để thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.
- Chọn số để cài đặt (giờ: phút: giây / số lượng ảnh).
- Nhấn <SET> để hiển thị <⏱>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <□>).

• Shooting interval (Quãng chụp)

Có thể thiết lập từ [00:00:01] đến [99:59:59].

• Number of shots (Số lượng ảnh)

Có thể thiết lập từ [0002] đến [3600]. Đặt một giá trị mỗi lần. Nếu đặt 3600 ảnh, phim time-lapse sẽ kéo dài khoảng 2 phút đối với NTSC và 2 phút 24 giây đối với PAL.

6 Chọn [OK].

- ▶ Màn hình ở bước 3 sẽ xuất hiện lại.

7 Kiểm tra thiết lập.



- Với [Time-lapse movie (Phim time-lapse)] chọn trên màn hình ở bước 3, nhấn <SET>.
- ▶ Thiết lập hiện tại sẽ hiển thị.

● Time required (Thời gian yêu cầu)

Hiện thị thời gian yêu cầu để chụp được số lượng ảnh với quãng chụp đã thiết lập. Nếu đạt đến 24 giờ, “*** ngày” sẽ hiển thị.

● Playback time (Thời lượng xem lại)

Biểu thị thời gian ghi phim (thời gian cần để phát lại phim) để tạo phim time-lapse ở kích thước **FHD 29.97P ALL-I** (NTSC) hoặc **FHD 25.00P ALL-I** (PAL) từ ảnh được chụp với quãng đã đặt.

● Card- time left (Thời lượng còn lại trên thẻ)

Tổng thời gian còn lại để ghi phim time-lapse vào thẻ dựa trên dung lượng thẻ còn lại.

8 Thoát menu.

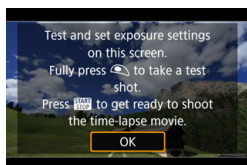
- Nhấn nút **<MENU>** để tắt màn hình menu.

9 Đọc thông báo.

- Đọc thông báo và chọn **[OK]**.

10 Chụp thử.

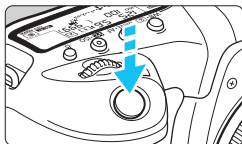
- Thiết lập phơi sáng và các chức năng chụp, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét như đối với chụp Live View.
- Nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu chụp thử ảnh. Ảnh chụp thử sẽ được ghi vào thẻ.
- Nếu không có vấn đề gì với ảnh chụp thử, chuyển sang bước tiếp theo.
- Chụp thử lại, lặp lại bước này.





11 Nhấn nút < START/STOP >.

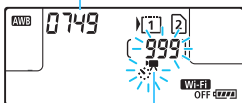
- ▶ Máy ảnh sẽ sẵn sàng để bắt đầu quay phim time-lapse.
- Để trở về bước 9, nhấn lại nút < START/STOP >.



12 Quay phim time-lapse.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để kiểm tra nét và phơi sáng.
- Nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu quay phim time-lapse.
- Lấy nét tự động sẽ không hoạt động trong khi quay phim time-lapse. Thiết lập phơi sáng cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Trong khi quay phim time-lapse, màn hình LCD sẽ không hiển thị thông tin. Biểu tượng < [icon] > sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.
- Do màn trập điện tử được sử dụng trong khi quay phim time-lapse, gương lật và màn trập sẽ không gây tiếng ồn thao tác máy ảnh.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, chế độ quay phim time-lapse sẽ dừng và tự động hủy.

Số lượng ảnh còn lại



Phim time-lapse



- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nên chụp thử trước vài ảnh.
- Với bất kỳ thiết lập [**4: Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)**] nào, phim time-lapse cũng sẽ được ghi ở **FHD 29.97P [ALL-I]** (NTSC) hoặc **FHD 25.00P [ALL-I]** (PAL).
- Để hủy quay phim time-lapse trước khi hoàn tất, nhấn hoàn toàn nút chụp hoặc nhấn nút **<START/STOP>** (đặt thành [**Disable (Tắt)**]). Phim time-lapse sẽ được ghi vào thẻ.
- Bạn có thể xem lại phim time-lapse với máy ảnh giống như cách xem lại phim thông thường.
- Nếu yêu cầu thời gian quay phim trên 24 giờ và không quá 48 giờ, số ngày sẽ hiển thị là “2 ngày”. Nếu yêu cầu từ 3 ngày hoặc nhiều hơn, số ngày sẽ hiển thị với mức tăng 24 giờ.
- Ngay cả khi thời lượng xem lại phim time-lapse ít hơn 1 giây, tập tin phim sẽ vẫn được tạo. Đối với [**Playback time (Thời lượng xem lại)**], “00:00:00” sẽ hiển thị.
- Nếu quay trong thời gian dài, bạn nên sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.534).
- Ở chế độ **<A+>**, biểu tượng của cảnh được máy ảnh phát hiện sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.307).



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Với phim time-lapse đặt thành **[Enable (Bật)]**, không thể thiết lập **[4: Movie rec. quality (Chất lượng ghi phim)]**, **[3: Video system (Hệ thống video)]** hay các thiết lập khác.
- Nếu máy ảnh đã kết nối với máy tính qua cáp nối hoặc nếu một cáp HDMI đã được kết nối với máy ảnh, bạn sẽ không thể chọn **[Enable (Bật)]**.
- Tốc độ ISO tối đa sẽ là ISO 12800 ở các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>** và ****, và ở chế độ **<M>** với ISO tự động được đặt.
- Không thể thực hiện phơi sáng bulb. Nếu chế độ chụp là ****, thao tác sẽ giống như ở chế độ **<P>**.
- Lấy nét Servo phim sẽ không có tác dụng.
- Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây hoặc chậm hơn, độ phơi sáng của phim có thể không hiển thị đúng (có thể sẽ khác với độ phơi sáng của phim kết quả).
- Không thao tác zoom ống kính khi đang quay phim time-lapse. Zoom ống kính có thể gây mất nét, thay đổi phơi sáng hoặc tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính không hoạt động chính xác.
- Khi quay phim time-lapse dưới ánh đèn nhấp nháy, lưu ý rằng ảnh nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều rõ rệt có thể bị ghi lại.
- Ảnh hiển thị trong khi quay phim time-lapse và thành phẩm có thể trông khác nhau (do yếu tố nhấp nháy, độ sâu trường ảnh, v.v...).
- Nếu di chuyển máy ảnh từ trái sang phải (lia máy) hoặc chụp chủ thể đang di chuyển trong khi quay phim time-lapse, ảnh có thể bị méo hình nghiêm trọng.
- Tự động tắt nguồn sẽ không có hiệu lực trong khi quay phim time-lapse. Đồng thời, bạn không thể điều chỉnh các thiết lập chức năng chụp và chức năng menu, xem lại ảnh, v.v...
- Âm thanh và mã thời gian không được ghi với phim time-lapse.
- Chụp từng ảnh được áp dụng cho quay phim time-lapse với bất kỳ thiết lập kiểu chụp nào.
- Thiết lập chức năng chụp cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Nếu thiết lập tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp, chẳng hạn như chụp phơi sáng lâu, máy ảnh không thể chụp với quãng chụp đã đặt. Ngoài ra, có thể không chụp được khi đặt tốc độ màn trập và quãng chụp gần như bằng nhau.
- Ảnh sẽ tự nhảy, nếu ảnh dự định sẽ chụp kế tiếp không chụp được. Điều này có thể sẽ rút ngắn thời gian quay phim time-lapse.



- Nếu thời gian để ghi vào thẻ lớn hơn thời gian ngắt quãng giữa các ảnh do chức năng chụp hoặc hiệu suất của thẻ, một vài ảnh có thể không được chụp theo quãng chụp đã thiết lập.
- Các ảnh chụp không được ghi như ảnh thông thường. Ngay cả khi bạn hủy quay phim time-lapse sau khi chỉ chụp một ảnh, tập tin phim vẫn được ghi lại.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống để ghi số lượng ảnh đã thiết lập [**Playback time (Thời lượng xem lại)**] sẽ hiển thị màu đỏ. Mặc dù máy ảnh có thể tiếp tục chụp, quay phim sẽ dừng lại khi thẻ đầy.
- Nếu bạn kết nối máy ảnh với máy tính thông qua cáp nối kèm theo máy ảnh và sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS), đặt [**5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)**] thành [**Disable (Tắt)**]. Nếu đặt thành [**Enable (Bật)**], máy ảnh sẽ không thể giao tiếp với máy tính.
- Trong khi quay phim time-lapse, hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính sẽ không hoạt động.
- Nếu công tắc nguồn đặt thành <**OFF**> hoặc công tắc chụp Live View/quay phim hoạt động, quay phim time-lapse sẽ dừng và thiết lập được chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Flash sẽ không đánh sáng ngay cả khi được sử dụng.
- Trạng thái sẵn sàng quay phim time-lapse sẽ bị hủy và thiết lập sẽ chuyển thành [**Disable (Tắt)**] khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Chọn [**3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)**], [**4: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], [**5: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)**] hoặc [**5: Firmware ver. (Phiên bản firmware)**].
 - Chọn chức năng chụp <**1**>, <**2**> hoặc <**3**>.
- Khi phim time-lapse kết thúc, các thiết lập sẽ được xóa tự động và máy ảnh trở về chế độ quay phim thông thường. Chú ý rằng nếu bạn thiết lập tốc độ màn trập chậm cho quay phim time-lapse và các thiết lập bị xóa tự động, tốc độ màn trập có thể sẽ tự động được đổi thành tốc độ trong phạm vi có thể thiết lập cho quay phim thông thường.
- Nếu bạn bắt đầu quay phim time-lapse trong khi biểu tượng <**1**> màu trắng (tr.348) hiển thị, chất lượng ảnh của phim time-lapse có thể bị xấu đi. Bạn nên bắt đầu quay phim time-lapse sau khi biểu tượng <**1**> màu trắng biến mất (nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm).

 Bạn có thể quay phim time-lapse với Pin LP-E6N đã sạc đầy như trong bảng dưới đây (thời gian ước chừng từ khi bắt đầu chụp đến khi hết pin). Thời gian có thể quay phim sẽ khác nhau tùy vào điều kiện chụp.

Tổng thời gian có thể quay phim time-lapse (Ước chừng)

Quay phim time-lapse	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Quăng chụp: 1 giây	3 giờ 50 phút	3 giờ 40 phút.
Quăng chụp: 10 giây	5 giờ 20 phút	5 giờ 10 phút

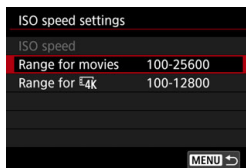
 Bạn có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.283) để bắt đầu và tạm dừng quay phim time-lapse. Đặt [ **5: Remote control (Điều khiển từ xa)**] thành [**Disable (Tắt)**].

Khi sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6

Trạng thái máy ảnh/Thiết lập điều khiển từ xa	<2> (Trì hoãn 2 giây)	<●> (Chụp ngay)
Màn hình chụp thử	Sẵn sàng để chụp	Chụp ảnh
Sẵn sàng chụp	Màn hình chụp thử	Bắt đầu chụp
Trong khi quay phim time-lapse	Kết thúc chụp	Kết thúc chụp

MENU Thiết lập chức năng menu

02



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <M>, thiết lập [02: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)] sẽ đổi thành [ISO speed (Tốc độ ISO)], [Range for movies (Phạm vi cho phim)] và [Range for 4K (Phạm vi cho 4K)].

● ISO Speed Settings (Thiết lập tốc độ ISO)

● ISO speed (Tốc độ ISO)

Ở chế độ <M>, bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng tay. Bạn cũng có thể chọn ISO tự động. Bạn cũng có thể sử dụng nút <ISO> cho các thiết lập này.

● Range for movies (Phạm vi cho phim)

Đối với quay phim Full HD và quay phim tốc độ khung hình cao (HD), bạn có thể đặt phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động và bằng tay (giới hạn tối thiểu và tối đa). Thiết lập mặc định là ISO 100 - ISO 25600. Bạn có thể thiết lập mức thấp nhất trong khoảng ISO 100 đến H1 (tương đương ISO 51200) và mức cao nhất trong khoảng ISO 200 đến H2 (tương đương ISO 102400).

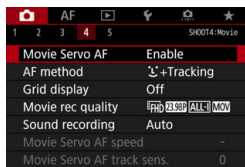
● Range for 4K (Phạm vi cho 4K)

Đối với quay phim 4K, bạn có thể đặt phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động và bằng tay (giới hạn tối thiểu và tối đa). Thiết lập mặc định là ISO 100 - ISO 12800. Bạn có thể thiết lập mức thấp nhất trong khoảng ISO 100 đến H1 (tương đương ISO 51200) và mức cao nhất trong khoảng ISO 200 đến H2 (tương đương ISO 102400).



- Đối với quay phim Full HD và HD, tốc độ ISO mở rộng là ISO 32000. Đối với quay phim 4K, tốc độ ISO mở rộng là ISO 16000, 20000, 25600 và 32000. Khi thiết lập các tốc độ ISO này, [H] sẽ hiển thị.
- Tham khảo trang 182 để tìm hiểu thêm về [02: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)] khi chụp ảnh (chụp qua khung ngắm hoặc chụp Live View).

4



Nếu đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <  >, các tab [4] và [5] sẽ hiển thị là tùy chọn menu dành riêng cho quay phim (tab [2] và [3] trong chế độ <  >).

● **Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)**

Khi bật chức năng này, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét vào chủ thể trong quá trình quay phim. Thiết lập mặc định là [**Enable (Bật)**].

Khi đặt thành [Enable (Bật)]:

- Máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp.
- Nếu muốn tiếp tục lấy nét ở một điểm nhất định hoặc không muốn ghi lại tiếng ồn thao tác ống kính, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim như sau.
 - Chạm vào biểu tượng [] ở phía dưới bên trái màn hình.
 - Nếu bạn gán [**Pause Movie Servo AF (Tạm dừng lấy nét Servo phim)**] (tr.508) trong [**3: Custom controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] cho một nút nào đó, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim bằng cách nhấn nút này. Khi nhấn lại nút, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
 - Nếu bạn gán [**AF stop (Dừng AF)**] (tr.505) cho một nút nào đó, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim trong khi nhấn giữ nút này. Khi nhả nút ra, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
- Khi Lấy nét Servo phim đang tạm dừng, nếu bạn trở lại chế độ quay phim sau khi thực hiện các thao tác như nhấn nút < **MENU** > hoặc <  >, hay thay đổi phương pháp AF, Lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.

Khi đặt thành [Disable (Tắt)]:

- Nhấn nửa chừng nút chụp hoặc nhấn nút < **AF-ON** > để lấy nét.



Thận trọng khi đặt [Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành [Enable (Bật)]

- **Các điều kiện chụp khó lấy nét**
 - Chủ thể chuyển động nhanh đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
 - Chủ thể chuyển động ở khoảng cách gần phía trước máy ảnh.
 - Với chỉ số khẩu độ f lớn hơn
 - Tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” ở trang 328.
- Do ống kính hoạt động liên tục nên pin sẽ tiêu tốn năng lượng và thời gian quay phim sẽ giảm (tr.363).
- Với một số loại ống kính, tiếng ồn do hoạt động của ống kính khi lấy nét có thể bị ghi lại. Nếu điều này xảy ra, bạn có thể sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để giảm tiếng ồn hoạt động của ống kính bị ghi lại.
- Lấy nét Servo phim sẽ tạm dừng trong chế độ xem phóng to hoặc khi đang zoom.
- Trong khi quay phim, nếu chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa, hoặc nếu di chuyển máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang (lĩa máy), hình ảnh phim được ghi có thể mở rộng hoặc co lại (thay đổi hệ số phóng to ảnh) trong giây lát.
- Trong khi lấy nét Servo phim, nếu muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, trước tiên đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <📷>.

- **AF method (Phương pháp AF)**

Bạn có thể chọn [**ℳ+Tracking (ℳ+Theo dõi)**], [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**]. Tham khảo trang 320 để tìm hiểu thêm về phương pháp AF.

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Khi đặt thành [**3x3** ] hoặc [**6x4** ], đường lưới sẽ hiển thị giúp cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp. Ngoài ra, khi đặt thành [**3x3+diag** ] (**3x3+chéo** )], khung lưới sẽ hiển thị với các đường chéo giúp bạn tạo cân bằng tốt hơn cho bố cục ảnh bằng cách căn chỉnh các đường giao nhau lên chủ thể.

Lưu ý rằng khung lưới sẽ không hiển thị khi quay phim.

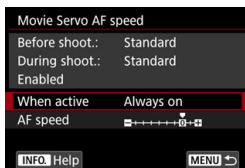
- **Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)**

Bạn có thể đặt định dạng ghi phim (MOV hoặc MP4), kích thước ghi phim, 24,00p và quay phim tốc độ khung hình cao. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 355.

- **Sound recording (Ghi âm)**

Bạn có thể điều chỉnh các chức năng ghi âm. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 366.

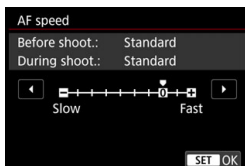
● Movie Servo AF Speed (Tốc độ lấy nét Servo phim) *



Bạn có thể thiết lập tốc độ AF của chức năng lấy nét Servo phim và các điều kiện hoạt động của chức năng này.

Có thể thiết lập chức năng này khi đặt **[Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)]** thành **[Enable (Bật)]** và **[AF method (Phương pháp AF)]** được đặt thành **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**.

Ngoài ra, chức năng này được bật khi sử dụng ống kính hỗ trợ tính năng chuyển lấy nét chậm trong khi quay phim*.



When active (Khi bật):

[Always on (Luôn bật)] thiết lập tốc độ điều chỉnh lấy nét để luôn hoạt động (trước và trong khi quay phim).

[During shooting (Trong khi quay)] thiết lập tốc độ điều chỉnh lấy nét để chỉ hoạt động trong khi quay phim.

AF speed (Tốc độ AF):

Bạn có thể điều chỉnh tốc độ AF (tốc độ chuyển lấy nét) từ tốc độ bình thường sang chậm (một trong bảy mức) hoặc nhanh (một trong hai mức) để có được hiệu ứng mong muốn cho phim.

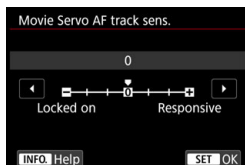
* Ống kính hỗ trợ tính năng chuyển lấy nét chậm trong khi quay phim

Ống kính tương thích là các ống kính USM và STM bán trên thị trường từ năm 2009. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang web của Canon.



Đặt **[AF method (Phương pháp AF)]** thành **[$\mathcal{T}$ +Tracking ($\mathcal{T}$ +Theo dõi)]** hoặc **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]** sẽ tạo ra cùng hiệu ứng như khi đặt **[AF speed (Tốc độ AF)]** thành **[Standard (0) (Tiêu chuẩn (0))]**.

● **Movie Servo AF tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim) ☆**



Bạn có thể thay đổi độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim với một trong bảy mức. Thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng của độ nhạy theo dõi lấy nét khi chủ thể chệch khỏi điểm AF, ví dụ như khi lia máy hoặc khi có chướng ngại vật chắn giữa điểm AF.

Có thể thiết lập chức năng này khi đặt **[Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)]** thành **[Enable (Bật)]** và **[AF method (Phương pháp AF)]** được đặt thành **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**.

Locked on (Khóa): -3/-2/-1

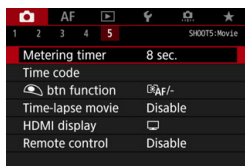
Thiết lập này tránh cho máy ảnh theo dõi chủ thể khác nếu điểm AF làm mất dấu chủ thể ban đầu. Càng thiết lập về gần dấu trừ (-), máy ảnh sẽ càng ít theo dõi chủ thể khác. Có hiệu quả khi bạn muốn ngăn điểm AF theo dõi vật không phải chủ thể mục tiêu trong khi lia máy hoặc khi chướng ngại vật vụt qua điểm AF.

Responsive (Phản ứng): +1/+2/+3

Thiết lập này giúp máy ảnh phản ứng nhạy hơn khi theo dõi chủ thể nằm trong điểm AF. Càng thiết lập về gần dấu cộng (+), máy ảnh sẽ càng nhạy hơn. Hiệu quả khi bạn muốn giữ theo dõi chủ thể chuyển động do khoảng cách từ chủ thể đến máy ảnh thay đổi hoặc để lấy nét nhanh vào chủ thể khác.

Đặt **[AF method (Phương pháp AF)]** thành **[‘+’+Tracking (‘+’+Theo dõi)]** hoặc **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]** sẽ tạo ra cùng hiệu ứng như khi đặt **[0]**.

5



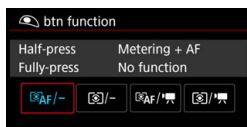
- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) [☆]**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

- **Time code (Mã thời gian)**

Bạn có thể đặt mã thời gian. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 369.

● button function (Chức năng nút)



Bạn có thể thiết lập chức năng bằng cách nhấn nửa chừng hoặc hoàn toàn nút chụp trong khi quay phim.

Thiết lập	Nhấn nửa chừng	Nhấn hoàn toàn
AF/-	Đo sáng và AF	Không có chức năng
/-	Chỉ đo sáng	Không có chức năng
AF/[M]	Đo sáng và AF	Bắt đầu/dừng quay phim
/[M]	Chỉ đo sáng	Bắt đầu/dừng quay phim

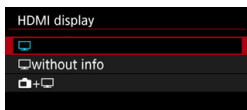
Nếu đã đặt [AF/[M]] hoặc [/[M]], ngoài việc nhấn nút <START/STOP>, bạn có thể bắt đầu hoặc dừng quay phim bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp hay sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng, tr.283).

-  ● Kể cả khi bạn đặt [ 5:  button function (Chức năng nút )] thành [/-] hay [/[M]], Lấy nét tự động sẽ hoạt động khi quay phim time-lapse bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Trong khi quay phim, thiết lập [ 5:  button function (Chức năng nút )] sẽ ghi đè tất cả chức năng được gán cho nút chụp trong [ 3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].

● Time-lapse movie (Phim time-lapse)

Bạn có thể quay phim time-lapse. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 375.

● HDMI display (Hiển thị HDMI)



Chức năng này cho phép bạn chọn tùy chọn hiển thị trong khi ghi đầu ra video HDMI bằng thiết bị ghi ngoài. Phim sẽ xuất ra ở chất lượng Full HD (1920x1080). Thiết lập mặc định là [TV].

● Khi đặt [TV]:

- Sau khi xuất phim qua HDMI, màn hình LCD của máy ảnh sẽ tắt.
- Thông tin quay, điểm AF, v.v... sẽ hiển thị trên đầu ra video HDMI. Tuy nhiên, nếu bạn nhấn nút <INFO.> trong khi xem màn hình ngoài kết nối với thiết bị ghi ngoài, bạn có thể xem video đầu ra mà không hiển thị thông tin.
- Nếu không kết nối HDMI, ngay cả khi bạn nhấn nút <INFO.> trong khi xem màn hình LCD của máy ảnh, đầu ra sẽ vẫn hiển thị thông tin.
- Để ghi video mà không hiển thị thông tin, kiểm tra để đảm bảo không có thông tin quay hay điểm AF hiển thị trên màn hình ngoài, v.v... Bạn nên đặt [TV without info (TV không có thông tin)].

● Khi đặt [TV without info (TV không có thông tin)]:

- Sau khi xuất phim qua HDMI, màn hình LCD của máy ảnh sẽ tắt.
- Đầu ra HDMI sẽ chỉ bao gồm hình ảnh phim (thông tin quay, điểm AF, v.v... sẽ không hiển thị).

● Khi đặt [TV]+[TV]:

- Trong khi hiển thị phim trên màn hình LCD, bạn có thể hiển thị phim dưới dạng đầu ra HDMI.
- Ngay cả khi bạn phát lại hình ảnh hoặc hiển thị menu, hình ảnh hoặc menu sẽ không hiển thị trên thiết bị đầu ra HDMI.

? Cách kéo dài video HDMI

Để kéo dài video HDMI hơn 30 phút, chọn [] hoặc [without info (không có thông tin)], sau đó đặt [**⚡2: Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.76).



- Không thể xuất ra video HDMI ở chất lượng 4K. (Ngay cả khi đặt [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] thành 4K, phim vẫn sẽ được xuất ra ở chất lượng Full HD.)
- Đầu ra HDMI không có thông tin sẽ không hiển thị dung lượng còn lại của thẻ, mức pin, cảnh báo nhiệt độ bên trong (tr.395) hay các cảnh báo khác trên màn hình của thiết bị đầu ra HDMI. Đặc biệt thận trọng khi đặt [without info (không có thông tin)]. Khi đặt [+], bạn có thể thấy cảnh báo hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.
- Khi không quay phim, máy sẽ tự động tắt nguồn sau khi hết thời gian đã đặt cho [**⚡2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**]. Nếu bạn chọn [+] và đặt [**⚡2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], đầu ra HDMI sẽ dừng nếu bạn không sử dụng máy ảnh trong 30 phút (quá trình quay phim sẽ bị hủy).
- Khi đặt [without info (không có thông tin)] và nhấn các nút như <WB+> hoặc <•ISO>, màn hình thiết lập có thể hiển thị trên đầu ra video HDMI. Trong khi ghi phim vào thiết bị ghi ngoài, bạn không nên thao tác các nút.
- Tùy vào môi trường xem, độ sáng và màu sắc của phim đã quay bằng máy ảnh có thể khác với độ sáng và màu sắc của đầu ra video HDMI được ghi bằng thiết bị ghi ngoài.



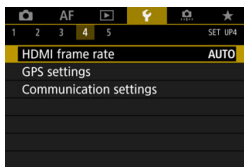
- Bằng cách nhấn nút <INFO.>, bạn có thể thay đổi thông tin hiển thị trên màn hình.
- Có thể thêm mã thời gian vào đầu ra video HDMI (tr.371).
- Âm thanh cũng sẽ được xuất ra đối với đầu ra HDMI (trừ khi đặt [**Sound rec.: Disable (Ghi âm: Tắt)**]).

- **Remote control shooting (Chụp điều khiển từ xa)**

Khi đặt [**Enable (Bật)**], bạn có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.283) để bắt đầu hoặc dừng quay phim.

Đặt công tắc nhả chế độ của Bộ điều khiển RC-6 thành <2>, rồi nhấn nút truyền. Nếu đặt công tắc thành <●> (nhả ngay lập tức), thiết lập [ **btn function (Chức năng nút **)] sẽ được áp dụng.

4



● HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)

Đối với đầu ra HDMI, bạn có thể đặt tốc độ khung hình thành **[Auto (Tự động)]**, **[59.94i/50.00i]**, **[59.94p/50.00p]** hoặc **[23.98p]**. Đặt tốc độ khung hình tương thích với thiết bị ghi ngoài bán sẵn trên thị trường mà bạn sẽ sử dụng để ghi phim qua đầu ra HDMI.

- Khi đặt **[24.00p]** trong **[CAM 4: Movie rec quality (Chất lượng ghi phim)]** thành **[Enable (Bật)]**, bạn không thể đặt **[4: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)]**. Phim 1080/24,00p sẽ được xuất ra qua HDMI.
- Đầu ra HDMI trong khi quay phim tốc độ khung hình cao sẽ không xuất phim ở tốc độ 119,9p/100,0p.
- Đầu ra HDMI với thiết lập tốc độ khung hình cao sẽ có hình ảnh phim 59,94p/50,00p cho đầu ra HDMI theo thiết lập **[4: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)]**.

- Tốc độ khung hình có thể chọn sẽ khác nhau tùy vào thiết lập **[3: Video system (Hệ thống video)]**.
- Nếu hình ảnh không xuất hiện trên thiết bị đầu ra HDMI, đặt chính xác **[3: Video system (Hệ thống video)]** thành **[For NTSC (Đối với NTSC)]** hoặc **[For PAL (Đối với PAL)]** (tùy vào hệ thống video của thiết bị đầu ra).
- Nếu tốc độ khung hình được đặt bằng tay không tương thích với thiết bị ghi ngoài, tốc độ khung hình sẽ được đặt tự động.
- Nếu đặt **[4: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)]** là **[59.94i]** hoặc **[59.94p]** với kích thước ghi phim là **[23.98P]** (23,98 fps), quá trình “giảm xuống 2-3” sẽ được thực hiện.



Các lưu ý chung khi quay phim

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh <🔥> màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <🔥> màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <🔥> màu đỏ cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho biểu tượng <🔥> xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.

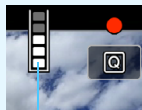
Ghi âm và chất lượng ảnh

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim tùy thuộc vào điều kiện chụp. Khi không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, chẳng hạn như khi chụp với chân máy, nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Khi sử dụng phơi sáng tự động hoặc tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, nếu độ sáng khi quay phim thay đổi, phim có thể tạm thời bị dừng hình. Trong trường hợp đó, hãy quay phim với tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ hoặc phơi sáng chỉnh tay.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, hình ảnh có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Nếu phát lại phim trên thiết bị khác, chất lượng hình ảnh hoặc âm thanh có thể xấu đi hoặc không thể xem (ngay cả khi thiết bị đó hỗ trợ định dạng MOV/MP4).

Các lưu ý chung khi quay phim

Ghi âm và chất lượng ảnh

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo năm mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong khi quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại.



Thang đo

- Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ.
- Nếu thang đo cho thấy thẻ nhớ đã đầy và tự động dừng quay phim, âm thanh gần cuối phim có thể không được ghi lại hoàn toàn.
 - Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm (do phân mảnh) và thang đo xuất hiện, định dạng thẻ có thể giúp tốc độ ghi nhanh hơn.

Hạn chế trên phim định dạng MP4

Lưu ý rằng thông thường phim định dạng MP4 có các hạn chế sau.

- Âm thanh sẽ không được ghi cho khoảng hai khung hình cuối cùng.
- Khi xem phim trên Windows, hình ảnh và âm thanh phim có thể hơi lệch.

10

Xem lại ảnh

Chương này giới thiệu cách xem lại và xóa ảnh/phim đã chụp/quay, cách xem lại trên màn hình TV và các chức năng khác liên quan tới xem lại.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh có thể không hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc tập tin ảnh đã bị đổi tên.

▶ Xem lại ảnh

Hiển thị từng ảnh



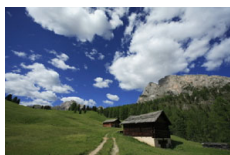
1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶>.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

- Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp cuối cùng, xoay nút xoay <◀> ngược chiều kim đồng hồ. Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp đầu tiên, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



Không có thông tin



Hiển thị thông tin cơ bản



Hiển thị thông tin chụp

3 Thoát xem ảnh.

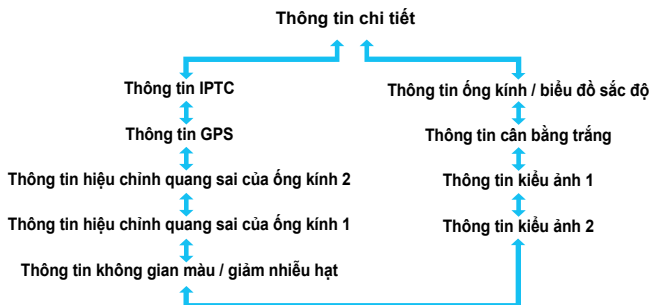
- Nhấn nút <▶> để thoát xem ảnh và quay lại trạng thái sẵn sàng chụp.



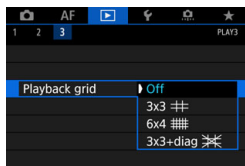
Nếu [⚙️ 4: Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh)] được đặt thành tùy chọn khác với [Off (Tắt)] (tr.495), khi xem lại, ảnh chụp sẽ hiển thị các đường biểu thị khu vực ảnh.

Hiển thị thông tin chụp

Khi màn hình thông tin chụp hiển thị (tr.398), bạn có thể nghiêng nút xoay <⤵️> lên hoặc xuống để chuyển thông tin chụp hiển thị ở dưới cùng màn hình như sau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo các trang 402-404.



MENU Hiển thị khung lưới



Trong chế độ hiển thị ảnh đơn và chế độ hiển thị hai ảnh (tr.412), bạn có thể hiển thị khung lưới trên ảnh đang xem.

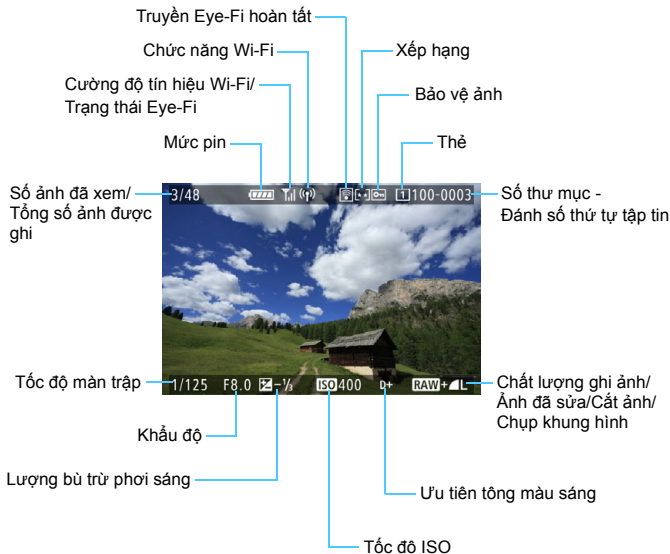
Với [**▶ 3: Playback grid (Khung lưới khi xem)**], có thể chọn [**3x3** ], [**6x4** ] hoặc [**3x3+diag** ] (**3x3+chéo** )].

Đây là chức năng tiện lợi để kiểm tra độ nghiêng theo chiều ngang và dọc, cũng như bố cục ảnh.

INFO.: Hiển thị thông tin chụp

Thông tin mẫu cho ảnh

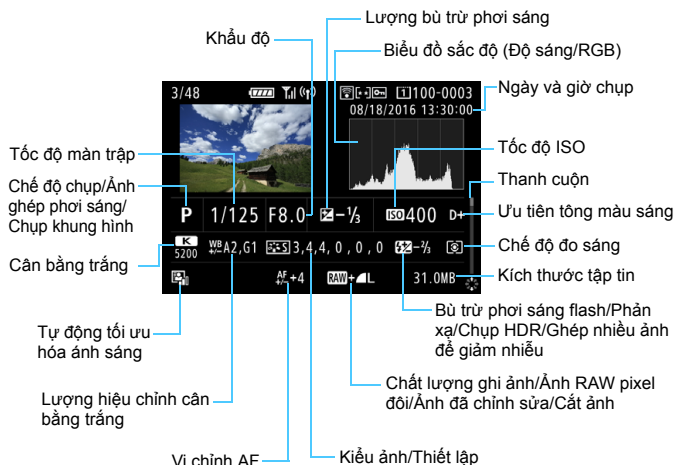
● Hiển thị thông tin cơ bản



- Một số thông tin chụp có thể sẽ không hiển thị nếu ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Ảnh chụp với máy ảnh này có thể không xem lại được trên máy ảnh khác.

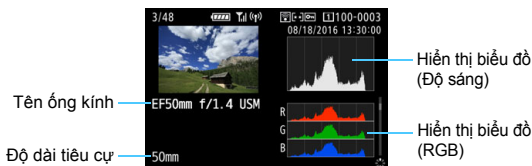
● Hiển thị thông tin chụp

● Thông tin chi tiết

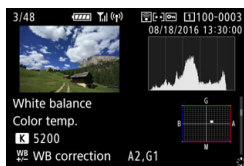


- * Khi chụp với chất lượng ảnh RAW+JPEG, kích thước tập tin ảnh RAW sẽ hiển thị.
- * Các đường biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị cho ảnh chụp được đặt tỷ lệ khung ảnh (tr.314) và cho chất lượng ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG.
- * Biểu tượng <DPR> sẽ hiển thị cho ảnh được chụp với chế độ chụp ảnh RAW pixel đôi.
- * Đường biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị cho ảnh đi kèm thông tin cắt ảnh (tr.495).
- * Trong quá trình chụp ảnh có đèn flash mà không bù trừ phơi sáng flash, biểu tượng <F> sẽ hiển thị.
- * Biểu tượng <M> sẽ hiển thị cho ảnh được chụp với chế độ chụp phân xạ.
- * Biểu tượng <HDR> và lượng điều chỉnh dải tương phản động sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp ở chế độ HDR.
- * Biểu tượng sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp ghép phơi sáng.
- * Biểu tượng <NR> sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp với ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- * Biểu tượng <C> sẽ hiển thị cho ảnh được tạo và lưu bằng cách xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh, cắt ảnh và chụp khung hình.
- * Biểu tượng <T> sẽ hiển thị đối với ảnh được lưu sau khi cắt.

- Thông tin ống kính / biểu đồ sắc độ



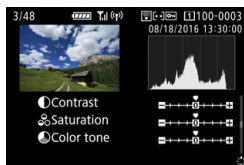
- Thông tin cân bằng trắng



- Thông tin kiểu ảnh 1

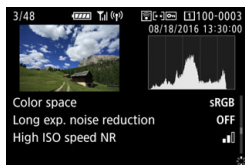


- Thông tin kiểu ảnh 2

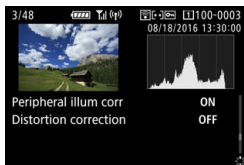


Ảnh chụp khung hình của phim 4K được lưu dưới dạng ảnh (tr.431) sẽ không hiển thị một số màn hình thông tin chụp.

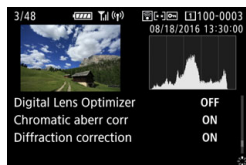
- Không gian màu / Thông tin giảm nhiễu hạt



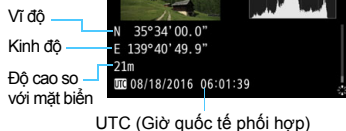
- Thông tin hiệu chỉnh quang sai của ống kính 1



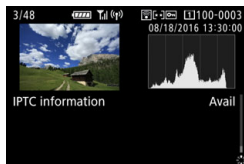
- Thông tin hiệu chỉnh quang sai của ống kính 2



- Thông tin GPS

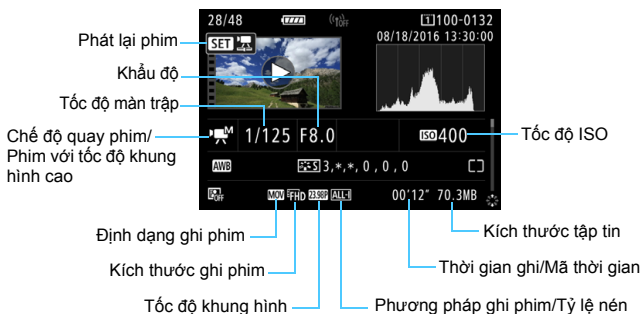


- Thông tin IPTC



 Nếu thông tin GPS không được ghi hoặc thông tin IPTC không được thêm vào ảnh, màn hình thông tin GPS hoặc màn hình thông tin IPTC sẽ không hiển thị.

Hiển thị thông tin phim mẫu



- <[M] / [H] / [H] / [H]>: Tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- <[M] / [H] / [H]>: Khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- <[M] / [H] / [H]>: Tốc độ màn trập và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- <[M] / [H] / [H]> + ISO tự động: Tốc độ ISO sẽ không hiển thị.

 Trong khi xem lại phim, “*” sẽ hiển thị cho **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]** của **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**.

● Highlight Alert (Cảnh báo vùng sáng)

Khi đặt [**3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**] thành **[Enable (Bật)]**, vùng dư sáng sẽ nhấp nháy. Để thu được hiệu ứng chuyển màu chi tiết hơn ở khu vực nhấp nháy bạn muốn tái tạo hiệu ứng chuyển màu một cách chân thực, thiết lập bù trừ phơi sáng sang âm rồi chụp lại.

● AF Point Display (Hiển thị điểm AF)

Khi [▶3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)] được đặt thành [Enable (Bật)], điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu đặt chọn điểm AF tự động, máy ảnh có thể sẽ hiển thị nhiều điểm AF.

● Histogram (Biểu đồ sắc độ)

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB để kiểm tra độ bão hòa màu và độ chuyển màu. Có thể thay đổi hiển thị với [▶3: Histogram disp. (Hiển thị biểu đồ)].

● Hiển thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu thị mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu thị số lượng điểm ảnh ở mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ chuyển màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể biết được xu hướng của mức phơi sáng và độ chuyển màu tổng thể.

Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

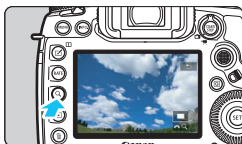
● Hiển thị [RGB]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu thị mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu thị số lượng điểm ảnh ở mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ẩm màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bão hòa và không có độ chuyển màu. Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể biết được độ chuyển màu và tình trạng bão hòa của màu, cũng như xu hướng cân bằng trắng.

▶ Tìm kiếm ảnh nhanh chóng

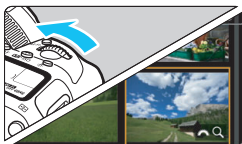
▣ Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)

Tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4, 9, 36 hoặc 100 ảnh trên một màn hình.



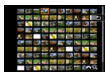
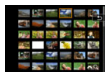
1 Nhấn nút <Q>.

- Trong khi xem lại ảnh hoặc khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp, nhấn nút <Q>.
- [ Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ.
- Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được đánh dấu bằng khung màu cam.
- Tiếp tục xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 9 ảnh sang 36 ảnh, rồi sang 100 ảnh. Nếu xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ, sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 100 ảnh, 36 ảnh, 9 ảnh, 4 ảnh sang 1 ảnh.

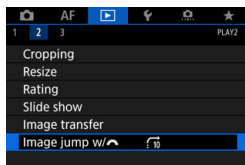


3 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay < > hoặc < > để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh.
- Nhấn nút <Q> để tắt biểu tượng [ Q], rồi xoay nút xoay < > để hiển thị ảnh trên màn hình kế tiếp hoặc trước đó.
- Nhấn < > trong hiển thị bảng kê để hiển thị ảnh đã chọn dưới dạng từng ảnh.

Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)

Với hiển thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay < > để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/] (Nhảy ảnh với).

- Trong tab [ 2], chọn [Image jump w/ ] (Nhảy ảnh với ), rồi nhấn < >.



- Chọn kiểu nhảy ảnh, rồi nhấn < >.

: Hiển thị từng ảnh

: Nhảy 10 ảnh

: Nhảy 100 ảnh

: Hiển thị theo ngày

: Hiển thị theo thư mục

: Chỉ hiển thị phim

: Chỉ hiển thị ảnh

: Chỉ hiển thị ảnh được bảo vệ

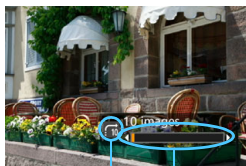
: Hiển thị theo xếp hạng ảnh

(tr.419)

Xoay nút xoay < > để chọn.

Nếu bạn duyệt ảnh đã đánh dấu

★, máy sẽ hiển thị tất cả ảnh đã xếp hạng.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem lại

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

- Nhấn nút < ▶ > để xem lại ảnh.
- Trên hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay < ⏮ >.
- ▶ Bạn có thể duyệt ảnh theo cách thức đã đặt.



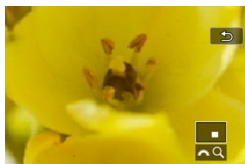
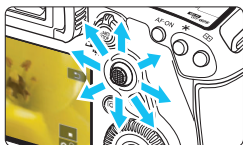
- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [**Date (Ngày tháng)**].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [**Folder (Thư mục)**].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [**Movies (Phim)**] hoặc [**Stills (Ảnh)**] để hiển thị một trong hai loại.
- Nếu đặt kiểu nhảy ảnh thành [**Protect (Bảo vệ)**] hoặc [**Rating (Xếp hạng)**] nhưng ảnh chưa được thiết lập bảo vệ hay xếp hạng, không thể sử dụng nút xoay < ⏮ > để duyệt qua các ảnh.

🔍 Phóng to ảnh

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 10x trên màn hình LCD.



Vị trí khu vực phóng to



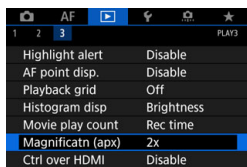
1 Phóng to ảnh.

- Ảnh có thể được phóng to trong các trường hợp sau: 1. Trong khi xem lại ảnh (hiển thị từng ảnh), 2. Trong khi xem lại ảnh sau khi chụp, và 3. Từ trạng thái sẵn sàng chụp.
- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Xem phóng to sẽ xuất hiện. Khu vực phóng to và [🔍 Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.
- Hệ số phóng to ảnh sẽ tăng khi xoay nút xoay <🔍> ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể phóng to ảnh tối đa khoảng 10x.
- Hệ số phóng to ảnh sẽ giảm khi xoay nút xoay <🔍> ngược chiều kim đồng hồ. Chỉ trong trường hợp 1 và 3, tiếp tục xoay nút xoay sẽ chuyển sang hiển thị bảng kê (tr.407).

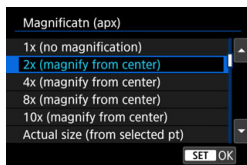
2 Di chuyển quanh ảnh.

- Sử dụng nút <🔍> để di chuyển quanh ảnh phóng to.
- Nhấn nút <Q> hoặc <▶> để thoát chế độ xem phóng to.

- Trong trường hợp 1 và 3, bạn có thể xoay nút xoay <🔍> để xem ảnh khác trong khi giữ nguyên chế độ phóng to.
- Không thể phóng to phim.

MENU Thiết lập tỷ lệ và vị trí phóng to ban đầu

Trong tab [▶3], khi chọn [**Magnificatn (apx) (Hệ số phóng to (ước chừng))**], bạn có thể thiết lập tỷ lệ và vị trí phóng to ban đầu cho chế độ hiển thị phóng to.



- **1x (no magnification) (1x (không phóng to))**
Ảnh không được phóng to. Hiển thị phóng to sẽ bắt đầu với ảnh đơn.
- **2x, 4x, 8x, 10x (magnify from center) (2x, 4x, 8x, 10x (phóng to từ trung tâm))**
Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh tại mức phóng to đã chọn.
- **Actual size (from selected point) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**
Điểm ảnh được ghi sẽ hiển thị ở mức xấp xỉ 100%. Hiển thị phóng to bắt đầu tại điểm AF được lấy nét. Nếu ảnh được chụp ở chế độ lấy nét tay, hiển thị phóng to sẽ bắt đầu ở trung tâm ảnh.
- **Same as last magnification (from center) (Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm))**
Mức phóng to sẽ giống như lần gần nhất bạn thoát hiển thị phóng to bằng nút <▶> hoặc <Q>. Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh.



Đối với ảnh chụp với [**⏏+Tracking (⏏+Theo dõi)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] (tr.320) hoặc với [**Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.211), xem phóng to sẽ bắt đầu từ giữa ảnh ngay cả khi đã đặt [**Actual size (from selected pt) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**].

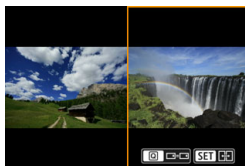
So sánh ảnh (Hiện thị hai ảnh)

Bạn có thể so sánh hai ảnh đặt cạnh nhau trên màn hình LCD. Trong chế độ hiển thị hai ảnh, bạn có thể sử dụng hiển thị phóng to, hiển thị nhảy ảnh, bảo vệ, xếp hạng và xóa ảnh.



1 Đặt hiển thị hai ảnh.

- Trong khi xem ảnh, nhấn nút .
- Hiện thị bằng kê hai ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được đánh dấu bằng khung màu cam.



2 Chọn ảnh cần so sánh.

- Nhấn  sẽ chuyển khung màu cam giữa hai ảnh.
- Xoay nút xoay  để chọn ảnh.
- Lặp lại quy trình này để chọn ảnh khác cần so sánh.

- Nếu ảnh bên trái và phải giống nhau, biểu tượng  sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái của cả hai ảnh.
- Nhấn nút  để đặt mức phóng to giống nhau và khu vực phóng to cho cả hai ảnh. (Thiết lập hệ số phóng to sẽ bằng với ảnh không được tô sáng bằng khung màu cam.)
- Giữ nút  để hiển thị ảnh được tô sáng bằng khung màu cam làm ảnh đơn.
- Để trở lại hiển thị trước, nhấn nút .



Không thể bắt đầu phát lại phim ở chế độ hiển thị hai ảnh.



Nhấn nút  để thay đổi hiển thị thông tin.

Xem lại bằng màn hình cảm ứng

Màn hình LCD là bảng điều khiển cảm ứng cho phép bạn thao tác bằng ngón tay khi xem ảnh. **Trước tiên, nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.**

Duyệt ảnh



Lướt bằng một ngón tay.

- Trong hiển thị từng ảnh, sử dụng **một ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Lướt ngón tay về bên trái hoặc bên phải để duyệt ảnh trước hoặc ảnh tiếp theo.

Lướt sang trái để xem ảnh tiếp theo (mới hơn) hoặc lướt sang phải để xem ảnh trước (cũ hơn).

- Khi hiển thị bằng kê, sử dụng **một ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Lướt ngón tay lên trên hoặc xuống dưới để duyệt màn hình trước hoặc màn hình tiếp theo.

Lướt lên trên để xem ảnh tiếp theo (mới hơn) hoặc lướt xuống dưới để xem ảnh trước (cũ hơn).

Khung màu cam sẽ xuất hiện khi chọn ảnh. Chạm lại vào ảnh để hiển thị từng ảnh.

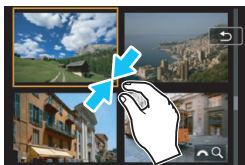
Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)



Lướt bằng hai ngón tay.

Sử dụng **hai ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Khi lướt hai ngón tay sang trái hoặc sang phải trên màn hình, bạn có thể nhảy qua các ảnh bằng kiểu nhảy thiết lập trong [Image jump w/ ] (Nhảy ảnh với ) ở tab [▶2].

Thu nhỏ ảnh (Hiện thị bảng kê)

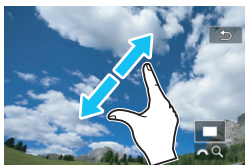


Kẹp hai ngón tay.

Chạm vào màn hình bằng hai ngón tay mở rộng và kẹp hai ngón tay lại trên màn hình.

- Mỗi lần kẹp hai ngón tay lại, ảnh sẽ thu nhỏ. Kẹp hai ngón tay trên màn hình hiển thị từng ảnh sẽ chuyển thành hiển thị bảng kê 4 ảnh.
- Khung màu cam sẽ xuất hiện khi chọn ảnh. Chạm lại vào ảnh để hiển thị từng ảnh.

Phóng to ảnh



Mở rộng hai ngón tay sang hai bên.

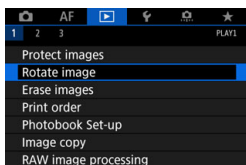
Chạm vào màn hình bằng hai ngón tay chụm vào, rồi mở rộng ngón tay sang hai bên.

- Khi mở rộng các ngón tay, ảnh sẽ được phóng to.
- Ảnh có thể được phóng to tối đa khoảng 10x.
- Bạn có thể di chuyển quanh ảnh bằng thao tác lướt ngón tay.
- Nếu mở rộng hai ngón tay trên hiển thị bảng kê 4 ảnh, màn hình sẽ chuyển thành hiển thị từng ảnh.
- Chạm vào biểu tượng [↶] để trở về hiển thị từng ảnh.

 Bạn cũng có thể thực hiện thao tác chạm trên màn hình LCD của máy ảnh khi xem ảnh trên TV đã kết nối với máy ảnh (tr.436).

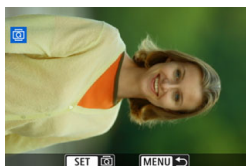
Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.



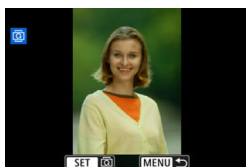
1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh muốn xoay.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh cần xoay.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.407).



3 Xoay ảnh.

- Mỗi lần nhấn <SET>, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau: 90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.

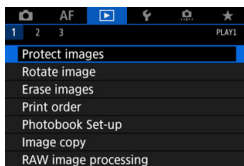


- Nếu đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On**] (Bật) (tr.448) trước khi chụp ảnh dọc, không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng thiết lập trong khi xem lại ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On**] (Bật).
- Không thể xoay phim.

Bảo vệ ảnh

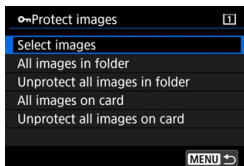
Bạn có thể bảo vệ ảnh khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh



1 Chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)], rồi nhấn <  >.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Ảnh hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh



3 Chọn ảnh muốn bảo vệ.

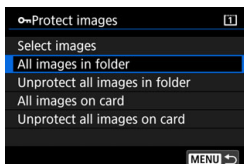
- Xoay nút xoay <  > để chọn ảnh sẽ bảo vệ.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.407).

4 Bảo vệ ảnh.

- Nhấn <  > để bảo vệ ảnh đã chọn. Biểu tượng <  > sẽ xuất hiện ở phía trên cùng của màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại <  >.
- Để hủy bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3 và 4.

MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] trong [**1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [**Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**].

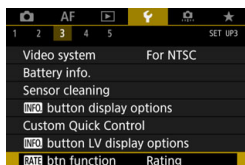
 Nếu định dạng thẻ (tr.73), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.



- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh đã bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh đã bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.445), sẽ chỉ còn lại ảnh đã bảo vệ. Tính năng này giúp xóa các ảnh không cần thiết cùng một lúc.
- Khi chọn [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**], ảnh sẽ được bảo vệ hoặc hủy bảo vệ trên thẻ đã chọn cho [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Phát lại)**] trong [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**].

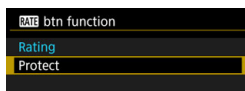
Bảo vệ ảnh với nút <RATE>

Trong khi xem ảnh, bạn có thể sử dụng nút <RATE> để bảo vệ ảnh.



1 Chọn [RATE] btn function (Chức năng nút [RATE]).

- Trong tab [F3], chọn [RATE] btn function (Chức năng nút [RATE]), rồi nhấn <SET>.

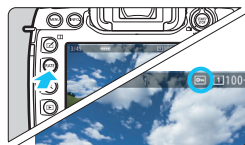


2 Chọn [Protect (Bảo vệ)].



3 Chọn ảnh muốn bảo vệ.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.
- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh sẽ bảo vệ.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bảng kê (tr.407).



4 Bảo vệ ảnh.

- Khi nhấn nút <RATE>, ảnh sẽ được bảo vệ và biểu tượng <On> sẽ xuất hiện.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại nút <RATE>. Biểu tượng <On> sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3 và 4.

Thiết lập xếp hạng

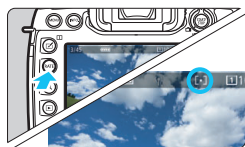
Bạn có thể xếp hạng ảnh và phim với một trong năm dấu xếp hạng: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.

Xếp hạng ảnh bằng nút <RATE>



1 Chọn ảnh muốn xếp hạng.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.
- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh cần xếp hạng.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bảng kê (tr.407).



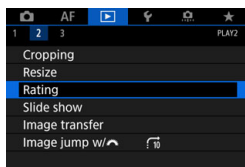
2 Xếp hạng ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <RATE>, dấu xếp hạng sẽ thay đổi: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]/None (Không).
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 1 và 2.



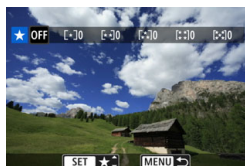
- Nếu [☝3: RATE btn function (Chức năng nút RATE)] đã đặt thành [Protect (Bảo vệ)], hãy thay đổi thành [Rating (Xếp hạng)].
- Nếu nhấn nút <Q> khi đã chọn [Rating (Xếp hạng)] trong [☝3: RATE btn function (Chức năng nút RATE)], bạn có thể đặt dấu xếp hạng sẽ chọn được khi nhấn nút <RATE>.

MENU Thiết lập xếp hạng bằng menu



1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh muốn xếp hạng.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh cần xếp hạng.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.



3 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn <SET> và khung tô sáng màu xanh da trời sẽ xuất hiện như minh họa trên ảnh chụp màn hình.
- Xoay nút xoay <DISP> để chọn thứ hạng, rồi nhấn <SET>.
- Khi bạn đặt dấu xếp hạng cho ảnh, tổng số ảnh cùng hạng sẽ hiển thị bên cạnh dấu xếp hạng.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 2 và 3.

Máy ảnh có thể hiển thị tối đa 999 ảnh đồng hạng. Nếu có nhiều hơn 999 ảnh được xếp đồng hạng, biểu tượng [###] sẽ hiển thị.



Lợi ích của xếp hạng ảnh

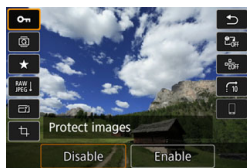
- Khi đặt [▶2: **Image jump w/**  (**Nhảy ảnh với** )], máy ảnh chỉ có thể hiển thị các ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Khi đặt [▶2: **Slide show (Trình chiếu)**], bạn chỉ có thể xem lại ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành máy tính, bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong trình xem ảnh tiêu chuẩn đi kèm (chỉ với ảnh JPEG).

Điều khiển nhanh trong khi xem lại

Trong khi xem lại, bạn có thể nhấn nút  để thiết lập các chức năng sau: []: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**], []: **Rotate image (Xoay ảnh)**], []: **Rating (Xếp hạng)**], []: **RAW image processing (Xử lý ảnh RAW (Chỉ ảnh RAW))**], []: **Resize (JPEG image only) (Thay đổi cỡ ảnh (Chỉ ảnh JPEG))**], []: **Cropping (JPEG images only) (Cắt ảnh (Chỉ ảnh JPEG))**], []: **Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**], []: **AF point display (Hiển thị điểm AF)**], []: **Image jump w/ (Nhảy ảnh với)**] và []: **Send images to smartphone* (Gửi ảnh tới smartphone*)**].

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.

* Không thể chọn nếu [Wi-Fi/NFC] của [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)] trong [**4: Communication settings (Thiết lập giao tiếp)**] được đặt thành [Disable (Tắt)].



1 Nhấn nút .

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút .
- Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn một mục và thiết lập.

- Nghiêng nút  lên hoặc xuống để chọn chức năng.
- Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Xoay nút xoay  để thiết lập.
- Đối với chức năng xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh và cắt ảnh, nhấn  và thiết lập chức năng. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Xử lý ảnh RAW” (tr.450), “Thay đổi cỡ ảnh” (tr.456) hoặc “Cắt ảnh” (tr.458).
- Để hủy, nhấn nút **<MENU>**.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút  để thoát Điều khiển nhanh.



Để xoay ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On**  ] (**Bật**  ) (tr.448). Nếu đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On** ] (**Bật** ) hoặc [**Off (Tắt)**], thiết lập [** Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.



- Nhấn nút <> trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh, và màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút <> để trở về hiển thị bảng kê.
- Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thường thức phim

Bạn có thể phát lại và thường thức phim theo ba cách chính như sau:

Phát lại trên TV

(tr.436)



Kết nối máy ảnh với TV bằng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để xem lại ảnh và phim của máy ảnh trên TV.

- ❗ Khi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI, kể cả phim 4K cũng sẽ được phát ở chất lượng Full HD (không thể phát ở chất lượng 4K).
- Do máy ghi đĩa cứng không có cổng HDMI IN, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể phát lại hay lưu phim và ảnh.

Phát lại trên màn hình LCD của máy ảnh

(tr.426)



Bạn có thể phát lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh.

Bạn cũng có thể cắt cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim, chọn khung hình mong muốn của phim 4K và lưu thành ảnh, rồi xem lại ảnh và phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.

- ❗ Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể được ghi lại vào thẻ và phát lại trên máy ảnh.

Phát lại và chỉnh sửa phim trên máy tính



Bạn có thể truyền tập tin phim ghi trên thẻ tới máy tính và phát lại hoặc chỉnh sửa với phần mềm cài sẵn hoặc phần mềm đa năng tương thích với định dạng ghi phim.



- Để phát lại hoặc chỉnh sửa phim với phần mềm bán sẵn trên thị trường, sử dụng phần mềm tương thích với định dạng phim MOV và MP4. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.
- Có thể phát tập tin phim có định dạng MOV bằng EOS MOVIE Utility (phần mềm EOS, tr.613).

Phát lại phim



1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.

2 Chọn phim.

- Xoay nút xoay <⦿> để chọn phim cần phát lại.
- Trên hiển thị từng ảnh, biểu tượng <SET▶> ở phía trên bên trái biểu thị cho phim.
- Ở hiển thị bảng kê, lỗ rỗng của ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể phát lại phim khi hiển thị bảng kê, nhấn <SET> để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**



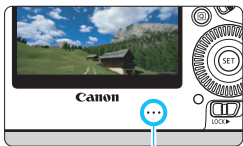
3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn <SET>.

- ▶ Bảng điều khiển phát lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Phát lại phim.

- Xoay nút xoay <⦿> để chọn [▶] (Phát), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn <SET> để tạm dừng phát lại phim. Nhấn lại nút để tiếp tục phát lại.



Loa

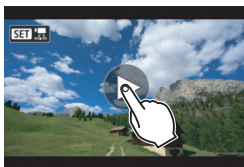
- Trong khi phát lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <⦿>.
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình phát lại, tham khảo trang tiếp theo.

- Trước khi nghe âm thanh phim qua tai nghe, vặn nhỏ âm lượng để tránh làm tổn thương tai.
- Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.

Bảng điều khiển phát lại phim

Thao tác	Mô tả phát lại
 Play (Phát)	Nhấn <⏮> để chuyển giữa phát và dừng phim.
 Slow motion (Chuyển động chậm)	Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách xoay nút xoay <⏮>. Tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
 First frame (Khung hình đầu tiên)	Hiển thị khung hình đầu tiên của phim.
 Previous frame (Khung hình trước)	Mỗi lần bạn nhấn <⏮>, máy ảnh sẽ hiển thị khung hình trước đó. Nhấn giữ <⏮> để tua lại phim.
 Next frame (Khung hình tiếp theo)	Mỗi lần bạn nhấn <⏭>, máy ảnh sẽ phát phim từng khung hình một. Nhấn giữ <⏭> để tua đi phim.
 Last frame (Khung hình cuối)	Hiển thị khung hình cuối của phim.
 Edit (Chỉnh sửa)	Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.429).
 Frame Grab (Chụp khung hình)	Có thể chọn khi phát phim 4K. Bạn có thể chụp khung hình hiển thị trên màn hình và lưu thành ảnh (ảnh JPEG, tr.431).
	Vị trí phát lại
mm' ss" (phút' giây")	Thời lượng phát lại (phút:giây với thiết lập [Movie play count: Rec time (Thời lượng chiếu phim: Thời lượng ghi)])
hh:mm:ss.ff (giờ:phút:giây.khung hình) (DF) hh:mm:ss:ff (giờ:phút:giây.khung hình) (NDF)	Mã thời gian (giờ:phút:giây:khung hình với thiết lập [Movie play count: Time code (Thời lượng chiếu phim: Mã thời gian)])
 Volume (Âm lượng)	Điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.426) hoặc tai nghe bằng cách xoay nút xoay <⏮>.
 MENU	Nhấn nút <MENU> để trở về hiển thị từng ảnh.

Phát lại phim với màn hình cảm ứng



Chạm vào [▶] ở giữa màn hình.

- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Để hiển thị bảng điều khiển phát lại phim, chạm vào biểu tượng <SET [▶]> ở phía trên bên trái màn hình.
- Chạm vào màn hình để tạm dừng phim đang phát. Bảng điều khiển phát lại phim cũng sẽ xuất hiện.

Phát lại phim tốc độ khung hình cao

Phim HD quay ở tốc độ khung hình cao (119,9 fps hoặc 100,0 fps) sẽ được phát lại với chuyển động chậm bằng 1/4 tốc độ (29,97 fps hoặc 25,00 fps). Âm thanh sẽ không được phát lại do phim tốc độ khung hình cao không ghi lại âm thanh. Lưu ý rằng mỗi một giây trong thời lượng phát lại và mã thời gian tính tương đương với 1/4 giây trong thực tế.



- Khi kết nối máy ảnh với TV để phát phim (tr.436), bạn có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <[◀▶]>.)
- Trong khi phát lại phim, nếu bạn tháo hoặc gắn ống kính, tốc độ ghi của thẻ chậm hoặc tập tin phim có chứa khung hình lỗi, máy ảnh sẽ dừng phát lại phim.



- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, thời lượng phát lại liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) đạt khoảng 2 giờ 30 phút (với thiết lập sau: [FHD] [29.97P] / [25.00P] / [24.00P] / [23.98P] [IPB]).
- Kết nối tai nghe bán dẫn trên thị trường có trang bị chân cắm stereo nhỏ đường kính 3,5 mm với cổng tai nghe của máy ảnh (tr.29) để nghe âm thanh phim (tr.367).

X Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể cắt đi cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng khoảng 1 giây.



1 Trên màn hình phát lại phim, chọn [X].

- ▶ Bảng điều khiển chỉnh sửa phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



2 Chỉ định đoạn phim sẽ cắt.

- Chọn [X] (Cắt đoạn đầu) hoặc [X] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nghiêng nút <◀▶> sang trái hoặc phải để xem các khung hình trước hoặc sau. Nhấn giữ phím để tua đi hoặc tua lại các khung hình. Xoay nút xoay <◀▶> để phát lại từng khung hình một.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt, nhấn <SET>. Phần được đánh dấu bằng màu trắng ở phía trên màn hình là phần sẽ được giữ lại.



3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để phát lại phim đã chỉnh sửa.
- Để thay đổi phần chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.



4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [**L**], rồi nhấn <Ⓢ>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu phim đã chỉnh sửa thành đoạn phim mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <Ⓢ>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [**OK**] để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình phát lại phim.

- Do phim được chỉnh sửa với mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [✂] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa phim. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.
- Không thể sử dụng máy ảnh này để chỉnh sửa các phim quay bằng máy ảnh khác.
- Không thể chỉnh sửa phim khi kết nối máy ảnh với máy tính.

Chụp khung hình của phim 4K

Trong phim 4K, bạn có thể chọn bất kỳ một khung hình yêu thích để lưu dưới dạng ảnh JPEG có độ phân giải khoảng 8,8 megapixel (4096x2160). Chức năng này được gọi là “Chụp khung hình (Chụp khung hình phim 4K)”.

1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút  để xem lại ảnh.



2 Chọn phim 4K.

- Xoay nút xoay  và chọn một phim chất lượng 4K.
- Trên màn hình thông tin chụp (tr.405), phim 4K được biểu thị bằng biểu tượng .
- Với hiển thị bảng kê, nhấn  để chuyển sang hiển thị từng ảnh.

3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn .

- ▶ Bảng điều khiển phát lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Chọn một khung hình để chụp.

- Sử dụng bảng điều khiển phát lại phim để chọn khung hình cần chụp thành ảnh.
- Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng bảng điều khiển phát lại phim, tham khảo trang 427.



5 Chọn .

- Xoay nút xoay  để chọn , rồi nhấn .



6 Lưu khung hình.

- Chọn **[OK]** để lưu khung hình hiển thị trên màn hình dưới dạng ảnh JPEG.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh.

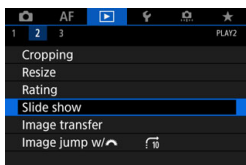
7 Chọn ảnh muốn hiển thị.

- Chọn **[View original movie (Xem phim gốc)]** hoặc **[View extracted still image (Xem ảnh đã trích)]**.
- ▶ Ảnh được chọn sẽ hiển thị.

- ⚠ Không thể chụp khung hình của phim Full HD hoặc phim 4K quay bằng máy ảnh khác.
- Không thể chụp khung hình khi kết nối máy ảnh với máy tính.

MENU Trình chiếu (Tự động phát)

Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.



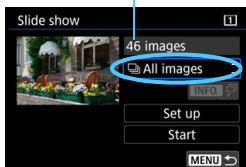
1 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

- Trong tab [▶2], chọn [Slide show (Trình chiếu)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn ảnh muốn xem lại.

- Chọn tùy chọn mong muốn trên màn hình, rồi nhấn <SET>.

Số lượng ảnh sẽ xem



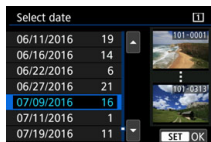
Tắt cả ảnh/Phim/Ảnh/Bảo vệ

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn một trong các tùy chọn sau: [📁 All images (Tắt cả ảnh)] [🎬 Movies (Phim)] [📷 Stills (Ảnh)] [🛡️ Protect (Bảo vệ)]. Sau đó, nhấn <SET>.

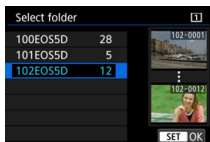
Ngày tháng/Thư mục/Xếp hạng

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn một trong các tùy chọn sau: [📅 Date (Ngày tháng)] [📁 Folder (Thư mục)] [★ Rating (Xếp hạng)].
- Khi biểu tượng <INFO> [✓] được tô sáng, nhấn nút <INFO>.
- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

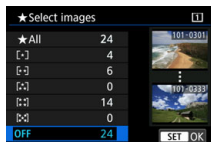
Ngày tháng



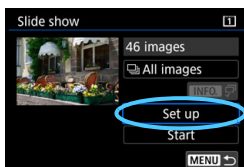
Thư mục



Xếp hạng



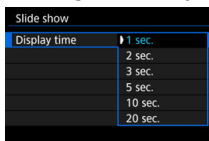
Mục	Mô tả phát lại
All images (Tất cả ảnh)	Xem lại tất cả ảnh và phim trên thẻ.
Date (Ngày tháng)	Xem lại ảnh và phim được chụp/quay vào ngày đã chọn.
Folder (Thư mục)	Xem lại ảnh và phim trong thư mục đã chọn.
Movies (Phim)	Chỉ phát lại phim trên thẻ.
Stills (Ảnh)	Chỉ xem lại ảnh trên thẻ.
Protect (Bảo vệ)	Chỉ xem lại ảnh và phim đã được bảo vệ trên thẻ.
Rating (Xếp hạng)	Chỉ xem lại ảnh và phim có xếp hạng đã chọn.



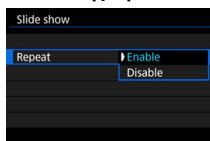
3 Đặt chế độ phát lại mong muốn.

- Chọn [**Set up (Cài đặt)**], rồi nhấn **<SET>**.
- Đặt thiết lập [**Display time (Thời gian hiển thị)**] và [**Repeat (Lặp lại)**] cho ảnh.
- Sau khi hoàn tất thiết lập, nhấn nút **<MENU>**.

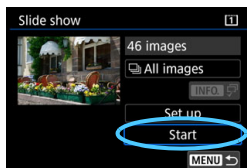
Thời gian hiển thị



Lặp lại



Ảnh trên thẻ đã chọn cho [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Phát lại)**] trong tab [**1: Record func+card/folder sel.** (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)] sẽ được phát lại.



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Chọn **[Start (Bắt đầu)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Sau khi **[Loading image... (Đang tải ảnh...)]** hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

5 Thoát trình chiếu.

- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình thiết lập, nhấn nút **<MENU>**.

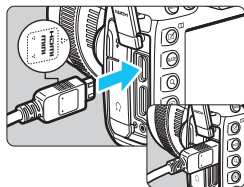


- Nhấn **<SET>** để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng **[II]** sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn lại **<SET>** để tiếp tục trình chiếu.
- Trong khi tự động xem lại ảnh, nhấn nút **<INFO.>** để chuyển định dạng hiển thị ảnh (tr.398).
- Trong khi phát lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay **<SOUND>**.
- Trong khi tự động phát hoặc tạm dừng, bạn có thể xoay nút xoay **<●>** để xem ảnh khác.
- Trong khi tự động phát, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị có thể khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 436.

Xem ảnh trên TV

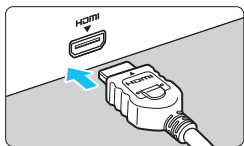
Kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI (bán riêng) để xem ảnh và phim của máy ảnh trên TV. Đối với cáp HDMI, bạn nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng).

Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, kiểm tra xem [**3: Video system (Hệ thống video)**] có được đặt chính xác thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**] hoặc [**For PAL (Đối với PAL)**] không (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).



1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲HDMI MINI> của đầu cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm đầu cắm vào cổng <HDMI OUT>.

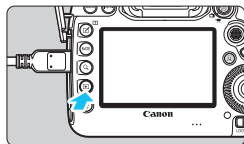


2 Kết nối cáp HDMI với TV.

- Kết nối cáp HDMI với cổng HDMI IN của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.



5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu phù hợp với TV kết nối.
- Nhấn nút <INFO.> để thay đổi định dạng hiển thị.
- Để phát lại phim, tham khảo trang 426.

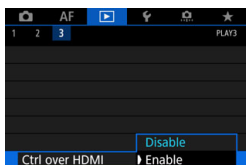


- Khi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI, kể cả phim 4K cũng sẽ được phát ở chất lượng Full HD (không thể phát ở chất lượng 4K).
- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào từng TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.
- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Một số TV nhất định có thể không hiển thị ảnh do không tương thích.

Sử dụng TV HDMI CEC

Nếu TV được kết nối với máy ảnh bằng cáp HDMI tương thích với HDMI CEC*, bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để thực hiện thao tác xem lại.

* Chức năng tiêu chuẩn HDMI cho phép các thiết bị HDMI điều khiển lẫn nhau, do vậy bạn có thể điều khiển các thiết bị này bằng bộ điều khiển từ xa.



1 Chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)].

- Trong tab [▶3], chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Kết nối máy ảnh với TV.

- Sử dụng cáp HDMI để kết nối máy ảnh với TV.
- ▶ Đầu vào của TV sẽ tự động chuyển sang cổng HDMI được kết nối với máy ảnh. Nếu không chuyển tự động, sử dụng điều khiển từ xa của TV để chọn cổng HDMI IN sẽ kết nối cáp.

4 Nhấn nút <▶> trên máy ảnh.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV và bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại ảnh.

5 Chọn ảnh.

- Hướng điều khiển từ xa về phía TV và nhấn nút !/" để chọn ảnh.

6 Nhấn nút Enter của điều khiển từ xa.

- ▶ Menu xuất hiện và bạn có thể thực hiện các thao tác xem lại được trình bày ở bên trái.
- Nhấn nút !/" của điều khiển từ xa để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn nút Enter. Để trình chiếu, nhấn nút \$ để chọn một tùy chọn, rồi nhấn nút Enter.
- Nếu chọn **[Return (Quay lại)]** và nhấn nút Enter, menu sẽ biến mất và bạn có thể sử dụng nút !/" để chọn ảnh.

Menu xem lại ảnh



Menu phát lại phim



- ↶ : Quay lại
- 9 : Bảng kê 9 ảnh
- 🎬 : Xem phim
- 📺 : Trình chiếu
- INFO. : Hiển thị thông tin chụp
- 🗑️ : Xoay ảnh

⚠ Trong khi hiển thị hai ảnh (tr.412), không thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại. Nếu muốn xem lại bằng điều khiển từ xa của TV, trước tiên nhấn nút <□□> để trở về chế độ hiển thị ảnh đơn.

- 🔌 Một số TV nhất định yêu cầu bạn phải bật kết nối HDMI CEC trước. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của TV.
- Một số TV nhất định có thể không hoạt động chính xác mặc dù tương thích với HDMI CEC. Trong trường hợp này, đặt [▶3: Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)] thành [Disable (Tắt)], rồi sử dụng máy ảnh để điều khiển thao tác xem lại.

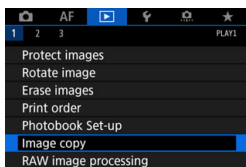
Sao chép ảnh

Bạn có thể sao chép ảnh đã ghi trên thẻ (lưu các bản sao) vào thẻ khác.

Tập tin phim vượt quá 4 GB

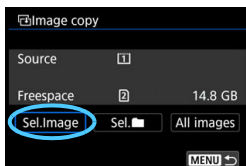
- Nếu sao chép ảnh giữa các thẻ và thẻ đích sao chép đã định dạng FAT32 (tr.74), bạn sẽ không thể sao chép tập tin phim vượt quá 4 GB được ghi trên thẻ nguồn sao chép đã định dạng exFAT.
- Không thể sao chép tập tin phim vượt quá 4 GB giữa các thẻ khi cả Thẻ 1 (1) và Thẻ 2 (2) đều được định dạng exFAT.

MENU Sao chép từng ảnh



1 Chọn [Image copy (Sao chép ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Image copy (Sao chép ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)].

- Kiểm tra số của thẻ nguồn sao chép, số của thẻ đích và dung lượng còn lại của thẻ đích.
- Chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)], rồi nhấn <SET>.

 Nguồn sao chép là thẻ chọn cho [Record/play (Ghi/phát)] hoặc [Playback (Phát lại)] trong tab [1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].



3 Chọn thư mục.

- Chọn thư mục chứa ảnh cần sao chép, rồi nhấn <SET>.
- Kiểm tra các ảnh hiển thị phía bên phải để chọn thư mục mong muốn.
- ▶ Máy ảnh sẽ hiển thị các ảnh trong thư mục được chọn.

4 Chọn ảnh cần sao chép.

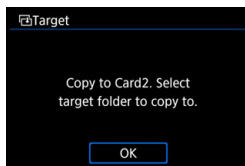
- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh cần sao chép, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Biểu tượng [✓] sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái màn hình.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần sao chép, lặp lại bước 4.

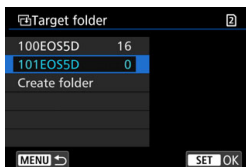
5 Nhấn nút <RATE>.

- Sau khi chọn tất cả ảnh để sao chép, nhấn nút <RATE>.

6 Chọn [OK].

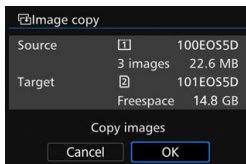
- Kiểm tra thẻ sẽ sao chép ảnh, rồi chọn [OK].





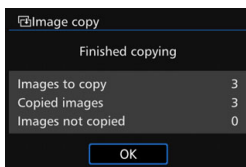
7 Chọn thư mục đích.

- Chọn thư mục đích để sao chép ảnh sang, rồi nhấn **<SET>**.
- Để tạo thư mục mới, chọn **[Create folder (Tạo thư mục)]**.



8 Chọn [OK].

- Kiểm tra thông tin thẻ nguồn và thẻ đích, rồi chọn **[OK]**.

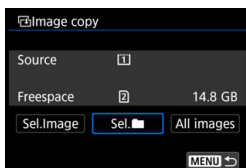


▶ Quá trình sao chép sẽ bắt đầu và tiến trình sao chép hiển thị.

- Khi hoàn tất sao chép, kết quả sẽ hiển thị. Chọn **[OK]** để trở về màn hình ở bước 2.

MENU Sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Trong tab **[▶ 1: Image copy (Sao chép ảnh)]**, khi chọn **[Sel. [Folder Icon] (Chosen Folder)]** hoặc **[All image (Tất cả ảnh)]**, bạn có thể sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ.

- Nếu ảnh được sao chép sang thư mục/thẻ đích chứa ảnh có cùng số tập tin, các thông báo sau sẽ hiển thị: **[Skip image and continue (Bỏ qua ảnh và tiếp tục)]** **[Replace existing image (Thay thế ảnh hiện tại)]** **[Cancel copy (Hủy sao chép)]**. Chọn phương thức sao chép, rồi nhấn **<SET>**.
 - **[Skip image and continue (Bỏ qua ảnh và tiếp tục)]**:
Tất cả ảnh có cùng số tập tin sẽ bị bỏ qua và không được sao chép.
 - **[Replace existing image (Thay thế ảnh hiện tại)]**:
Tất cả ảnh có cùng số tập tin (bao gồm ảnh được bảo vệ) sẽ bị ghi đè.Nếu ảnh có lệnh in (tr.475) bị ghi đè, bạn sẽ phải đặt lại lệnh in.
- Nếu chọn **[Sel.  (Chọn  hoặc **[All image (Tất cả ảnh)]** và thư mục hoặc thẻ có tập tin phim trên 4 GB không thể sao chép sang thẻ đích, thông báo sẽ xuất hiện. Chỉ có tập tin ảnh và phim không quá 4 GB được sao chép.**
- Thông tin lệnh in của ảnh, thông tin truyền ảnh hoặc thông tin sắp xếp sách ảnh sẽ không được lưu giữ khi sao chép ảnh.
- Không thể chụp trong khi thực hiện sao chép. Chọn **[Cancel (Hủy)]** trước khi chụp.

- Tên tập tin của ảnh được sao chép sẽ giống với tên tập tin của ảnh gốc.
- Nếu đặt **[Sel. Image (Chọn ảnh)]**, không thể sao chép ảnh trong nhiều thư mục cùng một lúc. Chọn ảnh trong từng thư mục để sao chép lần lượt.

Xóa ảnh

Bạn có thể chọn và xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.416) sẽ không bị xóa.

 **Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Tính năng xóa ảnh RAW+JPEG sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.**

Xóa từng ảnh

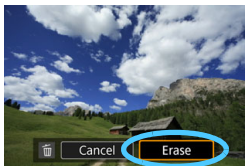
1 Chọn ảnh muốn xóa.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.
- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh cần xóa.



2 Nhấn nút <◉>.

- ▶ Menu xóa sẽ xuất hiện.



3 Xóa ảnh.

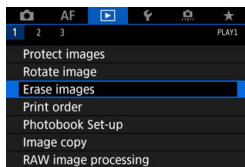
- Chọn **[Erase (Xóa)]**, rồi nhấn <SET>. Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.



Đặt [4: Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)] thành **[Erase selected (Đã chọn [Xóa])]** sẽ giúp xóa ảnh nhanh hơn (tr.496).

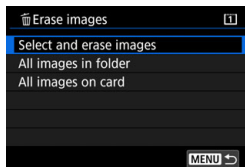
MENU Đánh dấu [✓] vào ảnh để xóa cùng một lúc

Đánh dấu <✓> vào các ảnh cần xóa để xóa nhiều ảnh cùng một lúc.



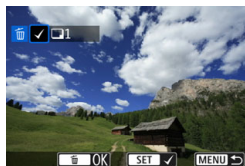
1 Chọn [Erase images (Xóa ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Erase images (Xóa ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- Ảnh hiển thị.



3 Chọn ảnh muốn xóa.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- Dấu chọn [✓] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <DISP> theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần xóa, lặp lại bước 3.

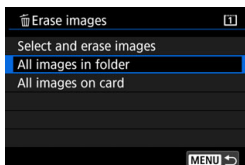


4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <DISP>, rồi nhấn [OK].
- Ảnh đã chọn sẽ bị xóa cùng một lúc.

MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [**1: Erase images (Xóa ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

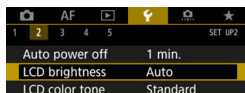


- Định dạng thẻ để xóa tất cả ảnh, bao gồm ảnh đã bảo vệ (tr.73).
- Khi chọn [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], ảnh trên thẻ được chọn trong [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**] với [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Phát lại)**] sẽ bị xóa.

Thay đổi thiết lập xem ảnh

MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Độ sáng màn hình LCD sẽ được điều chỉnh tự động để đạt hiển thị tối ưu tùy theo mức ánh sáng xung quanh. Bạn cũng có thể thiết lập mức độ sáng điều chỉnh tự động (sáng hơn hoặc tối hơn) hoặc điều chỉnh độ sáng bằng tay.



1 Chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)].

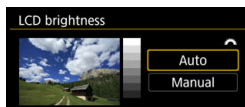
- Trong tab [2], chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)], rồi nhấn < >.

2 Chọn [Auto (Tự động)] hoặc [Manual (Chỉnh tay)].

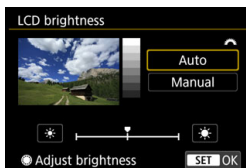
- Xoay nút xoay < > để chọn.

3 Điều chỉnh độ sáng.

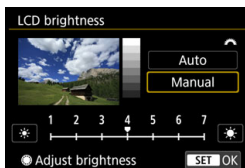
- Trong khi xem biểu đồ màu xám, xoay nút xoay < >, rồi nhấn < >.
- Bạn có thể điều chỉnh độ sáng theo một trong ba mức khi đặt [Auto (Tự động)] và điều chỉnh theo một trong bảy mức khi đặt [Manual (Bằng tay)].



Điều chỉnh tự động



Điều chỉnh bằng tay

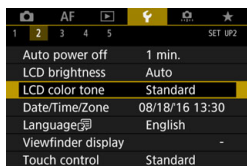


Khi đặt [Auto (Tự động)], chú ý không để ngón tay, v.v... che cảm biến ánh sáng bên ngoài (tr.29) hình tròn ở phía dưới bên trái nút xoay điều khiển nhanh.

- Để kiểm tra độ phơi sáng ảnh, bạn nên tham khảo biểu đồ sắc độ (tr.406).
- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút < > sẽ hiển thị màn hình ở bước 2.
- Ảnh cuối cùng được xem lại sẽ xuất hiện trên màn hình ở bước 2.

MENU Thiết lập tông màu của màn hình LCD

Bạn có thể thay đổi tông màu của màn hình LCD từ tông chuẩn đến tông ấm hoặc tông lạnh.

**1** Chọn [LCD color tone (Tông màu LCD)].

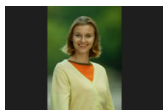
- Trong tab [**2**], chọn [**LCD color tone (Tông màu LCD)**], rồi nhấn **<SET>**.

**2** Chọn tông màu mong muốn.

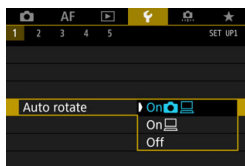
- Khi xem ảnh trên màn hình LCD, chọn tùy chọn (1, 2, 3 hoặc 4), rồi nhấn **<SET>**.
- Bạn có thể chọn [**1: Warm tone (Tông ấm)**], [**2: Standard (Chuẩn)**], [**3: Cool tone 1 (Tông lạnh 1)**] hoặc [**4: Cool tone 2 (Tông lạnh 2)**].

 Ảnh cuối cùng được xem lại sẽ hiển thị trên màn hình ở bước 2.

MENU Tự động xoay ảnh dọc



Ảnh chụp ở hướng dọc được xoay tự động sang hướng xem phù hợp, do đó ảnh sẽ không hiển thị theo hướng ngang khi xem trên màn hình LCD của máy ảnh hoặc trên màn hình máy tính. Bạn có thể thay đổi thiết lập của tính năng này.



1 Chọn [Auto rotate (Tự động xoay)].

- Trong tab [1], chọn [Auto rotate (Tự động xoay)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập hướng hiển thị.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

- On** (**Bật**

Ảnh dọc được xoay tự động trong quá trình xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.

- On** (**Bật**

Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.

- Off (Tắt)**

Ảnh dọc không được xoay tự động.

! Tính năng tự động xoay sẽ không hoạt động với ảnh dọc được chụp khi đặt tính năng tự động xoay thành **[Off (Tắt)]**. Ảnh sẽ không xoay ngay cả khi sau đó bạn chuyển sang **[On (Bật)]** để xem.



- Ảnh hiển thị ngay lập tức sau khi chụp sẽ không tự động xoay.
- Nếu chụp ảnh trong khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể sẽ không tự động xoay để phù hợp với hướng xem.
- Nếu ảnh dọc không xoay tự động trên màn hình máy tính tức là phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ hiển thị xoay ảnh. Nên sử dụng phần mềm EOS.

11

Xử lý hậu kỳ ảnh

Chương này giải thích cách xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh JPEG và cắt ảnh JPEG.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .



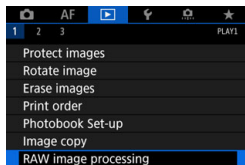
- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Thao tác xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối với máy tính qua cáp nối.

RAW/JPEG↓ Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh ☆

Bạn có thể xử lý ảnh **RAW** trên máy ảnh và lưu thành ảnh JPEG. Do ảnh RAW không bị thay đổi, bạn có thể xử lý ảnh RAW theo các điều kiện khác nhau để tạo nhiều ảnh JPEG từ ảnh RAW đó.

Lưu ý rằng ảnh M RAW và S RAW không xử lý được trên máy ảnh.

Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612) để xử lý những ảnh này.



1 Chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)].

- Trong tab [▶ 1], chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh **RAW** sẽ hiển thị.



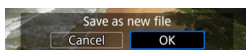
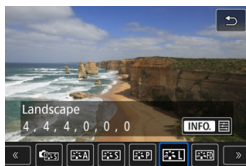
2 Chọn ảnh muốn xử lý.

- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <◉> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kẻ.



3 Thiết lập điều kiện xử lý mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị giấy lát tùy chọn xử lý ảnh RAW (tr.453).
- Sử dụng nút <◉> để chọn tùy chọn, rồi xoay nút xoay <◉> hoặc <◐> để chuyển thiết lập.
- Ảnh hiển thị sẽ phản ánh các thiết lập như “Điều chỉnh độ sáng”, “Cân bằng trắng”, v.v...
- Nhấn nút <INFO> để trở về thiết lập cho ảnh khi chụp.



Hiển thị màn hình thiết lập

- Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập chức năng đã chọn. Xoay nút xoay <◀▶> hoặc <☀> để thay đổi thiết lập. Nhấn <SET> để hoàn tất thiết lập và quay lại màn hình trước đó.

4 Lưu ảnh.

- Chọn [L] (Lưu), rồi nhấn <SET>.
- Khi bạn chọn [OK], ảnh JPEG tạo ra sau khi xử lý sẽ được lưu vào thẻ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để xử lý ảnh khác, lặp lại từ bước 2 đến bước 4.

Xem phóng to

Nhấn nút <Q> ở bước 3 để phóng to ảnh. Độ phóng to sẽ khác nhau tùy theo thiết lập [**Image quality (Chất lượng ảnh)**] trong [**1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**]. Với nút <⏏>, bạn có thể di chuyển quanh ảnh phóng to.
Để hủy hiển thị phóng to, nhấn lại nút <Q>.

Ảnh với thiết lập tỷ lệ khung ảnh

Khi đặt [**5: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)**] (tr.314) thành tùy chọn khác ngoài [3:2], các đường viền khung biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị trên ảnh chụp. Ảnh JPEG tạo từ ảnh **RAW** sẽ được lưu lại với tỷ lệ khung ảnh đã đặt.

Ảnh RAW pixel đôi

Có thể sử dụng máy ảnh để xử lý ảnh RAW (tr.177) chụp khi [**1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)**] đặt thành [**Enable (Bật)**]. Tuy nhiên, không thể sử dụng dữ liệu pixel đôi để xử lý ảnh RAW.

ⓘ Khi xử lý ảnh **RAW** ghép phơi sáng, một số thiết lập sẽ không thể thay đổi được.

Lựa chọn xử lý ảnh RAW

-  **Điều chỉnh độ sáng**
 Bạn có thể điều chỉnh độ sáng tối đa ± 1 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.
-  **Cân bằng trắng** (tr.194)
 Bạn có thể chọn cân bằng trắng. Nếu chọn [**AWB**] và nhấn nút <INFO.>, có thể chọn [**Auto: Ambience priority (Tự động: Ưu tiên môi trường)**] hoặc [**Auto: White priority (Tự động: Ưu tiên màu trắng)**]. Nếu chọn [**K**] và nhấn nút <INFO.>, bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.
-  **Kiểu ảnh** (tr.185)
 Bạn có thể chọn kiểu ảnh. Nhấn nút <INFO.> để điều chỉnh độ sắc nét, độ tương phản và các thông số khác. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.
-  **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** (tr.203)
 Bạn có thể thiết lập chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.
-  **Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao** (tr.204)
 Bạn có thể thiết lập chức năng xử lý giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt. Phóng to ảnh (tr.452) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.
- **L Chất lượng ảnh** (tr.171)
 Bạn có thể thiết lập chất lượng ảnh khi tạo ảnh JPEG.

- sRGB **Không gian màu** (tr.219)

Bạn có thể chọn không gian màu sRGB hoặc Adobe RGB. Do màn hình LCD của máy ảnh không tương thích với Adobe RGB, cho dù thiết lập không gian màu là sRGB hay Adobe RGB, ảnh hiển thị trông hầu như không khác gì.

- **Hiệu chỉnh quang sai của ống kính**

- OFF **Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi** (tr.209)

Bạn có thể hiệu chỉnh hiện tượng các góc ảnh trông tồi hơn do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng, bạn có thể phóng to ảnh (tr.452) và kiểm tra bốn góc màn hình. Sử dụng máy ảnh để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ không đạt hiệu quả rõ rệt như khi áp dụng lượng hiệu chỉnh tối đa với Digital Photo Professional (tr.612). Nếu hiệu chỉnh không đạt hiệu quả rõ rệt, sử dụng Digital Photo Professional để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi.

- OFF **Hiệu chỉnh méo hình** (tr.211)

Có thể hiệu chỉnh hiện tượng méo hình do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Vùng ngoại vi ảnh sẽ bị cắt trong ảnh chỉnh sửa.

Do độ phân giải của ảnh có thể trông kém rõ nét hơn, điều chỉnh thông số độ sắc nét với **[Sharpness (Độ sắc nét)]** của kiểu ảnh nếu cần.

- OFF **Tối ưu hóa ống kính số** (tr.212)

Bằng cách sử dụng giá trị thiết kế quang học, bạn có thể hiệu chỉnh quang sai của ống kính, hiện tượng nhiễu xạ và độ phân giải bị giảm do bộ lọc thông thấp. Kiểm tra hiệu quả của thiết lập **[Enable (Bật)]** qua chế độ xem phóng to (tr.452). Chế độ xem không phóng to (xem bình thường) sẽ không hiển thị hiệu ứng của tính năng tối ưu hóa ống kính số. Khi chọn **[Enable (Bật)]**, tùy chọn hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh nhiễu xạ sẽ không hiển thị. Tuy nhiên, cả hai tùy chọn vẫn sẽ được áp dụng cho ảnh được xử lý.

- OFF **Hiệu chỉnh sắc sai** (tr.213)

Có thể thực hiện hiệu chỉnh sắc sai (màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể) do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Phóng to ảnh (tr.452) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

- OFF **Hiệu chỉnh nhiễu xạ** (tr.214)

Bạn có thể hiệu chỉnh hiện tượng nhiễu xạ gây ra do khẩu độ ống kính làm giảm độ sắc nét của ảnh. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Phóng to ảnh (tr.452) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.



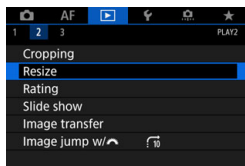
- Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh sẽ có hiệu quả khác với xử lý ảnh RAW bằng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS).
- Nếu bạn thực hiện **[Brightness adjustment (Điều chỉnh độ sáng)]**, nhiễu hạt, dải, v.v... có thể nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của việc hiệu chỉnh.
- Khi thiết lập **[Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)]**, nhiễu hạt có thể nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của việc hiệu chỉnh. Ngoài ra, tùy thuộc vào điều kiện chụp, hiệu ứng nhấn mạnh đường viền có thể rõ nét hơn. Điều chỉnh độ sắc nét của kiểu ảnh nếu cần thiết.
- Khi xử lý ảnh với **[Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)]** đặt thành **[Enable (Bật)]**, Thông tin hiển thị điểm AF (tr.406) hoặc Dữ liệu xóa bụi (tr.464) sẽ không được thêm vào ảnh.



- Dữ liệu hiệu chỉnh ống kính cho hiệu chỉnh quang sai được đăng ký (lưu giữ) trong máy ảnh.
- Tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính có hiệu quả khác nhau tùy thuộc vào điều kiện chụp và ống kính sử dụng. Ngoài ra, hiệu ứng cũng có thể khó thấy rõ tùy thuộc vào ống kính sử dụng, điều kiện chụp, v.v...
- Tham khảo trang 213 về dữ liệu hiệu chỉnh cho Tối ưu hóa ống kính số.

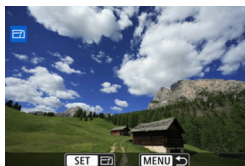
Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh JPEG để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG L, M, S1 và S2. Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG S3, ảnh RAW và ảnh chụp khung hình của phim 4K.



1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [ 2], chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh hiển thị.



2 Chọn ảnh muốn thay đổi kích cỡ.

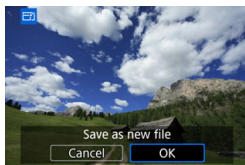
- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh muốn thay đổi cỡ.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.



Cỡ ảnh mục tiêu

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị cỡ ảnh.
- Chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.



4 Lưu ảnh.

- Chọn [OK] để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để thay đổi cỡ cho ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 đến 4.

Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo chất lượng ảnh gốc

Chất lượng ảnh gốc	Thiết lập thay đổi cỡ ảnh có sẵn			
	M	S1	S2	S3
L	☐	☐	☐	☐
M		☐	☐	☐
S1			☐	☐
S2				☐

Cỡ ảnh

Bảng kích cỡ để thay đổi cỡ ảnh.

(Ước chừng)

Chất lượng ảnh	Toàn khung hình (3:2)	4:3 (tỷ lệ cỡ ảnh)
M	4464x2976 (13,3 megapixel)	3968x2976 (11,8 megapixel)
S1	3360x2240 (7,5 megapixel)	*2976x2240 (6,7 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	*1696x1280 (2,2 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)

Chất lượng ảnh	16:9 (tỷ lệ cỡ ảnh)	1:1 (tỷ lệ cỡ ảnh)
M	*4464x2512 (11,2 megapixel)	2976x2976 (8,9 megapixel)
S1	*3360x1888 (6,3 megapixel)	2240x2240 (5,0 megapixel)
S2	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	*720x408 (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

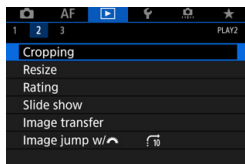


- Tỷ lệ khung ảnh thực và tỷ lệ được nêu trong bảng của các cỡ ảnh đánh dấu * có thể có khác biệt nhỏ.
- Hình ảnh có thể bị cắt một chút tùy thuộc vào điều kiện thay đổi cỡ ảnh.

Cắt ảnh JPEG

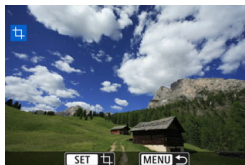
Bạn có thể cắt ảnh JPEG đã chụp và lưu lại thành ảnh khác. Chức năng cắt ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG L, M, S1 và S2.

Không thể thay đổi cỡ ảnh chụp dưới dạng JPEG S3, ảnh RAW và ảnh chụp khung hình của phim 4K.



1 Chọn [Cropping (Cắt ảnh)].

- Trong tab [2], chọn [Cropping (Cắt ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh muốn cắt.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.



3 Đặt kích thước, tỷ lệ khung ảnh, vị trí và hướng của khung cắt ảnh.

- Nhấn <SET> để hiển thị khung cắt ảnh.
- Khu vực nằm trong khung cắt ảnh sẽ được cắt.

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Xoay nút xoay <DISP> để thay đổi kích thước khung cắt ảnh. Kích thước khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to của ảnh cắt sẽ càng lớn.

Thay đổi tỷ lệ khung ảnh

Xoay nút xoay <DISP> để thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh. Bạn có thể chọn các tỷ lệ cỡ ảnh như sau: [3:2], [16:9], [4:3] hoặc [1:1].

● Di chuyển khung cắt ảnh

Sử dụng nút <⏏> để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

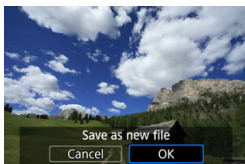
● Chuyển hướng khung cắt ảnh

Nhấn nút <INFO.> sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Chức năng này giúp bạn cắt ảnh chụp ngang để trông giống như ảnh được chụp theo chiều dọc.



4 Kiểm tra khu vực ảnh cắt.

- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khu vực ảnh cắt sẽ hiển thị.
- Nhấn lại nút <Q> để quay về ảnh gốc.



5 Lưu ảnh đã cắt.

- Nhấn <SET> và chọn [OK] để lưu ảnh đã cắt.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để tiếp tục cắt ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 tới 5.



- Không thể thay đổi cỡ hoặc cắt lại ảnh cắt đã lưu.
- Thông tin hiển thị điểm AF (tr.406) và Dữ liệu xóa bụi (tr.464) sẽ không được đính kèm vào ảnh đã cắt.

[illegible]

12

Làm sạch cảm biến

Máy ảnh được trang bị thiết bị tự làm sạch cảm biến để tự động giữ sạch bụi bám vào mặt trước của cảm biến (bộ lọc thông thấp).

Dữ liệu xóa bụi cũng được lưu trong ảnh để các điểm bám bụi còn sót lại sẽ được xóa tự động bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612).

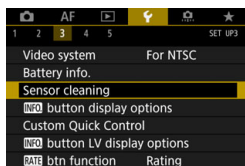
Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn sau khi làm sạch cảm biến tự động, bạn nên mang máy đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

Làm sạch cảm biến tự động

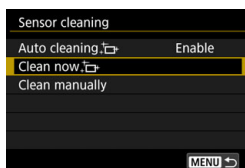
Bất cứ khi nào đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, thiết bị tự làm sạch cảm biến sẽ kích hoạt để giữ sạch bụi trên mặt trước của cảm biến. Thông thường, không cần chú ý tới hoạt động này. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện làm sạch cảm biến bằng tay hoặc tắt thiết bị này như dưới đây.

Kích hoạt làm sạch cảm biến bằng tay



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [ 3], chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn < >.



2 Chọn [Clean now] (Làm sạch ngay)].

- Chọn [Clean now ] (Làm sạch ngay )], rồi nhấn < >.
- Chọn [OK].

- Màn hình sẽ cho biết cảm biến đang được làm sạch. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong quá trình làm sạch cảm biến, ảnh sẽ không được lưu vào thẻ nhớ.
- Sau khi hoàn tất làm sạch cảm biến, máy ảnh sẽ tự động khởi động lại (tắt rồi bật lại).



- Để có kết quả tốt nhất, thực hiện làm sạch cảm biến khi máy ảnh được đặt thẳng đứng và ổn định trên bàn hoặc bề mặt phẳng khác.
- Ngay cả khi làm sạch lại cảm biến, kết quả sẽ không cải thiện nhiều. Ngay sau khi quá trình làm sạch cảm biến hoàn tất, tùy chọn **[Clean now] (Làm sạch ngay)** sẽ tiếp tục ở trạng thái tạm tắt.
- Các điểm sáng có thể xuất hiện trên ảnh nếu cảm biến bị ảnh hưởng bởi bức xạ vũ trụ, v.v... Việc chọn **[Clean now] (Làm sạch ngay)** có thể giúp giảm thiểu các điểm này (tr.589).

Tắt làm sạch cảm biến tự động

- Ở bước 2, chọn **[Auto cleaning] (Tự động làm sạch)** và đặt thành **[Disable] (Tắt)**.
- ▶ Khi đặt công tắc nguồn thành **<ON>** hoặc **<OFF>**, làm sạch cảm biến sẽ dừng hoạt động.

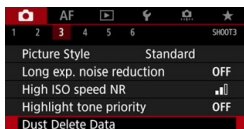
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Thông thường, thiết bị tự làm sạch cảm biến sẽ loại bỏ hầu hết bụi có thể nhìn thấy trên ảnh chụp. Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn nhìn thấy bụi, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh để xóa các chấm bụi này sau. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

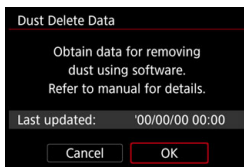
- Chuẩn bị vật màu trắng đồng nhất, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, xoay máy ảnh hướng về phía bạn và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



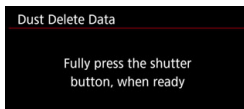
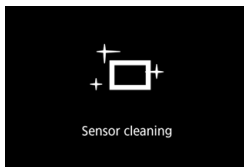
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

- Trong tab [3], chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

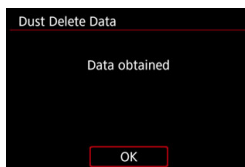
- ▶ Thông báo sẽ xuất hiện sau khi quá trình tự động làm sạch cảm biến kết thúc. Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong quá trình làm sạch, nhưng ảnh sẽ không được chụp.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất và không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên máy ảnh vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thẻ.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn [OK]. Chụp lại ảnh.



Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng nào đó, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612) để xóa chấm bụi, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.614).

Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.

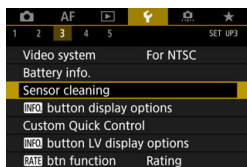


Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Họa tiết và thiết kế trên vật thể có thể bị nhận dạng thành dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xóa bụi bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS).

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

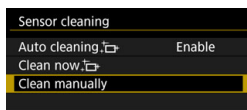
Bụi không loại bỏ được bằng chức năng tự động làm sạch cảm biến có thể được loại bỏ bằng tay với bóng thổi có bán sẵn, v.v... Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Cảm biến ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [🔧3], chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].



3 Chọn [OK].

- Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.
- Thông báo “CLn” sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.

4 Làm sạch cảm biến.

5 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



Nếu bạn dự định làm sạch cảm biến bằng tay, đảm bảo pin máy ảnh đã sạc đầy.



Bạn nên sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.534).



- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và gương lật sẽ hạ xuống. Điều này có thể gây hư hại cho cảm biến ảnh, màn trập và gương lật.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Tháo hoặc lắp pin.**
- Bề mặt của cảm biến ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Áp lực khí nén có thể gây hư hại cảm biến, bụi khí có thể đóng băng trên cảm biến và làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

13

Truyền ảnh vào máy tính và đặt lệnh in

- **Truyền ảnh vào máy tính (tr.470)**
Bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và thao tác riêng máy ảnh để truyền ảnh ghi trên thẻ sang máy tính.
- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.475)**
DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in kỹ thuật số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các chỉ thị in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt lệnh in cho tiệm rửa ảnh.
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.480)**
Bạn có thể chỉ định ảnh trong thẻ để in thành sách ảnh.

Truyền ảnh vào máy tính

Bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và thao tác máy ảnh để truyền ảnh trên thẻ sang máy tính. Tính năng này được gọi là truyền ảnh trực tiếp.

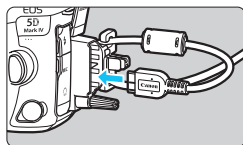
Bạn có thể thực hiện truyền ảnh trực tiếp bằng máy ảnh trong khi xem màn hình LCD.

Ảnh đã truyền sang máy tính sẽ được lưu trong thư mục **[Pictures]** hoặc **[My Pictures]** và được sắp xếp theo ngày chụp.

 Trước khi kết nối máy ảnh với máy tính, cài đặt EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612) trên máy tính (tr.613).

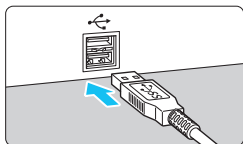
Chuẩn bị truyền ảnh

1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

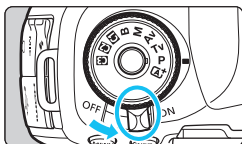


2 Kết nối máy ảnh với máy tính.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.38). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng <SS > của đầu cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của dây cáp với cổng USB của máy tính.



 Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.529). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.38).



3 Đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Khi máy tính hiển thị màn hình để chọn chương trình, chọn **[EOS Utility]**.
- ▶ Màn hình EOS Utility sẽ xuất hiện trên máy tính.

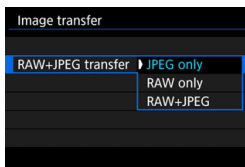


Sau khi màn hình EOS Utility xuất hiện, không thao tác EOS Utility. Nếu màn hình khác ngoài cửa sổ chính của EOS Utility xuất hiện, **[Direct transfer (Truyền trực tiếp)]** ở bước 5 của trang 473 sẽ không hiển thị. (Không thể truyền ảnh vào máy tính.)



- Nếu màn hình EOS Utility không xuất hiện, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.614).
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ đầu cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.

MENU Truyền ảnh RAW+JPEG



Đối với ảnh RAW+JPEG, bạn có thể chỉ định ảnh cần truyền.

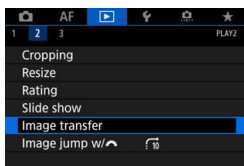
Ở bước 2 của trang tiếp theo, chọn **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]**, rồi chọn ảnh cần truyền: **[JPEG only (Chỉ JPEG)]**, **[RAW only (Chỉ RAW)]** hoặc **[RAW+JPEG]**.



Thiết lập **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** này được liên kết và luôn đồng bộ với thiết lập **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** trong **[4: Communication settings (Thiết lập giao tiếp)]** → **[FTP transfer settings (Thiết lập truyền qua FTP)]** → **[Transfer type/size (Kiểu/kích cỡ truyền)]**.

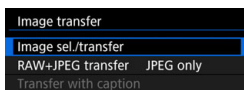
MENU Chọn ảnh cần truyền

● Selecting Images (Chọn ảnh)

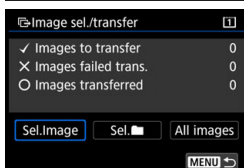


1 Chọn [Image transfer (Truyền ảnh)].

- Trong tab [2], chọn [Image transfer (Truyền ảnh)], rồi nhấn <SET>.



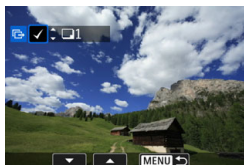
2 Chọn [Image sel./transfer (Chọn/truyền ảnh)].



3 Chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)].

4 Chọn ảnh cần truyền.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh cần truyền, rồi nhấn <SET>.
- Xoay nút xoay <DISP> để hiển thị biểu tượng [✓] ở phía trên bên trái màn hình, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <DISP> theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 4.



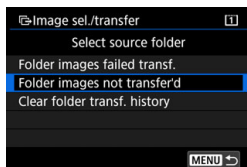
- Khi chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)], bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền ảnh ở phía trên bên trái màn hình: Không có dấu: Chưa chọn. ✓: Đã chọn để truyền. ✗: Truyền thất bại. ○: Truyền thành công.
- Bạn cũng có thể thực hiện quy trình cho [RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)] (tr.471) và các bước 1 đến 4 bên trên kể cả khi máy ảnh không kết nối với máy tính.



5 Truyền ảnh.

- Trên màn hình máy tính, kiểm tra để đảm bảo cửa sổ chính của EOS Utility đã hiển thị.
- Chọn [**Direct transfer (Truyền trực tiếp)**], rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [**OK**] để truyền ảnh sang máy tính.
- Cũng có thể truyền ảnh đã chọn với [**Sel. [Folder] (Chọn [Folder])**] và [**All images (Tất cả ảnh)**] theo cách này.

• Selecting [Folder] (Chọn [Folder])

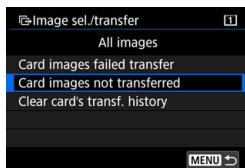


Chọn [**Sel. [Folder] (Chọn [Folder])**] và chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**]. Khi bạn chọn một thư mục, tất cả ảnh chưa truyền sang máy tính trong thư mục đó sẽ được chọn.

Chọn [**Folder images failed transf. (Ảnh truyền chưa thành công trong thư mục)**] để chọn các ảnh đã truyền chưa thành công trong thư mục được chọn.

Chọn [**Clear folder transf. history (Xóa lịch sử truyền thư mục)**] để xóa lịch sử truyền ảnh trong thư mục được chọn. Sau khi xóa lịch sử truyền, bạn có thể chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**] và truyền lại tất cả ảnh trong thư mục.

● All images (Tất cả ảnh)



Nếu chọn [**All images (Tất cả ảnh)**] và chọn [**Card images not transferred (Ảnh chưa truyền trên thẻ)**], tất cả ảnh chưa truyền sang máy tính trên thẻ sẽ được chọn.

Để tìm hiểu về mô tả của tùy chọn [**Card images failed transfer (Ảnh truyền chưa thành công trên thẻ)**] và [**Clear card's transf. history (Xóa lịch sử truyền trên thẻ)**], tham khảo phần “**Selecting [Chon]**” ở trang trước.

- Nếu màn hình khác ngoài cửa sổ chính của EOS Utility xuất hiện trên máy tính, [**Direct transfer (Truyền trực tiếp)**] sẽ không hiển thị.
- Trong quá trình truyền ảnh, một số tùy chọn menu sẽ không thể sử dụng.

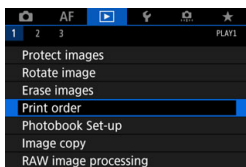
- Có thể truyền phim.
- Có thể thực hiện chụp kể cả trong khi truyền ảnh.
- Để tìm hiểu về tùy chọn [**Transfer with caption (Truyền với chú thích)**] trong [**2: Image transfer (Truyền ảnh)**], tham khảo phần “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in kỹ thuật số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các chỉ thị in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt lệnh in cho tiệm rửa ảnh.

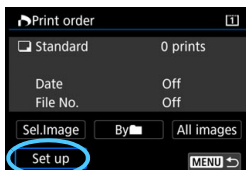
Bạn có thể đặt thiết lập in như kiểu in, in ngày, in số tập tin, v.v... Thiết lập in sẽ được áp dụng cho tất cả ảnh trong lệnh in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

Thiết lập tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.

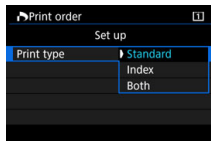


2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

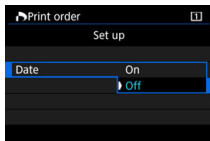
3 Đặt tùy chọn mong muốn.

- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày tháng)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

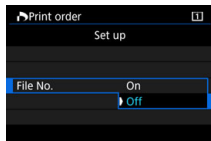
Kiểu in



Ngày tháng



Số tập tin



Print type (Kiểu in)		Standard (Tiêu chuẩn)	In một ảnh trên một trang.
		Index (Bảng kê)	Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang.
		Both (Cả hai)	Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in.
Date (Ngày tháng)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in ngày chụp ảnh.	
	Off (Tắt)		
File number (Số tập tin)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in số tập tin.	
	Off (Tắt)		

4 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)], [By  (Theo thư mục )] hoặc [All image (Tất cả ảnh)] để đặt lệnh in cho ảnh cần in.



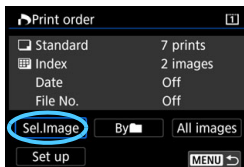
- Không thể đặt lệnh in cho ảnh RAW và phim.
- Nếu bạn in ảnh với kích thước lớn sử dụng thiết lập **[Index (Bảng kê)]** hoặc **[Both (Cả hai)]** (tr.475), một vài máy in nhất định có thể không in được bảng kê. Trong trường hợp đó, thay đổi cỡ ảnh (tr.456), rồi in bảng kê.
- Ngay cả khi đặt **[Date (Ngày tháng)]** và **[File No. (Số tập tin)]** thành **[On (Bật)]**, ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào thiết lập kiểu in và máy in.
- Với kiểu in **[Index (Bảng kê)]**, không thể đặt **[Date (Ngày tháng)]** và **[File No. (Số tập tin)]** thành **[On (Bật)]** cùng một lúc.
- Khi in với DPOF, nên sử dụng thẻ đã cài đặt thông số kỹ thuật lệnh in. Không thể in với lệnh in đã chỉ định nếu bạn xuất ảnh khỏi thẻ để in.
- Một số máy in tương thích DPOF và tiệm rửa ảnh có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo Hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc hỏi tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
- Không chỉ định lệnh in mới cho thẻ chứa ảnh đã đặt lệnh in bằng máy ảnh khác. Tất cả lệnh in có thể sẽ vô tình bị ghi đè. Ngoài ra, lệnh in có thể không thực hiện được, tùy thuộc vào loại ảnh.



Bạn có thể gửi ảnh qua Wi-Fi đến máy in tương thích PictBridge (Mạng LAN không dây) và in (in trực tiếp). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

Chỉ định ảnh để in

● Selecting Images (Chọn ảnh)



Chọn ảnh và đặt lệnh in từng ảnh.

Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <🌀> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <🌀> theo chiều kim đồng hồ. Nhấn nút <MENU> để lưu lệnh in vào thẻ.



Số lượng

Tổng số ảnh được chọn



Dấu chọn

Biểu tượng bảng kê

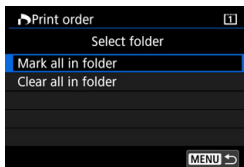
● Standard (Tiêu chuẩn) / Both (Cả hai)

Nhấn <SET> để in ảnh hiển thị. Xoay nút xoay <🌀> để đặt số lượng bản in, tối đa 99 bản.

● Index (Bảng kê)

Nhấn <SET> để đánh dấu chọn vào ô [✓]. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.

● By [Folder Icon] (Theo thư mục [Folder Icon])

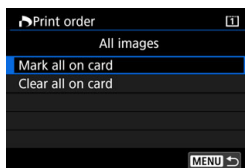


Chọn [**Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)**] và chọn thư mục.

Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được chỉ định.

Nếu chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] và chọn thư mục, lệnh in cho tất cả ảnh trong thư mục đó sẽ bị hủy.

● All images (Tất cả ảnh)



Nếu bạn chọn **[Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)]**, một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được đặt để in. Nếu chọn **[Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)]**, lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.

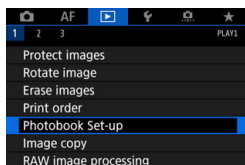


- Lưu ý rằng lệnh in không bao gồm ảnh RAW và phim ngay cả khi đặt **[By (Theo thư mục)]** hoặc **[All image (Tất cả ảnh)]**.
- Khi sử dụng máy in tương thích PictBridge (mạng LAN không dây), không chỉ định nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, có thể không phải tất cả ảnh sẽ được in.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

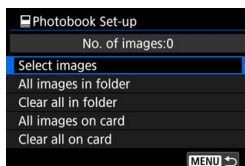
Bạn có thể chỉ định tối đa 998 ảnh để in trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh tới máy tính, các ảnh chỉ định sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này thích hợp để đặt sách ảnh online.

Chỉ định một ảnh mỗi lần

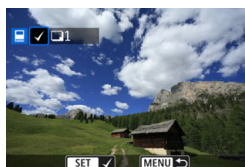


1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

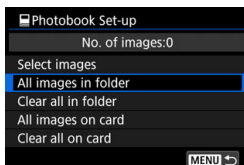


3 Chọn ảnh muốn chỉ định.

- Nhấn các phím < > để chọn ảnh sẽ chỉ định, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 3.

Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [**1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được chỉ định.

Để xóa lựa chọn, chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] hoặc [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**].



- Không thể chỉ định ảnh RAW và phim.
- Không dùng các ảnh đã chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác để chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh này. Thiết lập cho sách ảnh có thể bị ghi đè.

[illegible]

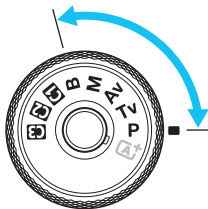
14

Tùy chỉnh máy ảnh

Thông qua chức năng tùy chỉnh và điều khiển tùy chỉnh, bạn có thể tinh chỉnh các chức năng máy ảnh khác nhau và thay đổi chức năng của các nút và nút xoay để phù hợp với sở thích chụp ảnh.

Bạn cũng có thể lưu các cài đặt hiện tại của máy ảnh vào các chế độ <**C1**>, <**C2**> và <**C3**>.

Lưu ý rằng các tính năng giải thích ở chương này cũng có thể được cài đặt và sử dụng trong các chế độ chụp sau: <**P**>, <**Tv**>, <**Av**>, <**M**> và <**B**>.



MENU Chức năng tùy chỉnh ☆

🔍 1: Phơi sáng

		 Chụp Live View	 Quay phim
Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)	tr.486	☐	☐
ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)		☐	Trong M
Bracketing auto cancel (Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp)	tr.487	☐	
Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)		☐	
Number of bracketed shots (Số ảnh bù trừ phơi sáng)	tr.488	☐	
Safety shift (Chuyển an toàn)	tr.489	☐	
Same exposure for new aperture (Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới)	tr.490	☐	

🔍 2: Phơi sáng

Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)	tr.492	☐	☐
Set aperture range (Đặt phạm vi khẩu độ)		☐	☐

 Các chức năng tùy chỉnh bị tô đen sẽ không hoạt động khi chụp Live View (LV) hoặc quay phim. (Thiết lập bị tắt.)

⦿.3: Hiển thị/Thao tác

		 Chụp Live View	 Quay phim
Warnings  in viewfinder (Cảnh báo  trong khung ngắm)	tr.493		
LV shooting area display (Hiển thị khu vực chụp LV)	tr.494	☐	
Dial direction during Tv/Av (Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av)		☐	☐
Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)		Tùy thuộc vào thiết lập	

⦿.4: Khác

Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh)	tr.495	☐	
Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)	tr.496	(Trong khi phát lại)	
Retract lens on power off (Thu ống kính khi tắt nguồn)		☐	☐
Add IPTC information (Thêm thông tin IPTC)	tr.497	☐	

⦿.5: Xóa

Chọn [**⦿.5: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**] sẽ xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh.



Ngay cả khi thực hiện [**⦿.5: Clear all Custom Func.(C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], thiết lập cho [**⦿.3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] sẽ vẫn được giữ nguyên. Ngoài ra, mặc dù [**⦿.4: Add IPTC information (Thêm thông tin IPTC)**] không bị xóa, thiết lập sẽ được chuyển thành [**Disable (Tắt)**].

MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆

1	2	3	4	5	C.Fn1:Exposure
Exposure level increments	1/3				
ISO speed setting increments	1/3				
Bracketing auto cancel	ON				
Bracketing sequence	0→+				
Number of bracketed shots	3				
Safety shift	OFF				
Same expo. for new aperture	OFF				

Trong tab [.Fn.], bạn có thể tùy chỉnh các tính năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân. Các thiết lập khác với mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.

C.Fn1: Phơi sáng

Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)

C.Fn1

1/3: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1/2: 1/2-stop (1/2 điểm dừng)

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v...

Khi đặt [1/2-stop (1/2 điểm dừng)], mức phơi sáng sẽ hiển thị như hình bên dưới.



ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)

C.Fn1

1/3: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1/1: 1-stop (1 điểm dừng)

Bạn có thể thay đổi mức tăng thiết lập tốc độ ISO chỉnh tay đến 1 điểm dừng.

- Ngay cả khi đặt [1-stop (1 điểm dừng)], tốc độ ISO vẫn tự động thiết lập mức tăng 1/3 điểm dừng nếu đặt ISO tự động.
- Ngay cả khi đặt [1-stop (1 điểm dừng)], bạn vẫn có thể đặt ISO 32000.

Bracketing auto cancel (Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp)

C.Fn1

ON: Enable (Bật)

Nếu đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>, AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ bị hủy bỏ. Thiết lập AEB cũng sẽ bị hủy bỏ nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc nếu bạn chuyển sang chế độ quay phim.

OFF: Disable (Tắt)

AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ không bị hủy bỏ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>. (Nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc nếu bạn chuyển sang quay phim, AEB sẽ tạm thời bị hủy bỏ, nhưng phạm vi AEB vẫn được giữ lại.)

Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)

C.Fn1

Có thể thay đổi thứ tự chụp AEB và thứ tự cân bằng trắng hỗn hợp.

0+: 0, -, +

-0+: -, 0, +

+0-: +, 0, -

AEB	Cân bằng trắng hỗn hợp	
	Hướng B/A	Hướng M/G
0 : Phơi sáng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn
- : Giảm phơi sáng	- : Thiên về sắc xanh da trời	- : Thiên về sắc đỏ tím
+ : Tăng phơi sáng	+ : Thiên về sắc hồng phách	+ : Thiên về sắc xanh lá cây

Number of bracketed shots (Số ảnh phơi sáng hỗn hợp)

C.Fn1

Số ảnh chụp với AEB và cân bằng trắng hỗn hợp có thể được thay đổi từ 3 ảnh mặc định thành 2 ảnh, 5 ảnh hoặc 7 ảnh.

Khi đặt [**1**: **Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)**] thành [0, -, +], các ảnh bù trừ phơi sáng sẽ được chụp như trong bảng sau.

3: 3 shots (3 ảnh)

5: 5 shots (5 ảnh)

2: 2 shots (2 ảnh)

7: 7 shots (7 ảnh)

(Mức tăng 1 điểm dừng)

	Ảnh đầu tiên	Ảnh thứ 2	Ảnh thứ 3	Ảnh thứ 4	Ảnh thứ 5	Ảnh thứ 6	Ảnh thứ 7
3: 3 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-1	+1				
2: 2 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	±1					
5: 5 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-2	-1	+1	+2		
7: 7 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-3	-2	-1	+1	+2	+3

 Nếu đặt [**2 shots (2 ảnh)**], bạn có thể chọn phía + hoặc - khi thiết lập phạm vi AEB. Với cân bằng trắng hỗn hợp, ảnh thứ 2 sẽ được điều chỉnh về phía sắc màu B/A hoặc M/G.

Safety shift (Chuyển an toàn)

C.Fn1

OFF: Disable (Tắt)

Tv/Av: Shutter speed/Aperture (Tốc độ màn trập/Khẩu độ)

Có hiệu lực trong chế độ <Tv> tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập và <Av> tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt được phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi những thiết lập được chọn bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.

ISO:ISO speed (Tốc độ ISO)

Hoạt động trong các chế độ <P> Phơi sáng tự động P, <Tv> tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập và <Av> tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi tốc độ ISO đã được thiết lập bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.



- Khi thiết lập [ISO speed (Tốc độ ISO)], tính năng chuyển an toàn cũng sẽ hoạt động với chụp AEB trong chế độ <M>.
- Trong [2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)], ngay cả khi thay đổi thiết lập mặc định của [Range for stills (Phạm vi cho ảnh)] hoặc [Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)], chuyển an toàn sẽ hoạt động nếu không đạt được phơi sáng chuẩn.
- Tốc độ ISO tối thiểu và tối đa của chuyển an toàn sử dụng tốc độ ISO được xác định bởi thiết lập [Auto range (Phạm vi tự động)] (tr.183). Tuy nhiên, nếu tốc độ ISO được thiết lập bằng tay nằm ngoài [Auto range (Phạm vi tự động)], chuyển an toàn sẽ tác động tăng hoặc giảm lên tốc độ ISO đặt bằng tay.
- Chuyển an toàn sẽ tác động nếu cần thiết ngay cả khi sử dụng flash.

Same exposure for new aperture (Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới)

C.Fn1

Khi thiết lập chế độ <M> (chụp phơi sáng chỉnh tay) và đặt tốc độ ISO bằng tay (trừ khi đặt thành ISO tự động), giá trị khẩu độ mở có thể chuyển thành số lớn hơn (khẩu độ nhỏ hơn) nếu bạn thực hiện một trong các thao tác sau: 1. Thay ống kính, 2. Lắp ống nối, hoặc 3. Sử dụng ống kính zoom có giá trị khẩu độ mở (chỉ số f) thay đổi. Nếu bạn chụp khi thiết lập khẩu độ tối đa, ảnh sẽ bị thiếu phơi sáng bằng một lượng tương đương với lượng thay đổi từ chỉ số khẩu độ f lớn nhất đến chỉ số lớn hơn. Tuy nhiên, bằng cách thay đổi tự động tốc độ ISO hoặc tốc độ màn trập (Tv), bạn có thể đạt được độ phơi sáng giống như khi không thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.

OFF: Disable (Tắt)

Các thay đổi tự động trong thiết lập để duy trì độ phơi sáng đã chỉ định sẽ không được áp dụng. Tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ đã đặt sẽ được sử dụng để chụp. Nếu khẩu độ tối đa nhỏ đi khi bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, hãy điều chỉnh tốc độ ISO và tốc độ màn trập trước khi chụp.

ISO: ISO speed (Tốc độ ISO)

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ ISO cao hơn để bù trừ cho số điểm dừng bị giảm của khẩu độ tối đa. Theo đó, ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như khi không thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3. Tốc độ ISO sẽ tự động thay đổi trong phạm vi thiết lập với [Range for stills (Phạm vi cho ảnh)].

ISO/Tv: ISO speed/Shutter speed (Tốc độ ISO/Tốc độ màn trập)

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ ISO cao hơn để bù trừ cho số điểm dừng bị giảm của khẩu độ tối đa. Nếu tốc độ ISO đạt đến giới hạn tối đa của phạm vi thiết lập trong [Range for stills (Phạm vi cho ảnh)], tốc độ màn trập chậm hơn sẽ được đặt tự động. Theo đó, ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như khi không thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3. Tốc độ màn trập sẽ tự động thay đổi trong phạm vi được thiết lập ở [2: Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)].

Tv: Shutter speed (Tốc độ màn trập)

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập chậm hơn để bù trừ cho số điểm dừng bị giảm của khẩu độ tối đa. Theo đó, ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như khi không thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3. Tốc độ màn trập sẽ tự động thay đổi trong phạm vi được thiết lập ở [**2: Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)**].

Chức năng này cũng hoạt động trong điều kiện ngược lại với các tùy chọn như trên: Khi chỉ số khẩu độ f lớn nhất giảm (độ mở khẩu độ lớn hơn).



- Chức năng này không hoạt động với ống kính macro có giá trị khẩu độ hiệu dụng thay đổi khi hệ số phóng to thay đổi.
- Chức năng này không hoạt động khi quay phim.
- Nếu đặt [**ISO speed (Tốc độ ISO)**] và không thể duy trì phơi sáng trong phạm vi thiết lập ở [**Range for stills (Phạm vi cho ảnh)**], ảnh sẽ không có được độ phơi sáng giống như khi không thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.
- Nếu đặt [**Shutter speed (Tốc độ màn trập)**] và không thể duy trì phơi sáng trong phạm vi thiết lập ở [**2: Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)**], ảnh sẽ không có được độ phơi sáng giống như khi không thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.
- Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3 và máy ảnh tắt (công tắc nguồn được đặt thành <**OFF**>, v.v...) trong khi phơi sáng, mức phơi sáng chuẩn sẽ được cập nhật thành mức phơi sáng tại thời điểm máy ảnh tắt.



- Chức năng này cũng hoạt động khi chỉ số f cao nhất (khẩu độ tối thiểu) thay đổi.
- Khi đặt [**ISO speed (Tốc độ ISO)**] hoặc [**Shutter speed (Tốc độ màn trập)**], nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, rồi quay trở lại trạng thái trước khi thực hiện thao tác mà không thay đổi bằng tay tốc độ ISO, tốc độ màn trập hoặc khẩu độ, thiết lập phơi sáng gốc sẽ được khôi phục.
- Nếu đặt [**ISO speed (Tốc độ ISO)**] và tốc độ ISO tăng đến tốc độ ISO mở rộng, tốc độ màn trập có thể thay đổi để duy trì phơi sáng.

C.Fn2: Phơi sáng

Set shutter speed range
(Đặt phạm vi tốc độ màn trập)

C.Fn2

Bạn có thể đặt phạm vi tốc độ màn trập. Trong các chế độ <**Tv**> và <**M**>, bạn có thể đặt tốc độ màn trập bằng tay trong phạm vi đã thiết lập. Trong các chế độ <**P**> và <**Av**>, tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động trong phạm vi tốc độ màn trập đã thiết lập (ngoại trừ khi quay phim). Sau đó chọn [**OK**] để đăng ký thiết lập.

Highest speed (Tốc độ cao nhất)

Có thể đặt trong phạm vi từ 1/8000 giây đến 15 giây.

Lowest speed (Tốc độ thấp nhất)

Có thể đặt trong phạm vi từ 30 giây đến 1/4000 giây.

Set aperture range (Đặt phạm vi khẩu độ)

C.Fn2

Bạn có thể đặt phạm vi khẩu độ. Trong các chế độ <**Av**>, <**M**> và <**B**>, bạn có thể đặt khẩu độ bằng tay trong phạm vi đã thiết lập. (Trong chế độ <**B**>, không thể đặt khẩu độ bằng tay khi quay phim.) Trong các chế độ <**P**> và <**Tv**>, khẩu độ sẽ được đặt tự động trong phạm vi khẩu độ đã thiết lập (ngoại trừ khi quay phim). Sau đó chọn [**OK**] để đăng ký thiết lập.

Min. aperture (Max. f/) (Khẩu độ tối thiểu (chỉ số khẩu độ f lớn nhất))

Có thể đặt trong phạm vi từ f/91 đến f/1.4.

Max. aperture (Min. f/) (Khẩu độ tối đa (chỉ số khẩu độ f nhỏ nhất))

Có thể đặt trong phạm vi từ f/1,0 đến f/64.

 Phạm vi khẩu độ có thể đặt khác nhau tùy thuộc vào khẩu độ tối đa và tối thiểu của ống kính.

C.Fn3: Hiển thị/Thao tác

Warnings in viewfinder (Cảnh báo trong khung ngắm)

C.Fn3

Khi thiết lập một trong các chức năng sau đây, biểu tượng < > có thể xuất hiện trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (tr.31). Chọn chức năng bạn muốn biểu tượng cảnh báo xuất hiện, rồi nhấn < > để đánh dấu chọn [✓]. Sau đó chọn [OK] để đăng ký thiết lập.

Khi đặt đơn sắc

Nếu đặt kiểu ảnh thành [Monochrome (Đơn sắc)] (tr.187), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi hiệu chỉnh cân bằng trắng

Nếu đặt hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.200), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt chất lượng ảnh với một lần chạm

Nếu thay đổi chất lượng ghi ảnh bằng chức năng thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm (tr.511), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt

Nếu đặt [ 3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)] thành [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)] (tr.204), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt HDR

Nếu thiết lập [ 3: HDR Mode (Chế độ HDR)] (tr.267), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.



Khi bạn đặt bất kỳ chức năng có đánh dấu chọn [✓], biểu tượng < > cũng sẽ xuất hiện cho thiết lập tương ứng trên màn hình điều khiển nhanh (tr.64) và màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.514).

Live View shooting area display (Hiển thị khu vực chụp Live View)

C.Fn3

Khi tỷ lệ khung ảnh (tr.314) cho chụp Live View được đặt thành **[4:3]**, **[16:9]** hoặc **[1:1]**, bạn có thể thiết lập phương pháp hiển thị khu vực ảnh.

 : **Masked (Che)**

 : **Outlined (Đường viền)**

Dial direction during Tv/Av (Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av)

C.Fn3

 : **Normal (Bình thường)**

 : **Reverse direction (Hướng ngược lại)**

Hướng xoay của nút xoay khi đặt tốc độ màn trập và khẩu độ có thể bị đảo ngược.

Trong chế độ chụp <**M**>, hướng xoay của nút xoay < > và < > sẽ bị đảo ngược. Trong các chế độ chụp khác, chỉ hướng xoay của nút xoay < > bị đảo ngược. Hướng xoay của nút xoay < > trong chế độ <**M**> và hướng xoay để thiết lập bù trừ phơi sáng trong chế độ <**P**>, <**Tv**> và <**Av**> sẽ giống nhau.

Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)

C.Fn3

Bạn có thể tùy ý chỉ định các chức năng thường dùng cho các nút và nút xoay. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 499.

C.Fn4: Khác

Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh) C.Fn4

Nếu đặt thông tin cắt ảnh, các đường dọc thể hiện tỷ lệ khung ảnh đã thiết lập trong khi chụp Live View sẽ hiển thị trên màn hình. Sau đó, bạn có thể bố cục ảnh chụp như thể chụp với máy ảnh định dạng vừa hoặc lớn (6x6 cm, 4x5 inch, v.v...).

Khi chụp ảnh, thông tin tỷ lệ khung ảnh khi cắt ảnh bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612) sẽ được thêm vào ảnh. (Ảnh không bị cắt sẽ được ghi vào thẻ.)

Nếu truyền ảnh sang máy tính, bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional để cắt ảnh dễ dàng theo tỷ lệ khung ảnh đã đặt khi chụp.

OFF : Tắt

6:7 : Tỷ lệ khung ảnh 6:7

6:6 : Tỷ lệ khung ảnh 6:6

5:6 : Tỷ lệ khung ảnh 10:12

3:4 : Tỷ lệ khung ảnh 3:4

5:7 : Tỷ lệ khung ảnh 5:7

4:5 : Tỷ lệ khung ảnh 4:5



- Nếu đặt [**5: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)**] thành bất cứ thiết lập nào ngoài [**3:2**], bạn sẽ không thể đặt thông tin cắt ảnh.
- Thông tin cắt ảnh cũng sẽ được đính kèm khi chụp qua khung ngắm. Tuy nhiên, phạm vi cắt ảnh sẽ không hiển thị.
- Ngay cả khi xử lý ảnh RAW có thông tin cắt ảnh trên máy ảnh (tr.450), bạn cũng không thể lưu ảnh JPEG thành ảnh đã cắt. Khi xử lý ảnh RAW, ảnh JPEG có thông tin cắt ảnh sẽ được lưu.

Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)

C.Fn4

Trong khi xem ảnh và xem lại ảnh ngay sau khi chụp, nếu bạn nhấn nút <  >, menu xóa sẽ xuất hiện (tr.443). Bạn có thể thiết lập tùy chọn nào, [Cancel (Hủy)] hay [Erase (Xóa)], sẽ được chọn trước trên màn hình này.

Nếu đặt [Erase (Xóa)], bạn chỉ cần nhấn <  > để xóa ảnh dễ dàng.

 : [Cancel] selected (Đã chọn [Hủy])

 : [Erase] selected (Đã chọn [Xóa])



Nếu đặt [Erase (Xóa)], cần thận trọng vô tình xóa ảnh.

Retract lens on power off
(Thu ống kính khi tắt nguồn)

C.Fn4

Cơ chế thu ống kính này được sử dụng khi gắn các ống kính có mô tơ STM (chẳng hạn như ống kính EF40mm f/2.8 STM) vào máy ảnh. Bạn có thể sử dụng để tự động thu ống kính khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

ON : Enable (Bật)

OFF: Disable (Tắt)



- Khi tự động tắt nguồn, ống kính sẽ không thu lại cho dù đã được thiết lập.
- Trước khi tháo ống kính, đảm bảo ống kính đã được thu lại.



Khi đặt thành [Enable (Bật)], chức năng này có hiệu lực với mọi thiết lập công tắc chế độ lấy nét của ống kính (AF hoặc MF).

Add IPTC information (Thêm thông tin IPTC)

C.Fn4

Thông tin IPTC (International Press Telecommunication Council) từ EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612) sau khi đăng ký vào máy ảnh có thể được ghi (đính kèm) vào ảnh (JPEG/RAW) bạn chụp. Phù hợp cho quản lý tập tin và các tác vụ sử dụng thông tin IPTC khác.

Tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility để biết thêm về quy trình đăng ký thông tin IPTC vào máy ảnh và chi tiết về thông tin được đăng ký (tr.614).

OFF: Disable (Tắt)

Thông tin IPTC sẽ không được ghi vào ảnh.

ON: Enable (Bật)

Khi chụp, thông tin IPTC đã đăng ký vào máy ảnh sẽ được ghi vào ảnh.



Thông tin IPTC sẽ không được đính kèm khi quay phim (MOV hoặc MP4).

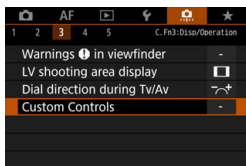


- Khi xem lại, bạn có thể kiểm tra xem thông tin IPTC có được đính kèm hay không (tr.404).
- Với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612), bạn có thể kiểm tra thông tin IPTC đã ghi vào ảnh.
- Kể cả khi chọn [**5: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**] (tr.485), thông tin IPTC đã đăng ký vào máy ảnh sẽ không bị xóa. Tuy nhiên, thiết lập sẽ được đặt thành [**Disable (Tắt)**].

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

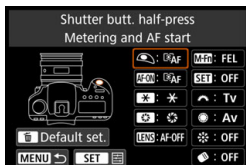
Điều khiển tùy chỉnh ☆

Bạn có thể tùy ý chỉ định các chức năng thường dùng cho các nút bấm và nút xoay để thao tác dễ dàng.



1 Chọn [Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].

- Trong tab [3], chọn [Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình thiết lập điều khiển tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



2 Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh.

- Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Tên của điều khiển và chức năng có thể đặt sẽ hiển thị.
- Biểu đồ ở bên trái sẽ hiển thị vị trí của nút bấm hoặc nút xoay đã chọn.



3 Đặt chức năng.

- Chọn chức năng, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng [INFO] xuất hiện ở phía dưới cùng bên trái màn hình, bạn có thể nhấn nút <INFO> và thiết lập các tùy chọn liên quan khác.

4 Thoát thiết lập.

- Khi nhấn <SET> để thoát thiết lập, màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.
- Nhấn nút <MENU> để thoát.



Khi màn hình ở bước 2 hiển thị, nhấn nút <3> để chuyển thiết lập điều khiển tùy chỉnh về mặc định. Lưu ý rằng thiết lập [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] sẽ không bị xóa ngay cả khi bạn chọn [5: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].

Các chức năng có thể đặt cho điều khiển máy ảnh

Chức năng			Trang		AF-ON	
AF (Lấy nét tự động)	 AF	Bắt đầu đo sáng và AF	504	☐	☐ *1	☐ *1
	AF-OFF	Dừng AF	505	☐	☐	☐
	AF↔	Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký	506	☐	☐	☐
	 ONE SHOT ↔  AI SERVO/SERVO			☐	☐ *3	☐ *3
	 HP	Chuyển sang điểm AF đã đăng ký	507	☐	☐	☐
	 SEL ↔  HP	Điểm AF đã chọn ↔ Điểm AF trung tâm/đã đăng ký		☐	☐	☐
		Lựa chọn trực tiếp điểm AF		☐	☐	☐
		Lựa chọn trực tiếp vùng AF	508	☐	☐	☐
Exposure (Phơi sáng)		Tạm dừng lấy nét Servo phim		☐	☐	☐
		Bắt đầu đo sáng	508	☐	☐	☐
		Khóa phơi sáng		☐	☐	☐
		Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)		☐	☐	☐
		Khóa phơi sáng (giữ)	509	☐	☐	☐
	*AF-OFF	Khóa phơi sáng, dừng AF		☐	☐	☐
	FEL	Khóa phơi sáng flash		☐	☐	☐
	ISO 	Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay )		☐	☐	☐
	ISO 	Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay )	510	☐	☐	☐
	ISO 	Đặt tốc độ ISO ( trong khi đo sáng)		☐	☐	☐
	 	Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay )		☐	☐	☐
	 	Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay )		☐	☐	☐
	Tv	Thiết lập tốc độ màn trập ở chế độ M		☐	☐	☐
	Av	Thiết lập khẩu độ ở chế độ M		☐	☐	☐

	LENS	M-Fn	SET				
	○						
○	○						
○ *2	○ *2						
○ *3	○ *3						
○ *4	○ *4						
							○ *5
					○ *6	○ *7	
							○
○			○				
○	○	○					○
○	○	○					○
○		○					
			○				
							○
					○		
			○				
							○
				○	○		
				○	○		

 <LENS> biểu thị “nút dừng AF” trên các ống kính siêu xa có tính năng ổn định hình ảnh.

Chức năng			Trang		AF-ON	
Images (Ảnh)	 RAW Jpeg	Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm	511			
	 RAW Jpeg H	Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ)				
		Chất lượng ảnh				
		Kiểu ảnh	512			
Operation (Thao tác)		Xem trước độ sâu trường ảnh	512			
		Khởi động IS				
	MENU	Hiển thị menu				
		Đăng ký/gọi ra chức năng chụp			○ *g	○ *g
	UNLOCK 	Mở khóa khi nhấn nút	513			
		Bắt đầu ghi phim (khi đặt )				
		Xem lại ảnh				
		Phóng to/Thu nhỏ (nhấn SET, xoay )				
		Xoay vòng:  •  ISO / DRIVE • AF / WB • 				
		Thiết lập chức năng flash				
	OFF	Không có chức năng (tắt)			○	○

	LENS	M-Fn	SET				
☐ *8		☐ *8					
☐ *8		☐ *8					
			☐				
			☐				
☐			☐				
☐	☐						
			☐				
☐							
☐		☐	☐				
			☐				
			☐				
		☐					
			☐				
☐		☐	☐	☐	☐	☐	☐

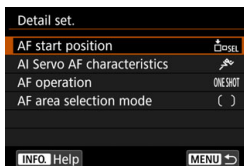
 <LENS> biểu thị “nút dừng AF” trên các ống kính siêu xa có tính năng ổn định hình ảnh.

AF (Lấy nét tự động)

AF: Bắt đầu đo sáng và AF

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, thao tác đo sáng và AF sẽ được thực hiện.

- *1: Khi được gán cho nút <AF-ON> hoặc <✱>, thao tác nhấn nút <INFO.> trong khi màn hình thiết lập hiển thị sẽ cho phép bạn đặt thiết lập lấy nét tự động chi tiết. Khi chụp, nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> sẽ thực hiện lấy nét tự động như đã thiết lập.



● AF start position (Vị trí bắt đầu AF)

Khi [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] được đặt, bạn có thể nhấn các nút <AF-ON> hoặc <✱> để chuyển sang điểm AF đã đăng ký.

Đăng ký điểm AF

- Thiết lập chế độ chọn vùng AF thành một trong các chế độ sau: AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh) hoặc Chọn AF tự động. Không thể chọn AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn.
- Chọn điểm AF bằng tay.
- Nhấn giữ nút <☰>, rồi nhấn nút <:B:>. Tiếng bíp sẽ phát ra và điểm AF sẽ được đăng ký vào máy, sau đó điểm AF đã đăng ký sẽ nhấp nháy.



- Khi điểm AF được đăng ký, các cài đặt sau sẽ hiển thị:
 - Chọn AF tự động: [] HP (HP: Vị trí ban đầu)
 - AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh): SEL [] (Trung tâm), SEL HP (Ngoài trung tâm)
- Để hủy điểm AF đã đăng ký, nhấn giữ nút <☰>, rồi nhấn nút <Z-ISO>. Điểm AF đã đăng ký cũng sẽ bị hủy nếu bạn chọn [5: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)].

- **AI Servo AF characteristics (Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)** (tr.129)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <★> để thực hiện lấy nét tự động với tình huống đã đặt từ [Case 1 (Tình huống 1)] đến [Case 6 (Tình huống 6)].
- **Thao tác AF** (tr.102)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <★> để thực hiện lấy nét tự động bằng thao tác AF đã đặt.
- **Chế độ chọn vùng AF** (tr.106)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <★> để thực hiện lấy nét tự động với chế độ chọn vùng AF đã đặt.

Nếu bạn muốn tiếp tục sử dụng điểm AF đã chọn hiện tại khi nhấn nút <AF-ON> hoặc <★>, đặt [AF start position (Vị trí bắt đầu AF)] thành [Manually selected AF point (Điểm AF đã chọn bằng tay)]. Nếu bạn muốn giữ đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, thao tác AF và chế độ chọn vùng AF đã đặt hiện tại, chọn [Maintain current setting (Duy trì thiết lập hiện tại)].



- Nếu đặt [AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)] thành [Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)] hoặc [Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)], bạn có thể đăng ký riêng điểm AF sẽ sử dụng để chụp dọc (cầm hướng lên hoặc xuống) và ngang.
- Nếu đặt cả [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] và [AF area selection mode (Chế độ chọn vùng AF)] cho [AF start position (Vị trí bắt đầu AF)], [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] sẽ hoạt động.

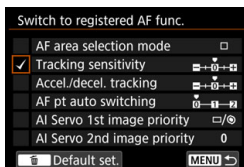
AF-OFF: Dừng AF

Lấy nét tự động sẽ dừng khi nhấn nút được đặt chức năng này. Chức năng này giúp dừng lấy nét tự động khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

AF- : Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký

Chỉ khi bạn đang nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc nút dừng AF của ống kính, bạn có thể áp dụng lấy nét tự động với các thiết lập sau: Chế độ chọn vùng AF (tr.106), Độ nhạy theo dõi (tr.134), Tăng/giảm tốc độ theo dõi (tr.135), Tự động chuyển đổi điểm AF (tr.136), Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên (tr.138) và Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai (tr.139). Chức năng này giúp thay đổi đặc tính AF khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

*2: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để hiển thị màn hình thiết lập chi tiết. Xoay nút xoay < > hoặc < > để chọn chức năng cần đăng ký, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Khi chọn một chức năng và nhấn <SET>, bạn có thể điều chỉnh thiết lập. Nhấn nút < > để chuyển thiết lập về mặc định.



ONESHOT ↔ AI SERVO/SERVO

Bạn có thể đổi thao tác AF. Ở chế độ lấy nét một lần, khi nhấn nút được gán cho chức năng này, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ lấy nét AI Servo/lấy nét Servo. Nếu nhấn nút trong chế độ lấy nét AI Servo/lấy nét Servo, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ lấy nét một lần. Chức năng này giúp chuyển đổi liên tục giữa Lấy nét một lần và Lấy nét AI Servo/Servo với chủ thể liên tục chuyển động rồi dừng lại.

*3: Trên màn hình thiết lập, khi nhấn nút <INFO.>, bạn có thể chọn [Switch only when btn is held (Chỉ chuyển khi giữ nút)] hoặc [Switch each time btn is pressed (Chuyển mỗi lần nhấn nút)].

Chức năng này không hoạt động khi chụp Live View nếu đã thiết lập ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.

HP : Chuyển sang điểm AF đã đăng ký

Khi hẹn giờ đo sáng đang bật, nếu bạn nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc nút dừng AF của ống kính, điểm lấy nét có thể chuyển thành điểm AF đã đăng ký.

- *4: Trên màn hình thiết lập, khi nhấn nút <INFO.>, bạn có thể chọn [Switch only when btn is held (Chỉ chuyển khi giữ nút)] hoặc [Switch each time btn is pressed (Chuyển mỗi lần nhấn nút)]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 504.

HP : Điểm AF đã chọn ↔ Điểm AF trung tâm/đã đăng ký

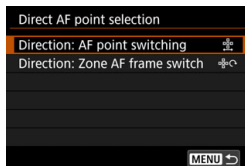
Khi hẹn giờ đo sáng đang bật, thao tác nhấn nút < > (chọn vùng AF) sẽ chuyển giữa điểm AF hiện tại và điểm AF trung tâm hoặc điểm AF đã đăng ký.

- *5: Trên màn hình thiết lập, khi nhấn nút <INFO.>, bạn có thể chọn [Switch to center AF point (Chuyển sang điểm AF trung tâm)] hoặc [Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF đã đăng ký)]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 504.

: Lựa chọn trực tiếp điểm AF

Khi hẹn giờ đo sáng đang bật, bạn có thể chọn trực tiếp điểm AF bằng nút xoay < > hoặc < > mà không cần nhấn nút < >.

- *6: Trên màn hình thiết lập nút xoay điều khiển nhanh, bạn có thể nhấn nút <INFO.>, rồi đặt hướng chuyển điểm AF khi xoay nút xoay < >. Thiết lập [Direction: AF point switching (Hướng: Chuyển đổi điểm AF)] cho [Horizontal (Ngang)] và [Vertical (Dọc)] sẽ hoạt động trong các chế độ AF một chấm điểm, AF một điểm, Chọn bằng tay-: Mở rộng điểm AF và Mở rộng vùng AF: Bao quanh. Thiết lập [Direction: Zone AF frame switch (Hướng: Chuyển đổi khung AF theo vùng)] cho [Cycle through the zones (Quay vòng giữa các vùng)], [Horizontal (Ngang)] và [Vertical (Dọc)] sẽ hoạt động trong chế độ AF theo vùng.



- *7: Trên màn hình thiết lập điều khiển đa năng, bạn có thể nhấn nút <INFO.> để chọn điểm AF ([Switch to center AF point (Chuyển sang điểm AF trung tâm)] hoặc [Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF đã đăng ký)]) mà máy ảnh sẽ chuyển sang khi bạn nhấn vào giữa nút xoay < >. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 504.

 Nếu bạn gán [Direct AF point selection (Lựa chọn trực tiếp điểm AF)] cho < > và bạn muốn thay đổi khẩu độ ở chế độ <M>, nhấn giữ nút < > và xoay nút xoay < >.

: Lựa chọn trực tiếp vùng AF

Nếu hẹn giờ đo sáng đang bật, bạn có thể nhấn nút  (chọn vùng AF) để lựa chọn trực tiếp chế độ chọn vùng AF mà không cần nhấn nút .

: Tạm dừng lấy nét Servo phim

Khi lấy nét Servo phim đang hoạt động, bạn có thể tạm dừng lấy nét tự động bằng cách nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc . Nhấn lại nút để tiếp tục lấy nét Servo phim.

Exposure (Phơi sáng)

: Bắt đầu đo sáng

Khi nhấn nửa chừng nút chụp, đo sáng sẽ được tiến hành (không tiến hành AF).

: Khóa phơi sáng

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (Khóa phơi sáng) trong khi hẹn giờ đo sáng đang bật. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn lấy nét và đo sáng ảnh riêng rẽ.

: Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)

Phơi sáng sẽ bị khóa (Khóa phơi sáng) khi nhấn giữ nút chụp.

 Nếu gán [AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))] cho nút chụp, tất cả các nút được gán cho [AE lock (Khóa phơi sáng)] hoặc [AE lock (hold) (Khóa phơi sáng (giữ))] đều sẽ hoạt động như [AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))].

✕H: Khóa phơi sáng (giữ)

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, phơi sáng sẽ bị khóa (Khóa phơi sáng). Khóa phơi sáng vẫn duy trì cho đến khi bạn nhấn lại nút này. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập lấy nét và đo sáng ảnh riêng rẽ hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng.

***AF-OFF : Khóa phơi sáng, Dừng AF**

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (Khóa phơi sáng) và máy ảnh sẽ dừng lấy nét tự động. Chức năng này giúp khóa phơi sáng cùng lúc với dừng AF trong khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

FEL: Khóa phơi sáng flash

Trong khi chụp ảnh với đèn flash, nếu nhấn nút được gán cho chức năng này, máy sẽ nháy đo sáng và ghi lại công suất flash cần dùng (Khóa phơi sáng flash).

ISO : Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay)

Bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách nhấn giữ < > và xoay nút xoay < > (chỉ áp dụng cho chụp ảnh). Nếu sử dụng điều khiển này khi ISO tự động được đặt, bạn có thể thiết lập tốc độ ISO bằng tay. Khi hẹn giờ đo sáng (1/4) kết thúc, ISO tự động sẽ được khôi phục. Nếu sử dụng chức năng này trong chế độ <M>, bạn có thể điều chỉnh lượng phơi sáng với tốc độ ISO trong khi duy trì giá trị tốc độ màn trập và khẩu độ hiện thời.

ISO : Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay)

Bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách nhấn giữ nút < > (chọn vùng AF) và xoay nút xoay < > (chỉ áp dụng cho chụp ảnh). Phạm vi có thể thiết lập giống như trong [ISO  : Set ISO speed (hold btn, turn ) (Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay ))].

 Đối với quay phim, thiết lập [ISO  : Set ISO speed (hold btn, turn ) (Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay ))] hoặc [ISO  : Set ISO speed (hold btn, turn ) (Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay ))] sẽ không có hiệu lực.

Đặt tốc độ ISO (trong khi đo sáng)

Khi hẹn giờ đo sáng đang hoạt động, bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách xoay nút xoay < >. Nếu sử dụng điều khiển này khi ISO tự động được đặt, bạn có thể thiết lập tốc độ ISO bằng tay. (Ngay cả sau khi hẹn giờ đo sáng (4) kết thúc, ISO tự động vẫn sẽ không được khôi phục.) Nếu sử dụng chức năng này trong chế độ <**M**>, bạn có thể điều chỉnh lượng phơi sáng với tốc độ ISO trong khi duy trì giá trị tốc độ màn trập và khẩu độ hiện thời.

Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay)

Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách nhấn giữ < > và xoay nút xoay < >. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập bù trừ phơi sáng trong chế độ phơi sáng chỉnh tay <**M**> với ISO tự động được đặt.

Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay)

Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách nhấn giữ nút < > (chọn vùng AF) và xoay nút xoay < >. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập bù trừ phơi sáng trong chế độ phơi sáng chỉnh tay <**M**> với ISO tự động được đặt.

 Các chức năng sau vẫn sẽ hoạt động kể cả khi công tắc <**LOCK**> được đặt sang bên phải (Khóa đa chức năng, tr.62): [**ISO  : Set ISO speed (hold btn, turn )** (Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay ))] (tr.509) và [** : Exposure compensation (hold btn, turn )** (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay ))].

Tv : Thiết lập tốc độ màn trập ở chế độ M

Trong chế độ <**M**> phơi sáng chỉnh tay, bạn có thể đặt tốc độ màn trập với nút xoay < > hoặc < >.

Av : Thiết lập khẩu độ ở chế độ M

Trong chế độ <**M**> phơi sáng chỉnh tay, bạn có thể đặt khẩu độ với nút xoay < > hoặc < >.

Images (Ảnh)

RAW/ JPEG : Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm

Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc nút <M-Fn> sẽ chuyển thành cho phép chụp ảnh với chất lượng ghi ảnh thiết lập ở đây. Nếu **[Image quality (Chất lượng ảnh)]** trong **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** được đánh dấu [✓] (tr.87), chất lượng ghi ảnh (JPEG hoặc RAW) sẽ nhấp nháy trên khung ngắm. Sau khi kết thúc chụp, thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm sẽ bị hủy và chất lượng ghi ảnh sẽ chuyển về chất lượng trước đó.

*8: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để thiết lập chất lượng ghi ảnh cho chức năng này.

RAW/ JPEG H: Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ)

Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc nút <M-Fn> sẽ chuyển thành cho phép chụp ảnh với chất lượng ghi ảnh thiết lập ở đây. Nếu **[Image quality (Chất lượng ảnh)]** trong **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** được đánh dấu [✓] (tr.87), chất lượng ghi ảnh (JPEG hoặc RAW) sẽ nhấp nháy trên khung ngắm. Ngay cả sau khi chụp, thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm cũng sẽ không bị hủy. Để chuyển về thiết lập chất lượng ghi ảnh trước đó, nhấn lại nút được gán cho chức năng này.

*8: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để thiết lập chất lượng ghi ảnh cho chức năng này.

➊ Nếu đặt RAW hoặc RAW+JPEG cho chất lượng ghi ảnh thiết lập trong **[One-touch image quality setting (Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm)]** hoặc **[One-touch image quality (hold) (Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ))]**, **[Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)]** (tr.204) sẽ bị hủy sau khi chuyển. Đối với **[ISO 3: High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)]**, **[Standard (Tiêu chuẩn)]** sẽ được áp dụng cho chụp.

📄 Bạn có thể thiết lập để máy ảnh hiển thị <📄> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi chất lượng ghi ảnh được thay đổi bằng thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm (tr.493).

📄 : Chất lượng ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập chất lượng ghi ảnh (tr.171) trên màn hình LCD.

Kiểu ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập lựa chọn kiểu ảnh trên màn hình LCD (tr.185).

Operation (Thao tác)

Xem trước độ sâu trường ảnh

Khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc <SET>, khẩu độ sẽ bị khóa lại và bạn có thể kiểm tra độ sâu trường ảnh (tr.254).

Khởi động IS

Nếu bạn nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc nút dừng AF của ống kính khi công tắc ổn định hình ảnh của ống kính được đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính sẽ kích hoạt.

MENU: Hiển thị menu

Nhấn <SET> sẽ hiển thị menu trên màn hình LCD.

Đăng ký/gọi ra chức năng chụp

Bạn có thể thiết lập bằng tay các chức năng chụp chính như tốc độ màn trập, khẩu độ, tốc độ ISO, chế độ đo sáng và chế độ chọn vùng AF, đồng thời có thể đăng ký các chức năng này với máy ảnh. Chỉ khi nhấn giữ nút <AF-ON> hoặc <★>, bạn mới có thể gọi ra và sử dụng thiết lập chức năng chụp đã đăng ký để chụp ảnh.

*9: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để hiển thị thiết lập chi tiết. Xoay nút xoay <○> hoặc <☺> để chọn chức năng cần đăng ký, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Khi chọn một chức năng và nhấn <SET>, bạn có thể điều chỉnh thiết lập. Nhấn nút <☰> để chuyển thiết lập về mặc định.

Bằng cách chọn [Register current settings (Đăng ký thiết lập hiện tại)], thiết lập hiện tại của máy ảnh sẽ được đăng ký. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 504.



: Mở khóa khi nhấn nút

Ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải, chỉ cần nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn sẽ có thể sử dụng các nút và nút xoay điều khiển máy ảnh bị hạn chế bởi chức năng [**5: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] (tr.93).

: Bắt đầu ghi phim (khi đặt)

Khi quay phim, nhấn nút được gán cho chức năng này sẽ bắt đầu quá trình quay phim. Để dừng quay phim, nhấn lại nút.

: Xem lại ảnh

Nhấn nút <SET> để xem lại ảnh.

: Phóng to/Thu nhỏ (nhấn SET, xoay)

Nhấn <SET> để phóng to hoặc thu nhỏ ảnh ghi trên thẻ (tr.410). Bạn cũng có thể phóng to ảnh trong khi chụp Live View và quay phim (tr.329, 333).

: Quay vòng: •ISO/DRIVE•AF/WB•

Nhấn nút <M-Fn> sẽ thay đổi chức năng có thể thiết lập theo thứ tự sau: •ISO → DRIVE•AF → WB•.

: Thiết lập chức năng flash

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập chức năng flash (tr.295).

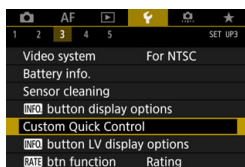
OFF: Không có chức năng (tắt)

Sử dụng thiết lập này khi bạn không muốn thiết lập nút chức năng.

Điều khiển nhanh tùy chỉnh

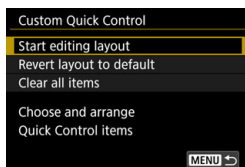
Trên màn hình điều khiển nhanh tiêu chuẩn (tr.64), những chức năng chụp đặt trước sẽ hiển thị trong bố cục mặc định. Trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh, bạn có thể tùy chỉnh màn hình với bố cục và chức năng chụp theo ý muốn. Tính năng này gọi là “Điều khiển nhanh tùy chỉnh”.

Trang này giải thích cách thay đổi bố cục của màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh. Trang 64 giải thích cách sử dụng điều khiển nhanh, và trang 89 giải thích cách hiển thị màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh.

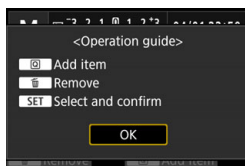


1 Chọn [Custom Quick Control (Điều khiển nhanh tùy chỉnh)].

- Trong tab [**3**], chọn [**Custom Quick Control (Điều khiển nhanh tùy chỉnh)**], rồi nhấn <**SET**>.



2 Chọn [Start editing layout (Bắt đầu chỉnh bố cục)].

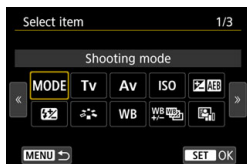


3 Đọc quy trình thao tác và chọn [OK].

- Q** : Thêm mục
- Remove** : Xóa
- SET** : Chọn và xác nhận

- Các mục hiển thị trên màn hình mặc định như hình minh họa ở bên trái.





4 Thêm một mục.

- Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$.
- Xoay nút xoay $\langle \odot \rangle$ hoặc sử dụng nút $\langle \odot \rangle$ để chọn mục cần thêm, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- Để xóa một mục, chọn mục, rồi nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$. Để xóa tất cả các mục, chọn [**Clear all items (Xóa tất cả các mục)**] ở bước 2.
- Với những mục cho phép lựa chọn kích cỡ biểu tượng, xoay nút xoay $\langle \odot \rangle$ hoặc sử dụng nút $\langle \odot \rangle$ để lựa chọn kích cỡ, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- Với những mục có thể đặt vị trí và với kích cỡ hiển thị, tham khảo trang 517.



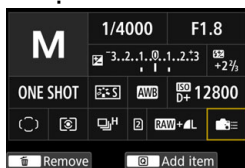
5 Đặt vị trí cho mục.

- Sử dụng nút $\langle \text{MENU} \rangle$, $\langle \odot \rangle$ hoặc $\langle \odot \rangle$ để di chuyển mục (đã đóng khung với mũi tên định hướng) đến vị trí mong muốn.
- Nếu muốn thay đổi kích cỡ, nhấn nút $\langle \text{INFO} \rangle$ để thay đổi.
- Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để đặt mục. Nếu đã có một mục ở vị trí đó, mục đó sẽ bị ghi đè (xóa).
- Để thay đổi vị trí của một mục, chọn mục, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để di chuyển.



Nếu bạn muốn xóa trước tất cả các mục hiển thị ở mặc định, chọn [**Clear all items (Xóa tất cả các mục)**] ở bước 2, rồi chuyển sang bước 4.

Bố cục mẫu



Màn hình mẫu



- Lặp lại bước 4 và 5 để đặt vị trí cho các mục khác như mong muốn.
- Để xóa mục đã đặt vị trí, chọn mục, rồi nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$.

6 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$ để thoát thiết lập. Màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.

7 Kiểm tra màn hình thiết lập.

- Trong [Y 3: **INFO** button display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút **INFO**)], đảm bảo rằng [**Custom Quick Control screen** (Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh)] được đánh dấu chọn [$\checkmark$] (tr.89).
- Nhấn nút $\langle \text{INFO} \rangle$ để hiển thị màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.89) và kiểm tra bố cục.
- Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ để sử dụng điều khiển nhanh (tr.64).

Đặt lại màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh hoặc xóa tất cả các mục

Ở bước 2, chọn [**Revert layout to default** (Đưa lại bố cục về mặc định)] sẽ cài đặt lại thiết lập hiện tại và đưa màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh về bố cục mặc định (tr.514).

Chọn [**Clear all items** (Xóa tất cả các mục)] sẽ xóa tất cả các mục đã đặt. Màn hình sẽ không hiển thị gì ngoài đường kẻ ở phía dưới cùng.

Các mục sẵn có và kích cỡ hiển thị cho bố cục màn hình

(Số ô dọc x ngang)

Mục và kích cỡ	1x1	1x2	1x3	1x5	2x2	2x3
Chế độ chụp	☐				☐	
Tốc độ màn trập	☐	☐				
Khẩu độ	☐	☐				
Tốc độ ISO	☐	☐				
Thiết lập bù trừ phơi sáng/AEB	☐	☐	☐			
Bù trừ phơi sáng flash	☐	☐	☐			
Kiểu ảnh	☐		☐			
Cân bằng trắng	☐	☐				
Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp	☐	☐				
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	☐					
Điều khiển tùy chỉnh	☐					
Thao tác AF	☐	☐				
Chọn điểm AF	☐					☐
Chế độ đo sáng	☐					
Kiểu chụp	☐					
Chức năng ghi/lựa chọn thẻ	☐	☐			☐	
Ngày/Giờ/Múi giờ	☐	☐		☐		☐
Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài	☐					
Ưu tiên tông màu sáng	☐					
Khung lưới trong khung ngắm	☐					
Làm sạch cảm biến	☐					
Thiết lập GPS	☐					
Chụp chống nhấp nháy	☐					
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	☐					
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	☐					
Chọn thư mục		☐				

- Tùy theo các mục, số lượng thông tin có thể hiển thị cũng như chức năng có thể đặt cho điều khiển nhanh có thể khác nhau do kích cỡ hiển thị.
- Không thể đặt cùng một mục ở nhiều vị trí trên màn hình.
- Trong chế độ <A⁺>, một số mục menu sẽ không hiển thị. Ngoài ra, không thể thiết lập một số mục menu với Điều khiển nhanh.

<A⁺> Thiết lập chế độ và điều kiện hiển thị

Bạn cũng có thể đặt Điều khiển nhanh tùy chỉnh và hiển thị màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh trong chế độ <A⁺>.

Tuy nhiên, những chức năng không hiển thị trên màn hình menu trong chế độ <A⁺> như **[Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)]** sẽ không xuất hiện trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh, kể cả khi bạn thiết lập hiển thị các chức năng này. Đồng thời, **[ISO speed (Tốc độ ISO)]** và các chức năng không thể thiết lập ở màn hình điều khiển nhanh trong chế độ <A⁺> sẽ hiển thị màu xám và không chọn được.

● Không hiển thị

Bù trừ phơi sáng/AEB, Bù trừ phơi sáng flash, Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp, Điều khiển tùy chỉnh, Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài, Ưu tiên tông màu sáng, Chụp chống nhấp nháy, Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao

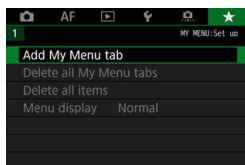
● Màu xám (không thể đặt với màn hình điều khiển nhanh)

Tốc độ màn trập, Khẩu độ, Tốc độ ISO, Kiểu ảnh, Cân bằng trắng, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Thao tác AF, Chọn điểm AF, Chế độ đo sáng

MENU Đăng ký Danh mục riêng ☆

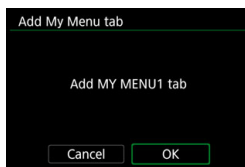
Trong tab Danh mục riêng, bạn có thể đăng ký các mục menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi thiết lập. Bạn cũng có thể đặt tên cho các tab menu đã đăng ký và nhấn nút <MENU> để hiển thị tab Danh mục riêng trước tiên.

Tạo và thêm tab Danh mục riêng



1 Chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)].

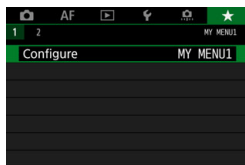
- Trong tab [★], chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

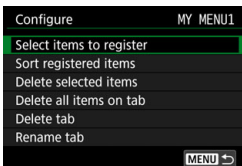
- Tab [MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)] được tạo.
- Bạn có thể tạo tối đa năm tab menu bằng cách lặp lại bước 1 và 2.

Đăng ký các mục menu trong tab Danh mục riêng

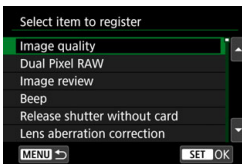


1 Chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG*)].

- Xoay nút xoay <⚙️> để chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG*)] (tab để đăng ký mục menu), rồi nhấn <SET>.



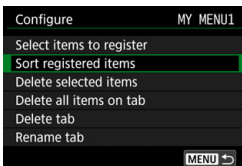
2 Chọn [Select items to register (Chọn mục để đăng ký)].



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn mục mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
- Bạn có thể đăng ký tối đa sáu mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

Thiết lập tab Danh mục riêng



Bạn có thể sắp xếp và xóa các mục trong tab menu cũng như đặt lại tên hoặc xóa tab menu.

• Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)

Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong Danh mục riêng. Chọn [**Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)**] và chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi biểu tượng [◆] hiển thị, xoay nút xoay <◉> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.

• Delete selected items (Xóa các mục đã chọn) / Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)

Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [**Delete selected items (Xóa các mục đã chọn)**] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [**Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)**] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký trong tab.

● Delete tab (Xóa tab)

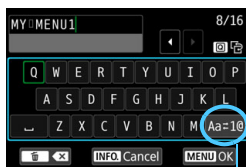
Bạn có thể xóa tab Danh mục riêng đang hiển thị. Chọn [**Delete tab (Xóa tab)**] để xóa tab [**MY MENU* (DANH MỤC RIÊNG*)**].

● Rename tab (Đặt lại tên tab)

Bạn có thể đặt lại tên tab Danh mục riêng từ [**MY MENU* (DANH MỤC RIÊNG*)**].

1 Chọn [**Rename tab (Đặt lại tên tab)**].

2 Nhập văn bản.



Chế độ nhập

- Nhấn nút < > để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.
- Thao tác nút < >, < > hoặc < > để di chuyển khung và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn < > để nhập ký tự.
- Bạn có thể chọn [**Aa↔1@**] để thay đổi chế độ nhập.
- Bạn có thể nhập tối đa 16 ký tự.
- Để hủy chế độ nhập văn bản, nhấn nút < **INFO.** >, rồi chọn [**OK**].

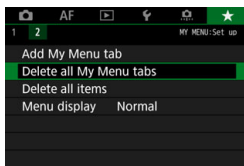
3 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút < **MENU** >, rồi chọn [**OK**].
- ▶ Tên thiết lập đã được lưu.



Nếu không thể nhập văn bản ở bước 2, nhấn nút < > và sử dụng khung ký tự khi khung màu xanh da trời xuất hiện.

Xóa tất cả các tab Danh mục riêng / Xóa tất cả các mục

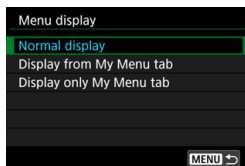


Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng hoặc tất cả các mục Danh mục riêng đã tạo và đăng ký trong tab.

- Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)**
 Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng đã tạo. Khi chọn **[Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)]**, tất cả tab từ **[MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)]** đến **[MY MENU5 (DANH MỤC RIÊNG 5)]** sẽ bị xóa và tab **[★]** sẽ trở về mặc định.
- Delete all items (Xóa tất cả các mục)**
 Bạn có thể xóa tất cả các mục đăng ký trong các tab **[MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)]** đến **[MY MENU5 (DANH MỤC RIÊNG 5)]**. Tuy nhiên, tab sẽ được giữ lại. Khi chọn **[Delete all items (Xóa tất cả các mục)]**, tất cả các mục đăng ký trong tab đã tạo sẽ bị xóa.

ⓘ Nếu bạn thực hiện **[Delete tab (Xóa tab)]** hoặc **[Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)]**, tên tab đã đặt lại với **[Rename tab (Đặt lại tên tab)]** cũng sẽ bị xóa.

Thiết lập hiển thị menu

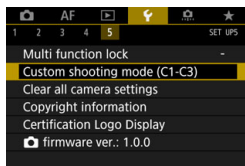


Bạn có thể chọn [**Menu display (Hiển thị menu)**] để thiết lập màn hình menu sẽ hiển thị trước tiên khi nhấn nút **<MENU>**.

- **Normal display (Hiển thị bình thường)**
Hiển thị màn hình menu đã hiển thị gần nhất.
- **Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng)**
Hiển thị với tab [**★**] đã chọn.
- **Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)**
Chỉ hiển thị tab [**★**]. (Các tab , **AF**, ,  và  sẽ không hiển thị.)

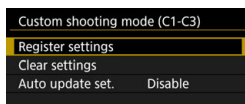
C1: Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh ☆

Bạn có thể đăng ký các thiết lập hiện tại của máy ảnh, ví dụ như chức năng chụp, chức năng menu, thiết lập chức năng tùy chỉnh, làm chế độ chụp tùy chỉnh tại các vị trí <C1>, <C2> và <C3> của nút xoay chế độ.

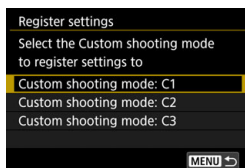


1 Chọn [Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))].

- Trong tab [5], chọn [Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Register settings (Đăng ký thiết lập)].



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn chế độ chụp tùy chỉnh để đăng ký, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
- Thiết lập hiện tại của máy ảnh (tr.525) sẽ được đăng ký tại vị trí C* của nút xoay chế độ.

Cập nhật tự động của thiết lập đã đăng ký

Nếu thay đổi thiết lập trong khi chụp ở chế độ <C1>, <C2> hoặc <C3>, chế độ chụp tùy chỉnh tương ứng có thể được tự động cập nhật để phản ánh thay đổi trong thiết lập (Cập nhật tự động). Để bật tự động cập nhật, đặt [Auto update set. (Tự động cập nhật thiết lập)] thành [Enable (Bật)] ở bước 2.

Hủy chế độ chụp tùy chỉnh đã đăng ký

Nếu chọn [Clear settings (Xóa thiết lập)] ở bước 2, có thể chuyển thiết lập của các chế độ tương ứng về thiết lập mặc định mà không có chế độ chụp tùy chỉnh nào được đăng ký.



Quay phim HDR và thiết lập Danh mục riêng sẽ không được đăng ký trong chế độ chụp tùy chỉnh.



- Kể cả ở chế độ <📷1>, <📷2> hay <📷3>, bạn vẫn có thể thay đổi thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu.
- Nhấn nút <INFO.> để kiểm tra chế độ chụp được đăng ký trong <📷1>, <📷2> và <📷3> (tr.90).

Các thiết lập có thể đăng ký

• Chức năng chụp

Chế độ chụp, Tốc độ màn trập, Khẩu độ, Tốc độ ISO, Thao tác AF, Chế độ chọn vùng AF, Điểm AF, Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Lượng bù trừ phơi sáng, Mức tăng AEB, Lượng bù trừ phơi sáng flash

• Hiện thị menu

- [📷1] Chất lượng ảnh, Thời gian xem lại ảnh, Bíp, Nhả màn trập khi không lắp thẻ, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính, Đánh sáng flash, Đo sáng flash E-TTL II, Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av
- [📷2] Bù trừ phơi sáng/AEB, Thiết lập tốc độ ISO, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Cân bằng trắng, Cân bằng trắng tùy chỉnh, Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp, Không gian màu
- [📷3] Kiểu ảnh, Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Ưu tiên tông màu sáng, Ảnh ghép phơi sáng (thiết lập), Chế độ HDR (thiết lập)
- [📷4] Hẹn giờ ngắt quãng, Hẹn giờ bulb, Chụp chống nhấp nháy, Khóa gương lật
- [📷5 (Chụp Live View)]
Chụp Live View, Phương pháp AF, Chạm để chụp, Hiện thị khung lưới, Tỷ lệ khung ảnh, Mô phỏng phơi sáng
- [📷6 (Chụp Live View)]
Chụp Live View ngắt tiếng, Hẹn giờ đo sáng

4 (Quay phim)

Lấy nét Servo phim, Phương pháp AF, Hiển thị khung lưới, Chất lượng ghi phim (trừ 24,00p), Ghi âm, Tốc độ AF với lấy nét Servo phim, Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim

5 (Quay phim)

Hẹn giờ đo sáng, Thời lượng ghi phim, Thời lượng chiếu phim, Chức năng nút , Phim time-lapse (thiết lập), Quay phim điều khiển từ xa

[AF1] Tình huống 1, Tình huống 2, Tình huống 3, Tình huống 4, Tình huống 5, Tình huống 6

[AF2] Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên, Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai

[AF3] Lấy nét tay điện tử của ống kính, Đánh sáng tia giúp lấy nét, Lấy nét một lần ưu tiên nửa màn trập

[AF4] Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động, Điểm AF có thể chọn, Chọn chế độ chọn vùng AF, Phương pháp chọn vùng AF, Điểm AF theo hướng chụp, Điểm AF ban đầu với  Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Tự động chọn điểm AF: EOS iTR AF

[AF5] Chuyển động chọn điểm AF, Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét, Phát sáng hiển thị trong khung ngắm, Trạng thái AF trong khung ngắm, Vị chỉnh AF (không bao gồm giá trị điều chỉnh)

[ 2] Nhảy ảnh với 

[ 3] Cảnh báo vùng sáng, Hiển thị điểm AF, Khung lưới khi xem, Hiển thị biểu đồ, Thời lượng chiếu phim, Hệ số phóng to (ước chừng)

[ 1] Đánh số thứ tự tập tin, Tự động xoay, Thiết lập Eye-Fi

[ 2] Tự động tắt nguồn, Độ sáng LCD, Tông màu LCD, Hiển thị khung ngắm, Điều khiển cảm ứng

[ 3] Tự động làm sạch, Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút , Chức năng nút **RATE**

[ 5] Khóa đa chức năng

[ 1] Mức tăng phơi sáng, Mức tăng thiết lập tốc độ ISO, Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp, Thử tự phơi sáng hỗn hợp, Số ảnh bù trừ phơi sáng, Chuyển an toàn, Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới

[ 2] Đặt phạm vi tốc độ màn trập, Đặt phạm vi khẩu độ

[ 3] Hiển thị khu vực chụp Live View, Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av, Điều khiển tùy chỉnh

[ 4] Thêm thông tin cắt ảnh, Tùy chọn xóa mặc định, Thu ống kính khi tắt nguồn, Thêm thông tin IPTC

15

Tham khảo

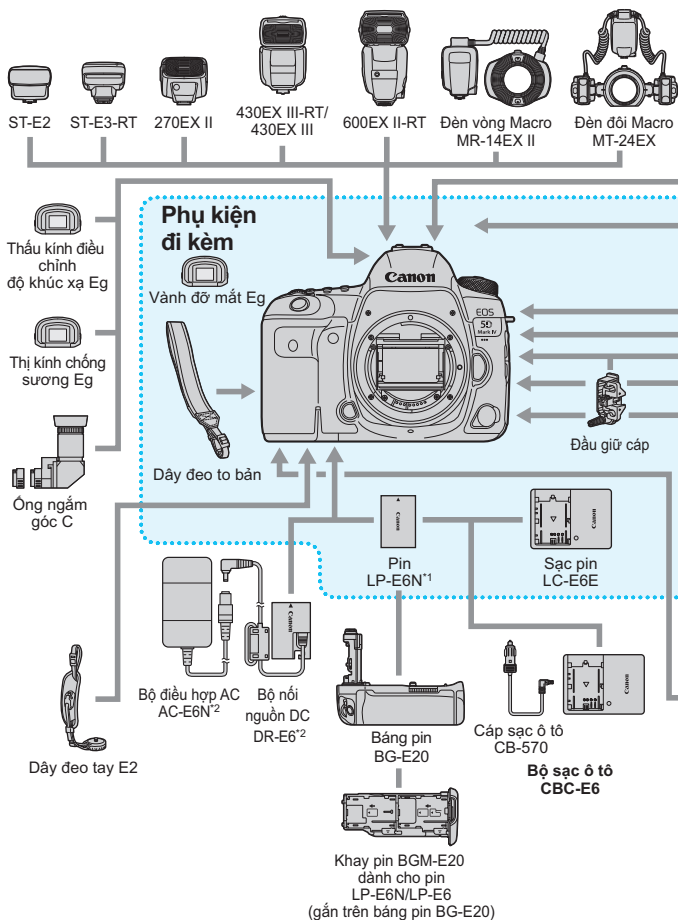
Chương này cung cấp thông tin tham khảo về các phụ kiện hệ thống, tính năng của máy ảnh, v.v...

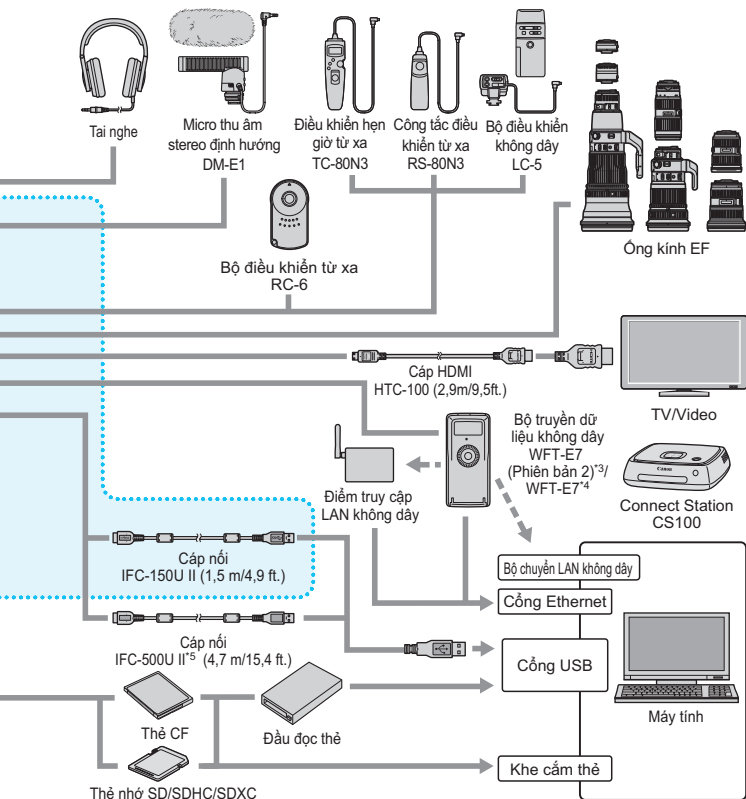


Logo chứng nhận

Chọn [**F5: Certification Logo Display (Hiển thị logo chứng nhận)**] rồi nhấn <SET> để hiển thị các logo chứng nhận của máy ảnh. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.

Sơ đồ hệ thống





*1: Cũng có thể sử dụng Pin LP-E6.

*2: Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E6.

*3: Kiểm tra để đảm bảo firmware của WFT-E7 (phiên bản 2) là phiên bản 1.3.0 hoặc mới hơn.

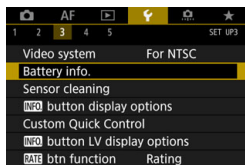
*4: Để sử dụng WFT-E7 model cũ hơn (không phải phiên bản 2), firmware của WFT-E7 phải được cập nhật và bạn phải sử dụng Cáp nối IFC-40AB II hoặc IFC-150AB II.

*5: Với Cáp nối IFC-500U II, tốc độ giao tiếp sẽ tương đương với USB tốc độ cao (USB 2.0).

* Độ dài của tất cả cáp được nêu chỉ mang tính tương đối.

MENU Kiểm tra thông tin pin

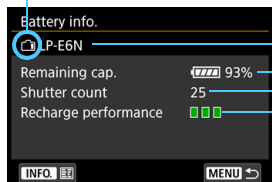
Bạn có thể xem màn hình LCD để kiểm tra điều kiện pin đang sử dụng. Mỗi pin LP-E6N/LP-E6 đều có số sê-ri riêng, bạn có thể đăng ký nhiều pin với máy ảnh. Khi sử dụng tính năng này, bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại và lịch sử sử dụng của pin đã đăng ký.



Chọn [Battery info. (Thông tin pin)].

- Trong tab [43], chọn [Battery info. (Thông tin pin)], rồi nhấn <[SET]>.
- Màn hình thông tin pin sẽ xuất hiện.

Vị trí pin



Kiểu pin và nguồn điện gia đình được sử dụng.

Thang đo mức pin (tr.50) hiển thị lượng pin còn lại với mức tăng 1%.

Số ảnh có thể chụp với mức pin hiện tại. Số ảnh có thể chụp sẽ được đặt lại khi pin đã sạc lại.

Hiệu suất sạc của pin hiển thị theo ba mức.

■■■ (Xanh lá cây): Hiệu suất sạc tốt.

■■■ (Xanh lá cây): Hiệu suất sạc hơi giảm sút.

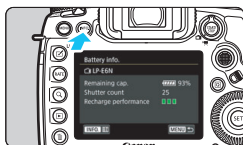
■■■ (Đỏ): Bạn nên mua pin mới.

! Bạn nên sử dụng Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng của Canon. Dùng pin không chính hãng của Canon sẽ khiến máy ảnh không đạt được hiệu suất cao nhất hoặc gặp trục trặc.

- Tổng số lần chụp là số ảnh đã chụp. (Không tính quay phim.)
- Thông tin pin cũng sẽ hiển thị khi sử dụng Bảng pin BG-E20 (bán riêng).
- Nếu thông báo lỗi giao tiếp với pin hiển thị, thực hiện theo thông báo.

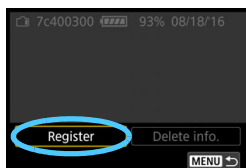
Đăng ký pin với máy ảnh

Bạn có thể đăng ký tối đa sáu Pin LP-E6N/LP-E6 với máy ảnh. Để đăng ký nhiều pin với máy ảnh, thực hiện theo quy trình dưới đây cho từng pin.



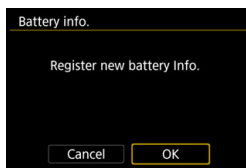
1 Nhấn nút <INFO.>.

- Khi màn hình hiển thị thông tin pin xuất hiện, nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện.
- ▶ Nếu pin chưa được đăng ký, màn hình sẽ hiển thị màu xám.



2 Chọn [Register (Đăng ký)].

- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.



3 Chọn [OK].

- ▶ Pin sẽ được đăng ký và màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Số pin tô xám sẽ chuyển sang màu trắng.
- Nhấn nút <MENU>. Màn hình hiển thị thông tin pin sẽ xuất hiện lại.

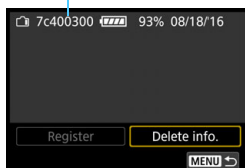


- Pin sẽ không đăng ký được nếu đang sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.534).
- Nếu đã đăng ký sáu pin, không thể chọn [Register (Đăng ký)]. Để xóa thông tin pin không cần thiết, tham khảo trang 533.

Ghi nhãn số sê-ri lên pin

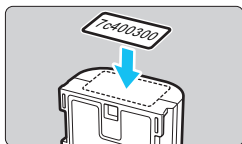
Sử dụng nhãn ghi bán sẵn trên thị trường để ghi nhãn Pin LP-E6N/LP-E6 đã đăng ký theo số sê-ri của pin.

Số sê-ri



1 Ghi số sê-ri trên nhãn.

- Ghi số sê-ri hiển thị trên màn hình lịch sử sử dụng pin trên nhãn có kích thước khoảng 25 mm x 15 mm / 1,0 in. x 0,6 in.



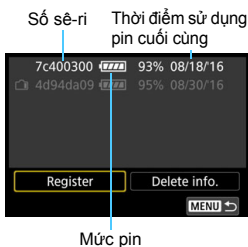
2 Tháo pin và dán nhãn.

- Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.
- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo pin.
- Dán nhãn theo hình minh họa (trên mặt không có tiếp xúc điện).
- Lặp lại quy trình này với tất cả các pin để dễ dàng xem số sê-ri của pin.

- ⚠ Không dán nhãn trên các phần khác của pin ngoài bộ phận trong hình ở bước 2. Dán nhãn không đúng vị trí sẽ khiến khó lắp pin hoặc không thể khởi động máy ảnh.
- Nếu sử dụng Bảng pin BG-E20 (bán riêng), nhãn có thể bị bong nếu bạn tháo lắp pin thường xuyên từ khay pin. Nếu nhãn bị bong, thay nhãn mới.

Kiểm tra lượng pin còn lại của pin đã đăng ký

Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại của pin (kể cả pin không lắp trong máy) cũng như thời điểm sử dụng pin cuối cùng.



Tìm số sê-ri.

- Tham khảo nhãn ghi số sê-ri của pin và tìm số sê-ri trên màn hình lịch sử sử dụng pin.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại cũng như thời điểm sử dụng cuối cùng của pin tương ứng.

Xóa thông tin pin đã đăng ký

1 Chọn [Delete info. (Xóa thông tin)].

- Thực hiện theo bước 2 ở trang 531 để chọn [Delete info. (Xóa thông tin)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn thông tin pin cần xóa.

- Chọn thông tin pin cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ xuất hiện.
- Để xóa thông tin của pin khác, lặp lại các bước trên.

3 Nhấn nút <⏏>.

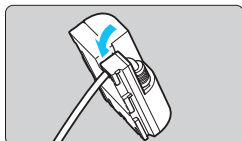
- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.

4 Chọn [OK].

- ▶ Thông tin pin sẽ được xóa và màn hình ở bước 1 sẽ xuất hiện lại.

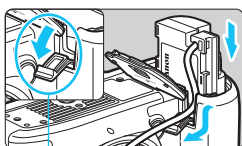
Sử dụng ổ điện gia đình

Bạn có thể sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 và Bộ điều hợp AC AC-E6N (cả hai đều bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh bằng ổ điện gia đình.



1 Đặt dây nguồn vào rãnh cắm.

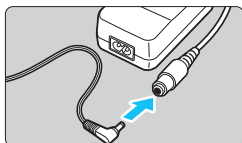
- Cần thận cắm dây nguồn của bộ nối nguồn DC vào rãnh cắm mà không làm hỏng dây.



Hốc dây của bộ nối nguồn DC

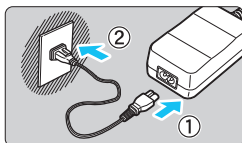
2 Lắp bộ nối nguồn DC.

- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo nắp hốc dây của bộ nối nguồn DC.
- Cần thận cắm chặt bộ nối nguồn DC và đặt dây nguồn qua hốc dây.
- Đóng nắp.



3 Kết nối bộ nối nguồn DC với bộ điều hợp AC.

- Kết nối đầu cắm của bộ nối nguồn DC với đầu nối của bộ điều hợp AC.



4 Kết nối dây nguồn.

- Kết nối dây nguồn với bộ điều hợp AC và cắm phích cắm vào ổ điện.

5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON> (tr.49).



- Không sử dụng bộ điều hợp AC nào khác ngoài bộ AC-E6N (bán riêng).
- Khi công tắc nguồn của máy ảnh đang bật, không cắm hoặc rút dây nguồn hay đầu nối, đồng thời không rút bộ nối nguồn DC.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.



Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E6.

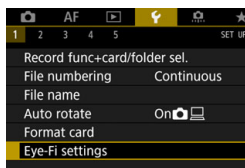
📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi

Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán sẵn trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp đến máy tính hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây.

Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

⚠️ Máy ảnh không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại hay không, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.

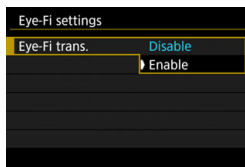
1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.45).



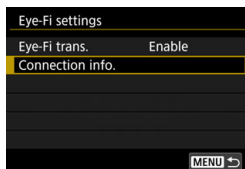
2 Chọn [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)].

- Trong tab [**1**], chọn [**Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**], rồi nhấn < **SET** >.
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.

3 Bật truyền Eye-Fi.



- Chọn [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**], rồi nhấn < **SET** >.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn < **SET** >.
- Nếu đặt [**Disable (Tắt)**], quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền 📶).



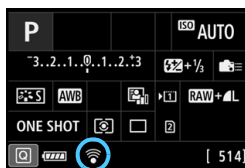
4 Hiển thị thông tin kết nối.

- Chọn [**Connection info.** (Thông tin kết nối)], rồi nhấn <SET>.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)].

- Kiểm tra xem điểm truy cập có hiển thị [**Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)**] hay không.
- Ngoài ra, bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



Trạng thái truyền

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh được truyền và biểu tượng [📶] chuyển từ màu xám (không kết nối) sang một trong các biểu tượng dưới đây.
- Biểu tượng [📶] sẽ xuất hiện trong thông tin chụp cho biết ảnh đã truyền (tr.402).

📶 (Màu xám) **Not connected (Không kết nối):**

Không kết nối với điểm truy cập.

📶 (Nhấp nháy) **Connecting... (Đang kết nối...):**

Đang kết nối với điểm truy cập.

📶 (Sáng) **Connected (Đã kết nối):**

Đã kết nối với điểm truy cập.

📶 (#) **Transferring... (Đang truyền...):**

Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.

Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- Nếu đặt **[Wi-Fi/NFC]** trong [**▼4: Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**] [**Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)**] thành **[Enable (Bật)]**, việc truyền ảnh bằng thẻ Eye-Fi sẽ không thực hiện được.
- “” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi lấy thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt **[Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)]** thành **[Disable (Tắt)]**, thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, sân bay và một số nơi cấm truyền không dây, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh từ trước.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và thiết lập của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc gián đoạn.
- Thẻ Eye-Fi có thể bị nóng lên do tác dụng của chức năng truyền.
- Pin của máy ảnh sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây khác ngoài thẻ Eye-Fi, [**▼1: Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**] sẽ không xuất hiện. Ngoài ra, biểu tượng trạng thái truyền <> cũng sẽ không xuất hiện.

[illegible]

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

Chụp ảnh

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		[A] ⁺	P	Tv	Av	M	B
Tắt cả các thiết lập chất lượng ảnh có thể chọn		○	○	○	○	○	○
Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)		○	○	○	○	○	○
Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh) ^{*1}		□	○	○	○	○	○
ISO speed (Tốc độ ISO)	Thiết lập tự động/Tự động	●	○	○	○	○	○
	Thiết lập bằng tay	□	○	○	○	○	○
Picture Style (Kiểu ảnh)	Thiết lập tự động/Tự động	●	○	○	○	○	○
	Chọn bằng tay	□	○	○	○	○	○
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	●	○	○	○	○	○
	Đặt trước	□	○	○	○	○	○
	Tùy chỉnh	□	○	○	○	○	○
	Thiết lập nhiệt độ màu	□	○	○	○	○	○
Hiệu chỉnh/Phối sáng hỗn hợp		□	○	○	○	○	○
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	○	○	○	○	○
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)		□	○	○	○	○	○
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)		●	○	○	○	○	○
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)		□	○	○	○	○	○
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại	●	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh méo hình	□	○	○	○	○	○
	Tối ưu hóa ống kính số	□	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh sắc sai	●	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh nhiễu xạ	●	○	○	○	○	○
Anti-flicker shooting (Chụp chống nhấp nháy) ^{*2}		●	○	○	○	○	○
Color space (Không gian màu)	sRGB	●	○	○	○	○	○
	Adobe RGB	□	○	○	○	○	○

Chức năng			P	Tv	Av	M	B
AF (Lấy nét tự động)	Lấy nét một lần	●*3	○	○	○	○	○
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục*2		○	○	○	○	○
	Lấy nét Servo*1		○	○	○	○	○
	Lấy nét tự động AI*2	●*4	○	○	○	○	○
	Chế độ chọn vùng AF*2		○	○	○	○	○
	Chọn điểm AF	●*4	○	○	○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○	○
	Vì chỉnh AF*2		○	○	○	○	○
	⌂+Theo dõi*1	○	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - đa điểm*1	○	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - 1 điểm*1	○	○	○	○	○	○
Drive (Kiểu chụp)	Chụp từng ảnh	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*2	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*2	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
Metering (Đo sáng)	Đo sáng toàn khung ảnh	●	○	○	○	○	○
	Đo sáng từng phần		○	○	○	○	○
	Đo sáng điểm		○	○	○	○	○
	Đo sáng trung bình trung tâm		○	○	○	○	○
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình		○				
	Bù trừ phơi sáng		○	○	○	○*5	
	AEB		○	○	○	○	
	Khóa phơi sáng		○	○	○	*6	
	Xem trước độ sâu trường ảnh		○	○	○	○	○
	Chụp HDR		○	○	○	○	
	Ảnh ghép phơi sáng		○	○	○	○	○
	Hẹn giờ ngắt quãng*2	○	○	○	○	○	
	Hẹn giờ bulb						○
	Khóa gương lật*2		○	○	○	○	○
External Speedlite (Đèn Speedlite gắn ngoài)	Bù trừ phơi sáng flash		○	○	○	○	○
	Khóa phơi sáng flash*2		○	○	○	○	○
	Thiết lập chức năng flash		○	○	○	○	○
	Thiết lập chức năng tùy chỉnh		○	○	○	○	○

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

Chức năng	A⁺	P	Tv	Av	M	B
GPS function (Chức năng GPS)	○	○	○	○	○	○
Live View shooting (Chụp Live View)	○	○	○	○	○	○
Quick Control (Điều khiển nhanh)	○	○	○	○	○	○
Touch control (Điều khiển cảm ứng)	○	○	○	○	○	○

*1: Chỉ có thể thiết lập khi chụp Live View (bật).

*2: Chỉ có thể thiết lập khi chụp qua khung ngắm (bật).

*3: Thiết lập tự động cho chụp Live View.

*4: Thiết lập tự động cho chụp qua khung ngắm.

*5: Chỉ có thể thiết lập khi đã đặt ISO tự động.

*6: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

Quay phim

● : Thiết lập tự động ○ : Người dùng có thể chọn □ : Không thể chọn/Tắt

Chức năng						
						
Chọn tắt cả chất lượng ghi phim		○	○	○	○	○
HDR movie shooting (Quay phim HDR)		○	○	○	○	○
Time-lapse movie (Phim time-lapse)		○	○	○	○	○
ISO speed (Tốc độ ISO)	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	●	●	○
	Thiết lập bằng tay	□	□	□	□	○
Picture Style (Kiểu ảnh)	Thiết lập tự động/Tự động	●	○	○	○	○
	Chọn bằng tay	□	○	○	○	○
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	●	○	○	○	○
	Đặt trước	□	○	○	○	○
	Tùy chỉnh	□	○	○	○	○
	Thiết lập nhiệt độ màu	□	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh	□	○	○	○	○
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	○	○	○	○
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao) ^{*1*2}		●	○	○	○	○
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)		□	○	○	○	○
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	●	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh sắc sai	●	○	○	○	○
AF (Lấy nét tự động)	☑ +Theo dõi	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - đa điểm	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - 1 điểm	○	○	○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○
	Lấy nét Servo phim ^{*3}	○	○	○	○	○

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

Chức năng						
						
Metering (Đo sáng)		●	●	●	●	●
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình					
	Bù trừ phơi sáng		○	○	○	○ ^{*4}
	Khóa phơi sáng		○	○	○	^{*5}
Sound recording (Ghi âm) ^{*3}	Tự động	●	○	○	○	○
	Tùy chỉnh		○	○	○	○
Time code (Mã thời gian)		○	○	○	○	○
HDMI output (Đầu ra HDMI)		○	○	○	○	○
GPS function (Chức năng GPS)		○	○	○	○	○
Quick Control (Điều khiển nhanh)		○	○	○	○	○
Touch control (Điều khiển cảm ứng)		○	○	○	○	○

*1: Không thể thiết lập cho quay phim 4K.

*2: Không thể thiết lập Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.

*3: Không thể thiết lập cho quay phim tốc độ khung hình cao.

*4: Chỉ có thể thiết lập khi đã đặt ISO tự động.

*5: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

Thiết lập menu

Chụp qua khung ngắm và chụp Live View

 : Chụp 1 (Đồ)

Trang

EN		
Image quality	RAW / M RAW / S RAW	171
	 L,  L,  M,  M,  S1,  S1, S2, S3	
Dual Pixel RAW*	Disable / Enable	177
Image review time	Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold	77
Beep	Enable / Touch to  / Disable	76
Release shutter without card	Enable / Disable	46
Lens aberration correction	Peripheral illumination: Enable / Disable	209
	Distortion correction*: Disable / Enable	
	Digital Lens Optimizer*: Disable / Enable	
	Chromatic aberration: Enable / Disable	
	Diffraction correction*: Enable / Disable	
External Speedlite control	Flash firing / E-TTL II metering / Flash sync. speed in Av mode / Flash function settings / Flash C.Fn settings / Clear settings	293

VI		
Chất lượng ảnh	RAW / M RAW / S RAW	171
	■ L, ■ L, ■ M, ■ M, ■ S1, ■ S1, S2, S3	
Ảnh RAW pixel đôi*	Tắt / Bật	177
Thời gian xem lại ảnh	Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ	77
Bíp	Bật / Chạm để  / Tắt	76
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật / Tắt	46
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Ảnh sáng vùng ngoại vi: Bật / Tắt	209
	Hiệu chỉnh méo hình*: Tắt / Bật	
	Tối ưu hóa ống kính số*: Tắt / Bật	
	Sắc sai: Bật / Tắt	
	Hiệu chỉnh nhiễu xạ*: Bật / Tắt	
Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài	Đánh sáng flash / Đo sáng E-TTL II / Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av / Thiết lập chức năng flash / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash / Xóa thiết lập	293

* Không hiển thị cho quay phim.



- Tùy chọn menu được tô màu không hiển thị trong chế độ <A>.
- Chức năng nào sẽ hiển thị trong tab [ 1: Image quality (Chất lượng ảnh)] tùy thuộc vào thiết lập [Record func. (Chức năng ghi)] (tr.168) trong tab [ 1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)]. Nếu đặt [Rec. separately (Ghi riêng)], hãy đặt chất lượng ảnh cho từng thẻ.
- Ở chế độ quay phim, một số mục menu sẽ không hiển thị. Ngoài ra, tab [ 6] cũng sẽ không xuất hiện.

📷: Chụp 2 (Đỏ)

Trang

EN		
Exposure compensation/AEB setting^{*1}	1/3- and 1/2-stop increments, ± 5 stops (AEB ± 3 stops)	259 261
ISO speed settings	ISO speed / Range for stills / Auto range / Minimum shutter speed	179 182 183 184
Auto Lighting Optimizer	Disable / Low / Standard / High	203
	Disabled in M or B modes	
White balance	AWB (Ambience priority) / AWB w (White priority) / / / / / / / (Approx. 2500 - 10000)	194
Custom White Balance	Manual setting of white balance	197
White balance shift/bracketing^{*2}	White balance correction: B/A/M/G bias, 9 levels each	200
	White balance bracketing: B/A and M/G bias, single-level increments, ± 3 levels	201
Color space^{*3}	sRGB / Adobe RGB	219

VI		
Thiết lập bù trừ phơi sáng/AEB^{*1}	Điều chỉnh với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 5 điểm dừng (AEB: ± 3 điểm dừng)	259 261
Thiết lập tốc độ ISO	Tốc độ ISO / Phạm vi cho ảnh / Phạm vi tự động / Tốc độ màn trập tối thiểu	179 182 183 184
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao	203
	Tắt trong chế độ M hoặc B	
Cân bằng trắng	AWB (Ưu tiên môi trường) / AWB w (Ưu tiên màu trắng) / / / / / / / (Khoảng 2500 - 10000)	194
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Thiết lập cân bằng trắng bằng tay	197
Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp^{*2}	Hiệu chỉnh cân bằng trắng: thiên về B/A/M/G, mỗi màu có 9 mức chỉnh	200
	Cân bằng trắng hỗn hợp: thiên về B/A và M/G, tăng mức đơn theo ± 3 mức	201
Không gian màu^{*3}	sRGB / Adobe RGB	219

^{*1}: Trong khi quay phim, [**2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)**] sẽ trở thành [**2: Exposure comp. (Bù trừ phơi sáng)**].

^{*2}: Trong khi quay phim, [**2: WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)**] sẽ trở thành [**2: WB correction (Hiệu chỉnh cân bằng trắng)**].

^{*3} Không hiển thị cho quay phim.

📷: Chụp 3 (Đỏ)

Trang

EN		
Picture Style	Auto / Standard / Portrait / Landscape / Fine Detail / Neutral / Faithful / Monochrome / User Def. 1-3	185
Noise reduction for long exposures* ¹	Disable / Auto / Enable	206
High ISO speed noise reduction* ²	Disable / Low / Standard / High / Multi Shot Noise Reduction* ¹	204
Highlight tone priority	Disable / Enable	208
Dust Delete Data	Obtain data to be used with Digital Photo Professional (EOS software) to delete dust spots	464
Multiple exposure* ¹	Multiple exposure / Multiple exposure control / Number of exposures / Save source images / Continuous multiple exposure / Select image for multiple exposures	272
HDR Mode* ¹	Adjust dynamic range / Effect / Continuous HDR / Auto Image Align / Save source images	267

VI		
Kiểu ảnh	Tự động / Tiêu chuẩn / Chân dung / Phong cảnh / Chi tiết nhỏ / Trung tính / Chân thực / Đơn sắc / Người dùng xác định 1-3	185
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu^{*1}	Tắt / Tự động / Bật	206
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao^{*2}	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao / Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu ^{*1}	204
Ưu tiên tông màu sáng	Tắt / Bật	208
Dữ liệu xóa bụi	Lấy dữ liệu sẽ dùng với Digital Photo Professional (phần mềm EOS) để xóa chấm bụi	464
Ảnh ghép phơi sáng^{*1}	Ảnh ghép phơi sáng / Điều khiển cách ghép ảnh / Số lượng ảnh / Lưu ảnh gốc / Ảnh ghép phơi sáng chụp liên tục/ Chọn ảnh để ghép phơi sáng	272
Chế độ HDR^{*1}	Điều chỉnh dải tương phản động / Hiệu ứng / HDR liên tục / Tự động căn chỉnh ảnh / Lưu ảnh gốc	267

^{*1}: Không hiển thị cho quay phim.

^{*2}: Không thể thiết lập cho quay phim 4K.

: Chụp 4*¹ (Đỏ)

Trang

EN		
Interval timer	Disable / Enable (Interval / Number of shots)	285
Bulb timer ^{*2}	Disable / Enable (Exposure time)	265
Anti-flicker shooting	Disable / Enable	217
Mirror lockup	Disable / Enable	280

VI		
Hẹn giờ ngắt quãng	Tắt / Bật (Quãng chụp / Số lượng ảnh)	285
Hẹn giờ bulb ^{*2}	Tắt / Bật (Thời gian phơi sáng)	265
Chụp chống nhấp nháy	Tắt / Bật	217
Khóa gương lật	Tắt / Bật	280

*1: Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [2].

*2: Có thể thiết lập ở chế độ .

: Chụp 5* (Đỏ)

Trang

EN		
Live View shooting	Enable / Disable	303
AF method	+Tracking / FlexiZone - Multi / FlexiZone - Single	320
Touch shutter	Disable / Enable	331
Grid display	Off / 3x3 / 6x4 / 3x3+diag	313
Aspect ratio	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	314
Exposure simulation	Enable / During / Disable	315

VI		
Chụp Live View	Bật / Tắt	303
Phương pháp AF	+Theo dõi / Vùng linh hoạt - đa điểm / Vùng linh hoạt - 1 điểm	320
Chạm để chụp	Tắt / Bật	331
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 / 6x4 / 3x3+chéo	313
Tỷ lệ khung ảnh	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	314
Mô phỏng phơi sáng	Bật / Trong khi / Tắt	315

* Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [3].

: Chụp 6 (Đỏ)

EN		
Silent LV shooting	Mode 1 / Mode 2 / Disable	316
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	317

VI		
Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1 / Chế độ 2 / Tắt	316
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	317

AF: AF1 (Tím)

Trang

EN		
Case 1	Versatile multi purpose setting	130
Case 2	Continue to track subjects, ignoring possible obstacles	130
Case 3	Instantly focus on subjects suddenly entering AF points	131
Case 4	For subjects that accelerate or decelerate quickly	131
Case 5	For erratic subjects moving quickly in any direction	132
Case 6	For subjects that change speed and move erratically	133

VI		
Tình huống 1	Thiết lập đa mục đích linh hoạt	130
Tình huống 2	Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chướng ngại vật có thể xuất hiện	130
Tình huống 3	Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF	131
Tình huống 4	Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh	131
Tình huống 5	Đối với chủ thể di chuyển nhanh theo hướng bất kỳ	132
Tình huống 6	Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do	133

AF: AF2 (Tím)

Trang

EN		
AI Servo 1st image priority	Release priority / Equal priority / Focus priority	138
AI Servo 2nd image priority	Shooting speed priority: -2/-1 / Equal priority: 0 / Focus priority: +1/+2	139

VI		
Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên	Ưu tiên nhả màn trập / Ưu tiên cân bằng / Ưu tiên lấy nét	138
Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai	Ưu tiên tốc độ chụp: -2/-1 / Ưu tiên cân bằng: 0 / Ưu tiên lấy nét: +1/+2	139

AF: AF3 (Tím)

EN		
Lens electronic MF	Enable after One-Shot AF / Disable after One-Shot AF / Disable in AF mode	140
AF-assist beam firing	Enable / Disable / IR AF assist beam only	141
One-Shot AF release priority	Release priority / Focus priority	142

VI		
Lấy nét tay điện tử của ống kính	Bật sau khi lấy nét một lần / Tắt sau khi lấy nét một lần / Tắt trong chế độ AF	140
Đánh sáng tia giúp lấy nét	Bật / Tắt / Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại	141
Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập	Ưu tiên nhả màn trập / Ưu tiên lấy nét	142

AF: AF4 (Tím)

Trang

EN		
Lens drive when AF impossible	Continue focus search / Stop focus search	143
Selectable AF point	All points / Only cross-type AF points / 15 points / 9 points	144
Select AF area selection mode	Manual selection: Spot AF / Manual selection: 1 point AF / Expand AF area:  / Expand AF area: Surround / Manual selection: Zone AF / Manual selection: Large Zone AF / Auto selection AF	145
AF area selection method	 → M-Fn button /  → Main Dial	146
Orientation linked AF point	Same for both vertical/horizontal / Separate AF points: Area+point / Separate AF points: Point only	146
Initial AF Point,  AI Servo AF	Initial  AF point selected / Manual     AF point / Auto	148
Auto AF point selection: EOS iTR AF	EOS iTR AF (Face priority) / EOS iTR AF / Disable	149

VI		
Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động	Tiếp tục tìm kiếm lấy nét / Dừng tìm kiếm lấy nét	143
Điểm AF có thể chọn	Tất cả các điểm / Chỉ các điểm lấy nét chữ thập / 15 điểm / 9 điểm	144
Chọn chế độ chọn vùng AF	Chọn bằng tay: AF chấm điểm / Chọn bằng tay: AF 1 điểm / Mở rộng vùng AF:  / Mở rộng vùng AF: Bao quanh / Chọn bằng tay: AF theo vùng / Chọn bằng tay: AF theo vùng lớn / AF chọn tự động	145
Phương pháp chọn vùng AF	 → Nút M-Fn /  → Nút xoay chính	146
Điểm AF theo hướng chụp	Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc / Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm / Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm	146
Điểm AF ban đầu, (○) Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	Đã chọn điểm AF (○) ban đầu / Điểm AF    bằng tay / Tự động	148
Tự động chọn điểm AF: EOS iTR AF	EOS iTR AF (Ưu tiên khuôn mặt) / EOS iTR AF / Tắt	149

AF: AF5 (Tím)

Trang

EN		
AF point selection movement	Stops at AF area edges / Continuous	150
AF point display during focus	Selected (constant) / All (constant) / Selected (pre-AF, focused) / Selected (focused) / Disable display	151
VF display illumination	Auto / Enable / Disable	153
	AF point during AI Servo AF: Non illuminated / Illuminated	
AF operation display in viewfinder	Show in field of view / Show outside view	154
AF Microadjustment	Disable / All by same amount / Adjust by lens	154

VI		
Chuyển động chọn điểm AF	Dừng ở rìa vùng AF / Liên tục	150
Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét	Đã chọn (không đổi) / Tất cả (không đổi) / Đã chọn (trước AF, lấy được nét) / Đã chọn (lấy được nét) / Tất hiển thị	151
Phát sáng hiển thị trong khung ngắm	Tự động / Bật / Tắt	153
	Điểm AF trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục: Không phát sáng / phát sáng	
Thao tác AF hiển thị trong khung ngắm	Hiển thị trong trường nhìn / Hiển thị ngoài trường nhìn	154
Vi chỉnh AF	Tắt / Tất cả với cùng một lượng / Điều chỉnh theo ống kính	154

▶: Xem lại 1 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Protect images	Protect images	416
Rotate image	Rotate images	415
Erase images	Erase images	444
Print order	Specify images to be printed (DPOF)	475
Photobook set-up	Specify images for a photobook	480
Image copy	Copy images between cards	439
RAW image processing	Process RAW images	450

VI		
Bảo vệ ảnh	Bảo vệ ảnh	416
Xoay ảnh	Xoay ảnh	415
Xóa ảnh	Xóa ảnh	444
Lệnh in	Chỉ định các ảnh được in (DPOF)	475
Lập sách ảnh	Chỉ định ảnh cho sách ảnh	480
Sao chép ảnh	Sao chép ảnh giữa các thẻ	439
Xử lý ảnh RAW	Xử lý ảnh RAW	450

EN		
Cropping	Partially crop JPEG images	458
Resize	Downsize JPEG image's pixel count	456
Rating	[OFF] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	420
Slide show	Set playback description / Display time / Repeat	433
Image transfer	Image selection/transfer / RAW+JPEG transfer / Transfer with caption	472
Image jump w/ 	1 image / 10 images / 100 images / Date / Folder / Movies / Stills / Protect / Rating	408

VI		
Cắt ảnh	Cắt một phần ảnh JPEG	458
Thay đổi cỡ ảnh	Giảm độ phân giải của ảnh JPEG	456
Xếp hạng	[TẮT] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	420
Trình chiếu	Thiết lập mô tả xem lại / Thời gian hiển thị / Lặp lại	433
Truyền ảnh	Chọn/truyền ảnh / Truyền RAW+JPEG / Truyền với chú thích	472
Nhảy ảnh với 	1 ảnh / 10 ảnh / 100 ảnh / Ngày tháng / Thư mục / Phim / Ảnh / Bảo vệ / Xếp hạng	408

▶: Xem lại 3 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Highlight alert	Disable / Enable	405
AF point display	Disable / Enable	406
Playback grid	Off / 3x3  / 6x4  / 3x3+diag 	400
Histogram display	Brightness / RGB	406
Movie playback count*	Recording time / Time code	370
Magnification (Approx.)	1x (no magnification) / 2x (magnify from center) / 4x (magnify from center) / 8x (magnify from center) / 10x (magnify from center) / Actual size (from selected point) / Same as last magnification (from center)	411
Control over HDMI	Disable / Enable	437

VI		
Cảnh báo vùng sáng	Tắt / Bật	405
Hiển thị điểm AF	Tắt / Bật	406
Khung lưới khi xem	Tắt / 3x3  / 6x4  / 3x3+chéo 	400
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng / RGB	406
Thời lượng chiếu phim*	Thời gian ghi / Mã thời gian	370
Hệ số phóng to (Ước chừng)	1x (không phóng to) / 2x (phóng to từ trung tâm) / 4x (phóng to từ trung tâm) / 8x (phóng to từ trung tâm) / 10x (phóng to từ trung tâm) / Kích thước thực tế (từ điểm được chọn) / Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm)	411
Điều khiển qua HDMI	Tắt / Bật	437

* Thiết lập này liên kết với [Movie play count (Thời lượng chiếu phim)] của [Time code (Mã thời gian)] trong tab [5 (Phim)].

🔧: Cài đặt 1 (Vàng)

Trang

EN		
Record function+card/ folder selection	Recording function: Standard / Auto switch card / Record separately / Record to multiple	168
	Record/playback / Playback: [1] / [2]	170
	Folder: Selecting and creating a folder	220
File numbering	Continuous / Auto reset / Manual reset	225
File name	Preset code / User setting 1 / User setting 2	222
Auto rotate vertical images	On / On / Off	448
Format card	Erase data on the card by formatting	73
Eye-Fi settings	Displayed when a commercially-available Eye-Fi card is inserted	536

VI		
Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục	Chức năng ghi: Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thẻ / Ghi riêng / Ghi vào nhiều phương tiện	168
	Ghi/phát / Xem lại: [1] / [2]	170
	Thư mục: Tạo và chọn thư mục	220
Đánh số thứ tự tập tin	Kế tiếp / Tự động đặt lại / Đặt lại bằng tay	225
Tên tập tin	Mã đặt trước / Thiết lập người dùng 1 / Thiết lập người dùng 2	222
Tự động xoay ảnh dọc	Bật / Bật / Tắt	448
Định dạng thẻ	Xóa dữ liệu trên thẻ bằng cách định dạng thẻ	73
Thiết lập Eye-Fi	Hiển thị khi lắp thẻ Eye-Fi (có bán trên thị trường)	536

🔧: Cài đặt 2 (Vàng)

Trang

EN		
Auto power off	1 min. / 2 min. / 4 min. / 8 min. / 15 min. / 30 min. / Disable	76
LCD brightness	Auto: Adjustable to one of three brightness levels	446
	Manual: Adjustable to one of seven brightness levels	
LCD color tone	1: Warm tone / 2: Standard / 3: Cool tone 1 / 4: Cool tone 2	447
Date/Time/Zone	Date (year, month, day) / Time (hr., min., sec.) / Daylight saving time / Time zone	51
Language 	Select the interface language	54
Viewfinder Information	Electronic level: Hide / Show	86
	Grid display: Hide / Show	84
	Show/hide in viewfinder: Battery / Shooting mode / White balance / Drive mode / AF operation / Metering mode / Image quality (Image type) / Digital Lens Optimizer / Dual Pixel RAW / Flicker detection	87
Touch control	Standard / Sensitive / Disable	72

VI		
Tự động tắt nguồn	1 phút / 2 phút / 4 phút / 8 phút / 15 phút / 30 phút / Tắt	76
Độ sáng LCD	Tự động: Có thể điều chỉnh thành một trong ba mức độ sáng	446
	Chỉnh tay: Có thể điều chỉnh thành một trong bảy mức độ sáng	
Tông màu LCD	1: Tông ấm / 2: Tiêu chuẩn / 3: Tông lạnh 1 / 4: Tông lạnh 2	447
Ngày/Giờ/Múi giờ	Ngày (năm, tháng, ngày) / Giờ (giờ, phút, giây) / Giờ mùa hè / Múi giờ	51
Ngôn ngữ 	Chọn ngôn ngữ giao diện	54
Thông tin khung ngắm	Cân bằng điện tử: Ẩn / Hiện	86
	Hiển thị khung lưới: Ẩn / Hiện	84
	Ẩn/hiện trong khung ngắm: Pin / Chế độ chụp / Cân bằng trắng / Kiểu chụp / Thao tác AF / Chế độ đo sáng / Chất lượng ảnh (Loại ảnh) / Tối ưu hóa ống kính số / Ảnh RAW pixel đôi / Nhận diện nhấp nháy	87
Điều khiển cảm ứng	Tiêu chuẩn / Nhảy / Tắt	72

🔧: Cài đặt 3 (Vàng)

Trang

EN		
Video system	For NTSC / For PAL	356 436
Battery information	Power source / Remaining capacity / Shutter count / Recharge performance	530
Sensor cleaning	Auto cleaning  : Enable / Disable	462
	Clean now 	
	Clean manually	467
INFO button display options	Displays camera settings / Electronic level / Quick Control screen / Custom Quick Control screen	89
Custom Quick Control	Start editing layout / Revert layout to default / Clear all items	514
INFO button LV display options	Live View info switch setting: 1 / 2 / 3 / 4	309
	Histogram display • Brightness/RGB: Brightness / RGB • Display size: Large / Small	310
	Reset	
RATE button function	Rating / Protect	419 418

VI		
Hệ thống video	Đối với NTSC / Đối với PAL	356 436
Thông tin pin	Nguồn điện / Dung lượng còn lại / Tổng số lần chụp / Hiệu suất sạc	530
Làm sạch cảm biến	Tự động làm sạch . : Bật / Tắt	462
	Làm sạch ngay .	
	Làm sạch bằng tay	467
Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO	Hiển thị thiết lập máy ảnh / Cân bằng điện tử / Màn hình điều khiển nhanh / Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh	89
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	Bắt đầu chỉnh bố cục / Đưa lại bố cục về mặc định / Xóa tất cả các mục	514
Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình LV	Thiết lập chuyển thông tin Live View: 1 / 2 / 3 / 4	309
	Hiển thị biểu đồ	310
	• Độ sáng/RGB: Độ sáng / RGB • Kích cỡ hiển thị: Lớn / Nhỏ	
Chức năng nút RATE	Đặt lại	
	Xếp hạng / Bảo vệ	419 418

🔧: Cài đặt 4 (Vàng)

Trang

EN		
HDMI output frame rate ^{*1*2}	Auto / 59.94i/50.00i / 59.94p/50.00p / 23.98p	394
GPS setting	GPS / Auto time setting / Position update interval / GPS information display / GPS Logger	231
Wireless communication settings ^{*3}	Built-in wireless settings: Wi-Fi/NFC / Wi-Fi function / Send images to smartphone / Nickname / Clear settings	—

VI		
Tốc độ khung hình đầu ra HDMI ^{*1*2}	Tự động / 59,94i/50,00i / 59,94p/50,00p / 23,98p	394
Thiết lập GPS	GPS / Tự động thiết lập thời gian / Khoảng thời gian cập nhật vị trí / Hiển thị thông tin GPS / Bộ ghi chép GPS	231
Thiết lập giao tiếp không dây ^{*3}	Thiết lập không dây tích hợp: Wi-Fi/NFC / Chức năng Wi-Fi / Gửi ảnh đến smartphone / Tên / Xóa thiết lập	—
	Thiết lập truyền qua FTP: Truyền tự động / Kiểu/kích cỡ truyền / Truyền với SET / Thiết lập chứng nhận gốc	

*1: Không thể thiết lập nếu [24.00p] trong [Movie rec quality (Chất lượng ghi phim)] ở tab [📷4 (Phim)] được đặt thành [Enable (Bật)].

*2: Nội dung hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào thiết lập [🔧3: Video system (Hệ thống video)].

*3: Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

ⓘ Khi sử dụng chức năng GPS, chức năng Wi-Fi (giao tiếp không dây) tích hợp hay Bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (Phiên bản 2 / bán riêng), đảm bảo kiểm tra khu vực đang sử dụng và sử dụng chức năng theo luật và quy định của quốc gia hoặc khu vực đó.

🔧: Cài đặt 5 (Vàng)

Trang

EN		
Multi function lock	Main Dial / Quick Control Dial / Multi-controller / AF area selection button / Touch control	93
Custom shooting modes (C1-C3)	Register setting / Clear settings / Auto update settings	524
Clear all camera settings	Resets the camera to the default settings	77
Copyright information	Display copyright information / Enter author's name / Enter copyright details / Delete copyright information	228
Certification Logo Display	Displays some of the logos of the camera's certifications	527
📷 firmware ver.	Select to update the firmware of the camera, lens, Speedlite, or wireless file transmitter	—

VI		
Khóa đa chức năng	Nút xoay chính / Nút xoay điều khiển nhanh / Điều khiển đa năng / Nút chế độ chọn vùng AF / Điều khiển cảm ứng	93
Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3)	Đăng ký thiết lập / Xóa thiết lập / Tự động cập nhật thiết lập	524
Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh	Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh	77
Thông tin bản quyền	Hiển thị thông tin bản quyền / Nhập tên tác giả / Nhập chi tiết bản quyền / Xóa thông tin bản quyền	228
Hiển thị logo chứng nhận	Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh	527
Phiên bản firmware 📷	Chọn để cập nhật firmware của máy ảnh, ống kính, đèn Speedlite hoặc bộ truyền dữ liệu không dây	—

📌 Để tránh vô ý cập nhật nhầm cho firmware, tắt điều khiển cảm ứng bằng cách chọn [**🔧5: 📷 firmware ver. (Phiên bản firmware 📷)**].

📷: Chức năng tùy chỉnh (Da cam)

Trang

EN		
C.Fn1: Exposure	Customize camera functions as desired	486
C.Fn2: Exposure		492
C.Fn3: Display/Operation		493
C.Fn4: Others		495
C.Fn5: Clear	Clear all Custom Function settings	485

VI		
C.Fn1: Phơi sáng	Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn	486
C.Fn2: Phơi sáng		492
C.Fn3: Hiển thị/Thao tác		493
C.Fn4: Khác		495
C.Fn5: Xóa	Xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh	485

★: Danh mục riêng (Xanh lá cây)

EN		
Add My Menu tab	Add My Menu tabs 1-5	519
Delete all My Menu tabs	Delete all My Menu tabs	522
Delete all items	Delete all items under My Menu tabs 1-5	522
Menu display	Normal display / Display from My Menu tab / Display only My Menu tab	523

VI		
Thêm tab Danh mục riêng	Thêm tab Danh mục riêng 1-5	519
Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	522
Xóa tất cả các mục	Xóa tất cả các mục trong tab Danh mục riêng 1-5	522
Hiển thị menu	Hiển thị bình thường / Hiển thị từ tab Danh mục riêng / Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng	523

Quay phim

Quay phim 2 (Phim) (Đỏ)

Trang

EN	
ISO speed settings	ISO speed / Range for movies / Range for 4K 383

VI	
Thiết lập tốc độ ISO	Tốc độ ISO / Phạm vi cho phim / Phạm vi cho 4K 383

Quay phim 4*1 (Phim) (Đỏ)

EN	
Movie Servo AF	Enable / Disable 384
AF method	┐+Tracking / FlexiZone - Multi / FlexiZone - Single 386
Grid display	Off / 3x3 井 / 6x4 田田 / 3x3+diag ㄟ 386
Movie recording quality	MOV / MP4 355
	Movie recording size*2 • 4K (4096x2160) / Full HD (1920x1080) • NTSC: 59.94p / 29.97p / 23.98p PAL: 50.00p / 25.00p • MJPG (Motion JPEG) / ALL-I (For editing) / IPB (Standard) / IPB (Light) 356
	24.00p: Disable / Enable 361
	High Frame Rate: Disable / Enable*3 362
Sound recording	Sound recording: Auto / Manual / Disable 366
	Recording level
	Wind filter: Disable / Enable 367
	Attenuator: Disable / Enable
Movie Servo AF Speed*4	When active: Always on / During shooting 387
	AF speed: Slow (-7/-6/-5/-4/-3/-2/-1) / Standard / Fast (+1/+2) 387
Movie Servo AF track sensitivity*4	Locked on (-3/-2/-1) / 0 / Responsive (+1/+2/+3) 388

VI		
Lấy nét Servo phim	Bật / Tắt	384
Phương pháp AF	☺+Theo dõi / Vùng linh hoạt - đa điểm / Vùng linh hoạt - 1 điểm	386
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+chéo ㄨㄥ	386
Chất lượng ghi phim	MOV / MP4	355
	Kích thước ghi phim* ² • 4K (4096x2160) / Full HD (1920x1080) • NTSC: 59,94p / 29,97p / 23,98p PAL: 50,00p / 25,00p • MJPG (Motion JPEG) / ALL-I (Để chỉnh sửa) / IPB (Tiêu chuẩn) / IPB (Nhẹ)	356
	24,00p: Tắt / Bật	361
	Tốc độ khung hình cao: Tắt / Bật* ³	362
Ghi âm	Ghi âm: Tự động / Chỉnh tay / Tắt	366
	Mức ghi âm	
	Lọc gió: Tắt / Bật	367
	Bộ tiêu âm: Tắt / Bật	
Tốc độ lấy nét Servo phim*⁴	Khi bật: Luôn bật / Trong khi quay phim	387
	Tốc độ AF: Chậm (-7/-6/-5/-4/-3/-2/-1) / Tiêu chuẩn / Nhanh (+1/+2)	
Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim*⁴	Khóa (-3/-2/-1) / 0 / Phản ứng (+1/+2/+3)	388

*1: Trong chế độ <[A]>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [2].

*2: Kích thước ghi phim sẽ khác nhau tùy theo các thiết lập cho [MOV/MP4], [24.00p], [High Frame Rate (Tốc độ khung hình cao)] và thiết lập [Video system (Hệ thống video)].

*3: Phim tốc độ khung hình cao sẽ được quay ở chất lượng HD.

*4: Không thể thiết lập nếu [4: AF method (Phương pháp AF)] được đặt thành [☺+Tracking (☺+Theo dõi)] hoặc [FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)].

📷: Quay phim 5*1 (Phim) (Đỏ)

Trang

EN		
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	389
Time code	Count up / Start time setting / Movie recording count / Movie play count*2 / HDMI / Drop frame*3	369
👁 button function	📷AF/- / 📷/- / 📷AF/🗨 / 📷/🗨	390
Time-lapse movie	Disable / Enable (Interval / No. of shots / Time required / Playback time / Card- time left)	375
HDMI display	📺 / 📺without information / 📺+📺	391
Remote control shooting	Disable / Enable	393

VI		
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	389
Mã thời gian	Tổng số / Thiết lập thời gian bắt đầu / Thời lượng ghi phim / Thời lượng chiếu phim*2 / HDMI / Chỉnh khung*3	369
Chức năng nút 👁	📷AF/- / 📷/- / 📷AF/🗨 / 📷/🗨	390
Phim time-lapse	Tắt / Bật (Quăng chụp / Số lượng ảnh / Thời gian yêu cầu / Thời lượng xem lại / Thời lượng còn lại trên thẻ)	375
Hiển thị HDMI	📺 / 📺không có thông tin / 📺+📺	391
Chụp điều khiển từ xa	Tắt / Bật	393

*1: Trong chế độ <[A+]>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [📷3].

*2: Thiết lập được liên kết với [▶3: **Movie play count (Thời lượng chiếu phim)**].

*3: Hiển thị khi đặt **119.98** (119,9fps), **59.94P** (59,94fps) hoặc **29.97P** (29,97fps).

Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trực trực, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trực trực liên quan đến nguồn

Pin không sạc.

- Nếu lượng pin còn lại là 94% hoặc cao hơn, pin sẽ không được sạc (tr.530).
- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng Canon.

Đèn báo sạc chớp nháy nhanh.

- Nếu (1) pin hoặc sạc có vấn đề trực trực hoặc (2) không giao tiếp được với pin (đối với pin không phải của Canon), mạch bảo vệ sẽ dừng quá trình sạc và đèn báo sẽ nhấp nháy nhanh màu da cam. Trong trường hợp (1), tháo sạc pin ra khỏi nguồn. Tháo và lắp lại pin vào sạc. Đợi một lúc rồi cắm lại sạc vào nguồn điện. Nếu vẫn xảy ra trực trực, liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Đèn báo sạc không nhấp sáng.

- Nếu nhiệt độ của pin cắm trong sạc cao, sạc pin sẽ không hoạt động để đảm bảo an toàn (đèn tắt). Trong quá trình sạc, nếu nhiệt độ pin tăng cao vì bất kỳ lý do nào, sạc pin sẽ tự động ngừng (đèn nhấp nháy). Khi nhiệt độ pin giảm xuống, quá trình sạc sẽ tự động tiếp tục.

Máy ảnh không khởi động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng nắp ngăn chứa pin đã đóng (tr.44).
- Đảm bảo rằng pin đã lắp đúng cách vào máy ảnh (tr.44).
- Sạc pin (tr.42).
- Đảm bảo nắp khe cắm thẻ đã đóng (tr.45).

Đèn truy cập vẫn sáng hoặc nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng hoặc tiếp tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Khi xuất hiện thông báo [Does this battery/do these batteries display the Canon logo? (Pin có in logo Canon không?)].

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng Canon.
- Tháo và lắp lại pin (tr.44).
- Nếu điểm tiếp xúc điện của pin bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.42).
- Hiệu suất pin có thể bị giảm theo thời gian. Tham khảo mục [**3: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra mức hiệu suất sạc pin (tr.530). Nếu hiệu suất pin kém, thay pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt lấy nét tự động mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng GPS.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC (giao tiếp không dây) thường xuyên.
 - Bật chức năng truyền của thẻ Eye-Fi.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn đang hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.76).
- Ngay cả khi đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], màn hình LCD vẫn tắt khi không sử dụng máy ảnh trong khoảng 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.)

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-S hoặc EF-M (tr.55).

Khung ngắm không sáng.

- Lắp pin đã sạc vào máy ảnh (tr.42).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo đã cắm thẻ đúng cách (tr.45).
- Nếu bạn sử dụng thẻ SD, trượt mấu chống ghi của thẻ sang thiết lập ghi/xóa (tr.45).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.45, 443).
- Nếu thực hiện lấy nét trong chế độ lấy nét một lần và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy, hoặc nếu điểm AF có màu da cam trong khi quay phim/chụp Live View, ảnh sẽ không được chụp. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét tay (tr.58, 162).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 48 hoặc 591.

Thông báo lỗi hiển thị khi thẻ được lắp vào máy ảnh khác.

- Thẻ CF có dung lượng trên 128 GB và thẻ SDXC được định dạng exFAT. Điều này có nghĩa là nếu bạn định dạng thẻ bằng máy ảnh này rồi lắp thẻ đó vào máy ảnh khác, máy có thể sẽ báo lỗi và không dùng được thẻ.

Phải nhấn hoàn toàn nút chụp hai lần để chụp ảnh.

- Đặt [4: Mirror lockup (Khóa gương lật)] thành [Disable (Tắt)].

Ảnh bị mất nét hoặc mờ.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.55).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.57, 58).
- Nếu ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.250), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.179), sử dụng flash (tr.290) hoặc chân máy.
- Tham khảo phần “Giảm thiểu ảnh mờ” ở trang 98.

Có ít điểm AF hơn hoặc khung AF theo vùng có hình dạng khác.

- Tùy thuộc vào ống kính được gắn, số điểm AF có thể sử dụng, mô hình lấy nét và hình dạng của khung AF theo vùng sẽ khác nhau. Các ống kính được xếp thành 11 nhóm từ A đến K (tr.117). Kiểm tra xem ống kính của bạn thuộc nhóm nào. Đối với ống kính trong nhóm từ G đến K, số điểm AF có thể sử dụng sẽ ít hơn (tr.120-123).

Điểm AF nhấp nháy hoặc có hai điểm AF hiển thị.

- Để tìm hiểu về hiện tượng điểm AF bật sáng hoặc nhấp nháy khi nhấn nút , tham khảo trang 110.
- Điểm AF ở vị trí được đăng ký sẽ nhấp nháy (tr.110, 504).
- Điểm (hoặc khu vực) AF chọn bằng tay và điểm AF đã đăng ký sẽ hiển thị (tr.109, 504).

Không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác AF thành lấy nét một lần (tr.102, 103, 318). Không thể thực hiện khóa lấy nét (tr.99, 103) với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục/Lấy nét Servo (tr.104, 319) hoặc khi lấy nét Servo được sử dụng cùng với Lấy nét tự động AI (tr.104).

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

- Điểm AF chỉ chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc lấy nét chủ thể tối.
- Trong các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>**, **<M>** và ****, bạn có thể thiết lập để khi lấy được nét điểm AF sẽ chớp sáng đỏ hoặc không (tr.153).

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tốc độ chụp liên tục cho chụp liên tục tốc độ cao có thể sẽ giảm tùy vào loại nguồn điện, mức pin, nhiệt độ, chức năng giảm nhấp nháy, chụp ảnh RAW pixel đôi, Tối ưu hóa ống kính số, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện chủ thể, độ sáng, thao tác AF, ống kính, sử dụng flash, thiết lập chức năng chụp, v.v... Để biết thêm chi tiết, tham khảo các trang 163-165.

Số ảnh chụp liên tục tối đa ít hơn.

- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ chẳng hạn như bãi cỏ, kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh đề cập ở trang 173.
- Nếu đặt chức năng [**Rec. separately (Ghi riêng)**] và thiết lập các chất lượng ghi ảnh khác nhau cho thẻ CF (Thẻ 1) và thẻ SD (Thẻ 2), số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Trong [**1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)**], nếu [**Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**], số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm rất nhiều.
- Nếu [**1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] và chất lượng ghi ảnh là **RAW**, số ảnh chụp liên tục tối đa cũng sẽ giảm.

Ngay cả sau khi đã thay thẻ, thông số hiển thị số ảnh chụp liên tục tối đa vẫn không thay đổi.

- Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị trên khung ngắm không đổi khi bạn thay thẻ, ngay cả khi đó là thẻ tốc độ cao. Số ảnh chụp liên tục tối đa trong bảng ở trang 173 là số liệu dựa trên thẻ thử nghiệm của Canon. (Tốc độ ghi của thẻ càng nhanh, số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế càng nhiều.) Do đó, số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị trên khung ngắm có thể sẽ khác so với số lượng thực tế.

Không thể chụp ảnh RAW pixel đôi.

- Đặt [ 1: Dual Pixel RAW (Ảnh RAW pixel đôi)] thành [Enable (Bật)], và [ 1: Image quality (Chất lượng ảnh)] thành **RAW** hoặc **RAW**+JPEG.

Không thể đặt ISO 100. Không thể chọn tốc độ ISO mở rộng.

- Nếu đặt [ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Enable (Bật)], phạm vi tốc độ ISO có thể đặt sẽ là ISO 200 - ISO 32000. Ngay cả khi đặt [Range for stills (Phạm vi cho ảnh)] để mở rộng phạm vi thiết lập, bạn không thể chọn L (tương đương ISO 50), H1 (tương đương ISO 51200) hoặc H2 (tương đương ISO 102400). Khi đặt [ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Disable (Tắt)] (tr.208), có thể thiết lập ISO 100/125/160, L hoặc H1/H2.

Mặc dù đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [ 2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] thành [Disable (Tắt)] (tr.203). Khi đặt thành [Low (Thấp)], [Standard (Tiêu chuẩn)] hoặc [High (Cao)], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh chụp ra vẫn có thể quá sáng.

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng khi đặt cả phơi sáng chỉnh tay và ISO tự động.

- Tham khảo trang 256 để thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Đối với chụp flash, bù trừ phơi sáng sẽ không có tác dụng.

Tùy chọn hiệu chỉnh quang sai của ống kính không hiển thị hết.

- Nếu [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] trong [❏1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)] được đặt thành [Enable (Bật)], [Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)] và [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] sẽ không hiển thị. Tuy nhiên, thiết lập [Enable (Bật)] cho cả [Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)] và [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] sẽ có tác dụng khi chụp.
- Trong khi quay phim, [Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)], [Digital Lens Optimizer (Tối ưu hóa ống kính số)] hoặc [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] sẽ không hiển thị.

Ảnh chụp không hiển thị trong khi chụp ảnh ghép phơi sáng.

- Nếu đặt [On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)], chức năng xem lại ảnh ngay sau khi chụp hoặc xem lại ảnh sẽ không sử dụng được trong khi chụp (tr.272).

Ảnh ghép phơi sáng được chụp với chất lượng RAW.

- Khi chất lượng ghi ảnh được đặt thành M RAW hoặc S RAW, ảnh ghép phơi sáng sẽ được ghi ở chất lượng RAW (tr.279).

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [❏1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)], đặt [Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)] thành [1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)] hoặc [1/250 sec. (fixed) (1/250 giây (cố định)))] (tr.294).

Đèn flash không đánh sáng.

- Đảm bảo flash (hoặc dây đồng bộ máy tính) được gắn chắc vào máy ảnh.
- Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt [**6: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.316).

Flash luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.291).
- Khi thiết lập chức năng tùy chỉnh flash cho [**Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)**] được đặt thành [**TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)**] (flash tự động), đèn flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.298).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash.

- Nếu đã đặt bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite gắn ngoài, bạn sẽ không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite gắn ngoài (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [**1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**Auto (Tự động)**] (tr.294).

Màn trập phát ra hai âm thanh nhỏ khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần cho mỗi lần chụp (tr.304).

Trong khi chụp Live View, biểu tượng màu trắng hoặc màu đỏ xuất hiện.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng  màu trắng hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng  màu đỏ hiển thị, chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.335).

Ảnh chụp không hiển thị khi thực hiện chụp liên tục trong quá trình chụp Live View.

- Nếu đặt chất lượng ghi ảnh thành **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh chụp sẽ không hiển thị trong khi chụp liên tục (tr.303).

Trong khi quay phim, biểu tượng màu đỏ hiển thị.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng  màu đỏ hiển thị, quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.395).

Quay phim tự động dừng lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 360. Để tìm hiểu tốc độ ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.
- Nếu thời lượng quay phim đạt 29 phút 59 giây hoặc quay phim tốc độ khung hình cao đạt 7 phút 29 giây, quá trình quay sẽ dừng tự động.

Bạn không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Nếu chế độ chụp là , **<P>**, **<Tv>**, **<Av>** hoặc ****, tốc độ ISO sẽ được thiết lập tự động. Ở chế độ **<M>**, bạn có thể tùy ý đặt tốc độ ISO (tr.345).

Không thể thiết lập ISO 100 hoặc không thể chọn mở rộng tốc độ ISO trong khi quay phim.

- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**], phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ bắt đầu từ ISO 200. Ngay cả khi đặt [**Range for movies (Phạm vi cho phim)**] hoặc [**Range for 4K (Phạm vi cho 4K)**] cho mở rộng tốc độ ISO, bạn cũng không thể chọn H, H1 hay H2. Khi đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.208), có thể thiết lập ISO 100/125/160 hoặc tốc độ ISO mở rộng.
- Trong khi quay phim HDR, không thể chọn tốc độ ISO mở rộng.

Tốc độ ISO thiết lập bằng tay thay đổi khi chuyển sang chế độ quay phim.

- Đối với chụp qua khung ngắm và chụp Live View, tốc độ ISO được đặt theo thiết lập của [**Range for stills (Phạm vi cho ảnh)**] trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**] (tr.182). Đối với quay phim, tốc độ ISO được đặt theo thiết lập của [**Range for movies (Phạm vi cho phim)**] hoặc [**Range for 4K (Phạm vi cho 4K)**] trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**] (tr.383).

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim nếu muốn thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể dẫn tới thay đổi độ phơi sáng, tiếng ồn thao tác ống kính hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.

Xuất hiện nhấp nháy ảnh hoặc đường sọc ngang trong khi quay phim.

- Nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do ánh đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Ở chế độ **<Tv>** hoặc **<M>**, tốc độ màn trập chậm có thể giảm thiểu các vấn đề này. Vấn đề có thể sẽ nghiêm trọng hơn khi quay phim time-lapse.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển máy ảnh sang trái hoặc sang phải (lĩa máy) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo. Vấn đề có thể sẽ nghiêm trọng hơn khi quay phim time-lapse.

Phim không ghi âm thanh.

- Phim tốc độ khung hình cao không ghi âm thanh.

Mã thời gian không được thêm vào.

- Khi quay phim tốc độ khung hình cao, nếu đặt [**Free run (Thời gian thực)**] cho [**Count up (Tổng số)**] trong phần [**5: Time code (Mã thời gian)**] (tr.369), mã thời gian sẽ không được thêm vào. Ngoài ra, nếu đầu ra là HDMI, mã thời gian sẽ không được thêm vào video HDMI xuất ra (tr.371).

Mã thời gian tính nhanh hơn.

- Khi quay phim tốc độ khung hình cao, mã thời gian được tính theo 4 giây cho mỗi giây trong thực tế (tr.362).

Không thể chụp ảnh trong khi quay phim.

- Ảnh không chụp được trong khi quay phim. Để chụp ảnh, dừng quay phim và thực hiện chụp qua khung ngắm hoặc chụp Live View.

Vấn đề trực trực khi thao tác

Không thể thay đổi thiết lập với nút xoay <  >, <  >, <  >, <  > hoặc <  >.

- Gạt công tắc <LOCK▶> sang trái (nhả khóa, tr.62).
- Kiểm tra thiết lập [**5: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] (tr.93).

Không thể thực hiện thao tác cảm ứng.

- Kiểm tra để đảm bảo đã đặt [**2: Touch control (Điều khiển cảm ứng)**] thành [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**Sensitive (Nhạy)**] (tr.72).

Nút hoặc nút xoay của máy ảnh không hoạt động như mong muốn.

- Kiểm tra thiết lập [**3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] (tr.499).

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Trong chế độ <  >, một số tab và tùy chọn menu sẽ không hiển thị. Đặt chế độ chụp thành < **P** >, < **Tv** >, < **Av** >, < **M** > hoặc < **B** > (tr.67).

Màn hình hiển thị bắt đầu với Danh mục riêng [★**] hoặc chỉ có tab [**★**] xuất hiện.**

- Trong tab [**★**], [**Menu display (Hiển thị menu)**] được đặt thành [**Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng)**] hoặc [**Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)**]. Đặt [**Normal display (Hiển thị bình thường)**] (tr.523).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt [📷2: Color space (Không gian màu)] thành [sRGB]. Nếu đặt thành [Adobe RGB], ký tự đầu tiên sẽ là dấu gạch dưới (tr.219).

Ký tự thứ tư trong tên thư mục thay đổi.

- [📷1: File name (Tên tập tin)] được đặt thành [*** + image size (*** + kích thước ảnh)]. Chọn tên tập tin duy nhất của máy ảnh (mã đặt trước) hoặc tên tập tin đã đăng ký trong Thiết lập người dùng 1 (tr.222).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự tập tin ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.225).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Đảm bảo ngày và giờ được đặt chính xác (tr.51).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.52, 53).

Ngày và giờ không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh thành thông tin chụp. Khi in ảnh, bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.475).

Khi [###] hiển thị.

- Nếu số lượng ảnh đã ghi trên thẻ vượt quá số lượng ảnh có thể hiển thị, [###] sẽ xuất hiện.

Trong khung ngắm, tốc độ hiển thị điểm AF chậm.

- Ở điều kiện nhiệt độ thấp, điểm AF có thể hiển thị chậm hơn do đặc tính của thiết bị hiển thị điểm AF (tinh thể lỏng). Tốc độ hiển thị sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Màn hình LCD có thể hiển thị hơi chậm ở điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn ở điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- **[🔧 1: Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)]** chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu đặt mấu chống ghi của thẻ Eye-Fi đến vị trí LOCK, bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền Eye-Fi (tr.536).

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- [▶ 3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.405).

Ô vuông màu đỏ hiển thị trên ảnh.

- [▶ 3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.406).

Trong khi xem lại ảnh, điểm AF không hiển thị.

- Khi xem ảnh đã áp dụng hiệu chỉnh méo hình (tr.211), điểm AF không hiển thị.

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.416).

Không thể sao chép phim.

- Không thể sao chép tập tin phim vượt quá 4 GB. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 439.

Không thể xem lại ảnh và phim.

- Máy ảnh không thể mở ảnh chụp bằng máy ảnh khác.
- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể phát lại trên máy ảnh.

Nghe thấy tiếng ồn thao tác và âm thanh hoạt động của máy ảnh trong khi phát lại phim.

- Khi quay phim, tiếng ồn xoay nút xoay hoặc thao tác ống kính có thể bị ghi lại. Nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) (tr.367).

Phim xuất hiện dừng hình trong giấy lát.

- Nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng trong khi quay phim phơi sáng tự động, phim sẽ dừng trong giấy lát cho đến khi độ sáng ổn định. Trong trường hợp này, quay phim ở chế độ **<M>** (tr.344).

Phim phát ở chuyển động chậm.

- Do phim tốc độ khung hình cao được ghi thành tập tin phim 29,97 fps/25,00 fps, phim sẽ phát ở chuyển động chậm với 1/4 tốc độ bình thường.

Không có hình ảnh trên TV.

- Đảm bảo rằng [**3: Video system (Hệ thống video)**] được đặt chính xác thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**] hoặc [**For PAL (Đối với PAL)**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).
- Đảm bảo đã cắm chặt đầu cắm của cáp HDMI (tr.436).

Có nhiều tập tin phim trong một lần quay phim.

- Nếu kích thước tập tin phim đạt đến 4 GB, một tập tin phim khác sẽ được tạo tự động (tr.364). Tuy nhiên, nếu sử dụng thẻ CF dung lượng trên 128 GB hoặc thẻ SDXC đã định dạng với máy ảnh này, bạn có thể ghi phim thành một tập tin kích thước hơn 4 GB.

Không thể chụp khung hình của phim.

- Bạn chỉ có thể chụp khung hình của phim 4K. Không thể chụp khung hình của phim Full HD, phim tốc độ khung hình cao (HD) hay phim 4K quay bằng máy ảnh khác.

Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ CF và thẻ SDXC dung lượng lớn có thể không được nhận dạng đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối, rồi truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.612).

Không thể xử lý ảnh RAW.

- Ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh. Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612) để xử lý những ảnh này.

Không thể thay đổi cỡ hoặc cắt ảnh.

- Với máy ảnh này, bạn không thể thay đổi kích cỡ hay cắt ảnh JPEG **S3**, ảnh **RAW/M RAW/S RAW** cũng như ảnh chụp khung hình của phim 4K (tr.456, 458).

Các chấm sáng xuất hiện trên ảnh.

- Các chấm sáng màu trắng, đỏ, xanh da trời hoặc màu khác có thể xuất hiện trên ảnh nếu bộ phận cảm biến bị ảnh hưởng bởi bức xạ vũ trụ, v.v... Bạn có thể giảm các chấm sáng này bằng cách thao tác [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )] trong [**3: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**] (tr.462).

Không thể sử dụng thông tin pixel đôi để xử lý ảnh RAW.

- Mặc dù ảnh RAW pixel đôi có thể được xử lý bằng [**1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**], máy ảnh này không thể xử lý ảnh bằng dữ liệu pixel đôi. Khi sử dụng dữ liệu pixel đôi, hãy xử lý ảnh bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612).

Vấn đề trực trực về làm sạch cảm biến

Màn trập phát ra âm thanh trong khi làm sạch cảm biến.

- Khi chọn [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )], màn trập sẽ phát ra âm thanh khi đang làm sạch, nhưng ảnh sẽ không được ghi vào thẻ nhớ (tr.462).

Chức năng làm sạch cảm biến tự động không hoạt động.

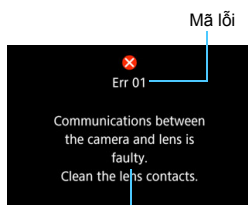
- Nếu bạn liên tục chuyển công tắc nguồn <**ON**> và <**OFF**> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng < > có thể sẽ không hiển thị (tr.49).

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

Không thể truyền ảnh vào máy tính.

- Không thể sử dụng cáp nối để kết nối máy ảnh với máy tính khi đã thiết lập kết nối Wi-Fi.
- Khi sử dụng [ **2: Image transfer (Truyền ảnh)**] để truyền ảnh sang máy tính, đảm bảo màn hình chính của EOS Utility đã hiển thị.

Mã lỗi



Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

Mã	Thông báo lỗi và cách giải quyết
01	Lỗi giao tiếp giữa máy ảnh và ống kính. Làm sạch các điểm tiếp xúc. → Lau tất cả tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính, sử dụng ống kính của Canon, hoặc tháo và lắp lại pin (tr.27, 28, 44).
02	Không thể truy cập vào thẻ*. Lắp lại hoặc thay thẻ * hoặc định dạng thẻ * bằng máy ảnh. → Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.45, 73).
04	Không thể lưu ảnh vì thẻ* đã đầy. Thay thẻ*. → Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.45, 443, 73).
06	Không thể làm sạch cảm biến. Tắt máy ảnh rồi bật lại. → Thao tác công tắc nguồn (tr.49).
10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99	Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh rồi bật lại hoặc lắp lại pin. → Vận hành công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.49, 44).

* Nếu không xử lý được trục trặc, ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Thông số kỹ thuật

• Loại

Loại:	Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE
Phương tiện ghi:	Thẻ CF (Loại I, hỗ trợ UDMA Mode 7) Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC* * Tương thích với thẻ UHS-I.
Kích thước cảm biến ảnh:	Khoảng 36,0 x 24,0 mm
Ống kính tương thích:	Ống kính Canon EF * Không bao gồm ống kính EF-S và EF-M (Góc ngắm hiệu dụng của ống kính tương đương với góc ngắm của tiêu cự được ghi ở đây.)
Ngàm ống kính:	Ngàm Canon EF

• Cảm biến ảnh

Loại:	Cảm biến CMOS
Số điểm ảnh hiệu dụng:	Khoảng 30,4 megapixel * Làm tròn điểm ảnh đến 4 số sau dấu phẩy.
Tỷ lệ khung ảnh:	3:2
Tính năng xóa bụi:	Tự động/Bằng tay, Thêm dữ liệu xóa bụi

• Hệ thống ghi

Định dạng ghi:	Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0
Loại ảnh:	JPEG, RAW (bản gốc Canon 14 bit), có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG
Độ phân giải được ghi:	L (Lớn) : Khoảng 30,1 megapixel (6720 x 4480) M (Trung bình): Khoảng 13,3 megapixel (4464 x 2976) S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 7,5 megapixel (3360 x 2240) S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 2,5 megapixel (1920 x 1280) S3 (Nhỏ 3) : Khoảng 0,35 megapixel (720 x 480) RAW : Khoảng 30,1 megapixel (6720 x 4480) M-RAW : Khoảng 16,9 megapixel (5040 x 3360) S-RAW : Khoảng 7,5 megapixel (3360 x 2240)
Ảnh RAW pixel đôi:	Có thể
Chức năng ghi:	Tiêu chuẩn, Tự động chuyển thẻ, Ghi riêng, Ghi vào nhiều thẻ
Tạo/chọn thư mục:	Có thể
Tên tập tin:	Mã đặt trước / Thiết lập người dùng 1 / Thiết lập người dùng 2
Đánh số thứ tự tập tin:	Kế tiếp, Tự động đặt lại, Đặt lại bằng tay

• Xử lý ảnh trong khi chụp

Kiểu ảnh:	Tự động, Tiêu chuẩn, Chân dung, Phong cảnh, Chi tiết nhỏ, Trung tính, Chân thực, Đơn sắc, Người dùng xác định 1- 3
Cân bằng trắng:	Tự động (Ưu tiên môi trường), Tự động (Ưu tiên màu trắng), Đặt trước (Ánh sáng ban ngày, Bóng râm, Nhiều mây, Đèn dây tóc, Đèn huỳnh quang trắng, Flash), Tùy chỉnh, Thiết lập nhiệt độ màu (khoảng 2500-10000K) Cung cấp tính năng hiệu chỉnh cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp * Có thể truyền thông tin nhiệt độ màu flash
Hiệu chỉnh độ sáng ảnh tự động:	Có thể đặt Tự động tối ưu hóa ánh sáng
Giảm nhiễu:	Có thể áp dụng cho các ảnh chụp tốc độ ISO cao và phơi sáng lâu
Ưu tiên tông màu sáng:	Được cung cấp
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính:	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh méo hình, Tối ưu hóa ống kính số, Hiệu chỉnh sắc sai, Hiệu chỉnh nhiễu xạ

• Khung ngắm

Loại:	Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt
Tầm bao phủ:	Chiều dọc/chiều ngang khoảng 100% (với điểm đặt mắt khoảng 21 mm)
Hệ số phóng to:	Khoảng 0,71x (-1 m^{-1} với ống kính 50mm ở vô cực)
Điểm đặt mắt:	Khoảng 21 mm (từ trung tâm thấu kính thị kính ở -1 m^{-1})
Phạm vi điều chỉnh độ khúc xạ:	Khoảng $-3,0 - +1,0 \text{ m}^{-1}$ (dpt)
Màn hình lấy nét:	Cố định
Hiện thị khung lưới:	Được cung cấp
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Màn hình thiết lập chức năng:	Pin (dung lượng còn lại), Chế độ chụp, Cân bằng trắng, Kiểu chụp, Thao tác AF, Chế độ đo sáng, Loại ảnh: JPEG/RAW, Tối ưu hóa ống kính số, Ảnh RAW pixel đôi, Nhận diện nhấp nháy, Chỉ báo cảnh báo, Trạng thái AF
Gương lật:	Loại thu hồi nhanh
Xem trước độ sâu trường ảnh:	Được cung cấp

• Lấy nét tự động (trong khi chụp qua khung ngắm)

Loại:	Đăng ký ảnh thứ cấp TTL, phát hiện lệch pha với cảm biến AF riêng
Điểm AF:	Tối đa 61 điểm (Điểm AF chữ thập: Tối đa 41 điểm) * Số điểm AF, điểm AF chữ thập kép và điểm AF chữ thập khả dụng sẽ thay đổi theo ống kính được sử dụng. * Điểm AF chữ thập kép nhảy với f/2.8 ở năm điểm AF dọc trung tâm (nhóm AF: với ống kính Nhóm A)
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV -3 - 18 (Điều kiện: điểm AF trung tâm nhảy với f/2.8, Lấy nét một lần, nhiệt độ phòng, ISO 100)
Thao tác lấy nét:	Lấy nét một lần, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Lấy nét tự động AI, Lấy nét tay (MF)
Chế độ chọn vùng AF:	AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay: lên trên, xuống dưới, sang trái và sang phải), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay: bao quanh), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay), AF theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay), Chọn AF tự động
Điều kiện tự động chọn điểm AF:	Dựa trên thiết lập EOS iTR AF (Bật chức năng AF kết hợp thông tin khuôn mặt người/màu) * iTR: Theo dõi và nhận diện thông minh
Công cụ định cấu hình AF:	Tính hướng 1 - 6
Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục:	Độ nhảy theo dõi, Tăng/giảm tốc độ theo dõi, Tự động chuyển đổi điểm AF
Tùy chỉnh chức năng AF:	17 chức năng
Tính chỉnh AF:	Vi chỉnh AF (Tất cả ống kính với cùng một lượng, Điều chỉnh theo ống kính)
Tia giúp lấy nét:	Phát sáng bằng đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS

• Điều khiển phơi sáng

Chế độ đo sáng:	Cảm biến đo sáng RGB+IR khoảng 150.000 pixel và kiểu đo sáng khẩu độ mở TTL 252 vùng Hệ thống EOS iSA (Intelligent Subject Analysis - Phân tích chủ thể thông minh) • Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF) • Đo sáng từng phần (khoảng 6,1% khung ngắm tại trung tâm) • Đo sáng điểm (khoảng 1,3% khung ngắm tại trung tâm) • Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Chế độ chụp:	Tự động nhận cảnh thông minh, Phơi sáng tự động P, Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay, Phơi sáng bulb, Chế độ chụp tùy chỉnh (C1/C2/C3)
Tốc độ ISO (Chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Tự động nhận cảnh thông minh: ISO 100 - ISO 12800 đặt tự động P, Tv, Av, M, B: Cung cấp ISO tự động, thiết lập bằng tay ISO 100 - ISO 32000 (với mức tăng 1/3 hoặc một điểm dừng) và có thể mở rộng đến L (tương đương ISO 50), H1 (tương đương ISO 51200), H2 (tương đương ISO 102400). * Nếu đặt ưu tiên tông màu sáng, phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ là ISO 200 - ISO 32000.
Thiết lập tốc độ ISO:	Có thể thiết lập Phạm vi chụp ảnh, Phạm vi tự động, Tốc độ tối thiểu tự động
Bù trừ phơi sáng:	Chỉnh tay: ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng AEB: ± 3 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (có thể kết hợp với bù trừ phơi sáng bằng tay)
Khóa phơi sáng:	Tự động: Áp dụng cho chế độ lấy nét một lần với đo sáng toàn khung ảnh khi lấy được nét Chỉnh tay: Bằng nút khóa phơi sáng
Giảm nhấp nháy:	Có thể
Hẹn giờ ngắt quãng:	Có thể thiết lập quãng chụp và số lần chụp
Hẹn giờ bulb:	Có thể thiết lập thời gian phơi sáng bulb

• Chụp HDR

Điều chỉnh dải tương phản động:	Tự động, ± 1 , ± 2 , ± 3
Hiệu ứng:	Tự nhiên, Tiêu chuẩn nghệ thuật, Rực rỡ nghệ thuật, In đậm nghệ thuật, Chạm nổi nghệ thuật
Tự động căn chỉnh ảnh:	Được cung cấp

• Ảnh ghép phơi sáng

Phương pháp chụp:	Ưu tiên chức năng/điều khiển, Ưu tiên chụp liên tục
Số ảnh chụp ghép phơi sáng:	2 đến 9 ảnh
Điều khiển ghép ảnh:	Thêm, Trung bình, Sáng, Tối

• Màn trập

Loại:	Màn trập mặt phẳng tiêu cự, điều khiển điện tử
Tốc độ màn trập:	1/8000 giây đến 30 giây (tổng phạm vi tốc độ màn trập; phạm vi khả dụng thay đổi theo chế độ chụp), phơi sáng bulb, đồng bộ flash ở 1/200 giây.

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp:	Chụp từng ảnh, Chụp liên tục tốc độ cao, Chụp liên tục tốc độ thấp, Chụp từng ảnh ngắt tiếng, Chụp liên tục ngắt tiếng, Hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa, Hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa
Tốc độ chụp liên tục:	Chụp liên tục tốc độ cao: Tối đa khoảng 7,0 ảnh/giây * Tốc độ chụp liên tục sẽ giảm khi sử dụng chụp chống nhấp nháy, chụp ảnh RAW pixel đôi, chụp Live View kết hợp lấy nét Servo, hoặc khi đặt Tối ưu hóa ống kính số. * Tốc độ chụp liên tục tối đa khi chụp liên tục tốc độ cao có thể sẽ giảm tùy thuộc vào loại nguồn điện, mức pin, nhiệt độ, chức năng giảm nhấp nháy, chụp ảnh RAW pixel đôi, tối ưu hóa ống kính số, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện chủ thể, độ sáng, thao tác AF, ống kính, sử dụng flash, thiết lập chức năng chụp, v.v... Chụp liên tục tốc độ thấp: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây Chụp liên tục ngắt tiếng: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây
Số ảnh chụp liên tục tối đa:	JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 110 ảnh (Thẻ đầy) RAW: Khoảng 17 ảnh (Khoảng 21 ảnh) RAW+JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 13 ảnh (Khoảng 16 ảnh) * Dựa trên thẻ CF thử nghiệm tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn: 8 GB / Tốc độ cao: UDMA Mode 7, 64 GB) và các tiêu chuẩn thử nghiệm (chụp liên tục tốc độ cao, ISO 100, kiểu ảnh tiêu chuẩn, không thêm thông tin IPTC) của Canon. * Số liệu trong dấu ngoặc đơn áp dụng cho thẻ CF UDMA Mode 7 dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon. * “Thẻ đầy” biểu thị rằng máy ảnh có thể chụp cho đến khi thẻ nhớ đầy.

• Đèn Speedlite gắn ngoài

Đèn Speedlite tương thích:	Đèn Speedlite sê-ri EX
Đo sáng flash:	Flash tự động E-TTL II
Bù trừ phơi sáng flash:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Khóa phơi sáng flash:	Được cung cấp
Cổng cho máy tính:	Được cung cấp
Điều khiển flash:	Thiết lập chức năng flash, Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash

• Chụp Live View

Phương pháp lấy nét:	Lấy nét tự động CMOS pixel đôi
Phương pháp AF:	Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng linh hoạt - đa điểm, Vùng linh hoạt - 1 điểm Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 5x và 10x để kiểm tra lấy nét)
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV -4 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100, Lấy nét một lần)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng toàn khung ảnh (315 vùng), Đo sáng từng phần (khoảng 6,3% màn hình Live View), Đo sáng điểm (khoảng 2,7% màn hình Live View), Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Bù trừ phơi sáng:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Chụp Live View ngắt tiếng:	Được cung cấp (Chế độ 1 và 2)
Chạm để chụp:	Được cung cấp
Hiển thị khung lưới:	3 loại

• Quay phim

Định dạng ghi:	MOV, MP4
Phim:	4K: Motion JPEG Full HD/HD: MPEG-4 AVC/H.264 tỷ lệ bit (trung bình) có thể thay đổi
Âm thanh:	MOV: PCM tuyến tính, MP4: AAC
Kích thước ghi phim:	4K (4096x2160), Full HD (1920x1080), HD (1280x720): phim tốc độ khung hình cao
Tốc độ khung hình:	119,9p/59,94p/29,97p/24,00p/23,98p (với NTSC) 100,0p/50,00p/25,00p/24,00p (với PAL) * 119,9p/100,0p: Phim tốc độ khung hình cao
Phương pháp ghi/	Motion JPEG
Tỷ lệ nén:	ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only), IPB (Tiêu chuẩn), IPB (Nhẹ) * Motion JPEG và ALL-I chỉ khả dụng khi đặt MOV. * IPB (Nhẹ) chỉ khả dụng khi đặt MP4.

Tốc độ bit:	[MOV] 4K (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p) : Khoảng 500 Mbps Full HD (59,94p/50,00p)/ALL-I : Khoảng 180 Mbps Full HD (59,94p/50,00p)/IPB : Khoảng 60 Mbps Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/ALL-I : Khoảng 90 Mbps Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/IPB (Tiêu chuẩn) : Khoảng 30 Mbps HD (119,9p/100,0p)/ALL-I : Khoảng 160 Mbps [MP4] Full HD (59,94p/50,00p)/IPB (Tiêu chuẩn) : Khoảng 60 Mbps Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/IPB (Tiêu chuẩn) : Khoảng 30 Mbps Full HD (29,97p/25,00p)/IPB (Nhẹ) : Khoảng 12 Mbps 4K (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)
Yêu cầu hiệu suất thẻ (Tốc độ ghi/đọc):	: CF UDMA 7: 100 MB/giây hoặc nhanh hơn : SD UHS-I 90 MB/giây hoặc nhanh hơn Full HD (59,94p/50,00p)/ALL-I : CF UDMA 7: 60 MB/giây hoặc nhanh hơn : SD UHS-I Speed Class 3 hoặc nhanh hơn Full HD (59,94p/50,00p)/IPB : CF 30 MB/giây hoặc nhanh hơn : SD Speed Class 10 hoặc nhanh hơn Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/ALL-I : CF 30 MB/giây hoặc nhanh hơn : SD UHS-I Speed Class 3 hoặc nhanh hơn Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/IPB (Tiêu chuẩn) : CF 10 MB/giây hoặc nhanh hơn : SD Speed Class 6 hoặc nhanh hơn Full HD (29,97p/25,00p)/IPB (Nhẹ) : CF 10 MB/giây hoặc nhanh hơn : SD Speed Class 4 hoặc nhanh hơn HD (119,9p/100,0p) : CF UDMA 7: 60 MB/sec. hoặc nhanh hơn : SD UHS-I Speed Class 3 hoặc nhanh hơn
Phương pháp lấy nét:	Lấy nét tự động CMOS pixel đôi
Phương pháp AF:	Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng linh hoạt - đa điểm, Vùng linh hoạt - 1 điểm Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 5x và 10x để kiểm tra lấy nét)
Lấy nét servo phim:	Có thể * Có thể tùy chỉnh lấy nét Servo phim

Phạm vi quét sáng lấy nét	EV -4 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100, Lấy nét một lần)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng trung bình trung tâm và Đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến hình ảnh * Đặt tự động theo phương pháp lấy nét
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100, với đo sáng trung bình trung tâm)
Điều khiển phơi sáng:	Quay phim phơi sáng tự động (Phơi sáng tự động P cho quay phim), Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay
Bù trừ phơi sáng:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Tốc độ ISO	[Full HD]
(Chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Tự động nhận cảnh thông minh: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 25600 P/Tv/Av/B: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 25600, có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 32000), H1 (tương đương ISO 51200), H2 (tương đương ISO 102400) M: ISO tự động (tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 25600), thiết lập bằng tay ISO 100 - ISO 25600 (với mức tăng 1/3 hoặc một điểm dừng), có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 32000), H1 (tương đương ISO 51200), H2 (tương đương ISO 102400) * Phạm vi có thể thiết lập là khác nhau giữa quay phim HDR và quay phim time-lapse.
	[4K]
	Tự động nhận cảnh thông minh: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 12800 P/Tv/Av/B: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 12800, có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 16000/20000/25600/32000), H1 (tương đương ISO 51200), H2 (tương đương ISO 102400) M: ISO tự động (tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 12800), thiết lập bằng tay ISO 100 - ISO 12800 (với mức tăng 1/3 hoặc một điểm dừng), có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 16000/20000/25600/32000), H1 (tương đương ISO 51200), H2 (tương đương ISO 102400)
Thiết lập tốc độ ISO:	Có thể đặt phạm vi quay phim và 4K
Mã thời gian:	Có thể thêm
Chỉnh khung:	Tương thích với 119,9p/59,94p/29,97p
Ghi âm:	Cung cấp micro mô-nô tích hợp, cổng micro stereo ngoài Có thể điều chỉnh mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm, bộ tiêu âm đi kèm

Tai nghe:	Cung cấp cổng tai nghe, có thể điều chỉnh âm lượng
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Quay phim HDR:	Được cung cấp
Phim time-lapse:	Có thể thiết lập quãng chụp và số lần chụp Có thể xem thời gian quay yêu cầu, thời gian phát lại và thời lượng còn lại trên thẻ
Hiển thị 2 màn hình:	Có thể hiển thị đồng thời phim trên màn hình LCD và đầu ra HDMI
Đầu ra HDMI:	Có thể xuất ra hình ảnh không có thông tin. * Có thể chọn Tự động / 59,94i/50,00i / 59,94p/50,00p / 23,98p. * Khi đặt [24.00p: Enable (Bật)], hình ảnh phim sẽ được xuất ra ở tốc độ khung hình 24,00p qua HDMI. * Có thể thêm mã thời gian
Chụp điều khiển từ xa:	Được cung cấp
Ngàm phụ kiện:	Trang bị hốc gắn ở phía dưới để tránh làm xoay chuyển.
Chụp ảnh:	Không thể thực hiện trong khi quay phim.

• Màn hình LCD

Loại:	Màn hình tinh thể lỏng, màu TFT
Kích thước và số điểm ảnh màn hình:	Rộng 8,1 cm (3,2 in.) (3:2) với khoảng 1,62 triệu điểm ảnh
Điều chỉnh độ sáng:	Tự động (Tối, Tiêu chuẩn, Sáng), Chỉnh tay (7 mức)
Điều chỉnh tông màu:	Tông ấm / Tiêu chuẩn / Tông lạnh 1 / Tông lạnh 2
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Ngôn ngữ giao diện:	25
Màn hình cảm ứng:	Cảm biến điện dung
Hiển thị trợ giúp:	Có thể

• Phát lại

Định dạng hiển thị ảnh:	Hiển thị từng ảnh (không có thông tin chụp), Hiển thị từng ảnh (có thông tin cơ bản), Hiển thị từng ảnh (Hiển thị thông tin chụp: Thông tin chi tiết, Ống kính/biểu đồ, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh 1, Kiểu ảnh 2, Không gian màu/giảm nhiễu hạt, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính 1, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính 2, Thông tin GPS, Thông tin IPTC), Hiển thị bảng kê (4/9/36/100 ảnh), Hiển thị hai ảnh
-------------------------	--

Cảnh báo vùng sáng:	Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy
Hiện thị điểm AF:	Cung cấp (có thể không hiển thị tùy thuộc vào điều kiện chụp)
Hiện thị khung lưới:	3 loại
Xem phóng to:	Khoảng 1,5x-10x, có thể đặt vị trí và hệ số phóng to ban đầu
Phương pháp duyệt ảnh:	Một ảnh, Nhảy 10 ảnh hoặc 100 ảnh, Theo ngày chụp, Theo thư mục, Theo phim, Theo ảnh, Theo ảnh được bảo vệ, Theo xếp hạng
Xoay ảnh:	Được cung cấp
Chống xóa ảnh:	Được cung cấp
Xếp hạng:	Được cung cấp
Phát lại phim:	Cho phép (Màn hình LCD, HDMI)
Chỉnh sửa cảnh phim đầu/cuối:	Có thể
Chụp khung hình 4K:	Có thể lưu ảnh chụp khung hình ở định dạng JPEG.
Trình chiếu:	Tất cả ảnh, Theo ngày, Theo thư mục, Theo phim, Theo ảnh, Theo ảnh được bảo vệ, Theo xếp hạng
Sao chép ảnh:	Có thể

• Xử lý hậu kỳ

Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh:	Điều chỉnh độ sáng, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Chất lượng ghi ảnh JPEG, Không gian màu, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh méo hình, Tối ưu hóa ống kính số, Hiệu chỉnh sắc sai, Hiệu chỉnh nhiễu xạ)
Thay đổi cỡ ảnh:	Được cung cấp
Cắt ảnh:	Được cung cấp

• Truyền ảnh

Tập tin có thể truyền:	Ảnh (JPEG, RAW, RAW+JPEG), Phim
------------------------	---------------------------------

• Đặt lệnh in

DPOF:	Tương thích phiên bản 1.1
-------	---------------------------

• Chức năng GPS

Vệ tinh tương thích:	Vệ tinh GPS (Hoa Kỳ), Vệ tinh GLONASS (Nga), Hệ thống vệ tinh Quasi-Zenith (QZSS) MICHIBIKI (Nhật Bản)
Chế độ nhận tín hiệu GPS:	Chế độ 1, Chế độ 2
Thông tin định vị được thêm vào ảnh:	Vĩ độ, Kinh độ, Độ cao, Giờ quốc tế phối hợp (UTC), Trạng thái thu nhận tín hiệu vệ tinh
Khoảng thời gian cập nhật vị trí:	1 giây, 5 giây, 10 giây, 15 giây, 30 giây, 1 phút, 2 phút, 5 phút
Thiết lập thời gian:	Dữ liệu thời gian GPS được thiết lập cho máy ảnh
Dữ liệu ghi chép:	Một tập tin mỗi ngày, định dạng NMEA * Múi giờ thay đổi sẽ tạo tập tin khác. * Có thể truyền dữ liệu ghi chép lưu ở bộ nhớ trong vào thẻ hoặc tải vào máy tính dưới dạng tập tin ghi chép.
Xóa dữ liệu ghi chép:	Có thể

• Tính năng tùy chỉnh

Chức năng tùy chỉnh:	17 chức năng
Điều khiển nhanh tùy chỉnh:	Được cung cấp
Chế độ chụp tùy chỉnh:	Đăng ký ở chế độ C1, C2 hoặc C3
Danh mục riêng:	Có thể đăng ký tối đa 5 màn hình
Thông tin bản quyền:	Có thể nhập văn bản và thêm thông tin
Thông tin IPTC:	Có thể thêm

• Cáp nối

Cổng DIGITAL:	SuperSpeed USB (USB 3.0) Giao tiếp máy tính, Bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (Phiên bản 2), kết nối Connect Station CS100
Cổng HDMI OUT mini:	Loại C (tự động chuyển đổi độ phân giải), tương thích CEC
Ngõ vào micro ngoài:	Giắc cắm mini stereo đường kính 3,5 mm Kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1
Cổng cắm tai nghe:	Giắc cắm mini stereo đường kính 3,5 mm
Cổng kết nối điều khiển từ xa:	Dành cho bộ điều khiển từ xa loại N3
Điều khiển từ xa không dây:	Tương thích với Bộ điều khiển từ xa RC-6
Thẻ Eye-Fi:	Có hỗ trợ

• Thiết bị nguồn

Pin:	Pin LP-E6N/LP-E6, số lượng 1 * Có thể sử dụng nguồn điện xoay chiều với phụ kiện kết nối ổ điện gia đình.
Thông tin pin:	Bao gồm Nguồn điện, Mức pin, Tổng số lần chụp, Hiệu suất sạc, Đăng ký pin
Số ảnh có thể chụp:	Chụp qua khung ngắm: Khoảng 900 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), và khoảng 850 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) Chụp Live View: Khoảng 300 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), và khoảng 280 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với Pin LP-E6N sạc đầy.
Thời gian quay phim:	Tổng cộng khoảng 1 giờ 30 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) Tổng cộng khoảng 1 giờ 20 phút ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với Pin LP-E6N sạc đầy, Lấy nét Servo phim tắt và Full HD 29,97p/25,00p/24,00p/23,98p IPB (Tiêu chuẩn).

• Kích thước và trọng lượng

Kích thước (R x C x S):	Khoảng 150,7 x 116,4 x 75,9 mm / 5,93 x 4,58 x 2,99 in.
Trọng lượng:	Khoảng 890 g / 31,39 oz. (Bao gồm pin, thẻ CF, thẻ nhớ SD), Khoảng 800 g / 28,22 oz. (Chỉ thân máy)

• Môi trường vận hành

Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn

• Pin LP-E6N

Loại:	Pin lithium-ion có thể sạc lại
Điện áp định mức:	7,2 V DC
Dung lượng pin:	1865 mAh
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x S):	Khoảng 38,4 x 21,0 x 56,8 mm / 1,51 x 0,83 x 2,24 in.
Trọng lượng:	Khoảng 80g / 2,82 oz. (không bao gồm nắp bảo vệ)

• Sạc pin LC-E6E

Pin tương thích:	Pin LP-E6N/LP-E6
Ổ cắm dây nguồn:	Khoảng 1 m / 3,3 ft.
Thời gian sạc:	Khoảng 2 giờ 30 phút
Đầu vào định mức:	100 - 240 V AC (50/60 Hz)
Đầu ra định mức:	8,4 V DC / 1,2 A
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	5°C - 40°C / 41°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x S):	Khoảng 69,0 x 33,0 x 93,0 mm / 2,7 x 1,3 x 3,7 in.
Trọng lượng:	Khoảng 110 g / 3,9 oz. (không bao gồm dây nguồn)

- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và quy tắc của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước và trọng lượng được liệt kê ở trên dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng riêng của thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là các nhãn hiệu thuộc quyền hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- App Store và macOS là các nhãn hiệu của Apple Inc. đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- CompactFlash là nhãn hiệu của SanDisk Corporation.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu thuộc quyền hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Map Utility sử dụng Google Maps™ để hiển thị hình ảnh và lộ trình đã di chuyển trên bản đồ.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

"This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard."

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh theo yêu cầu.

Phần mềm bên thứ ba

Sản phẩm này có bao gồm phần mềm có nguồn gốc từ bên thứ ba.

- expat.h

Bản quyền (c) 1998, 1999, 2000 Thai Open Source Software Center Ltd

Thông báo này cho phép, không tính phí, mọi cá nhân sở hữu bản sao của phần mềm và các tập tin tài liệu liên quan (gọi chung là "Phần mềm") có toàn quyền và không bị giới hạn trong quyền xử lý Phần mềm, bao gồm nhưng không hạn chế trong phạm vi của các quyền sử dụng, sao chép, sửa đổi, gộp, công bố, phân phát, phát hành bản quyền thứ cấp và/hoặc bán bản sao của Phần mềm, và cho phép các cá nhân sở hữu Phần mềm có quyền như trên dưới các điều kiện sau:

Thông báo bản quyền và thông báo cấp phép này phải được thêm vào trong tất cả bản sao hoặc thành phần quan trọng của Phần mềm.

PHẦN MỀM ĐƯỢC CUNG CẤP NGUYÊN TRẠNG, KHÔNG KÈM BẢO ĐẢM DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO, BIỂU ĐẠT HAY NGÀM CHỈ, BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG HẠN CHẾ Ở, BẢO ĐẢM CÓ THỂ TRAO ĐỔI ĐƯỢC DƯỚI DẠNG HÀNG HÓA, BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH NHẤT ĐỊNH VÀ BẢO ĐẢM KHÔNG VI PHẠM. TÁC GIẢ VÀ CHỦ BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM TRONG BẤT KỲ TRƯỜNG HỢP NÀO CHO BẤT KỲ YÊU CẦU, HƯ HẠI HAY TRÁCH NHIỆM TỒN THẤT KHÁC NÀO, THUỘC HÀNH ĐỘNG TRONG HỢP ĐỒNG, XÂM PHẠM NGOÀI HỢP ĐỒNG, HAY KHÁC, XUẤT PHÁT TỪ HAY LIÊN QUAN ĐẾN PHẦN MỀM HAY VIỆC SỬ DỤNG HOẶC CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ PHẦN MỀM KHÁC.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon. Do đó, bạn nên sử dụng sản phẩm này với các phụ kiện chính hãng.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn như hỏng hóc, cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Vui lòng lưu ý rằng sửa chữa hư hỏng do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng sẽ không được bảo hành sửa chữa, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và chi trả chi phí.



Pin LP-E6N/LP-E6 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hay sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc cho pin hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG. VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

16

Tải ảnh về máy tính / Phần mềm

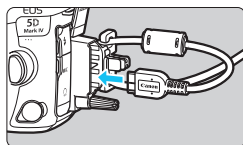
Chương này mô tả về phần mềm EOS, cách tải và cài đặt phần mềm, cách sử dụng Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) và cách truyền ảnh vào máy tính.

Tải ảnh về máy tính

Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính theo hai cách sau.

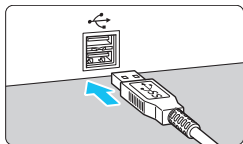
Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính

1 Cài đặt phần mềm (tr.613).



2 Sử dụng cáp nối đi kèm để kết nối máy ảnh với máy tính.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.38). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng <SS> của đầu cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của dây cáp với cổng USB của máy tính.



3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để truyền ảnh.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.614).

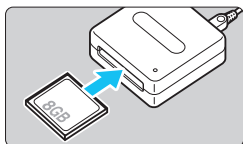
 Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.529). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.38).

Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh xuống máy tính.

1 Cài đặt phần mềm (tr.613).

2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.



3 Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional để tải ảnh.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.614).



Khi tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính.

Giới thiệu về phần mềm

EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay từ máy ảnh tới máy tính. Bạn cũng có thể sử dụng phần mềm này để đặt các thiết lập khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa qua máy tính được kết nối với máy ảnh.

Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh RAW. Bạn có thể xem, chỉnh sửa và in ảnh RAW hay JPEG.

* Một vài chức năng sẽ khác nhau giữa phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 64-bit và phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 32-bit.

Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

● Tải xuống từ trang web của Canon

Bạn có thể tải xuống phần mềm sau và Hướng dẫn sử dụng phần mềm từ trang web của Canon.

www.canon.com/icpd

EOS MOVIE Utility

Phần mềm này cho phép bạn phát lại phim đã quay, phát liên tiếp các tập tin phim đã tách hoặc ghép các tập tin phim đã tách lại thành một tập tin đơn. Bạn cũng có thể chụp khung hình phim và lưu lại thành ảnh.

Cài đặt phần mềm

Tải xuống và cài đặt phần mềm



- Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.
- Ngay cả khi máy tính của bạn đã cài đặt phiên bản phần mềm trước đó, thực hiện theo quy trình dưới đây để cài đặt phần mềm mới nhất. (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.)

1 Tải xuống phần mềm.

- Kết nối internet từ máy tính và truy cập trang web dưới đây của Canon.

▶ www.canon.com/icpd

- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống phần mềm.
- Giải nén phần mềm trên máy tính.

Đối với Windows : Nhấp chuột vào tập tin bộ cài hiển thị để khởi động bộ cài.

Đối với macOS : Một tập tin dmg sẽ được tạo và hiển thị. Thực hiện theo các bước dưới đây để khởi động bộ cài.

(1) Nhấp đúp vào tập tin dmg.

- ▶ Biểu tượng ổ đĩa và tập tin bộ cài sẽ xuất hiện trên màn hình máy tính.

Nếu tập tin bộ cài không xuất hiện, nhấp đúp vào biểu tượng ổ đĩa để hiển thị.

(2) Nhấp đúp vào tập tin bộ cài.

- ▶ Bộ cài sẽ khởi động.

2 Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt phần mềm.

Tải xuống Hướng dẫn sử dụng phần mềm

Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) về máy tính từ trang web của Canon.

- **Trang web tải Hướng dẫn sử dụng phần mềm**
▶ **www.canon.com/icpd**

Chỉ mục

Số

HD 1280x720 (phim).....	356
FHD 1920x1080 (phim)	356
4, 9, 36 hoặc 100 ảnh	407
4K 4096x2160 (phim)	356

A

AF ⁺ (Tự động nhận cảnh thông minh)	96
Adobe RGB.....	219
AEB (Tự động phơi sáng hỗn hợp)	261, 487
AF	101
AF theo nhóm	117
Bố cục lại ảnh	99, 103, 263
Cảm biến AF.....	115
Chế độ chọn vùng AF	106, 108, 111
Chỉ báo thao tác AF	105
Chọn điểm AF.....	109, 507
Chủ thể khó lấy nét.....	161, 328
Công cụ định cấu hình AF	129
Đăng ký điểm AF	504
Điểm AF chấm	31, 111
Điểm AF chớp sáng đỏ.....	105, 153
f/8 AF	115, 116
Khung AF theo vùng.....	107, 113
Lấy nét chữ thập.....	115
Lấy nét chữ thập kép.....	115
Lấy nét tay (MF)	162, 333
Lựa chọn trực tiếp điểm AF	507
Mất nét.....	57, 58, 575
Phương pháp AF.....	320, 386
Số lượng điểm AF	117

Thao tác AF	102, 318
Thông tin khuôn mặt	149
Thông tin màu	149
Tia giúp lấy nét.....	141
Tiếng bíp	76
Tùy chỉnh chức năng AF	138
Tự động chuyển đổi điểm AF... ..	136
Vi chỉnh AF.....	155
AF một chấm điểm	106, 111
AF một điểm	106, 111, 325
AF theo vùng	107, 112
AF theo vùng lớn.....	107, 113
AI FOCUS (Lấy nét tự động AI) ...	104
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục).....	99, 104
Điểm AF chớp sáng đỏ	105, 153
Độ nhạy theo dõi.....	134
Tăng/giảm tốc độ theo dõi	135
Tự động chuyển đổi điểm AF... ..	136
Vị trí ban đầu.....	148
ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)	359
Ảnh	
Bảo vệ ảnh.....	416
Biểu đồ.....	406
Cảnh báo vùng sáng.....	405
Đánh số thứ tự tập tin	225
Đặt lại bằng tay	227
Hiện thị bảng kê	407
Hiện thị điểm AF	406
Hiện thị hai ảnh	412
Hiện thị nhảy ảnh (duyet ảnh).....	408
Kế tiếp (đánh số thứ tự tập tin)	225

Kích thước.....	173, 356, 402
Sao chép	439
Tải (vào máy tính).....	610
Thông tin chụp.....	402
Trình chiếu.....	433
Truyền	470
Tự động đặt lại	226
Tự động phát.....	433
Xem	397
Xem phóng to	410
Xem trên TV	424, 436
Xếp hạng	419
Xóa	443
Xoay ảnh bằng tay	415
Xoay tự động.....	448
Ảnh đen trắng	187, 191
Ảnh ghép phơi sáng	272
Ảnh RAW pixel đôi.....	177
Ảnh sáng tạo.....	185, 267, 272
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	252, 340

A

Âm lượng (phát lại phim)	427
--------------------------------	-----

B

B (Phơi sáng bulb).....	264, 338
Bảng pin.....	530
Bảng điều khiển LCD	
Phát sáng	63
Bảng thiết lập mặc định	77
Bảo vệ ảnh.....	416
Bão hòa màu	190
Biểu đồ.....	305, 348, 406

Biểu tượng	8
Biểu tượng cảnh	307, 343
Biểu tượng cảnh báo	493
Biểu tượng MENU	8
Biểu tượng ☆	8
Bình thường (Chất lượng ghi ảnh)	171
Bíp (Tiếng bip).....	76
Bộ điều hợp AC.....	534
Bộ nối nguồn DC.....	534
Bộ sạc	42
Bộ tiêu âm.....	367
buSY (BẠN).....	176, 207
Bù trừ phơi sáng	259
Bù trừ phơi sáng trong chế độ M với ISO tự động.....	256

C

C (Chụp tùy chỉnh)	524
Cảm biến ánh sáng bên ngoài	29, 446
Cảnh báo an toàn.....	22
Cảnh báo nhiệt độ.....	335, 395
Cảnh báo vùng sáng	405
Cắt ảnh (ảnh)	458
Cân bằng điện tử	85, 86
Cân bằng trắng (WB)	194
Chỉnh	200
Hỗn hợp.....	201
Thiết lập nhiệt độ màu	199
Tùy chỉnh	197
Tự động	196
Cân bằng trắng tùy chỉnh	197
Cấu hình ICC	219

Chạm để chụp.....	331	Chụp Live View ngắt tiếng	316
Chân dung ()	186	Điều khiển nhanh	312
Chân thực ()	187	Hẹn giờ đo sáng	317
Chất lượng ghi ảnh	171, 355	Hiển thị thông tin	305
Cỡ ảnh.....	171, 356	Hiển thị khung lưới.....	313
Chế độ chụp.....	35	Khuôn mặt+Theo dõi	321
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	252, 340	Lấy nét tay (MF).....	333
B (Bulb).....	264, 338	Mô phỏng phơi sáng	315
 (Chụp tùy chỉnh)	524	Số ảnh có thể chụp	303
 (Tự động nhận cảnh thông minh).....	96	Thao tác AF	318
M (Phơi sáng chỉnh tay) ...	255, 344	Tỷ lệ khung ảnh	314
P (Phơi sáng tự động P)...	248, 338	Vùng linh hoạt - 1 điểm	325
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập).....	250, 339	Vùng linh hoạt - đa điểm	323
Chế độ chụp tùy chỉnh	524	Chụp ngắt tiếng	
Chế độ đo sáng.....	257	Chụp liên tục ngắt tiếng	164
Chế độ flash.....	295	Chụp Live View ngắt tiếng	316
Chế độ hoàn toàn tự động	96	Chụp từng ảnh ngắt tiếng	164
Chi tiết nhỏ ()	186	Chụp từng ảnh	163, 164
Chọn bằng tay		Chuyển an toàn	489
(Điểm AF).....	106, 109, 111	Chức năng ghi.....	168
Chọn tự động (AF).....	107, 113	Chức năng khả dụng theo chế độ chụp.....	540
Chụp chống nhấp nháy.....	217	Chức năng tùy chỉnh	484, 486
Chụp HDR.....	267	CLn.....	467
Chụp hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây	166	Công tắc chế độ lấy nét	6, 55, 162, 333
Chụp khung hình.....	431	Công tắc điều khiển từ xa	283
Chụp khung hình 4K	431	Cổng cho máy tính	29, 292
Chụp liên tục	163	Cổng Digital	29, 38, 470, 610
Chụp liên tục tốc độ cao	163	Cổng kết nối điều khiển từ xa.....	283
Chụp liên tục tốc độ thấp	164	Cổng USB	
Chụp Live View	100, 301	(DIGITAL)	29, 38, 470, 610

D	
D+	208
Danh mục riêng	519
Dấu gạch dưới " _ "	219, 224
Dấu xếp hạng	419
Dây đeo	37
DPOF (Định dạng lệnh in kỹ thuật số)	475
Duy trì phơi sáng cho khẩu độ mới	490
Dữ liệu xóa bụi	464

Đ	
Đa chức năng	62, 108, 146, 501, 503
Đặt lại bằng tay	227
Đầu giữ cáp	38
Đèn báo lấy nét	96, 103
Đèn flash (Đèn Speedlite)	289
Bù trừ phơi sáng flash	290, 297
Chức năng tùy chỉnh	298
Đèn flash ngoài	290
Điều khiển flash (thiết lập chức năng)	293
Đồng bộ màn trập (Màn trập 1/2)	297
Flash chỉnh tay	295
Khóa phơi sáng flash	290
Không dây	296
Phơi sáng hỗn hợp flash (FEB)	297
Tốc độ đồng bộ flash	292, 294
Đèn Speedlite gắn ngoài → Đèn flash	
Đen trắng	187, 191

Đèn truy cập	47, 48
Đẹp (chất lượng ghi ảnh)	171
Đề chỉnh sửa (ALL-I)	359
Điểm AF ban đầu	148
Điểm AF chấm	31, 111
Điểm AF theo hướng chụp	146
Điểm lấy nét (điểm AF)	106, 109, 111, 115
Điều chỉnh độ khúc xạ	57
Điều chỉnh tất cả với cùng một lượng (AF)	155
Điều khiển đa năng	61
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	514
Điều khiển tùy chỉnh	499
Định dạng (khởi tạo thẻ)	73
Đo sáng điểm	258
Đo sáng toàn khung ảnh	257
Đo sáng trung bình trung tâm	258
Đo sáng từng phần	257
Độ mịn (Độ sắc nét)	190
Độ nhạy sáng → Tốc độ ISO	
Độ nhạy theo dõi lấy nét	134
Độ phân giải	171, 173
Độ phân giải cao	356, 362
Độ phân giải cao (Full HD) (phim)	337, 356
Độ sắc nét	190
Độ tương phản	190, 203
Đồng bộ màn trập	297
Đồng bộ màn trập 1	297
Đồng bộ màn trập 2	297
Đơn sắc (FEB)	187
Đuôi tập tin	224

E

Err (mã lỗi)	591
exFAT	74, 364

F

FAT32	74, 364
FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash)	297
Firmware	567

G

Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.....	204
Ghi âm/Mức ghi âm	366
Ghi chép.....	242
Dữ liệu ghi chép	243
Ghi riêng	169
Ghi vào nhiều phương tiện	169
Giải quyết vấn đề trực trực.....	572
Giảm nhiễu hạt	
Phơi sáng lâu	206
Tốc độ ISO cao.....	204
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	206
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	204
Giờ mùa hè	53
GPS	231

H

H/H1/H2/H3 (mở rộng)	179, 182, 383
HD (Phim tốc độ khung hình cao).....	362
HDMI.....	38, 424, 436
Chỉ báo kết nối.....	391

Đầu ra	391, 394
Lệnh ghi	371
Mã thời gian	371
HDMI CEC.....	437
Hẹn giờ.....	166
Hẹn giờ đo sáng.....	58, 317, 389
Hẹn giờ ngắt quãng.....	285
Hệ thống video	355, 436, 565
Hiển thị bảng kê	407
Hiển thị hai ảnh	412
Hiển thị một ảnh	398
Hiển thị nhảy ảnh	408
Hiển thị thông tin chụp.....	402
Hiển thị thông tin cơ bản	401
Hiển thị thu nhỏ	407
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	209
Hiệu chỉnh méo hình	211
Hiệu chỉnh nhiễu xạ.....	214
Hiệu chỉnh sắc sai	213
Hiệu ứng bộ lọc (Đơn sắc)	191
Hiệu ứng tông màu (Đơn sắc).....	191
Hốc gắn	30
Hốc gắn chân máy	30
Hỗn hợp	
AEB (Tự động phơi sáng hỗn hợp).....	261, 487
FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash)	297
WB-BKT (Cân bằng trắng hỗn hợp)	201, 487
Hướng dẫn tính năng	94

I

In	
Lập sách ảnh.....	480
Lệnh in (DPOF)	475
IPB (Nhẹ)	359
IPB (Tiêu chuẩn)	359
iTR AF	149

J

JPEG	171, 173
------------	----------

K

Kế tiếp (đánh số thứ tự tập tin).....	225
Kéo	71
Khóa đa chức năng	62, 93
Khóa gương lật.....	280
Khóa lấy nét.....	99, 103
Khóa phơi sáng	263
Khóa phơi sáng flash.....	290
Khoảng thời gian định vị (GPS).....	240
Không gian màu.....	219
Khung AF theo vùng.....	107, 113
Khung lưới.....	84, 313, 386, 400
Khung ngắm	
Cân bằng điện tử.....	86
Điều chỉnh độ khúc xạ	57
Hiển thị thông tin	87
Khung lưới.....	84
Kích thước tập tin	173, 363, 402
Kiểu ảnh.....	185, 189, 192
Kiểu chụp.....	163

L

Làm sạch (cảm biến ảnh).....	461
Làm sạch cảm biến	461
Lập sách ảnh.....	480
Lấy nét → AF	
Lấy nét chữ thập	115
Lấy nét chữ thập đúp	115
Lấy nét Servo	
Lấy nét AI Servo -	
lấy nét liên tục.....	104
Lấy nét Servo	
phim	384, 387, 388
SERVO (LV).....	319
Lấy nét tay (MF)	162, 333
Loa	29, 426
Lọc gió.....	367
LOCK	62, 93
LOG.....	242
Lớn (chất lượng ghi ảnh)	173
Lựa chọn trực tiếp (điểm AF).....	507
LV → Chụp Live View	

M

M (Phơi sáng chỉnh tay)	255, 344
Mã thời gian	369
Màn hình LCD	27
Cân bằng điện tử	85, 89
Điều chỉnh độ sáng	446
Điều khiển nhanh.....	64, 91
Hiển thị menu.....	67, 545
Thiết lập tông màu	447
Xem lại ảnh	397
Mạnh (Độ sắc nét).....	190

Máy ảnh

Giữ máy ảnh.....	57
Hiển thị thiết lập.....	90
Mờ ảnh do rung máy	98, 280
Rung máy	57, 98
Xóa thiết lập máy ảnh để khôi phục mặc định.....	77
Menu	67
Các mục menu bị mờ	69
Danh mục riêng	519
Quy trình thiết lập	68
Thiết lập.....	545
MF (Lấy nét tay).....	162, 333
M-Fn.....	62, 108, 146, 501, 503
Micro	338, 367
Ngoài	367
Tích hợp	338
Micro ngoài	367
Micro tích hợp	338
Motion JPEG ()	359
MOV.....	355
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng	308, 352
Mô phỏng phơi sáng	315
Mở rộng điểm AF	
Chọn bằng tay	106, 111
Chọn bằng tay, các điểm bao quanh.....	107, 112
MP4.....	355
M-RAW (RAW Trung bình).....	171, 173, 174, 175
Múi giờ	51
Mức tăng phơi sáng.....	486

N

Nắp thị kính	37, 282
Nâu đỏ (Đơn sắc).....	191
Ngàm gắn.....	28, 290
Ngày/Giờ	51
Ngăn bụi ảnh	461
Ngôn ngữ	54
Nguồn.....	49
Hiệu suất sạc	530
Mức pin	50, 530
Ổ điện gia đình.....	534
Sạc	42
Số ảnh có thể chụp	50, 173, 303
Thông tin pin	530
Tự động tắt nguồn	49, 76
Người dùng xác định ()	187
Ngưỡng (Độ sắc nét)	190
Nhả màn trập khi không lắp thẻ	46
Nhấn hoàn toàn.....	58
Nhấn nửa chừng	58
Nhấp nháy liên tục.....	405
Nhẹ (IPB).....	359
Nhiệt độ màu	194, 199
Nhỏ (chất lượng ghi ảnh)	173
NTSC.....	356, 436, 565
Nút AF-ON (Bắt đầu AF).....	58, 500, 502
Nút chụp	58
Nút INFO. .	63, 89, 305, 309, 348, 398
Nút xoay	
Nút xoay chính	59
Nút xoay điều khiển nhanh	60
Nút xoay chế độ	35, 59

Nút xoay chính.....	59
Nút xoay điều khiển nhanh	60

O

ONE SHOT (Lấy nét một lần).....	103, 318
---------------------------------	----------

Ô

Ổ điện gia đình	534
Ống kính	27, 55
Công tắc chế độ lấy nét	6, 55, 162, 333
Danh sách nhóm AF	117
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	209
Hiệu chỉnh méo hình	211
Hiệu chỉnh nhiễu xạ	214
Hiệu chỉnh quang sai	209
Hiệu chỉnh sắc sai	213
Nhả khóa	56
Tối ưu hóa ống kính số	212, 454

P

P (Phơi sáng tự động P).....	248, 338
PAL	356, 436, 565
Phát ra tiếng bíp khi chạm	76
Phát sáng (bảng điều khiển LCD)	63
Phát sáng (điểm AF).....	153
Phần mềm	
Hướng dẫn sử dụng	614
Phim.....	337
24,00p	361
Bộ tiêu âm	367

Cắt cảnh đầu tiên và cuối cùng	429
Chất lượng ghi (kích thước)	356
Chỉnh khung.....	372
Chỉnh sửa	429
Chụp khung hình	431
Đầu ra HDMI	391, 394
Điều khiển nhanh	354
Độ nhảy theo dõi lấy nét	
Servo phim.....	388
Ghi âm/Mức ghi âm	366
Hẹn giờ đo sáng	389
Hiện thị khung lưới	386
Hiện thị thông tin	348
Khóa phơi sáng	342
Kích thước tập tin	363, 364
Lấy nét một lần	318
Lấy nét Servo.....	384
Lệnh ghi	371
Lọc gió	367
Mã thời gian	369
Micro	338, 367
Micro gắn ngoài	367
MOV/MP4	355
Nút quay phim.....	338, 390
Phát lại.....	424, 426
Phim time-lapse	375
Phương pháp AF	320, 386
Phương pháp ghi phim	359
Phương pháp nén.....	359
Quay phim HDR.....	373
Quay phim phơi sáng chỉnh tay	344

Quay phim phơi sáng

tự động	338
Tai nghe	367
Thời gian ghi	369
Thời gian quay phim	363
Thời gian thực	369
Thời lượng ghi/xem lại	370
Thời lượng xem lại	370
Thường thức phim	424
Tốc độ khung hình	356, 394
Tốc độ khung hình cao	362
Tốc độ lấy nét trong khi lấy nét Servo phim	387
Tốc độ màn trập	339, 344, 347
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	340
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	339
Xem trên TV	424, 436
Phim HDR	373
Phim time-lapse	375
Phong cảnh ()	186
Phơi sáng bulb Hẹn giờ bulb	265
Phơi sáng chỉnh tay	255, 344
Phơi sáng lâu (bulb)	264
Phơi sáng tự động P	248, 338
Thay đổi chương trình	249
Phụ kiện	3
Pin → Nguồn	

Q

 (Điều khiển nhANH)	64, 312, 354, 422
---	-------------------

R

RAW	171, 173, 175
RAW+JPEG	171, 173

S

Sạc	42
Sao chép ảnh	439
Số ảnh chụp liên tục tối đa ...	173, 176
Số ảnh có thể chụp	50, 173, 303
Số sê-ri	30, 158, 530
Sơ đồ hệ thống	528
S-RAW (RAW nhỏ)	171, 173, 174, 175
sRGB	219

T

Tai nghe	367
Tải ảnh vào máy tính	610
Tạo/chọn thư mục	220, 221
Tăng/giảm tốc độ theo dõi lấy nét	135
Tên bộ phận	28
Tên tập tin	222
Dấu gạch dưới “ _ ”	219, 224
Thang đo sáng	32, 34, 305, 348
Thao tác chạm	70, 413
Thay đổi cỡ ảnh	456
Thẻ	5, 27, 45, 73, 360
Định dạng	73
Định dạng mức thấp	74
Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực	48, 74
Mẫu chống ghi	45
Trình nhắc thẻ	46

Yêu cầu thẻ	360	Thiết lập tự động	
Thẻ CF → Thẻ		(ISO tự động)	181
Thẻ Eye-Fi	536	Tốc độ màn trập tối	
Thẻ nhớ → Thẻ		thiếu cho tự động	184
Thẻ SD, SDHC, SDXC → Thẻ		Tốc độ ISO mở rộng	179, 182, 383
Thiết bị flash không phải của		Tốc độ khung hình	356, 394
Canon	292	Tốc độ khung hình cao	362
Thiết lập chất lượng ảnh		Tối ưu hóa ống kính số	212, 454
với một lần chạm	176, 511	Tông màu	190
Thông số kỹ thuật	592	Trình chiếu	433
Thông tin bản quyền	228	Trợ giúp	94
Thông tin cắt ảnh	495	Trục trục	572
Thông tin IPTC	497	Trung bình (Chất lượng ghi	
Thời gian có thể quay		ảnh)	173
(phim)	351, 363	Trung tính ()	186
Thời gian ghi	369	Tự động ()	186
Thời gian thực	369	Tự động chuyển thẻ	169
Thời gian xem lại ảnh	77	Tự động đặt lại	226
Thu hẹp khẩu độ	254	Tự động lấy nét → AF	
Tiếp điểm kết nối đèn flash ngoài ...	28	Tự động nhận cảnh thông minh	96
Tiêu chuẩn (IPB)	359	Tự động phát	433
Tiêu chuẩn ()	186	Tự động phơi sáng ưu	
Tình huống (Lấy nét AI Servo -		tiên khẩu độ	252, 340
lấy nét liên tục)	129	Tự động phơi sáng ưu	
Tốc độ đồng bộ flash trong		tiên tốc độ màn trập	250, 339
chế độ Av	294	Tự động tắt nguồn	49, 76
Tốc độ ISO	179, 341, 345	Tự động thiết lập thời gian	
Mở rộng ISO	182	(GPS)	241
Mức tăng thiết lập	486	Tự động tối ưu hóa ánh	
Phạm vi cho 	383	sáng	95, 203
Phạm vi chụp ảnh	182	Tự động xoay ảnh dọc	448
Phạm vi cho phim	383	Tv (Tự động phơi sáng ưu	
Phạm vi thiết lập bằng tay	182	tiên tốc độ màn trập)	250, 339
Phạm vi thiết lập tự động	183	Tỷ lệ bit	598

Tỷ lệ khung ảnh	314
Tỷ lệ/vị trí phóng to ban đầu	411

U

Ultra DMA (UDMA)	46, 173
UTC (Giờ quốc tế phối hợp)	232

Ư

Ưu tiên màu trắng (AWB)	196
Ưu tiên môi trường (AWB)	196
Ưu tiên tông màu	208
Ưu tiên tông màu sáng	208

V

Vành đỡ mắt	282
Vi chỉnh	155

X

Xem	397
Xem phóng to	329, 333, 410
Xem trên TV	424, 436
Xem trước độ sâu trường ảnh	254
Xóa ảnh	443
Xóa thiết lập máy ảnh để khôi phục mặc định	77
Chức năng tùy chỉnh	485
Danh mục riêng	522
Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	137
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	516
Điều khiển tùy chỉnh	499
Thiết lập chức năng flash	299
Thiết lập chức năng máy ảnh	77
Xoay (ảnh)	415, 448
Xử lý ảnh RAW	450

Canon

EOS 5D Mark IV

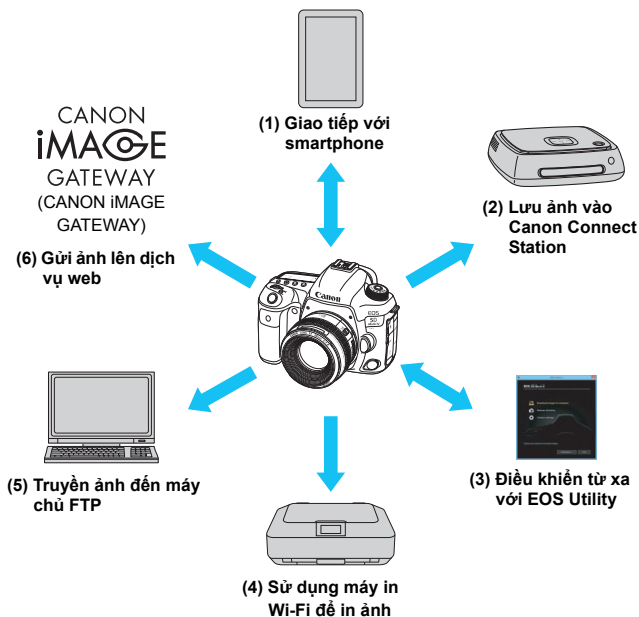
EOS 5D Mark IV (WG)

Hướng dẫn sử dụng cơ bản chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)

Hướng dẫn sử dụng cơ bản chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây) giải thích các quy trình thao tác cơ bản để thực hiện “Giao tiếp với smartphone” và “Lưu ảnh vào Connect Station” một cách dễ dàng.

Giới thiệu

Các tác vụ có thể thực hiện với chức năng Wi-Fi® (Giao tiếp không dây)



(1) **Giao tiếp với smartphone**

Kết nối không dây máy ảnh với smartphone hoặc máy tính bảng và sử dụng ứng dụng chuyên dụng “Camera Connect” để điều khiển máy ảnh từ xa hoặc xem ảnh được lưu trong máy ảnh.

Trong hướng dẫn này và trên màn hình LCD của máy ảnh, “smartphone” chỉ smartphone và máy tính bảng.

Có thể chạm smartphone có chức năng NFC* vào máy ảnh để kết nối.

* Near Field Communication (Giao tiếp trường gần)

(2) **Lưu ảnh vào Connect Station**

Giữ máy ảnh gần với Connect Station (bán riêng) để kết nối và lưu ảnh vào đó.

(3) **Điều khiển từ xa với EOS Utility**

Kết nối không dây máy ảnh với máy tính và điều khiển máy ảnh từ xa thông qua EOS Utility (phần mềm EOS).

(4) **Sử dụng máy in Wi-Fi để in ảnh**

Kết nối không dây máy ảnh với máy in hỗ trợ PictBridge (Mạng LAN không dây) để in ảnh.

(5) **Truyền ảnh đến máy chủ FTP**

Kết nối không dây máy ảnh với máy chủ FTP để truyền ảnh đã chụp.

(6) **Gửi ảnh lên dịch vụ web**

Chia sẻ ảnh với gia đình và bạn bè hoặc chia sẻ ảnh bằng các dịch vụ web khác nhau qua CANON iMAGE GATEWAY, dịch vụ ảnh trực tuyến dành cho người dùng của Canon (yêu cầu đăng ký, miễn phí).



- Cập nhật phiên bản mới nhất cho firmware Connect Station.
- Một số quốc gia và khu vực không hỗ trợ dịch vụ web CANON iMAGE GATEWAY. Để tìm hiểu thông tin về quốc gia và khu vực hỗ trợ, tham khảo trang web của Canon (www.canon.com/cig).

Kết nối dễ dàng qua chức năng NFC

Máy ảnh này có thể được kết nối dễ dàng với smartphone có chức năng NFC hoặc với Connect Station (bán riêng) qua chức năng NFC. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang W-16.

Hướng dẫn sử dụng

Để tìm hiểu cách sử dụng [**Remote control (EOS Utility) (Điều khiển từ xa (EOS Utility))**], [**Print from Wi-Fi printer (In từ máy in Wi-Fi)**], [**Transfer images to FTP server (Truyền ảnh đến máy chủ FTP)**] và [**Upload to Web service (Tải lên dịch vụ web)**] và các quy trình chi tiết, tham khảo tập tin PDF “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)”. Bạn có thể tải tập tin PDF “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” từ trang web của Canon.

- Lưu ý rằng Canon không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hư hại nào do thiết lập chức năng giao tiếp không dây không đúng cách khi dùng máy ảnh. Ngoài ra, Canon không chịu trách nhiệm cho các tổn thất hoặc hỏng hóc do sử dụng máy ảnh.
- Khi sử dụng chức năng giao tiếp không dây, bạn có thể tùy ý thiết lập biện pháp bảo mật phù hợp và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro. Canon không chịu trách nhiệm cho các tổn thất hoặc hỏng hóc do việc truy cập trái phép hoặc các lỗ hổng bảo mật khác.

Nội dung

Giới thiệu

W-2

Các tác vụ có thể thực hiện với chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây) W-2

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn W-6

1 Chuẩn bị và thao tác cơ bản

W-7

Đăng ký tên..... W-8

Thiết lập và thao tác cơ bản W-11

Chức năng NFC..... W-16

Chuẩn bị cho smartphone..... W-18

2 Kết nối dễ dàng với smartphone

W-19

Phương pháp kết nối W-20

Kết nối với smartphone có chức năng NFC..... W-21

Kết nối với **[Easy connection (Kết nối dễ dàng)]**..... W-24

Sử dụng smartphone để thao tác với máy ảnh..... W-28

Gửi ảnh đến smartphone W-31

Chỉ định ảnh có thể xem W-38

Kết nối lại W-42

3 Kết nối dễ dàng với Connect Station

W-43

Lưu ảnh..... W-44

Những điều cần chú ý khi sử dụng Wi-Fi (Mạng LAN không dây) ... W-46

Chỉ mục..... W-48

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Trong hướng dẫn này, thuật ngữ “không dây” và “mạng LAN không dây” là thuật ngữ chung chỉ Wi-Fi và các chức năng giao tiếp không dây cơ bản của Canon.

Thuật ngữ “điểm truy cập” chỉ cổng mạng LAN không dây (điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc bộ định tuyến mạng LAN không dây, v.v...) có chức năng chuyển tiếp kết nối mạng LAN không dây.

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

<  > : Biểu thị nút xoay chính.

<  > : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.

<  > : Biểu thị điều khiển đa năng.

<  > : Biểu thị nút thiết lập.

* Ngoài ra, các biểu tượng và ký hiệu sử dụng trên nút máy ảnh và hiển thị trên màn hình LCD cũng được sử dụng trong hướng dẫn này khi đề cập đến các thao tác và chức năng liên quan.

(tr.**): Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.

 : Cảnh báo để tránh các sự cố có khả năng phát sinh trong quá trình thao tác.

 : Thông tin bổ sung.

1

Chuẩn bị và thao tác cơ bản

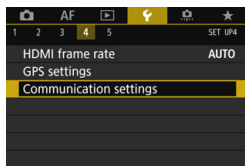
Chương này mô tả cách đăng ký tên (để nhận dạng) cần thiết cho việc sử dụng chức năng không dây của máy ảnh và các thao tác cơ bản.

Đăng ký tên

Trước tiên, đặt tên máy ảnh (để nhận dạng).

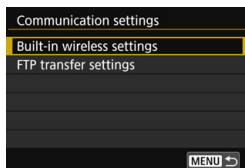
Khi máy ảnh kết nối không dây với thiết bị khác, tên sẽ hiển thị trên thiết bị.

Đảm bảo bạn đã đặt tên thiết bị, nếu không bạn không thể thiết lập chức năng không dây.

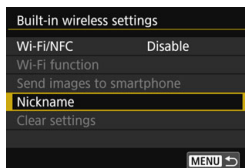


1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

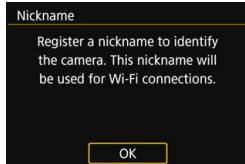
- Nhấn nút <MENU>, chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)] trong tab [4], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].



3 Chọn [Nickname (Tên)].

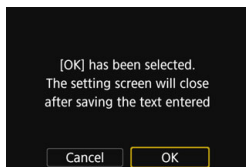


- ▶ Khi chọn thiết lập này lần đầu tiên, màn hình đăng ký tên thiết bị sẽ hiển thị. Nhấn <SET> và tiếp tục đến bước 4.



4 Nhập tên.

- Để tìm hiểu hướng dẫn về cách nhập ký tự, tham khảo trang tiếp theo.
- Nếu sử dụng tên mặc định (tên máy ảnh), chuyển sang bước 5.
- Nếu không, nhập bất kỳ ký tự nào với độ dài từ 1 đến 10 ký tự.



5 Thoát thiết lập.

- Khi hoàn tất quá trình nhập tên, nhấn nút **<MENU>**.
- Chọn **[OK]** trên hộp thoại xác nhận và nhấn **<SET>** để quay trở về màn hình menu.



Do tên là thiết lập không dây bắt buộc, bạn không thể xóa tất cả các ký tự.

Thao tác với bàn phím ảo



• Thay đổi vùng nhập

Nhấn nút <Q> để chuyển giữa vùng nhập trên cùng và dưới cùng.

• Di chuyển con trỏ

Sử dụng <⌂> hoặc <⌘> trong vùng trên cùng để di chuyển con trỏ.

• Nhập văn bản

Trong vùng dưới cùng, sử dụng <⌂> hoặc <⌘> để chọn ký tự, rồi nhấn <SET> để nhập.

Bạn có thể kiểm tra số ký tự đã nhập và số ký tự còn có thể nhập thông qua chỉ số [*/] ở phía trên bên phải màn hình.

• Thay đổi chế độ nhập*

Chọn [Aa=1@] ở góc dưới cùng bên phải của vùng nhập dưới cùng. Mỗi lần bạn nhấn <SET>, chế độ nhập sẽ thay đổi như sau: Chữ thường → Số / Ký hiệu 1 → Số / Ký hiệu 2 → Chữ hoa.

* Khi đặt [Touch control: Disable (Điều khiển cảm ứng: Tắt)], tất cả các ký tự có thể nhập sẽ hiển thị trên màn hình.

• Xóa ký tự

Nhấn nút <⌫> để xóa một ký tự.

• Kết thúc nhập văn bản

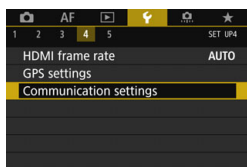
Nhấn nút <MENU> để xác nhận nội dung đã nhập và thoát. Khi hộp thoại xác nhận hiển thị, chọn [OK] để thoát.

• Hủy bỏ nhập văn bản

Nhấn nút <INFO> để hủy nhập văn bản và thoát. Khi hộp thoại xác nhận hiển thị, chọn [OK] để thoát.

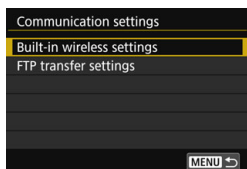
Thiết lập và thao tác cơ bản

Chương này hướng dẫn thao tác cơ bản để sử dụng chức năng không dây của máy ảnh. Thực hiện theo quy trình dưới đây.

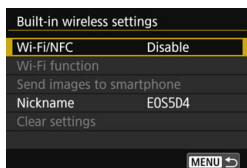


1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

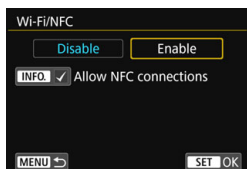
- Nhấn nút <MENU>, chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)] trong tab [4], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].



3 Chọn [Wi-Fi/NFC].

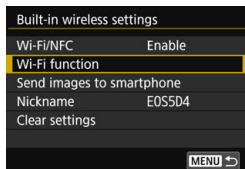


4 Chọn [Enable (Bật)].

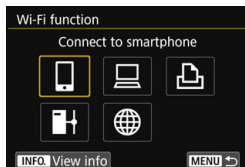
- Khi chưa đăng ký tên (để nhận dạng), màn hình đăng ký sẽ hiển thị. Tham khảo trang W-8 để đăng ký tên thiết bị.
- ▶ [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)] giờ đây đã có thể chọn.



Bạn cũng có thể thao tác các chức năng không dây bằng cách chạm vào màn hình của máy ảnh.



5 Chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)].

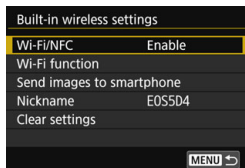


6 Chọn chức năng Wi-Fi để kết nối.

- Sử dụng <⌚> hoặc <⚙️> để chọn một mục, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Khi chưa đăng ký thiết lập kết nối, màn hình đăng ký sẽ hiển thị.
- ▶ Khi đã đăng ký thiết lập kết nối, màn hình kết nối lại sẽ hiển thị (tr.W-42).

- Khi sử dụng chức năng NFC, tham khảo trang W-16.

Màn hình [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)]



Màn hình [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)] hiển thị ở bước 5 là màn hình chính để thiết lập chức năng không dây.

- Chọn một mục và nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập, rồi chỉ định thiết lập.
- Trên màn hình [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)], bạn có thể thiết lập các mục sau đây:

[Wi-Fi/NFC]

Đặt chức năng không dây thành **[Enable (Bật)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
 Bạn cũng có thể đặt bật hoặc tắt chức năng NFC.

- Đặt thành **[Enable (Bật)]** để bật lựa chọn **[Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)]**, **[Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)]** và **[Clear settings (Xóa thiết lập)]**.
- Ở những nơi không được phép sử dụng các thiết bị điện tử và thiết bị không dây, như trên máy bay hoặc trong bệnh viện, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.

[Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)]

Các chức năng Wi-Fi sau đây khả dụng:

- Kết nối với smartphone
- Điều khiển từ xa (EOS Utility)
- In từ máy in Wi-Fi
- Truyền ảnh đến máy chủ FTP
- Tải lên dịch vụ web

[Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)]

Khi đã kết nối máy ảnh với smartphone, sử dụng chức năng này để gửi ảnh lưu trong máy ảnh đến smartphone.

[Nickname (Tên)]

Đăng ký hoặc thay đổi tên.

[Clear settings (Xóa thiết lập)]

Xóa tất cả thiết lập giao tiếp không dây tích hợp.



- Khi đặt ảnh ghép phơi sáng hoặc phim time-lapse, bạn không thể chọn [**4: Communication settings (Thiết lập giao tiếp)**].

Những lưu ý khi kết nối bằng cáp nối

- Trong khi kết nối mạng LAN không dây, bạn không thể sử dụng máy ảnh bằng cách kết nối máy ảnh với Connect Station, máy tính, bộ truyền dữ liệu không dây hay thiết bị khác qua cáp. Ngắt kết nối trước khi kết nối cáp.
- Khi máy ảnh đang kết nối với Connect Station, máy tính, bộ truyền dữ liệu không dây hoặc thiết bị khác qua cáp, bạn không thể chọn [**Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)**]. Ngắt kết nối cáp trước khi thay đổi thiết lập.

Thẻ

- Không thể kết nối không dây máy ảnh với [] và [] nếu không lắp thẻ có chứa ảnh chụp.

Sử dụng máy ảnh với kết nối không dây đã thiết lập

- Khi bạn muốn ưu tiên kết nối không dây, tránh thao tác công tắc nguồn, nắp khe cắm thẻ, nắp ngăn chứa pin hay các bộ phận khác. Nếu không, kết nối không dây có thể bị ngắt.

Sử dụng thẻ Eye-Fi

- Khi đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], tính năng truyền ảnh bằng thẻ Eye-Fi sẽ bị tắt.

Trạng thái kết nối không dây

Sử dụng bảng điều khiển LCD và màn hình LCD của máy ảnh để kiểm tra trạng thái kết nối không dây.

Màn hình LCD

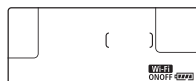
Màn hình điều khiển nhanh



Màn hình hiển thị thông tin trong khi phát lại



Bảng điều khiển LCD



Chức năng Wi-Fi

Trạng thái kết nối		Màn hình LCD		Bảng điều khiển LCD
		Chức năng Wi-Fi	Cường độ tín hiệu không dây	Chức năng Wi-Fi
Không kết nối	Wi-Fi/NFC: Tắt	(Wi-Fi OFF)	Off (Tắt)	Wi-Fi OFF
	Wi-Fi/NFC: Bật	(Wi-Fi OFF)		
Đang kết nối		(Wi-Fi) (Nhấp nháy)	Full signal	Wi-Fi ON (Nhấp nháy)
Đã kết nối		(Wi-Fi)	Full signal	Wi-Fi ON
Đang gửi dữ liệu		(Wi-Fi) (↔)	Full signal	Wi-Fi ON
Lỗi kết nối		(Wi-Fi) (Nhấp nháy)	No signal	Wi-Fi ON (Nhấp nháy)
Kết nối với máy chủ FTP bị dừng		(Wi-Fi)	Off (Tắt)	Wi-Fi ON

* Full signal cũng hiển thị trên màn hình gửi ảnh.

* Full signal không hiển thị khi máy ảnh được kết nối với [Easy connection (Kết nối dễ dàng)] hay [Camera access point mode (Chế độ điểm truy cập máy ảnh)].

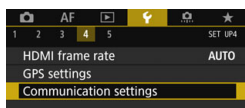
* Tham khảo Hướng dẫn sử dụng máy ảnh để tìm hiểu thêm về màn hình hiển thị trong khi chụp Live View.

Chức năng NFC

Sử dụng Connect Station hoặc smartphone có chức năng NFC sẽ cho phép bạn thực hiện các thao tác sau:

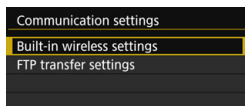
- Chạm smartphone vào máy ảnh để dễ dàng kết nối không dây (tr.W-21).
- Khi xem lại ảnh trên máy ảnh, chạm smartphone vào máy ảnh để gửi ảnh đã chụp đến smartphone (tr.W-31).
- Giữ máy ảnh gần Connect Station (bán riêng) để dễ dàng kết nối không dây (tr.W-44).

Khi sử dụng chức năng NFC, thực hiện theo các bước dưới đây để đặt thiết lập NFC của máy ảnh.

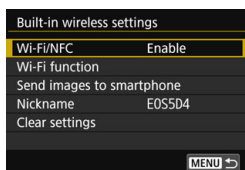


1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [4], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].

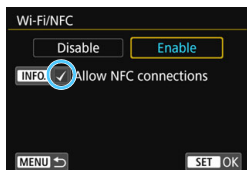


3 Chọn [Wi-Fi/NFC].



NFC là gì?

NFC (Near Field Communication - Giao tiếp trường gần) là chức năng trao đổi thông tin đơn giản bằng cách đưa hai thiết bị có chức năng NFC đến gần nhau. Máy ảnh này sử dụng chức năng NFC để trao đổi dữ liệu kết nối không dây.



4 Thêm dấu [✓] vào tùy chọn [Allow NFC connections (Cho phép kết nối NFC)].

- Hiện thị khi [Wi-Fi/NFC] được đặt thành [Enable (Bật)].
- Nhấn nút <INFO.> để thêm hoặc xóa dấu [✓]. Thêm [✓], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Khi chưa đăng ký tên (để nhận dạng), màn hình đăng ký sẽ hiển thị (tr.W-8).

Khi thiết lập giao tiếp không dây qua chức năng NFC, tham khảo các trang sau đây.

Kết nối không dây với smartphone: trang W-21*

Gửi ảnh đến smartphone: trang W-31*

Kết nối với Connect Station: trang W-44

* Khi kết nối với smartphone, tham khảo thêm các trang W-18 và W-20.



Những lưu ý khi sử dụng chức năng NFC

- Máy ảnh này không thể kết nối với các thiết bị có NFC khác, ví dụ như máy in, thông qua chức năng NFC.
- Không thể sử dụng chức năng NFC để thiết lập kết nối khi đang chụp ảnh, khi không có thẻ, hay khi máy ảnh đang kết nối với một thiết bị khác qua cáp nối.
- Để kết nối máy ảnh với smartphone có chức năng NFC, cần bật chức năng Wi-Fi và NFC của smartphone.



Có thể thiết lập kết nối ngay cả khi máy ảnh đang ở trạng thái tự động tắt nguồn. Tuy nhiên, nếu không thể thiết lập kết nối, hủy chế độ tự động tắt nguồn, rồi thiết lập kết nối.

Chuẩn bị cho smartphone

Để sử dụng [] (Kết nối với smartphone), smartphone cần phải cài đặt hệ điều hành iOS hoặc Android. Ngoài ra, smartphone cần cài đặt ứng dụng chuyên dụng Camera Connect (miễn phí).

- Tải xuống ứng dụng Camera Connect từ App Store hoặc Google Play.
- Để tìm hiểu về các phiên bản hệ điều hành được Camera Connect hỗ trợ, tham khảo trang web tải ứng dụng Camera Connect.
- Khi chạm smartphone có chức năng NFC nhưng chưa cài đặt Camera Connect vào máy ảnh, màn hình tải xuống ứng dụng Camera Connect sẽ hiển thị trên smartphone.
- Giao diện hoặc chức năng của máy ảnh và Camera Connect sẽ thay đổi do cập nhật firmware trong máy ảnh hoặc cập nhật các ứng dụng Camera Connect, iOS, Android, v.v... Trong trường hợp này, đặc tính của máy ảnh hoặc Camera Connect có thể khác với màn hình mẫu hoặc hướng dẫn thao tác trong sách hướng dẫn này.



Kết nối dễ dàng với smartphone

Giao tiếp với smartphone cho phép bạn thực hiện các thao tác sau:

- Xem ảnh lưu trong máy ảnh trên smartphone hoặc lưu ảnh đã xem vào smartphone.
- Sử dụng smartphone để thao tác chụp ảnh với máy ảnh hoặc thay đổi thiết lập máy ảnh.
- Gửi ảnh từ máy ảnh đến smartphone.

Phần này hướng dẫn cách kết nối trực tiếp máy ảnh với smartphone qua Wi-Fi.

- Cài đặt Camera Connect lên smartphone trước khi thiết lập kết nối (tr.W-18).
- Để tìm hiểu về quy trình gửi ảnh tới smartphone có chức năng NFC, tham khảo trang W-31.

Phương pháp kết nối

- **Nếu smartphone có chức năng NFC:** Tham khảo trang W-21. Bạn có thể dễ dàng thiết lập kết nối thông qua chức năng NFC.
- **Nếu smartphone không có chức năng NFC,** tham khảo trang W-24. Cài đặt kết nối bằng cách chọn [**Easy connection (Kết nối dễ dàng)**].

Smartphone gắn dấu **N** là loại có chức năng NFC. Một số smartphone không gắn dấu **N** ngay cả khi có chức năng NFC; nếu bạn không biết smartphone của mình có chức năng NFC hay không, vui lòng liên hệ nhà sản xuất smartphone.



Có thể không thiết lập được kết nối với chức năng NFC ngay cả khi smartphone có chức năng NFC.



Smartphone có chức năng NFC cũng có thể được kết nối bằng cách chọn [**Easy connection (Kết nối dễ dàng)**] hoặc [**Select a network (Chọn mạng)**].

Kết nối với smartphone có chức năng NFC

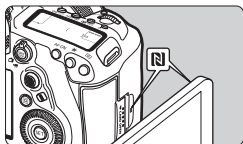
Có thể chạm smartphone có chức năng NFC vào máy ảnh để kết nối. Quy trình thao tác như dưới đây.

(1) Bật máy ảnh và smartphone.

(2) Bật chức năng NFC trên máy ảnh và smartphone.

(3) Chạm smartphone vào máy ảnh để hai thiết bị tiếp xúc với nhau.

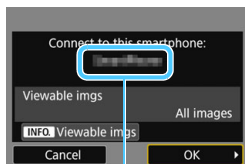
- Để tìm hiểu về thiết lập NFC của máy ảnh, tham khảo trang W-16.
- Để tìm hiểu về thiết lập Wi-Fi, NFC và vị trí ăng-ten NFC của smartphone, tham khảo hướng dẫn sử dụng smartphone.



1 Bật chức năng NFC trên máy ảnh và smartphone (tr.W-16).

2 Chạm smartphone vào máy ảnh.

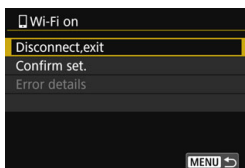
- Nếu trang web tải Camera Connect hiển thị trên smartphone, cài đặt Camera Connect (tr.W-18).
 - Nếu đang xem lại ảnh trên máy ảnh, nhấn phím <▶> để thoát chế độ xem lại.
 - Chạm dấu **N** trên smartphone và máy ảnh vào nhau.
 - **Khi thông báo biểu thị kết nối đang được thiết lập hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh**, di chuyển smartphone ra xa máy ảnh.
- ▶ Camera Connect khởi động trên smartphone và thiết lập kết nối.



Tên thiết bị đã đặt trên
Camera Connect

3 Kết nối với máy ảnh.

- Khi kết nối được thiết lập, màn hình bên trái sẽ hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh. Khi kết nối với cùng một smartphone, màn hình sẽ không hiển thị lại.
- Để chỉ định ảnh có thể xem, nhấn nút <INFO>. Tham khảo bước 7 ở trang W-40 để thiết lập.
- Chọn [OK] và nhấn <SET>. Sau khi thông báo hiển thị, màn hình [Wi-Fi on (Wi-Fi bật)] sẽ xuất hiện.



- ▶ Màn hình chính của Camera Connect sẽ hiển thị trên smartphone.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

Quy trình thiết lập kết nối với smartphone đã hoàn tất.

Để tìm hiểu về thao tác sau khi thiết lập kết nối, tham khảo trang W-28.



Bạn có thể kiểm tra hoặc thay đổi tên thiết bị trên màn hình thiết lập của ứng dụng Camera Connect.



- **Nếu cần, tham khảo thêm phần “Những lưu ý khi sử dụng chức năng NFC” (tr.W-17).**
- Khi chạm smartphone vào máy ảnh, cẩn thận không để rơi máy ảnh hoặc smartphone.
- Không mạnh tay khi chạm smartphone vào máy ảnh. Làm vậy có thể gây xước máy ảnh hoặc smartphone.
- Chỉ giữ smartphone ở gần đầu có thể không thiết lập được kết nối. Đảm bảo smartphone đã chạm tiếp xúc với đầu.
- Việc nhận diện có thể sẽ khó khăn tùy thuộc vào smartphone. Chạm từ từ trong khi thay đổi vị trí hoặc xoay ngang.
- Cách thức bạn chạm có thể làm khởi động ứng dụng khác trên smartphone. Kiểm tra vị trí của đầu  rồi chạm lại.
- Khi chạm smartphone vào máy ảnh, không đặt bất cứ vật gì ở giữa máy ảnh và smartphone. Ngoài ra, khi để máy ảnh hoặc smartphone trong bao, giao tiếp qua chức năng NFC có thể sẽ không thực hiện được.



- Không thể kết nối máy ảnh với hai hay nhiều smartphone cùng lúc.
- Theo mặc định, thiết lập kết nối qua chức năng NFC được lưu thành thiết lập thứ tư (thiết lập dành riêng cho kết nối NFC) dưới tên **[SET4(NFC)]**. Khi kết nối máy ảnh với smartphone khác qua NFC, **[SET4(NFC)]** sẽ bị ghi đè.
- Khi đã kết nối, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh sẽ không hoạt động.

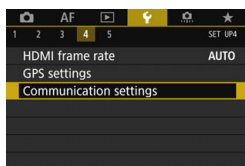
Kết nối với [Easy connection (Kết nối dễ dàng)]

Có thể kết nối trực tiếp máy ảnh với smartphone qua mạng Wi-Fi. Smartphone cần được thao tác để thiết lập kết nối. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng smartphone.

Thao tác trên smartphone-1

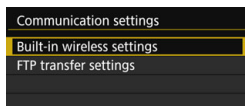
- 1 Cài đặt Camera Connect lên smartphone (tr.W-18).

Thao tác trên máy ảnh-1

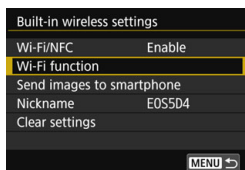


- 2 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [4], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

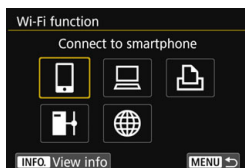


- 3 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].

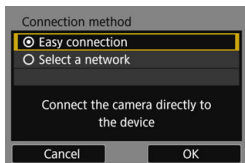


- 4 Chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)].

- Đặt [Wi-Fi/NFC] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)] (tr.W-12).
- Nếu màn hình đặt tên thiết bị (để nhận dạng) hiển thị, đăng ký tên (tr.W-8).



- 5 Chọn [☎] (Kết nối với smartphone).



6 Chọn [Easy connection (Kết nối dễ dàng)].

- Chọn [OK] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.

Thao tác trên smartphone-2

Màn hình smartphone (ví dụ)

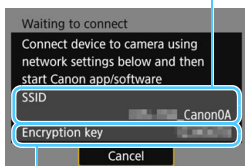


7 Thao tác smartphone và kết nối với máy ảnh.

- Kích hoạt chức năng Wi-Fi của smartphone, rồi chọn SSID (tên mạng) hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.
- Nhập mật khẩu là khóa mã hóa hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.

Màn hình máy ảnh

SSID (tên mạng)



Khóa mã hóa (mật khẩu)



Khi kết nối bằng cách chọn [Easy connection (Kết nối dễ dàng)], “_Canon0A” hiển thị ở phần đuôi SSID.

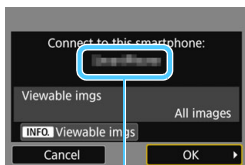


8 Khởi động Camera Connect trên smartphone.

- Khi màn hình **[Waiting to connect (Đang chờ kết nối)]** hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh, khởi động Camera Connect trên smartphone.

9 Chọn máy ảnh để kết nối trên smartphone.

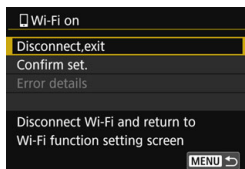
Thao tác trên máy ảnh-2



Tên thiết bị đã đặt trên
Camera Connect

10 Kết nối với máy ảnh.

- Khi kết nối được thiết lập, màn hình bên trái sẽ hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.
- Để chỉ định ảnh có thể xem, nhấn nút <INFO>. Tham khảo bước 7 ở trang W-40 để thiết lập.
- Chọn [OK] và nhấn <SET>. Sau khi thông báo hiển thị, màn hình [Wi-Fi on (Wi-Fi bật)] sẽ xuất hiện.



- ▶ Màn hình chính của Camera Connect sẽ hiển thị trên smartphone.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

Quy trình thiết lập kết nối với smartphone đã hoàn tất.

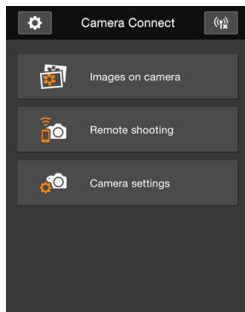


- Bạn có thể kiểm tra hoặc thay đổi tên thiết bị trên màn hình thiết lập của ứng dụng Camera Connect.
- Khi đã kết nối, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh sẽ không hoạt động.

Sử dụng smartphone để thao tác với máy ảnh

Bạn có thể sử dụng smartphone có cài đặt ứng dụng Camera Connect để xem ảnh lưu trữ trong máy ảnh và chụp từ xa, v.v...

Màn hình chủ của ứng dụng Camera Connect



Chức năng chính của Camera Connect được mô tả dưới đây. Chạm vào màn hình để tìm hiểu các quy trình thao tác.

[Images on camera]

- Có thể xem ảnh lưu trong máy ảnh.
- Có thể lưu ảnh trong máy ảnh vào smartphone.
- Có thể thực hiện các thao tác như xóa ảnh lưu trên máy ảnh.

[Remote shooting]

- Có thể xem ảnh Live View của máy ảnh bằng smartphone.
- Có thể chụp bằng thao tác từ xa.

[Camera settings]

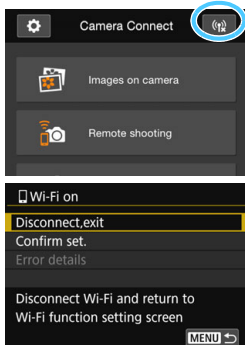
- Có thể thay đổi các thiết lập của máy ảnh.

⚙️ (Nút thiết lập)

- Sử dụng nút này để truy cập các thiết lập khác nhau cho Camera Connect.

Ngắt kết nối

Để ngắt kết nối, thực hiện một trong hai thao tác sau.



Trên màn hình **Camera Connect** của smartphone, chạm vào [()].

Trên màn hình [() **Wi-Fi on** (() **Wi-Fi bật**)] của máy ảnh, chọn [**Disconnect,exit** (Ngắt kết nối,thoát)].

- Nếu màn hình [() **Wi-Fi on** (() **Wi-Fi bật**)] không hiển thị, chọn tab [() **4**] → [**Communication settings** (Thiết lập giao tiếp)] → [**Built-in wireless settings** (Thiết lập không dây tích hợp)] → [**Wi-Fi function** (Chức năng Wi-Fi)].
- Chọn [**Disconnect,exit** (Ngắt kết nối,thoát)], rồi chọn [**OK**] trên hộp thoại xác nhận để ngắt kết nối.



- Nếu kết nối không dây bị ngắt khi đang quay phim bằng điều khiển từ xa, máy ảnh sẽ phản hồi như sau:
 - Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[icon]>, phim tiếp tục quay.
 - Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[icon]>, phim dừng quay.
- Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[icon]> và chế độ phim được đặt bằng cách thao tác Camera Connect, bạn không thể quay bằng cách thao tác máy ảnh.
- Khi đã kết nối, một số mục menu sẽ không khả dụng.
- Trong chế độ chụp từ xa, tốc độ AF có thể trở nên chậm hơn.
- Tùy thuộc vào trạng thái kết nối, hiển thị ảnh hoặc nhả màn trập có thể bị trễ.
- Khi lưu ảnh vào smartphone, bạn không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn nút chụp của máy ảnh. Ngoài ra, màn hình LCD của máy ảnh có thể sẽ tắt.
- Ngay cả khi phim định dạng MOV hiển thị trong danh sách, bạn cũng không thể lưu vào smartphone.



- Kết nối không dây sẽ dừng nếu bạn đặt nguồn máy ảnh thành <OFF> hoặc mở nắp khe cắm thẻ hay nắp ngăn chứa pin.
- Ảnh RAW sẽ được lưu vào smartphone dưới định dạng JPEG.
- Khi đã kết nối, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh sẽ không hoạt động.
- Khi đã kết nối, bạn nên tắt chức năng tiết kiệm pin của smartphone.

Gửi ảnh đến smartphone

Thao tác máy ảnh để gửi ảnh đến smartphone. Bạn có thể gửi theo ba phương pháp sau đây:

- (1) Trong khi xem lại ảnh, sử dụng chức năng NFC để kết nối với smartphone.
- (2) Khi đang kết nối không dây, chọn [**Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)**] từ menu máy ảnh (tr.W-32).
- (3) Khi đang kết nối không dây, gửi ảnh từ màn hình điều khiển nhanh trong khi xem ảnh (tr.W-34).

(1) Kết nối với chức năng NFC

Trong khi xem lại ảnh trên máy ảnh, chạm smartphone có chức năng NFC vào máy ảnh để gửi ảnh.

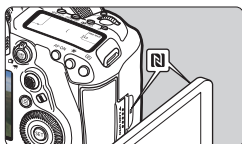
- Nếu đã thiết lập kết nối không dây, ngắt kết nối rồi phát lại ảnh trên máy ảnh.
- Cài đặt trước máy ảnh để cho phép sử dụng chức năng NFC (tr.W-16).
- Để tìm hiểu về thiết lập Wi-Fi, NFC và vị trí ăng-ten NFC của smartphone, tham khảo hướng dẫn sử dụng smartphone.

1 **Bật chức năng NFC trên máy ảnh và smartphone** (tr.W-16).

2 **Xem lại ảnh.**

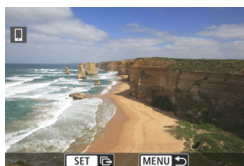
- Nhấn nút <  > để xem lại ảnh.





3 Chạm smartphone vào máy ảnh.

- Chạm dấu **N** trên smartphone và máy ảnh vào nhau.
- Nếu trang web tải Camera Connect hiển thị trên smartphone, cài đặt Camera Connect (tr.W-18).
- Khi thông báo biểu thị kết nối hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh, di chuyển smartphone ra xa máy ảnh.



4 Chọn ảnh để gửi.

- ▶ Chọn và gửi ảnh. Để tìm hiểu về cách gửi ảnh, tham khảo trang W-35.
- Khi chọn hiển thị bằng kê ở bước 2, màn hình chọn nhiều ảnh sẽ xuất hiện. Tham khảo bước 3 ở trang W-36.

(2) Chọn [Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)]

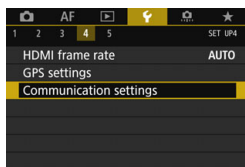
Khi máy ảnh được kết nối không dây với smartphone, chọn **[Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)]** và gửi.

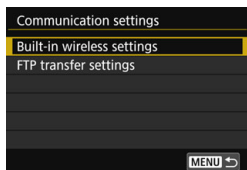
1 Kết nối không dây máy ảnh với smartphone.

- Để tìm hiểu về phương pháp kết nối, tham khảo trang W-19.

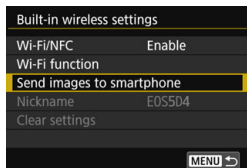
2 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [**4**], chọn **[Communication settings (Thiết lập giao tiếp)]**, rồi nhấn **<SET>**.





3 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].



4 Chọn [Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)].

- Chọn [Send images to smartphone (Gửi ảnh đến smartphone)] trên màn hình [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)], rồi nhấn <SET>.



5 Chọn ảnh để gửi.

- ▶ Chọn và gửi ảnh. Để tìm hiểu về cách gửi ảnh, tham khảo trang W-35.

(3) Điều khiển nhanh trong khi xem

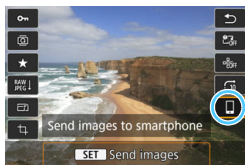
Khi máy ảnh đang kết nối không dây với smartphone, gửi ảnh từ màn hình điều khiển nhanh trong khi xem ảnh.



1 Kết nối không dây máy ảnh với smartphone.

- Để tìm hiểu về phương pháp kết nối, tham khảo trang W-19.

2 Xem lại ảnh và nhấn nút <Q>.



3 Chọn [📱].

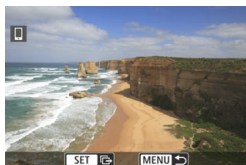


4 Chọn ảnh để gửi.

- ▶ Chọn và gửi ảnh. Để tìm hiểu về cách gửi ảnh, tham khảo trang W-35.

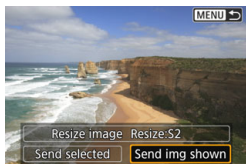
Gửi từng ảnh riêng lẻ

Chọn và gửi từng ảnh riêng lẻ.



1 Chọn ảnh để gửi.

- Chọn ảnh để gửi bằng cách xoay nút xoay <⌂>, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌂> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kẻ.



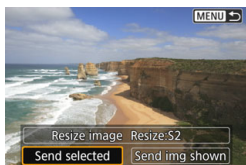
2 Chọn [Send img shown (Gửi ảnh được hiển thị)].

- Để chọn cỡ ảnh sẽ gửi, chọn [Resize image (Thay đổi cỡ ảnh)] và nhấn <SET>.
- Chọn [Send img shown (Gửi ảnh được hiển thị)] và nhấn <SET> để gửi ảnh hiển thị.
- ▶ Khi quá trình truyền hoàn tất, màn hình bước 1 sẽ xuất hiện lại.
- Để gửi ảnh khác, lặp lại các bước 1 và 2.

Gửi nhiều ảnh

Chọn nhiều ảnh và gửi các ảnh cùng lúc.

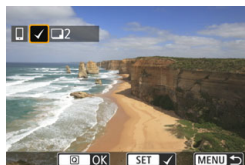
Nếu màn hình chọn nhiều ảnh hiển thị, bắt đầu thao tác từ bước 3.



1 Nhấn <SET>.

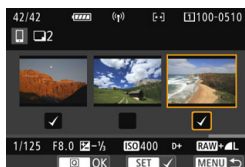
2 Chọn [Send selected (Gửi ảnh đã chọn)].

- Để chọn cỡ ảnh sẽ gửi, chọn [Resize image (Thay đổi cỡ ảnh)] và nhấn <SET>.



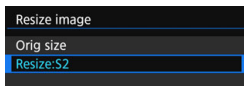
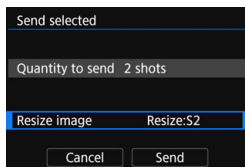
3 Chọn ảnh để gửi.

- Chọn ảnh để gửi bằng cách xoay nút xoay <⌚>, rồi thêm dấu [✓]. Nhấn <SET> để thêm hoặc xóa dấu [✓].
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌚> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh.
- Sau khi chọn ảnh để gửi, nhấn nút <[Q]>.



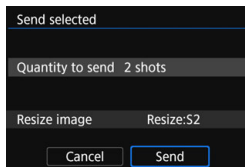
4 Chọn [Resize image (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Thiết lập theo nhu cầu.
- Trên màn hình hiển thị, chọn kích cỡ ảnh, rồi nhấn <SET>.

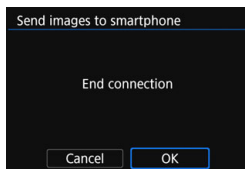


5 Chọn [Send (Gửi)].

- ▶ Ảnh đã chọn sẽ được gửi. Khi quá trình truyền hoàn tất, màn hình bước 1 sẽ xuất hiện lại.
- Để gửi ảnh khác, lặp lại các bước từ 1 đến 5.



Kết thúc truyền ảnh



Để kết thúc truyền ảnh, nhấn nút **<MENU>** trên màn hình truyền ảnh.

- Nếu bạn thiết lập kết nối với chức năng NFC khi đang xem lại một ảnh, màn hình ngắt kết nối sẽ xuất hiện. Chọn **[OK]** để ngắt kết nối.
- Nếu bạn vừa gửi ảnh từ menu hoặc Điều khiển nhanh, màn hình trước đó sẽ xuất hiện lại. Kết nối sẽ không bị ngắt.



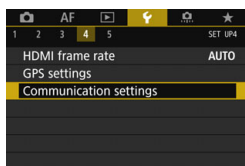
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần “Những lưu ý khi sử dụng chức năng NFC” (tr.W-17).**
- Khi đang truyền ảnh, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn nút chụp của máy ảnh.
- Không thể gửi ảnh qua chức năng NFC khi máy ảnh kết nối không dây với thiết bị khác. Ngoài ra, không thể kết nối máy ảnh với nhiều smartphone cùng lúc.
- Ngay cả khi phim định dạng MOV hiển thị trong danh sách, bạn cũng không thể lưu vào smartphone.



- Bạn có thể hủy truyền ảnh bằng cách chọn **[Cancel (Hủy)]** trong khi truyền.
- Bạn có thể chọn tối đa 50 tập tin cho một lần gửi.
- Khi đã kết nối, bạn nên tắt chức năng tiết kiệm pin của smartphone.
- Thiết lập cho truyền ảnh qua chức năng NFC không được lưu trên máy ảnh.
- Khi thu nhỏ kích cỡ ảnh, tất cả ảnh đã chọn để gửi cùng lúc đều được thu nhỏ. Lưu ý rằng phim hay ảnh có kích cỡ nhỏ hơn cỡ **S2** sẽ không thể thu nhỏ.
- Khi sử dụng pin để cung cấp nguồn cho máy ảnh, đảm bảo pin được sạc đầy.
- Khi đã kết nối, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh sẽ không hoạt động.

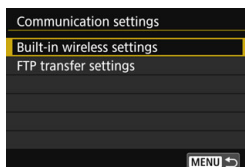
Chỉ định ảnh có thể xem

Bạn có thể chỉ định các ảnh có thể xem được từ smartphone bằng cách thao tác với máy ảnh. Ảnh có thể được chỉ định trong khi thiết lập kết nối hoặc sau khi ngắt kết nối.

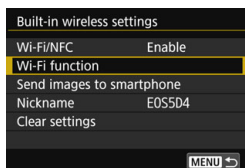


1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [4], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

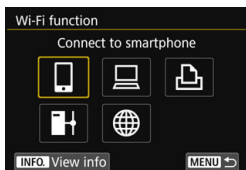


2 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].



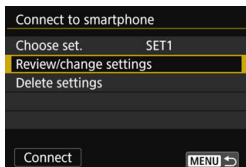
3 Chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)].

- Đặt [Wi-Fi/NFC] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)] (tr.W-12).

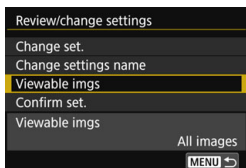


4 Chọn [📱].

- Nếu màn hình [📱Wi-Fi on (📱Wi-Fi bật)] hiển thị, chọn [Disconnect,exit (Ngắt kết nối,thoát)].



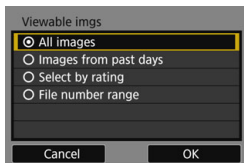
5 Chọn [Review/change settings (Xem lại/thay đổi thiết lập)].



6 Chọn [Viewable imgs (Ảnh có thể xem)].

❗ Nếu đặt [Viewable imgs (Ảnh có thể xem)] thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [All images (Tất cả ảnh)], bạn sẽ không thể thực hiện chụp từ xa.

📱 Khi kết nối lại với smartphone, kiểm tra thiết lập ảnh có thể xem trước khi thiết lập kết nối.



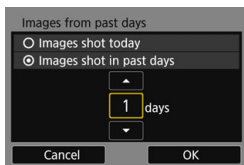
7 Chọn một mục.

- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>** để hiển thị màn hình thiết lập.

[All images (Tất cả ảnh)]

Tất cả ảnh lưu trên thẻ nhớ đều có thể xem được.

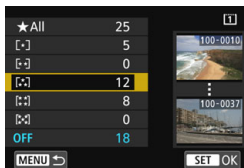
[Images from past days (Ảnh chụp trong quá khứ)]



Chỉ định các ảnh có thể xem được trên cơ sở sở ngày chụp. Có thể chỉ định các ảnh đã chụp tối đa chín ngày trước.

- Chọn mục, rồi nhấn **<SET>**.
- Khi chọn **[Images shot in past days (Ảnh chụp trong quá khứ)]**, các ảnh được chụp trong số ngày được đặt trước ngày hiện tại đều có thể xem được. Khi **<□>** hiển thị số ngày, xoay nút xoay **<⌚>** để chỉ định số ngày, rồi nhấn **<SET>** để hoàn tất lựa chọn.
- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>** để chỉ định số ảnh có thể xem được.

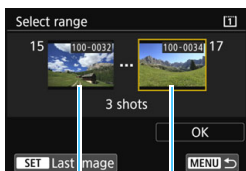
[Select by rating (Chọn theo xếp hạng)]



Chỉ định ảnh có thể xem theo xếp hạng được đính kèm (hoặc không đính kèm) hoặc theo kiểu xếp hạng.

- Chọn xếp hạng, rồi nhấn **<SET>** để chỉ định số ảnh có thể xem được.

[File number range (Phạm vi số thứ tự tập tin)] (Chọn phạm vi)



Ảnh đầu tiên

Ảnh cuối cùng

Chọn ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng từ các ảnh được sắp xếp theo số thứ tự tập tin để chỉ định ảnh có thể xem được.

1 Sử dụng < > hoặc < > để chọn tập tin ảnh đầu tiên.

2 Nhấn < > để hiển thị màn hình chọn ảnh.

Xoay nút xoay < > để chọn ảnh.

Nếu nhấn nút < > và xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.

3 Chọn ảnh và nhấn < > để hoàn tất lựa chọn.

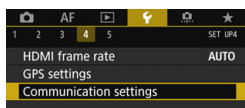
4 Áp dụng quy trình thao tác tương tự để chọn tập tin ảnh cuối cùng có thể xem được.

Chọn một ảnh được chụp sau ảnh đã chọn làm ảnh đầu tiên.

5 Khi ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng được chỉ định, chọn [**OK**], rồi nhấn < >.

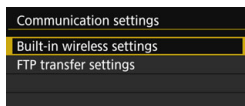
Kết nối lại

Máy ảnh có thể kết nối lại với chức năng Wi-Fi đã được đăng ký thiết lập kết nối.

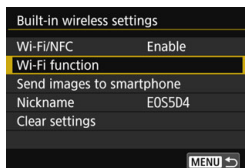


1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [4], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

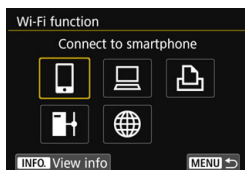


2 Chọn [Built-in wireless settings (Thiết lập không dây tích hợp)].



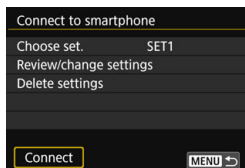
3 Chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)].

- Đặt [Wi-Fi/NFC] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Wi-Fi function (Chức năng Wi-Fi)] (tr.W-12).



4 Chọn chức năng Wi-Fi để kết nối.

- Sử dụng <⬅> hoặc <⬆> để chọn một mục, rồi nhấn <SET>.
- Khi chọn [Globe], màn hình chọn dịch vụ web sẽ hiển thị. Tùy thuộc vào dịch vụ web đã chọn, màn hình [Send to (Gửi đến)] hiển thị. Chọn dịch vụ web để kết nối và điểm đích.



5 Chọn [Connect (Kết nối)].

- Sau khi đăng ký thiết lập đã kết nối đích, chọn [Choose set. (Chọn thiết lập)], chọn kết nối đích, rồi kết nối.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.

3

Kết nối dễ dàng với Connect Station

Connect Station (bán riêng) là thiết bị cho phép bạn nhập ảnh và phim đã chụp/quay để xem trên TV, smartphone, v.v... hoặc chia sẻ trên mạng.

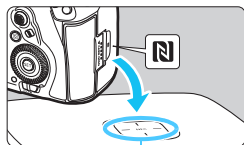
Bạn có thể dễ dàng lưu ảnh và phim vào Connect Station bằng cách giữ máy ảnh gần Connect Station.

Lưu ảnh

Phần này hướng dẫn cách kết nối không dây máy ảnh với Connect Station (bán riêng). Để lưu ảnh theo cách khác, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Connect Station.

- Cài đặt trước máy ảnh để cho phép sử dụng chức năng NFC (tr.W-16).

1 Bật chức năng NFC trên máy ảnh (tr.W-16).



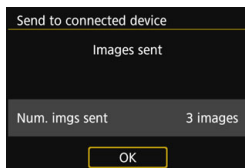
Điểm kết nối NFC

2 Giữ máy ảnh gần Connect Station.

- Bật máy ảnh và Connect Station, rồi giữ dấu **N** của máy ảnh gần điểm kết nối NFC của Connect Station.
- ▶ Khi thông báo kết nối đang được thiết lập hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh và Connect Station hồi đáp, di chuyển máy ảnh ra xa Connect Station.
- Khi kết nối được thiết lập, Connect Station sẽ kiểm tra ảnh trên thẻ nhớ và chỉ lưu những ảnh chưa lưu.

3 Ngắt kết nối.

- Sau khi lưu ảnh, màn hình bên trái sẽ hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh. Nhấn **<SET>** để ngắt kết nối.





- **Nếu cần, tham khảo thêm phần “Những lưu ý khi sử dụng chức năng NFC” (tr.W-17).**
- Khi đang lưu ảnh, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn nút chụp của máy ảnh.
- Không làm rơi máy ảnh hoặc chạm mạnh máy vào Connect Station. Làm như vậy có thể gây hỏng ổ cứng bên trong Connect Station.
- Nếu máy ảnh không được nhận diện ngay, thử giữ máy gần Connect Station hơn và từ từ di chuyển hoặc xoay ngang máy.
- Chỉ giữ máy ảnh ở gần Connect Station có thể không thiết lập được kết nối. Trong trường hợp này, chạm nhẹ Connect Station vào máy ảnh.
- Khi giữ máy ảnh ở gần Connect Station, không đặt bất cứ vật gì ở giữa máy ảnh và Connect Station. Ngoài ra, khi để máy ảnh trong bao, giao tiếp qua chức năng NFC có thể sẽ không thực hiện được.
- Nếu di chuyển máy ảnh ra quá xa Connect Station trong khi lưu ảnh, quá trình lưu có thể sẽ lâu hơn hoặc kết nối sẽ bị ngắt.
- Nếu máy ảnh hết pin trong khi lưu ảnh, quá trình lưu sẽ dừng. Sạc pin, rồi thử lại.
- Không thể phát lại phim 4K với Connect Station.



- Khi tất cả ảnh đã được lưu, máy ảnh sẽ không thực hiện quá trình lưu. Trong trường hợp này, chọn **[OK]** để ngắt kết nối.
- Khi thẻ nhớ lưu một lượng lớn ảnh, Connect Station sẽ mất một khoảng thời gian để kiểm tra và lưu ảnh.
- Khi đang lưu ảnh, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh sẽ không hoạt động.

Những điều cần chú ý khi sử dụng Wi-Fi (Mạng LAN không dây)

■ Quốc gia và khu vực cho phép sử dụng mạng LAN không dây

Một số quốc gia và khu vực hạn chế sử dụng mạng LAN không dây, việc sử dụng trái phép có thể sẽ bị phạt theo quy định của quốc gia và khu vực đó. Để tránh vi phạm các quy định về mạng LAN không dây, truy cập trang web của Canon để tìm hiểu về nơi được phép sử dụng.

Lưu ý rằng Canon không chịu trách nhiệm cho bất kỳ vấn đề phát sinh do sử dụng mạng LAN không dây ở các quốc gia và khu vực khác.

■ Số model

EOS 5D Mark IV (WG): DS126601 (bao gồm model của mô-đun WLAN: ES200)

Complies with
IDA Standards
DB00671

Nhãn hiệu

- Microsoft và Windows là các nhãn hiệu thuộc quyền hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- App Store và macOS là các nhãn hiệu của Apple Inc. đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Logo Wi-Fi CERTIFIED và ký hiệu Wi-Fi Protected Setup là nhãn hiệu của Wi-Fi Alliance.
- WPS sử dụng trên màn hình thiết lập máy ảnh và trong hướng dẫn này là viết tắt của Wi-Fi Protected Setup.
- Dấu N là thương hiệu thuộc quyền hoặc thương hiệu đã đăng ký của NFC Forum, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Chỉ mục

A

Android..... W-18

Ảnh có thể xem..... W-39

B

Bàn phím..... W-10

C

Camera Connect..... W-18, W-28

Cáp W-14

Connect Station..... W-43

Đ

Điều khiển cảm ứng..... W-11

Điều khiển nhanh W-34

G

Giao tiếp với smartphone..... W-19

Gửi ảnh..... W-31

I

iOS..... W-18

K

Kết nối lại W-42

N

NFC..... W-16, W-20, W-21, W-44

Gửi ảnh..... W-31

T

Tên..... W-8

Thao tác từ xa..... W-28

Thẻ Eye-Fi W-14

Thu nhỏ cỡ ảnh..... W-36

X

Xem ảnh..... W-28

Canon